

PHẬT LỊCH 2559

A DI ĐÀ PHÁP KINH



Biên dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
HUYỀN THANH
TỔNG PHƯỚC KHẢI

(Bản cập nhật tháng 6/2015 @ <http://kinhmatgiao.wordpress.com>)

TÍN NGƯỠNG A DI ĐÀ

Theo một số Học Giả cận đại thì **tín ngưỡng A Di Đà** được hình thành từ truyền thuyết huyền thoại của Ấn Độ, vì đặc tính của Đức Phật A Di Đà rất phù hợp với các tính cách của chư Thần:

1_ Trong **Vệ Đà (Veda)** **Varuṇa** là vị thần mặt trời ở Thế Giới **Sukha** tại phương Tây cũng là vị *Thần bất tử*, hay là vị *Thần của ánh sáng và có thọ mệnh vô lượng*

2_ **Viṣṇu** là vị Thần mặt trời ở điểm cao nhất của bầu trời, có một nguồn suối **Cam Lộ (Amṛta)** là thứ rượu **Soma**, khi các vị Thần uống vào đều trở thành bất tử, **Yama** là người đầu tiên sinh vào cõi ấy. Do đó, Viṣṇu được tôn xưng như là vị Thần bất tử và là vị Thần ánh sáng.

Theo một số Kinh Điển của Phật Giáo thì **tín ngưỡng A Di Đà** đã được ẩn tàng trong những tư tưởng:

1_ Đức Phật là bậc có thể giữ được mạng sống lâu dài, hoặc có tuổi thọ vô lượng

.) Kinh **Phật Bát Nê Hoàn**, quyền Thượng ghi nhận rằng:

A Nan bạch Phật: “Con được nghe từ miệng của Đức Phật: *Nếu Tỳ Kheo có bốn Pháp này, tên là **bốn Thần Túc** thời muốn sống đến một kiếp vẫn có thể được. Đức Hạnh của Phật hơn hẳn bốn Thần Túc, vì sao chẳng ở lại hơn một kiếp?*”

Đức Phật bảo A Nan: “Là lỗi của người! Là việc người đã làm! Ta đã ba lần bảo rằng: “*Bên trong cõi **Diêm Phù Lợi** (Jambu-dvīpa) có sự vui thích lớn, nhưng người thẳng thắn lặng yên chẳng đáp lại. Ta thấy người hơn hẳn **Chúng** (Saṃgha), vì sao người đã lắng nghe mà lại để cho **Ma** (Māra) được dịp nhập vào trong bụng của người?!... Nay Ta chẳng thể ở lại, sau ba tháng nữa sẽ **Bát Niết Bàn** (Parinirvāṇa)*”

.) Kinh **Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật** ghi nhận: “Có những Bồ Tát đã chứng được **sáu Thần Thông**. Bằng sức Thần Thông, các vị ấy đã dạo chơi vượt qua cõi Phật này đến cõi Phật khác, mà trong các cõi Phật ấy có tuổi thọ vô lượng”

2_ Nikāya và **A Hàm** ghi nhận: “Khi Ta thanh tịnh, ta thấy Thế Giới thanh tịnh”

3) Kinh **Tăng Chi Bộ I**, chương I, phẩm **Một Pháp**, phần **Niệm Phật** ghi nhận rằng: “Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatthi, rừng Jetavana. Tại đây, Thế Tôn dạy các Tỳ Kheo: Có một Pháp, này các Tỳ Kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, Thắng Trí, giác ngộ, Niết Bàn. Một Pháp ấy là gì? Chính là **niệm Phật**. Chính một Pháp này, này các Tỳ Kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, Thắng Trí, giác ngộ, Niết Bàn....”

.) **KINH TĂNG NHẤT A HÀM**

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là **niệm Phật**.^[2] Hãy khéo tu hành. Hãy quảng bá. Các người sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự thân đạt đến Niết-bàn. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy quảng bá một pháp. Vì vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.
(Phẩm Thập Niệm)

4_ **Cam Lộ** (Amṛta) là một loại ví dụ cho Giáo Pháp **thanh tịnh giải thoát** của Như Lai

.) KINH TĂNG NHẤT A HÀM

Hán Dịch: Tam tạng **Cù-đàm Tăng-già-đề-bà**

Việt dịch: **Thích Đức Thắng** - Hiệu đính & Chú thích: **Tuệ Sỹ**

(PL.2549 - 2005 sửa chữa và bổ sung)

MỘT PHÁP

PHẨM QUẢNG DIỄN

KINH SỐ 1

[554a07] Tôi nghe như vậy:

Một thời đức Phật trú tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu hành một pháp. Hãy quảng bá một pháp. Đã tu hành một pháp rồi, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được **vị cam lồ**, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Đó là **niệm Phật**.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là tu hành niệm Phật, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được **vị cam lồ**, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Gốc rễ của Pháp do Thế Tôn nói.[13] Nguyện xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo sau khi nghe từ Như Lai rồi sẽ thọ trì.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe, và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho các người.”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn.”

Sau khi các Tỳ-kheo thọ giáo rồi, Thế Tôn bảo rằng:

“Tỳ-kheo chánh thân, chánh ý, ngồi bắt chéo chân, buộc niệm ở trước, chuyên tinh niệm Phật, không có niệm tướng nào khác. Quán hình của Như Lai, mắt không hề rời. trong khi mắt không rời, niệm tướng công đức Như Lai.

“Thê của Như Lai được thành tựu từ kim cương, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, đồng mãnh giữa đại chúng. Gương mặt của Như Lai đoan chánh vô song, nhìn không chán mắt. Giới đức thành tựu giống như kim cương không thể phá hoại, trong sạch không tỳ vết cũng như lưu ly. Tam-muội của Như Lai chưa từng sút giảm, đã tĩnh chỉ, vĩnh viễn tịch tĩnh, không có niệm khác. Các thứ tình kiêu mạn, ngang bướng đã vắng im,[14] ý tham dục, tưởng sân hận, tâm ngu hoặc, mạn kết[15] do dự, tất đều tận trừ. Huệ thân của Như Lai, trí không bờ đáy, không bị chướng ngại. [554b01] Thân Như Lai, được thành tựu từ giải thoát, các cõi[16] đã hết, không còn sinh phần để nói ‘Ta sẽ đọa nơi sinh tử.’ Thân Như Lai được vượt qua thành trì của tri kiến, biết căn cơ người khác đáng được độ hay không đáng được độ, chết đây sinh kia, xoay vần qua lại trong ngàn mé sinh tử, có người giải thoát, người không giải thoát; Như Lai thấy đều biết tất cả.

“Đó là tu hành niệm Phật, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều thiện đủ cả, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, liền được thần thông, trừ các loạn tướng, được

quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, luôn phải tư duy không rời niệm Phật, liền sẽ được những thứ công đức thiện này. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

133. Kinh Ưu Ba Ly

“Hay thay Khổ Hạnh! Như vậy mới gọi là đối với Tôn sư làm đúng việc thực hành pháp của một đệ tử. Điều phải làm được thành biện bằng trí tuệ, với quyết định thông minh, với sự trầm tĩnh không sợ hãi, với sự hoàn toàn tự tin tưởng, đạt đến đại biện tài, bắt được ngọn cờ **cam lộ**, ở trong cảnh giới **cam lộ** mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Vì sao như vậy? Vì đã đối với Sa-môn Cù-đàm mà trình bày thân phật là tối thượng để không hành ác nghiệp, không gây ác nghiệp. Khẩu phật không như vậy, ý càng kém hơn, không bằng thân phật, vốn rất lớn lao, rất nặng nề”.

<http://old.quangduc.com/kinhdiem/Trungaham/trungah11-133.html>

206. Kinh Tâm Uế

Cũng vậy, Tỳ-kheo thành tựu, kham nhiệm cho đến mười lăm pháp này, tự thọ, chắc chắn đạt đến tri kiến, đến chánh đẳng giác, đến cửa **cam lộ**, cận trụ Niết-bàn. Ta nói, không có sự kiện không đi đến Niết-bàn.”

<http://old.quangduc.com/kinhdiem/Trungaham/trungah17-206.html>

153. Kinh Man Nhân Đề

Không bệnh, lợi bậc nhất,
Niết-bàn, lạc tối thượng,
Chỉ con đường Bát chánh,
Đến an ổn **cam lộ**

<http://old.quangduc.com/kinhdiem/Trungaham/trungah12-153.html>

204. Kinh LAMA

“Ta đến Ba-la-nại,
Dóng trống **diệu cam lộ**,
Chuyển pháp luân vô thượng
Chưa ai chuyển trong đời”

KINH 1189. PHẠM THIÊN (1)^[39]

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở dưới gốc cây bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiên, tại tụ lạc Uất-bề-la, thành đạo chưa bao lâu.

Bấy giờ, Thế Tôn, một mình yên tĩnh tư duy như vậy:

“Có nhất thừa đạo^[40] có thể làm cho chúng sanh thanh tịnh, thoát mọi ưu bi, diệt trừ khổ não và được pháp chân như^[41]. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn?

“Đó là niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu có người nào không thích bốn Niệm xứ thì sẽ không thích Thánh pháp như^[42]. Không thích Thánh pháp như thì sẽ không thích Thánh đạo như^[43]. Không thích Thánh đạo như thì sẽ không thích **pháp cam lộ**. Không thích **pháp cam lộ** thì sẽ không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

“Nếu người nào thích tu bốn Niệm xứ thì sẽ thích tu Thánh pháp như. Thích tu Thánh pháp như thì sẽ thích Thánh đạo như. Thích Thánh đạo như thì sẽ thích pháp cam lộ. Thích **pháp cam lộ** thì được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

<http://old.quangduc.com/kinhdiem/Tapaham/tap44.htm>

KINH 254. NHỊ-THẬP-ỨC-NHĨ^[64]

Bà-la-môn Lỗ-hê-giá nói:

“Kỳ diệu thay, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên! Tôi hỏi về nghĩa giữ gìn cửa, ngài liền vì tôi nói về nghĩa giữ gìn cửa. Giống như người tìm cỏ thuốc độc mà lại được **cam lộ**; nay tôi cũng như vậy, ôm lòng sân nhuế đến ngồi nơi đây, mà lại được ngài dùng mưa pháp rưới lên thân tôi như **mưa cam lộ**. Bạch Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, tôi đang bận nhiều công việc tại nhà, xin phép ngài tôi cáo từ.”

Tôn giả Ma ha Ca-chiên-diên nói:

“Bà-la-môn, nên biết đúng thời.”

KINH 998. CHO GÌ ĐƯỢC SỨC LỚN^[14]

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp:

Thí ăn được sức lớn,

Thí y được diệu sắc;

Thí xe được an vui,

Thí đèn được mắt sáng;

Lữ quán để tiếp khách^[15],

Gọi là nhất thiết thí.

Đem pháp để dạy người,

Đó là **thí cam lộ**^[16].

Thiên tử này lại nói kệ:

Lâu thấy Bà-la-môn,

Chóng đắc Bát-niết-bàn;

Mọi sợ hãi đều qua,

Thoát hẳn đời ân ái.

Vì Thiên tử này nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ dưới chân Phật, liền biến mất.

KINH 864. SỞ THIỀN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo, với hành, hoặc hình, hay tướng, ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác, có quán có hỷ lạc do viễn ly sanh, chứng và an trụ Sơ thiền; vị ấy không nhớ nghĩ hành như vậy, hình như vậy, tướng như vậy. Nhưng đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vị ấy tư duy như là bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với những pháp này mà sanh tâm nhàm chán, sợ hãi, phòng hộ. Do nhàm chán, xa lìa, phòng hộ, bằng **cửa cam lộ** mà tự làm lợi ích cho mình. Đây là tịch tĩnh, đây là thắng diệu, tức là xả ly tất cả hữu dư^[6], ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

.)**Phật nói Kinh bốn Phẩm Pháp Môn** (Đời Tống_Ngài **Pháp Hiền** dịch) có ghi nhận là:

Khi ấy A Nan bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con nghe Pháp chưa từng có như vậy, được vị **Cam Lộ** (Amṛta), tự cảm thấy rất hạnh phúc vui thích.

Thế Tôn! Kinh này nên dùng tên gọi nào? Chúng con thọ trì như thế nào?”

Đức Phật bảo A Nan: “Kinh này có tên gọi là **bốn Phẩm Pháp Môn**, cũng gọi là **cái gương Pháp** (Pháp Kính: Dharma-darpaṇa), cũng có tên gọi là **cái trống Cam Lộ** (Cam Lộ Cổ: Amṛta-duṇḍubhi), cũng có tên gọi là **nhiều Giới** (Đa Giới: Bahu-dhātu). Danh tự như vậy, ông nên thọ trì”

Bấy giờ Tôn Giả A Nan với các Đại Chúng nghe điều Đức Phật đã nói, đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành

.)**Kinh Pháp Hoa quyển 3, Phẩm Dược Thảo Dụ** thứ năm nói là:

“Ta là đấng Thế-Tôn

Không có ai bằng được

Muốn an ổn chúng sanh

Nên hiện ra trong đời

Vì các đại chúng nói

Pháp cam lồ trong sạch

Pháp đó thuần một vị

Giải thoát Niết-bàn thôi”

(Bản dịch của Thượng Tọa **Thích Trí Tịnh**)

5_ Đức Phật luôn có ba thân là **Pháp Thân** (Dharma-kāya), **Báo Thân** (Sambhoga-kāya), **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya). Trong đó Báo Thân lại được chia ra làm hai loại thân là: **Tự Thọ Dụng Pháp Thân** (Svasaṃbhoda-dharma-kāya: Thân tự thọ dụng niềm vui của Pháp), **Tha Thọ Dụng Pháp Thân** (Parasaṃbhoda-dharma-kāya: Thân ứng hiện 10 Địa để gia trì cho chúng Bồ Tát, giúp cho họ tự Nội Chứng được Pháp Thân) và từ quan điểm Báo Thân này đã xây dựng nên **tín ngưỡng A Di Đà**

Sau này nhằm phổ cập hóa Phật Giáo tới nhiều lớp người khác nhau, nên xây dựng một số tính chất thành các danh hiệu Phật và cảnh giới Cực Lạc.

.)Tính chất bất tử được Phật hóa thành **Cam Lộ Phật** (Amṛta-buddha: vị Phật bất tử)

.)Tính chất vô lượng được Phật hóa thành **Vô Lượng Phật** (Amita-buddha)

.)Tính chất thọ mệnh vô lượng được Phật hóa thành **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha)

.)Tính chất ánh sáng vô lượng được Phật hóa thành **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha)

.)Tính chất trong sạch được Phật hóa thành **Thanh Tịnh Phật** (Vissuddha-buddha).

.)**Niết Bàn** (Nirvāṇa) được biểu thị qua Thế Giới **Cực Lạc** là cảnh giới của những Tâm Thức thanh tịnh giải thoát và là cảnh giới trang nghiêm xinh đẹp, không có các đường ác, an vui, hòa bình, tốt lành, bình đẳng tuyệt đối.

_ Trong thời kỳ phát triển Kinh Điển Đại Thừa tại Ấn Độ thì tín ngưỡng A Di Đà được nhận biết sớm nhất qua bản Kinh **A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni**

(Amṛta-dunḍubhisvara-rāja-dhāraṇī-sūtra) vì đặc trưng của Kinh này là giới thiệu những quan hệ thân thích của Đức **Phật A Di Đà** (Amṛta-buddha) hoàn toàn theo khuôn mẫu quan hệ thân thích của Đức **Phật Thích Ca** (Śākya-muṇi-buddha), vì trong cõi Tịnh Độ ấy có cả Đề Bà Đạt Đa là **Tịch Tĩnh** với Ma Vương **Vô Thắng**.

“Đức Như Lai Ứng Chính Biến Tri có quốc thổ, hiệu là **Thanh Thái**. Đức Thánh Vương cư trú tại cái thành cao rộng mười ngàn do tuần, ở trong tràn đầy giòng Sát Lợi. Đức Phật A Di Đà có cha tên là **Nguyệt Thượng Chuyển Luân Thánh Vương**, mẹ tên là **Thù Thắng Diệu Nhan**, đệ tử phụng sự tên là **Vô Cấu Xung**, đệ tử Trí Tuệ tên là **Hiền Quang**, Thần Túc Tinh Tiến tên là **Đại Hóa**. Lúc bấy giờ Ma Vương tên là **Vô Thắng**, có Đề Bà Đạt Đa tên là **Tịch Tĩnh**. Đức Phật A Di Đà cùng với Đại Tỳ Khru gồm sáu ngàn người.

Nếu có người thọ trì Danh Hiệu của Đức Phật ấy, tâm ý bền chắc, ghi nhớ chẳng quên, mười ngày mười đêm trừ bỏ tán loạn, tinh tiến tu tập **Niệm Phật Tam Muội**, biết Đức Như Lai ấy luôn trụ ở Thế Giới An Lạc, ghi nhớ tương tục đừng để đoạn tuyệt, thọ trì đọc tụng **Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni** này mười ngày mười đêm, sáu Thời chuyên niệm, thọ trì đọc tụng, cúi năm vóc sát đất lễ kính Đức Phật ấy, chính niệm bền chắc đều trừ tán loạn. Nếu có thể khiến Tâm niệm niệm chẳng dứt thì trong mười ngày ắt được nhìn thấy Đức Phật A Di Đà ấy và nhìn thấy Như Lai ở mười phương Thế Giới với cõi cư trú. Chỉ trừ người Độn Căn, chướng nặng... với chút Thời này thì chẳng thể nhìn thấy được. Tất cả việc Thiện thấy đều hồi hướng, nguyện được sinh về Thế Giới An Lạc. Ngay lúc lâm chung thì Đức Phật A Di Đà với các Đại Chúng hiện ra trước mặt người ấy an ủi, xưng thiện, tức thời người đó sinh vui thích, an thành thâm sâu. Dùng nhân duyên ấy, nhớ ước nguyện kia nên tìm được vắng sinh”.

Như vậy Thế Giới này vẫn còn có sự quyền rũ của tội ác và tử thần. Vì lẽ này lý tưởng Tịnh Độ được cải thiện dần dần và trở thành Thế Giới không hề nghe đến tên của ba nẻo ác (Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh) và là Thế Giới không có khổ đau, không có sinh già bệnh chết, luôn được thọ hưởng niềm Phước Lạc vô biên qua các kinh bản **Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh** (Đại Bản A Di Đà Kinh), **Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh**, **Phật Thuyết A Di Đà Tam Gia Tam Phật Tát Lâu Phật Đản Quá Độ Nhân Đạo Kinh**, **Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh**, **Phật Thuyết Đại A Di Đà Kinh**, **Phật Thuyết A Di Đà Kinh** (Tiểu Bản A Di Đà Kinh), **Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh**, **Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh** (Theo một số Học Giả thì Kinh này có nguồn gốc bên ngoài nước Ấn Độ) đồng thời tín ngưỡng A Di Đà còn được minh họa rải rác trong một số Kinh bản Đại Thừa khác.

Hiện nay trong Đại Tạng Kinh ghi nhận Kinh Luận nói về Đức Phật A Di Đà hay Thế Giới Cực Lạc có rất nhiều, khoảng hơn hai trăm Bộ....

Riêng ba bản Kinh **Vô Lượng Thọ Kinh** (Đại Bản A Di Đà Kinh), **A Di Đà Kinh** (Tiểu Bản A Di Đà Kinh) và **Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh** được gọi chung là **ba Kinh Tịnh Độ** đã tạo thành nền tảng hình thành **Tịnh Độ Tông**

Tuy được xuất phát từ Ấn Độ, nhưng **tín ngưỡng A Di Đà** vẫn không được phát triển mạnh mẽ trên đất Ấn và đợi đến khi lưu truyền qua các nước khác thì tín ngưỡng này mới được củng cố lớn mạnh.

Ngày nay tại các nước Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Việt Nam... tín ngưỡng A Di Đà được sự ủng hộ mạnh mẽ. Đại đa số tín đồ Phật Giáo Bắc Truyền luôn giữ vững **niềm tin, thực hành: tụng Kinh, trì Chú, Quán Tưởng, niệm Hồng Danh Phật A Di Đà.....nguyện** được sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhavatī) là một Thế Giới không có khổ đau, không có sinh già bệnh chết và được thọ hưởng niềm Phước Lạc vô biên.

Do các Pháp tu của Phật Giáo Việt Nam thường được bao hàm trong cả ba phương pháp **Thiền, Tịnh, Mật** và **Tín Ngưỡng A Di Đà** thật sự đáp ứng đầy đủ tinh thần trên. Cho nên trong thời gian trước, với ước nguyện góp chút công sức cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam, dưới sự hướng dẫn của Thầy **Thích Quảng Trí**, tôi cố gắng sưu tầm, phiên dịch và ghi chép lại một số Kinh Bản liên quan đến tín ngưỡng A Di Đà trong Mật Giáo và được được ấn hành vào năm 2009.

Nay do sự yêu cầu một bạn đồng tu muốn nắm vững hơn về Pháp tu của Đức Phật A Di Đà, cho nên tôi cố gắng sưu tập thêm một số Tôn Tượng, soạn dịch thêm một số Kinh Bản có liên quan trực tiếp đến Pháp tu này nhằm giúp cho người đọc có thể nghiên cứu dễ dàng hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con cũng xin hồi hướng mọi Công Đức có được đến các Thầy **Thích Quảng Trí, Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ và thúc đẩy con nghiên cứu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cảm ơn em Mật Trí (**Tổng Phước Khải**) đã hỗ trợ nhiều tài liệu, bài dịch về Pháp A Di Đà (hình ảnh, tư liệu Hán Văn, Phạn Văn), em Diệu Lý (**Nguyễn Thị Mộng Lý**), các con tôi đã đánh một số Kinh Bản và scan hình ảnh để giúp tôi hoàn thành tập ghi chép này

Tôi xin chân thành cảm tạ nhóm Phật Tử của thầy Pháp Quang ở Texas và nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch và ghi chép lại các Kinh Bản này

Tôi cũng xin cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi khó khăn trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi vững bước trên con đường tìm hiểu Phật Pháp.

Nguyện xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho con với tất cả chúng sinh tránh được mọi lỗi lầm và mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Mùa Hạ năm Ất Mùi (2015)

Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

HỒNG DANH A DI ĐÀ

Thoạt tiên Hồng Danh **A Di Đà** được ghi nhận qua tên Phạn là **Amṛta** có nghĩa đen là **bất tử**, nghĩa bóng là **Cam Lộ** và Hồng Danh này đã được ghi nhận rất nhiều trong các Đà La Ni của Mật Giáo. Lại do hiển bày đặc tính **Trường Thọ** bằng cách dùng **nước Cam Lộ** (Amṛta), khi uống vào thì chẳng già chẳng chết, nên được tôn là **Cam Lộ Vương** (Amṛta-rāja), hoặc **Cam Lộ Vương Như Lai** (Amṛta-rāja-Tathāgata), **Cam Lộ Đại Minh Vương** (Amṛta-mahā-vidya-rāja) hay **Kim Cương Cam Lộ Thân** (Vajra-amṛta-kāya). Do các danh hiệu này mà Đức Phật A Di Đà được ghi nhận là một trong các Bản Tôn **Diên Mệnh Trường Thọ**.

Sau này Hồng Danh **A Di Đà** được ghi nhận qua tên Phạn là **Amita** nghĩa là: **Vô Lượng** và được xưng là **Vô Lượng Phật** (Amita-buddha: biểu thị cho nhân cách Giác Ngộ của Trí Tuệ và Từ Bi không có cùng tận). Từ ý nghĩa **Vô Lượng** này cho nên A Di Đà Phật được dịch ý là **Vô Lượng Thanh Tịnh Phật** (Amita-suddha-buddha: biểu thị cho sự Thanh Tịnh không có cùng tận dứt hẳn mọi bon nhơ phiền não), **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha: biểu thị cho Trí Tuệ giải thoát), **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha: biểu thị cho Đại Định giải thoát).

Ý nghĩa của **Vô Lượng** (Amita) chính là không thể tính toán được, rộng lớn vô tận.... ở trong Mật Giáo là Tôn Chủ ở Phương Tây trong ngũ phương Phật, ở Thai Tạng Giới thì có tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus), ở Kim Cương Giới thì được gọi là **Vô Lượng Quang** (Amitābha).... đại biểu cho Trí Phương Tiệm của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata), cũng tức là **Diệu Quán Sát Trí**. Tính của Trí ấy chẳng sinh chẳng diệt, bên trong thì chiếu soi thực tướng của các Pháp, bên ngoài thì chiếu soi căn cơ của chúng sinh, Đức ấy là Vô Lượng Vô Biên, lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Đại Nhật Kinh Sớ nói rằng: “Chúng sinh giới thì không có cùng tận, phương tiệm Đại Bi của chư Phật cũng không có cùng tận, cho nên gọi là **Đại Vô Lượng Thọ**”.

Từ các ý nghĩa này, Tạng Truyền Phật Giáo đã đem một thân của Đức Phật A Di Đà phân biệt thành hai Tôn Phật **Vô Lượng Quang** và **Vô Lượng Thọ** (hoặc xưng là **Trường Thọ Phật**) để cúng phụng, đồng thời ghi nhận **A Di Đà Phật** (Amita-buddha) là **Pháp Thân** (Dharma-kāya), **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha) là **Báo Thân** (Sambhoga-kāya) và **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha) là **Ứng Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya).

Kinh **Vô Lượng Thọ** ghi nhận 12 Hồng Danh của Đức Phật A Di Đà là:

- 1_ Vô Lượng Quang
- 2_ Vô Biên Quang
- 3_ Vô Ngại Quang
- 4_ Vô Đối Quang
- 5_ Diệm Vương Quang
- 6_ Thanh Tịnh Quang
- 7_ Hoan Hỷ Quang
- 8_ Trí tuệ Quang
- 9_ Bất Đoạn Quang
- 10_ Nan Tư Quang
- 11_ Vô Xúng Quang
- 12_ Siêu Nhật Nguyệt Quang

Kinh **Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm** ghi nhận 13 Hồng Danh là:

- 1_ Vô Lượng Quang
- 2_ Vô Ngại Quang
- 3_ Thường Chiếu Quang
- 4_ Bất Không Quang
- 5_ Lợi Ích Quang
- 6_ Ái Lạc Quang
- 7_ An Ổn Quang
- 8_ Giải Thoát Quang
- 9_ Vô Đẳng Quang
- 10_ Bất Tư Nghị Quang
- 11_ Quá Nhật Nguyệt Quang
- 12_ Đoạt Nhất Thiết Thế Gian Quang
- 13_ Vô Cấu Thanh Tịnh Quang

Kinh **Đại Bảo Tích 17_18** ghi nhận 15 Hồng Danh là:

- 1_ Vô Lượng Quang
- 2_ Vô Biên Quang
- 3_ Vô Trước Quang
- 4_ Vô Ngại Quang
- 5_ Chiếu Vương Quang
- 6_ Đoan Nghiêm Quang
- 7_ Ái Quang
- 8_ Hỷ Quang
- 9_ Khả Kiến Quang
- 10_ Bất Tư Nghị Quang
- 11_ Vô Đẳng Quang
- 12_ Bất Khả Xứng Lượng Quang
- 13_ Ánh Tệ Nhật Quang
- 14_ Ánh Tệ Nguyệt Quang
- 15_ Yểm Đoạt Nhật Nguyệt Quang

Kinh **Sukhāvati-vyūha** ghi nhận 19 Hồng Danh là:

- 1_ Vô Lượng Quang (Amitābha)
- 2_ Vô Lượng Quang Minh (Amita-prabha)
- 3_ Vô Lượng Minh (Amita-prabhāsa)
- 4_ Vô Đối Chiếu Quang (Asamāpta-prabha)
- 5_ Vô Trước Quang (Asanghata-prabha)
- 6_ Diễm Vương Quang (Prabhāsikhotsrṣṭa-prabha)
- 7_ Thiên Châu Quang (Sadvīya-maṇi-prabha)
- 8_ Vô Ngại Quang Minh Nhiễm Quang (Apratihata-raśmi-rāga-prabha)
- 9_ Mỹ Quang (Rājanīya-prabha)
- 10_ Ái Quang (Premanīya-prabha)
- 11_ Hỷ Quang (Pramodanīya-prabha)
- 12_ Từ Quang (Samgamanīya-prabha)
- 13_ An Ổn Quang (Upoṣanīya-prabha)
- 14_ Bất Đoạn Quang (Nibandhanīya-prabha)
- 15_ Cực Tinh Tiến Quang (Ativīya-prabha)
- 16_ Vô Đẳng Quang (Atulya-prabha)

17_ Siêu Nhân Vương Chính Kiến Vương Quang (Abhibhūya-narendra-maunayendra-prabha)

18_ Khúc Áp Tĩnh Mãn Nguyệt Nhật Quang (Śraṃtasamcayendu-sūrya-jihmīkaraṇa-prabha)

19_ Khúc Áp Siêu Hộ Thế-Nhân Đà La-Phạm Thiên-Tĩnh Cư-Đại Tự Tại-Nhất Thiết Quang (Abhibhūya-lokapāla-śakra-brahma-śuddhāvāsa-maheśvara-sarvadeva-jihmīkaraṇa-prabha)

Tạng Bản ghi nhận 19 Hồng Danh là:

1_ Vô Lượng Quang

2_ Vô Lượng Chiếu

3_ Vô Đối Quang

4_ Vô Trước Quang

5_ Vô Ngại Quang

6_ Thường Phóng Quang

7_ Thiên Châu Quang

8_ Vô Ngại Quang Minh Vương Quang

9_ Thành Ai Quang

10_ Hoan Hỷ Quang

11_ Tới Thắng Hoan Hỷ Quang

12_ Thỏa Mãn Quang

13_ Khả Kiến Quang

14_ Hòa Hiệp Quang

15_ Bất Khả Tư Nghị Quang

16_ Vô Đẳng Quang

17_ Khúc Áp Nhân Vương Thiên Vương Quang

18_ Khúc Áp Nhật Nguyệt Lịnh Âm Muội Quang

19_ Khúc Áp Hộ Thế-Nhân Đà La-Phạm Thiên-Tĩnh Cư-Đại Tự Tại-Nhất Thiết Thiên-Lịnh Âm Muội Quang.

Ngoài ra Đức A Di Đà Phật còn có tên gọi là Kỳ Thọ Mệnh Vô Lượng, Quang Minh Vô Lượng, Năng Hộ Hữu Chúng Sinh Viên Mãn Vô Lượng Thọ Mệnh, Vô Lượng Quang Minh.

Phật Giáo Tây Tạng thường xưng tán Ngài qua Hồng Danh **A Di Đà Thiên** (Amita-deva: Vô Lượng Thiên) và trì niệm Tâm Chú là “OM AMITA-DEVA HRĪḤ”

A Di Đà Phật là Giáo Chủ của Thế Giới Cực Lạc (Sukhā-vatī) ở phương Tây, dùng Quán Thế Âm và Đại Thế Chí làm hai vị Đại Bồ Tát hầu cận. Trong đó Bồ Tát **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara) biểu thị cho **Từ Bi**, còn Bồ Tát **Đại Thế Chí** (Mahāsthāmaprāpta) biểu thị cho **Trí Tuệ**.

Trong Kinh nói: Thọ mệnh của Đức Phật ấy với nhân dân kéo dài vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp cho nên có tên là Di Đà.

Trong quốc thổ Cực Lạc, thọ mệnh của chúng sinh là vô lượng, Đức Phật Di Đà cũng có thọ mệnh vô lượng, bởi vì thế giới Cực Lạc là tâm Đại Bi của Phật A Di Đà là nơi thành tựu của sức Đại Nguyện, là Pháp Giới chẳng thể luận bàn.

Thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà là ánh sáng của vô lượng, thọ mạng của vô lượng, cho nên chúng sinh của thế giới Cực Lạc ấy có thọ mạng kéo dài liên tục chẳng dứt, có thể dùng sự bất đoạn đó mà tu hành. Tu hành ở thế giới Cực Lạc có thể đạt được tính nhất quán, cũng ở trong thế giới này nhất định đạt được thành tựu.

Từ Mật ý trên đề giảng “**Vô Lượng Thọ**” chẳng phải là toàn bộ thọ mệnh lâu dài của cảnh bên ngoài mà đó là phương diện **Lý** của thế giới Cực Lạc. Tất cả chúng sinh

cuối cùng sẽ thành Phật, viên mãn Phật Quả. Mà sau khi viên mãn Phật Quả, tức là an trú tại **Thường Tịch Quang** tức là vĩnh viễn an trú ở cảnh giới Vô Lượng Thọ của cõi Niết Bàn yên tĩnh.

Đức Phật A Di Đà và chúng sinh của Thế Giới **Ta Bà** (Sāha-loka-dhātu) này rất là có duyên nên có thể trợ giúp cho chúng ta thành tựu cảnh giới của Vô Lượng Thọ.

Trong Kinh Phật thường đề cập đến mỗi vị Phật Đà có thọ mệnh ngang bằng một ngàn kiếp nhằm giải thích mỗi loại đều có thời gian dài ngắn, Đó là cách nói để làm rõ ý trên. Nhưng đem Mật Ý trên để nói thì tuổi thọ của Đức Phật không thể đem thời gian dài ngắn mà nói là **Niết Bàn** (Nirvāṇa), tức là Thường Tịch Quang hay phóng tỏa ánh sáng, hay Xuất Ứng bởi vì có nhân có duyên cho nên cũng có thể nói là **Vô Giá Vô Lượng Thọ**.

Theo Tạng truyền Phật Giáo, trong **Thế Giới Sa Bà** (Sāha-loka-dhātu): chư Phật, Bồ Tát luôn hiện bày trăm ngàn loại phương thức chẳng đồng, đem đến lợi ích cho chúng sinh, trong đó **Thọ Mệnh** và **Trí Tuệ** là hai điều rất trọng yếu. Đối với người đời, nếu không có mạnh khỏe sống lâu ắt không có Pháp thành tựu sự nghiệp ấy và người tu hành cũng không có Pháp tu hành viên mãn. Do **Vô Lượng Thọ Phật** (hay **Trường Thọ Phật**) có Đức đặc biệt là hay giúp cho chúng sinh tăng trưởng Trí Tuệ Phước Đức và Thọ Mệnh nên được tôn xưng là một trong ba Tôn trường thọ. Người tu theo Pháp này hay tránh được cái chết đột ngột không đúng thời, diệt tội sống lâu, thành tựu sự bất tử.... cho nên **Vô Lượng Thọ Phật** (hay **Trường Thọ Phật**) được xem là **Tổng Tập** của chư Phật và được xem là Bản Tôn trọng yếu phi thường trong Phật Giáo, chẳng phân biệt **Hiện Mật**

Y theo Kinh **Quán Vô Lượng Thọ** nói: Khi còn ở Nhân Địa, Ngài là vị Tỳ Kheuru Pháp Tạng thời ở trước Đức Phật **Thế Tự Tại Vương** (Lokesvara-rāja) phát khởi Tâm Vô Thượng Đạo, dùng 48 Hoằng Nguyên thệ nguyện xây dựng Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhā-vatī) rất trang nghiêm không thể sánh ở trong cõi Phật của mười phương, siêng năng tu tập Bồ Tát Đạo mà thành Phật.

A Di Đà Phật có **Bi Nguyện** rộng lớn, **Tâm Từ** sâu xa mà Pháp Môn **Niệm Phật** ấy lại đơn giản dễ hành nên trong Phật Giáo Đại Thừa, Đức Phật A Di Đà chiếm địa vị rất trọng yếu. Tại các quốc gia tín ngưỡng Đại Thừa có rất nhiều người tin theo. Trung Quốc cổ đại có nói Pháp: “*Nhà nhà A Di Đà, cửa cửa Quán Thế Âm*” chính là sự phổ biến lưu truyền tín ngưỡng A Di Đà.

BẢN SINH CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Kinh **Bì Hoa**, Phẩm **Đại Thí** có ghi: “Trong đời quá khứ cách thời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rất lâu xa, có vị Chuyển Luân Vương tên là **Vô Trách Niệm** (Aranemin). Lúc đó có vị Đại Thần thuộc dòng Bà La Môn tên là **Bảo Hải** (Ratna-sāgara), vị này có một người con xuất gia và tu thành Đạo, hiệu là **Bảo Tạng Như Lai** (Ratna-garbha). Khi Đức Bảo Tạng Như Lai đến thành phố **A Châu La** (Añjura) thì vua Vô Trách Niệm và các vương tử đã đến cúng dường ba tháng. Sau khi được Bảo Hải khuyên phát Tâm Bồ Đề vượt qua biển khổ cứu độ chúng sinh thì đức vua Vô Trách Niệm đã phát nguyện và được Đức Bảo Tạng Như Lai ấn chứng sẽ thành Phật tên là **A Di Đà** tại quốc độ **Cực Lạc** ở phương Tây”

Kinh **Vô Lượng Thọ** ghi chép rằng: “Vào thời quá khứ cách đây rất lâu, có một Đức Phật tên là **Thế Tự Tại Vương** (Lokesvara-rāja) xuất hiện ở đời nói pháp, lúc đó có một vị Chuyển Luân Thánh Vương phát tâm xuất gia, tên là Tỳ Kheo **Pháp Tạng** (Dharma-kara: Tác Pháp, hoặc Pháp Tích). Tỳ Kheo Pháp Tạng ở trước Đức Phật Thế Tự Tại Vương, phát khởi Đạo Tâm Vô Thượng dùng bốn mươi tám đại nguyện, thệ nguyện gom hết thảy sự Trang Nghiêm của Pháp Giới Tịnh Thổ vào cõi đó để hình thành Thế Giới Cực Lạc, tu tập Đạo Bồ Tát mà thành Phật. Sức nguyện căn bản là hy vọng trong mười phương cõi Phật thì Cực Lạc Tịnh Thổ là thù thắng nhất, vi diệu nhất. Do đó Đức Phật Thế Tự Tại Vương vì Tỳ Kheo Pháp Tạng mà nói hai trăm mười triệu cõi Phật. Tỳ Kheo Pháp Tạng đem một số cõi Phật làm tư liệu, tuyển chọn một số nơi thù thắng vi diệu của cõi Phật, xây dựng thành bản đồ xanh (Lam đồ) Tịnh Thổ của mình. Tỳ Kheo Pháp Tạng phát nguyện Thù Thắng này tu học Sáu Ba La Mật, cuối cùng viên mãn thành Phật tên là **A Di Đà**”

Đức A Di Đà thành Phật cho đến nay đã hơn mười kiếp. Quốc thổ do bảy Bảo tạo thành, không có Núi, Biển, Sông, Hồ....thuần nhất bằng phẳng. Cũng chẳng có ba loại Ac Đạo, Quỷ Thần. Chúng sinh đều là Bồ Tát, La Hán, thọ mạng vô lượng, thức ăn uống cũng tự nhiên hiện ra. Vãng sinh ở cõi Phật A Di Đà hóa sinh trong hoa sen ở ao báu, diện mạo đoan trang không thể sánh kịp, Thế Giới Cực Lạc có Pháp Hỷ Vô Lượng Vô Biên Trang Nghiêm, đều là nơi thành tựu của sức đại nguyện Di Đà.

Tại Đại Hùng Bảo Điện trong Tự Viện Phật Giáo ở Trung Quốc thường cung phụng Tượng Phật của ba Tôn đại biểu cho ba Thế Giới khác nhau ở Đông, Tây và chính giữa. Tức là **Hoành Tam Thế**, hoặc xưng là **Tam Bảo Phật**, **Tam Phương Phật**. Trong tạo hình này thì A Di Đà Phật được an trí ở bên phải của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngồi Kiết Già trên đài sen, hai tay kết Định Ấn, ngửa lòng bàn tay đặt chồng lên nhau trên bàn chân, trong lòng bàn tay lại có một tòa đài sen biểu thị cho ý “*Tiếp dẫn chúng sinh vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc Tịnh Thổ, hóa sinh ở trong hoa sen*”

HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Trong **Thập Lục Quán Pháp** của Kinh **Quán Vô Lượng Thọ** chủ yếu là Quán tướng Thế Giới Cực Lạc và Đức Phật A Di Đà, trong Kinh văn miêu tả nói Thân Tướng của Đức Phật A Di Đà: Thân của Phật Vô Lượng Thọ như trăm ngàn vạn ức sắc vàng ròng Diêm Phù Đàn Trời **Đạ Ma** (Yama), thân Phật cao sáu mươi vạn ức Na Do Tha Hằng Hà Sa Do Tuần, **Bạch Hào** (Ūṇa: sợi lông mày trắng) giữa hai lông mày (Tam tinh) xoay bên phải uyển chuyển như năm tòa núi Tu Di, mắt Phật như bốn biển lớn xanh biếc, trong trắng rõ ràng, các lỗ chân lông nơi thân Phật phóng tỏa ánh sáng như núi Tu Di. Viên Quang (hào quang tròn) của Phật ấy như trăm ức ba ngàn Đại Thiên Thế Giới. Trong Viên Quang ấy có trăm ức Na Do Tha Hằng Hà Sa Hóa Phật. Mỗi mỗi Hóa Phật cũng có đông nhiều vô số Hóa Bồ Tát làm Thị Giả.

Thân Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn Tướng tốt. trong mỗi mỗi Tướng tốt còn có tám vạn bốn ngàn Quang Minh, mỗi mỗi Quang Minh chiếu khắp Thập Phương Thế Giới, nhiếp lấy chúng sinh niệm Phật chẳng bỏ sót. Quang Minh, tướng tốt và Hóa Phật ấy chẳng thể nói đủ hết.

Đó là giải thích nội dung của Quán tướng hình tượng Phật Vô Lượng Thọ, trong đó Phật A Di Đà có thân cao, Tướng, Bạch Hào, mắt Phật, các lỗ chân lông, đặc biệt là từ trong các lỗ chân lông phóng ra nguồn ánh sáng bất khả tư nghị, và lại Phật A Di Đà cũng có đầy đủ Hóa Phật, Hóa Bồ Tát và bốn mươi tám ngàn Chủng Tướng.

Hình tượng trên Thế Gian của Đức Phật A Di Đà thường là ngồi xếp bằng theo tư thế Kiết Già Kim Cương ngay ngắn, tay kết **Định Ấn**, tức là bàn tay trái nằm ngửa để ở trên rốn, bàn tay phải nằm ngửa đặt chồng lên tay trái, hai đầu ngón tay cái hơi dính vào nhau. Ấn này cũng là **A Di Đà Như Lai Ấn**, khiến cho tất cả cuồng loạn vọng niệm đều được ngưng dứt, làm cho tâm chú vào một cảnh giới, vào Cực Lạc của Tam Muội là Ấn Tướng Tối Thắng bậc nhất.



Ngoài tượng Phật A Di Đà với tư thế ngồi, cũng có làm tượng Phật A Di Đà đứng với **Ấn Tiếp Dẫn**



Bồ Tát quyền thuộc của Đức Phật A Di Đà rất phổ biến thường là hai vị Đại Sĩ **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara) và **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāmaprāpta), hai vị đó đi theo Đức Phật A Di Đà Ở Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhāvatī) để giáo hóa Chúng Sinh, cũng ở trong Thế Giới Ta Bà dùng Đại Bi Cứu Độ tất cả chúng sinh, giúp đỡ cho Đức Phật A Di Đà khiến cho chúng sinh có thể phát nguyện thanh tịnh Vãng Sinh Tịnh Thổ Cực Lạc. Lúc mệnh chung sẽ tiếp dẫn hành nhân về cõi Tịnh Độ. Nhân Gian thường thường tạo tượng Đức Phật A Di Đà ở chính giữa, bên phải là Quán Thế Âm Bồ Tát, bên trái là Đại Thế Chí Bồ Tát, hình thành **Tây Phương Tam Thánh** hoặc xưng là **Di Đà Tam Tôn**.



Mật Giáo Tây Tạng còn thờ phụng Tôn Tượng **Tam Thánh** với Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) ở chính giữa, bên phải là **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajrapāṇi: Kim Cương Thủ là tướng phần nộ của Bồ Tát Đại Thế Chí) biểu thị cho Trí Tuệ, bên trái là **Liên Hoa Thủ Bồ Tát** (Padma-pāṇi, tức Quán Âm Bồ Tát) biểu thị cho Từ Bi





Đức Phật A Di Đà có bốn vị Bồ Tát theo hầu là: **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha), **Quán Âm** (Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāmaprāpta), **Long Thọ** (Nāgarjuna) và xưng là **A Di Đà Ngũ Phật** tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc.



Tôn hình của 25 vị Bồ Tát theo hầu Đức Phật A Di Đà, tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc là:

1_ Quán Thế Âm Bồ Tát (Avalokiteśvara), chữ chung tử là A (𑖦)



2_ Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta), chữ chung tử là Saṃ (𑖦𑖩)



3_ Dược Vương Bồ Tát (Bhaiṣajya-rāja), chữ chung tử là Hūṃ (𑖦𑖪)



4_ Dược Thượng Bồ Tát (Bhaiṣajya-samudgata), chữ chủng tử là Aṃ (𑖀)



5_ Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra), chữ chủng tử là A (𑖀)



6_ Pháp Tạng Bồ Tát (Dharmasvara), chữ chủng tử là Dha (𑖅)



7_ Sư Tử Hống Bồ Tát (Simha-nāda), chữ chủng tử là Vam (𑖦)



8_ Đà La Ni Bồ Tát (Dhāranī), chữ chủng tử là Dha (𑖇)



9_ Hư Không Tạng Bồ Tát (Ākāśa-garbha), chữ chủng tử là I (𑖩)



10_ Đức Tạng Bồ Tát (Guṇa-garbha), chữ chủng tử là Aṃ (𑖀)



11_ Bảo Tạng Bồ Tát (Ratna-garbha), chữ chủng tử là Trāḥ (𑖔𑖩)



12_ Kim Tạng Bồ Tát (Suvarṇa-garbha), chữ chủng tử là Va (𑖦𑖜)



13_ Kim Cương Tạng Bồ Tát (Vajra-garbha), chữ chủng tử là Hūṃ (ॐ)



14_ Sơn Hải Tuệ Bồ Tát (Giri-sāgara-mati), chữ chủng tử là Hrīḥ (ॐ)



15_ Quang Minh Vương Bồ Tát (Rāśmi-prabha-rāja), chữ chủng tử là A (ॐ)



16_ Hoa Nghiêm Vương Bồ Tát (Avataṃsaka-rāja), chữ chủng tử là Aḥ (𑖀)



17_ Chúng Bảo Vương Bồ Tát (Gaṇa-ratna-rāja), chữ chủng tử là Trāḥ (𑖔𑖩)



18_ Nguyệt Quang Vương Bồ Tát (Candra-prabha-rāja), chữ chủng tử là Va (𑖦)



19_ Nhật Chiêu Vương Bồ Tát (Divā-kara-rāja), chữ chung tử là Ka (𑖕)



20_ Tam Muội Vương Bồ Tát (Samādhi-rāja), chữ chung tử là Aḥ (𑖔)



21_ Định Tự Tại Vương Bồ Tát (Samādhīśvara-rāja), chữ chung tử là A (𑖔)



22_ Đại Tự Tại Vương Bồ Tát (Maheśvara-rāja), chữ chủng tử là Ma (𑖣)



23_ Bạch Tượng Vương Bồ Tát (Śukla-hasta-rāja), chữ chủng tử là Ga (𑖣)



24_ Đại Uy Đức Vương Bồ Tát (Mahā-teja-rāja), chữ chủng tử là Hūṃ (𑖣)



25_ Vô Biên Thân Bồ Tát (Ananta-kāya), chữ chung tử là A (𑖀)



Tôn hình Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực Lạc là:





Đồ hình Tây Phương Liên Trì Hải Hội



Hệ Phái **Hiền Mật** thường tạo dựng Tôn Tượng Phật A Di Đà ở chính giữa, hai bên có 8 vị Bồ Tát theo hầu là : **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha), **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) hay **Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha), **Văn Thù Sư Lợi** (Mañjuśrī), **Trừ Cái Chướng** (Sarva-nīvaraṇa-viṣkambhin), **Địa Tạng** (Kṣiti-garbha), **Quán Âm** (Avalokiteśvara), **Di Lặc** (Maitreya) và xưng là **A Di Đà Cửu Tôn**



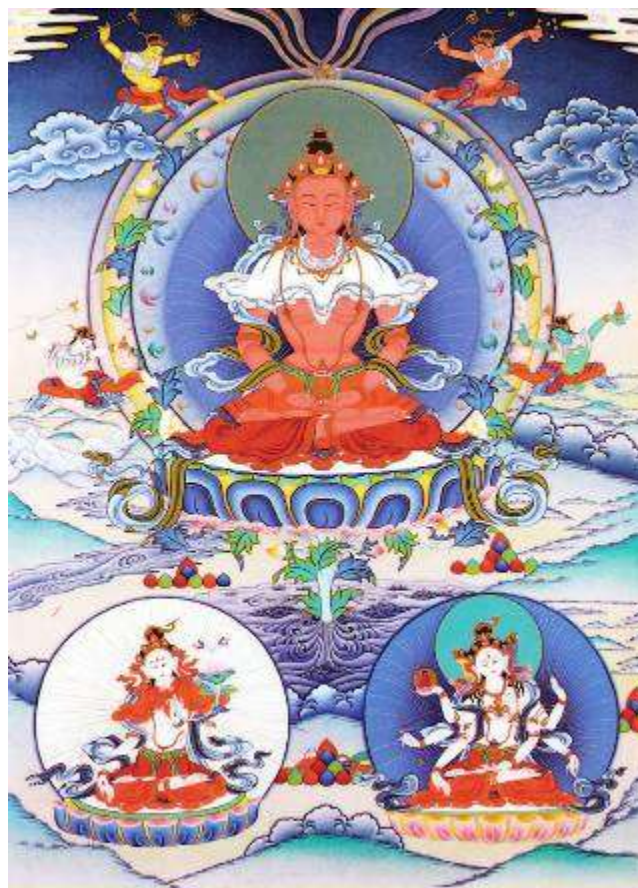
Hệ thống Mật Giáo còn ghi nhận Tôn Tượng A Di Đà Như Lai ngồi trên tòa chim công (Khổng Tước Tòa)



Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận Tôn hình của **Vô Lượng Thọ Phật** (hay **Trường Thọ Phật**) là: thân màu hồng, có một cái đầu, hai cánh tay, tóc cột thành búi, đội mào báu ngũ Phật, mặc Thiên Y, quần lụa, thân đeo châu báu Anh Lạc, đầy đủ tất cả các loại trang nghiêm của Báo Thân Phật, hai tay để trên đầu gối kết **Định Ấn**, trên tay có **bình báu Trường Thọ**, trong bình báu hoặc đặt một đóa hoa Cát Tường, hai chân ngồi xếp bằng tư thế Kim Cương trên vành trăng trong hoa sen.



Tây Tạng vẽ **Đường Ca** (Thang-ka) thường dùng **Trường Thọ Phật, Đỉnh Kế Tôn Trắng Phật Mẫu, Bạch Độ Mẫu** làm **Trường Thọ Tam Tôn** (3 Tôn Trường Thọ), bốn phương là bốn Sự Nghiệp Không Hành Mẫu **Tức** (Tức Tai), **Tăng** (Tăng Ích), **Hoài** (Kính Ái), **Tru** (Giáng Phục) vây quanh... dùng câu triệu tinh hoa của năm Đại: đất, nước, lửa, gió, hư không với nhóm Thọ Mệnh, Phước Đức, Trí Tuệ.



_Trong **Thai Tạng Giới Man Đa La** (Garbha-dhātu-maṇḍala) **A Di Đà** được xưng gọi là **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) ngự ở cánh hoa phương Tây biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đặc được quả Đức Tự Chứng nên còn gọi là Chứng Bồ Đề. Lai được biểu hiện cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phàm Phu.

Phương Tây chủ về mùa Thu là chỗ quy chung của vạn vật nên biểu thị cho Đức của **Niết Bàn** (Nirvāṇa) tương ứng với sự chung cực của Hành Chứng. Đức Vô Lượng Thọ Như Lai có thân màu vàng chói là sắc tu hành viên mãn, nghĩa là chẳng thể phá hoại, chuyển **thức thứ sáu** (Mano-vijñāna: Ý Thức) thành Diệu Quán Sát Trí là Đức của sự nói Pháp chặt đứt nghi ngờ của Đại Nhật Như Lai.

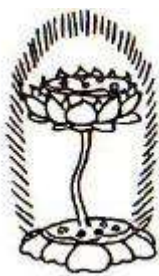
Đức Vô Lượng Thọ Như Lai kết A Di Đà Định Ấn với hai tay đem ngón trở nổi ngón cái thành hình bầu dục, 3 ngón còn lại đặt chồng lên nhau biểu tượng cho 3 Đại (Đất, Nước, Lửa) dùng để chinh phục 2 Phiền Não Ma là Tham, Sân, Si... còn hình bầu dục tượng trưng cho Niết Bàn. Vì thế Ngài còn được gọi là **Thanh Tịnh Kim Cương**

Tôn Hình: Thân hiện màu đỏ trắng, tay kết A Di Đà Định Ấn, khoác áo mỏng, ngồi yên trên tòa sen

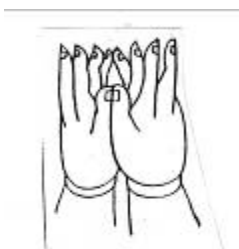


Chữ chủng tử là: AM (𑖀) hay SAM (𑖂)

Tam Muôi Gia Hình là hoa sen hé nở hay Sơ Cát Liên Hoa



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chủng hay **Liên Hoa Tạng Ấn**: Còn gọi là Như Lai Tạng Ấn. Dựa theo Không Tâm Hợp Chủng, bung tán 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa, 2 ngón trở như hoa sen 8 cánh, biểu thị cho Đức hàm chứa Đại Bi.



Hoặc **A Di Đà Định Ấn:**

Hai tay cái chéo nhau, duỗi thẳng hai ngón cái cùng chạm đầu ngón, dựng thẳng lòng giữa của hai ngón trỏ sao cho hai đầu ngón trỏ chạm ngón cái. Ngoài ra ngón út, ngón vô danh, ngón giữa tất cả sáu ngón cái cùng chéo nhau bám lót ngón cái và ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

જમઃ સમજ વૃદ્ધિઃ સંસઃ સ્વદત્ત

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM SAM SAH SVĀHĀ

Trong **Kim Cang Giới Man Trà La** (Vajra-dhātu-maṇḍala)

.) Tại **Thành Thân Hội** (Karma) thì A Di Đà Như Lai là Thân Đẳng Giác của **Pháp Bình Đẳng** được tuôn ra từ **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata), tượng trưng cho Trí Tuệ Phổ Môn của tất cả Như Lai, khéo vận dụng phương tiện giáo hóa tất cả chúng sinh một cách bình đẳng

Do Đức **Phật Quán Tự Tại Vương** (Lokesvara-rāja-buddha) gia trì cho nên Ngũ Luân hay nói vô lương Pháp Môn **Tu Đa La** (Sūtra: Khê Kinh).

Trong Hội này thì A Di Đà được xưng gọi là **Vô Lượng Quang Như Lai** (Amitābha-tathāgata) là Chủ của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya), biểu thị cho việc chuyển **thức thứ 6** (Mano-vijñāna: Ý Thức) thành **Diệu Quán Sát Trí** và được xem là **Thọ Dung Trí Tuệ Thân**

Tôn Hình: Thân màu đỏ, khoác áo kín vai phải, tay kết Di Đà Đinh Ấn



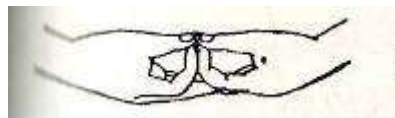
Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương, Đại Bi Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen để chày Ngũ Cổ nằm ngang, trên chày để chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen hé nở



Tượng Ấn là: Di Đà Định Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ॥ ॐ ॥ ॐ ॥ ॐ ॥ ॐ ॥

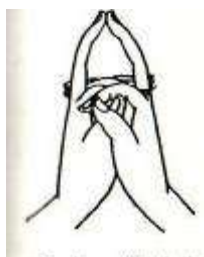
OM_ LOKEŚVARA-RĀJA HRĪḤ

.) Tại **Tam Muội Gia Hội** (Samaya) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: HRĪḤ (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen để chày Ngũ Cổ nằm ngang, trên chày để chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen hé nở. Biểu thị cho **Nhất Thiết Như Lai Tam Ma Địa Trí**. Do mới phát tâm liền hay chuyển bánh xe pháp **Biện Vô Ngôn Thuyết**, Lý không có bờ mé, nơi thâm nhiếp của **Ngũ Bộ** hay khiến cho chúng sanh thông minh lợi trí. Đây là chỗ nhiếp của **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya) ở phương Tây, tức là **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna).



Tượng Ấn là: Hai tay tác Ngoại Phộc, duỗi hai ngón giữa cùng vịn nhau như hình hoa sen



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रज्ञान ह्रीं

VAJRA-JÑĀNA _ HRĪḤ

.) Tại **Vi Tế Hội** (Sūkṣma) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: HRĪḤ (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रधर्म सूक्ष्मज्ञानसमया हूं

OM_ VAJRA-DHARMA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HŪM

(५३)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tướng Ân là: Di Đà Định Ân.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय । नमो भगवते वासुदेवाय । नमो भगवते वासुदेवाय ।

OM SARVA-TATHĀGATA VAJRA-DHARMA ANUTTARA-PŪJA
ARAṆA SAMAYE HŪM

Lai có chữ chung tử là: LO (𪔐)

Tôn Hình: Khoác kín vai, hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, trên chày có một chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen nở rộ.



Chân Ngôn là:

ॐ ऌकेस्वरा लो

OM_ LOKEŚVARA _ LO

.)Tại **Giáng Tam Thế Tam Muội Gia Hội** (Trailokya-vijaya-samaya) thì A Di Đà Như Lai có chữ chủng tử là: YA (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, trên chày có một chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen nở rộ. Biểu thị cho **Nhất Thiết Như Lai Tam Ma Địa Trí**. Do mới phát tâm liền hay chuyển bánh xe pháp **Biện Vô Ngôn Thuyết**, Lý không có bờ mé, nơi thâm nhiếp của **Ngũ Bộ** hay khiến cho chúng sanh thông minh lợi trí. Đây là chỗ nhiếp của **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya) ở phương Tây, tức là **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna).



Chân Ngôn là:

ॐ धर्मसत्त्वा क्रोधा ज्ञाना समये हूं

OM_ DHARMA-SATVA KRODHA- JÑĀNA-SAMAYE HŪM

*) Các Chân Ngôn, Thần Chú, Thủ Ấn thông dụng của Đức A Di Đà Như Lai là:

_ **Tâm Chú:**

ॐ ऋमृते हरे नमः

OM_ AMITĀBHA_ HRĪḤ

_ **Tiểu Chú:**

ॐ ऋमृते हरे नमः

OM_ AMṚTA TEJE HARA HŪM

જમ સુધિ નહીં નવનિર્મિત

NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA

Văng Sinh Chú (bản khác)

જમ શ્રીમદ્ભગવદ્ ગીતા

NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA

Đại Chú (Thập Cam Lộ Chú):

ॐ नमः शिवाय

[illegible]

NAMO RATNATRAYĀYA

TADYATHĀ: OM_ AMṚTE, AMṚTODBHAVE, AMṚTA SAMBHAVE,
ṚTAGARBHE, AMṚTA SIDDHE, AMṚTA TEJE, AMṚTA VIKRĀNTE,
ṚTA VIKRĀNTA GAMINE, AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE, AMṚTA
NDUBHISVARE , SARVA ARTHA SĀDHANE, SARVA KARMA KLEŚA
LYAM KARE SVĀHĀ

1 A Di Đà Đỉnh Ấn:

36

(ngón trỏ) có công năng mở hoa, Phong (ngón trỏ) trong Không (ngón cái) là ý nghĩa *có đủ tự tại tự đắc*

Lại hai độ Thiền (ngón cái) Tiến (ngón trỏ) được ví dụ cho nghĩa *co nuôi dưỡng Thiền Định*, là hiểu rõ sự cần thiết để dưỡng mãi tăng trưởng Tâm Sen của Phật Tính nên khiến Thiền (ngón cái), Tiến (ngón trỏ) cùng hợp nhau, tức làm Ấn này.

2_ A Di Đà Phật Căn Bản Ấn:

Đây là Thủ Ấn mà Đức Phật A Di Đà đã kết trong Tam Muội Gia Hội của Kim Cương Giới. Hai tay tác Ngoại Phộc, dựng đứng hai ngón giữa cùng trụ nhau, hai ngón cái cùng cái chéo nhau như dạng cánh sen.



Ngoại Phộc là nghĩa Sinh Tử kết buộc, còn hoa sen biểu thị cho Phật Tính vốn có của chúng sinh, hai cổ tay giơ lên như xem xét Ngũ Cổ, dựng đứng hai cánh tay tức là Độc Cổ. Tám ngón tay của Ngoại Phộc tức chỉ hoa sen tám cánh, cánh sen của ngón giữa biểu thị cho Bản Tôn, Ngũ Cổ bên dưới cánh tay là sự bình đẳng của mười Giới gồm năm Phạm, năm Thánh; biểu thị cho Lý **Phàm Thánh chẳng hai**.

Chân Ngôn là: **Thập Cam Lộ Chú**.

3_ A Di Đà Phật Cửu Phẩm Ấn:

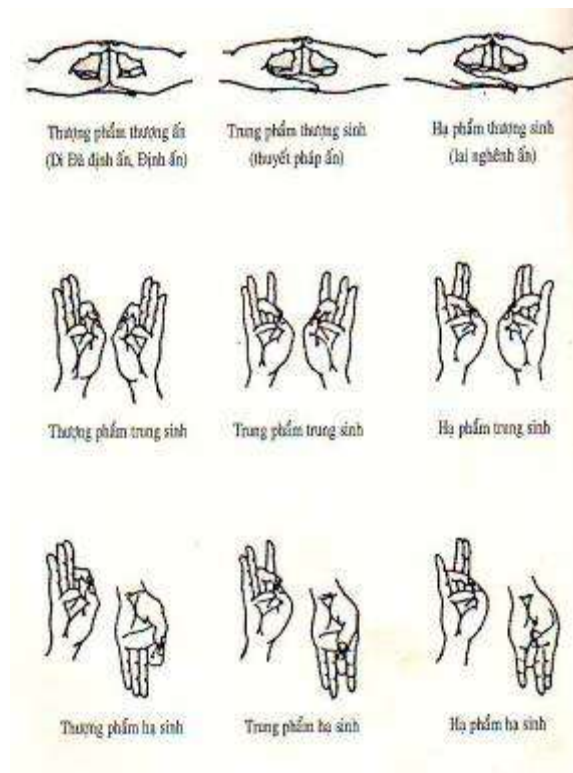
Cửu Phẩm Ấn tức là chín loại Ấn Tướng từ Thượng Phẩm Thượng Sinh cho đến Hạ Phẩm Hạ Sinh. Lại xưng là Vãng Sinh Cửu Phẩm ấn.

Căn cứ vào cách nói của Cửu Phẩm Vãng Sinh trong Kinh **Vô Lượng Thọ**: Y theo Nghiệp Tội tu hành của người tu Niệm Phật (Niệm Phật Hành Giả) thời chia ra làm Tướng Ấn của chín giai cấp. Ví như Vãng Sinh có chín phẩm vãng sinh, Thế Giới Cực Lạc có chín Phẩm Tịnh Thổ, chín phẩm niệm Phật cho nên Đức Phật A Di Đà cũng có phân biệt chín Phẩm Di Đà để biểu hiện cụ thể, tức là Cửu Phẩm Ấn.

Tướng Ấn liên quan đến Cửu Phẩm Ấn thời có nhiều loại giải thích. So sánh các điều thường thấy thì Tướng Ấn của Thượng Phẩm là chồng hai tay lên nhau để ở trên đầu (đuôi ba ngón tay, tay phải để bên dưới tay trái) như Di Đà Định Ấn. Tướng Ấn của Trung Phẩm là hai tay để trước ngực, hướng hai lòng bàn tay ra ngoài đặt cạnh nhau như Ấn Thuyết Pháp. Hạ Phẩm tức là hướng lòng bàn tay ra bên ngoài, tay phải hướng lên trên, tay trái hạ xuống dưới như Thí Vô Úy Ấn và Dữ Nguyện Ấn

Trong đó, Tướng Ấn của Thượng Sinh là đem ngón cái và ngón trỏ đã co cong lại cùng hợp nhau. Tướng Ấn của Trung Sinh là đem ngón cái và ngón giữa đã co cong lại cùng hợp nhau. Hạ Sinh là đem ngón cái và ngón vô danh đã co cong lại cùng hợp nhau.

Như thế, các Ấn của các Phẩm Vãng Sinh đều dựa theo đây mà kết hợp, tức thành chín Phẩm Ấn là: Thượng Phẩm Thượng Sinh, Thượng Phẩm Trung Sinh, Thượng Phẩm Hạ Sinh, Trung Phẩm Thượng Sinh, Trung Phẩm Trung Sinh, Trung Phẩm Hạ Sinh, Hạ Phẩm Thượng Sinh, Hạ Phẩm Trung Sinh, Hạ Phẩm Hạ Sinh.



Trong số đó thì Ấn của Thượng Phẩm Thượng Sinh là Diêu Quan Sát Trí Ấn., lại gọi là Định Ấn, Di Đà Định Ấn; là Thủ Ấn rất thường thấy ở Tượng Phật A Di Đà ngồi. Còn loại Tượng đứng thì dùng Lại Nghiêng Ấn, là Tượng Ấn rất phổ biến của Hạ Phẩm Thượng Sinh. Tượng Ấn của Trung Phẩm thì dùng Ấn Thuyết Pháp. Cách thức này được lưu truyền từ cuối đời nhà Đường trở đi, về sau được truyền vào Nhật Bản. Thuyết này rất thịnh hành trong Chân Ngôn Tông với Tịnh Độ Tông.

Trong “**Bạch Bảo Khẩu Sao**” đề cập đến “Ấn Chữa Bệnh” của Phật A Di Đà: Pháp Ấn chữa bệnh của Phật A Di Đà. Bàn tay trái nằm ngửa, bốn ngón tay co lại, lấy bàn tay phải đè úp lên bàn tay trái, bốn ngón tay cũng co lại đầu các ngón đều trụ vào tâm lòng bàn tay trái cùng câu móc với bàn tay trái sao cho lóng đốt các ngón tay trụ ở tâm lòng bàn tay, hai ngón tay cái thẳng, trạng thái giãn dãn, Giáng Phục tất cả Quỷ Thần ác, liền khỏi bệnh.

Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận chữ chủng tử của Trường Thọ Phật là: HRĪḤ màu hồng



Trường Thọ Phật Ấn (pháp Giới Định Ấn):

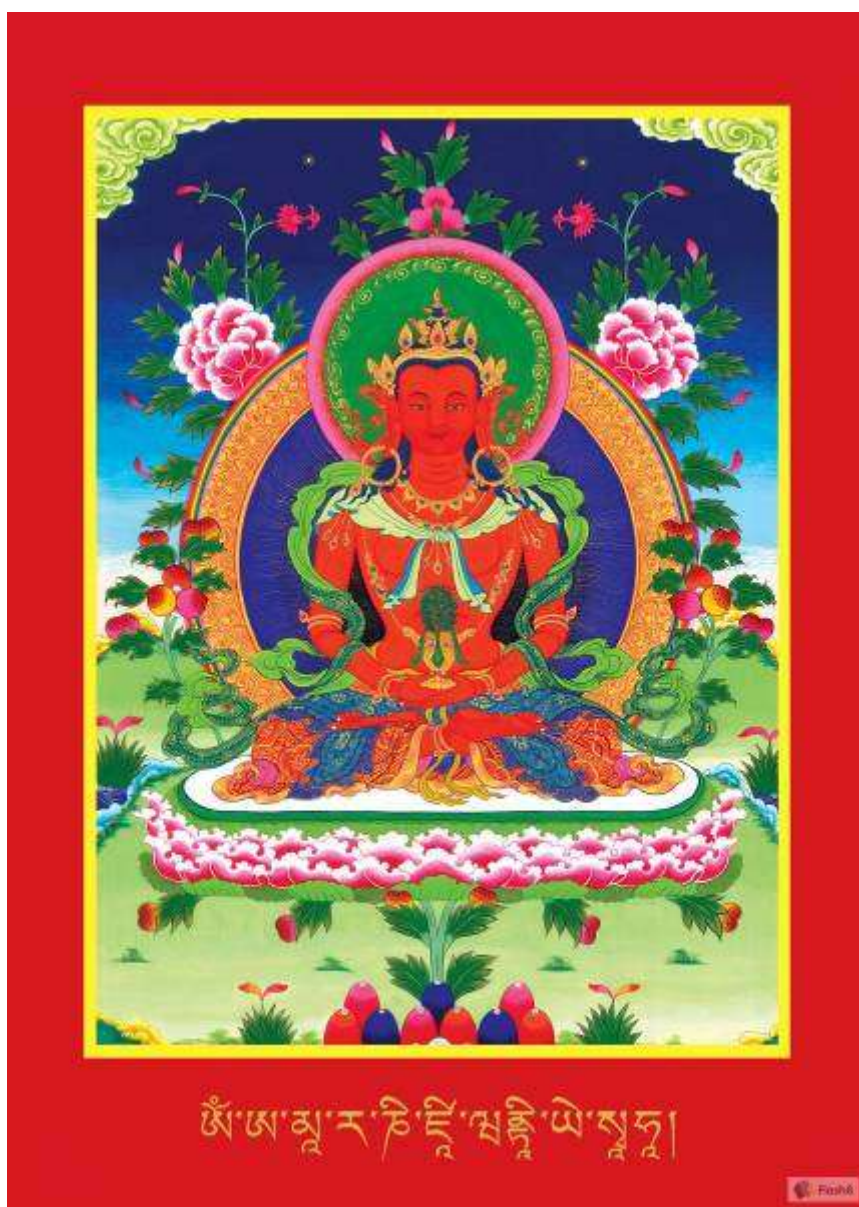
Hai tay ngửa lòng bàn tay xếp chồng lên nhau, tay phải ở trên tay trái, hai ngón cái cùng tiếp chạm nhau



Trường Thọ Phật Tâm Chú:
Tùy theo sự truyền thừa mà có nhiều bản khác nhau như



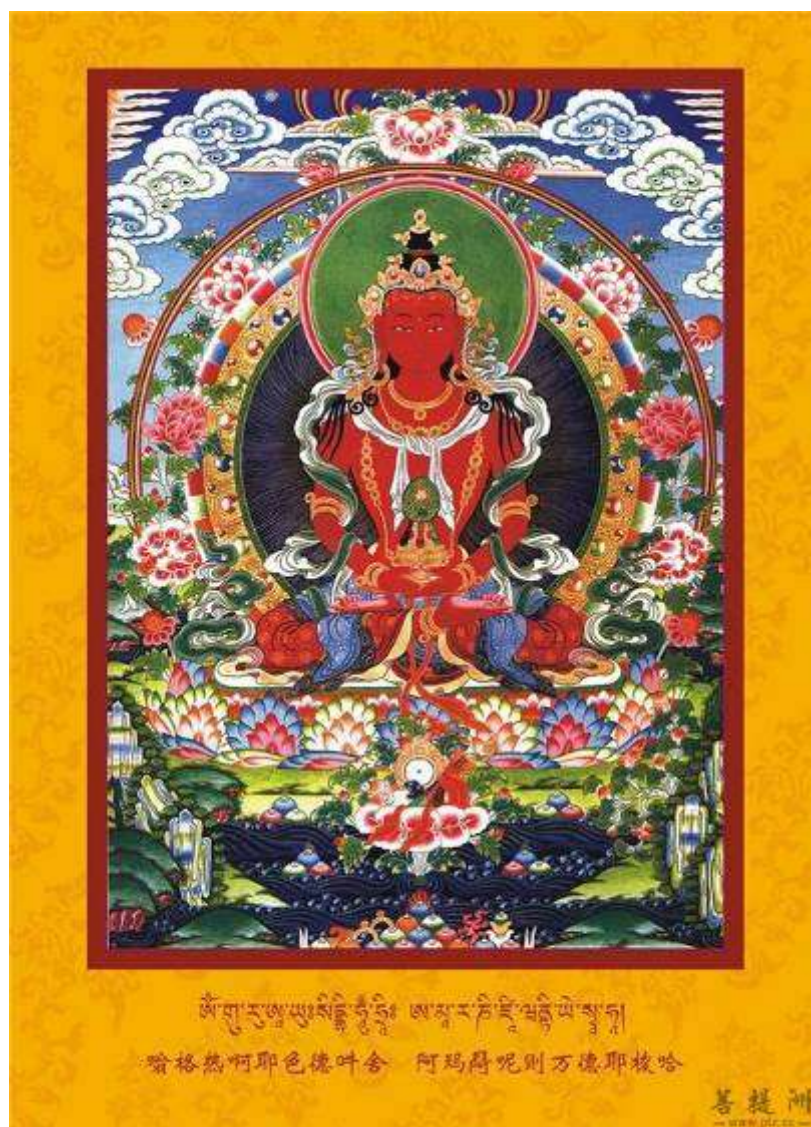
Hoặc:
OM_ AMĀRANI JĪVANTĪYE SVĀHĀ



Hoặc:
 OM_ AMARAṆI JĪVANTAYE SVĀHĀ



Hoặc :
 OM_ GURU ĀYUḤ SIDDHI HŪṢ HRĪḤ_ AMĀRAṆI JIVANTIYE
 SVĀHĀ



Theo người biên soạn thì hai bản sau có ý nghĩa chuẩn xác nhất

1_ **ॐ अमरानि जीवन्तये स्वाहा**

OM_ AMARANI JĪVANA TEJE SVĀHĀ

[Om: Nhiếp triệu

Amarani jīvana: Sinh mệnh bất tử

Teje: Uy Đức, Uy Quang

Svāhā: Quyết định thành tựu]

2_ OM_ AMARANI JĪVANTĀYE SVĀHĀ

[Om: Nhiếp triệu

Amarani jīvantāye: nhóm điểm cuối cùng của sinh mệnh bất tử

Svāhā: Quyết định thành tựu]

Vì **Trường Thọ Phật** tức là **Vô Lượng Thọ Phật** nên một số Đạo Sư Tây Tạng lại truyền dạy **Vô Lượng Thọ Chú** là:

.)**Vô Lượng Thọ Tâm Chú** là:

OM_ TADYATHĀ APARAMITA ĀYUR-JÑĀNA HRĪḤ HŪM DHRŪM SVĀHĀ

.)**Vô Lượng Thọ Căn Bản Chú** là:

OM_ AMARANI JĪVINTĀYE SVĀHĀ

.)**Vô Lượng Thọ Trường Chú** là:

OM VAJRA ĀYUṢE HŪM AḤ

OM_ PUNYE PUNYE MAHĀ-PUNYE APARAMITA-ĀYUR-PUNYA-JÑĀNA SAMBHĀROPACITE SVĀHĀ

OM_ NAMO BHAGAVATE APARAMITA-ĀYUR-JÑĀNA SUVINE ŚCITA TEJA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE

SAMYAKSAMBUDDHĀYA_ TADYATHĀ: OM PUNYE PUNYE MAHĀ-PUNYE_ APARAMITA-PUNYA_ APARAMITA-PUNYA-JÑĀNA

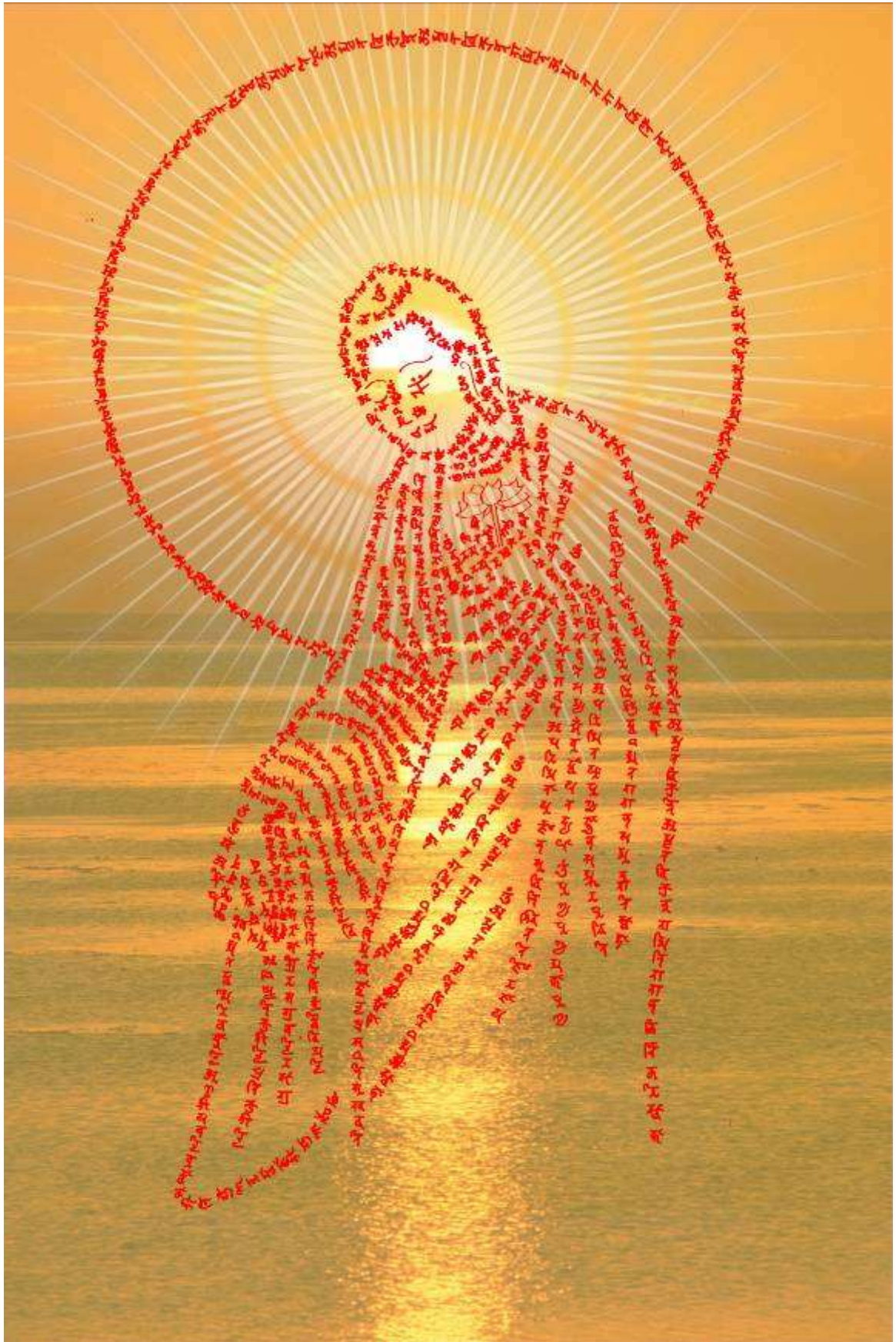
SAMBHĀROPACITE

OM_ SARVA SAMSKĀRA PARISUDDHA DHARMATE GAGANA SAMUDGATE SVABHĀVA VĪSUDDHE, MAHĀ-NAYA PARIVĀRE SVĀHĀ

Kinh ghi rằng: “Trì tụng **Trường Thọ Phật Chú Ngũ** hay tăng trưởng Thọ Mạng và Phước Đức Trí Tuệ, tránh khỏi cái chết đột ngột không đúng thời và chết yểu, ý ngoại thân vong, tiêu trừ tất cả tội nghiệp từ kiếp sâu xa đến nay, chứng Thành Tựu sự Bất Tử, cũng vãng sinh tịnh thổ cực lạc ở phương Tây”.

Trường Thọ Phật Pháp lại xưng là **Trường Thọ Bách Tuế Pháp**, siêng tu Pháp này thì hay kéo dài Thọ Mệnh, tăng trưởng Tư Lương: Phước Đức, Trí Tuệ... cũng hay tột diệt sự chết không đúng thời. Hết thấy tội chướng, mười ác, bốn nặng, năm vô gián trong thân thấy đều được tiêu tan hết

Tại Tây Tạng, rất nhiều người mong cầu được diên niên ích thọ, đều tham gia vào Pháp Hội của Trường Thọ Phật để cầu xin Đức Phật gia trì khiến cho mình được mạnh khỏe sống lâu



THẬP CAM LỘ ĐÀ LA NI

Thập Cam Lộ Đà La Ni chỉ Chân Ngôn của **A Di Đà Như Lai** (Amitābha-tathāgata: **Vô Lượng Quang Như Lai**, hay Amitāyus-tathāgata: **Vô Lượng Thọ Như Lai**). Lại gọi là Thập Cam Lộ Chân Ngôn, A Di Đà Đại Chú, Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Đà La Ni, Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Đà La Ni, A Di Đà Đại Đà La Ni, A Di Đà Đại Thân Chú. Do trong Chú có mười câu **A mật-lật-đa** (Amṛta) được dịch nghĩa là **Cam Lộ** nên lại xưng là **Thập Cam Lộ Minh**

Đà La Ni này biểu thị cho Công Đức **Nội Chứng** của Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) hay giúp cho người trì tụng: đời này được an ổn, tiêu diệt các tội chướng; sau khi chết được sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī)



Bản Vô Lượng Thọ Như Lai Quán Hạnh Nghi Quĩ (do Ngài **Bất Không** dịch) ghi nhận là:

“Tiếp theo, kết **Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Ấn**: Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành Quyền, dựng thẳng hai ngón giữa cùng trụ đầu nhau, như hình cánh hoa sen.



Kết thành Ấn xong, tụng Vô Lượng Thọ Như Lai Đà La Ni bảy biến, để Ấn ở trên đỉnh đầu rồi bung tán.

“Năng mô la đất-năng đất-la dạ dã (1) Năng mặc a lý-dã nhĩ đá bà gia (2) đất tha nghiệt đá dạ, la hạ đế, tam miếu tam một đà gia (3) Đất nễ-dã tha (4) Ân, a mật-lật đế (5) A mật-lật đồ nạp-bà phê (6) A mật-lật đa tam bà phê (7) A mật-lật đa nghiệt bệ (8) A mật-lật đa tất đệ (9) A mật-lật đa đế tế (10) A mật-lật đa vĩ cật-lân đế (11) A mật-lật đa vĩ cật-lân đa, nga nhĩ ninh (12) A mật-lật đa, nga nga năng, cát đế ca lệ (13) A mật-lật đa thú nổ tỳ, sa phộc lệ (14) tất phộc la-tha, sa đà ninh (15) tất phộc yết ma cật-lễ xả, khát-sái dụng, ca lệ, sa-phộc ha”

[illegible]

गङ्गा उं ग्लृण ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव
ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव
ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव ग्लृणरुव

NAMAḤ ĀRYA-AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

Vô Lượng Thọ Như Lai Đà La Ni này, vừa mới tụng một biến, liền diệt tội *mười ác, bốn Trọng, năm Vô Giá* trong thân. Tất cả nghiệp chướng thấy đều tiêu diệt.

Tụng mãi một vạn biến đắc được **Bất Phế Vong Bồ Đề Tâm Tam Ma Địa**. Tâm Bồ Đề hiển hiện trong thân, sáng tròn trịa trắng tinh giống như mặt trăng trong sạch. Lúc mệnh chung thời nhìn thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cùng với vô lượng câu chi chúng Bồ Tát vây quanh, đi đến nghinh đón Hành Giả, an ủi Thân Tâm, liền sinh về Thế Giới Cực Lạc, **Thượng Phẩm Thượng Sinh**, chứng địa vị của Bồ Tát”.

.)Ý nghĩa căn bản của Thập Cam Lô Đà La Ni là:

NAMAḤ (Kính lễ) ĀRYA (Thánh) AMITĀBHĀYA (Vô Lượng Quang)
TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng, Sát Tặc, Vô Sinh, A La Hán)
SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Chính Đẳng Chính Giác)

OM (Cảnh giác)
 AMṚTE (Cam lộ)
 AMṚTA (Cam Lộ) UDBHAVE (Hiện lên)
 AMṚTA (Cam Lộ) SAMBHAVE (Phát sinh)
 AMṚTA (Cam Lộ) GARBHE (Tặng, kho tàng)
 AMṚTA (Cam Lộ) SIDDHE (Thành tựu)
 AMṚTA (Cam Lộ) TEJE (Uy quang, uy đức)
 AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTE (Dũng mãnh)
 AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTA (Dũng mãnh) GAMINE (Đạt đến được)
 AMṚTA (Cam Lộ) GAGANA (Hư Không) KĪRTTI (Tương xứng) KARE (Tác
 làm, tạo tác)
 AMṚTA (Cam Lộ) DUNḌUBHI (Cổ, cái trống) SVARE (Âm Thanh)
 SARVĀRTHA (Tất cả nghĩa lợi) SĀDHANE (Nghỉ thức thành tựu)
 SARVA KARMA (Tất cả nghiệp) KLEŚA (Phiền não) KṢAYAM (cùng tận,
 không còn sót) KARE (Tạo tác)
 SVĀHĀ (Quyết định thành tựu, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn)

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là :

“ Quy mệnh Tam Bảo

**Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác
 Như vậy: Hồi Cam Lộ! Hiện lên Cam Lộ. Phát Sinh Cam Lộ. Kho Tàng Cam
 Lộ. Thành tựu Cam Lộ. Cam Lộ Uy Quang. Cam Lộ Dũng mãnh, đạt đến Cam Lộ
 Dũng Mãnh. Rãi đầy hư không Cam Lộ. Âm thanh của tiếng trống Cam Lộ, thành
 tựu tất cả nghĩa lợi khiến cho tất cả nghiệp không còn phiền não, thọ hưởng mùi vị
 an lạc của Đại Niết Bàn”**

.)Hệ phái Đông Mật của Nhật Bản ghi nhận ý nghĩa của Đà La Ni này là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy y Tam Bảo
 NAMAḤ ĀRYA AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE
 SAMYAKSAMBUDDHĀYA: Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng
 Chính Đẳng Chính Giác
 TADYATHĀ: Như vậy
 OM: Con xin kính lễ
 AMṚTE: Cam Lộ Tôn
 AMṚTODBHAVE: Cam Lộ Sở Sinh Tôn
 AMṚTA-SAMBHAVE: Cam Lộ Phát Sinh Tôn
 AMṚTA-GARBHE: Cam Lộ Thai Tạng Tôn
 AMṚTA-SIDDHE: Cam Lộ Thành Tựu Tôn
 AMṚTA-TEJE: Cam Lộ Uy Quang Tôn
 AMṚTA-VIKRĀNTE: Cam Lộ Thần Biến Tôn
 AMṚTA-VIKRĀNTA-GAMINE: Cam Lộ Đẳng Được Tôn
 AMṚTA-GAGANA-KĪRTTI-KARE: Cam Lộ Quảng Thiệt Tôn
 AMṚTA-DUNḌUBHI-SVARE: Cam Lộ Hào Âm Tôn
 SARVĀRTHA-SĀDHANE: Nhất Thiết Thành Tựu Nghĩa Lợi Tôn
 SARVA-KARMA-KLEŚA-KṢAYAM-KARE: Nhất Thiết Nghiệp Chương
 Tiêu Trừ Tôn
 SVĀHĀ: Được thành tựu

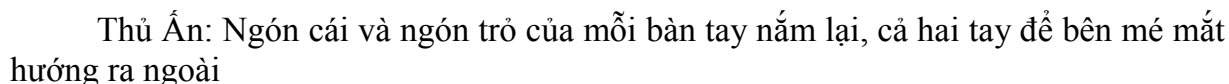
I THƯỜNG PHÂM:

1 Thượng Sinh: Phát tâm chí thành, tin sâu, hồi hướng phát nguyện

Có lòng thương xót, không giết hại, giữ tròn các Giới Hạnh

Tu hành 06 Niệm, hồi hướng phát nguyện sinh về Cực Lạc

Tình tiến dũng mãnh tu từ 01 ngày cho đến 07 ngày, liền được vãng sinh.



ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

OM AMRTODBHAVE DHARMA HRĪH SVĀHĀ

Thượng Phẩm Trung Sinh **Vô Cấu Địa**. Chúng sinh tuy thọ trì Kinh Phương Đẳng nhưng khéo hiển nghĩa thú, đối với Đệ Nhất Nghĩa, tâm không kinh động, tin sâu lý nhân quả, không phỉ báng Pháp Đại Thừa. Hành Giả đem Công Đức này, niệm Phật hồi hướng cầu sinh về **Cực Lạc** (Sukhavatī)



Thủ Ấn là: Hai ngón cái nắm hai ngón giữa ở đầu ngón

Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृतासम्भवे धर्मा ह्रीं स्वāह

OM _ AMṚTA-SAMBHAVE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

3_ Hạ Sinh:

Thượng Phẩm Hạ Sinh **Ly Cấu Địa**. Tuy tin Nhân Quả, không phỉ báng Đại Thừa nhưng chỉ phát tâm cầu Đạo Vô Thượng rồi đem Công Đức đó niệm Phật, nguyện về Cực Lạc



Thượng phẩm
hạ sinh

Thủ Ấn: 2 ngón cái đè trên 2 ngón vô danh

Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृतागर्भे धर्मा ह्रीं स्वāह

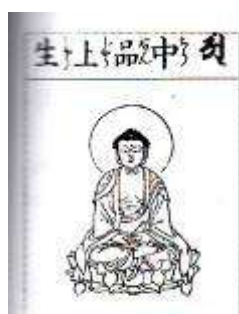
OM _ AMṚTA-GARBHE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

II_ TRUNG PHẨM:

Dành cho những Tín Đồ đã đi theo những con đường khác hơn là sự sùng mộ duy nhất đối với Phật A Di Đà, tuy vậy vẫn cảm thấy muốn được tái sinh vào Tịnh Thổ. Tùy theo trình độ thuần khiến, những người này sẽ ngồi trên các tòa sen với 03 độ nở khác nhau theo 03 cấp bậc. Thủ Ấn của Phật A Di Đà khi tiếp dẫn là: ngón cái đặt trên ngón giữa

1_ Thượng Sinh:

Trung Phẩm Thượng Sinh **Thiện Giác Địa** Thọ 05 Giới, giữ 08 Quan Trai hoặc tu các Giới khác, không tạo tội 05 Nghịch và các điều lỗi lầm rồi đem căn lành ấy hồi hướng cầu sinh về Cực Lạc



Trung phẩm
thượng sinh

Thủ Ấn là: Hai ngón cái nắm hai đầu ngón trỏ để trước ngực, ngửa bàn tay trái, bàn tay phải úp lên cách 02 tấc

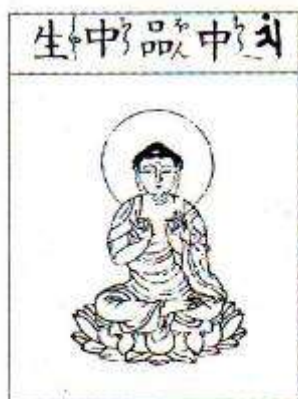
Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृतासिद्धे धर्मा ह्रीं स्वाहा

OM _ AMṚTA-SIDDHE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

2_ Trung Sinh:

Trung Phẩm Trung Sinh **Minh Lực Địa**. Chính chắn giữ 08 Quan Trai hoặc Giới Sa Di hay Giới Cụ Túc, Trong một ngày đêm, các uy nghi đều toàn vẹn. Đem Công Đức huân tu Giới Hương đó hồi hướng, cầu sinh về Cực Lạc



Trung phẩm
trung sinh

Thủ Ấn là: Ấn như trên nhưng để ở vú

Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृतातेजे धर्मा ह्रीं स्वाहा

OM _ AMṚTA-TEJE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

3_ Hạ Sinh:

Trung Phẩm Hạ Sinh **Vô Lậu Địa**. Hiếu dưỡng cha mẹ, tu hành nhân từ theo Thế Gian. Khi lâm chung được Thiện Tri Thức giảng cho nghe sự vui nơi cõi Phật A Di Đà và 48 Đại Nguyện của Tỳ Khưu Pháp Tạng. Nghe xong vui vẻ niệm Phật mà qua đời thì Thần Thức sinh về Cực Lạc



Trung phẩm
hạ sinh

Thủ Ấn là: Giống Ấn như trên nhưng để trước ngực

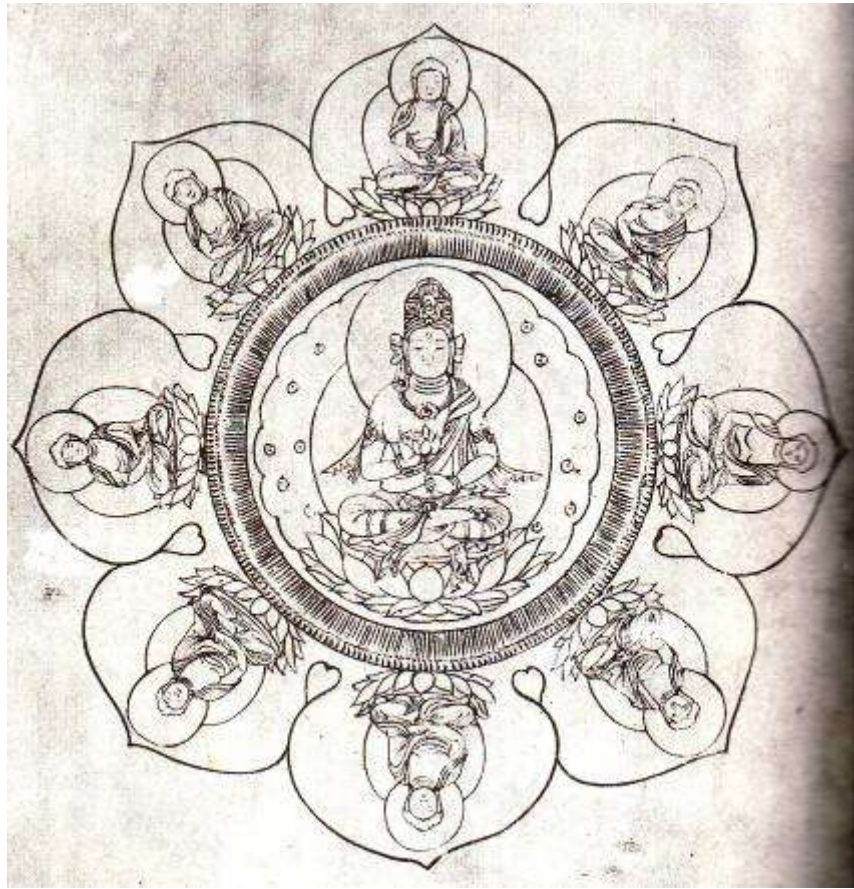
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

49

CỬU PHẨM VĂNG SINH A DI ĐÀ TÔN

Ở chính giữa đài hoa sen tám cánh, an Đức Phật A Di Đà của Thượng Phẩm Thượng Sinh. Tám cánh sen vây chung quanh, an Đức A Di Đà của tám phẩm.



Do Đức Phật A Di Đà có chữ chủng tử là $HRĪḤ$ (𑖕𑖹𑖛) biểu thị cho sự chứng đạt Pháp Giới thanh tịnh, cho nên các vị Đạo Sư Mật Giáo dùng 9 chữ thay thế cho 9 Đức Phật A Di Đà này tạo thành Mạn Đà La minh họa cho sự chứng đạt 9 phẩm vãng sinh





Về ý nghĩa của chữ HRĪḤ thì **Đại Lạc Kim Cương Bất Không Chân Thật Tam Muội Gia Kinh, Bát Nhã Ba La Mật Đa Lý Thú Thích**, có ghi là:

Chữ HRĪḤ (𑖦𑖯𑖫𑖜) gồm đủ 4 chữ H, R, Ī, Ḥ mà thành một câu Chân Ngôn, trong đó:

H tức HA (𑖦𑖜) chỉ hết thấy NHÂN chẳng thể đắc.

R tức RA (𑖦𑖱) chỉ hết thấy Pháp chẳng lìa bụi dơ.

Ī (𑖫𑖜) tức Tự Tại chẳng thể đắc.

Ḥ (𑖜) với ý nghĩa 2 chấm bên cạnh là chữ AH (𑖦𑖱𑖜) tức các Nghiệp chẳng sinh, biểu thị cho Niết Bàn.



Như vậy, HRĪḤ có nghĩa là: “Do Giác ngộ được các Pháp xưa nay không sinh (bản lai bất sinh) nên 02 loại chấp trước (Năng thủ và Sở Thủ) được loại trừ, chứng được Pháp Giới thanh tịnh”.

.)**Lý Thú Thích** lại nói rằng: “Chữ HRĪḤ cũng có nghĩa là xấu hổ. Nếu có đủ hổ thẹn thì không làm việc Bất Thiện, tức là đầy đủ hết thấy các Pháp Vô Lậu. Cho nên **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) cũng gọi là **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya). Do sự gia trì này nên ở Thế giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī) nước, chim, cây, rừng ... đều diễn **Pháp âm** (Dharma-svara). Nếu ai trì một chữ Chân Ngôn này, có thể trừ hết thấy tai họa bệnh tật. Sau khi mệnh chung sẽ vãng sinh quốc độ An Lạc, Thượng Phẩm Thượng Sinh.

.)Theo **Kim Cương Giới Hiện Đồ Sao Tư** thì:

Chữ HRĪḤ này do 04 chữ HA, RA, Ī, AH tạo thành, chỉ cho 04 đức ở 04 phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trong đó:

HA là Nhân nghiệp

RA là Trần cấu (bụi dơ)

Ī là tai họa

AH là đương thể phạm phu làm rõ viễn ly.

Như vậy, HRĪḤ là: “Toàn thể phạm phu có nghĩa là viễn ly, thanh tịnh, không có bụi dơ (vô trần cấu)”

.)Theo một quan điểm khác thì chữ HRĪḤ được hợp thành bởi 04 chữ HA, RA, Ī, AH, trong đó:

HA biểu thị cho sự si mê (Moha)

RA biểu thị cho sự tham lam (Rāga)

Ī biểu thị cho sự sân hận (Dveṣa)

AH biểu thị cho sự chuyên nhập Niết bàn (Nirvāṇa)

Do đó, HRĪḤ biểu thị cho sự mau chóng lìa các bụi dơ tham, sân, si chứng được 04 đức thanh tịnh là: **Ái Nhiễm thanh tịnh** (Rāga viśuddha), **Sân thanh tịnh** (Dveṣa viśuddha), **Uế thanh tịnh** (Mala viśuddha), **Tội thanh tịnh** (Pāpa viśuddha). Quan điểm này đã minh họa được mật hiệu của Đức Phật A Di Đà là **Thanh Tịnh Kim Cương** (Viśuddha-vajra).

.)Trong Man Đa La Ngũ Trí Như Lai của Mật giáo Tây Tạng thì HRĪḤ biểu thị cho **Hỏa Đại** (Tejah) và **Tướng Uẩn** (Samjñā-skandha) nhằm minh họa cho sự quán tưởng phân biệt với đỉnh cao là thấy biết nội tâm một cách rõ ràng không ngăn ngại. Năng khiếu nội quán trực giác với trí phân tích cùng tột này chính là **Diệu Quán Sát Trí** và dạng Thần Cách Hóa của chữ HRĪḤ này chính là Đức Phật A Di Đà ngồi trên lưng con công tỏa ánh sáng chói màu hồng đỏ với câu chú xưng tán Ngài là : **“Om–Amitābha – Hrīḥ”** nghĩa là “Quy mệnh Đức Vô Lượng Quang – Hrīḥ”.

Chín Phẩm vãng sinh trên còn gọi là **Cửu Phẩm Tịnh Thức Chân Như Cảnh**. Nội tọa (chỗ ngồi bên trong) đây có **12 Đại Man Đà La** (Dvadaśa-mahā-maṇḍala) là **Chân Tượng** (Hình tượng chân thật) của Đại Viên Cảnh Trí. Tên các Chân Tượng ấy là :

1) Nhất Thiết Tam Đạt **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha), chữ chủng tử là A (𑖀)



2) Biến Giác Tam Minh **Vô Biên Quang Phật** (Ananta-prabhāsa), chữ chủng tử là Ā (𑖁)



3) Chí Đạo Tam Minh **Vô Ngại Quang Phật** (Apratihata-raśmirāga-prabha), chữ chủng tử là AM (𑖂)



4) Lục Chân Lý Trí Quang Minh **Vô Đối Quang Phật** (Asamāpta-prabha), chữ chủng tử là AH (ॐ)



5) Sắc Thiện Tam Minh **Điểm Vương Quang Phật** (Prabhā-sikhotsrṣṭaprabha), chữ chủng tử là MA (ॐ)



6) Nhất Thiết Tam Minh **Thanh Tịnh Quang Phật** (Śuddha-prabha), chữ chủng tử là MĀ (ॐ)



7) Phổ Môn Tam Minh **Hoan Hỷ Quang Phật** (Pramudita-prabha), chữ chủng tử là MAM (𑖦)



8) Nhập Tuệ Tam Minh **Trí Tuệ Quang Phật** (Prajñā-prabha), chữ chủng tử là MAḤ (𑖦)



9) Quang Sắc Tam Minh **Bất Đoạn Quang Phật** (Nibandhanīya-prabha), chữ chủng tử là TA (𑖦)

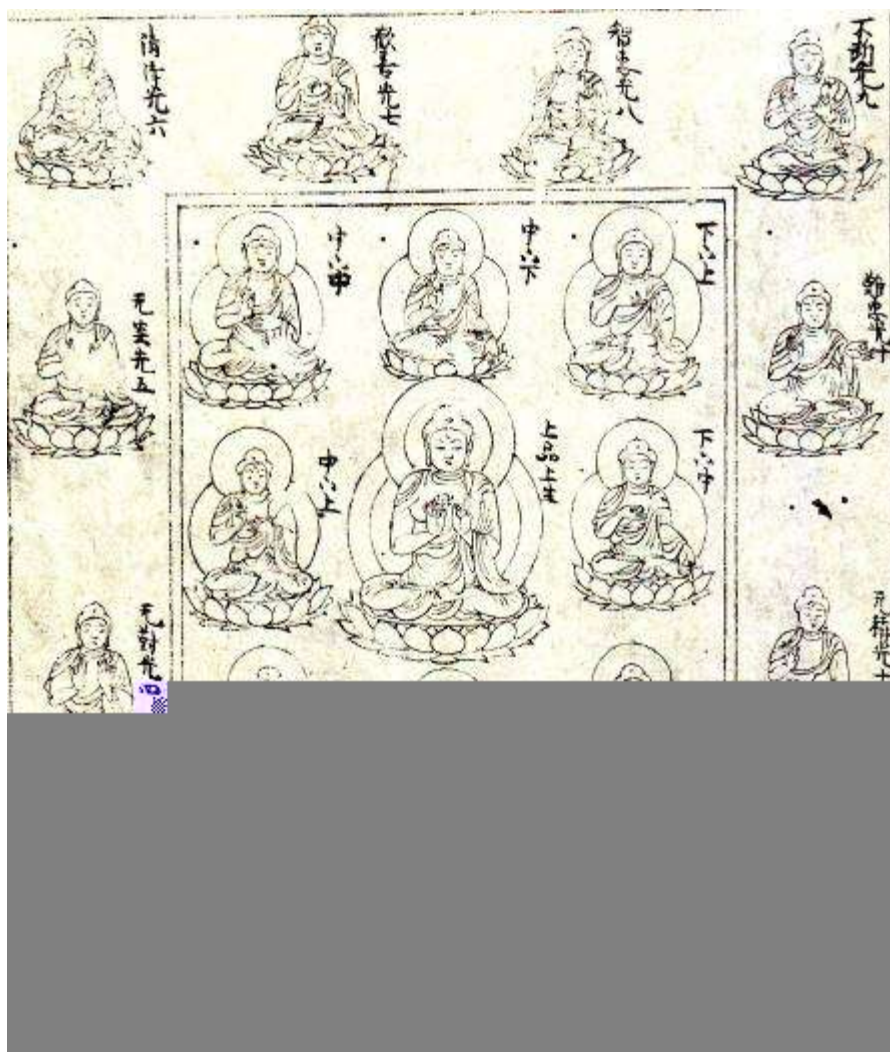


Chư Phật Như Lai như vậy là chân sắc cụ túc (Đầy đủ sắc tướng chân thật) là nơi y cứ của **tướng BI** (Kāruṇa-lakṣaṇa) của tất cả Như Lai ba đời.

Như vậy, nếu có chúng sinh muốn sinh về **Tịnh Thổ Cửu Phẩm** (9 phẩm của cõi Cực Lạc) như vậy thì nên tôn phụng xem xét 12 **Viên Diệu** ấy. Ngày đêm ba thời xưng danh Cửu Phẩm Tịnh Thổ như vậy, tán thán hiệu của 12 vị **Quang Phật** tức vĩnh viễn ra khỏi nhà lửa của Tam Giới, quyết định sinh **Chân Như** (Bhūta-tathatā), xa lìa **Hữu Lộ** (Sāsrava), nhập hẳn vào **Vô Lộ** (Anāsrava).

A Di Đà Cửu Phẩm Mạn Trà La (vẽ theo Biệt Tôn Tạng Ký)

A Di Đà Cửu Phẩm Mạn Trà La là một loại **Tịnh Thổ Mạn Trà La**. Ở hình vuông bên trong an Đức Phật A Di Đà của Thượng Phẩm Thượng Sinh, chung quanh, an Đức A Di Đà của tám phẩm. Ở hình vuông thứ hai an 12 vị **Quang Phật**



Truyền thống khác ghi nhận **A Di Đà Cửu Phẩm Mạn Trà La** là: Ở chính giữa đài sen tám cánh an Đức Phật A Di Đà của **Thượng Phẩm Thượng Sinh** biểu thị cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** của **Phổ Môn Vạn Đức**, tám cánh sen vây chung quanh an Đức A Di Đà của tám phẩm. Bốn góc của Nội Viện an 4 vị Bồ Tát: **Pháp** (Quán Âm biểu thị cho **Đại Viên Cảnh Trí**), **Lợi** (Văn Thù biểu thị cho **Bình Đẳng Tính Trí**), **Nhân** (Đi Lặc biểu thị cho **Diệu Quán Sát Trí**), **Ngũ** (Duy Ma Cật biểu thị cho **Thành Sở Tác Trí**). Viện thứ hai an 12 **Quang Phật**, **bốn Nhiếp** (Câu, sách, Tọa, Linh), **Ngoại Tứ Cúng** (Hương, Hoa, Đăng, Đồ). Viện thứ ba an **24 vị Bồ Tát**

A Di Đà Phật được phối trí với chữ **OM** (ॐ) ở phương trung ương biểu thị cho Trí Phương Tiện Phổ Môn của Như Lai, là sự tu hành viên mãn đắc được Quả Đức tự chứng nên còn gọi là **Chứng Bồ Đề**, đại biểu cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) là Trí khéo biết tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà tự tại thuyết Pháp giáo hóa chúng sinh. Do đó Diệu Quán Sát Trí được xem là **Ứng Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) của Đại Nhật Như Lai là Thân giáo hóa nhiếp thọ Bồ Tát Sơ Địa, Nhị Thừa, Phàm Phu.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो भगवते अमिताभ्या तथगतये ॐ

Namo bhagavate amitābhāya tathāgatāya_ Om

2_HƯ KHÔNG TẠNG Bồ Tát

Hư Không Tạng Bồ Tát tên Phạn là **Ākāśa-garbha** dịch âm là A Ca Xả Nghiệt Bà hay **Gagana-gaṇja** dịch âm là Nga Nga Năng Ngạn Bà. Tức đầy đủ hai kho tàng Phước Trí không có hạn lượng ngang bằng với hư không; ý là rộng lớn vô biên. Lại xưng là Hư Không Dựng Bồ Tát.

Tôn này hay tuôn ra Pháp Bảo vô lượng ban cho khắp điều ước muốn, làm lợi lạc cho chúng sinh.

Hư Không Tạng Bồ Tát được phối trí với chữ **A (𑖀)** ở phương Đông biểu thị cho **Phước Trí Trang Nghiêm** hay sinh ra Trí Nội Chứng và Phước Đức Nội Chứng của 10 Ba La Mật



Chân Ngôn là:

𑖀 𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁𑄂𑄃𑄄𑄅𑄆𑄇𑄈𑄉𑄊𑄋𑄌𑄍𑄎𑄏𑄐𑄑𑄒𑄓𑄔𑄕𑄖𑄗𑄘𑄙𑄚𑄛𑄜𑄝𑄞𑄟𑄠𑄡𑄢𑄣𑄤𑄥𑄦𑄧𑄨𑄩𑄪𑄫𑄬𑄭𑄮𑄯𑄰𑄱𑄲𑄳𑄴𑄵𑄶𑄷𑄸𑄹𑄺𑄻𑄼𑄽𑄾𑄿𑅀𑅁𑅂𑅃𑅄𑅅𑅆𑅇𑅈𑅉𑅊𑅋𑅌𑅍𑅎𑅏𑅐𑅑𑅒𑅓𑅔𑅕𑅖𑅗𑅘𑅙𑅚𑅛𑅜𑅝𑅞𑅟𑅠𑅡𑅢𑅣𑅤𑅥

Phổ Hiền Bồ Tát được phối trí với chữ **MR** (𑖦𑖻) ở góc Đông Nam biểu thị cho Hạnh Thâm Nhập Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn Tỉnh Tâm Bồ Đề



Chân Ngôn là:

ॐ नमः सप्तशतसुखं

Om namo samanta-bhadrāya MR

4 KIM CƯƠNG THỦ BỒ Tát

Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát, tên Phạn là Vajra-satva. Lại xưng là Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ, Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ, Trì Kim Cương Cụ Tuệ Giả, Kim Cương Thượng Thủ, Đại Lạc Kim Cương, Tô La Đa Kim Cương, Nhất Thiết Như Lai Phổ Hiền, Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Kim Cương Bồ Tát, Kim Cương Thắng Bồ Tát. Kim Cương Tạng, Chấp Kim Cương, Bí Mật Chủ,

Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) tượng trưng cho tâm Bồ Đề bền chắc chẳng hoại và ý nghĩa **phiền não tức Bồ Đề**. Tôn này là Bộ Chủ của Đại Trí Kim Cương Bộ, chủ về Đức **chiết phục**, có Bản Thệ là **tội phá tất cả Ma ác**

Kim Cương Thủ (Vajra-pāṇi) được phối trí với chữ TA (𑖦) ở phương Nam, biểu thị cho Diệu Đức Nội Chứng của Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) là **chiết phục và tột phá tất cả Ma ác**



Chân Ngôn là:

ॐ नमो वज्रपाणि

Oṃ namo vajra-pāṇiya_ TA

5_ VẤN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT

Vấn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tên Phạn là Mañjuśrī. Lại xưng là Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Sư Lợi, Mạn Thù Thất Lợi . Lược xưng là Văn Thù. Trong các Kinh Điển Khác lại có các danh hiệu là: Diệu Đức, Diệu Thủ, Nhu Thủ, Kính Thủ, Diệu Cát Tường...

Vấn Thù Sư Lợi còn gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Văn Thù Sư Tử Đồng Bồ Tát, **Nhu Đồng Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī-kumāra-bhūta)

Vấn Thù Sư Lợi Bồ Tát với Phổ Hiền Bồ Tát cùng theo hầu cận Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và được xưng chung là **Thích Ca Tam Thánh**. Do Văn Thù Sư Lợi là bậc Thượng Thủ trong hết thầy Bồ Tát Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nên được gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử. Ngài có hình tượng là Cầm cây kiếm ngòai trên lưng sư tử biểu thị cho sự sắc bén của Pháp Môn. Tay phải cầm cây kiếm báu Kim Cương chặt đứt tất cả phiền não của chúng sinh, dùng tiếng rống của sư tử không sợ hãi, trấn tĩnh chúng sinh đang bị mê đắm.

Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát được phối trí với chữ **TE** (ྤེ) ở góc Tây Nam biểu thị cho Hạnh Trưởng Dưỡng Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn nuôi lớn Bát Nhã



Chân Ngôn là:

ཱམ་མཎི་པཎ་ཤེས་རྒྱལ་ཏེ་

Oṃ namo mañjuśrīya_ TE

6_TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ TÁT

Trừ Cái Chướng Bồ Tát, tên Phạn là Sarva-nīvaraṇa-viśkambhin. Lại xưng là Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Bồ Tát, Giáng Phục Nhất Thiết Chướng Ngại Bồ Tát, Khí Chư Ám Cái Bồ Tát.

Tôn này được phối trí với chữ **JE** (ཇེ) ở phương Tây biểu thị cho việc dùng Nhân của Tâm Tịnh Bồ Đề khiến cho tiêu trừ tất cả phiền não, tất cả chướng ngại



Chân Ngôn là:

ཱམ་མཎི་སེའི་ཐུ་བྱུང་པཎ་ཤེས་རྒྱལ་ཏེ་

Oṃ namo sarva-nīvaraṇa-viśkambhinaya_ JE

7_ĐỊA TẠNG BỒ Tát

Địa Tạng Bồ Tát, tên Phạn là Kṣīti-garbha dịch âm là Khất Xoa Đê Nghiệt Bà, nghĩa là đất hoặc Trú Xứ, hoặc hàm tàng (che dấu bên trong).

Địa Tạng Bồ Tát giống như Đại Địa hay nâng chịu tất cả Nghiệp Tội của chúng sinh mà an nhẫn chẳng động, đầy đủ Định Tuệ, hay biết rõ tất cả Bí Tạng.

Địa Tạng là vị Bồ Tát tự thể cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo thì mới nguyện thành Phật.

Tôn này được phối trí với chữ **HA** (𣎵) ở phương Tây Bắc biểu thị cho Đại Nguyên **Nhân Nhục, Tinh Tiến** cứu độ tất cả chúng sinh



Chân Ngôn là:

ਭੰਗਮਕਿਰਿਸੁਧਨ

Om namo kṣiti-garbhāya HA

8 QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT

Quán Thế Âm Bồ Tát, tên Phạn Ārya-avalokiteśvara có nghĩa là Thánh Quán Thế Âm với **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta) cùng theo hầu cận Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây và được xưng tên chung là **Tây Phương Tam Thánh**

Quán Tự Tại Bồ Tát đại biểu cho Tâm Đại Bi của tất cả chư Phật, hay lắng nghe âm thanh khổ nạn của tất cả chúng sinh mà cứu độ như con ruột. Ngoài ra Quán Tự Tại Bồ Tát còn đại biểu cho sự giác ngộ Phật Tính viên mãn của mỗi một cá nhân.

Quán Tự Tại Bồ Tát được phối trí với chữ **RA (𑖦)** ở phương Bắc biểu thị cho Hạnh Toàn Thiện Tâm Bồ Đề, tức là giai đoạn chứng ngộ Bồ Đề



Chân Ngôn là:

ॐ नमो अवलोकितेश्वराय ॥

Oṃ namo avalokiteśvarāya_RA

9_DI LẶC BỒ TÁT

Di Lặc Bồ Tát có tên gọi là **Vô Năng Thắng** (Ajita), hiệu là **Từ Thi** (Maitreya). Ngài là vị Phật thứ năm kế tiếp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, xuất hiện trên trái đất này. Hiện Ngài đang ở cung Trời **Đâu Suất** (Tusita) giáo hóa chúng sinh. Do đó Ngài còn được xưng là Nhất Bồ Xứ Bồ Tát, Bồ Xứ Bồ Tát hoặc Di Lặc Như Lai.

Trong đời đời kiếp kiếp Ngài thường tu tập **Từ Tâm Tam Muội**, hành **Từ Hạnh** để cứu độ chúng sinh. Do Đức đặc biệt này mà Ngài có hiệu là **Từ Thi**.

Di Lặc Bồ Tát được phối trí với chữ **HŪM** (ॐ) ở góc Đông Bắc biểu thị cho Hạnh Kết Kim Cương Thân, tức là giai đoạn Nhập Niết Bàn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो मित्रेयाय ॐ

Oṃ namo maitreyāya_HŪM

A DI ĐÀ MẠN TRÀ LA

A Di Đà Mạn Trà La cũng là một loại **Tịnh Thổ Mạn Trà La**. Ở chính giữa đài hoa sen 16 cánh, an Đức Phật A Di Đà của Thượng Phẩm Thượng Sinh. Tám cánh sen ở lớp thứ nhất an Đức A Di Đà của tám phẩm [9 Đức Phật này được biểu thị bằng 9 chữ HRĪḤ (𑖦𑖳)]. Tám cánh sen ở lớp thứ hai an 8 vị Đại Bồ Tát là: Quán Âm (𑖦𑖳: A), Di Lặc (𑖦𑖳: MR), Hư Không Tạng (𑖦𑖳: TA), Phổ Hiền (𑖦𑖳: TE), Kim Cương Thủ [𑖦𑖳: SE (?𑖦𑖳: JE)], Văn Thù (𑖦𑖳: HA), Trừ Cái Chướng (𑖦𑖳: RA), Địa Tạng (𑖦𑖳: HŪM).

Bốn góc trong Nội Viện là 4 vị **Bồ Tát Nội Cúng Dường**: Hý (𑖦𑖳: HOH), Man (𑖦𑖳: TRAT), Ca (𑖦𑖳: GĪ), Vũ (𑖦𑖳: KRT)

Bốn góc ở Ngoại Viện là 4 vị **Bồ Tát Ngoại Cúng Dường**: Thiêu Hương (𑖦𑖳: AH), Hoa (𑖦𑖳: OM), Đẳng (𑖦𑖳: DĪH), Đê Hương (𑖦𑖳: GAH)

Bốn cửa của Ngoại Viện là 4 vị **Nhiếp Bồ Tát**: Câu (𑖦𑖳: JAH), Sách (𑖦𑖳: HŪM), Tỏa (𑖦𑖳: VAM), Linh (𑖦𑖳: HOH)



Truyền thống khác ghi nhận **A Di Đà Mạn Trà La** có Nội Viện là hoa sen tám cánh: Đài sen ở chính giữa an Đức Phật A Di Đà, tám cánh sen vây chung quanh an 8 vị Đại Bồ Tát là: Quán Âm, Di Lặc, Hư Không Tạng, Phổ Hiền, Kim Cương Thủ, Văn Thù, Trừ Cái Chướng, Địa Tạng

Bốn góc trong Nội Viện là 4 vị **Bồ Tát Nội Cúng Dường**: Hý, Man, Ca, Vũ

Bốn góc ở Ngoại Viện là 4 vị Bồ Tát Ngoại Cúng Đường: Thiêu Hương, Hoa,
Đăng, Đồ Hương
Bốn cửa của Ngoại Viện là 4 vị Thủ Môn Bồ Tát: Câu, Sách, Tỏa, Linh



A DI ĐÀ 12 QUANG PHẬT MAN ĐA LA



_Trung Tâm Man Đa La là Đức Phật A Di Đà, thân màu thịt trắng, khoác áo cà sa đỏ, tay kết Ấn **Thuyết Pháp**, ngồi Kiết Già trên tòa sen báu

_Chung quanh là 12 vị **Quang Phật**, biểu thị cho Công Đức ánh sáng của Đức Phật A Di Đà.

Hàng trên cùng, từ trái sang phải có 4 vị Quang Phật là: Vô Xưng Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật

Hàng dưới cùng, từ trái sang phải có 4 vị Quang Phật là: Vô Biên Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Vô Lượng Quang Phật

Cột dọc bên trái, từ trên xuống dưới có 2 vị Quang Phật là: Trí Tuệ Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật

Cột dọc bên phải, từ trên xuống dưới có 2 vị Quang Phật là: Diệm Vương Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật

Trong đó:

1_ **Vô Lượng Quang Phật** biểu thị cho Tính của **thời gian**, nghĩa là ánh sáng của Đức Phật A Di Đà không có hạn lượng, chiếu suốt cả ba cõi, thông suốt cả ba thời quá khứ hiện tại vị lai. Tức chẳng kể là chúng sinh sinh tại thời nào, đều có thể cứu độ

2_ **Vô Biên Quang Phật** biểu thị cho Tính của **Không Gian**, nghĩa là ánh sáng của Đức Phật A Di Đà không có bờ mé, chiếu khắp mười phương. Tức chẳng kể là chúng sinh sinh tại nơi chốn nào, đều có thể cứu độ

3_ **Vô Ngại Quang Phật** biểu thị cho Tính **nhiep nhận**, nghĩa là nơi mà ánh sáng của Đức Phật A Di Đà đã chiếu đến thì tất cả đều chẳng thể gây chướng ngại

4_ **Vô Đối Quang Phật** biểu thị cho sự **diệt Nhân khổ**, nghĩa là ánh sáng của Đức Phật A Di Đà có sức uy thần mà không có gì có thể so sánh được

5_ **Diệm Vương Quang Phật** biểu thị cho sự **diệt Quả khổ**, nghĩa là ánh sáng của Đức Phật A Di Đà có năng lực tự tại giống như lửa Trí Tuệ hay thiêu đốt tất cả phiền não, khiến cho chúng sinh ở nơi đen tối trong ba đường nung theo ánh sáng này mà được giải thoát

6_ **Thanh Tịnh Quang Phật** biểu thị cho sự **đối trị tham dục**, nghĩa là ánh sáng của Đức Phật A Di Đà là ánh sáng thanh tịnh được sinh ra từ Công Đức căn lành của sự không có tham dục, cho nên dùng ánh sáng này để đối trị Tâm tham dục của chúng sinh

7_ **Hoan Hỷ Quang Phật** biểu thị cho sự **đối trị giận dữ**, nghĩa là ánh sáng của Đức Phật A Di Đà là ánh sáng hoan hỷ được sinh ra từ Công Đức căn lành của sự vui vẻ, cho nên dùng ánh sáng này để giảm bớt, tiêu diệt sự giận dữ của chúng sinh

8_ **Trí Tuệ Quang Phật** biểu thị cho sự **đối trị ngu si**, nghĩa là ánh sáng của Đức Phật A Di Đà là ánh sáng Trí Tuệ được sinh ra từ Công Đức căn lành của sự không có ngu si, cho nên dùng ánh sáng này phá Vô Minh ám tối của chúng sinh

9_ **Bất Đoạn Quang Phật** biểu thị cho sự **chẳng đoạn thường**, nghĩa là ánh sáng của Đức Phật A Di Đà thường chiếu soi chẳng bị đứt đoạn, nhiếp nhận chúng sinh **niệm Phật** có niềm tin chính đúng

10_ **Nan Tư Quang Phật** biểu thị cho sự **xa lìa Tâm duyên**, nghĩa là ánh sáng của Đức Phật A Di Đà có uy lực của ánh sáng Thần diệu chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là cảnh giới mà Tâm của chúng sinh có thể theo kịp

11_ **Vô Xưng Quang Phật** biểu thị cho sự **xa lìa ngôn thuyết**, nghĩa là ánh sáng của Đức Phật A Di Đà có uy lực của ánh sáng Thần diệu chẳng thể xưng lượng, chẳng phải là cảnh giới mà ngôn thuyết của chúng sinh có thể theo kịp

12_ **Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật** biểu thị cho tính **ưu việt**, nghĩa là ánh sáng của Đức Phật A Di Đà chiếu khắp cả mười phương không có nơi chướng ngại, bên trên chiếu đến cõi Thượng Thiên, bên dưới chiếu soi đến Địa Ngục...không có lúc nào chẳng chiếu soi... trong khi đó, ánh sáng của mặt trời mặt trăng chỉ có thể chiếu soi bốn thiên hạ, mặt trời chỉ chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chỉ chiếu sáng ban đêm. Do vậy, ánh sáng của Đức Phật A Di Đà vượt hơn hẳn ánh sáng của mặt trời mặt trăng nên

có tên gọi là **Siêu Nhật Quang Phật** và được dùng làm ví dụ cho tính ưu việt của ánh sáng của Đức Phật A Di Đà.

Dùng sức Công Đức của 12 Quang Phật này làm sức mạnh trợ duyên **vãng sinh** cho tất cả chúng sinh nào nghe danh hiệu ấy, sinh tâm vui vẻ cho đến một niệm, chí Tâm hồi hướng, nguyện sinh về Thế Giới Cực Lạc thì liền được vãng sinh, trụ chẳng thoái chuyển

Nghi Thức đơn giản tu trì Man Đà La này là:

Nam Mô VÔ LƯỢNG QUANG PHẬT (1 lạy)

Nam Mô VÔ BIÊN QUANG PHẬT (1 lạy)

Nam Mô VÔ NGẠI QUANG PHẬT (1 lạy)

Nam Mô VÔ ĐỐI QUANG PHẬT (1 lạy)

Nam Mô DIỄM VƯƠNG QUANG PHẬT (1 lạy)

Nam Mô THANH TĨNH QUANG PHẬT (1 lạy)

Nam Mô HOAN Hỷ QUANG PHẬT (1 lạy)

Nam Mô TRÍ TUỆ QUANG PHẬT (1 lạy)

Nam Mô BẤT ĐOẠN QUANG PHẬT (1 lạy)

Nam Mô NAN TỬ QUANG PHẬT (1 lạy)

Nam Mô VÔ XUNG QUANG PHẬT (1 lạy)

Nam Mô SIÊU NHẬT NGUYỆT QUANG PHẬT (1 lạy)

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Giáo Chủ Đại Từ Đại Bi A DI ĐÀ PHẬT (1 lạy)

OM_ A Ā AM AH_ MA MĀ MAM MAH_ TA TĀ TAM TAH_ HRĪH
HŪM

OM_ AMITĀBHA HRĪH

A DI ĐÀ MAN ĐA LA

Mật Tông Phật Giáo Tây Tạng ghi nhận rất nhiều **Man Đa La** (Maṇḍala) của chư Phật, trong đó Man Đa La của Đức **Phật A Di Đà** (Amitābha-buddha maṇḍala) được ghi nhận là sự biểu thị quan trọng nhất, hàm chứa sức mạnh siêu việt hướng dẫn chúng sinh nhanh chóng sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī)



_ Ở trung tâm của Man Đa La là Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha: Vô Lượng quang) màu đỏ, tượng trưng cho **Hỏa Đại** (Agni-dhātu), hay thiêu đốt tất cả bụi dơ Vô Thủy Vô Minh của chúng sinh. Hiện hiện Trí thâm nhập khắp nơi trong Pháp Giới

_ Ở phương Đông là Đức **Bất Động A Di Đà** (Amitābha-akṣobhya) màu xanh da trời, tượng trưng cho **Không Đại** (Ākāśa-dhātu), hay chữa trị sự giận ghét, oán hận và trì độn mù quáng; chấm dứt sự hiện sinh quý quái ở cõi Địa Ngục và cõi Súc sinh. Hiện hiện Trí vô ngại vô tư, nhận biết mọi sự vật đúng theo bản chất chân thật của chúng

_ Ở phương Nam là Đức **Bảo Sinh A Di Đà** (Amitābha-ratna-sambhava), màu vàng, tượng trưng cho **Địa Đại** (Pṛthivi-dhātu), hay chữa trị Bản Ngã tự phụ hoài nghi, chấm dứt sự hiện sinh ở cõi người. Hiện hiện Trí bình đẳng không có chấp dính, vô tư vô kỷ

_ Ở phương Tây là Đức **Biến Chiếu A Di Đà** (Amitābha-vairocana), màu trắng, tượng trưng cho **Thủy Đại** (Ab-dhātu), hay loại bỏ sự đam mê thèm khát, chấm dứt hình thức hiện sinh ở cõi Quỷ đói. Hiện hiện Trí phân biệt cao siêu màu nhiệm

_ Ở phương Bắc là Đức **Bất Không Thành Tựu A Di Đà** (Amitābha-amoghasiddhi), màu xanh lục, biểu thị cho **Phong Đại** (Vāyu-dhātu), hay chấm dứt sự ganh tỵ tranh đấu, chấm dứt hình thức hiện sinh ở cõi A Tu La, hay đối trừ Ma ác, đập nát các phiền não, được đạo phương tiện, hay phát sinh các loại căn lành Xuất Thế Gian, sinh trưởng Công Đức. Hiện hiện Tam Muội **Tự Tại Lực** của Tâm Từ Bi

Ở cửa Đông là **Trì Quốc Thiên Vương** (Dhṛta-rāṣṭra) màu xanh da Trời, hộ giúp tất cả giáo hóa chúng sinh ở phương Đông

Ở cửa Nam là **Tăng Trưởng Thiên Vương** (Virūḍhaka) màu vàng, hộ giúp tất cả giáo hóa chúng sinh ở phương Nam

Ở cửa Tây là **Quảng Mục Thiên Vương** (Virūpākṣa) màu trắng, hộ giúp tất cả giáo hóa chúng sinh ở phương Tây

Ở cửa Bắc là **Tỳ sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa) màu xanh lục, hộ giúp tất cả giáo hóa chúng sinh ở phương Bắc

*)Thần Chủ chính của A Di Đà Man Đa La này là:

OM AMI DEVA HRĪ

(?OM AMITĀBHA-DEVA HRĪḤ)

Thần Chủ này có nhiều tầng lớp ý nghĩa, nhưng thông thường được hiểu là:

OM: Soi sáng Thân, Miệng, Ý

AMI (?Amitābha): Đức Phật A Di Đà

DEVA: Các cõi Trời, sáu Trời ở cõi Dục (Kāma-dhātu) và cõi Phạm Thiên (Brahma-dhātu)

HRĪ (?Hrīḥ): Âm tiết của hạt giống Từ Bi

Nếu Hành Giả tạo dựng Man Đa La và trì tụng Thần Chủ này thì đời này được nhiều lợi ích lớn, sau khi chết được sinh về Thế Giới Cực Lạc, và cuối cùng chấm dứt được sự tái sinh trong vòng Luân Hồi

A DI ĐÀ NGŨ PHẬT MAN ĐA LA



Ở trung tâm của Man Đa La an Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha: Vô Lượng quang) màu đỏ, kết Ấn Thiền Định, ngồi Kiết Già trên hoa sen báu

Ở bên trên, ngay chính giữa an Đức **Biến Chiếu A Di Đà** (Vairocana-amitābha) màu trắng, biểu thị cho thành quả tịnh hóa **Thức Uẩn** (Vijñāna-skandha) hiển hiện Tượng Vô Kiến Định của A Di Đà Như Lai, là xứ Đại Không Trí, tức là Lý Trí của Chân Như tịch diệt.

Bên phải Đức Biến Chiếu A Di Đà, an Đức **Bảo Sinh A Di Đà** (Ratna-saṃbhava-amitābha) màu vàng biểu thị cho thành quả tịnh hóa **Thọ Uẩn** (Vedanā-skandha) hiển hiện **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) của A Di Đà Như Lai, hay dứt trừ tất cả bụi dơ vô thủy vô minh của chúng sinh và sinh mầm giống của **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)

Bên trái Đức Biến Chiếu A Di Đà, an Đức **Vô Lượng Thọ A Di Đà** (Amitāyus-amitābha) màu hồng đỏ, biểu thị cho thành quả tịnh hóa **Tưởng Uẩn** (Saṃjñā-skandha), hiển hiện **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya) của Đức A Di Đà Như Lai, tức là Pháp Thân Thông tự tại thuộc biên Trí của A Di Đà Như Lai

Ở bên dưới, bên dưới Đức Bảo Sinh A Di Đà, an Đức **Bất Động A Di Đà** (Akṣobhya-amitābha) màu xanh da trời, biểu thị cho thành quả tịnh hóa **Sắc Uẩn** (Rūpa-skandha), hiển hiện **Lý Pháp Thân** cực thanh tịnh của A Di Đà Như Lai

Bên dưới Đức Vô Lượng Thọ A Di Đà, an Đức **Bất Không Thành Tựu A Di Đà** (Amogha-amitābha) màu xanh lục, biểu thị cho thành quả tịnh hóa **Hành Uẩn** (Samskāra-skandha), hiển hiện **Pháp Thân Đại Lực** của A Di Đà Như Lai

Thần Chú Chính của Man Đà La này là:

OM_ A VĪRA HŪM KHAṂ HRĪH SVĀHĀ

OM_ AMITĀBHA HRĪḤ

A DI ĐÀ NGŨ TRÍ MAN ĐA LA



Ở trung tâm Đàn an Đức Phật A Di Đà (Amitābha-buddha) màu hồng đỏ, kết Ấn Thiền Định, ngồi trên tòa sen báu

Ngay bên trên đỉnh đầu của Đức Phật A Di Đà, hiển hiện vị **Hóa Bồ Tát** (Nirmāṇa-bodhisatva) màu trắng, biểu thị cho năng lực Thiền Định chuyển hóa **năm Uẩn** (Pañca-skandha) thành **năm Phật Trí** (Pañca-buddha-jñāna)

Ở bên dưới, ngay trước mặt Đức Phật A Di Đà, an 2 vị Rồng Thần màu vàng đỏ và màu xanh, hộ trì bánh xe Pháp... biểu thị cho việc giữ gìn và lưu truyền Chính Pháp giải thoát, hóa độ tất cả chúng sinh

_Ở phương bên trên, xoay theo chiều kim đồng hồ, an năm Đức Phật theo thứ tự là:

Vô Lượng Thọ A Di Đà (Amitāyus-amitābha) màu hồng đỏ, biểu thị cho thành quả tịnh hóa **Tướng Uẩn** (Samjñā-skandha) hiển hiện **Điều Quán Sát Tính Trí** (Pratyavekṣana jñāna) là Trí thấy biết nội tâm một cách rõ ràng, là Trí khéo quán tướng chung tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn chuyển, lại y theo từng loại căn cơ của chúng Hữu Tình mà thuyết Pháp giáo hóa họ một cách tự tại.

Bất Động A Di Đà (Akṣobhya-amitābha) màu xanh da trời, biểu thị cho thành quả tịnh hóa **Sắc Uẩn** (Rūpa-skandha), hiển hiện **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) là kinh nghiệm Tâm Thức bất động, trực tiếp trông thấy mọi hiện tượng đang hiện hành trong Pháp Giới một cách rõ ràng không vướng mắc. Tức là Trí thanh lọc làm tiêu tan và thu nhiếp tất cả yếu tố nhân vị của cá nhân.

Biến Chiếu A Di Đà (Vairocana-amitābha) màu trắng, biểu thị cho thành quả tịnh hóa **Thức Uẩn** (Vijñāna-skandha), hiển hiện **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma dhātu parakṛti jñāna) là Trí thâm nhập khắp nơi trong Pháp giới, chuyển hóa Tâm thức cá vị thành Tâm Thức tổng quát.

Bất Không Thành Tựu A Di Đà (Amogha-siddhi-amitābha) màu xanh lục, biểu thị cho thành quả tịnh hóa **Hành Uẩn** (Saṃskāra-skandha), hiển hiện **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) là Trí phân biệt rõ ràng các hậu quả của mọi hành động và thành tựu được tất cả công Đức. Đây là Trí giải thoát các nghiệp.

Bảo Sinh A Di Đà (Ratna-sambhava-amitābha) màu vàng, biểu thị cho thành quả tịnh hóa **Thọ Uẩn** (Vedanā-skandha), hiển hiện **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) là Trí thấy biết sự nhất thể sâu kín, căn bản của các thực thể. Do Trí này mà mọi tình cảm ích kỷ riêng tư được chuyển hóa thành tình thương bao quát tất cả.

_Ở bên phải của Đức Phật A Di Đà, an Bồ Tát **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi) màu xanh da trời, tức là **thân phần nộ** (Krodha-kāya) của **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva)) biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **A Lại Gia Thức** (Ālaya-vijñānam)

_Ở bên trái của Đức Phật A Di Đà, an Bồ Tát **Quán Âm** (Avalokiteśvara) màu trắng, biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Nhĩ Thức** (Śrotra-vijñānam)

_Ở bên dưới Kim Cương Thủ, an Bồ Tát **Văn Thù** (Mañjuśrī) màu cam, biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Thiệt Thức** (Jihvā-vijñānam)

_Ở bên dưới Quán Âm, an Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) màu trắng, biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Nhãn Thức** (Cakṣur-vijñānam)

_Ở hàng dưới cùng, ngay bên dưới Di Lặc, theo thứ tự an bốn vị Bồ Tát là **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha) màu trắng, biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Ý Thức** (Mano-vijñānam)

Phổ Hiền (Samanta-bhadra) màu cam, ngồi trên con voi trắng, biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Thân Thức** (Kāya-vijñānam)

Địa Tạng (Kṣiti-garbha) màu vàng, biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Tý Thức** (Ghrāṇa-vijñānam)

Trừ Cái Chướng (Sarva-nīvaṇa-viṣkambhin) màu trắng, biểu thị cho Tướng thanh tịnh màu nhiệm được hiển hiện sau khi đã chuyển hóa **Mạt Na Thức** (Manas-vijñānam)

Trong **8 Thức** (Aṣṭau-vijñānāni) này, sau khi được tịnh hóa thì **A Lại Gia Thức** (Ālaya-vijñānam) trở thành **Pháp Giới Thể Tính Trí**

Mạt Na Thức (Manas-vijñānam) trở thành **Bình Đẳng Tính Trí**

Ý Thức (Mano-vijñānam) trở thành **Diệu Quán Sát Trí**

Sáu Thức Thân (Ṣaḍ-vijñāna) còn lại, trở thành **Thành Sở Tác Trí**

Chân Ngôn chính của Man Đa La này là:

OM AMṚTA TEJE HARA HŪM

A DI ĐÀ 35 PHẬT MAN ĐA LA



Chính giữa Man Đa La là Đức Phật a Di Đà (Amitābha-buddha) màu hồng đỏ, biểu thị cho **Thân Pháp Giới Tạng** (Dharma-dhātu-garbha kāya)

Chung quanh Đức Phật A Di Đà là **35 Đức Phật** được trích ra từ **Phật Thuyết Quyết Định Tỳ Ni Kinh**

Man Đa La này là Pháp Môn chủ về **Sám Hối** nhằm giúp cho Hành Giả nương theo sức gia trì của chư Phật để tịnh hóa Tâm Thức, tiêu trừ tất cả tội chướng đã gom chứa từ vô thủy đến nay.

Hành Giả quán tưởng Man Đa La, ý chí khẩn thiết, miệng xưng tên Phật, thân hành lễ bái, sau đó trì tụng Chân Ngôn để tịnh hóa ba nghiệp ắt hiện đời được an vui, khi chết được sinh về Thế Giới Cực Lạc

- 1_ Nam mô **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Namo Śākya-muṇi Buddha)
- 2_ Nam mô **Kim Cương Kiên Cố Năng Tỏi Phật** (Namo Vajra-pramardi Buddha)
- 3_ Nam mô **Bảo Diễm Phật** (Namo Ratnārcis Buddha)
- 4_ Nam mô **Long Tự Tại Vương Phật** (Namo Nāgeśvara-rāja Buddha)
- 5_ Nam mô **Cần Dũng Quân Phật** (Namo Vīrasena Buddha)
- 6_ Nam mô **Cần Dũng Hỷ Phật** (Namo Vīra-nandin Buddha)
- 7_ Nam mô **Bảo Hỏa Phật** (Namo Ratnāgni Buddha)
- 8_ Nam mô **Bảo Nguyệt Quang Phật** (Namo Ratna-candra-prabha Buddha)
- 9_ Nam mô **Bất Không Kiến Phật** (Namo Amogha-darśi Buddha)
- 10_ Nam mô **Bảo Nguyệt Phật** (Namo Ratna-candra Buddha)
- 11_ Nam mô **Vô Cấu Phật** (Namo Nirmala Buddha)
- 12_ Nam mô **Ly Cấu Phật** (Namo Vimala Buddha)
- 13_ Nam mô **Dũng Thí Phật** (Namo Sūradatta Buddha)
- 14_ Nam mô **Tịnh Hạnh Phật** (Namo Brahma Buddha)
- 15_ Nam mô **Phạm Thí Phật** (Namo Brahmadatta Buddha)
- 16_ Nam mô **Thủy Vương Phật** (Namo Varuṇa Buddha)
- 17_ Nam mô **Thủy Thiên Phật** (Namo Varuṇa-deva Buddha)
- 18_ Nam mô **Hiền Cát Tường Phật** (Namo Bhadra-śrī Buddha)
- 19_ Nam mô **Vô Lượng Uy Đức Phật** (Namo Ananta-ujjvalana Buddha)
- 20_ Nam mô **Chiên Đàn Cát Tường Phật** (Namo Candana-śrī Buddha)
- 21_ Nam mô **Quang Cát Tường Phật** (Namo Prabhasa-śrī Buddha)
- 22_ Nam mô **Vô Ưu Cát Tường Phật** (Namo Asoka-śrī Buddha)
- 23_ Nam mô **Na La Diên Cát Tường Phật** (Namo Nārāyaṇa-śrī Buddha)
- 24_ Nam mô **Hoa Cát Tường Phật** (Namo Kusuma-śrī Buddha)
- 25_ Nam mô **Liên Hoa Quang Du Hý Thần Thông Phật** (Namo Padma-jyotir-vikṛditābhijñā Buddha)
- 26_ Nam mô **Tài Cát Tường Phật** (Namo Dhana-śrī Buddha)
- 27_ Nam mô **Niệm Cát Tường Phật** (Namo Smṛti-śrī Buddha)
- 28_ Nam mô **Thiện Xưng Danh Hiệu Cát Tường** (Namo Suparikirtita-nāmadheya-śrī Buddha)
- 29_ Nam mô **Đế Tràng Phan Vương Phật** (Namo Indra-ketu-dhavaja-rāja Buddha)
- 30_ Nam mô **Đấu Chiến Thắng Phật** (Namo Vijitasamgrama Buddha)
- 31_ Nam mô **Dũng Kiện Cát Tường Phật** (Namo Vikrānta-gamin-śrī Buddha)
- 32_ Nam mô **Dũng Kiện Tiến Phật** (Namo Suvikrānta Buddha)
- 33_ Nam mô **Phổ Biến Chiếu Diệu Trang Nghiêm Cát Tường Phật** (Namo Samantāvabhāsa-vyūha-śrī Buddha)
- 34_ Nam mô **Bảo Liên Hoa Du Bộ Phật** (Namo Ratna-padma-vikramin Buddha)
- 35_ Nam mô **Bảo Liên Hoa Diệu Trụ Sơn Vương Phật** (Namo Ratna-padma-supraṭiṣṭhita-giri-rāja Buddha)

36_ Nam Mô Pháp Giới Tạng Thân **A Di Đà Phật** (Namo dharma-dhātu-garbha-kāya amithābha buddha)

*) A Di Đà Diệt Tội Ấn Chân Ngôn là:
OM HRĪḤ A AM HRĪḤ HRĪḤ HŪM
[OM HRĪḤ A AM HRĪḤ HRĪḤ HŪM
OM: Cảnh giác
HRĪḤ: Biết xấu hổ không làm việc bất thiện
A: Không sinh chẳng diệt
AM: Thâm nhập vào sự không sinh chẳng diệt
HRĪḤ: Mau chóng xa lìa các bụi dơ Tham Sân Si chứng được 4 Đức thanh tịnh là
Ai Nhiễm Thanh Tịnh, Sân Thanh Tịnh, Uế Thanh Tịnh, Tội Thanh Tịnh
HRĪḤ: Pháp Giới Thanh Tịnh
HŪM: Quyết định thành tựu
Hãy biết xấu hổ không làm việc Bất thiện để mau chóng thấu ngộ sự vô sinh bất
diệt, xa lìa các bụi dơ tham sân si, quyết định thành tựu Pháp Giới Thanh Tịnh]

VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT CỬU TÔN MAN ĐA LA



— Chính giữa đài sen là Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) màu hồng đỏ, ngồi Kiết Già trên tòa sen báu, hai tay kết Ấn Thiên Định để dưới rốn, bên trên Ấn là bình báu chứa đầy nước **Cam Lộ** (Amṛta)

— Trên 8 cánh sen là 8 Tôn có hình thức giống như Đức Vô Lượng Thọ
Cánh hoa phương Đông (ở bên dưới) là: **Kim Cương Vô Lượng Thọ** (Vajra-amitāyus)

Cánh hoa phương Nam là: **Bảo Vô Lượng Thọ** (Ratna-amitāyus)

Cánh hoa phương Tây (ở bên trên) là: **Liên Hoa Vô Lượng Thọ** (Padma-amitāyus)

Cánh hoa phương Bắc là: **Nghiệp Dụng Vô Lượng Thọ** (Karma-amitāyus)

Cánh hoa phương Đông Nam là: **Công Đức Vô Lượng Thọ** (Guṇa-amitāyus)

Cánh hoa phương Tây Nam là: **Trí Vô Lượng Thọ** (Jñāna-amitāyus)

Cánh hoa phương Tây Bắc là: **Bất Động Vô Lượng Thọ** (Acala-amitāyus)

Cánh hoa phương Đông Bắc là: **Quán Sát Vô Lượng Thọ** (Avaloka-amitāyus)

— Bên ngoài vòng tròn:

Góc Đông Nam là: Đức **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha)
Góc Tây Nam là Đức **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākya-muṇi-Buddha)
Góc Tây Bắc là Đức **Bảo sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava buddha)
Góc Đông Bắc là **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa-devarāja, còn có tên gọi là **Tài Bảo Thiên Vương**)

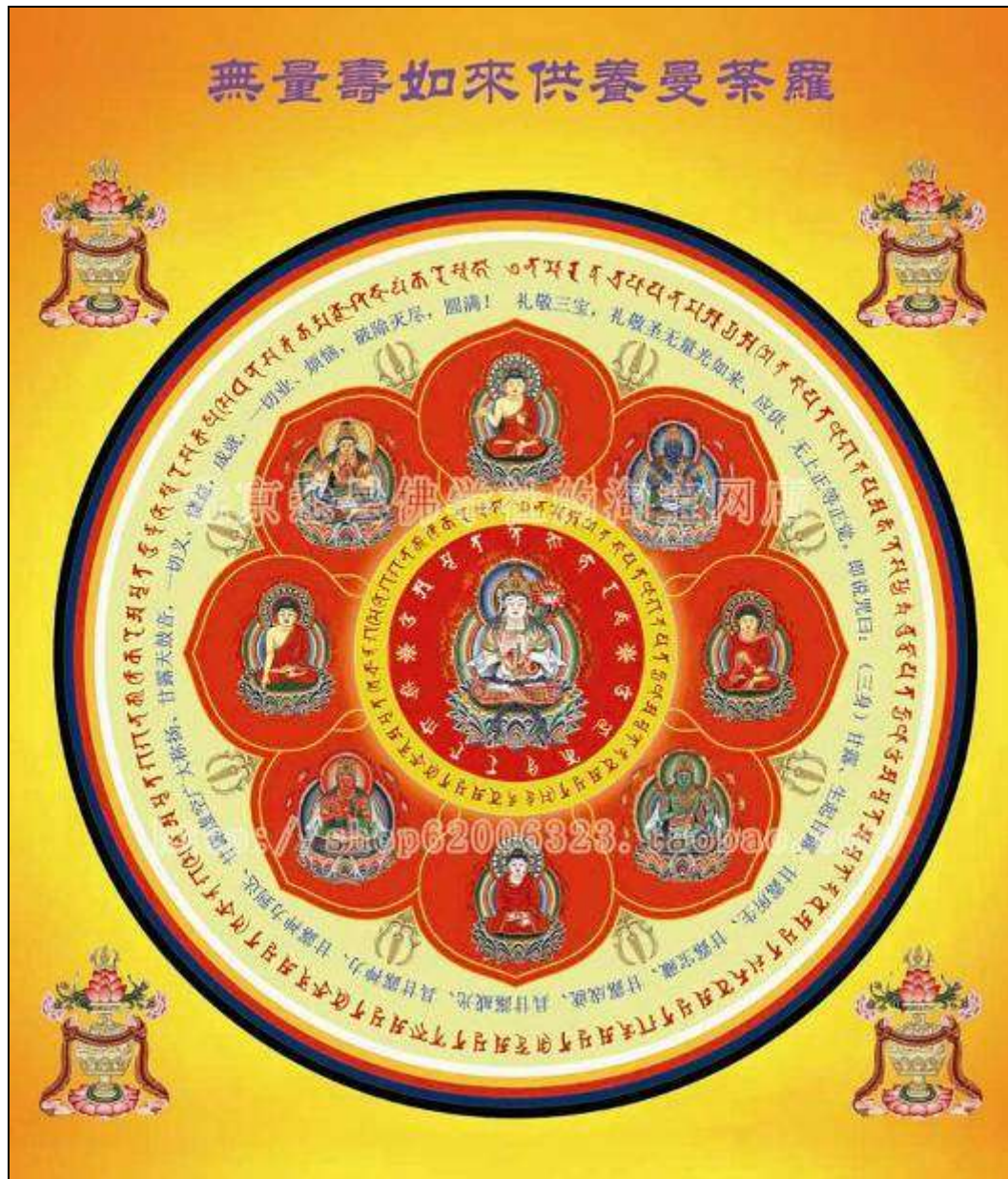
_Thần Chủ chính của Man Đa La này là:
OM_ GURU ĀYUḤ SIDDHI HŪM HRĪḤ_ AMARANI JĪVANTĀYE
SVĀHĀ

VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI CÚNG DƯỜNG MẠN TRÀ LA

Đồ hình: Trích từ trang Web <http://cn.buychina.com/items/siddham-fundamental-amitabha-mantra-sanskrit-mantra-wheel-dependent-tathagata-amitayus-mandala-high-definition-vpsvuosmkig>

Tất Đàm Phạn văn A Di Đà Phật Căn Bản Thần Chú Chú Luân (Vô Lượng Thọ Như Lai Cúng Dường Mạn Trà La) **CAO THANH TÍCH**

Phiên dịch Phạn Hán và chú giải Đồ hình: HUYỀN THANH



Đài hoa chính giữa là Đức **Thế Tự Tại Vương Như Lai** (Lokesvara-rāja tathāgata)

Chú Luân vây chung quanh là:

OM LOKEŚVARA-RĀJA HRĪḤ

OM_ AMṚTE HARA HŪM

Chú Luân ở vòng tròn kế tiếp là **Tứ Cam Lộ Đà La Ni**
NAMO AMITĀBHAYA TATHĀGATĀYA TADYATHĀ:
AMṚTODBHAVE AMṚTA-SIDDHAM BHAVE AMṚTA-VIKRĀNTE
AMṚTA-VIKRĀNTA GAMINI GAGANA KĪRTI KARE SVĀHĀ

Tám cánh hoa là bốn Đức Như Lai và bốn vị Bồ Tát
Cánh hoa ở phương Đông là **Bảo Tràng Như Lai** (Ratna-ketu)
Cánh hoa ở phương Nam là **Khai Phu Hoa Vương Như Lai** (Sampuspīta-sālendrarājāya)
Cánh hoa ở phương Tây là **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus)
Cánh hoa ở phương Bắc là **Thiên Cổ Lô Âm Như Lai** (Divya-duṇḍubhi-meghanirghoṣa)
Cánh hoa ở góc Đông Nam là **Kim Cương Tát Đỏa Bồ Tát** (Vajrasatva)
Cánh hoa ở góc Tây Nam là **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśagarbha)
Cánh hoa ở góc Tây Bắc là **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara)
Cánh hoa ở góc Đông Bắc là **Tỳ Thủ Yết Ma Bồ Tát** (Viśvakarma)

Chú Luân ở vòng ngoài cùng là **Thập Cam Lộ Đà La Ni** (Chữ Hán bên dưới ghi nhận nghĩa của Đà La Ni)

NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMA (?Namah) ĀRYA-AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA
TADYATHĀ: OM AMṚTE AMṚTODBHAVE AMṚTA SAMBHAVE
AMṚTA-GARBHE AMṚTA SIDDHE AMṚTA TEJE AMṚTA VIKRĀNTE
AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE
AMṚTA DUṆḌUBHISVARE SARVĀRTHA SIDHANE (?Sādhane) KARMA
KLEŚA KṢAYAM KARE SVĀHĀ

[NAMO RATNA-TRAYĀYA: lễ kính Tam Bảo
NAMA (?Namah) ĀRYA AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA: Lễ kính Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng
Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác

TADYATHĀ: Liên nói Chú là
OM: Ba thân
AMṚTE: Cam Lộ
AMṚTODBHAVE: Sinh Khởi Cam Lộ
AMṚTA-SAMBHAVE: Cam Lộ Sở Sinh
AMṚTA-GARBHE: Cam Lộ Bảo Tạng
AMṚTA-SIDDHE: Cam Lộ Thành Tựu
AMṚTA-TEJE: Cụ Cam Lộ Uy Quang
AMṚTA-VIKRĀNTE: Cụ Cam Lộ Thần Lực
AMṚTA-VIKRĀNTA-GAMINI: Cam Lộ Thần Lực Đáo Đạt
AMṚTA-GAGANA KĪRTI KARE: Cam Lộ Hư Không Quảng Đại Xưng
Dương
AMṚTA-DUNDUBHI-SVARE: Cam Lộ Thiên Cổ Âm
SARVĀRTHA SIDHANE (?Sādhane): Tất cả nghĩa lợi ích thành tựu
SARVA KARMA KLEŚA KṢAYAM KARE: tất cả nghiệp, phiền não phá trừ
diệt tận
SVĀHĀ: viên mãn]

A DI ĐÀ ĐẠI CHÚ CHÚ LUÂN



Bộ phận chính **Chú Luân** này là **A Di Đà Chú** làm chủ. Lại gia thêm **Thánh Hiệu** với **Tiểu Chú** của A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.

Đồ hình của **Chú Luân** này được minh họa như sau:

_Chữ ॐ (HRĪḤ) ở trung tâm là chủng tử biểu thị cho Pháp Giới thanh tịnh, hay Thế Giới Cực Lạc

_Bên trên chữ HRĪḤ (ॐ), các chữ Siddham và chữ Hán kế tiếp nhau xoay vòng theo chiều kim đồng hồ, từ đường tròn thứ nhất bên trong, nối tiếp đến đường tròn thứ tư bên ngoài cùng... minh họa cho các Đà La Ni, Thần Chú, Thánh Hiệu của Phật Bồ Tát:

.)NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ĀRYA-AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OM_ AMṚTE _ AMṚTODDBHAVE _ AMṚTA SAMBHAVE _
AMṚTA-GARBHE _ AMṚTA SIDDHE _ AMṚTA TEJE _ AMṚTA VIKRĪṢṬE
(?vikrānte) _ AMṚTA VIKRĪṢṬA (?vikrānta) GAMINE _ AMṚTA GAGANA
KITI (?kīrtti) KARE _ AMṚTA DUṢḌUBHESVARE (?duṣḍubhisvare)_
SARVĀRTHA SĀDHANĒ KARMA KLEŚA KṢĀYAM KARE_ SVĀHĀ

.)OM_ AMṚTA TEJE HARA _ HŪM

.)NAMO AMITĀBĀYA (?Amitābhāya) TATHĀGATĀYA_ OM VAJRA-
PADMA ABHIṢIṢṬA TUMAM HRĪḤ

.)Nam mô A Di Đà Phật

.)OM_ LOKEŚVARA-RĀJA HRĪḤ

.)Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát

.)OM_ MAṆI PADME HŪṂ HRĪḤ

.)Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát

.)NAMO MAHĀ-STHAMA-PRAPTA (?Mahā-sthāma-prāpta)

.)Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát

.)OM_ AROLIK SVĀHĀ

Chú Luân này thích hợp với người tu hành Pháp Môn **Tịnh Độ**, có thể đeo trên thân, hoặc an trí trên bàn thờ Tây Phương Tam Thánh. Cũng có thể an trí bên cạnh bài vị của Tổ Tiên hoặc bài vị của người đã chết... đều hay đặc được sự Từ Bi gia trì của **Tây Phương Tam Thánh** cùng với sự Từ Bi ủng hộ của **Hộ Pháp Bồ Tát** thuộc **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya)

A DI ĐÀ PHẬT PHÁP ĐÀN



Đài hoa: A Di Đà Phật Đại Tam Muội Gia Thật Tướng Chân Ngôn

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

Oṃ Amṛta teje hara hūṃ

[OM AMṚTA TEJE HARĀ HŪM

OM: Thân khẩu ý

AMṚTA: Cam Lộ bất tử

TEJE: Uy Quang

HARA: Thâu nhiếp

HŨM: Thành tựu mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn

Thân khẩu ý hãy thâm nhiếp ánh sáng uy đức của Cam Lộ Bất Tử mà thành tựu tự tính an vui vắng lặng của Đại Niết Bàn]

Tám cánh hoa: A Di Đà Phật Diệt Tội Ấn Chân Ngôn và Nhất Tự Kim

Luân Phật Đỉnh Chân Ngôn

ॐ श्री गणेशाय नमः

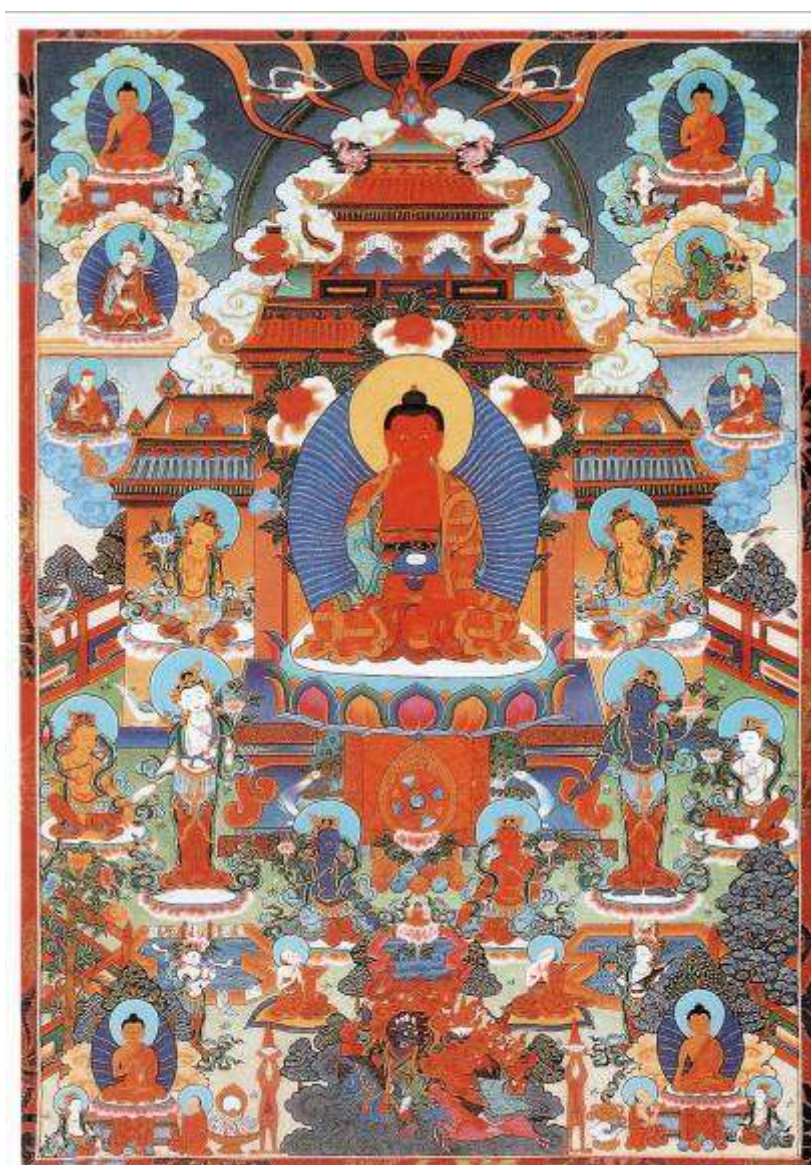
SARVA KARMA (Tất cả nghiệp) KLEŚA (Phiền não) KṢAYAM (cùng tận, không còn sót) KARE (Tạo tác)
SVĀHĀ (Quyết định thành tựu, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn)

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là :

“ Quy mệnh Tam Bảo

Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy: Hồi Cam Lộ! Hiện lên Cam Lộ. Phát Sinh Cam Lộ. Kho Tàng Cam Lộ. Thành tựu Cam Lộ. Cam Lộ Uy Quang. Cam Lộ Dừng mãi, đạt đến Cam Lộ Dừng Mãi. Rải đầy hư không Cam Lộ. Âm thanh của tiếng trống Cam Lộ, thành tựu tất cả nghĩa lợi khiến cho tất cả nghiệp không còn phiền não, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn”]



KINH A DI ĐÀ CỔ ÂM THANH VƯƠNG ĐÀ LA NI

Hán dịch: Mất tên người dịch. Nay phụ bản ghi chép của Đời Lương
Phục hồi Phan Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự tại ao **Già Già Linh** ở Đại Thành **Chiêm Ba** cùng với chúng Đại Tỳ Khưu gồm năm trăm người đến dự.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ Khưu rằng:”Nay sẽ vì ông diễn nói. Thế Giới **An Lạc** (Sukha-vati) ở phương Tây hiện có Đức Phật hiệu là **A Di Đà** (Amṛta). Nếu có bốn Chúng hay chính thọ trì Danh Hiệu của Đức Phật ấy thời khi sắp chết, Đức A Di Đà liền cùng với Đại Chúng đi đến chỗ của người ấy, khiến cho nhìn thấy. Thấy xong, tìm sinh khánh duyệt (vui thích tốt lành), tăng thêm Công Đức. Do nhân duyên ấy nên chốn sinh ra, là hấn hình vóc uế dục của thai tạng, thuần ở trong hoa sen báu xinh tươi màu nhiệm, tự nhiên hóa sinh, đủ Đại Thần Thông, ánh sáng chói lòa”

Khi ấy hàng hà sa chư Phật ở mười phương đều cùng nhau khen ngợi: “Thế Giới An Lạc đó có hết thấy Phật Pháp chẳng thể nghĩ bàn, Thần Thông hiện hóa mọi loại phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có kẻ hay tin việc như vậy, nên biết người đó chẳng thể nghĩ bàn, nghiệp báo đã được cũng chẳng thể nghĩ bàn. Đức Phật A Di Đà cùng với hàng Thanh Văn đến dự”

Đức Như Lai Ứng Chính Biến Tri có quốc thổ, hiệu là **Thanh Thái**. Đức Thánh Vương cư trú tại cái thành cao rộng mười ngàn do tuần, ở trong tràn đầy giòng Sát Lợi. Đức Phật A Di Đà có cha tên là **Nguyệt Thượng Chuyển Luân Thánh Vương**, mẹ tên là **Thù Thắng Diệu Nhan**, đệ tử phụng sự tên là **Vô Cấu Xưng**, đệ tử Trí Tuệ tên là **Hiền Quang**, Thần Túc Tinh Tiến tên là **Đại Hóa**. Lúc bấy giờ Ma Vương tên là **Vô Thắng**, có Đề Bà Đạt Đa tên là **Tịch Tĩnh**. Đức Phật A Di Đà cùng với Đại Tỳ Khru gồm sáu ngàn người.

Nếu có người thọ trì Danh Hiệu của Đức Phật ấy, tâm ý bền chắc, ghi nhớ chẳng quên, mười ngày mười đêm trừ bỏ tán loạn, tinh tiến tu tập **Niệm Phật Tam Muội**, biết Đức Như Lai ấy luôn trụ ở Thế Giới An Lạc, ghi nhớ tương tục đừng để đoạn tuyệt, thọ trì đọc tụng **Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni** này mười ngày mười đêm, sáu Thời chuyên niệm, thọ trì đọc tụng, cúi năm vóc sát đất lễ kính Đức Phật ấy, chính niệm bền chắc đều trừ tán loạn. Nếu có thể khiến Tâm niệm niệm chẳng dứt thì trong mười ngày ắt được nhìn thấy Đức Phật A Di Đà ấy và nhìn thấy Như Lai ở mười phương Thế Giới với cõi cư trú. Chỉ trừ người Độn Căn, chướng nặng... với chút Thời này thì chẳng thể nhìn thấy được. Tất cả việc Thiện thấy đều hồi hướng, nguyện được sinh về Thế Giới An Lạc. Ngay lúc lâm chung thì Đức Phật A Di Đà với các Đại Chúng hiện ra trước mặt người ấy an ủi, xưng thiện, tức thời người đó sinh vui thích, an thành thâm sâu. Dùng nhân duyên ấy, nhớ ước nguyện kia nên tìm được vắng sinh.

Đức Phật bảo các Tỳ Khưu: “Vì sao có tên là **Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni?** (Amṛta-dunḍubhisvara-dhāraṇī: Cam Lộ Cổ Âm Thanh Đà La Ni). Nay Ta sẽ nói, các ông khéo nghe, vâng theo thọ giáo”

Lúc đó Đức Thế Tôn liền nói Chú là:

1 Đa dịch tha

१३५

TADYATHĀ

2 Bà ly

𑀧𑀸𑀓

BALE

3_ A bà ly

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

ABALE

4_ Sa ma bà ly

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

SAMA BALE

5_ Ni địa xa

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

NIRDEŚA

6_ Ni xà đa nễ

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

NIYĀTANE

7_ Nê mậu đề

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

NIRMUKTE

8_ Nê mậu xí

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

NIMUKHE

9_ Xà la, ba la xa đa nễ

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

JVALA PRASĀDHANE

10_ Tú khư ba đề, ni địa xa

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

SUKHAVATI NIRDEŚA

11_ A di đa do bà ly

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

AMITĀYUR BALE

12_ A di đa xà già bà nê kha lệ

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

AMITĀYUT GARBHA NIRHARE

13_ A di đa xà, ba la sa đa nễ

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

AMITĀYUR PRASĀDHANE

14_ Niết phù đề

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

NIRBUDDHE

15_ A ca xá, nê phù đa

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

ĀKĀŚA NIRBUDDHE

16_ A ca xá, nê đề xa

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

ĀKĀŚA NIRDEŚA

17_ a ca xá, nê xà đề

𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓𑀲𑀸𑀓

33_ Đạ̄t ma, ca la nễ
 𑖔𑖥 𑖐 𑖅 𑖅
 DHARMA KARANE
 34_ Nê chuyên đề
 𑖅 𑖅 𑖅
 NIRJĀTE
 35_ Nê phù đề
 𑖅 𑖅 𑖅
 NIRBUDDHE
 36_ Tỳ ma ly
 𑖅 𑖅 𑖅
 VIMALE
 37_ Tỳ la xà
 𑖅 𑖅 𑖅
 VIRĀJE
 38_ La xà
 𑖅 𑖅
 RĀJA
 39_ La tur
 𑖅 𑖅
 RĀSE
 40_ La sa kỳ
 𑖅 𑖅 𑖅
 RASĀGRE
 41_ La sa già la, bà ly
 𑖅 𑖅 𑖅 𑖅
 RASĀGRA BALE
 42_ La sa già la, a địa tha nễ
 𑖅 𑖅 𑖅 𑖅 𑖅
 RASĀGRA ADHIṢṬHANE
 43_ Cữu xá ly
 𑖅 𑖅 𑖅
 KUŚĀLE
 44_ Ba la đề cữu xá ly
 𑖅 𑖅 𑖅 𑖅 𑖅
 PRATIKUŚĀLE
 45_ Tỳ cữu xá ly
 𑖅 𑖅 𑖅 𑖅
 VIKUŚĀLE
 45_ Tha đề
 𑖅 𑖅
 DĀNTE
 47_ Tu đà đa, chí đề
 𑖅 𑖅 𑖅 𑖅
 SUDĀNTA CITTE
 48_ Tu ba la xá đa, chí đề

सुप्रसिद्धि
 SUPRASĀNTA CITTE
 49_ Tu ba la đề si đề
 सुप्रतिष्ठित
 SUPRATIṢṬHITE
 50_ Tu ly
 सुत
 ŚURE
 51_ Tu mục xí
 सुमुख
 SUMUKHE
 52_ Đạt mê
 धर्म
 DHARME
 53_ Đạt đạt đề
 सदधर्म
 SAD-DHARME
 54_ Ly ba
 रत्न
 REVA
 55_ Giá bà la
 ज्ञान
 JVALE
 56_ A vắn xá bà ly
 अनुसया बाल
 ANUSĀYA BALE
 57_ Phật đà ca xá, nê cừu nễ, phật đà ca xá, cừu nễ
 बुद्धकाश निर्गुण बुद्धकाश निर्गुण
 BUDDHA-AKĀŚA NIRGUṆE _ BUDDHA-AKĀŚARGUṆE
 58_ Sa bà ha
 स्वर्ण
 SVĀHĀ

Đây là **A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni**. Nếu có Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Thanh Tín, Sĩ Nữ thường nên chí thành thọ trì đọc tụng, như Thuyết tu hành, hành trì Pháp này thì nên ở nơi nhàn tịch, tắm rửa thân thể, mặc áo mới sạch, ăn uống bạch tố, chẳng ăn thịt uống rượu với dùng Ngũ Tân, thường tu Phạm Hạnh. Dùng hương hoa tốt cúng dường cúng dường Đức A Di Đà Như Lai với Đạo Trường của Phật, chúng Đại Bồ Tát. Thường nhên như vậy chuyên tâm buộc niệm, phát cầu sinh về Thế Giới An Lạc, tinh tiến chẳng lười, như ước nguyện ấy ắt được sinh về Thế Giới của Đức Phật đó.

Thời Đức Phật A Di Đà với các Đại Chúng ngồi trên hoa sen báu. Cõi đất ấy có nhiều rừng cây, hoa quả tươi tốt xen kẽ điểm tô. Lại có cây vua (Thụ Vương) khi gió Xuân thổi nhẹ thì phát ra âm thanh hòa nhã, thuần nói Pháp Vô Thượng chẳng thể nghĩ bàn. Lại có hương màu nhiệm tên là **Quang Minh**, hoặc có hương xoa bôi cũng là hương báu.

Đức Phật A Di Đà (Amṛta) ngồi Kiết Già trên hoa sen báu lớn. Có hai vị Bồ Tát, một vị tên là **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara), vị thứ hai tên là **Đại Thế Chí** (Mahāsthāmaprāpta). Đây là hai vị Bồ Tát đứng hầu hai bên phải trái, vô số Bồ Tát vây vòng chung quanh, ở trong Chúng này.

Nếu có bốn Chúng thọ trì đọc tụng Danh Hiệu của Đức Phật ấy cho đến không có bị sợ hãi về nước, lửa, thuốc độc. Cũng lại không có bị sợ hãi hàng Dạ Xoa. Trừ kẻ có nghiệp chướng tội nặng ở đời quá khứ thì bảy đời mới có Quả ước nguyện.

Đức Phật nói **A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni** thời vô lượng chúng sinh thấy đều phát nguyện, chí cầu sinh về Thế Giới An Lạc đó.

Lúc ấy Đức Thế Tôn khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Như ông ước nguyện, ắt được sinh về cõi đó”

Khi nghe Đức Phật nói xong thời tám Bộ Trời Rồng đều hớn hở vui mừng, làm lễ rồi phụng hành.

KINH A DI ĐÀ CỔ ÂM THANH VƯƠNG ĐÀ LA NI
Hết

24/01/2008



PHẬT NÓI KINH VÔ LƯỢNG THỌ _QUYỀN THƯỢNG_

Hán dịch: Đời **Tào Ngụy**_ Thiên Trúc Tam Tạng **KHUÔNG TĂNG KHẢI**
(Saṃgha-varman)

Việt dịch: **HUYỀN THANH**

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật trụ trong núi **Kỳ Xà Quật** (Gr̥dhra-kuṭa) tại thành **Vương Xá** (Rāja-gr̥ha) cùng với **chúng Đại Tỳ Kheo** (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) gồm một vạn hai ngàn người đến dự, tất cả đều đã đạt Thần Thông của bậc Đại Thánh.

Tên các vị ấy là: Tôn Giả **Liễu Bản Tế** (Ājñātakauṇḍinya), Tôn Giả **Chính Nguyên** (Asvājita), Tôn Giả **Chính Ngũ** (Vāspa), Tôn Giả **Đại Hiệu** (Mahā-nāma), Tôn Giả **Nhân Hiền** (Bhadra-jīta), Tôn Giả **Ly Cầu** (Vimala), Tôn Giả **Danh Văn** (Yaśo), Tôn Giả **Thiện Thật** (?Diệu Tý: Subāhu), Tôn Giả **Cụ Túc** (Pūrṇa), Tôn Giả **Ngưu Vương** (?Maitrāyaṇī-putra), Tôn Giả **Ưu Lô Tàn Lễ Ca Diếp** (Urubilvā-kāśyapa), Tôn Giả **Già Gia Ca Diếp** (Gayā-kāśyapa), Tôn Giả **Na Đề Ca Diếp** (Nadī-kāśyapa), Tôn Giả **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa), Tôn Giả **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), Tôn Giả **Đại Mục Kiền Liên** (Mahā-maudgalyāyana), Tôn Giả **Kiếp Tân Na** (Mahā-kaphileṇa), Tôn Giả **Đại Trụ** (Mahā-kausthilya), Tôn Giả **Đại Tịnh Chí**, Tôn Giả **Ma Ha Chu Na** (Mahā-cunda), Tôn Giả **Mãn Nguyên Tử** (Pūrṇa-maitrāyaṇīputra), Tôn Giả **Ly Chương Ngại**, Tôn Giả **Lưu Quán**, Tôn Giả **Kiên Phục**, Tôn Giả **Diện Vương** (Mukha-rāja), Tôn Giả **Quả Thừa**, Tôn Giả **Nhân Tính**, Tôn Giả **Thiện Lạc**, Tôn Giả **Thiện Lai** (Svāgate), Tôn Giả **La Vân** (Rāhula), Tôn Giả **A Nan** (Ānanda)...đều là bậc Thượng Thủ của nhóm này.

Lại cùng với Bồ Tát của chúng Đại Thừa đến dự. Bồ Tát **Phổ Hiền** (Samantabhadra), Bồ Tát **Diệu Đức** (Mañjuśrī), nhóm Bồ Tát **Từ Thị** (Ajita). Đây là tất cả Bồ Tát trong đời **Hiền Kiếp** (Bhadra-kalpa).

Lại có 16 vị Chính Sĩ thuộc nhóm **Hiền Hộ** (Bhadra-pāla) là: Bồ Tát **Thiện Tư Nghi**, Bồ Tát **Tín Tuệ**, Bồ Tát **Không Vô**, Bồ Tát **Thần Thông Hoa**, Bồ Tát **Quang Anh**, Bồ Tát **Tuệ Thượng**, Bồ Tát **Trí Trạng**, Bồ Tát **Tịch Căn**, Bồ Tát **Nguyên Tuệ**, Bồ Tát **Hương Tượng**, Bồ Tát **Bảo Anh**, Bồ Tát **Trung Trụ**, Bồ Tát **Chế Hạnh**, Bồ Tát **Giải Thoát**...đều tuân theo Đức của Đại Sĩ **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra), đủ vô lượng Hạnh Nguyên của các Bồ Tát, an trụ Pháp của tất cả Công Đức, bước đạo mười phương, hành **Quyền Phương Tiện**, vào Tạng **Phật Pháp**, cứu cánh bờ kia, ở vô lượng Thế Giới hiện thành **Đẳng Giác**. Ở cung Trời **Đâu Suất** (Tuṣita), rộng tuyên Chính Pháp. Buông bỏ cung Trời ấy, giáng Thần vào thai mẹ, sinh ra từ hông bên phải, hiện thành bảy bước, ánh sáng hiện diệu chiếu khắp mười phương, vô lượng cõi Phật chân động theo sáu cách, phát tiếng tự xưng:

*“Ta sẽ ở đời làm bậc **Vô Thượng Tôn** (Anuttara-nātha). Thích (Śākra) Phạm (Brāhma) cung phụng hầu hạ, Trời (Deva) Người (Maṇuṣya) quy phục kính mến. Bày hiện tính toán, văn nghệ, bắn tên, cưỡi ngựa, thông suốt **Đạo Thuật** đan chéo lẫn lộn ở đời, luyện tập thông thạo mọi Kinh Sách, dạo chơi ở vườn sau giảng võ thi nghệ, hiện ở nơi có vị ngon sắc đẹp trong cung. Nhìn thấy sinh già bệnh chết, hiểu thấu việc chẳng phải thường của đời. Buông bỏ đất nước, tiền của, địa vị vào núi học Đạo. Sai khiến người hầu đem lễ phục, ngựa trắng, mào báu, chuỗi anh lạc...về cung. Buông bỏ*

áo quý báu, mặc quần áo Pháp, cắt bỏ râu tóc, ngồi ngay thẳng dưới gốc cây, siêng năng chịu khổ sáu năm, hành như chỗ ứng.

Hiện cõi năm Trược (Pañca-kaṣāya) tùy thuận chúng sinh. Bày cỏ bụi dơ, tắm gội tại dòng nước vàng, chur Thiên đề cành cây xuống để vịn lấy ra khỏi ao, chim linh theo hầu đi đến Đạo Trường, cảm nhận điềm tốt lành, tỏ rõ công phúc, yên lặng tưởng nhận, bày cỗ trái tào ngồi dưới cây Phật (Bodhi-vṛkṣa:cây Bồ Đề), tỏa ánh sáng lớn khiến Ma (Māra) hay biết. Ma đem quan thuộc (quyển thuộc quan binh) đi đến ép bức thử tài, dùng sức Trí Tuệ chế ngự đều khiến hàng phục, được Pháp vi diệu thành Tối Chính Giác. Thích Phạm khuyến cầu, thỉnh chuyển bánh xe Pháp (Dharma-cakra)

Dùng bước dạo chơi của Phật (Buddha-vicarāṇa), rống tiếng rống của Phật (Buddha-nāda), gõ trống Pháp (Dharma-duṇḍubhi), thổi loa Pháp (Dharma-śaṅkhara), cầm cây kiếm Pháp (Dharma-khaḍga), dựng cây phướng Pháp (Dharma-dhvaja), rung động sám Pháp (Dharma-garjati), tỏa sáng ánh điện Pháp (Dharma-vidyu), tưới dội cơn mưa Pháp (Dharma-varṣaṇi), diễn Pháp ban cho, thường dùng Pháp Âm (Dharma-svara) đánh thức các Thế Gian. Ánh sáng chiếu khắp vô lượng cõi Phật, tắt cả Thế Giới chần động theo sáu cách. Thâu nhiếp hết Ma Giới (Māra-dhātu), lay động cung điện của Ma, chúng Ma sợ hãi không có ai không quy phục. Đánh xé lưới Tà, tiêu diệt các Kiến, tan các trần lao, hoại các hố rãnh Dục, giữ gìn nghiêm ngặt cái thành Pháp, mở toang cánh cửa Pháp, giặt rửa dơ bẩn, hiển rõ trong trắng, tỏa sáng Phật Pháp, tuyên truyền Chính Hóa

Vào địa phận của các nước, được các món ăn hậu hĩ, gom chứa Công Đức, chỉ bày ruộng Phước. Muốn tuyên Pháp, hiện tươi cười, dùng các thuốc Pháp cứu chữa ba **khổ**, hiển hiện vô lượng Công Đức của ý Đạo, trao cho **Bồ Tát Ký** thành Đẳng Chính Giác. Hiện bày Diệt Độ, cứu giúp không mỗi một, tiêu trừ các Lậu, gieo trồng mọi gốc Đức, đầy đủ Công Đức vi diệu khó lường. Dạo chơi các cõi nước Phật, hiện khắp Đạo Giáo, nơi đã tu hành ấy trong sạch không dơ. Ví như Huyền Sư hiện mọi hiện tượng lạ: là nam, là nữ, không có điều gì chẳng biến hiện hiện được...đều do vốn học sáng tỏ, tại ý tạo làm”

Các Bồ Tát này cũng lại như vậy, học tất cả Pháp, thông suốt điều đan chéo lẫn lộn, lựa ra đầu mối, nơi đã trụ an định chắc thật, không chỗ nào chẳng cảm hóa được. Vô số cõi Phật thấy đều hiện khắp, chưa từng ngạo mạn chỉ luôn thương xót chúng sinh.... tất cả đầy đủ Pháp như vậy. Ưa thích tìm hiểu sự màu nhiệm thiết yếu của Kinh Điển Bồ Tát, nổi tiếng đến bậc cầm cương chỉ lối (Đạo Ngự) khắp mười phương, vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm.

Nơi Đức Phật trụ đều đã được trụ, chỗ Đại Thánh lập đều đã lập được, đều hay tuyên bày Đạo Hóa của Như Lai, vì các Bồ Tát mà làm Đạo Sư, dùng Thiên Tuệ thâm sâu mở lối cho mọi người thông các Pháp Tính (Dharmatā), đạt tướng của chúng sinh, hiểu rõ các cõi nước, cúng dường chư Phật, hóa hiện thân ấy giống như ánh sáng điện

Khéo học không sợ, hiểu thấu Pháp huyền, xé hủy lưới Ma, cỡi các trời buộc, vượt hơn Địa vị của Thanh Văn Duyên Giác. Được Tam Muội **Không** (Śūnya), **Vô Tướng** (Animitta), **Vô Nguyên** (Apraṇihita). Khéo lập phương tiện hiển bày ba Thừa (Tri-yāna), đối với bậc Trung, Hạ này mà hiện Diệt Độ, cũng không có chỗ tạo làm, không có sở hữu, chẳng khởi chẳng diệt, được Pháp bình đẳng (Samatā-dharma), đầy đủ thành tựu vô lượng Tổng Trì (Dhāraṇī) trăm ngàn Tam Muội (Samādhi). Các Căn (Indriya:giác quan), Trí Tuệ, **Tịch Định** (Định vắng lặng) rộng khắp, vào sâu trong Pháp Tạng của Bồ Tát, được **Hoa Nghiêm Tam Muội** của Phật, tuyên dương diễn nói tất cả Kinh Điển.

Trụ **Định Môn** thâm sâu đều nhìn thấy vô lượng chư Phật đời hiện tại, trong khoảng một niệm, không có chỗ nào không vòng khắp, cứu giúp các nạn nguy kịch, các sự hạn chế chẳng thể hạn chế, phân biệt hiện bày bờ mé chân thật, được Trí biện tài của các Như Lai, vào mọi ngôn âm khai hóa tất cả, vượt qua các Pháp đã có Thế Gian, tâm thường chân thật trụ nơi đường lối cứu đời, đối với tất cả vạn vật đều tùy ý tự tại

Vì loài chúng sinh làm người bạn chẳng cần phải thỉnh mời, gánh vác quần sinh, nhận việc nặng nhọc, thọ trì Pháp Tạng (Dharma-garbha) thâm sâu của Như Lai, bảo hộ Chúng Tánh của Phật thường khiến chẳng đứt, dấy lên **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) xót thương chúng sinh, diễn tranh biện hiện từ trao cho mắt Pháp (Dharma-cakṣu), lấp ba lối (3 đường ác) mở cửa lành, dùng Pháp **Bất Thỉnh** (chẳng cần thỉnh mời) ban cho các người dân (lê thứ), giống như người con hiếu thảo yêu kính cha mẹ, đối với các chúng sinh xem như chính thân mình, tất cả gốc lành đều đưa qua bờ kia, đều được vô lượng Công Đức của chư Phật, Trí Tuệ sáng suốt chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát như vậy gồm vô lượng Đại Sĩ chẳng thể xưng tính, cùng một lúc đều đến dự hội

Bấy giờ Đức Thế Tôn hiển các căn an vui ưa thích, đáng đáp thanh tịnh, dung mạo tỏa sáng lồng lộng.

Tôn Giả **A Nan** (Ānanda) nương theo Thánh Chỉ của Đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ thẳng lưng, chắp tay rồi bạch Phật rằng: “Ngày nay Đức Thế Tôn hiển các căn an vui ưa thích, đáng đáp thanh tịnh, dung mạo tỏa sáng lồng lộng như tấm gương sáng, bóng ảnh trong sạch thông suốt trong ngoài, uy dung hiển hiện màu nhiệm siêu tuyệt không lường, chưa từng nhìn thấy, thù diệu như vàng ròng.

Thưa vâng! Bạch Đại Thánh! Lòng con nghĩ rằng “Ngày nay, Đức Thế Tôn trụ Pháp đặc biệt hiếm có. Ngày nay, đáng **Thế Hùng** trụ tại chỗ mà chư Phật đã trụ. Ngày nay, đáng **Thế Nhân** trụ tại hạnh của Đạo Sư. Ngày nay, đáng **Thế Anh** trụ tại Đạo tối thắng. Ngày nay, đáng **Thiên Tôn** hành Đức của Như Lai. Mỗi mỗi Đức Phật quá khứ hiện tại vị lai cùng nghĩ nhớ đến nhau được không? Nay Đức Phật nhớ đến chư Phật ư? Vì sao ánh sáng uy thần lại tỏa sáng như thế?”

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: “Thế nào A Nan! Chư Thiên dạy ông đến hỏi Phật ư? Hay ông tự dùng Tuệ Kiến hỏi Uy Nhan vậy?”

A Nan bạch Phật: “Không có chư Thiên đến dạy bảo con. Con tự dùng chỗ thấy của mình thưa hỏi nghĩa này vậy”

Đức Phật nói: “Lành thay A Nan! Điều ông đã hỏi rất thú vị! Ông phát Trí Tuệ sâu xa, biện tài chân diệu, thương nhớ chúng sinh mà hỏi về nghĩa của Tuệ ấy. Do Như Lai dùng Đại Bi thương xót ba cõi cho nên hiện ra ở đời, mở sáng Đạo Giáo khiến khắp quần sinh được lợi của Chân Pháp, vô lượng ức kiếp khó gặp khó thấy, giống như hoa **Linh Thụ** (Udumbara-puspa) rất lâu mới hiện ra một lần. Nay điều ông đã hỏi có nhiều chỗ lợi ích, khai hóa tất cả chư Thiên, người dân

A Nan nên biết Trí ấy của Đức **Như Lai Chính Giác** rất khó đo lường, phần lớn là chỗ của bậc cầm cương chỉ lối, Tuệ Kiến không ngại, không thể cầm đứt. Dùng sức của một bữa ăn hay trụ Thọ Mệnh ức trăm ngàn kiếp vô số vô lượng. Lại vượt hơn con số này thì các Căn vẫn tươi đẹp chẳng bị tổn hại hủy nát, đáng đáp chẳng thay đổi, dung mạo vẫn sáng bóng không khác. Tại sao thế? Vì Như Lai có Định Tuệ rất thông suốt không có cùng cực, ở tất cả Pháp mà được tự tại

A Nan hãy lắng nghe! Nay Ta vì ông nói”

_Đáp rằng: “Thưa vâng! Con xin vui nguyện muốn nghe”

Đức Phật bảo A Nan: “Cách nay rất lâu xa, khoảng vô lượng chằng thê nghĩ bàn vô ương số kiếp trong đời quá khứ, có Đức Như Lai **Đỉnh Quang** (?Dīpaṃkara:Nhiên Đăng) hiện ra ở đời, giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sinh, đều khiến được Đạo...rồi mới nhận Diệt Độ

- Tiếp có Đức Như Lai tên là **Quang Viễn** (?Prabhākara:Phát Quang)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Nguyệt Quang** (Candra-prabha)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Chiên Đàn Hương** (Candana-gandha)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Thiện Sơn Vương** (Suparvata-rāja)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Tu Di Thiên Quan**
- Tiếp có Đức Phật tên là **Tu Di Đẳng Diệu**
- Tiếp có Đức Phật tên là **Nguyệt Sắc** (Candra-varṇa)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Chính Niệm** (Samyag-smṛti)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Ly Cầu** (Vimala)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Vô Trước** (Asaṅga)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Long Thiên** (Nāgābhibhū)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Dạ Quang** (Rātrī-prabha)
- Tiếp có Đức Phật tên là **An Minh Đỉnh** (?Merukūṭa : Tu Di Phong)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Bất Động Địa** (Acala-bhūmi)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Lưu Ly Hương Khí**
- Tiếp có Đức Phật tên là **Lưu Ly Kim Sắc** (Vaidūrya-suvarṇa-rūpa)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Kim Tạng** (Suvarṇa-garbha)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Diễm Quang** (Jyotiṣ-prabha)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Diễm Căn** (Jyotiṣ-indriya)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Địa Chủng**
- Tiếp có Đức Phật tên là **Nguyệt Tượng** (Candra-hasta)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Nhật Âm** (Sūrya-ghoṣa)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Giải Thoát Hoa** (Vimukta-puṣpa)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Trang Nghiêm Quang Minh** (Pramaṇḍita-raśmi-prabha)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Hải Giác Thần Thông** (Sāgara-vara-buddhi-vikrīḍitābhijñā)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Thủy Quang** (Udaka-prabha)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Đại Hương** (Mahā-gandha)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Ly Trần Cầu** (Viraja)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Xả Yểm Ý**
- Tiếp có Đức Phật tên là **Bảo Diễm** (Ratnābhibhāsa)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Diệu Đỉnh** (Sukūṭa)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Dũng Lập** (Śuru-kūṭa)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Công Đức Trì Tuệ** (Mahā-guṇa-dhara-budhi-prāptābhijñā)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Nhật Nguyệt Quang** (Sūrya-candra-prabha)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Nhật Nguyệt Lưu Ly Quang** (Sūrya-candra-vaidūrya-nirbhāsa)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Vô Thượng Lưu Ly Quang** (Uttapta-vaidūrya-nirbhāsa)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Tối Thượng Thủ** (Uttara-śīrṣai)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Bồ Đề Hoa** (Bodhi-puṣpa)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Nguyệt Minh** (Candra-vidya)
- Tiếp có Đức Phật tên là **Nhật Quang** (Sūrya-prabha)

Tiếp có Đức Phật tên là **Hoa Sắc Vương** (Puṣpa-varṇa-rāja)
 Tiếp có Đức Phật tên là **Thủy Nguyệt Quang** (Udaka-candra-prabha)
 Tiếp có Đức Phật tên là **Trừ Si Minh**
 Tiếp có Đức Phật tên là **Độ Cái Hạnh**
 Tiếp có Đức Phật tên là **Tịnh Tín** (Śuddha-sraddhā)
 Tiếp có Đức Phật tên là **Thiện Tú** (Sunakṣatra)
 Tiếp có Đức Phật tên là **Uy Thần**
 Tiếp có Đức Phật tên là **Pháp Tuệ** (Dharma-prajña)
 Tiếp có Đức Phật tên là **Loan Âm**
 Tiếp có Đức Phật tên là **Sư Tử Âm** (Simha-ghoṣa)
 Tiếp có Đức Phật tên là **Long Âm** (Nāga-ghoṣa)
 Tiếp có Đức Phật tên là **Xử Thế**
 Như chư Phật này, thấy đều đã qua

Khi ấy, tiếp có Đức Phật tên là **Thế Tự Tại Vương** (Lokeśvara-rāja) Như Lai (Tathāgata) Ứng Cúng (Arhate) Đẳng Chính Giác (Samyaksambuddha) Minh Hạnh Túc (Vidyācaraṇasaṃpanna) Thiện Thệ (Sugata) Thế Gian Giải (Loka-vid) Vô Thượng Sĩ (Anuttara) Điều Ngự Trượng Phu (Puruṣadamyasārathi) Thiên Nhân Sư (Śāstra-deva-manuṣyanāma) Phật Thế Tôn (Buddha-lokanātha).

Thời có vị quốc vương nghe Đức Phật nói Pháp, tâm an vui ưa thích, phát ý Đạo **Vô Thượng Chính Chân**, liền vứt bỏ đất nước, buông bỏ ngôi vua, đi làm Sa Môn (Śramaṇa), hiệu là **Pháp Tạng** (Dharmākara), tài cao Trí mạnh, vượt khác hẳn đời, đi đến chỗ của Đức Thế Tự Tại Như Lai, cúi đầu lễ bái chân của Đức Phật, nhiễu quanh theo bên phải ba vòng rồi quỳ thẳng lưng, chắp tay, dùng Tụng khen rằng:

— Dung nhan sáng lồng lộng
 Uy Thần không cùng cực
 Như vậy sáng rực rỡ
 Không có gì ngang bằng
 — Ánh sáng của Nhật, Nguyệt
 Ma Ni (Maṇi), ngọc... tỏa rực
 Thấy đều bị ẩn lấp
 Giống như là đồng mực.
 — Dung nhan của Như Lai
 Hơn đời, không có chuẩn (Vô Huân: không có tiêu chuẩn bình thường)
 Đại Âm của Chính Giác (Sambodhi)
 Vang truyền khắp mười phương
 — Giới (Śīla), lắng nghe (văn: Śrūta), Tinh Tiến (Vīrya)
 Tam Muội (Samādhi) với Trí Tuệ (Prajña)
 Uy Đức không bạn sánh
 Thù thắng rất hiếm có
 — Xét kỹ sâu, khéo nhớ
 Biện Pháp của chư Phật
 Cùng tận nơi sâu kín
 Nghiền ngấm bờ đáy ấy
 — Vô Minh (Avidya), Dục (Rāga), giận dữ (Dveṣa)
 Thế Tôn tuyệt không có
 Đấng **Nhân Hùng Sư Tử**
 Thần Đức không thể lường
 — Công Đức thật rộng lớn
 Trí Tuệ rất sâu mầu

Tướng ánh sáng uy nghiêm
 Chấn động khắp Đại Thiên
 _ Nguyên con được làm Phật
 _ Ngang bằng Thánh Pháp Vương
 Vượt qua hết sinh tử
 Không gì chẳng giải thoát
 _ Bồ Thí (Dāna), điều hòa Ý
 _ Giới (Śīla), Nhẫn Nhục (Kṣānti), Tinh Tiến (Vīrya)
 Các Tam Muội (Samādhi) như vậy
 Trí Tuệ (Prajña) cao hơn hết
 _ Con thề được thành Phật
 _ Hành khắp cả Nguyên này
 Tất cả nỗi sợ hãi
 Làm cho an ổn hết
 _ Giả sử khiến có Phật
 Hàng trăm ngàn ức vạn
 Vô lượng các Đại Thánh
 Số như cát sông Hằng
 _ Cúng dường khắp tất cả
 Chư Phật của nhóm này
 Chẳng thể bằng cầu Đạo
 Bền chắc chẳng chối từ
 _ Ví như cát sông Hằng
 Thế Giới của chư Phật
 Lại chẳng thể tính đếm
 Vô số các cõi nước
 _ Ánh sáng đều chiếu soi
 Khắp hết các nước này
 Sức tinh tiến như vậy
 Uy Thần khó thể lường
 _ Khiến con được làm Phật
 Có cõi nước bậc nhất
 Chúng trong ấy, kỳ diệu
 Đạo Tràng rất siêu tuyệt
 _ Đất nước như **Nê Hoàn** (Nirvāṇa: Niết Bàn)
 Không nơi nào sánh được
 Con sẽ thương xót hết
 Độ thoát khắp tất cả
 _ Chúng mười phương, sinh đến
 Tâm vui thích, trong sạch
 Đã đến nước của con
 Được khoái lạc an ổn
 _ Cầu Phật, tin sáng suốt
 Là **Chân Chứng** của con
 Phát Nguyên ở nơi ấy
 Sức tinh rỗng, mong muốn
 _ Các Thế Tôn mười phương
 Trí Tuệ không ngăn ngại
 Thường khiến cho Tôn này

Biết Tâm Hạnh của con
Giả sử khiến thân chỉ
Ở trong các khổ độc
Con luôn hành tinh tiến
Nhẫn chịu, không hối hận

Đức Phật bảo A Nan: “Tỳ Khuru **Pháp Tạng** ấy nói Tụng này xong, liền bạch Phật rằng: “*Thưa vâng! Bạch Đức Thế Tôn! Con phát Tâm **Vô Thượng Chính Giác**. Nguyên xin Đức Phật vì con rộng tuyên Kinh Pháp, con sẽ tu hành nhiếp lấy nước Phật, thanh tịnh trang nghiêm vô lượng cõi màu nhiệm, khiến con ở đời mau thành Chính Giác, nhờ bứt gốc khổ não của sinh tử*”

Đức Phật bảo An Nan: “Thời Đức Phật Thế Tụ Tại Vương bảo Tỳ Khuru Pháp Tạng: “*Như chỗ tu hành trang nghiêm cõi Phật thì tự ông nên biết*”

Tỳ Khuru bạch Phật: “*Nghĩa này quá sâu rộng, chẳng phải là cảnh giới của con! Nguyên xin Đức Thế Tôn rộng vì con diễn bày hạnh **Tịnh Thổ** của chư Phật Như Lai. Con nghe điều này xong, sẽ như Thuyết, tu hành thành mãn chỗ nguyện*”

Khi ấy Đức Phật Thế Tụ Tại Vương biết Chí Nguyện cao minh sâu rộng ấy, liền vì Tỳ Khuru Pháp Tạng mà nói Kinh rằng: “*Vì như biển lớn, một người dùng cái đầu đong tát, trải qua kiếp số vẫn có thể đến đáy, lấy được vật báu màu nhiệm. Người có chí tâm, tinh tiến cầu Đạo chẳng ngưng nghỉ, khi gặp dịp ắt sẽ được Quả thì Nguyện gì mà chẳng được?*”

Lúc đó Đức Phật Thế Tụ Tại Vương liền rộng nói việc Thiện ác của Trời Người, sự thô thiện màu nhiệm của cõi nước trong 210 ức cõi nước của chư Phật... ứng với Tâm Nguyện ấy đều hiển hiện rõ ràng

Khi vị Tỳ Khuru ấy nghe Đức Phật đã nói về cõi nước nghiêm tịnh, thấy đều nhìn thấy từ xa, liền phát Nguyện vô thượng thù thắng. Tâm ấy vắng lặng, chí không có chỗ dính mắc, tất cả Thế Gian không có gì chẳng theo kịp, đầy đủ năm kiếp, suy nghĩ nhiếp lấy Hạnh trong sạch để trang nghiêm nước Phật”.

A Nan bạch Phật: “Cõi nước Phật ấy tồn tại (thọ lượng) được bao nhiêu?”

Đức Phật nói: “Đức Phật ấy sống lâu (thọ mệnh) đến bốn mươi hai kiếp.

Khi Tỳ Khuru **Pháp Tạng** nhiếp lấy Hạnh trong sạch ở 210 ức cõi màu nhiệm của chư Phật. Như vậy tu xong, đi đến nơi Đức Phật ngự, cúi đầu lễ bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi chấp tay, đứng thẳng bạch rằng: “*Thế Tôn! Con đã nhiếp lấy Hạnh trong sạch để trang nghiêm cõi Phật*”

Đức Phật bảo Tỳ Khuru: “*Nay ông có thể nói. Thích hợp biết Thời đó, phát khởi vui thích. Có thể tất cả Đại Chúng, Bồ Tát nghe xong, tu hành Pháp này, khi Duyên đến sẽ đầy đủ vô lượng Nguyện lớn*”

Tỳ Khuru bạch Phật: “*Xin Đức Phật lắng nghe xem xét! Như điều con đã Nguyện, sẽ nói ra đầy đủ.*”

1_ Nếu con được thành Phật mà cõi nước có Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh... thời con chẳng nhận lấy Chính Giác

2_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước, sau khi hết tuổi thọ lại rơi vào ba nẻo ác, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

3_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng đều có màu vàng ròng thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

4_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước có hình sắc chẳng giống nhau, còn có kẻ đẹp người xấu, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

5_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng đều hiểu biết **Túc Mệnh** (Pūrvanivāsānusmṛti- abhijñā), thấp hơn là biết việc trong trăm ngàn ức na do tha các kiếp, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

6_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng được **Thiên Nhân** (Divya-cakṣur- abhijñā), thấp hơn là nhìn thấy trăm ngàn ức na do tha cõi nước của chư Phật, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

7_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng được **Thiên Nhĩ** (Divya-śrotam- abhijñā), thấp hơn là nghe điều mà trăm ngàn ức na do tha chư Phật đã nói, chẳng đều thọ trì, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

8_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng được **Kiến Tha Tâm Trí** (Cetaḥpayyāya-abhijñā) thấp hơn là biết tâm niệm của chúng sinh trong trăm ngàn ức na do tha cõi nước của chư Phật, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

9_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng được **Thần Túc** (Rddhividdhi-abhijñā) ở khoảng một niệm, thấp hơn là chẳng thể vượt qua trăm ngàn ức na do tha cõi nước của chư Phật, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

10_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước hoặc khởi tướng nhớ tham lam, tính toán cho thân mình, thời con không nhận lấy Chính Giác.

11_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng trụ nhóm Định đều đến Diệt Độ, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

12_ Nếu con được thành Phật mà ánh sáng còn có lượng giới hạn, thấp hơn là chẳng chiếu hết trăm ngàn ức na do tha cõi nước của chư Phật, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

13_ Nếu con được thành Phật mà Thọ Mệnh còn có lượng giới hạn, thấp hơn là trăm ngàn ức na do tha kiếp, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

14_ Nếu con được thành Phật mà Thanh Văn (Śrāvaka) trong nước có thể tính toán đo lường cho đến chúng sinh, Duyên Giác (Pratyeka-buddha) của ba ngàn Đại Thiên Thế Giới ở trăm ngàn kiếp đều cùng chung tính đếm, biết được con số ấy, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

15_ Nếu con được thành Phật thì Thọ Mệnh của Người Trời trong nước không có lượng giới hạn, trừ khi kẻ ấy có Bản Nguyên tu rút ngắn tự tại. Nếu chẳng như thế thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

16_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước cho đến nghe có tên gọi chẳng lành, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

17_ Nếu con được thành Phật mà vô lượng chư Phật ở mười phương Thế Giới chẳng đều than hỏi, xưng tên của con thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

18_ Nếu con được thành Phật mà chúng sinh ở mười phương, chí tâm tin tưởng ưa thích, muốn sinh về nước của con cho đến mười niệm nếu chẳng được sinh, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác. Chỉ trừ kẻ vương tội năm Nghịch, chê bai Chính Pháp.

19_ Nếu con được thành Phật mà chúng sinh ở mười phương, phát Tâm Bồ Đề tu các Công Đức, chí tâm phát Nguyên muốn sinh về nước của con. Lúc lâm chung thời nếu khiến chẳng cho Đại Chúng vây quanh, hiện trước mặt người ấy, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

20_ Nếu con được thành Phật mà chúng sinh ở mười phương, nghe danh hiệu của con, buộc niệm vào nước của con, gieo trồng các gốc Đức, chí tâm hồi hướng, muốn sinh về nước của con lại chẳng được kết quả thỏa thích, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

21_ Nếu con được thành Phật mà Người Trời trong nước chẳng đều thành đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại Nhân, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

22_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát thuộc cõi Phật ở phương khác, đi đến sinh về nước của con, rốt ráo đều đến **Nhất Sinh Bồ Xứ** (ekajāti-pratibaddha). Trừ khi kẻ ấy có Bản Nguyên tự tại hóa độ, vì chúng sinh cho nên mặc áo giáp **Hoàng Thệ**, gom chứa gốc Đức, độ thoát tất cả, dạo chơi các cõi Phật, tu **Bồ Tát Hạnh** (Bodhisatva-cārya), cúng dường mười phương chư Phật Như Lai, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sinh. Khiến lập Đạo **Chính Chân Vô Thượng**, vượt hơn hẳn tiêu chuẩn thông thường, Hạnh của các Địa (Bhūmi). Hiện tiền tu tập Đức của **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra). Nếu chẳng như thế thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

23_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước, nương theo Thần Lực của Đức Phật, cúng dường chư Phật. Khoảng một bữa ăn mà chẳng thể đến vô lượng vô số ức na do tha cõi nước của chư Phật, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

24_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước ở tại trước mặt Đức Phật, hiện gốc Đức ấy. Các vật dụng mong cầu, muốn cúng dường, nếu chẳng như ý, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

25_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước chẳng thể diễn nói **Nhất Thiết Trí** (Sarva-jñāna), thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

26_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước chẳng được thân của Kim Cương Na La Diên (Vajra-nārāyaṇa), thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

27_ Nếu con được thành Phật. Người Trời trong nước, tất cả vạn vật nghiêm tịnh, sáng đẹp, hình sắc đặc biệt lạ thường, tận cùng màu nhiệm rất khéo léo không thể đo lường cho đúng được. Nếu các chúng sinh ấy cho đến người đạt được Thiên Nhãn (Divya-cakṣu) có thể hiểu thấu, phân tích được danh số ấy, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

28_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước cho đến người có chút Công Đức, chẳng thể thấy biết cây của Đạo Trường ấy có vô lượng ánh sáng màu sắc, cao bốn trăm vạn dặm, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

29_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước, hoặc thọ nhận, đọc Kinh Pháp, phúng tụng, giữ gìn, giảng nói mà chẳng được Biện Tài Trí Tuệ, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

30_ Nếu con được thành Phật mà Bồ Tát trong nước được Trí Tuệ Biện Tài, nếu có lượng giới hạn thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

31_ Nếu con được thành Phật thì cõi nước trong sạch, thấy đều chiếu thấy tất cả vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn các Thế Giới Phật ở mười phương, giống như tướng mặt được nhìn thấy trong cái gương sáng. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

32_ Nếu con được thành Phật. Từ mặt đất trở lên trên cho đến hư không: cung điện, lầu quán, ao, giòng nước, cây hoa...hết thấy tất cả vạn vật của cõi nước đều dùng vô lượng loại báu, trăm ngàn thứ hương cùng chung hợp thành, nghiêm sức kỳ diệu, vượt hơn hẳn các Trời Người. Hương ấy xông ướp khắp mười phương Thế Giới, Bồ Tát người thấy đều tu **Phật Hạnh** (Buddha-cārya). Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

33_ Nếu con được thành Phật. Loài chúng sinh trong vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các Thế Giới Phật ở mười phương, nhận được ánh sáng của con tiếp chạm thân thể của kẻ ấy thì thân tâm mềm mại, vượt hơn hẳn các Trời Người. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

34_ Nếu con được thành Phật. Loài chúng sinh trong vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các Thế Giới Phật ở mười phương, nghe tên gọi của con mà chẳng được **Vô Sinh Pháp Nhãn** (Anutpattika-dharma-kṣānti), các **Tổng Trì** (Dhāraṇī) thâm sâu của Bồ Tát, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

35_ Nếu con được thành Phật. Vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các Thế Giới Phật ở mười phương có người nữ nào nghe tên gọi của con lại vui vẻ, tin tưởng, ưa thích, phát tâm Bồ Đề, chán ghét thân nữ. Sau khi hết tuổi thọ, lại mang hình tượng người nữ nữa, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

36_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các Thế Giới Phật ở mười phương, nghe tên gọi của con. Sau khi hết tuổi thọ, thường tu **Phạm Hạnh** (Brahma-cārya) cho đến thành Phật Đạo. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

37_ Nếu con được thành Phật. Chư Thiên, người dân trong vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các Thế Giới Phật ở mười phương, nghe tên gọi của con mà đặt năm vóc sát đất, cúi đầu làm lễ, vui vẻ, tin tưởng, ưa thích tu Bồ Tát Hạnh thì chư Thiên, người đời không có ai chẳng cung kính. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

38_ Nếu con được thành Phật thì Người, Trời trong nước muốn được quần áo sẽ tùy theo niệm liền đến. Như Đức Phật đã khen ngợi *“Ứng Pháp thì quần áo màu nhiệm tự nhiên ở ngay trên thân”*. Nếu có người phải cắt may, nhuộm, sửa, giặt đủ...thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

39_ Nếu con được thành Phật thì Người, Trời trong nước thọ nhận khoái lạc, chẳng như (?chẳng khác gì) vị Tỳ Khưu dứt hết sự dò rỉ (lậu tận), thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

40_ Nếu con được thành Phật thì Bồ Tát trong nước, tùy theo ý, muốn thấy vô lượng cõi Phật nghiêm tịnh sử ứng thời như nguyện. Ở trong cây báu thấy đều chiếu thấy, giống như tướng mặt được nhìn thấy trong cái gương sáng. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

41_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con, đến khi được thành Phật mà các Căn bị hư thiếu xấu xí, chẳng được đầy đủ, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

42_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con, thấy đều đạt được Tam Muội **Thanh Tịnh Giải Thoát**. Trụ Tam Muội đó, trong một khoảng phát ý sẽ cúng dường vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các Phật Thế Tôn mà chẳng mất **Định Ý**. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

43_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con. Sau khi hết tuổi thọ sẽ sinh vào nhà Tôn Quý. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

44_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con, vui vẻ hơn hờ tu Bồ Tát Hạnh, đầy đủ gốc Đức. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

45_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con, thấy đều đạt được Tam Muội **Phổ Đẳng**. Trụ Tam Muội đó, đến khi thành Phật, thường thấy vô lượng chẳng thể nghĩ bàn tất cả Như Lai. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

46_ Nếu con được thành Phật. Bồ Tát trong nước tùy theo chí nguyện, mong muốn nghe Pháp thì tự nhiên được nghe. Nếu chẳng như thế, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

47_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con mà chẳng liền được đến bậc chẳng thoái chuyển, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

48_ Nếu con được thành Phật. Các chúng Bồ Tát trong cõi nước ở phương khác, nghe tên gọi của con mà chẳng liền được đến **Pháp Nhẫn** thứ nhất, thứ hai, thứ

ba...đối với Phật Pháp chẳng thể liền được bậc chẳng thoái chuyển, thời con chẳng nhận lấy Chính Giác.

Đức Phật bảo A Nan: “Khi ấy, Tỳ Khuru Pháp Tạng nói Nguyên này xong, liền nói Tụng là:

_ Con dựng Nguyên hơn đời (siêu thế)
_ Thấy đến Đạo vô thượng
_ Nguyên này chẳng đầy đủ
_ Thẻ chẳng thành Đẳng Giác
_ Con ở vô lượng kiếp
_ Chẳng làm Đại Thí Chủ
_ Cứu khắp các nghèo khổ
_ Thẻ chẳng thành Đẳng Giác
_ Con đến thành Phật Đạo
_ Danh tiếng vượt mười phương
_ Rốt ráo luống chẳng nghe
_ Thẻ chẳng thành Đẳng Giác
_ Lìa Dục (Rāga), Chính Niệm sâu
_ Tịnh Tuệ tu Phạm Hạnh
_ Chí cầu Đạo vô thượng
_ Làm Thầy các Trời Người
_ Thần Lực diễn Đại Quang (ánh sáng lớn)
_ Chiếu khắp cõi không cùng
_ Trừ ngu tối, ba **cấu**
_ Sáng suốt cứu mọi nạn
_ Mở mắt Trí Tuệ ấy
_ Diệt mù mờ tối tăm
_ Đóng kín các đường ác
_ Thông đạt cửa nẻo lành (Thiện Thú)
_ Công Phúc thành đầy đủ
_ Uy Diệu sáng mười phương
_ Nhật, Nguyệt dáu vàng sáng
_ Thiên Quang (ánh sáng của Trời) ắp, chẳng hiện
_ Vì chúng, mở Pháp Tạng
_ Rộng cho báu Công Đức
_ Thường ở trong Đại Chúng
_ Nói Pháp, Sư Tử rống
_ Cúng dường tất cả Phật
_ Đầy đủ mọi gốc Đức
_ Nguyên, Tuệ đều thành đủ
_ Được làm **Tam Giới Hùng**
_ Như Phật: Trí vô lượng
_ Thông đạt tràn khắp cả
_ Nguyên sức Công Đức con
_ Ngang **Tối Thắng Tôn** này
_ Nguyên này nếu được Quả
_ Cảm ứng, động Đại Thiên
_ Trời Người ở hư không
_ Tuôn mưa hoa quý báu

Đức Phật bảo A Nan: “Tỳ Khuru Pháp Tạng nói Tụng này xong, lúc đó khắp mặt đất chấn động theo sáu cách, trời tuôn mưa hoa màu nhiệm rải tán bên trên mặt đất, tự nhiên âm nhạc trong hư không khen rằng: “*Quyết định ắt thành Vô Thượng Chính Giác*”. Khi ấy Tỳ Khuru Pháp Tạng đầy đủ tu mãn Nguyên lớn như vậy, thành thật chẳng hư dối, vượt ra khỏi Thế Gian, ưa thích sâu xa sự vắng lặng.

Này A Nan! Tỳ Khuru Pháp Tạng ở chỗ của Đức Phật ấy, trong Đại Chúng của chư Thiên (Deva), Ma (Māra), Phạm (Brāhma), tám Bộ Rồng (Nāga), Thần (Devatā)... phát **Hoàng Thệ** này. Lập Nguyên này xong, một hướng chuyên chí trang nghiêm cõi màu nhiệm. Nước Phật đã tu, mở mang rộng lớn, thần diệu vượt bậc. Tạo dựng lâu bền không có suy kém, không có biến đổi.

Ở chẳng thể nghĩ bàn triệu năm lâu dài Kiếp, gom chứa gây dựng vô lượng Đức Hạnh của Bồ Tát. Chẳng sinh: cảm giác ham muốn (dục giác), cảm giác giận dữ (sân giác), cảm giác ganh ghét gây hại (hại giác). Chẳng khởi Dục Tướng (rāga-samjña), Sân Tướng (Dvesa-samjña), Hại Tướng. Chẳng dính mắc Pháp của hình chất (Sắc: Rūpa), âm thanh (thanh: Śabda), mùi ngửi (hương: gandha), vị nếm (vị: Rasa), tiếp chạm (xúc: Sprastavya). Thành tục sức Nhẫn, chẳng tính mọi khổ, ít ham muốn, biết đủ, không nhiễm dính giận dữ si mê.

Tam Muội thường vắng lặng, Trí Tuệ không ngăn ngại, không có tâm hư dối nịnh hót quanh co, dáng mặt hiền hòa, nói năng êm dịu, thưa hỏi ý người đi trước (bậc lớn tuổi có kinh nghiệm), dừng mãnh tinh tiến, chí nguyện không sờn, chuyên cầu Pháp trắng trong (thanh bạch)

Dùng Tuệ lợi quần sinh, cung kính Tam Bảo, phụng sự Sư Trưởng. Dùng mọi hạnh đầy đủ trang nghiêm lớn khiến các chúng sinh thành tựu Công Đức. Trụ Pháp **Không** (Śūnyatā: Tính trống rỗng), **không có Tướng** (Vô Tướng: Animitta), **không có Nguyên** (Vô Nguyên: Apraṇihita). Không có tạo tác (Abhisamkāra), không có sinh khởi (Anutpanna), quán Pháp như biến hóa.

Xa lìa lời nói thô thiển: hại mình, hại kẻ khác, cùng hại mình và kẻ khác. Tu tập lời nói hiền lành: lợi mình lợi người, cùng lợi cho mình và người khác

Vứt bỏ đất nước, buông bỏ ngôi vua, bỏ hết tiền của sắc đẹp. Tự hành sáu Ba La Mật, dạy người khiến hành.

Vô ương số kiếp gom chứa Công Đức. Tùy theo nơi sinh ra, ngay ý mong muốn, vô lượng kho tàng báu tự nhiên ứng hiện. Giáo hóa an lập vô số chúng sinh trụ ở Đạo **Chính Chân Vô Thượng**

Hoặc làm Trưởng Giả, Cư Sĩ, hào tính tôn quý. Hoặc làm vua chúa dòng Sát Đế Lợi (Kṣatriya), Chuyển Luân Thánh Đế. Hoặc làm Thiên Chủ (Deva-pati) của sáu cõi Dục (Kāma-dhātu) cho đến Phạm Vương (Brāhma-rāja)... thường dùng bốn việc cúng dường, cung kính tất cả chư Phật. Công Đức như vậy chẳng thể xưng nói

Miệng tỏa hơi thơm tinh khiết như hoa Ưu Bát La (Utpāla: hoa sen xanh), các lỗ chân lông trên thân tuôn ra mùi thơm Chiên Đàn (Candana), hương thơm ấy xông ướp khắp vô lượng Thế Giới. Sắc mặt đoan chính, tướng tốt thù diệu. Bàn tay thường tuôn ra vật báu không tận, quần áo, thức ăn uống, hương hoa thần diệu quý báu, các lọng, phướng, phan, vật dụng trang nghiêm. Việc của nhóm như vậy vượt hơn các Người Trời, ở tất cả Pháp mà được tự tại”

A Nan bạch Phật: “Bồ Tát Pháp Tạng đã được thành Phật rồi nhận lấy Diệt Độ? Là bậc chưa thành Phật? Ngày nay, hiện tại là ai?”

Đức Phật bảo A Nan: “Bồ Tát Pháp Tạng ngày nay đã thành Phật, hiện tại ở phương Tây cách đây mười vạn ức cõi, Thế Giới của Đức Phật ấy tên là **An Lạc** (Sukhāvatī)”

A Nan lại hỏi: “Đức Phật ấy thành Đạo cho đến nay đã trải qua bao nhiêu thời?”

Đức Phật nói: “Thành Phật đến nay đã trải qua mười kiếp. Cõi nước của Đức Phật ấy có bảy báu tự nhiên là: Vàng (Suvarṇa), bạc (Rūpya), Lưu Ly (Vaidūrya), San Hô (?Sphaṭika: Pha lê, thủy tinh), Hồ Phách (?Lohita-mukta: Xích châu), Xà Cừ (Musāragalva: có chỗ dịch là San Hô), Mã Não (Aśma-garbha)... hợp thành mặt đất

Lại cõi nước ấy không có núi Tu Di (Sumeru) với Kim Cương (Vajra) vây quanh, tất cả các núi (Parvata). Cũng không có biển lớn, biển nhỏ, khe, ngòi, giếng, suối...do Thần Lực của Đức Phật cho nên muốn thấy liền thấy. Cũng không có Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh, lỗi nẻo của các nạn. Cũng không có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông...chẳng lạnh chẳng nóng thường điều hòa vừa ý”

Bấy giờ A Nan bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nếu cõi nước ấy không có núi Tu Di thời **Tứ Thiên Vương** (Cāturmāhārāja-deva) với **Đao Lợi Thiên** (Trayāstrīṃśa-deva: Tam Thập Tam Thiên) y theo đâu để trụ?”

Đức Phật hỏi A Nan: “**Diêm Thiên** (Yāma-deva) thứ ba cho đến **Sắc Cứu Cánh Thiên** (Kaniṣṭha) đều y theo đâu mà trụ?”

A Nan bạch Phật: “Hành Nghiệp, Quả Báo chẳng thể nghĩ bàn”

Đức Phật bảo A Nan: “Hành Nghiệp, Quả Báo chẳng thể nghĩ bàn, Thế Giới của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn. Các chúng sinh ấy có Công Đức, sức Thiện, trụ tại Địa của Hành Nghiệp cho nên hay như thế vậy”

A Nan bạch Phật: “Con chẳng nghi ngờ Pháp này, chỉ vì chúng sinh thời tương lai, muốn trừ nghi hoặc ấy cho nên hỏi nghĩa này”

Đức Phật bảo A Nan: “Ánh sáng uy thần của Đức Phật Vô Lượng Thọ là tối tôn bậc nhất, ánh sáng của chư Phật chẳng thể theo kịp. Hoặc có ánh sáng Phật chiếu đến trăm Thế Giới Phật, hoặc ngàn Thế Giới Phật. Lấy điều thiết yếu mà nói thì chiếu đến hằng sa cõi Phật ở phương Đông. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương bên trên, phương bên dưới cũng lại như vậy. Hoặc có ánh sáng Phật chiếu đến bảy thước (xích:thước Tàu). Hoặc chiếu đến một do tuần, hai, ba, bốn, năm Do Tuần. Như vậy chuyển gấp bội cho đến chiếu soi một cõi Phật.

Chính vì thế cho nên Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus-buddha) có hiệu là: **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha-buddha), **Vô Biên Quang Phật** (Amita-prabhāsa-buddha), **Vô Ngại Quang Phật** (Apratihata-rāsmi-prabha-buddha), **Vô Đối Quang Phật** (Asamāpta-prabha-buddha), **Diêm Vương Quang Phật** (Prabhā-sikhotsṛṣṭa-prabha-buddha), **Thanh Tịnh Quang Phật** (Śuddha-prabha-buddha), **Hoan Hỷ Quang Phật** (Pramodanīya-prabha-buddha), **Trí Tuệ Quang Phật** (Prajñā-prabha-buddha), **Bất Đoạn Quang Phật** (Nibandhanīya-prabha-buddha), **Nan Tư Quang Phật**, **Vô Xứng Quang Phật**, **Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật** (Candra-sūrya-jihmī-karaṇa-buddha).

Cõi ấy có chúng sinh gặp ánh sáng này thì ba **Cấu** được tiêu diệt, thân ý mềm mại, vui vẻ hơn hờ, sinh ra tâm lành. Nếu ở chốn cần khổ tại ba đường (địa ngục, quỷ đói, súc sinh) nhìn thấy ánh sáng này đều được ngừng nghĩ, không bị khổ não nữa, sau khi hết tuổi thọ đều được giải thoát

Ánh sáng của Đức Phật Vô Lượng Thọ rực rỡ chiếu sáng các cõi nước Phật ở mười phương, không có chốn nào không nghe biết. Chẳng phải chỉ có Ta ngày nay khen ngợi ánh sáng ấy mà tất cả chư Phật, Thanh Văn, Duyên Giác, các chúng Bồ Tát đều cùng nhau khen ngợi cũng lại như vậy

Nếu có chúng sinh nghe Công Đức Uy Thần của ánh sáng ấy, ngày đêm xưng nói, chí tâm chẳng dứt thì tùy theo ước nguyện được sinh về nước ấy. Là nơi mà các Bồ Tát, Thanh Văn, Đại Chúng cùng nhau khen ngợi, xưng Công Đức ấy cho đến sau khi được Phật Đạo thời vì khắp chư Phật Bồ Tát ở mười phương khen ngợi ánh sáng ấy cũng như ngày nay vậy”

Đức Phật nói: “Ta nói Ánh sáng của Đức Phật Vô Lượng Thọ có Uy Thần lồng lộng thù diệu ...suốt ngày đêm, trọn một kiếp cũng chẳng thể hết”.

Đức Phật bảo A Nan: “Đức Phật Vô Lượng Thọ có thọ mệnh lâu dài chẳng thể xưng tính. Ông nên biết như vậy.

Giả sử vô lượng chúng sinh ở mười phương Thế Giới đều được thân người, đều khiến thành tựu Thanh Văn Duyên Giác, đều cùng nhau tập hội, lặng nghĩ suy xét (thiền tư), một lòng dốc hết Trí Lực ấy ở trăm ngàn vạn kiếp đều cùng nhau tìm tính, đếm số kiếp lâu dài của thọ mệnh ấy thì cũng chẳng thể biết cùng tận điểm cuối cùng của hạn lượng ấy. Thọ mệnh dài ngắn của chúng Thanh Văn, Bồ Tát, Trời, Người cũng lại như vậy, chẳng phải là chỗ hay biết của sự tính đếm thí dụ.

Lại số Thanh Văn, Bồ Tát ấy rất khó đo lường, chẳng thể xưng nói. Thần Trí thông suốt, uy lực tự tại, có thể nắm giữ tất cả Thế Giới ở trong lòng bàn tay”

Đức Phật bảo A Nan: “Hội đầu tiên (sơ hội) của Đức Phật ấy có số chúng Thanh Văn chẳng thể xưng tính, Bồ Tát cũng thế. [Nếu người có] khả năng như Đại Mục Kiền Liên nhiều đến trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số, ở a tăng kỳ na do tha kiếp cho đến Diệt Độ đều cùng nhau xét tính, vẫn chẳng thể hiểu cùng tận số lượng nhiều ít ấy.

Ví như biển lớn, sâu rộng vô lượng. Giả sử có người chia chẻ một sợi lông ra làm trăm phần, đem một phần lông thấm lấy một giọt nước. Ý ông thế nào? Chỗ giọt nước ấy đối với biển lớn thì chỗ nào nhiều hơn?”

A Nan bạch Phật: “Chỗ giọt nước ấy so với biển lớn thì lượng lớn nhỏ, chẳng cần phải là người khéo tính toán số dùng ngôn từ thí dụ, cũng có thể biết được vậy”

Đức Phật bảo A Nan: “ Như nhóm Mục Kiền Liên ở trăm ngàn vạn ức na do tha kiếp tính đếm Thanh Văn Bồ Tát ở hội đầu tiên ấy, thời con số biết được giống như một giọt nước, còn chỗ chẳng biết thì như nước của biển lớn.

Lại cõi nước ấy có các cây bảy báu tràn đầy khắp cả Thế Giới như: cây vàng, cây bạc, cây lưu ly, cây pha lê, cây san hô, cây mã não, cây xà cừ. Hoặc có cây do hai báu, ba báu cho đến bảy báu chuyển cộng hợp thành.

Hoặc có cây bằng vàng, lá hoa quả bằng bạc

Hoặc có cây bằng bạc, lá hoa quả bằng vàng

Hoặc có cây bằng lưu ly, lá hoa quả bằng pha lê...cũng thế

Hoặc có cây bằng thủy tinh, lá hoa quả bằng lưu ly...cũng thế

Hoặc có cây bằng san hô, lá hoa quả bằng mã não...cũng thế

Hoặc có cây bằng mã não, lá hoa quả bằng lưu ly...cũng thế

Hoặc có cây bằng xà cừ, mọi thứ báu làm lá hoa quả...cũng thế

Hoặc có cây báu với vàng tía (tử kim) làm gốc, bạc trắng làm thân, lưu ly làm cành, thủy tinh làm nhánh nhỏ, san hô làm lá, mã não làm hoa, xà cừ làm thật (?quả trái)

Hoặc có cây báu với bạc trắng làm gốc, lưu ly làm thân, thủy tinh làm cành, san hô làm nhánh nhỏ, mã não làm lá, xà cừ làm hoa, vàng tía làm thật (?quả trái)

Hoặc có cây báu với lưu ly làm gốc, thủy tinh làm thân, san hô làm cành, mã não làm nhánh nhỏ, xà cừ làm lá, vàng tía làm hoa, bạc trắng làm thật (?quả trái)

Hoặc có cây báu với thủy tinh làm gốc, san hô làm thân, mã não làm cành, xà cừ làm nhánh nhỏ, càn gĩa làm lá, bạc trắng làm hoa, lưu ly làm thật (?quả trái)

Hoặc có cây báu với san hô làm gốc, mã não làm thân, xà cừ làm cành, vàng tía làm nhánh nhỏ, bạc trắng làm lá, lưu ly làm hoa, thủy tinh làm thật (?quả trái)

Hoặc có cây báu với mã não làm gốc, xà cừ làm thân, vàng tía làm cành, bạc trắng làm nhánh nhỏ, lưu ly làm lá, thủy tinh làm hoa, san hô làm thật (?quả trái)

Hoặc có cây báu với xà cừ làm gốc, vàng tía làm thân, bạc trắng làm cành, lưu ly làm nhánh nhỏ, thủy tinh làm lá, san hô làm hoa, mã não làm thật (?quả trái)

Hàng hàng cùng thẳng tắp, thân thân cùng ngó vào nhau, cành cành cùng bằng nhau, lá lá cùng hướng vào nhau, hoa hoa cùng thuận nhau, quả quả cùng đối xứng nhau, màu sắc tươi tốt, sáng rực... chẳng có thứ gì có thể so sánh hơn được. Khi gió mát thổi thời phát ra năm âm thanh, cung thương vì diệu tự nhiên cùng hòa với nhau.

Lại cây **Đạo Tràng** của Đức Phật Vô Lượng Thọ cao bốn trăm vạn dặm, chu vi của gốc cây rộng năm ngàn do tuần, cành lá tỏa bày bốn bên đến hai mươi vạn dặm, tất cả mọi báu tự nhiên hợp thành. Dùng Nguyệt Quang Ma Ni (Candra-bhāsa-maṇi), báu Trì Hải Luân (Sāgara-vara-maṇi-ratna), vua của mọi báu để trang nghiêm. Chung quanh cành nhánh rủ treo chuỗi Anh Lạc báu, trăm ngàn vạn màu sắc, mọi loại biến đổi khác nhau, tỏa vô lượng ánh sáng rực rỡ chiếu sáng không cùng tận (vô cực)

Bên trên cây ấy có lưới mảnh bằng báu trân diệu che phủ, tất cả trang nghiêm tùy ứng mà hiện ra. Khi gió nhẹ thổi qua thì lay động phát ra Pháp Âm (Dharma-svara) màu nhiệm, lan truyền khắp tất cả nước Phật ở mười phương. Người nghe tiếng ấy, được **Pháp Nhẫn** sâu xa, trừ **Bất Thoái Chuyển** cho đến thành Phật Đạo, chẳng còn gặp khổ hoạn (Tai vạ, tật bệnh gây đau khổ)

Mắt nhìn thấy hình sắc ấy, tai nghe tiếng ấy, mũi biết mùi hương ấy, lưỡi nếm mùi vị ấy, thân tiếp chạm ánh sáng ấy, tâm dùng Pháp duyên thì tất cả đều được Pháp Nhẫn thâm sâu, trừ Bất Thoái Chuyển, cho đến thành Phật Đạo, sáu căn trong suốt, không có các nỗi hoạn (tai vạ, tật bệnh gây bức bối).

Này A Nan! Nếu Người, Trời của nước ấy nhìn thấy cây này sẽ được ba Pháp Nhẫn. Một là **Âm Hưởng Nhẫn**, hai là **Nhu Thuận Nhẫn**, ba là **Vô Sinh Pháp Nhẫn**. Đây đều là sức uy thần, sức Bản Nguyên, Nguyên đầy đủ, Nguyên sáng tỏ, Nguyên bền chắc, Nguyên cứu cánh của Đức Phật Vô Lượng Thọ”

Đức Phật bảo A Nan: “Bậc đế vương (Rājendra) trong Thế Gian có trăm ngàn âm nhạc. Từ Chuyển Luân Thánh Vương cho đến cõi Trời thứ sáu (Tha Hóa Tự Tại Thiên:Paranirmita-vaśa-vartino-deva), càng lên trên thì kỹ nhạc âm thanh triển chuyển hơn hẳn gấp ngàn ức vạn lần. Sáu vạn loại nhạc âm trên cõi Trời thứ sáu chẳng thể bằng các cây bảy báu của nước Vô Lượng Thọ, chỉ một loại âm thanh đã gấp hơn ngàn ức lần, cũng có vạn loại kỹ nhạc tự nhiên

Lại tiếng nhạc ấy không có gì chẳng phải là Pháp Âm: trong trẻo, vui thích, thương xót, vì diệu, hòa nhã....là (âm thanh) bậc nhất trong âm thanh của mười phương Thế Giới.

Lại giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu quán đều do bảy báu trang nghiêm, tự nhiên hóa thành. Lại dùng trân châu, Minh Nguyệt Ma Ni, mọi báu... đan chéo nhau che trùm bên trên

_Bên trong, bên ngoài, bên trái, bên phải có các ao tắm, hoặc mười do tuần, hoặc hai mươi, ba mươi cho đến trăm ngàn do tuần...dài, rộng, sâu, cạn thảy đều bằng nhau. Nước tám Công Đức trong vắt tràn đầy hương thơm thanh tịnh, có vị tinh khiết như Cam Lộ (Amṛta).

Ao bằng vàng ròng, đáy trải cát bạc trắng

Ao bằng bạc trắng, đáy trải cát vàng ròng
Ao bằng thủy tinh, đáy trải cát lưu ly
Ao bằng lưu ly, đáy trải cát thủy tinh
Ao bằng san hô, đáy trải cát hồ phách
Ao bằng hồ phách, đáy trải cát san hô
Ao bằng xà cừ, đáy trải cát mã não
Ao bằng mã não, đáy trải cát xà cừ
Ao bằng ngọc trắng, đáy trải cát vàng tía
Ao bằng vàng tía, đáy trải cát ngọc trắng

Hoặc hai loại báu, ba loại báu cho đến bảy loại báu chuyển nhau hợp thành

_Trên bờ ao ấy có cây Chiên Đàn (Candana-vṛkṣa), hoa lá rũ bầy, tỏa hơi thơm xông ướp khắp. Hoa Ưu Bát La (Utpāla:hoa sen xanh) của cõi Trời, hoa Bát Đàm Ma (Padma:hoa sen hồng), hoa Câu Vật Đầu (kumuda:hoa sen đỏ), hoa Phân Đà Lợi (Puṇḍarika:hoa sen trắng) với ánh sáng đủ màu, tươi đẹp phủ đầy trên mặt nước

Các Bồ Tát với chúng Thanh Văn của cõi ấy, nếu muốn vào ao báu mà ý muốn khiến nước ngập đến bàn chân thì nước liền ngập đến bàn chân, muốn khiến đến đầu gối liền đến đầu gối, muốn khiến đến eo lưng thì nước liền đến eo lưng, muốn khiến đến cổ thì nước liền đến cổ, muốn khiến rưới rót lên thân thì tự nhiên rưới rót lên thân, muốn khiến trở lại như cũ thì nước liền quay trở lại như cũ. Điều hòa lạnh ấm, tự nhiên tùy theo ý, mở Thần đẹp Thể, rửa sạch trừ bợn nhơ của tâm, trong sáng, lắng sạch trong như không có hình.

Cát báu tỏa sáng, không có chỗ sâu nào không chiếu sáng đến. Sóng nhẹ vòng quanh, lưu chuyển cùng nhau rưới rót, an lành thông thả đi không trở lại, chẳng chậm chẳng nhanh. Sóng nổi lên vô lượng tiếng màu nhiệm tự nhiên tùy theo chỗ ứng ấy không có ai chẳng nghe thấy. Hoặc nghe tiếng Phật (Buddha-śabda), hoặc nghe tiếng Pháp (Dharma-śabda), hoặc nghe tiếng Tăng (Saṃgha-śabda), hoặc tiếng Tịch Tĩnh (Māveṇika-śabda), tiếng Không (Śūnya-śabda) Vô Ngã (Anātma-śabda), tiếng Đại Từ Bi (Mahā-maitrī- Kāruṇa-śabda), tiếng Ba La Mật (Pāramitā-śabda). Hoặc tiếng Pháp: mười Lực (Daśa-bala-śabda) vô úy (Abhaya-śabda), **Bất Cộng**, các tiếng Thông Tuệ (Vaiśarāḍya-śabda), tiếng không có chỗ tạo làm (Asaṃskāra-śabda), tiếng chẳng khởi diệt, tiếng Vô Sinh Nhẫn (Anutpattika-kṣānti-śabda) ...cho đến tiếng mọi Diệu Pháp của **Cam Lộ Quán Đỉnh** (Amṛtābhiseka-śabda). Tiếng của nhóm như vậy xứng với người đã nghe ấy, vui vẻ vô lượng, tùy thuận theo nghĩa thanh tịnh, lia Dục, vắng lặng, chân thật. Tùy thuận theo Pháp: Tam Bảo, Lực, Vô Sở Úy, Bất Cộng. Tùy thuận thông tuệ đường lối mà Bồ Tát Thanh Văn đã hành. Không có tiếng thuộc nạn khổ của ba đường (Tam Đồ: Địa ngục, quỷ đói, súc sinh) mà chỉ có tiếng khoái lạc tự nhiên. Chính vì thế cho nên nước ấy có tên là **Cực Lạc** (Sukhāvatī)

_A Nan! Các kẻ sinh về cõi nước Phật ấy đều có đầy đủ sắc thân trong sạch, các âm thanh màu nhiệm, Thần Thông, Công Đức như vậy. Cung điện cư ngụ, quần áo, thức ăn uống, mọi hương hoa màu nhiệm, vật dụng trang nghiêm...giống như vật tự nhiên của cõi Trời thứ sáu (Tha Hóa Tự Tại Thiên:Paranirmita-vaśa-vartino-deva)

Nếu lúc muốn ăn thời vật dụng đựng thức ăn (ứng khí) bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô, hồ phách, Minh Nguyệt trên châu... tự nhiên hiện trước mặt. Mọi cái bát như vậy tùy theo ý mà đến tự nhiên đầy tràn thức ăn uống có trăm mùi vị. Tuy có thức ăn này, nhưng thật ra không có người ăn. Chỉ nhìn thấy hình sắc, ngửi mùi thơm...dùng ý để ăn thì tự nhiên no đủ, thân tâm mềm mại, không có chỗ dính mắc mùi vị. Việc xong rồi liền biến mất, đến thời lại hiện ra.

Cõi nước Phật ấy trong sạch, an ổn, khoái lạc vi diệu. Tiếp đến nơi Vô Vi (Abhisamkāra), Đạo của **Nê Hoàn** (Niết Bàn:Nirvāṇa)

Các Thanh Văn, Bồ Tát, Người, Trời của cõi ấy có Trí Tuệ cao minh, thông suốt Thần Thông... đều đồng một loài hình, không có dạng khác. Chỉ vì thuận theo phương khác cho nên có tên gọi của Người Trời. Dáng mặt đoan chính vượt hơn đời, hiếm có. Dung nhan, sắc đẹp vi diệu... chẳng phải Trời, chẳng phải Người đều thọ nhận thân của hư vô tự nhiên, Thể của Vô Cực”

Đức Phật hỏi A Nan: “Ví như Thế Gian để người xin ăn nghèo túng bên cạnh bậc Đế Vương thì hình dáng, dung mạo có thể nói cùng loại chăng?”

A Nan bạch Phật: “Giả sử khiến người này ở ngay bên cạnh vị Đế Vương thì gây gò xấu xí, không thể dùng làm ví dụ được, trăm ngàn vạn ức chẳng thể tính ngược lại được. Sở dĩ như thế, vì người xin ăn nghèo túng là hạng thấp kém cùng tận, áo chẳng đủ che thân, ăn chỉ muốn giữ mạng, đói rét khôn khổ, lễ sống của con người hầu như đã hết...đều vì đời trước chẳng gieo trồng gốc Đức, gom chứa tiền của chẳng đem bố thí, giàu có lại càng keo kiệt, chỉ muốn nói khoác cho được lòng tham, tham lam (câu: 求) không biết chán, chẳng tin tu thiện, phạm điều ác chất chứa như núi. Như vậy khi hết tuổi thọ, tiền tài vật báu tiêu tan, thân khổ gom chứa sự ưu não của việc đã làm, đối với chính mình không có ích mà đồ dùng lại thành của người khác, không có việc lành có thể nương cậy, không có Đức có thể nương nhờ. Thế nên khi chết bị rơi vào nẻo ác, chịu sự đau khổ lâu dài này. Khi hết tội, được ra khỏi thì sinh làm kẻ thấp hèn, ngu dốt hèn mọn. Tách ra khỏi sự xấu nhất thì bảo là đồng với loài người.

Sở dĩ bậc Đế Vương của Thế Gian có địa vị độc tôn trong con người đều do đời trước gom chứa Đức. Đã làm các việc: Từ, Tuệ, bố thí rộng rãi, nhân ái cứu giúp, tin tưởng tu thiện, không có kiện cãi lầm lỗi. Do đó khi hết tuổi thọ, tương ứng Phước nên được sinh lên nẻo lành, được sinh lên Trời hưởng Phước Lạc này. Do phần dư thừa của điều thiện đã gom chứa, nên ngày nay thường được làm người, sinh vào nhà vua chúa, tự nhiên tôn quý, nghi dung đoan chính, được mọi sự yêu kính phụng sự, tùy theo tâm được ăn ngon mặc đẹp. Do Phước của đời trước đi theo nên hay đến chốn này”

Đức Phật bảo A Nan: “Ông đã nói thế. Tính như Đế Vương tuy là bậc tôn quý trong loài người, có hình sắc đoan chính. Nhưng nếu so sánh bậc Chuyển Luân Thánh Vương thì rất là hèn mọn xấu xí, giống như so sánh người ăn xin ngay bên cạnh bậc Đế Vương.

Bậc Chuyển Luân Thánh Vương có uy tướng thù diệu đứng nhất trong thiên hạ. Nhưng nếu so sánh với Đạo Lợi Thiên Vương lại rất xấu ác gấp vạn ức lần, chẳng thể đem ví dụ được.

Nếu khiến Thiên Đế so sánh với vua của tầng Trời thứ sáu, thì gấp trăm ngàn ức lần chẳng thể xếp cùng loại được.

Nếu vua của cõi Trời thứ sáu so với Bồ Tát Thanh Văn trong nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ thì từ ánh sáng, khuôn mặt, dáng dấp, sắc đẹp... đều chẳng thể theo kịp, trăm ngàn vạn ức lần chẳng thể tính nổi”

Đức Phật bảo A Nan: “Các Trời, Người của nước Vô Lượng Thọ: quần áo, thức ăn uống, hoa, hương, chuỗi Anh Lạc, các lọng, phướng, phan, âm thanh vi diệu, chỗ cư ngụ, nhà cửa, cung điện, lầu gác...xứng với hình sắc, cao, thấp, lớn, nhỏ của người ấy. Hoặc một loại báu, hai loại báu cho đến vô lượng mọi báu đều tùy theo ý mong muốn, ứng theo niệm liền đến.

Lại đem mọi báu, áo màu nhiệm rải bầy khắp mặt đất ấy, tất cả Trời Người dẫm lên mà đi. Vô lượng lưới báu che trùm khắp bên trên Đức Phật; đều dùng sợi chỉ vàng, trân châu, trăm ngàn thứ báu kỳ diệu quý báu khác thường..để trang nghiêm tô điểm.

Giáp vòng bốn mặt, rũ treo chuông báu tỏa ánh sáng, màu sắc rực rỡ hết sức trang nghiêm lộng lẫy.

Gió Đức tự nhiên thông thả khởi động nhẹ nhàng. Gió ấy điều hòa, chẳng lạnh, chẳng nóng, ấm, mát, mềm mại, chẳng chậm, chẳng nhanh...thổi các lưới mảnh với mọi cây báu, diễn phát vô lượng Pháp Âm vi diệu, lưu bày vạn loại hương Đức ôn hòa thanh nhã. Nếu có người ngửi được mùi hương ấy thì tập khí trần lao tự nhiên chẳng khởi. Gió chạm thân ấy đều được khoái lạc, ví như vị Tỳ Khru được Tam Muội **Diệt Tận**

Lại gió thổi rải hoa tràn khắp cõi Phật, tùy theo thứ tự của màu sắc mà chẳng tạp loạn, mềm mại, sáng bóng, thơm tho ngào ngạt. Bàn chân dẫm lên trên đám hoa ấy sẽ lún sâu xuống dưới bốn thốn (4 tấc Tàu), tùy theo nhấc bàn chân lên thì hoàn trả lại như cũ. Hoa dùng xong rồi thì mặt đất liền mở tách ra, theo thứ tự biến hóa mất, trong sạch không có dấu vết. Tùy theo thời tiết, gió thổi rải tán hoa sáu lần như vậy.

Lại hoa sen bằng mọi thứ báu tràn đầy Thế Giới, mỗi một hoa báu có trăm ngàn ức cánh, ánh sáng của cánh hoa ấy có vô lượng loại màu sắc: màu xanh có ánh sáng xanh, màu trắng có ánh sáng trắng. Màu sắc của ánh sáng: đen huyền, màu vàng, màu đỏ, màu tím cũng thế...đỏ lừng, chói lợi, rực rỡ, sáng tỏ như mặt trời mặt trăng. Trong mỗi một ánh sáng hiện ra ba mươi sáu (36) trăm ngàn ức Phật với thân màu vàng tía, tướng tốt đặc biệt khác lạ. Mỗi một chư Phật lại phóng ra trăm ngàn ánh sáng, vì khắp mười phương nói Pháp vi diệu. Chư Phật như vậy, mỗi mỗi vị đều đặt để vô lượng chúng sinh vào Chính Đạo của Phật.

KINH VÔ LƯỢNG THỌ
QUYỂN THƯỢNG (Hết)

PHẬT NÓI KINH VÔ LƯỢNG THỌ _QUYỀN HẠ_

Hán dịch: Đời **Tào Ngụy**_ Thiên Trúc Tam Tạng **KHƯƠNG TĂNG KHẢI**
(Samgha-varman)

Việt dịch: **HUYỀN THANH**

Đức Phật bảo A Nan: “Chúng sinh của cõi (hữu) kia, sinh vào nước ấy thấy đều trụ ở nhóm của Chính Định. Trong nước Phật ấy không có các nhóm Tà với nhóm chẳng Định. Hằng sa chư Phật ở mười phương đều cùng nhau khen ngợi Uy Thần, Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Chúng sinh của các cõi (hữu) nghe danh hiệu ấy phát tâm tin, vui vẻ cho đến một niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sinh về nước ấy, liền được sinh về, trụ Bất Thoái Chuyển. Chỉ trừ kẻ phạm tội năm Nghịch, chê bai Chính Pháp”.

Đức Phật bảo A Nan: “Chư Thiên, người dân trong mười phương Thế Giới có chí tâm, nguyện sinh về nước ấy. Phàm có ba bậc:

Bậc Thượng là: Buông bỏ nhà cửa, vứt bỏ tham dục để làm Sa Môn, phát Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta), một hướng chuyên niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ, tu các **Công Đức** (Guna), nguyện sinh về nước ấy. Chúng sinh của nhóm này, lúc lâm chung thời Đức Phật Vô Lượng Thọ cùng với các Đại Chúng hiện trước mặt người ấy. Tức tùy theo Đức Phật ấy vãng sinh về nước kia, liền tự nhiên hóa sinh ở trong hoa bảy báu, trụ **Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika), Trí Tuệ dũng mãnh, Thần Thông tự tại.

Thế nên An Nan! Chúng sinh của cõi kia, muốn ở đời này nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ thì nên phát Tâm **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi-citta), tu hành Công Đức, nguyện sinh về nước ấy”

Đức Phật bảo A Nan: “**Bậc Trung** là: Chư Thiên, người dân trong mười phương Thế Giới có chí tâm, nguyện sinh về nước ấy. Tuy chẳng hay đi làm Sa Môn, tu Công Đức lớn thì nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, một hướng chuyên niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ, tu Thiện (Kusala) nhiều ít, phụng trì Trai Giới, tạo dựng tháp tượng, dâng thức ăn cho Sa Môn, treo lụa thắp đèn, rải hoa, đốt hương... đem điều này hồi hướng, nguyện sinh về nước ấy. Khi người đó lâm chung thời Đức Phật Vô Lượng Thọ hóa hiện thân với ánh sáng, tướng tốt đầy đủ như Đức Phật, cùng với các Đại Chúng hiện trước mặt người ấy, liền tùy theo vị Hóa Phật, sinh về nước ấy, trụ Bất Thoái Chuyển. Tiếp theo Công Đức, Trí Tuệ sẽ như người thuộc **Bậc Thượng** vậy”

Đức Phật bảo A Nan: “**Bậc Hạ** là: Chư Thiên, người dân trong mười phương Thế Giới có chí tâm muốn sinh về nước ấy. Giả sử chẳng thể làm các Công Đức thì nên phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề, một hướng chuyên ý cho đến mười niệm, niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ, nguyện sinh về nước ấy. Nếu nghe Pháp sâu xa, vui vẻ tin nhận, chẳng sinh nghi hoặc, cho đến một niệm, niệm Đức Phật ấy, dùng tâm chí thành, nguyện sinh về nước ấy. Khi người này lâm chung, nằm mộng thấy Đức Phật ấy, cũng được vãng sinh. Tiếp theo Công Đức Trí Tuệ sẽ như người thuộc **Bậc Trung** vậy”

Đức Phật bảo A Nan: “Đức Phật Vô Lượng Thọ có uy thần không cùng cực, vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn như Phật Như Lai ở mười phương Thế Giới, không có vị nào không khen ngợi. Ở phương Đông ấy, vô lượng vô số các chúng Bồ Tát của hàng sa nước Phật thầy đều đi đến chỗ của Đức Phật Vô Lượng Thọ, cung kính cúng dường, với các Bồ Tát, Thanh Văn, Đại Chúng nghe nhận Kinh Pháp, tuyên bày Đạo Hóa. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương bên trên, phương bên dưới cũng lại như vậy”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói Tụng là:

_ Các nước Phật phương Đông
Số như cát sông Hằng
Các Bồ Tát cõi ấy
Đến hầu **Vô Lượng Giác** (Vô Lượng Thọ Phật)
_ Nam, Tây, Bắc, bốn góc (4 phương bàng)
Trên, dưới cũng như vậy
Các Bồ Tát cõi ấy
Đến hầu **Vô Lượng Giác**
_ Tất cả các Bồ Tát
Cầm Diệu Hoa cõi Trời
Hương báu, áo vô giá
Cúng dường **Vô Lượng Giác**
_ Đều ung tấu nhạc Trời
Thích phát âm hòa nhã
Ca, khen **Tối Thắng Tôn**
Cúng dường **Vô Lượng Giác**
_ Đạt tận Thân Thông, Tuệ
Vào Pháp Môn thâm sâu
Đầy đủ Tạng Công Đức
Diệu Trí không đâu bằng (vô đẳng luân)
_ Tuệ Nhật chiếu Thế Gian
Tiêu trừ mây sinh tử
Cung kính nhiễu ba vòng
Cúi lạy **Vô Thượng Tôn**
_ Thấy cõi nghiêm tịnh ấy
Vi diệu khó nghĩ bàn
Nhân phát Tâm vô lượng
Nguyện nước con cũng thế

_ Lúc đó Vô Lượng Tôn
Chuyển nét mặt vui cười
Miệng phóng muôn ánh sáng (vô lượng quang)
Chiếu khắp nước mười phương
Quay về nhiễu quanh thân
Ba vòng theo đỉnh vào
Tất cả chúng Trời Người
Hớn hờ đều vui vẻ
_ Đại Sĩ **Quán Thế Âm**
Chỉnh áo, cúi lạy, hỏi
“Phật do **Duyên** gì, cười?”

Nguyên xin nói rõ Ý”
 _Tiếng Phạn giống sấm động
 Tám âm, vang màu nhiệm
 Sẽ trao **Bồ Tát Ký**
 Nay nói **Nhân** (đạo lý). Lắng nghe!
 _Chính Sĩ mười phương đến
 _Ta đều biết Nguyên ấy
 Chí cầu cỏi Nghiêm Tịnh
 Quyết định sẽ làm Phật
 _Hiểu thấu tất cả Pháp
 Giống, mộng huyễn, âm vang
 Đầy đủ các Diệu Nguyên
 Đều thành cỏi như vậy
 _Biết Pháp như ánh điện
 Cứu cánh, Bồ Tát Đạo
 Đủ các gốc Công Đức
 Quyết định sẽ làm Phật
 _Thông đạt các Pháp Môn
 Tất cả **Không** (Śūnya) , **Vô Ngã** (Anātman)
 Chuyên cầu cỏi Phật Tịnh
 Đều thành cỏi như vậy
 _Chư Phật bảo Bồ Tát
 Khiến hầu **An Dưỡng Phật**
 Nghe Pháp vui nhận hành
 Mau được chốn thanh tịnh
 _Đến cỏi nghiêm tịnh ấy
 Liền mau được Thần Thông
 Đều ở **Vô Lượng Tôn**
 Thọ Kỳ thành Đẳng Giác
 _Sức **Bản Nguyên** Phật ấy
 Nghe tên, muốn vãng sinh
 Thấy đều đến nước ấy
 Tự đến Bất Thoái Chuyển
 _Bồ Tát khởi Chí Nguyên
 Nguyên nước mình không khác
 Niệm khắp, độ tất cả
 Tên vang khắp mười phương
 _Phụng sự ức Như Lai
 Bay, hóa khắp các cỏi
 Cung kính vui về đi
 Quay về **An Dưỡng Quốc** (Cõi Cực Lạc)
 _Nếu người không gốc Thiện
 Chẳng được nghe Kinh này
 Người trong sạch, có Giới
 Mới được nghe Chính Pháp
 _Đã từng thấy Như Lai
 Liền hay tin việc này
 Khiêm kính, nghe, phụng hành
 Hón hờ, rất vui về

_Kiêu Mạn, xấu, lười biếng
 _Khó thể tin Pháp này
 _Đời trước thấy chư Phật
 _Ưa nghe dạy như vậy
 _Thanh Văn hoặc Bồ Tát
 _Không thể xét Tâm Thánh
 _Như sinh ra đã mù
 _Muốn làm người mở lối
 _Biển Trí Tuệ Như Lai
 _Sâu rộng không bờ đáy
Nhị Thừa chẳng thể đo
 Chỉ riêng Phật hiểu rõ
 _Giả sử tất cả người
 _Đầy đủ đều được Đạo
Tịnh Tuệ (Tuệ trong sạch) như **Bản Không** (xưa nay vốn trống rỗng)
 Ưc kiếp nghĩ Phật Trí
 Dốc hết sức giảng nói
 Hết đời còn chẳng biết
Phật Tuệ không bờ mé
 Như vậy rất thanh tịnh
 _Thọ Mệnh rất khó được
 Phật ra đời, khó gặp
 Người có Tín Tuệ, khó
 Nếu nghe, tinh tiến cầu
 Nghe Pháp thường không quên
 Thấy, kính rất mừng vui
 Túc bạn tốt của Ta
 Vì thế nên phát ý
 _Nếu Thế Giới đầy lửa
 Quyết vượt qua, nghe Pháp
 Gặp sẽ thành Phật Đạo
 Rộng cứu dòng sinh tử

Đức Phật bảo A Nan: “Bồ Tát của nước ấy, rốt ráo đều thành bậc **Nhất Sinh Bồ Xứ** (Ekajāti-pratibaddha). Trừ khi người ấy có Bản Nguyên, vì chúng sinh cho nên dùng Công Đức của **Hoằng Thệ** (Lời thề rộng lớn) để tự trang nghiêm, muốn độ thoát khắp tất cả chúng sinh.

Này A Nan! Trong nước Phật ấy, thân của các chúng Thanh Văn tỏa ánh sáng rộng một tầm (8 thước Tàu), ánh sáng của Bồ Tát chiếu sáng trăm do tuần. Có hai vị Bồ Tát là tối tôn bậc nhất có uy thần, ánh sáng chiếu khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới”

A Nan bạch Phật: “Hai vị Bồ Tát ấy có hiệu như thế nào?”

Đức Phật nói: “Vị thứ nhất tên là **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara), vị thứ hai tên là **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta). Hai vị Bồ Tát đó ở cõi nước này tu Hạnh Bồ Tát (Bodhisatva-cārya), khi mệnh chung thì chuyển hóa sinh ở nước Phật ấy.

Này A Nan! Chúng sinh của cõi kia sinh về nước ấy thấy đều đầy đủ ba mươi hai tướng, thành mãn Trí Tuệ, vào sâu trong các Pháp, nghiền nhaim thông suốt việc thiết yếu, Thần Thông màu nhiệm không có ngăn ngại, các Căn lanh lợi sáng tỏ. Người **Độn**

Căn (căn cơ chậm lụt) thành tựu hai **Nhẫn**, người **Lợi Căn** (căn cơ nhạy bén) được a tăng kỳ **Vô Sinh Pháp Nhẫn**. Lại vị Bồ Tát ấy cho đến khi thành Phật, chẳng rơi trở lại nẻo ác, Thần Thông tự tại, thường biết **Túc Mệnh**. Trừ khi sinh vào đời ác năm Trước (Pañca-kaṣāya) ở phương khác, thì hiện đồng với điều ấy, như nước của Ta vậy”.

Đức Phật bảo A Nan : “Bồ Tát của nước ấy nương vào Uy Thần của Đức Phật, trong khoảng một bữa ăn, đi đến vô lượng Thế Giới ở mười phương, cung kính cúng dường các Phật Thế Tôn, tùy theo tâm đã niệm: hoa, hương, kỹ nhạc, lụa, lông, phướng, phan, vô số vô lượng cật dụng cúng dường, tự nhiên hóa sinh, ứng niệm liền đến: quý báu, đặc biệt lạ thường chẳng phải là thứ vốn có của đời. Chuyển dùng phụng tán chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Đại Chúng. Ngay trong hư không hóa thành cái lộng hoa tỏa ánh sáng màu sắc sáng rực màu nhiệm với hương thơm xông ướp khắp.

Vòng tròn giáp vòng quanh hoa ấy, rộng bốn trăm dặm. Như vậy chuyển gấp bội cho đến che trùm ba ngàn Đại Thiên Thế Giới. Tùy theo thứ tự trước sau, dùng xong thì lần lượt hóa mất. Các vị Bồ Tát ấy đều hơn hờ vui thích như thế, ở trong hư không cùng nhau tấu nhạc Trời, dùng tiếng vi diệu ca ngợi Đức của Phật (Buddha-guṇa), nghe nhận Kinh Pháp, vui vẻ vô lượng. Cúng dường Đức Phật xong, đột nhiên nhẹ bước quay về nước của mình, vẫn trước bữa ăn”

Đức Phật bảo A Nan: “Đức Phật Vô Lượng Thọ vì các Thanh Văn, Bồ Tát, Đại Chúng ban tuyên Pháp thời thấy đều tập hội tại giảng đường bảy báu, rộng tuyên Đạo Giáo, diễn xướng Diệu Pháp, không có ai chẳng vui vẻ, tâm hiểu được Đạo.

Lúc đó bốn phương tự nhiên nổi gió, thổi khắp cây báu, phát ra năm âm thanh, tuôn mưa vô lượng hơi thơm tùy theo gió vòng khắp, tự nhiên cúng dường như vậy chẳng dứt.

Tất cả chư Thiên đều đem trăm ngàn hoa, hương, vạn loại kỹ nhạc trên cõi Trời cúng dường Đức Phật ấy với các Bồ Tát, Thanh Văn, Đại Chúng...rải khắp hoa hương, tấu các âm nhạc, trước sau đi đến, thay phiên mở bày rồi tránh đi. Ngay lúc này thời vui vẻ nhộn nhịp, khoái lạc chẳng thể nói hơn được”

Đức Phật bảo A Nan: “Các nhóm Bồ Tát sinh về nước Phật ấy, điều có thể giảng nói là thường tuyên Chính Pháp, tùy thuận Trí Tuệ, không có trái ngược, không có lỗi lầm.

Đối với hết thảy vạn vật ở cõi nước ấy, không có tâm **Ngã Sở** (cái của ta), không có tâm nhiễm dính. Đi lại tiến dừng không có chỗ trói buộc, tùy ý tự tại, tuyệt không có chỗ đến, không có người kia (vô bỉ), không có ta (vô ngã), không có cạnh tranh, không có kiện tụng. Đối với các chúng sinh, được tâm Đại Từ Bi, nhiều ích. Tâm mềm mại, điều phục, không có tức giận oán hận, lia ngăn che (cái), trong sạch, không có tâm chán ghét lười biếng. Tâm bình đẳng, tâm thù thắng, tâm sâu sắc, tâm định tĩnh. Tâm yêu Pháp, thích Pháp, vui Pháp...diệt các phiền não, lia tâm của nẻo ác. Rốt ráo tất cả chỗ hành của Bồ Tát, đầu đủ thành tựu vô lượng Công Đức, được Thiền Định sâu xa, các Tuệ thông minh, đạo đến bảy Giác (Sapta-bodhyaṅga), sửa tâm theo Phật Pháp. Mắt thịt (Māmsa-cakṣus: nhục nhãn) trong suốt, không có gì chẳng phân chia hiểu rõ. Mắt Trời (Diviya-cakṣus: Thiên Nhãn) thông đạt vô lượng vô hạn. Mắt Pháp (Dharma-cakṣus: Pháp Nhãn) quán sát rốt ráo các Đạo. Mắt Tuệ (Prajña-cakṣus: Tuệ Nhãn) thấy sự thật (chân) hay vượt qua bờ bên kia. Mắt Phật (Buddha-cakṣus: Phật Nhãn) đầy đủ, hiểu thấu tỏ Pháp Tính (Dharmatā). Dùng Trí không có ngại (vô ngại Trí) vì người diễn nói. Bình đẳng quán sát ba cõi trống rỗng, không có chỗ có (sở hữu), chí cầu Phật

Pháp, đủ các biện tài, trừ diệt tai vạ tật bệnh (hoạn) phiền não của chúng sinh, theo Đức Như Lai sinh hiểu Pháp **Như Như** (Tathatā). Khéo biết phương tiện của âm thanh **Tập** (Samudāya), **Diệt** (Nirodha). Chẳng mừng vui với lời nói của đời, ưa thích tại Chính Luận, tu các gốc Thiện, chỉ ưa chuộng Phật Đạo, biết tất cả Pháp thấy đều tịch diệt. Hai phần dư thừa của **Sinh Thân** (Cầu sinh chương) và **Phiền Não** (phiền não chương) đều dứt hết. Nghe Pháp thâm sâu, tâm chẳng nghi sợ. Thường hay tu hành việc của Đại Bi sâu xa vì điều không có gì chẳng che chở. Rốt ráo **Nhất Thừa** (Eka-yāna) đến ở bờ bên kia, quyết chặt đứt lưới nghi, Tuệ do tâm phát ra, bao quát hết thấy không ra ngoài Giáo Pháp của Đức Phật.

Trí Tuệ như biển lớn (Mahā-sāgara), Tam Muội như Sơn Vương (Gīri-rāja: Núi vua), ánh sáng Tuệ trong sáng vượt hơn mặt trời (Sūrya) mặt trăng (Candra), đầy đủ viên mãn Pháp trong trắng

Giống như núi Tuyết (Hīmalāya-parvata), vì chiếu các nhóm Công Đức, thuần một sự trong sạch

Giống như Đại Địa (Mahā-bhūmi). Vì sạch dơ, tốt ác không có tâm khác

Giống như nước sạch. Vì tẩy trừ trần lao, các cấu nhiễm

Giống như Hỏa Vương (Agni-rāja: vua lửa). Vì thiêu đốt, diệt tất cả củi phiền não

Giống như gió lớn (Mahā-vāyu). Vì đi các Thế Giới không có chương ngại

Giống như hư không (Gagana). Vì đối với tất cả, không có chỗ dính mắc

Giống như hoa sen (Padma). Vì đối với các Thế Gian, không có nhiễm dơ

Giống như cỗ xe lớn (Mahā-yāna: đại thừa). Vì vận chuyển nhóm người dân (quần chúng) ra khỏi sinh tử.

Giống như đám mây dày. Vì rung động tiếng sấm Pháp lớn, đánh thức kẻ chưa giác ngộ.

Giống như cơn mưa lớn (Mahā-varṣaṇi). Vì tuôn mưa Pháp Cam Lộ (Amṛta-dharma) thấm ướt chúng sinh.

Như núi Kim Cương (Vajra-parvata). Vì chúng Ma, Ngoại Đại chẳng thể lay động

Như Phạm Thiên Vương (Brahma-devarāja). Vì đối với các Pháp lành là bậc dẫn đầu tối thượng (tối thượng thủ)

Như loại cây **Ni Câu**. Vì che trùm khắp tất cả

Như hoa Ưu Đàm Bát (Udumbara-puṣpa). Vì hiếm có, khó gặp

Như Kim Xí Đĩnh (Garuḍa). Vì uy phục Ngoại Đạo

Như chúng chim bay. Vì không có chỗ cất dấu

Giống như Ngưu Vương (Vṛṣbha-rāja: Vua loài bò). Vì không thể thắng

Giống như Tượng Vương (Gaja-rāja: Vua loài voi). Vì khéo điều phục

Như Sư Tử Vương (Simha-rāja: Vua loài sư tử). Vì không có chỗ sợ hãi

Mênh mông như Hư Không (Gagana) vì nhóm Đại Từ (Mahā-maitreya) tồi diệt tâm ganh ghét, chẳng mong được hơn (thắng).

Chuyên ưa thích cầu Pháp, tâm không có chán đủ, thường muốn rộng nói, chỉ không có mệt mỏi, đánh trống Pháp (Dharma-duṇḍubhi), dựng cây phướn Pháp (Dharma-dhvaja), mặt trời Diệu Tuệ trừ mờ tối ngu si (si ám), tu sáu **Hòa Kính** (Śaḍāramya-dharma), thường hành Pháp ban cho, chỉ dừng tinh tiến, tâm chẳng yếu hèn thoái lui. Làm ngọn đèn sáng của đời, ruộng Phước tối thượng. Thường làm bậc Thầy dẫn lối, bình đẳng không có yêu ghét. Chỉ ưa thích Chính Đạo, không mừng vui điều khác, nhổ bứt các gai Tham Dục (Rāga) giúp quần sinh an ổn.

Công Đức thù thắng, không có ai chẳng tôn kính. Diệt ba **Cấu Chương**, dạo chơi các Thần Thông. Sức của Nhân (hetu-bala), sức của Duyên (Prātyaya-bala), sức của Ý (Manas-bala), sức của Nguyện (Pranidhāna-bala), sức của Phương Tiện (Upaya-bala), sức của Thường (Nitya-bala), sức của điều lành (Thiện lực: Kuśala-bala), sức của Định

(Samādhi-bala), sức của Tuệ (Prajña-bala), sức của Đa Văn (Bahu-śruta-bala). Sức của Thí (Dāna-bala), Giới (Śīla-bala), Nhẫn Nhục (Kṣānti-bala), Tinh Tiến (Vīrya-bala), Thiền Định (Dhyāna-bala), Trí Tuệ (Prajña-bala). Sức của Chính Niệm (Samyak-smṛti-bala), Chỉ (Śamatha-bala), Quán (Vipāśyanā-bala), các Thông Minh. Sức của **như Pháp điều phục các chúng sinh**. Sức của nhóm như vậy, tất cả đầy đủ.

Thân sắc, tướng tốt, Công Đức, biện tài đầy đủ trang nghiêm không có ai ngang bằng được. Cung kính, cúng dường vô lượng chư Phật, thường là nơi mà chư Phật cùng nhau khen ngợi. Rốt ráo các Ba La Mật (Pāramitā) của Bồ Tát. Tu Tam Muội: **Không** (Śūnya-samādhi), **Vô Tướng** (Animitta-samādhi), **Vô Nguyện** (Apraṇihita-samādhi), các Môn Tam Muội **chẳng sinh** (Anutpanna-samādhi) **chẳng diệt** (Aniruddha-samādhi), xa lìa Địa của Thanh Văn (Śrāvaka-bhūmi) Duyên Giác (Pratyeka-buddha-bhūmi).

Này A Nan! Các Bồ Tát ấy thành tựu vô lượng Công Đức như vậy. Ta chỉ vì ông lược nói vậy thôi. Nếu rộng nói thì trăm ngàn vạn kiếp chẳng thể cùng tận”

Đức Phật bảo Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya-bodhisatva) với các hàng Trời Người: “ Công Đức, Trí Tuệ của Thanh Văn, Bồ Tát trong nước Vô Lượng Thọ...chẳng thể xưng nói được.

Lại cõi nước ấy vi diệu, an vui, trong sạch như thế...vì sao chẳng gắng sức làm Thiện, nghĩ nhớ đường lối đến tự nhiên, dính ở nơi không có trên dưới, thông suốt không có bờ mé, thích hợp đều siêng năng tinh tiến, nỗ lực tự cầu...ắt được siêu tuyệt đi đến, sinh về nước **An Dưỡng**. Cắt ngang năm nẻo ác thì nẻo ác tự nhiên đóng lại. Tiến lên con đường không có cùng cực, dễ đi qua mà không có người. Nước ấy chẳng có lỗi lầm trái ngược, tự nhiên đến chỗ dứt đi, vì sao chẳng vứt bỏ việc đời?!... Siêng năng hành cầu Đạo Đức thì có thể được sống rất lâu... tuổi thọ, niềm vui không có cùng cực.

Nhưng mà người đời có thói quen nông cạn, cùng nhau kiện cãi việc chẳng cần kíp, ở trong chốn kịch ác cực khổ này, thân siêng năng mưu làm các việc để tự cung cấp giúp đỡ cho mình. Không kể là: tôn quý, thấp hèn, nghèo, giàu, lớn, nhỏ, nam, nữ đều cùng lo lắng về tiền tài. Dầu có hay không, cũng đồng như thế, lo nghĩ điều ưa thích, mưu làm lập lại sự buồn khổ, ràng buộc nghĩ nhớ, gom chứa lo toan...bị tâm sai khiến không có lúc nào yên. Có ruộng lo ruộng, có nhà lo nhà. Lại cùng nhau lo nghĩ về bò, ngựa, sáu loài vật nuôi, nô tỳ, tiền tài, quần áo, đồ vật lặt vặt...nhiều nghĩ ngợi, lẩm thở than, lo lắng buồn thảm sợ hãi.

Khi ngang trái, bị điều chẳng thường, nước, lửa, trộm cướp, oan gia, trái chủ...thiên đột, cuốn trôi, cướp đoạt, tiêu tan diệt mất. Lo lắng, căm giận, mỗi mỗi hoảng sợ không có lúc rời ra được. Kết uất ức trong tâm chẳng lìa lo âu buồn bức, tâm bền ý chặt ưa thích không có buông xả

Hoặc điều cố giữ bị phá nát, thân mất mạng hết, vứt bỏ mà đi, không có gì mang theo. Bậc tôn quý, phú hào cũng có tai vạ này, lo sợ vạ điều, siêng năng chịu khó (cần khổ) như thế, kết mọi lạnh nóng cùng tồn tại với sự đau đớn. Nghèo túng, hèn kém, khốn cùng, thiếu hụt... thường không có gì. Không có ruộng thì lo muốn có ruộng. Không có nhà thì lo muốn có nhà. Không có bò, ngựa, sáu loài vật nuôi, nô tỳ, tiền tài, quần áo, đồ vật lặt vặt...cũng lo muốn có được. Ưa thích có một, lại thiếu mất một, có đó thiếu đó. Nghĩ có ngang bằng người, ưa muốn có đủ, liền lại tan mất. Lo khổ như thế, nên lại cầu đòi, chẳng thể thường được, nghĩ tưởng vô ích. Thân tâm đều mệt nhọc, ngồi đứng chẳng yên, lo nghĩ theo nhau, siêng năng chịu khó (cần khổ) như thế, cũng kết lạnh nóng cùng tồn tại với sự đau đớn.

Hoặc khi điều cố giữ kết thúc, thân bị yếu mệnh, chẳng chịu làm điều lành, hành Đạo, nâng dất Đức độ... nên lúc hết tuổi thọ, thân bị chết sẽ một mình đi xa, không thể biết được nơi sẽ hướng đến là nẻo lành hay dữ

Người dân ở Thế Gian: cha con, anh em, vợ chồng, thân thuộc trong ngoài gia đình nên kính yêu nhau, không ganh ghét nhau, có không đều cùng nhau hòa hợp, không được tham tiếc, lời nói sắc mặt thường ôn hòa, đừng chống trái lẫn nhau.

Hoặc khi tâm tranh cãi, có chỗ cáu giận. Vì ý hận nhỏ bé của đời này mà cùng nhau ganh ghét nên đời sau chuyển dữ dội thành ra oán lớn. Tại sao thế ? Vì việc của Thế Gian thay đổi, cùng gây hoạn hại, tuy chẳng tức thời gấp rút phá nhau nhưng tình thân ngầm giữ chất độc, gom chứa giận dữ, kết uất ức...tự nhiên ghi khắc sự nhận thức chẳng thể buông lìa, đều sẽ đối sinh liên cùng nhau báo đáp. Người tại Thế Gian, ở trong Ái Dục, sinh một mình, chết một mình, đi một mình, đến một mình...nên nẻo đi đến là dất khổ vui, chỉ riêng thân tự đảm nhận, không có ai thay thế được. Thiện ác biến hóa tai ương phước phạt, nơi chốn khác nhau, đời trước sớm nghiêm ngặt chờ đợi sẽ đon độc hướng vào, từ xa đến chỗ khác mà không ai có thể thấy biết, thiện ác tự nhiên đuổi theo. Nơi được sinh ra, thâm u mờ mịt, ly biệt lâu dài, lối nẻo chẳng đồng, không có dịp gặp nhau, rất khó rất khó lại được cùng nhau gặp gỡ. Thế sao chẳng chịu vất bỏ mọi việc ?!...

Mỗi người khi còn khỏe mạnh, gắng sức siêng năng tu Thiện, tinh tiến nguyện cứu đời thời có thể được sống rất lâu. Tại sao chẳng chịu cầu Đạo, an định nơi tu sửa, lại cứ chờ đợi ham muốn niềm vui nào vậy?!...

Như vậy, người đời chẳng tin làm Thiện được Thiện, hành Đạo được Đạo. Chẳng tin người chết đổi thay lại sinh ra nữa, ban ơn được Phước. Việc Thiện Ác đều chẳng tin, cho rằng chẳng như thế, cuối cùng không có điều đó. Vì chỉ cố giữ điều này, cho nên tạm theo cái thấy của mình, người trước kẻ sau thay đổi cùng nhau ngắm nhìn, đồng như thế, chuyển nhau trao nhận Giáo Lệnh do cha để lại

Người đời trước, ông cha vốn thường chẳng làm Thiện, chẳng biết Đạo Đức, thân ngu dốt, tinh thần mờ tối, tâm bị lấp kín, ý bị che đậy. Nẻo sinh tử, lối Thiện ác...tự chẳng thể thấy, không có ai nói bảo. Họa, Phước lành dữ tranh nhau cùng làm, không có một mối nghi sợ nào. Sống chết theo lối thường, chuyển nhau nối tiếp gây dựng. Hoặc cha khóc con, hoặc con khóc cha, anh em vợ chồng thay nhau khóc lóc, điên đảo trên dưới. Vô Thường (Anitya) là gốc rễ đều phải nhận lấy, quá khứ chẳng thể ôm giữ lâu dài. Ít có người tin vào lời dạy bảo mở Đạo, do đó sống chết lưu chuyển không có ngừng nghỉ.

Người như thế ngu tối mơ hồ xung đột, chẳng tin Kinh Pháp, tâm không có lo xa, đều ham muốn theo ý thích. Ngu si mê lầm theo Ái Dục, chẳng thông hiểu Đạo Đức, mê đắm theo cáu giận, ham hố theo tài sắc. Vì cố giữ nên chẳng được Đạo sẽ chịu khổ trong nẻo ác, sống chết không cùng tận. Buồn thay! Rất là đáng thương!...

Hoặc khi gia đình, cha con, anh em, chồng vợ...một người chết, một người còn sống cùng thay nhau thương xót. Ân ái quyến luyến, lo nghĩ nhớ kết trói buộc, tâm ý đau khổ bám lựa luyến tiếc lẫn nhau, hết ngày trọn năm không có gì mở thoát được. Lời dạy bảo Đạo Đức, tâm chẳng mở sáng. Nghĩ tưởng ân hiếu, chẳng lìa tình dục, bị hôn mê mù mịt bít kín, ngu mê che lấp nên chẳng thể suy nghĩ sâu xa, tính toán kỹ lưỡng giúp cho tâm tự đoan chính, chuyên tinh hành Đạo quyết chặt đứt việc đời, lại tạm bợ để yên cho đến trọn năm, chấm dứt tuổi thọ, chẳng thể đắc Đạo...(Như thế) không đáng đối phó sao?!...

Tóm lại, mọi điều tạp nhạp rối rắm đều do ham mê Ái Dục. Kẻ nghi ngờ Đạo thì có nhiều, người hiểu thấu Đạo thì rất ít. Thế Gian thường vội vàng hấp tấp, không thể nương nhờ được. Bậc tôn quý, kẻ thấp hèn, người cao kẻ thấp, người giàu kẻ nghèo,

người sang kẻ hèn...siêng năng chịu khó (cần khổ) vội vã làm việc đều ôm mang chất độc giết chóc (sát độc), khí ác mịt mờ, làm việc sằng bậy, trái ngược với Trời Đất, chẳng thuận theo lòng người. Tự nhiên chẳng phải ác, vì người trước cho phép, lại phóng túng thuận theo tạo làm, nên phải chịu tội nặng ấy. Tuổi thọ chưa hết nhưng bị cướp đoạt nhanh, rơi xuống vào nẻo ác, nhiều đời chồng chất oán khổ chuyển vòng trong ấy, tính đếm ngàn ức kiếp không có dịp ra khỏi, đau đớn chẳng thể nói, rất đáng thương xót!...”

Đức Phật bảo Bồ Tát Di Lặc với các hàng Trời Người : “Nay Ta nói cho Ông biết việc của Thế Gian. Con người dùng điều đó cho nên cố giữ mà chẳng được Đạo. Cần phải suy nghĩ tính toán kỹ lưỡng, xa lìa mọi ác, chọn lựa điều lành rồi siêng năng hành. Ái dục, vinh hoa chẳng thể ôm giữ lâu dài đều sẽ ly biệt, không đáng để ưa thích. Không có Đức Phật ở đời, cần phải siêng năng tinh tiến. Người có chí nguyện sinh về nước An Lạc, có thể được Trí Tuệ thông hiểu sáng suốt, Công Đức thù thắng. Chớ được thuận theo sự ham muốn của tâm, thiếu sự tin cậy nơi **Kinh** (Sutra) **Giới** (Śīla) sẽ bị đứng sau người. Giả sử có ý nghi ngờ, chẳng hiểu được Kinh thì có thể hỏi đầy đủ. Đức Phật sẽ vì người ấy nói”

Bồ Tát Di Lặc quỳ thẳng lưng bạch rằng: “Đức Phật có uy thần tôn trọng, đã nói rất thẳng thắn khéo léo. Người nghe Kinh của Đức Phật được thông suốt tâm tư. Người đời thật như thế, như lời Phật đã nói. Nay xin Đức Phật từ mẫn hiển bày Đạo lớn, giúp cho tai mắt mở sáng, lâu dài được độ thoát. Nghe điều Đức Phật đã nói, không có ai chẳng vui vẻ. Chư Thiên, người dân, loài nhuyển động đều mong nhờ **Từ Ân** để giải thoát lo khổ.

Lời Phật dạy dỗ răn bảo rất sâu xa, rất tốt lành. Trí Tuệ thấy suốt tám phương trên dưới (tức mười phương), việc của ba đời quá khứ vị lai hiện tại không có gì không xét tìm thông suốt. Nay chúng con từ lúc này mong nhờ được độ thoát đều do Đức Phật ở đời trước, khi cầu Đạo đã hạ mình chịu khổ trao cho. Ân Đức che khắp, Phước Lộc lồng lộng, ánh sáng chiếu suốt hư không vô cực, bày vào Nê Hoàn (Nirvāṇa: Niết Bàn), dạy truyền Kinh Điển, bao quát tiêu hóa phép tắc uy nghi, cảm động mười phương không cùng không tận.

Đức Phật là Đấng **Pháp Vương Tôn** vượt hơn chúng Thánh, làm Thầy của khắp tất cả Trời Người, tùy theo tâm ước nguyện đều khiến được Đạo. Nay được gặp Phật, lại nghe tiếng của Vô Lượng Thọ, không có gì chẳng vui vẻ, tâm được mở sáng”

Đức Phật bảo Di Lặc: “Ông nói rất đúng. Nếu có người hiền lành cung kính Đức Phật, thật là rất tốt (đại thiện), Thiên hạ rất lâu mới lại có Phật. Nay Ta ở đời làm Phật, diễn nói Kinh Pháp, tuyên bày Đạo Giáo chặt đứt các lưới nghi, nhổ bứt gốc của Ái Dục, lấp nguồn của mọi ác, bước đạo ba cõi không có chỗ ngăn ngại, Kinh Điển thâm tóm Trí Tuệ, mọi điều cốt yếu của Đạo, nắm giữ giềng mối sáng tỏ rõ ràng, mở bày năm nẻo độ người chưa được độ, quyết ở giữa sinh tử, bày lối nẻo của Nê Hoàn (Niết Bàn)

Di Lặc nên biết. Ông từ vô số kiếp đến nay đã tu Bồ Tát Hạnh, muốn độ chúng sinh cũng rất lâu xa, người theo ông được Đạo đến chỗ Nê Hoàn (Niết Bàn) chẳng thể xưng đếm. Ông với các Trời, người dân, tất cả bốn Chúng ở mười phương rất nhiều kiếp đã qua, luân chuyển trong năm đường, lo sợ siêng năng chịu khó chẳng thể nói đủ, mãi đến ngày nay mà sinh tử chưa dứt, cùng nhau gặp được Phật, nghe nhận Kinh Pháp lại được nghe về Đức Phật Vô Lượng Thọ. Thích thay! Rất tốt lành, Ta sẽ trợ giúp thêm niềm vui của các ông.

Nay ông cũng có thể tự mình chán ghét : sinh, chết, già , bệnh, khổ đau, nẻo ác chẳng sạch, không có gì đáng ưa thích cả, nên thích hợp tự quyết chặt đứt. Thân ngay, Hạnh chính, làm thêm các điều lành, sửa bản thân, giữ thân thể trong sạch, tẩy trừ bợn nhơ trong tâm, nói làm trung thực thành tín, trong ngoài tương ứng. Người hay tự độ được thì 2 uyển chuyển cùng nhau cứu giúp, tinh ròng trong sáng cầu nguyện gom chứa gốc Thiện. Tuy một đời siêng năng chịu khó, chỉ khoảng phút chốc, sau đó sinh về nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ được khoái lạc không cùng. Lâu dài cùng với Đạo Đức hợp sáng, nhờ bút hẩn gốc rễ sinh tử, không còn bị tai vạ của tham, giận, ngu si, khổ não. Muốn sống lâu một kiếp, trăm kiếp, ngàn ức vạn kiếp... tự tại tùy ý đều có thể được, vô vi tự nhiên, lần lượt đến đạo của Nê Hoàn (Niết Bàn)

Các ông thích hợp đều tinh tiến mong cầu ước nguyện trong tâm. Không được nghi ngờ, giữa đường hồi hận, tự gây lỗi lầm sẽ sinh vào cung điện bảy báu ở biên địa ấy, trong năm trăm năm chịu các khôn ách”

Di Lặc bạch Phật: “Con xin nhận lời răn bảo quan trọng của Đức Phật, chuyên tinh tu học, như Giáo phụng hành chẳng dám nghi ngờ”

Đức Phật bảo Di Lặc: “Các ông hay ở đời này, tâm ngay ý chính chẳng làm mọi điều ác, rất là Chí Đức, cùng tốt trong mười phương Thế Giới không có ai sánh bằng. Tại sao thế? Vì loài Trời Người trong cõi nước của chư Phật, tự nhiên làm việc Thiện, chẳng hề làm điều ác nên dễ có thể khai hóa. Nay Ta ở Thế Gian này làm Phật, ở trong chốn năm điều ác, năm nỗi đau đớn, năm sự thiêu đốt, là nơi rất đau khổ, giáo hóa quần sinh khiến bỏ năm điều ác, khiến bỏ năm nỗi đau đớn, khiến lìa năm sự thiêu đốt, giáng hóa ý ấy, khiến giữ năm điều Thiện được Phước Đức ấy độ đời sống lâu đến lồi nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn)”

Đức Phật nói: “Nhóm nào là năm điều ác? Nhóm nào là năm nỗi đau đớn? Nhóm nào là năm sự thiêu đốt?. Tiêu hóa năm điều ác, khiến giữ năm điều Thiện, được Phước ấy độ đời sống lâu đến lồi nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn)

Điều ác thứ nhất: Chư Thiên, người dân, loài nhuyển động muốn làm mọi điều ác, không có loài nào đều chẳng như thế. Mạnh lẫn hiếp yếu, cùng xoay vòng chế phục hại lẫn nhau, tàn hại giết chóc, lần lượt cắn nuốt lẫn nhau, chẳng biết tu Thiện, ác nghịch không có Đạo. Sau này chịu tai ương hình phạt, tự nhiên hướng theo lối đã định. **Thần Minh** ghi biết, chẳng tha tội đã phạm. Cho nên có người nghèo túng, kẻ hèn kém, người ăn mày, kẻ cô độc, người điếc, kẻ mù, người câm, kẻ ngọng, người ngu si, kẻ tệ ác. Cho đến có kẻ khèo chân, người điên cuồng... thuộc hạng người chẳng thể theo kịp. Lại có bậc tôn quý, hào phú, tài cao, thông sáng đều do đời trước hiền lành, hiếu thảo, tu Thiện gom chứa Đức... đem lại

Đời có Đạo thường (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín), phép vua, lao ngục... Nếu chẳng khá lo sợ, cẩn thận, làm việc ác hợp với tội thì sẽ chịu tai ương hình phạt, trông mong giải thoát khó được ra khỏi. Thế Gian có việc này hiện ra trước mắt . Khi hết tuổi thọ, đời sau do lỗi lầm sâu kín, lỗi lầm quá đáng nên rơi vào chốn U Minh, chuyển sinh nhận thân. Ví như cực hình thống khổ của phép vua, cho nên tự nhiên có vô lượng khổ não của ba đường (địa ngục, quỷ đói, súc sinh) chuyển đổi thân ấy, thay hình đổi lối, thọ mệnh đã nhận hoặc dài hoặc ngắn thì **Hồn, Thần, Tinh Thức** tự nhiên hướng đến, sẽ một mình gặp lối, theo nhau cùng sinh, cùng nhau báo đáp không có ngưng nghỉ. Tai vạ ác chưa hết thời chẳng được lìa nhau, chuyển vòng trong ấy không có dịp ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói. Trong Trời Đất tự nhiên có việc đó, tuy chẳng tức thời phơi bày hết nhưng khi cảm ứng đến thì nẻo Thiện Ác sẽ quay trả lại.

Đây là việc ác lớn thứ nhất, nỗi đau đớn thứ nhất, sự thiêu đốt thứ nhất, luôn chịu khổ như vậy.

Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người mà người hay ở bên trong, một lòng chế ngự ý, thân ngay hạnh chính, riêng làm các việc Thiện, chẳng làm mọi điều ác, độ thoát cho riêng thân. Được Phước Đức ấy cứu độ đời, lên Trời, đến nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn). Đây là điều Thiện lớn thứ nhất vậy”.

Đức Phật nói: “**Điều ác thứ hai:** Người dân trong Thế Gian, cha con, anh em, gia đình, chồng vợ. phần lớn không có nghĩa lý, chẳng thuận theo Pháp đã chế ra (Pháp Độ), xa xỉ, dâm dục, kiêu căng, phóng túng. Mỗi một người đều muốn được ý thỏa thích nên, dộc lòng tự buông thả, lừa dối nghi ngờ lẫn nhau, tâm miệng đều khác nhau, nói nghĩ không có thật, nịnh nọt ton hót không có trung chính, nói dối nịnh hót, ganh ghét người hiền, chê bai điều Thiện, hãm hại đưa người vào chỗ oan uổng. Vua chúa (chúa thượng) chẳng sáng suốt, dùng kẻ bầy tôi dưới trướng nhưng kẻ bầy tôi bên dưới an nhiên tự tạo lắm mối dối trá, dẫm đạp lên pháp đã chế ra, hay thực hiện biết hình thế ấy: *kẻ tại vị chẳng chân chính đã tạo ra chỗ lẩn lút, làm điều sằng bậy tổn hại kẻ trung lương, chẳng xứng với lòng Trời*. Bầy tôi lừa dối vua, con lừa dối cha. Anh em, chồng vợ, kẻ quen biết trong ngoài...khinh khi lừa dối lẫn nhau. Mỗi một người đều ôm mang tham dục, giận dữ, si mê muốn tự hậu đãi cho riêng mình, tham muốn rất nhiều. Từ kẻ tôn quý, người thấp hèn, kẻ trên, người dưới đều đồng như thế. Phá nhà quên thân, chẳng nhìn kỹ trước sau... khiến cho thân thuộc trong ngoài bị buộc tội mà diệt mất giòng tộc.

Hoặc khi gia đình, người quen biết, xóm giềng, kẻ chợ người quê, dân ngu, người quê mùa cùng theo nhau làm việc...lại trở mặt bóc lột gây hại lẫn nhau, nên tức giận trở thành kết oán.

Kẻ giàu có lại keo kiệt bủn xỉn, chẳng chịu ban giúp cho ai. Yêu giữ túi tham khiến cho tâm nhọc nhằn, thân cực khổ. Như vậy đến khi thay đổi thời không có chỗ nương cậy, một mình đến, một mình đi, không có một ai đi theo. Thiện ác, họa phước đuổi theo mạng đến chỗ sinh ra, hoặc tại chốn an vui, hoặc vào nơi đau khổ xấu ác; sau đó mới hối hận thì đâu còn kịp nữa?!...

Người dân trong Thế Gian vì tâm ngu Trí kém, thấy người hiền lành thì chê ghét chẳng nghĩ mến, chỉ muốn làm ác, sằng bậy làm điều Phi Pháp, thường ôm tâm trộm cắp, hy vọng được lợi từ kẻ khác. Khi tiêu tan hết sạch thì lại tìm kiếm cầu xin. Tâm tà chẳng chính, sợ người có sắc đẹp (?người hiền thiện ngay thẳng), chẳng sớm nghĩ tính, khi việc đến rồi mới sinh hối hận. Đời nay hiện có phép vua, lao ngục, tùy theo tội mà đi đến chịu tai ương hình phạt.

Nhân vì đời trước chẳng tin Đạo Đức, chẳng tu gốc Thiện, nay lại làm ác nên bị Thiên Thần ghi nhận vào sổ sách riêng. Khi hết tuổi thọ, Thần Thức đi xuống vào trong nẻo ác. Cho nên tự nhiên có vô lượng khổ não của ba đường (3 nẻo ác). Xoay chuyển trong ấy, đời đời nhiều kiếp không có dịp ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói !...

Đây là điều ác lớn thứ hai, nỗi đau đớn thứ hai, việc thiêu đốt thứ hai, luôn chịu khổ như vậy

Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người mà người hay ở bên trong, một lòng chế ngự ý, thân ngay hạnh chính, riêng làm các việc Thiện, chẳng làm mọi điều ác, độ thoát cho riêng thân. Được Phước Đức ấy cứu độ đời, lên Trời, đến nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn). Đây là điều Thiện lớn thứ hai vậy”.

Đức Phật nói: “**Điều ác thứ ba:** Người dân trong Thế Gian cùng với con người dựa nhau mà sống, cùng ở chung trong Trời Đất, thọ mệnh được bao nhiêu năm cũng chẳng thể biết. Bên trên có bậc Hiền Minh, Trưởng Giả, tôn quý, hào phú. Bên dưới có kẻ nghèo túng, ở đợ hèn mọn, què quặt, hèn kém, ngu dốt. Bậc giữa có người chẳng tốt lành, thường ôm mang tà ác, chỉ khởi niệm dâm dục cấu giận chứa đầy trong ngực. Yêu muốn dâm dục dâm tà, ngồi đứng chẳng yên. Ý tham lam tiếc giữ chỉ muốn nói khoác để có được. Liếc nhìn bóng sắc thì thái độ tà bậy dâm dật hiện ra bên ngoài. Chán ghét vợ của mình, bí mật ra vào thông dâm, hao tổn tiền việc của nhà, làm điều Phi Pháp. Giao kết tụ họp nổi lên làm Thầy cùng nhau dâm chém đánh giết, vây đánh cướp bóc, giết chóc cưỡng đoạt chẳng cần lẽ phải (phi đạo). Tâm ác hiện ra bên ngoài, chẳng tự sửa nghiệp, trộm cắp kiếm được lợi nên muốn chạy theo cho thành việc. Vì sợ thế lực ép bức nên đem về cung cấp cho vợ con, buông thả tâm theo ý thích, tự thân lấy làm vui

Hoặc đối với thân thuộc, chẳng kiêng nể tôn ty, gây mối lo cho gia đình, hai bên nội ngoại chịu khổ. Cũng lại chẳng sợ lệnh cấp của phép vua. Điều ác như vậy dính với người, Quỷ. Mặt trời, mặt trăng soi thấy, Thần Minh ghi chép cho nên tự nhiên có vô lượng khổ não của ba đường (3 đường ác), xoay chuyển trong ấy, đời đời nhiều kiếp không có dịp ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói.

Đây là điều ác thứ ba, nỗi đau khổ thứ ba, sự thiêu đốt thứ ba, luôn khổ như vậy.

Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người mà người hay ở bên trong, một lòng chế ngự ý, thân ngay hạnh chính, riêng làm các việc Thiện, chẳng làm mọi điều ác, độ thoát cho riêng thân. Được Phước Đức ấy cứu độ đời, lên Trời, đến nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn). Đây là điều Thiện lớn thứ ba vậy”.

Đức Phật nói: “**Điều ác thứ tư:** Người dân trong Thế Gian chẳng nhớ tu Thiện, cùng dạy bảo nhau khiến cùng chung làm mọi điều ác, nói hai lưỡi, nói ác, nói dối, nói thêu dệt, dèm pha hãm hại, đấu tranh gây rối, ganh ghét người tốt lành, phá hại bậc Hiền Minh. Ở bên cạnh cha mẹ là chỗ nương tựa ưa thích lại chẳng hiếu thảo, khinh mạn Sư Trưởng, không tin bạn bè, khó được thành thật. Tự cho mình là bậc tôn quý cao cả, nói rằng *chỉ Ta mới có Đạo*, hành động ngang ngược, dùng uy thế xâm lấn xem thường người khác. Chẳng có thể tự biết, làm ác không có xấu hổ, tự dùng sự khỏe mạnh muốn người kính nể lo sợ. Chẳng sợ Trời Đất, Thần Minh, Nhật Nguyệt. Chẳng chịu làm điều tốt lành, *rất khó giáng phục cảm hóa!*... Tự thị kiêu ngạo, nói rằng *có thể thường còn mãi vậy*, không có chỗ lo sợ, luôn ôm mang kiêu mạn

Mọi điều ác như vậy, Thiên Thần ghi chép. Nhờ ở đời trước tạo làm Phước Đức, chút ít điều Thiện tiếp giúp nâng đỡ hỗ trợ, nhưng ngày nay làm ác thì Phước Đức bị diệt hết, các Thần Quỷ Thiện đều bỏ đi, thân đơn độc đứng giữa khoảng không, không có chỗ để nương tựa. Khi thọ mệnh chấm dứt thời mọi điều ác quay về, tự nhiên thúc ép cùng đi đến chỗ đã định đoạt. Lại tên của kẻ ấy đã được Thần Minh ghi chép nên tai vạ tội lỗi dấy nhau kéo đến, phải chịu đến lối nẻo đã định, tội báo tự nhiên không theo đâu mà buông lìa nổi, chỉ được bước về phía trước vào trong vạc lửa, thân tâm bị đập nát, tinh thần rất đau khổ, ngay lúc này thời hối hận đâu còn kịp nữa!...Đạo của Trời tự nhiên chẳng được sai lầm, cho nên tự nhiên có vô lượng khổ não của ba đường (3 đường ác), xoay chuyển trong ấy, đời đời nhiều kiếp không có dịp ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói!...

Đây là điều ác thứ tư, nỗi đau khổ thứ tư, sự thiêu đốt thứ tư, luôn khổ như vậy.

Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người mà người hay ở bên trong, một lòng chế ngự ý, thân ngay hạnh chính, riêng làm các việc Thiện, chẳng làm mọi điều ác, độ thoát cho

riêng thân. Được Phước Đức ấy cứu độ đời, lên Trời, đến nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn). Đây là điều Thiện lớn thứ tư vậy”.

Đức Phật nói: “**Điều ác thứ năm:** Người dân trong Thế Gian thường quanh co lười biếng, chẳng chịu làm điều tốt lành, sửa thân tu nghiệp khiến cho gia đình, quyền thuộc bị đói khát khốn khổ. Cha mẹ răn dạy thì giận dữ trợn mắt trả treo gây bất hòa, chống đối trái ngược ví như oan gia chẳng bằng không có con cái! Lấy cho không có tiết kiệm, mọi người cùng chung lo lắng chán ghét. Phụ ân bội nghĩa, không có tâm báo đáp. Nghèo túng khốn cùng thiếu thốn, chẳng thể phục hồi được, ắt phải đua chen vùi vãi cướp đoạt. Buông thả phóng túng chơi bời, quen tính toán nói khoác kiếm chác để tự nuôi thân, ham mê rượu chè, ưa thích sắc đẹp, ăn uống không có chừng mực, phơi bày tâm phóng đảng dâm dật, đàn độn ương ngạnh, đường đột xúc phạm chẳng biết tình người, ý mạnh muốn ức chế kẻ khác. Thấy người tốt lành thì ganh ghét đố kỵ, không có nghĩa, không có lễ, không có nơi để ngoái nhìn chọn lấy. Tự dùng chức phận đảm đương, chẳng thể can ngăn khuyên bảo. Sáu thân quyền thuộc, tài sản có không, chẳng hề lo nghĩ. Chẳng nghĩ đến ân của cha mẹ, chẳng xét đến nghĩa của Thầy bạn. Tâm thường nghĩ đến điều ác, miệng thường nói lời ác, thân thường làm các việc ác, chưa từng có một điều tốt lành. Chẳng tin Tiên, Thánh, chư Phật, Kinh Pháp. Chẳng tin hành Đạo có thể hóa độ được đời. Chẳng tin sau khi chết **Thần Minh** (Thần Thức) thay đổi sinh trở lại. Chẳng tin làm thiện được thiện, làm ác được ác. Muốn giết bậc Chân Nhân, đấu tranh gây rối chúng Tăng. Muốn hại cha mẹ, anh em, quyền thuộc. Sáu thân ghét bỏ, nguyện khiến kẻ ấy bị chết

Như vậy, tâm ý của người đời đều như thế. Ngu si mê muội mà tự cho là Trí Tuệ, chẳng biết cuộc sống từ đâu đến, khi chết hướng về chốn nào. Chẳng biết đạo lý làm người, chẳng biết noi theo lẽ phải, nghịch ác với Trời Đất mà ở trong ấy hy vọng cầu may, muốn cầu sống lâu, khi gặp thời đều quay về cái chết. Người có tâm Từ (Maitreya) răn dạy khiến cho kẻ ấy nhớ nghĩ điều lành, mở bày nẻo sinh tử thiện ác, tự nhiên có điều đó nhưng lại chẳng tin. Khổ tâm nói bảo vẫn không có ích gì cho kẻ ấy, trong tâm bị lấp kín nên ý chẳng thể mở hiểu.

Khi mệnh lớn sắp hết thì sự ăn năn lo sợ liên tiếp kéo đến. Trước kia chẳng lo tu Thiện, lúc cùng mới ăn năn hối hận thì sao còn kịp nữa !...Trong vòng Trời Đất có năm lối nẻo (Trời, người, súc sinh, quỷ đói, địa ngục) rõ ràng, to lớn sâu xa mù mịt, mệnh mông man mác...Thiện ác báo ứng họa phước cùng nương theo nhau, tự thân mình gánh chịu không có ai thay thế được. Số mệnh tự nhiên ứng với chỗ đã làm ấy, tai vạ tội lỗi đuổi theo mạng không được buông bỏ

Người tốt lành làm việc thiện sẽ từ vui vào chỗ vui, từ sáng vào chỗ sáng. Người ác làm việc xấu ác sẽ từ khổ vào chỗ khổ, từ nơi mù mịt vào chốn u minh. Ai có thể biết được? Chỉ riêng Đức Phật mới biết điều ấy, dạy bảo mở bày nhưng người tin dụng lại rất ít. Sinh tử chẳng ngưng nghỉ, nẻo ác chẳng dứt. Người đời như thế khó có thể bày đủ hết được, cho nên tự nhiên có vô lượng khổ não của ba đường (3 đường ác), xoay chuyển trong ấy, đời đời nhiều kiếp không có dịp ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói.

Đây là điều ác thứ năm, nỗi đau khổ thứ năm, sự thiêu đốt thứ năm, luôn khổ như vậy.

Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người mà người hay ở bên trong, một lòng chế ngự ý, thân ngay niệm chính, lời nói việc làm cùng xứng với chỗ làm chí thành, đã nói thì làm như nói, tâm miệng chẳng chuyển đổi, riêng làm các việc Thiện, chẳng làm mọi điều ác, độ thoát cho riêng thân. Được Phước Đức ấy cứu độ đời, lên Trời, đến nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn). Đây là điều Thiện lớn thứ năm vậy”.

Đức Phật bảo Di Lặc: “Ta nói với các ông về sự đau khổ của năm điều ác trong đời đó. Nếu năm nỗi đau đó, năm sự thiêu đốt cùng nhau xoay vần, chỉ làm mọi việc ác chẳng tu gốc Thiện thấy đều tự nhiên vào các nẻo ác. Hoặc kẻ ấy, đời này trước tiên bị tai nạn bệnh tật, cầu chết chẳng được, cầu sống chẳng được, tội ác đã chiêu cảm bày ra cho mọi người nhìn thấy. Khi thân bị chết thì tùy đi vào ba nẻo ác, khổ độc vô lượng tự thiêu đốt lẫn nhau, lâu dài về sau cùng chung nhau tạo oán kết. Từ việc nhỏ xiu nổi lên thành việc ác lớn đều do tham dính tài sắc, chẳng thể ban cho Trí sáng. Do si dục ép bức tùy theo tâm nghĩ tưởng mà phiền não kết buộc, không có cởi ra được, về sau tự mình tranh giành điều lợi nên không có tỉnh táo để xem xét. Ngay khi được phú quý, vinh hoa thì ý rất thích, chẳng có thể nhẫn nhục, chẳng chịu tu thiện. Uy thế không có bao nhiêu cũng tùy theo việc làm mà diệt mất. Thân sống lao khổ, lâu dài về sau càng tăng hơn rất nhiều. Đạo Trời tha bắt, tự nhiên thu lại nâng lên, lưới mảnh giềng mỗi trên dưới tương ứng. lo lắng hoảng sợ sẽ vào trong ấy. Xưa nay có điều ấy, thật đau đớn thay! Rất đáng thương xót!...”

Đức Phật bảo Di Lặc: “Thế Gian như vậy cho nên Phật đều thương xót, dùng sức uy thần diệt hết mọi điều ác đều khiến theo điều tốt lành, vứt bỏ điều đã nghĩ ngợi, phụng trì Kinh Giới, nhận hành Đạo Pháp không có chỗ trái ngược lầm lỗi, cuối cùng được cứu độ đời, đến nẻo Nê Hoàn (Niết Bàn)”

Đức Phật nói: “Nay ông, các Trời, người dân với người đời sau được biết lời dạy trong Kinh Phật, cần phải suy nghĩ kỹ lưỡng, hay ở trong ấy tâm ngay hạnh chính. Mình ở bậc trên thì tự làm điều tốt lành rồi đốc thúc cảm hóa người bên dưới, xoay vần răn dạy lẫn nhau, khiến cho đều tự mình giữ gìn sự ngay thẳng, tôn trọng bậc Thánh, cung kính người tốt lành, nhân từ bác ái. Đối với lời răn bảo dạy dỗ của Đức Phật, không dám giảm thiểu phụ bỏ. Nên cầu hóa độ đời, nhổ bứt chặt đứt gốc của mọi điều ác trong sinh tử, lia hẳn ba đường, vô lượng lối nẻo lo sợ khổ đau.

Các ông ở chốn ấy rộng gieo trồng gốc Đức, ban ân giúp cho Trí sáng đừng phạm vào điều cấm của Đạo. Cùng nhau xoay vần giáo hóa: Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, một lòng (?Thiền Định), Trí Tuệ... làm Đức tạo dựng sự tốt lành.

Tâm chính, ý chính, trai giới trong sạch một ngày một đêm ít hơn hẳn trăm năm làm điều Thiện ở nước Vô Lượng Thọ. Tại sao thế? Vì cõi nước của Đức Phật ấy, vô vi tự nhiên đều gom chứa mọi điều Thiện, không có một mảy lông của việc ác.

Ở cõi này, mười ngày mười đêm tu điều Thiện sẽ hơn hẳn ngàn năm làm việc Thiện ở trong các nước Phật tại phương khác. Tại sao thế? Vì nước Phật ở phương khác, người làm Thiện rất nhiều còn người làm ác rất ít nên Phước Đức tự nhiên không có tạo ra đất ác. Chỉ cõi này (cõi Ta Bà) còn nhiều điều ác, không có tự nhiên, cực khổ mong muốn, xoay vần lừa dối sợ hãi lẫn nhau. Tâm nhọc nhằn, thân khôn cùng, uống khổ đau, ăn chất độc...Như vậy vội vã làm việc, chưa từng được nghỉ ngơi

Ta thương xót các ông, loài Trời Người nên khổ tâm răn bảo, nói rõ, dạy dỗ khiến cho tu điều tốt lành. Tùy theo khí độ (căn cơ) mở đường lối, trao cho Kinh Pháp, không có ai không nương theo mà dùng, ngay ý ước nguyện đều khiến cho được Đạo.

Trong nơi chốn mà Phật đã dạo qua: nước, ấp, gò đồng, xóm làng không có chỗ nào chẳng chịu ân giáo hóa. Thiên hạ hòa thuận, mặt trời mặt trăng sáng trong, mưa gió đúng thời, tai vạ bệnh dịch chẳng khởi, nước thịnh vượng, dân an vui, sùng ông giáo mặc không có chỗ dùng, chuộng Đức nêu Nhân, chuyên tu sửa theo lễ nghĩa khiêm nhường”

Đức Phật nói: “Ta thương xót các ông, chư Thiên, người dân rất nhiều như cha mẹ nhớ con. Nay Ta ở đời này làm Phật, giảng hóa năm điều ác, tiêu trừ năm nỗi đau khổ, diệt hết năm sự thiêu đốt. Dùng điều tốt lành vây đánh điều ác, nhổ bứt khổ của sinh tử, khiến được năm Đức, thăng lên Vô Vi để được an vui. Khi Ta đã đi, đời sau Kinh Đạo dần dần bị diệt, người dân lại xu nịnh dối trá làm mọi điều ác thì năm sự thiêu đốt, năm nỗi đau đớn sẽ quay trở lại y như pháp lúc trước. Lâu dần về sau càng thêm kịch liệt chẳng thể nói hết. Ta chỉ vì ông lược nói như thế”.

Đức Phật bảo Di Lặc: “Các ông đều khéo suy nghĩ, chuyển cho nhau **Giáo Giới** như Kinh Pháp của Phật, không được phạm lỗi”

Lúc đó Bồ Tát Di Lặc chấp tay bạch rằng: “Đức Phật đã nói rất khéo, người đời thật như thế. Đức Như Lai ban vui, thương xót khắp cả đều khiến độ thoát. Con xin nhận lời dạy bảo trân trọng của Đức Phật, chẳng dám trái ngược, đánh mất ”

Đức Phật bảo A Nan: “Ông hãy đứng dậy, chỉnh sửa quần áo, chấp tay cung kính, lễ Đức Phật Vô Lượng Thọ. Các Phật Như Lai trong cõi nước ở mười phương thường cùng nhau xưng dương, khen ngợi Đức Phật ấy, không có dính mắc, không có ngăn ngại”

Khi đó A Nan đứng dậy, chỉnh sửa quần áo, ngay thẳng thân hướng về phương Tây, cung kính chấp tay, cúi năm vóc sát đất, lễ Đức Phật Vô Lượng Thọ rồi bạch rằng: “Thế Tôn! Con nguyện nhìn thấy cõi nước **An Lạc** với các Bồ Tát, Thanh Văn, Đại Chúng của Đức Phật ấy”

Nói lời đó xong, tức thời Đức Phật Vô Lượng Thọ phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả Thế Giới của chư Phật, Kim Cương Vi Sơn, Tu Di Sơn Vương, các núi lớn nhỏ, tất cả hết thấy đều đồng một màu. Ví như **Kiếp Thủy** tràn đầy Thế Giới, trong đó vạn vật chìm mất chẳng hiện, sóng gợn mờ mờ, chỉ thấy nước lớn. Ánh sáng của Đức Phật ấy cũng lại như vậy. Tất cả ánh sáng của Thanh Văn, Bồ Tát thấy đều bị ẩn che, chỉ nhìn thấy ánh sáng của Đức Phật tỏa sáng rực rỡ.

Khi ấy A Nan liền nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ với uy đức vòi vọi như Tu Di Sơn Vương, cao vượt lên trên tất cả các Thế Giới, tướng tốt tỏa ánh sáng không có gì chẳng chiếu sáng. Bốn Chúng của Hội này cùng một lúc đều nhìn thấy, bên kia nhìn thấy cõi này cũng lại như vậy.

Bấy giờ Đức Phật bảo A Nan với Bồ Tát Di Lặc: “Ông nhìn thấy nước ấy, từ mặt đất lên trên đến cõi Trời **Tịnh Cư** (Śuddhāvāsa) Trong ấy hết thấy vật vi diệu, nghiêm tịnh, tự nhiên...có đều nhìn thấy chăng?”

A Nan thưa rằng: “Dạ vâng! Con đã nhìn thấy”

—“Ông xét kỹ xem, có nghe tiếng nói lớn của Đức Phật Vô Lượng Thọ tuyên bày khắp tất cả Thế Giới, giáo hóa chúng sinh chưa?”

A Nan thưa rằng: “Dạ vâng! Con đã nghe thấy”

—“Người dân của nước ấy nương theo trăm ngàn do tuần cung điện bảy báu không có chỗ chướng ngại, đi đến khắp mười phương cúng dường chư Phật. Ông lại có nhìn thấy chăng?”

Thưa rằng: “Con đã nhìn thấy”

—“Người dân của nước ấy, có người sinh trong bào thai (Jarāyuja:thai sinh). Ông lại có nhìn thấy chăng?”

Thưa rằng: “Con đã nhìn thấy”

— “Người sinh trong bào thai ấy được ở cung điện, hoặc trăm do tuần, hoặc năm trăm do tuần... đều ở trong ấy thọ nhận các khoái lạc như cõi Trời **Đao Lợi** (Trayastrimśa) cũng đều tự nhiên”

Khi ấy Bồ Tát **Từ Thị** (Maitreya: Di Lặc) bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Do **Nhân** nào, **Duyên** nào mà người dân của nước ấy sinh trong bào thai (Jarāyuja)? Hoặc **Hóa Sinh** (Aupapāduka)?”

Đức Phật bảo Từ Thị: “Nếu có chúng sinh dùng tâm nghi ngờ tu các Công Đức, nguyện sinh về nước ấy mà chẳng hiểu: Trí của Đức Phật, Trí chẳng thể nghĩ bàn, Trí chẳng thể xưng nói, Trí rộng lớn của Đại Thừa, Trí **Tối Thượng Thắng** không có gì ngang bằng không có gì so sánh được... Đối với các Trí này, nghi ngờ chẳng tin. Xong do tin Tội, Phước mà tu tập gốc Thiện, nguyện sinh về nước ấy. Các chúng sinh này sinh trong cung điện ấy, sống đến năm trăm tuổi, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe Kinh Pháp; chẳng thấy Bồ Tát, Thanh Văn, Thánh Chúng. Thế nên đối với cõi nước ấy, nói là **Thai Sinh** (Jarāyuja).

Nếu có chúng sinh tin rõ Trí của Đức Phật cho đến Trí thù thắng... làm các Công Đức, tâm tin tưởng hồi hướng. Các chúng sinh này tự nhiên hóa sinh, ngồi Kiết Già ở trong đóa hoa bảy báu. Trong phút chốc, thành tựu đầy đủ thân tướng, ánh sáng, Trí Tuệ, Công Đức như các Bồ Tát.

Lại nữa Từ Thị! Các Đại Bồ Tát ở phương khác, phát tâm muốn nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ, cung kính cúng dường với các chúng Bồ Tát, Thanh Văn. Nhóm Bồ Tát ấy khi mệnh chung, được sinh về nước Vô Lượng Thọ, tự nhiên hóa sinh ở trong đóa hoa bảy báu

Di Lặc nên biết vị Hóa Sinh (Aupapāduka) ấy có Trí Tuệ thù thắng còn người Thai Sinh (Jarāyuja) kia đều không có Trí Tuệ, ở trong năm trăm năm thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe Kinh Pháp, chẳng thấy Bồ Tát, các chúng Thanh Văn. Do không có cúng dường Đức Phật, chẳng biết Pháp Thức của Bồ Tát, chẳng được tu tập Công Đức. Nên biết người này trong đời trước, không có Trí Tuệ, còn nghi ngờ nơi đến”

Đức Phật bảo Di Lặc: “Ví như vị Chuyển Luân Thánh Vương có riêng cung thất, bảy báu trang sức, đặt bày màn che, treo các Phan lụy. Nếu có các Tiểu Vương Tử đắc tội với vua, liền bị nhốt bên trong cung ấy, dùng xích vàng cột trói rồi cung cấp thức ăn uống, giường nằm, thịt thà, hoa, hương, kỹ nhạc... như bậc **Chuyển Luân Vương** (Cakra-vartti-rāja) không có thiếu thốn. Ý ông thế nào? Các vị Vương Tử này có ưa thích chỗ ấy chăng?”

Thưa rằng: “Chẳng thể ưa thích vậy! Chỉ dùng mọi loại phương tiện cầu các sức mạnh lớn, muốn tự mình được miễn tội rồi ra khỏi chốn đó”

Đức Phật bảo Di Lặc: “Các chúng sinh này cũng lại như vậy. Do nghi ngờ Trí của Đức Phật mà sinh trong cung điện ấy. Không có hình phạt cho đến việc của một niệm ác... chỉ ở trong năm trăm năm, chẳng thấy Tam Bảo, chẳng được cúng dường, tu các gốc Thiện. Do điều này là Khổ. Tuy có niềm vui khác, nhưng vẫn còn sự chẳng ưa thích nơi ấy

Nếu chúng sinh này nhận biết **Bản Tội** ấy, tự mình hối lỗi mong cầu lìa khỏi chỗ đó, liền được như ý, đi đến chỗ của Đức Phật Vô Lượng Thọ, cung kính cúng dường, cũng được đến khắp vô lượng vô số chỗ của các Như Lai, tu các Công Đức.

Di Lặc nên biết. Nếu có Bồ Tát sinh nghi ngờ sẽ bị mất lợi lớn. Chính vì thế cho nên cần phải tin rõ Trí Tuệ vô thượng của chư Phật”.

Bồ Tát Di Lặc bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Ở Thế Giới này có bao nhiêu vị Bồ Tát bất thoái, sinh về nước Phật ấy?”

Đức Phật bảo Di Lặc: “Ở Thế Giới này có sáu mươi bảy ức Bồ Tát bất thoái sinh về nước ấy. Mỗi một vị Bồ Tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, thứ tự như Di Lặc vậy. Các Bồ Tát có Hạnh nhỏ với người tu tập chút Công Đức, chẳng thể xưng tính đều sẽ vãng sinh”

Đức Phật bảo Di Lặc: “Chẳng phải chỉ có các nhóm Bồ Tát của nước Ta sinh về nước ấy mà cõi Phật ở phương khác cũng lại như vậy.

Đức Phật thứ nhất tên là **Viễn Chiếu** (?Prabhākara). Cõi ấy có tám trăm tám mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ hai tên là **Bảo Tạng** (Ratna-garbha). Cõi ấy có chín mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ ba tên là **Vô Lượng Âm** (Ananta-ghoṣa). Cõi ấy có hai trăm hai mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ tư tên là **Cam Lộ Vị** (Amṛta-rasa). Cõi ấy có hai trăm năm mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ năm tên là **Long Thắng** (Nāga-jaya). Cõi ấy có bốn mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ sáu tên là **Thắng Lực** (Jaya-bala). Cõi ấy có tám vạn bốn ngàn Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ bảy tên là **Sư Tử** (Simha). Cõi ấy có năm trăm ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ tám tên là **Ly Cấu Quang** (Viraja-prabha). Cõi ấy có tám mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ chín tên là **Đức Thủ** (Guṇa-sīrṣai). Cõi ấy có sáu mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ mười tên là **Diệu Đức Sơn** (Mañju-guṇa-parvata). Cõi ấy có sáu mươi ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ mười một tên là **Nhân Vương** (Nārendra-rāja). Cõi ấy có mười ức Bồ Tát đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ mười hai tên là **Vô Thượng Hoa** (Anuttara-puṣpa). Cõi ấy có vô số chẳng thể xưng tính các chúng Bồ Tát, đều Bất Thoái Chuyển, Trí Tuệ dũng mãnh, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật. Ở trong bảy ngày, liên hay nhiếp lấy trăm ngàn ức kiếp Pháp bền chắc mà bậc Đại Sĩ đã tu. Bồ Tát của nhóm này đều sẽ vãng sinh.

Đức Phật thứ mười ba tên là **Vô Úy** (Abhaya). Cõi ấy có bảy trăm chín mươi ức chúng Đại Bồ Tát, các Tiểu Bồ Tát với nhóm Tỳ Khưu chẳng thể xưng tính, đều sẽ vãng sinh”.

Đức Phật bảo Di Lặc: “Chẳng phải chỉ có các nhóm Bồ Tát trong mười bốn nước Phật này sẽ vãng sinh, mà vô lượng nước Phật trong mười phương Thế Giới, người vãng sinh ấy cũng lại như vậy, rất nhiều vô số. Ta chỉ nói danh hiệu của chư Phật với Bồ Tát, Tỳ Khưu sinh về nước ấy, suốt ngày đêm trọn một kiếp còn chẳng thể hết. Nay Ta vì ông, lược nói như thế”

Đức Phật bảo Di Lặc: “Nếu người được nghe danh hiệu của Đức Phật ấy mà vui vẻ, hớn hở cho đến một niệm. Nên biết người này được lợi ích lớn, tức là đầy đủ Công Đức vô thượng.

Thế nên Di Lặc! Giả sử có lửa lớn tràn đầy ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, cần thiết nên vượt qua lửa này nghe Kinh Pháp đó, vui vẻ, tin tưởng, ưa thích, thọ trì, đọc tụng, như Thuyết tu hành. Nếu có chúng sinh nghe Kinh này thì nơi Đạo vô thượng, cuối cùng không bị thoái chuyển. Chính vì thế cho nên cần phải chuyên tâm tin nhận, trì tụng, nói, hành.

Nay Ta vì các chúng sinh nói Kinh Pháp này, khiến thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ với tất cả điều đã có của cõi nước ấy, nơi đáng làm đều có thể cầu. Không được vì sau khi Ta diệt độ lại sinh nghi hoặc. Đời đương lai, khi Kinh Đạo diệt hết, Ta dùng Từ Bi thương xót, đặc biệt lưu lại Kinh này, chỉ trụ một trăm năm. Nếu có chúng sinh gặp được Kinh này thì tùy theo ý ước nguyện, đều có thể được độ”

Đức Phật bảo Di Lặc: “Như Lai xuất hiện ở đời rất khó gặp khó thấy. Kinh Đạo của chư Phật rất khó được khó nghe. Thắng Pháp, các Ba La Mật của Bồ Tát được nghe cũng khó. Gặp Thiện Tri Thức nghe Pháp hay hành, điều này cũng là khó. Nếu nghe Kinh này, tin tưởng ưa thích thọ trì là điều khó trong những cái khó, không có gì hơn được cái khó này. Chính vì thế cho nên Pháp của Ta: làm như vậy, nói như vậy, dạy bảo như vậy.....cần phải tin thuận như Pháp tu hành”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Kinh Pháp này thời vô lượng chúng sinh đều phát tâm Vô Thượng Chính Giác, một vạn hai ngàn na do tha người được mắt Pháp trong sạch, hai mươi hai ức các Trời người dân được **A Na Hàm** (Anāgamin), tám mươi vạn Tỳ Khưu lậu tận ý giải. Bốn mươi ức Bồ Tát được Bất Thoái Chuyển, dùng Công Đức của **Hoàng Thệ** để tự trang nghiêm, ở đời tương lai sẽ thành Chính Giác.

Khi ấy ba ngàn Đại Thiên Thế Giới chấn động theo sáu cách, ánh sáng lớn chiếu khắp cõi nước ở mười phương, trăm ngàn âm nhạc tự nhiên tấu lên, vô lượng hơi thơm bát ngát tuôn xuống.

Đức Phật nói Kinh xong, thời Bồ Tát **Di Lặc** (Maitreya) với các chúng Bồ Tát đến từ mười phương, Trưởng Lão **A Nan**, (Ānanda) các Đại Thanh Văn (Mahā-srāvaka), tất cả Đại Chúng (Mahā-saṃgha) nghe điều Đức Phật đã nói, không có ai chẳng vui vẻ.

KINH VÔ LƯỢNG THỌ _QUYỂN HẠ (Hết)_

Dịch một Bộ gồm hai quyển xong vào ngày 24/07/2010

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch : Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng _Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc
Khanh _Minh Giáo Đại Sư (Kẻ bày tôi là) PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự trong núi **Thứu Phong** (Gr̥dhra-kuṭa) tại thành **Vương Xá** (Rāja-gr̥ha) cùng với chúng Đại Bát Sô (Mahatā-Bhikṣu-saṃgha) gồm ba vạn hai ngàn người đến dự, đều đắc A La Hán (Arhate) đủ Đại Thần Thông. Tên các vị ấy là: Tôn Giả **A Nhã Kiều Trần Như** (Ājñāta-kaundinya), Tôn Giả **Mã Thắng** (Aśvajitā), Tôn Giả **Ma Sát Bĩ Noa** (Bāṣpeṇa), Tôn Giả **Đại Danh** (Mahā-nāma), Tôn Giả **Bạt Đa Bà** (Bhadra-jitā), Tôn Giả **Xứng Thiên** (Yaśo-deva), Tôn Giả **Ly Cầu** (Vimala), Tôn Giả **Diệu Tỷ** (Subāhu), Tôn Giả **Bồ Lan Noa Chỉ Năng** (Pūrṇa-maitrāyaṇī-putra), Tôn Giả **Kiều Phạm Ba Đề** (Gavāṃpati), Tôn Giả **Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp** (Urubilvā-kāśyapa), Tôn Giả **Na Đề Ca Diếp** (Nadī-kāśyapa), Tôn Giả **Xá Lợi Tử** (Śāriputra), Tôn Giả **Đại Mục Kiền Liên** (Mahā-maudgalyāyana), Tôn Giả **Ma Ha Ca Chiên Diên** (Mahā-katyāyana), Tôn Giả **Ma Ha Câu Hy La** (Mahā-kaṣṭhīla), Tôn Giả **Kiếp Tân Na** (Mahā-kaphila), Tôn Giả **Ma Ha Tôn Na** (Mahā-cunda), Tôn Giả **Di Đa La Ni Tử** (Maitreyāṇi), Tôn Giả **A Na Luật** (Aniruddha), Tôn Giả **Hỷ** (Nandika), Tôn Giả **Khẩn Tỳ Lý Noa** (Kampileṇa), Tôn Giả **Tu Bồ Đề** (Subhūti), Tôn Giả **Lý Phộc Đế** (Revati), Tôn Giả **Khur Nĩ La Phộc Nễ Chỉ Năng** (Khadiravanikena), Tôn Giả **Ma Hạ La Nghê** (Mahā-rāje), Tôn Giả **Ba La Dã Ni Chỉ Năng** (Pārāyaṇikena), Tôn Giả **Phộc Câu Lệ Năng** (Vakulena), Tôn Giả **A Nan Đà** (Ānanda), Tôn Giả **La Hầu La** (Rahūla), Tôn Giả **Thiện Lai** (Svāgatena). Nhóm như vậy gồm ba vạn hai ngàn người đến dự.

Bấy giờ Tôn Giả **A Nan** liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay đỉnh lễ rồi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Đáng **Như Lai** (Tathāgata) **Ứng** (Arhate) **Chính Đẳng Giác** (Samyaksambuddha) có các căn thanh tịnh, sắc diện (Mukha-varṇa) viên mãn, cõi báu trang nghiêm....được Công Đức như vậy, thật là hiếm có!... Thế nào là Hạnh màu nhiệm rộng lớn đã hành với chỗ hành của chư Phật quá khứ vị lai ? Nguyên vì con tuyên nói”

Đức Phật bảo A Nan: “Lành thay! Lành thay! Ông vì lợi ích cho tất cả chúng sinh, ôm tâm Từ Mẫn, hay hỏi Như Lai về nghĩa vi diệu. Nay ông hãy lắng nghe! Hãy khéo nghĩ nhớ! Nay **Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri** vì ông nói”

Đức Phật bảo A Nan: “Như vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn a tăng kỳ kiếp (Asaṅkya-kalpa) trong đời quá khứ, khi ấy có Đức Phật Thế Tôn (Buddha-lokanātha) hiện ra ở đời, tên là **Nhiên Đăng** (Dīpaṃkara) Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác (Tathāgata-arhate-samyaksambuddha)

Trước Đức Phật Nhiên Đăng, lại có Đức Phật Thế Tôn hiện ra ở Thế Gian, tên là **Bát La Đa Ba Dã Du** (Pratāpavān) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Phát Quang** (Prabhā-kara) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tán Na Năng Nga La Hộ** (Candana-gandha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tu Di Kiếp** (Sumeru-kalpa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Nguyệt Diện** (Candra-mukha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Vô Cấu Diện** (Amala-mukha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Vô Trước** (Asaṅga) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Long Chủ** (Nāgādhipati) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Nhật Diện** (Sūrya-mukha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Sơn Hưởng Âm Vương** (Girirājaghoṣa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tu Di Phong** (Merukūṭa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Kim Tạng** (Suvarṇa-garbha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Hỏa Quang** (Jyotiṣ-prabha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Bất Động Địa** (Acala-bhūmi) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Lưu Ly Quang** (Vaidūrya-nirbhāsa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Nguyệt Vương** (Candra-rāja) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Nhật Âm** (Sūrya-ghoṣa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tán Hoa Trang Nghiêm** (Mukta-kusuma-pratimaṇḍita-prabha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Cát Tường Phong** (Śrī-kūṭa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Trì Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương** (Sāgara-dhara-buddhi-vikrīḍitābhijña) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Thí Quang** (Vara-prabha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Đại Hương Tượng Quang** (Mahā-gandha-rāja-nirbhāsa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Ly Nhất Thiết Cấu** (?Vyapagata-khīlamala-prati-ghoṣa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Dũng Mạnh Phong** (Śūra-kūṭa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Bảo Quang** (Ratnābhībhāsa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Trì Đa Đức Đắc Thông** (Mahā-guṇa-dhara-buddhi-prāptābhijña) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Quá Nhật Nguyệt Quang** (Candra-sūrya-jihmī-karaṇa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tối Thượng Lưu Ly Quang** (Uttapta-vaidūrya-nirbhāsa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tuệ Hoa Khai Tâm Hạnh Xuất Sinh** (Citta-dhārā-buddhi-saṃkusumitābhyudgata) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Đại Hoa Lâm Thông Vương** (Puṣpāvatīvanarāja-saṃkusumitābhijña) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Nhất Nguyệt Quang** (Ekacandra-prabha) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Phá Vô Minh Hắc Ám** (Avidyāndha-kāra-vidhvamsana-kara) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Trần Châu San Hô Cái** (Mukta-cchitra-pravātasadṛśa) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Tam Thừa Pháp Tự Tại Vương** (Triyāna-dharmesvara-rāja) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Sư Tử Hải Phong Tự Tại Vương** (Simha-sāgara-kūṭesvara-rāja) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Phạm Âm Thanh Tự Tại Vương** (Brahma-svara-nādesvara-rāja) Như Lai

Lại trước Đức Phật ấy có Đức Phật ra đời, tên là **Thế Tự Tại Vương** (Lokesvara) Như Lai (Tathāgata) Ứng (arhate) Chính Đẳng Giác (samyaksambuddha) Minh Hạnh Túc (Vidyācaraṇasaṃpanna) Thiện Thệ (Sugata) Thế Gian Giải (Lokavid) Vô Thượng Sĩ (Anuttara) Điều Ngự Trượng Phu (Puruṣadamyasārathi) Thiên Nhân Sư (Śāstā devānāṃ ca manuṣyānāṃ) Phật Thế Tôn (buddho lokanātha) mà ở trong Pháp, có một vị Bất Sô tên là **Tác Pháp** (Dharmākara: còn dịch là **Pháp Tạng**) là bậc tin hiểu bậc nhất, ghi nhớ rõ bậc nhất, tu hành bậc nhất, tinh tiến bậc nhất, Trí Tuệ bậc nhất, Đại Thừa bậc nhất

Bây giờ vị Bất Sô lìa chỗ ở của mình đi đến trước mặt Đức Phật, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Đức Phật rồi đứng ở một bên. Liền dùng **Già Tha** (Gātha:Kệ) khen sắc diện đoan nghiêm của Đức Phật, lại phát Thệ Nguyện rộng lớn.

Tụng là:

“Như Lai, sắc vi diệu đoan nghiêm

Tất cả Thế Gian không thể bằng

Ánh sáng vô lượng chiếu mười phương

Nhật, Nguyệt, hỏa châu đều sáng gần

Nguyện con được **tiếng Phật** (Buddha-ghoṣa) thanh tịnh

Pháp Âm (Dharma-ghoṣa) tràn khắp vô biên cõi

Tuyên dương Môn **Giới, Định, Tinh Tiến**

Thông đạt Pháp vi diệu thâm sâu

Trí Tuệ rộng lớn, sâu như biển

Nội Tâm trong sạch, dứt trần lao

Vượt qua vô biên Môn nẻo ác

Mau đến Bồ Đề, bờ cứu cánh

Cũng như vô lượng Phật quá khứ

Uy quang chiếu khắp chúng sinh giới

Làm Đại Đạo Sư của quần sinh

Độ thoát già chết, khiến an ổn

Thường hành **Bố Thí** (Dāna) với **Giới** (Śīla), **Nhẫn** (Kṣānti)

Tinh Tiến (Vīrya), **Định** (Dhyāna), **Tuệ** (Prajña), sáu Ba La (Ṣaḍ-pāramitā: sáu Ba La Mật)

Hữu tình chưa độ, khiến được độ

Kẻ đã độ rồi, khiến thành Phật

Con đem tất cả bày cúng dường
Trăm (Śata) ngàn (Sahasra) câu chi (Koṭi) na do tha (Nayuta)
Hằng hà sa số Phật Thế Tôn
Khiến con thành tựu Quả **tịch diệt**
Lại có các cõi Phật (Buddha-kṣetra) mười phương
Luôn phóng ánh sáng chiếu tất cả
Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân
Nguyện con thành tựu lợi quần phẩm
Hết thảy trong vô biên Thế Giới
Chúng sinh các nẻo bị luân hồi
Mau về nước con, nhận khoái lạc
Chẳng lâu đều thành Đạo vô thượng
Nguyện con tinh tiến luôn quyết định
Vận Tâm **Từ** (Maitra-citta) dứt bỏ hữu tình
Độ hết A Tỳ (Avici: Địa ngục A Tỳ), chúng sinh khổ
Hoàng Thệ đã phát, chẳng hề dứt”

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: “Vị **Bật Sơ Tác Pháp** ấy nói Kệ đó xong, liền bạch với Đức **Thế TỰ TẠI VƯƠNG** Như Lai rằng: *Nay con phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề* (Anuttāram-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) *vui cầu Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác* (Abhisambodhukāmaḥ: vui cầu thành Chính Giác). *Nguyện xin Đức Thế Tôn nói Công Đức trang nghiêm của các cõi Phật. Nếu con được nghe, luôn tự tu trì hạnh trang nghiêm quốc thổ*”

Lúc đó Đức Thế TỰ TẠI VƯƠNG Như Lai bảo **Bật Sơ Tác Pháp** ấy rằng: “Ông tự suy nghĩ xem tu phương tiện nào để có thể thành tựu trang nghiêm cõi Phật?”

Bật Sơ bạch rằng: “Trí Tuệ của con kém cõi nên chẳng thể biết thấu Hạnh trang nghiêm quốc thổ! Nguyện xin Đức Như Lai Ứng Chính Biến Tri vì con nói việc trang nghiêm cõi nước của chư Phật”

Thời Đức Thế TỰ TẠI VƯƠNG Như Lai liền tuyên nói tám mươi bốn trăm ngàn câu chi na do tha tướng viên mãn rộng lớn của Công Đức trang nghiêm cõi Phật, trải qua một kiếp mới có thể trọn hết.

Bấy giờ A Nan nghe việc đó xong, liền bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Đức Phật Thế TỰ TẠI VƯƠNG ấy có tuổi thọ dài ngắn thế nào mà nói trải qua một kiếp?”

Đức Phật bảo A Nan: “Đức Phật ấy có thọ mệnh đủ bốn mươi kiếp

Này A Nan! **Bật Sơ Tác Pháp** ấy nghe Đức Phật đã nói tám mươi bốn trăm ngàn câu chi na do tha việc của Công Đức trang nghiêm cõi Phật, hiểu rõ thông đạt như một cõi Phật. Tức thời trong Hội, cúi đầu mặt lễ bàn chân của Đức Phật rồi từ tạ lui ra, đến một nơi thanh tịnh, ngồi một mình, suy nghĩ, tu tập Công Đức trang nghiêm cõi Phật, phát Thệ Nguyện lớn trải qua năm kiếp.

Khi ấy **Bật Sơ Tác Pháp** lại đến chỗ của Đức Thế TỰ TẠI VƯƠNG Như Lai ngự, cúi năm vóc sát đất lễ bàn chân của Đức Thế Tôn. Lễ xong, chấp tay bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Tám mươi bốn trăm ngàn câu chi na do tha Hạnh Nguyện đã hành của Công Đức trang nghiêm cõi Phật như vậy, nay con đã thành tựu”

Thời Đức Thế TỰ TẠI VƯƠNG Như Lai bảo **Bật Sơ** rằng: “Lành thay! Lành thay! Hạnh Nguyện của ông, suy nghĩ rất ráo. Nay đúng là lúc, vì Chúng giải nói”

Khi các **Bồ Tát** nghe Pháp đó xong, được thiện lợi lớn, hay ở cõi Phật tu tập trang nghiêm.

Bấy giờ **Bát Sô Tác Pháp** nghe Thánh Chỉ của Đức Phật, bèn trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, liền tuyên nói: “Bạch Đức Thế Tôn! Con xin phát lời Thề

_Nguyện như Đức Thế Tôn chứng được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề thời cõi Phật đã cư ngụ có đầy đủ vô lượng Công Đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Hết thấy tất cả chúng sinh với cõi Diệm Ma La; Địa Ngục, quỷ đói, súc sinh trong ba đường ác đều sinh về nước của con, nhận Pháp Hóa của con, chẳng lâu đều thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, tất cả đều được thân màu vàng ròng.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh ở mười phương Thế Giới khiến sinh về nước của con, như các cõi Phật, chúng của Người Trời xa lìa phân biệt, các căn vắng lặng, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh ở mười phương Thế Giới khiến sinh về nước của con được Đại Thần Thông, trải qua trong một niệm, tuần tự vòng khắp đi qua trăm ngàn câu chi na cõi Phật, cúng dường chư Phật, gieo trồng sâu căn lành, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh khiến sinh về nước của con, tất cả đều được Túc Mệnh Thông, hay khéo quán sát việc của trăm ngàn câu chi na do tha kiếp quá khứ, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh khiến sinh về nước của con, tất cả đều được Thiên Nhân (Divya-cakṣu) thanh tịnh, hay thấy sắc tướng thô thiện, tinh tế của trăm ngàn câu chi na do tha Thế Giới, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh khiến sinh về nước của con, tất cả đều được Tha Tâm Thông (Paracitta-jñāna:Tha Tâm Trí), khéo hay biết thấu Pháp **Tâm** (citta), **Tâm Sở** (Cetasika) của trăm ngàn câu chi na do tha chúng, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh khiến sinh về nước của con, tất cả đều được trụ địa vị **Chính Tín**, lìa tướng điên đảo, kiên cố tu tập, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh khiến sinh về nước của con, đã tu Chính Hạnh căn lành vô lượng khắp cõi **Viên Tịch** mà không có gián đoạn, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh khiến sinh về nước của con, tuy trụ địa vị của Thanh Văn (Śrāvaka) Duyên Giác (Pratyeka-buddha) đi đến trong trăm ngàn câu chi na do tha cõi báu làm khắp Phật Sự, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh khiến sinh về nước của con, tất cả đều được vô biên quang minh để hay chiếu sáng trăm ngàn câu chi na do tha các cõi nước Phật, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh khiến sinh về nước của con, mạng chẳng bị chết yểu, thọ trăm ngàn câu chi na do tha kiếp, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh khiến sinh về nước của con, không có ai không có tên gọi hiền lành (thiện danh). Nghe vô lượng vô số các cõi nước Phật không có tên gọi, không có tên hiệu, không có tướng, không có hình mà không có nghi ngờ chê bai, thân tâm chẳng động... thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh cầu sinh về nước của con, niệm danh hiệu của con, phát tâm chí thành bền chắc chẳng thoái lui. Khi kẻ ấy mệnh chung thời con khiến vô số vị Bất Sở hiện trước mặt, vây quanh đi đến nghinh đón người ấy, trải qua chốc lát được sinh về nước của con, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy tất cả chúng sinh trong vô lượng vô biên vô số Thế Giới ở mười phương, nghe danh hiệu của con, phát Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta) gieo trồng căn lành, tùy ý cầu sinh vào các cõi nước Phật thì không có ai chẳng được sinh về, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh khiến sinh về nước của con, đều đủ 32 loại tướng Trượng Phu, một đời khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh khiến sinh về nước của con. Nếu có Nguyên lớn mong muốn thành Phật, làm bậc Bồ Tát thì con dùng uy lực khiến kẻ ấy giáo hóa tất cả chúng sinh, đều phát tâm tin, tu hạnh Bồ Đề, hạnh Phổ Hiền, hạnh Tịch Diệt, hạnh Tịnh Phạm, hạnh Tối Thắng với tất cả hạnh lành...thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh khiến sinh về nước của con, ở tất cả chốn, thừa sự cúng dường vô lượng trăm ngàn câu chi na do tha chư Phật, gieo trồng các căn lành (Kusala-mūla), tùy theo ý mong cầu không có gì không mãn nguyện...thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy Bồ Tát trong cõi nước của con đều được thành tựu tất cả Trí Tuệ, khéo đàm luận nghĩa bí yếu của các Pháp, chẳng lâu mau chóng thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thấy Bồ Tát phát tâm dũng mãnh, phát Đại Thần Thông đi đến trong các cõi nước Phật ở vô lượng vô biên vô số Thế Giới dùng trần châu (Maṇi-mukta), Anh Lạc (Mālya), lọng báu (Ratna-cchatra), phướng (Dhvaja), phan (Patāka), quần áo (Cīvara), vật dụng nằm, thức ăn uống, thuốc thang, hương (Gandha), hoa (Puṣpa), kỹ nhạc...cúng dường thừa sự, hướng về (hồi) cầu Bồ Đề, mau được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thấy Bồ Tát phát tâm Đạo lớn, muốn đem trần châu, Anh Lạc, lọng báu, phướng phan, quần áo, vật dụng nằm, thức ăn uống, thuốc thang, hương hoa, kỹ nhạc... thừa sự cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn ở Thế Giới của phương khác mà chẳng thể đi đến. Ngay lúc đó, con dùng Nguyên Lực xưa kia (túc nguyện lực) khiến chư Phật Thế Tôn ở phương khác ấy, đều duỗi cánh tay đến trong nước của con, thọ nhận cúng dường đó, khiến cho kẻ kia mau thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thấy Bồ Tát tùy theo ý ưa thích của mình, chẳng lìa cõi này, muốn đem trần châu, Anh Lạc, lọng báu, phướng phan, quần áo, vật dụng nằm, thức ăn uống, thuốc thang,

hương hoa, kỹ nhạc...cúng dường vô lượng chư Phật ở phương khác. Tiếp lại suy nghĩ “*Như Đức Phật duỗi cánh tay đến đây nhận vật cúng, nhọc nhằn chư Phật khiến cho Ta không có ích lợi*”. Khi tác niệm đó thời con dùng Thần Lực khiến vật cúng này tự đến trước mặt chư Phật ở phương khác, mỗi mỗi cúng dường. Khi ấy Bồ Tát chẳng lâu được thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thấy Bồ Tát có thân dài sáu mươi do tuần (Joyana), được sức mạnh của Na La Diên (Nārāyaṇa), thân tướng đoan nghiêm, quang minh chiếu sáng, đầy đủ căn lành (Kusāla-mūla), thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thấy Bồ Tát vì các chúng sinh, thông đạt Pháp Tạng, an lập vô biên tất cả Trí Tuệ, chặt đứt hết các **Kết** (Oán thù kiếp trước), đều được chứng thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thấy Bồ Tát dùng trăm ngàn câu chi na do tha mọi loại trần bảo tạo làm lò hương, bên dưới từ bờ mé của đất (địa tế), bên trên đến cõi hư không (không giới), thường dùng hương Chiên Đàn (Candana) vô giá xông ướp cúng dường khắp mười phương chư Phật, khiến được mau thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời cõi Phật đã cư ngụ có ánh sáng nghiêm tịnh rộng lớn, trong suốt như tấm gương đều hay chiếu thấy vô lượng vô biên tất cả cõi Phật. Chúng sinh nhìn thấy, sinh tâm hiếm có, chẳng lâu mau thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời con ở cõi báu, hết thấy Bồ Tát, ngày đêm sáu Thời luôn thọ nhận khoái lạc hơn hẳn chư Thiên, nhập vào Môn **Bình Đẳng Tổng Trì**, thân tỏa ánh sáng chiếu khắp vô biên Thế Giới, chẳng lâu được thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy tất cả người nữ trong vô lượng vô biên vô số Thế Giới ở mười phương, nếu có chán lia thân nữ, nghe danh hiệu của con, phát tâm trong sạch, quy y đỉnh lễ. Khi người ấy mệnh chung, liền sinh về nước của con, thành thân người nam, thấy đều khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy Thanh Văn Duyên Giác trong vô lượng vô biên vô số cõi Phật ở mười phương, nghe danh hiệu của con, tu trì **Tịnh Giới** bền chắc chẳng lùi, mau ngồi Đạo Trường thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy tất cả Bồ Tát trong vô lượng vô biên bất khả tư nghị vô đẳng cõi Phật ở mười phương, nghe danh hiệu của con, cúi năm vóc sát đất lễ bái quy mệnh. Lại được tất cả hữu tình trong cõi Người, trên Trời, tôn trọng cung kính, gần gũi phụng sự, tăng ích Công Đức thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh phát tâm Tịnh Tín, vì các Sa Môn, Bà La Môn có áo bị nhiễm mà giặt rửa áo, cắt áo, may áo, sửa làm áo mặc của vị Tăng, hoặc tự tay làm hoặc khiến người làm. Làm xong hồi hướng thì người đó trong 81 đời được áo tối thượng, tùy thân dư đầy, nơi thân cuối cùng sinh vào nước của con, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
QUYÊN THUỶ (Hết)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
QUYỂN TRUNG

Hán dịch : Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tấn Đại Phu Thí Quang Lộc
Khanh_ Minh Giáo Đại Sư (Kẻ bày tôi là) PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

Bấy giờ **Bát Sô Tác Pháp** (Dharma-kara) bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy tất cả chúng sinh nghe danh hiệu của con sẽ lìa hẳn tâm nhiệt nã, được hạnh trong mát, hạnh Chính Tín, được sinh về nước của con, ngồi dưới cây báu, chứng **Vô Sinh Nhẫn** (Anutpattika-kṣānti), thành tựu A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề (Anuttarāṃsamyaksambodhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy các chúng Bồ Tát trong tất cả cõi Phật ở mười phương, nghe danh hiệu của con, ứng thời chứng được Tam Ma Địa **Tịch Tĩnh**. Trụ Định đó xong, ở trong một niệm, được thấy vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn chư Phật Thế Tôn, thừa sự cúng dường, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy Thanh Văn Bồ Tát trong tất cả cõi Phật ở mười phương, nghe danh hiệu của con, chứng Vô Sinh Nhẫn, thành tựu tất cả căn lành bình đẳng, trụ **Vô Công Dụng Ly Gia Hạnh** cho nên chẳng lâu khiến được A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy các chúng Bồ Tát trong tất cả cõi Phật ở mười phương, nghe tên của con xong, sinh tâm hiềm có. Người đó liền được Tam Ma Địa **Phổ Biến Bồ Tát**. Trụ Định này xong, ở trong một niệm, được đến trong vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn các cõi Phật, cung kính tôn trọng cúng dường chư Phật, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy Bồ Tát ở trong nước của con, hoặc vui nói Pháp, hoặc vui nghe Pháp, hoặc hiện **Thần Túc** (Rddhi-prātihārya), hoặc đến phương khác, tùy ý tu tập không có gì chẳng viên mãn, đều khiến chứng được A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề.

_Bạch Đức Thế Tôn! Con được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy tất cả cõi Phật, nghe tên của con, ứng thời liền được **Sơ Nhẫn**, **Nhị Nhẫn** cho đến **Vô Sinh Pháp Nhẫn** (Anutpattika-dharma-kṣānti), thành tựu A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề.

Khi ấy **Bát Sô Tác Pháp** hướng về Đức Phật ấy phát nguyện như vậy xong, nương theo uy thần của Đức Phật, liền nói Tụng là:

Nay con đối trước Phật
Mà phát nguyện thành thật
Được thân Phật **mười lực** (Daśabala)
Uy Đức không gì bằng
Lại làm Đại Quốc Vương
Phú Hào rất tự tại
Rộng đem các tài bảo
Cho khắp chỗ nghèo khổ

Khiến các Quân Sinh ấy
 Đêm dài không ưu não
 Sinh ra mọi căn lành
 Thành tựu Quả Bồ Đề
 _ Nếu con thành Chính Giác
 Lập tên **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)
 Chúng sinh nghe hiệu này
 Đều đến trong nước con
 Như thân Phật vàng ròng
 Diệu Tướng đều viên mãn
 Cũng dùng Tâm **Đại Từ** (Mahā-maitre)
 Lợi ích các quần phẩm
 _ Nguyên con: **Trí Tuệ Quang** (Ánh sáng Trí Tuệ)
 Rộng chiếu cõi mười phương
 Diệt tam tối, tham, sân
 Phiền não của hữu tình
 Địa Ngục, Quỷ, Súc Sinh
 Đều buông khổ ba nẻo (Tam Đò)
 Cũng sinh trong nước con
 Tu tập Hạnh thanh tịnh
 Được thân quang minh ấy
 Như Phật chiếu sáng khắp
 Ánh Nhật (Sūrya), Nguyệt (Candra), ngọc (Maṇi), báu (Ratna)
 Đều chẳng thể sáng bằng
 _ Nguyên con: đời vị lai
 Thường làm **Thầy** Trời Người (Thiên Nhân Sư)
 Trong trăm ức Thế Giới
 Phát tiếng sư tử rống
 Như Phật quá khứ ấy
 Đã hành Hạnh **Từ Mẫn**
 Rộng vô lượng vô biên
 Câu chi các hữu tình
 Viên mãn ước nguyện xưa
 Tất cả đều thành Phật
 _ Phát Đại Nguyên đạo thời
 Ba ngàn cõi Đại Thiên
 Chấn động khắp mười phương
 Người Trời trong hư không
 Rải mưa tất cả hoa
 Chiên Đàn (Candana) với Trầm Thủy
 Xưng tán Đại Bát Sô
 Nguyên Lực rất hiếm có
 Quyết định sẽ làm Phật
 Rộng lợi cõi chúng sinh

Lại nữa A Nan! Khi Bát Sô **Tác Pháp** đối trước Đức Thế TỰ Tại Vương Như Lai
 với Trời (Deva), Người (Maṇuṣya), Ma (Māra), Phạm (Brāhma), Sa Môn (Śramaṇa),
 Bà La Môn (Brāhman), A Tu La (Asura)... phát Nguyên (Praṇidhāna) đó xong, trụ Tuệ
 chân thật, dùng mãnh tinh tiến, tu tập vô lượng Công Đức (Guṇa) trang nghiêm cõi
 Phật, vào Tam Ma Địa (Samādhi), trải qua đại a tăng kỳ kiếp tu Bồ Tát Hạnh

(Bodhisatva-cārya). Chẳng sinh tâm tham (Rāga-citta), tâm giận dữ (Dvesa-citta), tâm ngu si (Moha-citta) cũng không có Dục Tướng (rāga-saṃjña), Sân Tướng (Dvesa-saṃjña), Si Tướng (Moha-saṃjña). Tướng (Saṃjña) của hình chất (Sắc:Rūpa), âm thanh (thanh:Śabda), mùi ngửi (hương:gandha), vị nếm (vị:Rasa), tiếp chạm (xúc:Spraśtavya), tâm chẳng mê loạn, miệng chẳng câng ngọng, thân chẳng lười biếng...chỉ ưa thích nghỉ ngơi căn lành, hành hạnh Tịch Tĩnh mà chư Phật quá khứ đã tu, xa lìa hư vọng, bền chắc giữ Luật Nghi, thường dùng **Ái Ngũ** nhiều ích chúng sinh. Đối với Phật (Buddha) Pháp (Dharma) Tăng (Saṃgha) tin trọng, cung kính, điều thuận, nhu nhuyễn. Y theo Môn **Chân Đế**, thực chứng gốc của Đức. Hiểu thấu: Không (Śūnyatā:Tính trống rỗng), không có Tướng (Vô Tướng: Animitta) , không có Nguyên (Vô Nguyên:Apraṇihita), không có tạo tác luân chuyển (Vô Vi: Abhisamkāra), không có sinh (Vô Sinh:Anutpanna), không có diệt (Vô Diệt: Aniruddha).

Khéo bảo hộ **Khẩu Nghiệp**, chẳng chê trách lỗi của người khác. Khéo bảo hộ **Thân Nghiệp**, chẳng mất Luật Nghi. Khéo bảo hộ **Ý Nghiệp** trong sạch không nhiễm. Hết thầy đất nước, thành, làng xóm, nam, nữ, tôi tớ, quyến thuộc, vàng, bạc, châu báu cho đến nhóm hình chất, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, tiếp chạm...đều không có chỗ dính mắc. Luôn dùng Hạnh của sáu Độ: Bố Thí (Dāna), Trì Giới (Śīla), Nhẫn Nhục (Kṣānti), Tinh Tiến (Vīrya), Thiền Định (Dhyāna), Trí Tuệ (Prajña) lợi lạc chúng sinh. Đầy đủ Quỹ Phạm, viên mãn căn lành. Nơi sinh ra có vô số trăm ngàn câu chi na do tha kho tàng trân bảo từ đất phun ra, nhiếp thọ vô lượng vô số trăm ngàn câu chi na do tha chúng sinh, phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề.

Hạnh như vậy nhiều vô lượng vô biên, nói chẳng thể hết.

Lại nữa A Nan! Lúc Bát Sô **Tác Pháp** hành **Bồ Tát Hạnh** thời ở chỗ của chư Phật: tôn trọng, cung kính, thừa sự, cúng dường chưa từng gián đoạn.

Làm bốn Đại Thiên Vương luôn đến chỗ của Phật cung kính lễ bái thừa sự cúng dường.

Làm Đạo Lợi Thiên Vương luôn đến chỗ của Phật cung kính lễ bái thừa sự cúng dường.

Làm Dạ Ma Thiên Vương, Đâu Suất Thiên Vương, Hóa Lạc Thiên Vương, Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương cho đến hàng Đại Phạm Thiên Vương... luôn đến chỗ của Phật cung kính lễ bái thừa sự cúng dường.

Lại nữa A Nan! Ở cõi Diêm Phù Đề (Jāmbūdvīpa) làm Chuyển Luân Vương nhận địa vị Quán Đỉnh với hàng Đại Thần, Quan tộc... luôn đến chỗ của Phật cung kính lễ bái thừa sự cúng dường.

Như vậy trải qua vô lượng vô số trăm ngàn vạn ức kiếp gần gũi chư Phật, thực chứng gốc của Đức, gom tập A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề

Lại nữa A Nan! Lúc Bát Sô **Tác Pháp** hành **Bồ Tát Hạnh** thời trong miệng thường tuôn ra hương thơm của Chiên Đàn (Candana), các lỗ chân lông trên thân tuôn ra hương thơm của hoa Ưu Bát La (Utpāla). Hương thơm ấy xông ướp khắp vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn na do tha trăm ngàn do tuần, hữu tình ngửi được hương thơm này đều phát tâm A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề.

Lại nữa A Nan! Lúc Bát Sô **Tác Pháp** hành **Bồ Tát Hạnh** thời sắc tướng đoan nghiêm, 32 tướng, 80 chủng tử thấy đều đầy đủ. Lại dùng tất cả trân bảo trang nghiêm hai cánh tay. Trong bàn tay luôn tuôn ra tất cả quần áo, tất cả thức ăn uống, tất cả phương phạn, tất cả dù lọng, tất cả âm nhạc cho đến tất cả vật cần dùng tối thượng, lợi lạc tất cả chúng sinh, khiến phát tâm A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề”.

Bấy giờ A Nan nghe Đức Phật nói về Hạnh Bồ Tát của Bát **Sô Tác Pháp** ấy, liền bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Bát **Sô Tác Pháp** là Phật quá khứ đó ư? Phật vị lai ư? Phật hiện tại ư?”

Đức Thế Tôn bảo rằng: “Đức Phật Như Lai ấy, đến không có chỗ đến, đi không có nơi đi, không có sinh, không có diệt, chẳng phải quá khứ vị lai, chỉ dùng **Nguyện báo mời** (酬願:Thù Nguyện) để độ sinh.

Hiện tại ở phương Tây cách cõi Diêm Phù Đề trăm ngàn câu chi na do tha cõi Phật, có Thế Giới tên là **Cực Lạc** (Sukhāvatī), Đức Phật tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) thành Phật đến nay đã mười kiếp, có vô lượng vô số Bồ Tát Ma Ha Tát với vô lượng vô số chúng Thanh Văn cung kính vây quanh để nghe nói Pháp. Ánh sáng của Đức Phật ấy chiếu suốt hằng hà sa số trăm ngàn câu chi na do tha chẳng thể xưng lường cõi Phật ở phương Đông. Như vậy các phương: Nam, Tây, Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới cũng lại như vậy

Lại nữa A Nan! Đức Phật Vô Lượng Thọ ấy, hoặc hóa ánh sáng tròn trịa, hoặc một do tuần, hai do tuần, ba do tuần, hoặc trăm do tuần, trăm ngàn do tuần, hoặc câu chi na do tha trăm ngàn do tuần cho đến tràn đầy khắp vô lượng vô biên vô số cõi Phật.

Lại nữa A Nan! Nay ánh sáng này có tên gọi là: ánh sáng không có lượng (Vô Lượng Quang:Amita-prabha), ánh sáng không có ngại (Vô Ngại Quang:Apratihata-prabha), ánh sáng thường chiếu (Thường Chiếu Quang), ánh sáng chẳng trống rỗng (Bất Không Quang:Amogha-prabha), ánh sáng lợi ích (Lợi Ích Quang:Anuśamsa-prabha), ánh sáng yêu thích (Ái Lạc Quang:Premanīya-prabha), ánh sáng an ổn (An Ổn Quang:Uposanīya-prabha), ánh sáng giải thoát (Giải Thoát Quang:Vimukta-prabha), ánh sáng không có ngang bằng (Vô Đẳng Quang:Atulya-prabha), ánh sáng chẳng thể nghĩ bàn (Bất Tư Nghị Quang:Acintya-prabha), ánh sáng hơn hẳn mặt trời mặt trăng (Quá Nhật Nguyệt Quang), ánh sáng đoạt tất cả Thế Gian (Đoạt Nhất Thiết Thế Gian Quang), ánh sáng trong sạch không dơ (Vô Cấu Thanh Tịnh Quang:Amala-suddha-prabha).

Ánh sáng như vậy chiếu khắp tất cả Thế Giới ở mười phương. Hàng Trời (Deva), Rồng (Nāga), Dược Xoa (Yakṣa), Càn Thát Bà (Gandharva), A Tu La (Asura), Ca Lâu La (Garuḍa), Khẩn Na La (Kinnara), Ma Hầu La Già (Mahoraga), Người (Manuṣya), Phi Nhân (Amanuṣya)...thấy ánh sáng này, phát Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta), được lợi lạc”.

Đức Phật bảo A Nan: “Ta trụ một kiếp, nói Công Đức lợi ích của ánh sáng này cũng chẳng thể hết.

Lại nữa A Nan! Đức Vô Lượng Thọ Như Lai có trăm (Śata), ngàn (Sahasra), vạn (Hrabheda), mười vạn (Hrabheda-daśa), trăm vạn (Hrabheda-śata), một câu chi (Koṭi), trăm câu chi (Koṭi-śata), ngàn câu chi (Koṭi-sahasra), khẩn na la số (Kamkara), tần bà la số (Bimbara, na do tha số (Nayuta), a do tha số (Akṣobhya), tỷ bà ha số (Vivāha), phộc sa na số (Vāhana), nhương già số (Gaṇya), a tăng kỳ số (Asaṅkya), mười a tăng kỳ số (Asaṅkya-daśa), trăm a tăng kỳ số (Asaṅkya-śata), ngàn a tăng kỳ số (Asaṅkya-sahasra), trăm ngàn a tăng kỳ số (Asaṅkya-śata-sahasra), a ma nê dã số (Amāpya), bất khả tư nghị số (Acintya) như vậy... Vô lượng vô số chúng Thanh Văn như vậy mà ví dụ, tính đếm con số cũng chẳng thể theo kịp

Này A Nan! Đại Mục Kiền Liên ấy là bậc Thần Thông đệ nhất, hết thấy tất cả đồng nam đồng nữ trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, chỉ một ngày đêm ắt biết số đó. Giả sử sức Thần Thông của trăm ngàn câu chi Thanh Văn đều như Đại Mục Kiền Liên, lại mỗi một vị Thanh Văn sống đến trăm ngàn câu chi na do tha tuổi, hết số Thọ Mệnh ấy thì vị Thanh Văn kia, trong trăm phần chẳng theo kịp một phần.

Lại nữa A Nan! Ví như biển lớn, sâu tám vạn bốn ngàn do tuần, rộng rãi vô biên. Giả sử có người lấy một sợi lông trên thân, chẻ vụn làm trăm câu chi, tinh tế như hạt bụi nhỏ. Dem mỗi một hạt bụi ném vào nước của biển thì nước trên hạt bụi có hình lượng cũng thế, như vậy ném hết số bụi của sợi lông. Ý ông thế nào? Nước thuộc bụi nhỏ của sợi lông nhiều hơn, hay nước trong biển lớn nhiều hơn?”

A Nan bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nước thuộc bụi nhỏ của sợi lông chưa tới nửa hớp, còn nước biển thì nhiều vô lượng”

Đức Phật bảo A Nan: “Chúng Thanh Văn thuộc nhóm Mục Kiền Liên ấy, hết tuổi thọ của thân ấy, đếm biết số đó như nước thuộc bụi nhỏ của sợi lông, còn con số chưa đếm hết thì như nước trong biển. Như vậy Đức Phật ấy có số đệ tử Thanh Văn nhiều vô lượng chẳng thể tính đếm được.

Lại cõi nước Phật ấy giàu có vô lượng, chỉ thọ nhận khoái lạc, không có mọi khổ đau, không có Địa Ngục (Niraya), Quỷ đói (Preta), súc sinh (Tiryagyonī) cõi Diêm Ma La (Yāma-loka-dhātu) với quả báo của tám nạn. Chỉ có chúng Bồ Tát Ma Ha Tát thanh tịnh với Thanh Văn.

Lại nữa A Nan! Cõi nước Phật ấy có mọi loại cột trụ báu đều đem trăm ngàn trân bảo dùng để trang nghiêm. Ấy là cột trụ làm bằng vàng (Suvarṇa), cột trụ làm bằng bạc (Rūpya), cột trụ làm bằng lưu ly (Vaidūrya), cột trụ làm bằng pha lê (Sphaṭika), cột trụ làm bằng trân châu (Lohita-mukta: Xích châu), cột trụ làm bằng xà cừ (Musāra-galva), cột trụ làm bằng mã não (Aśma-garbha)

Lại có cột trụ làm bằng hai thứ báu là vàng và bạc. Cột trụ làm bằng ba thứ báu là vàng, bạc, lưu ly. Cột trụ làm bằng bốn thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Cột trụ làm bằng năm thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu. Cột trụ làm bằng sáu thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xà cừ. Cột trụ làm bằng bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xà cừ, mã não.

Lại nữa A Nan! Cõi nước Phật ấy lại có mọi loại cây báu (Ratna-vṛkṣa) với rễ, thân, cành, gốc do vàng ròng tạo thành; hoa, lá, quả trái do bạc trắng hóa làm

Cũng có cây báu với rễ, thân, cành, gốc do bạc trắng tạo thành; hoa, lá, quả trái do lưu ly hóa làm

Cũng có cây báu với rễ, thân, cành, gốc do lưu ly tạo thành; hoa, lá, quả trái do pha lê hóa làm

Cũng có cây báu với rễ, thân, cành, gốc do pha lê tạo thành; hoa, lá, quả trái do trân châu hóa làm

Cũng có cây báu với rễ, thân, cành, gốc do trân châu tạo thành; hoa, lá, quả trái do xà cừ hóa làm

Cũng có cây báu với rễ, thân, cành, gốc do xà cừ tạo thành; hoa, lá, quả trái do mã não hóa làm

Cũng có cây báu với rễ, thân, cành, gốc do mã não tạo thành; hoa, lá, quả trái do vàng ròng hóa làm

Cũng có cây báu với vàng ròng làm rễ (Mūla), bạc trắng làm thân (Skandha), lưu ly làm cành (Śākha), pha lê làm ngọn (Viṭapa), trân châu làm lá (Patra), xà cừ làm hoa (Puṣpa), mã não làm quả (Phala).

Cũng có cây báu với bạc trắng làm rễ, lưu ly làm thân, pha lê làm cành, trân châu làm ngọn, xà cừ làm lá, mã não làm hoa, vàng ròng làm quả.

Cũng có cây báu với lưu ly làm rễ, pha lê làm thân, trân châu làm cành, xà cừ làm ngọn, mã não làm lá, vàng ròng làm hoa, bạc trắng làm quả.

Cũng có cây báu với pha lê làm rễ, trân châu làm thân, xà cừ làm cành, mã não làm ngọn, xà cừ làm lá, mã não làm hoa, vàng ròng làm quả.

Cũng có cây báu với trân châu làm rễ, xà cừ làm thân, mã não làm cành, vàng ròng làm ngọn, bạc trắng làm lá, lưu ly làm hoa, pha lê làm quả.

Cũng có cây báu với xà cừ làm rễ, mã não làm thân, vàng ròng làm cành, bạc trắng làm ngọn, lưu ly làm lá, pha lê làm hoa, trân châu làm quả.

Cũng có cây báu với mã não làm rễ, vàng ròng làm thân, bạc trắng làm cành, lưu ly làm ngọn, pha lê làm lá, trân châu làm hoa, xà cừ làm quả.

Như vậy Thế Giới Cực Lạc có bảy báu tạo thành cây (Vṛkṣa)

Lại nữa A Nan! Cõi nước Phật ấy trong sạch, nghiêm sức, rộng rãi, bằng phẳng, không có núi thuộc nhóm gò đồng, hầm hố, chỗ hõm sâu, đường đi gai góc hiểm trở, bãi cát, đá vụn, đất , đá...núi đen (Hắc Sơn:Kāla-parvata), núi tuyết (Tuyết sơn:Hīmalāya-parvata), núi báu (Bảo Sơn:ratna-parvata), núi vàng (Kim Sơn:Varṇa-parvata), núi Tu Di (Sumeru-parvata), núi Thiết Vi (Cakra-vālā-parvata), núi Đại Thiết Vi (Mahā-cakra-vālā-parvata)... chỉ dùng vàng ròng làm đất”

Bấy giờ A Nan nghe lời đó xong, liền bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Hàng Tứ Đại Thiên Vương (Cātur-māhā-rāja-deva), Đạo Lợi Thiên (Trayāstrimśa-deva:Tam Thập Tam Thiên) y theo Tu Di Sơn Vương để trụ còn hàng Dạ Ma Thiên (Yāma-deva) sẽ y theo đâu mà trụ (Praṣṭhita)?”

Đức Phật bảo A Nan: “Dạ Ma (Yāma), Đâu Suất (Tuṣita) cho đến tất cả chư Thiên của cõi Sắc (Rūpa-dhātu), Vô Sắc (Arūpa-dhātu) đều y theo Không Giới (Ākāśa-dhātu) mà trụ

A Nan bạch rằng: “Không Giới không có ngăn ngại thì làm sao mà trụ ? Nghiệp Nhân, Quả Báo chẳng thể nghĩ bàn”

Đức Phật bảo A Nan: “Quả báo của thân ông cũng chẳng thể nghĩ bàn, Nghiệp Báo của chúng sinh cũng chẳng thể nghĩ bàn, Thánh Lực của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn. Cõi nước Phật ấy tuy không có biển lớn nhưng có suối, sông, chồn chồn giao lưu. Nước của suối sông ấy hoặc rộng mười do tuần, hai mươi do tuần, ba mươi do tuần cho đến trăm ngàn do tuần... sâu mười hai do tuần. Nước ấy trong sạch, có đủ tám Công Đức, phát ra tiếng vi diệu ví như tiếng của trăm ngàn vạn loại âm nhạc tràn khắp các cõi Phật, tất cả chúng sinh nghe thấy đều ưa thích, được đại khoái lạc.

Lại hai bên bờ nước ấy lại có vô số cây Chiên Đàn Hương, cây Cát Tường Quả, hoa cỏ luôn thơm tho, tỏa quang minh chiếu sáng. Nếu chúng sinh ấy đi qua nước này thời yêu cầu nước cao đến bàn chân, yêu cầu nước cao đến đầu gối cho đến yêu cầu nước cao đến cổ, hoặc yêu cầu nước mát lạnh, nước ấm áp, nước tuôn chảy gấp rút, nước tuôn chảy thông thả...thì nước ấy mỗi mỗi tùy theo ý của chúng sinh, khiến nhận được khoái lạc

Lại ở trong nước phát ra mọi loại tiếng (thanh:Śabda) như: Tiếng Phật (Buddha-śabda), tiếng Pháp (Dharma-śabda), tiếng Tăng (Saṃgha-śabda), tiếng ngưng nghỉ (chỉ tức thanh:Māvenika-śabda), tiếng không có Tính (vô tính thanh), tiếng Ba La Mật (Pāramitā-śabda), tiếng Lực (Bala-śabda), tiếng không có sợ hãi (Vô úy thanh:Abhaya-śabda), tiếng thông đạt (Vaiśarāḍya-śabda), tiếng không có lưu chuyển biến đổi (vô hành thanh: Asaṃskāra-śabda), tiếng không có sinh (Anutpāda-śabda), tiếng không có diệt (Nirodha-śabda), tiếng vắng lặng (tịch tĩnh thanh:Sānta-śabda), tiếng Đại Từ (Mahā-maitrī-śabda), tiếng Đại Bi (Mahā-kāruṇa-śabda), tiếng Hỷ Xả (Mudita-upekṣa-śabda), tiếng Quán Đỉnh (Abhiṣeka-śabda)...

Lại cõi Phật ấy, người sinh trong cõi đó chẳng nghe tiếng Địa Ngục, tiếng quỷ đói, tiếng súc sinh, tiếng Dạ Xoa, tiếng đấu tranh, tiếng miệng nói ác (Ác khẩu thanh), tiếng hai lưỡi, tiếng sát sinh, tiếng trộm cắp, tất cả tiếng ác. Chúng sinh ấy có sắc tướng đoan nghiêm, Phước Đức vô lượng, Trí Tuệ hiểu thấu, Thần Thông tự tại, cung điện, lầu gác, vườn, rừng, ao hồ, quần áo, vật dùng để nằm...như vật dụng tối thượng của Tha Hóa Tự Tại Thiên (Paranirmita-vāsa-vartino-deva), tất cả được đầy đủ.

Lại nữa A Nan! Chúng sinh của cõi ấy nghĩ đến nhóm hương hoa, muôn cúng chư Phật. Lúc tác niệm đó thời hoa, hương, Anh Lạc, hương xoa bôi, hương bột, phurong, phan, dù lọng với các kỹ nhạc...tùy theo ý liền đến, tràn đầy trong cõi Phật.

Nếu nghĩ đến nhóm thức ăn uống, thuốc thang, quần áo, vật dùng để nằm, mào đội đầu, vòng đeo tai, trâm châu, lưới mảnh...thì tùy theo niệm liền đến, cũng đầy khắp cõi Phật.

Lại nữa, nghĩ đến nhóm báu Ma Ni trang nghiêm cung điện, lầu gác, gian phòng chính giữa nhà, mái hiên, buồng, cửa...hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc cao hoặc thấp. Khi niệm như vậy thời tùy theo ý hiện ra trước mặt, không có gì không đầy đủ.

Lại nữa A Nan! Ví như có người có ít tài bảo, đối với vị vua Sát Đế Lợi đã nhận địa vị Quán Đỉnh (Rājāścakravartin) thì hết thấy uy thế thấy đều chẳng hiện.

Lại Sát Đế Lợi đối trước mặt Thiên Đế Thích (Śakra-devānām-indra) thì hết thấy uy thế thấy đều chẳng hiện

Lại Thiên Đế Thích đối trước mặt Tha Hóa Tự Tại Thiên (Paranirmita-vāsa-vartino-deva) thì hết thấy uy thế thấy đều chẳng hiện

Lại tất cả uy thế của Tha Hóa Tự Tại Thiên với cõi Sắc (Rūpa-dhātu), Vô Sắc (Arūpa-dhātu) đối trước cõi nước Cực Lạc (Sukhāvatī) của Đức Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitāyus-tathāgata) thấy đều chẳng hiện. Như vậy cõi đó có Công Đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa A Nan! Cõi nước Phật ấy, mỗi khi ăn thời gió thơm tự khởi, thổi động cây báu, cây cùng đụng chạm nhau phát ra âm thanh vi diệu, diễn nói Khổ (Duḥkha), Không (Śūnya), Vô Thường (Anitya), Vô Ngã (Anātman), các Ba La Mật (Pāramitā). Lại thời hoa của cây rơi xuống ở trên mặt đất, vòng khắp cõi Phật, cao khoảng bằng bảy người, bằng phẳng trang nghiêm, mềm mại, sáng tinh khiết. Hành Nhân đi lại, bàn chân bước vào đất ấy sâu bốn ngón tay như Ca Lân Na (kācilindika) tiếp chạm thân an vui. Sau khi qua giờ ăn thời các hoa báu ẩn vào lòng đất chẳng hiện, trải qua phút chốc lại có gió sinh, thổi cây rơi hoa bày trên mặt đất, như trước không khác. Đầu đêm sau đêm cũng lại như vậy

Lại nữa A Nan! Cõi nước Phật ấy không có tối đen như thế, không có Tinh (Nakṣatra:sao Tú) Diệu (Graha:sao Diệu) như thế, không có mặt trời (Sūrya) mặt trăng (Candra) như thế, không có ngày đêm như thế, không có lấy bỏ như thế, không có phân biệt như thế... thuần nhất không có tạp, chỉ thọ nhận sự trong sạch, khoái lạc tối thượng

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện hoặc đã sinh hoặc sẽ sinh thời người đó quyết định chứng A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Ý ông thế nào? Trong cõi Phật ấy không có ba thứ bị mất. Một là Tâm không có hư vọng, hai là địa vị không có thoái chuyển, ba là tốt lành không có hư mất.

Lại nữa A Nan! Phương Đông có chư Phật Như Lai của hằng hà sa số Thế Giới, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng, nói lời thành thật, khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Phương Nam cũng có chư Phật Như Lai của hằng hà sa số Thế Giới, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng, nói lời thành thật, khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Phương Tây cũng có chư Phật Như Lai của hằng hà sa số Thế Giới, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng, nói lời thành thật, khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Phương Bắc cũng có chư Phật Như Lai của hằng hà sa số Thế Giới, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng, nói lời thành thật, khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Như vậy, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới...chư Phật Như Lai của hằng hà sa số Thế Giới, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng, nói lời thành thật, khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

_Này A Nan! Ý ông thế nào? Muốn khiến chúng sinh nghe tên của Đức Phật ấy, phát ra tiếng, tịnh tâm nhớ nghĩ, thọ trì, quy y, cúng dường cầu sinh về cõi ấy. Người đó mệnh chung đều được sinh về Thế Giới Cực Lạc, chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Lại nữa A Nan! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nghe Kinh Điển này rồi thọ trì, đọc tụng, viết chép, cúng dường, ngày đêm liên tục cầu sinh về nước ấy. Khi người đó lâm chung thời Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cùng với các Thánh Chúng hiện ngay trước mặt kẻ ấy, trải qua phút chốc, liền được sinh về Thế Giới Cực Lạc, chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Lại nữa A Nan! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện phát Tâm Bồ Đề xong, trì Cấm Giới giữ gìn bền chắc chẳng phạm, nhiều ích hữu tình, căn lành đã làm đều ban cho hết khiến được an vui, nhớ nghĩ Đức Vô Lượng Thọ Như Lai với cõi nước của Ngài ở phương Tây. Người đó mệnh chung như sắc tướng của Đức Phật với mọi loại trang nghiêm sinh trong cõi nước báu, có Hiền Thánh vây quanh, mau được nghe Pháp, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

_Lại nữa A Nan! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện phát mười loại Tâm. Ấy là:

- 1_ Chẳng trộm cắp (Adattādānādvirati)
- 2_ Chẳng sát sinh (Pāṇātipātā-ṭivirati)
- 3_ Chẳng dâm dục (Kāmaṁthyācārādvirati)
- 4_ Chẳng nói dối (Mṛṣāvādātvirati)
- 5_ Chẳng nói thêu dệt (Saṁbinnapralāpātpativirati)
- 6_ Chẳng nói ác (Pāruṣyātpativirati)
- 7_ Chẳng nói hai lưỡi (Paisunyātvirati)
- 8_ Chẳng tham lam (Abhidhyāyāḥ-ativirati)
- 9_ Chẳng giận dữ (Vyāpādātpativirati)
- 10_ Chẳng si mê (Mithyādr̥ṣṭi-ativirati : chẳng Tà Kiến. Không có những ý niệm, kiến giải sai lầm)

Như vậy ngày đêm suy nghĩ về Thế Giới Cực Lạc, Đức Phật Vô Lượng Thọ, mọi loại Công Đức, mọi loại trang nghiêm...chí tâm đỉnh lễ, cúng dường. Người đó lâm chung, chẳng sợ hãi, tâm chẳng điên đảo liền được sinh về cõi nước Phật ấy, có vô lượng vô số các Phật Thế Tôn khen ngợi Công Đức, danh hiệu của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Nghe Pháp đó xong, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
QUYÊN TRUNG (Hết)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM _QUYỀN HẠ_

Hán dịch : Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc
Khanh_ Minh Giáo Đại Sư (Kẻ bầy tôi là) PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

Lại nữa A Nan! Hằng hà sa số cõi Phật ở phương Đông, trong mỗi một cõi có vô lượng vô số Bồ Tát Ma Ha Tát với vô lượng vô số chúng Thanh Văn đem các hương, hoa, phướng, phan, lọng báu...cầm giữ dùng cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Thế Giới Cực Lạc.

Hằng hà sa số cõi Phật ở phương Nam, trong mỗi một cõi cũng có vô lượng vô số Bồ Tát Ma Ha Tát với vô lượng vô số chúng Thanh Văn đem các hương, hoa, phướng, phan, lọng báu...cầm giữ dùng cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Thế Giới Cực Lạc.

Hằng hà sa số cõi Phật ở phương Tây, trong mỗi một cõi cũng có vô lượng vô số Bồ Tát Ma Ha Tát với vô lượng vô số chúng Thanh Văn đem các hương, hoa, phướng, phan, lọng báu...cầm giữ dùng cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Thế Giới Cực Lạc.

Hằng hà sa số cõi Phật ở phương Bắc, trong mỗi một cõi cũng có vô lượng vô số Bồ Tát Ma Ha Tát với vô lượng vô số chúng Thanh Văn đem các hương, hoa, phướng, phan, lọng báu...cầm giữ dùng cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Thế Giới Cực Lạc.

Bốn phương bàng, phương trên, phương dưới cũng lại như vậy, đều lễ bàn chân của Đức Phật xong, khen ngợi Công Đức trang nghiêm của cõi Phật

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói Tụng rằng:

_Phương Đông: hằng hà sa Thế Giới

Trong mỗi một cõi có vô số

Bồ Tát, Thanh Văn phát Thắng Tâm

Đều đem nhóm hương hoa, lọng báu...

Cầm đến trong cõi Phật trang nghiêm

Cúng dường Như Lai **Vô Lượng Thọ**

Cúng xong, lễ chân Phật, khen ngợi

Ruộng Phước lớn tới thượng hiem có.

_Như vậy Tây, Nam với phương Bắc

Bốn góc, trên, dưới hằng hà sa cõi

Số Thanh Văn, Bồ Tát cũng thế

Đều dùng hương hoa bày cúng dường

Lễ chân, nhiễu quanh, ôm Kính Ái

Lại khen Như Lai: **Túc Nguyên** (Nguyên trong đời trước) sâu

Gom chứa Công Đức, trang nghiêm khắp

Vô lượng vô biên nước Cực Lạc

_Các cõi nước Phật tuy nghiêm sức

Khó sánh cõi báu của Như Lai

Lại dùng hoa Trời cúng dường Phật

Hoa giãn trong Không, làm dù lọng

Cao rộng khoảng bằng trăm do tuần
 Sắc tướng trang nghiêm không gì sánh
 Trần khắp cõi báu của Như Lai
 Trợ nhau chúc mừng, sinh vui vẻ
 Từng ở trăm ngàn kiếp quá khứ
 Gom chứa vô lượng mọi căn lành
 Buông thân ba Hữu (3 cõi) trong luân hồi
 Khiến đến cõi thanh tịnh giải thoát
 _Bấy giờ Đức Phật Vô Lượng Thọ
 Hóa Đạo phương khác, Tâm Bồ Tát
 Ngắm dùng Thân Thông hóa đại quang (ánh sáng to lớn)
 Ánh sáng từ điện môn tuôn ra
 Ba mươi sáu ức na do tha
 Chiếu khắp câu chi ngàn cõi Phật
 Như vậy Người, Trời...chiếu khắp xong
 Liền vào trong đỉnh kế Như Lai
 _Thời tất cả chúng sinh trong Hội
 Kính khen **Phật Quang** chưa từng có
 Mỗi mỗi đều phát Tâm Bồ Đề
 Nguyên rời trần lao, lên bờ kia (bờ giải thoát)

Khi ấy Đức Thế Tôn nói Kệ này xong thời trong Hội có Bồ Tát **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về Đức Phật, rồi nói lời này: “Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà ở điện môn của Đức Phật Vô Lượng Thọ phóng ra vô lượng ánh sáng chiếu các cõi Phật? Nguyên xin Đức Thế Tôn phương tiện giải nói, khiến cho các chúng sinh với Bồ Tát của phương khác, nghe lời đó xong, sinh tâm hiềm có nơi Phật Bồ Đề, chí vui hướng cầu vào địa vị **Bất Thoái**”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Quán Tự Tại rằng: “Nay ông hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông nói. Đức Phật Như Lai ấy, trước kia ở vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp quá khứ, khi còn làm Bồ Tát thời phát lời Thệ lớn rằng: *“**Khi Ta ở đời vị lai, thành Chính Giác thời, nếu có vô lượng chúng sinh trong mười phương Thế Giới, nghe danh hiệu của Ta, hoặc đảnh lễ nghĩ nhớ, hoặc khen ngợi quy y, hoặc dùng nhóm hương hoa cúng dường thì chúng sinh như vậy mau sinh về nước của Ta, thấy ánh sáng này liền được giải thoát. Nếu các Bồ Tát thấy ánh sáng này, liền được Thọ Kỳ, chứng địa vị Bất Thoái. Tay cầm hương hoa với các vật cúng đi đến vô biên cõi Tịnh ở mười phương Thế Giới, cúng dường chư Phật rồi làm việc Phật, tăng ích Công Đức. Trải qua phút chốc lại quay về cõi của mình, thọ nhận các khoái lạc**”*

Chính vì thế cho nên, ánh sáng lại nhập vào đỉnh đầu của Đức Phật.

Lại nữa A Nan! Hết thấy cây Bồ Đề (Bodhi-vṛkṣa) của Đức **Vô Lượng Thọ** Phật Ứng Chính Đẳng Giác, cao một ngàn sáu trăm do tuần, cành lá bốn bên tỏa rộng tám trăm do tuần, rễ cắm sâu vào lòng đất năm trăm do tuần, hoa quả xum xuê tươi tốt, tạo màu sắc của vô lượng trăm ngàn trân bảo. Ở trên cây ấy lại dùng báu Nguyệt Quang Ma Ni (Candra-bhāsa-maṇi-ratna), báu Đế Thích Ma Ni (Śakrābhilagna-maṇi-ratna), báu Như Ý Ma Ni (Cintāmaṇi-ratna), báu Trì Hải Ma Ni (Sāgara-vara-maṇi-ratna), báu Đại Lục (), báu Sa Tát Đế Ca (Sphaṭika-ratna), Ái Bảo anh lạc (Ratna-hāra), Đại Lục Bảo Anh Lạc (), Hồng trân châu anh lạc (Lohita-muktā-hāra), Thanh trân châu anh lạc (Nīla-muktā-hāra) với vàng, bạc, lưới báu... mọi loại trang nghiêm

Lại nữa A Nan! Vào mỗi buổi sáng thời gió thơm tự khởi, thổi cây báu này, cây va chạm lẫn nhau phát ra âm thanh vi diệu. Tiếng ấy vang khắp vô lượng Thế Giới, chúng sinh nghe được, không có bệnh về lỗ tai cho đến thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Nếu có chúng sinh nhìn thấy cây này cho đến thành Phật, ở khoảng giữa ấy, chẳng sinh bệnh về mắt.

Nếu có chúng sinh ngửi được mùi thơm của cây này cho đến thành Phật, ở khoảng giữa ấy, chẳng sinh bệnh về mũi.

Nếu có chúng sinh ăn quả của cây này cho đến thành Phật, ở khoảng giữa ấy, lưỡi cũng không có bệnh.

Nếu có chúng sinh được ánh sáng của cây này chiếu chạm, cho đến thành Phật, ở khoảng giữa ấy, thân cũng không có bệnh.

Nếu có chúng sinh quán tưởng cây này cho đến thành Phật, ở khoảng giữa ấy, tâm được trong sạch, xa lìa bệnh phiền não thuộc nhóm Tham.

Đức Phật bảo A Nan: “Như vậy hoa quả cây cối của cõi Phật ấy cho các chúng sinh để làm việc Phật, đều là nơi nhiếp thọ thuộc Đại Nguyên quá khứ của Đức Phật ấy.

Lại nữa A Nan! Trong cõi Phật ấy, hết thảy đời hiện tại với vị lai, tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát, một đời khiến được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Nếu có Bồ Tát do Nguyên đời trước cho nên đi vào cõi sinh tử, tác tiếng rống của sư tử (Simha-nāda) lợi ích hữu tình thì Ta khiến cho tùy theo ý mà làm việc Phật.

Lại nữa A Nan! Trong cõi Phật ấy, tất cả Bồ Tát với các Thanh Văn đều có thân tướng đoan nghiêm, hào quang tròn trịa sáng rực, xoay vòng chiếu sáng trăm ngàn do tuần. Có hai vị Bồ Tát có ánh sáng của thân chiếu xa đến ba ngàn Đại Thiên Thế Giới”

A Nan bạch rằng: “Hai vị Bồ Tát có ánh sáng của thân to lớn này, có tên gọi thế nào?”

Đức Phật bảo A Nan: “Hai vị Bồ Tát, vị thứ nhất tên là **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara), vị thứ hai tên là **Đại Tinh Tiến** (Mahā-sthāmaprāpta: **Đắc Đại Thế**, hay **Đại Thế Chí**). Hiện cư ngụ tại cõi này làm lợi lạc lớn, sau khi mệnh chung sẽ sinh vào nước ấy.

Lại nữa A Nan! Trong cõi Phật ấy, tất cả Bồ Tát có dung mạo nhu hòa, đầy đủ tướng tốt, Thiên Định Trí Tuệ thông đạt không có ngăn ngại, Thần Thông Uy Đức không có gì chẳng viên mãn, vào sâu Pháp Môn được **Vô Sinh Nhẫn**, thấu tỏ cứu cánh Bí Tạng của chư Phật, điều phục các Căn, thân tâm mềm mại, an trụ **Tịch Tĩnh Đại Thừa Niết Bàn**, vào sâu Chính Tuệ, không có học lại điều khác, y theo chỗ hành của Phật là **bấy Giác Thánh Đạo**, tu hành năm loại mắt, chiếu **Chân** đạt **Tục**, biện tài tổng trì tự tại không ngại, khéo hiểu vô biên phương tiện của Thế Gian, nói năng thành thật, vào sâu **Nghĩa Vị**, độ các hữu tình diễn nói Chính Pháp, ba cõi bình đẳng lìa các phân biệt, không có tướng (vô tướng), không có hành động tạo ứng (vô vi), không có Nhân, không có Quả, không có lấy, không có bỏ, không có cột trói, không có mở thoát, xa lìa điên đảo, bền chắc chẳng động như núi Tu Di, Trí Tuệ sáng tỏ như ánh sáng của mặt trời mặt trăng, rộng lớn như biển tuôn ra báu Công Đức, sáng rực như lửa thiêu đốt củi phiền não, nhẫn nhục như đất tất cả bình đẳng, trong sạch như nước tẩy rửa các bụi dơ.

Như hư không vô biên, chẳng che lấp tất cả. Như hoa sen rời khỏi nước, lìa tất cả nhiễm. Như tiếng dội lại của sấm sét, phát ra Pháp Âm. Như mây kéo mù mịt, tuôn cơn mưa Pháp. Như gió lay động cây, phát ra mầm giống Bồ Đề. Như tiếng của vua bò (ngưu vương) khác với mọi con bò. Như uy của rồng voi (long tượng), khó thể đo lường được. Như ngựa thuần tốt, chuyên chở không có mất mát. Như sư tử ngồi, lìa sự sợ hãi. Như cây **Ni Câu** che rợp hết thảy. Như núi Tu Di, tám gió chẳng động. Như

chày Kim Cương phá núi tà bậy. Như thân Phạm Vương sinh ra Phạm Chúng. Như Kim Xí Điều ăn nuốt rồng độc. Như chim trong hư không, không có chỗ trụ. Như **Từ Thị** (Maitre) quán nhóm Pháp Giới (Dharma-dhātu).

Bồ Tát như vậy đầy khắp cõi Phật, thối loa Pháp, dựng phướng Pháp, đánh trống Pháp, thấp đèn Pháp, lia lỏi lằm, trong sạch, không mê, không mất. Trong bàn tay sinh ra Hoa Man, Anh Lạc, hương xoa bôi, hương bột, tất cả vật cúng...cầm giữ đi đến trăm ngàn câu chi na do tha cõi Phật, cúng dường chư Phật.

Lại ở trong bàn tay, riêng hiện ra hoa báu rải trong hư không hóa thành cái lọng báu rộng mười do tuần, hoặc hai mươi do tuần cho đến trăm ngàn do tuần tràn khắp các cõi Phật, trải qua phút chốc, quay lại nước của mình, không yêu không dính, không lấy không bỏ, thân tâm vắng lặng”.

Đức Phật bảo A Nan: “Các Bồ Tát này không có ở chốn năm Trục thuộc cõi của Ta, trải qua ngàn câu chi kiếp, nói chẳng thể hết”

Đức Phật bảo A Nan: “Nay cõi này của Ta, hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo trồng mọi gốc Đức, sau khi mệnh chung đều được sinh ở Thế Giới Cực Lạc.

Này A Nan! Ông hãy đứng dậy, chấp tay hướng mặt về phương Tây mà đỉnh lễ”

Khi ấy A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng mặt về phương Tây. Trong khoảng đỉnh lễ, đột nhiên nhìn thấy dung nhan của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Thế Giới Cực Lạc với sắc tướng rộng lớn, đoan nghiêm như núi vàng ròng. Lại nghe chư Phật Như Lai ở mười phương Thế Giới xưng dương khen ngợi mọi loại Công Đức của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

A Nan bạch rằng: “Cõi Tịnh của Đức Phật đó được điều chưa từng có. Con cũng vui nguyện sinh về cõi ấy”

Đức Thế Tôn bảo rằng: “Người sinh trong đó là Bồ Tát Ma Ha Tát đã từng gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật, gieo trồng mọi gốc Đức. Ông muốn sinh về cõi ấy, cần phải một lòng quy y, chiêm ngưỡng”.

Nói lời đó xong thời ở trong lòng bàn tay của Đức Phật Vô Lượng Thọ, phóng ra vô lượng ánh sáng chiếu trăm ngàn câu chi na do tha cõi Phật ở phương Đông. Ở Thế Giới này, hết thấy núi đen (Hắc sơn:Kāla-parvata), núi Tuyết (Hīmalāya), núi vàng (Suvarṇa-parvata), núi báu (Ratna-parvata), núi Mọc Chân Lân Đà (Mucilinda-parvata), núi Ma Ha Mọc Chân Lân Đà (Mahā-muculinda-parvata), núi Tu Di (Sumeru-parvata), núi Thiết Vi (Cakra-vāla-parvata), núi Đại Thiết Vi (Mahā-cakra-vāla-parvata), biển lớn, sông lớn, sông nhỏ, rừng rậm, cây cối với cung điện của Người, Trời...tất cả cảnh giới không có gì chẳng chiếu thấy, ví như mặt trời tỏa ra ánh sáng soi chiếu Thế Gian cũng lại như vậy.

Khi ấy trong Hội: Bất Sô (Bhikṣu), Bất Sô Ni (Bhikṣuṇi), Ưu Bà Tắc (Upāsaka), Ưu Bà Di (Upāsika), Trời (Deva), Rồng (Nāga), Dược Xoa (Yakṣa), Càn Thát Bà (Gandharva), A Tu La (Asura), Ca Lô La (Garuḍa), Khẩn Na La (Kinnara), Ma Hầu La Già (Mahoraga), Người (Manuṣya), Phi Nhân (Amanuṣya)... đều nhìn thấy mọi thứ trang nghiêm của Thế Giới Cực Lạc và nhìn thấy Đức Như Lai Vô Lượng Thọ với Thanh Văn, Bồ Tát vây quanh cung kính, ví như Tu Di Sơn Vương (Sumeru-parvata-rāja) vươn ra từ biển lớn.

Lúc đó, Thế Giới Cực Lạc vượt qua trăm ngàn câu chi na do tha nước ở phương Tây, do uy lực của Đức Phật như đối trước mắt. Lại nhìn thấy cõi ấy trong sạch, bằng

phẳng ví như mặt biển, không có gò, đồng, núi, dốc cao, cỏ, cây tạp uest...mà chỉ là mọi báu trang nghiêm, Thánh Hiền cùng trụ.

Lại nữa A Nan! Lại Đức Phật Vô Lượng Thọ ấy cùng với các chúng Bồ Tát, Thanh Văn cũng đều được thấy thân của Ta với chúng Bồ Tát, Thanh Văn, Người, Trời của Thế Giới Sa Bà”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Từ Thị Bồ Tát rằng: “Ông có nhìn thấy Công Đức trang nghiêm(Guṇālaṃkāra-vyūha), cung điện, lầu gác, vườn, rừng, đài, quán, sông, suối, ao tắm của Thế Giới Cực Lạc chưa?

Này Từ Thị! Ông có nhìn thấy chư Thiên cõi Dục, bên trên đến Trời Sắc Cứu Cánh (Kaniṣṭha) tuôn mưa mọi loại hương hoa tràn khắp cõi Phật làm trang nghiêm chưa?

Ông có nhìn thấy chúng Bồ Tát, Thanh Văn Tịnh Hạnh...tạo làm tiếng Phật (Buddhasvara), diễn nói Diệu Pháp, tất cả cõi Phật đều được nghe tiếng, được lợi lạc chưa?

Ông có nhìn thấy trăm ngàn câu chi chúng sinh dạo ở hư không mà cung điện tùy theo thân chưa?”

Từ Thị Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Như điều đức Phật đã nói, mỗi mỗi con đều nhìn thấy”

Từ Thị bạch rằng: “Vì sao cõi này có một loại chúng sinh, tuy cũng tu Thiện mà chẳng cầu sinh?”

Đức Phật bảo Từ Thị: “Chúng sinh của nhóm này có Trí Tuệ kém cõi, phân biệt phương Tây chẳng thể bằng cõi Trời, vì thế chẳng ưa thích cầu sinh về cõi ấy”

Từ Thị bạch rằng: “Chúng sinh của nhóm này hư vọng phân biệt, chẳng cầu cõi Phật thì làm sao miễn được Luân Hồi?!...”

Đức Phật hỏi Từ Thị: “Trong nước Cực Lạc có **thai sinh** (Jarāyuja: sinh trong bào thai) chẳng?”

Từ Thị bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng hề có. Người sinh trong cõi ấy ví như chư Thiên cõi Dục ở cung điện rộng năm trăm do tuần, tự tại du hý thì làm sao mà có **Thai Sinh**. Thế Tôn! Chúng sinh của cõi này do Nhân nào, Duyên nào mà sinh ở trong **Thai** (Garbha)?”

Đức Phật bảo Từ Thị: “Chúng sinh của nhóm này đã gieo trồng căn lành nhưng chẳng thể lìa tướng, chẳng cầu Phật Tuệ, vọng sinh phân biệt, nhiễm sâu niềm vui của đời, Phước Báo của cõi người cho nên sinh trong thai.

Nếu có chúng sinh dùng Trí Tuệ không có tướng gieo trồng mọi gốc Đức, thân tâm trong sạch, xa lìa phân biệt, cầu sinh về cõi Tịnh, hướng đến Phật Bồ Đề. Người đó mệnh chung, trong khoảng sát na ở cõi thanh tịnh của Phật, ngồi trên hoa sen báu, đầy đủ thân tướng...thì làm sao có việc sinh trong thai.

Này Từ Thị! Ông thấy người ngu si chẳng gieo trồng căn lành, chỉ dùng **Thế Trí Thông Biện** vọng sinh phân biệt, tăng thêm Tà Dâm thì làm sao ra khỏi nạn lớn Sinh Từ!

Lại có chúng sinh tuy gieo trồng căn lành, cúng dường Tam Bảo, làm ruộng Phước lớn nhưng lại chấp giữ tướng phân biệt, Tình chấp sâu nặng. Cầu ra khỏi luân hồi, cuối cùng chẳng thể được”.

Đức Phật bảo Từ Thị: “ Ví như vị vua Sát Đế Lợi đã nhận địa vị Quán Đỉnh làm một cái ngục lớn, ở trong ngục ấy an trí điện, gian nhà chính giữa, lầu gác, lan can hình móc câu, cửa sổ, giường, phản, vật dụng để ngồi đều dùng trân bảo nghiêm sức. Quần áo, thức ăn uống cần thiết, không có gì không dư thừa. Bấy giờ Quán Đỉnh Vương xua

đuôi Thái Tử, giam nhốt trong ngục, lại cho tiền tài, châu báu, lưới, vòng, quạt lụa, tơ lụa... tùy ý thọ dụng”

Đức Phật bảo Từ Thị: “Ý ông thế nào? Vị Thái Tử ấy được khoái lạc chăng?”

Từ Thị thưa rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng thể vui được. Trong ấy tuy có gian nhà giữa, điện, lầu gác, thức ăn uống, quần áo, tiền, lụa, vàng, báu... tùy ý thọ dụng. Nhưng thân bị giam trong lao ngục nên tâm chẳng thể tự tại, chỉ cầu được ra khỏi”

Đức Phật hỏi Từ Thị: “Nếu Quán Đỉnh Vương chẳng bỏ qua lỗi lầm ấy thì các hàng Đại Thần, Trưởng Gia, Cur Sĩ của vị vua ấy có thể khiến cho Thái Tử được miễn ngục cấm chăng?”

Từ Thị bạch rằng: “Vua đã chẳng tha thì làm sao được ra”

Đức Phật nói: “Như vậy! Như vậy! Các chúng sinh ấy tuy đã tu Phước, cúng dường Tam Bảo nhưng lại hư vọng phân biệt, cầu quả Người Trời. Khi được quả báo thời đã ở Khí Giới (thế giới vật chất), cung điện, lầu gác, quần áo, vật nằm nghỉ, thức ăn uống, thuốc thang, tất cả vật cần dùng thấy đều đầy đủ, nên chưa thể ra khỏi ngục trong ba cõi, thường ở chốn luân hồi, chẳng được tự tại. Giả sử cha mẹ, vợ con, quyến thuộc nam nữ muốn cứu giúp miễn trừ thì cuối cùng chẳng thể ra khỏi nghiệp Tà Kiến. Vua không thể buông lìa.

Nếu các chúng sinh chặt đứt vọng phân biệt, gieo trồng các gốc lành, không có tướng, không có dính mắc sẽ sinh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát.

Từ Thị Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay Thế Giới Sa Bà này với các cõi Phật, có bao nhiêu Bồ Tát Ma Ha Tát được sinh về Thế Giới Cực Lạc, nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề?”

Đức Phật bảo Từ Thị: “Thế Giới Sa Bà (Sāha-loka-dhātu) này của Ta có 72 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo trồng mọi gốc Đức, sẽ sinh về nước ấy, gần gũi cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Lại nữa A Nan! Cõi Phật **Nan Nhẫn** (Duṣprasaha) có 80 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Bảo Tạng** (Ratnākara) có 90 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Hỏa Quang** (Jyotiṣprabha) có 22 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Vô Lượng Quang** (Amita-prabha) có 25 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Thế Đăng** (Lokapradīpa) có 60 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Long Thọ** (Nāgābhibhuva) có 1400 Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Vô Cầu Quang** (Viraja-prabha) có 25 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Sư Tử** (Simha) có 1800 Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Cát Tường Phong** (Śrī-kuṭa) có 2100 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Nhân Vương** (Narendra-rāja) có 1000 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Hoa Tràng** (Puṣpa-dhvaja) có một câu chi Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Quang Minh Vương** (Jvalādhīpati) có 12 câu chi Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy

Cõi Phật **Đắc Vô Úy** (Vaiśāradya-prāpta) có 69 câu chi na do tha Bồ Tát Ma Ha Tát sinh về cõi nước ấy, thấy đều gần gũi cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ, chẳng lâu sẽ thành A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề”.

Đức Phật bảo Từ Thị: “Công Đức trang nghiêm cõi nước Cực Lạc như vậy, măn vô lượng kiếp tính đếm vẫn chẳng thể nói hết. Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện được nghe danh hiệu của Đức Phật Vô Lượng Thọ, phát một niệm Tín Tâm, quy y, chiêm lễ. Nên biết người này chẳng phải là Tiểu Thừa (Hīna-yāna), ở trong Pháp của Ta được tên gọi là **Đệ Tử bậc nhất**”

Đức Phật bảo Từ Thị: “Nếu có Bát Sô, Bát Sô Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Trời, Rồng, Dược Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Ma Hầu La Già, Người, Phi Nhân... đối với Kinh Điển này, viết chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói cho đến ở một ngày đêm suy nghĩ cõi ấy với Công Đức của thân Phật. Khi người này mệnh chung sẽ mau được sinh về cõi ấy, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề.

Lại nữa Từ Thị! Nay Kinh Điển này thâm sâu vi diệu, rộng lợi chúng sinh. Nếu có chúng sinh đối với Chính Pháp này, thọ trì, đọc tụng, viết chép, cúng dường. Khi người ấy lâm chung, giả sử lửa lớn tràn đầy trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới cũng hay vượt qua để sinh về cõi nước ấy. Người đó đã từng gặp Đức Phật quá khứ, nhận **Bồ Đề Ký**, là nơi mà tất cả Như Lai cùng nhau khen ngợi, tùy ý thành tựu Vô Thượng Bồ Đề (Anuttara-samyaksambodhi)”

Đức Phật bảo Từ Thị: “Khó gặp Phật ra đời, khó nghe Chính Pháp, chỗ hành của Như Lai cũng nên tùy hành. Đối với Kinh Điển này làm bậc đại thủ hộ, vì các hữu tình, đem dài lợi ích, đừng để cho chúng sinh bị đọa trong ngục trang nghiêm tại năm nẻo. Nên khiến cho các hữu tình gieo trồng tu Phước Thiện, cầu sinh về cõi Tịnh”

Khi ấy Đức Thế Tôn nói Tụng là:

_ Nếu xưa kia chẳng tu Phước Tuệ
_ Nơi Chính Pháp này chẳng thể nghe
_ Đã từng cúng dường các Như Lai
_ Thế nên các ông nghe nghĩa này
_ Nghe xong, thọ trì với viết chép
_ Đọc tụng, khen, diễn kèm cúng dường
_ Như vậy một lòng cầu phương Tịnh
_ Quyết định sinh về nước Cực Lạc.

_ Giả sử lửa lớn tràn **Tam Thiên** (ba ngàn Đại Thiên Thế Giới)

_ Với trang nghiêm các lao ngục ấy

_ Các nạn như vậy, hay vượt qua

_ Đều là sức uy đức Như Lai

_ Phật ấy lợi lạc các Công Đức

_ Chỉ Phật với Phật mới hay biết

_ Thanh Văn Duyên Giác đầy Thế Gian

_ Tận Thần Lực ấy, không lường nổi

_ Giả sử các hữu tình sống lâu

_ Mạng trụ vô số câu chi kiếp

_ Khen **Thân Công Đức** của Như Lai

_ Trọn thân mệnh ấy, khen không hết

_ Pháp do **Đại Thánh Pháp Vương** nói

Lợi ích tất cả các quần sinh
Nếu có kẻ thọ trì, cung kính
Phật nói người này **Chân Thiện Hữu**

Khi Đức Thế Tôn nói Pháp này thời, có 12 câu chi na do tha người xa bụi (Viraja:viễn trần) lìa dơ (Vigatamalam:ly cầu) được Pháp Nhân trong sạch (Dharma-cakṣu-viśuddham). Tám trăm Bát Sô **lậu tận ý giải**, tâm được giải thoát. Trong chúng Trời Người có 12 câu chi na do tha người chứng quả A Na Hàm

Lại có 25 câu chi người được **Pháp Nhân** (Dharma-kṣānti) chẳng thoái lui

Lại có 40 câu chi trăm ngàn na do tha người phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, gieo trồng các căn lành, nguyện sinh về Thế Giới Cực Lạc, thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Lại có mười phương cõi Phật, hoặc đời hiện tại đời vị lai, nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ đều có tám vạn câu chi na do tha người, được Đức Phật **Nhiên Đăng** (Dīpaṃkara) thọ ký tên là **Diệu Âm Như Lai** (Mañjuśvara-tathāgata), sẽ được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Các hữu tình ấy đều là nhân duyên thuộc Nguyện trong đời trước của Đức Phật Vô Lượng Thọ, đều được sinh về Thế Giới Cực Lạc”

Lúc Đức Phật nói lời đó thời ba ngàn Đại Thiên Thế Giới chấn động theo sáu cách, tuôn mưa các hương hoa tràn ngập mặt đất cao đến đầu gối. Lại có chư Thiên ở trong hư không tấu âm nhạc màu nhiệm phát ra tiếng tùy vui, cho đến chư Thiên cõi Sắc thấy đều được nghe, khen chưa từng có.

Bấy giờ Tôn Giả **A Nan** với nhóm Từ Thị Bồ Tát kèm tám Bộ Trời Rồng , tất cả Đại Chúng nghe điều Đức Phật đã nói, đều rất vui vẻ, tin nhận, phụng hành.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
QUYỂN HẠ (Hết)

Dịch một Bộ gồm ba quyển xong vào ngày 06/07/2010

NGŨ CHẾ VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT TÁN

Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tôn

Vô Lượng Thọ Phật, đời hiếm có

Hay diệt ức kiếp nghiệp vô thủy

Khiến khổ não ấy đều tiêu trừ

Nếu người hay dùng Tâm vi diệu

Dùng cõi **Cực Lạc** làm quán tưởng

Rộng cùng chúng sinh phân biệt nói

Mở mắt liền thấy **A Di Đà** (Amitāyus: Vô Lượng Thọ)

_Tướng **sắc thân Phật** hiển ánh sáng

Vàng **Diêm Phù Đà** không thể bằng

Cao lớn khôn sánh, **do tuần** (Joyana) số

Sáu mươi vạn ức **na do tha** (Nayuta)

Lông trắng (Bạch Hào: Ūṣa) tam tinh, [như] năm **Tu Di** (Sumeru)

Mắt biếc lằng rộng [như] bốn biển lớn

Ánh sáng diễn ra các chân lông

Một lỗ chứa khắp các Đại Thiên

Trong một cõi có một **hà sa** (lượng cát của con sông)

Cát có tám vạn bốn ngàn tướng

Trong mỗi một tướng lại như thế

Người làm, người quán tùy hiện tiền

_Dùng quán thân Phật, thấy tâm Phật

Chúng sinh nhớ tưởng thấy **Hóa Phật** (Nirmāṇa-buddha)

Theo tướng vào được **Vô Sinh Nhẫn** (Anutpattika-kṣānti)

Dùng **Tam Muội** (Samādhi) nhận **Vô Biên Từ** (Ananta-maitra)

Thân Phật vô lượng, rộng vô biên

Hóa Đạo dùng sức Nguyên đời trước

Người có nhớ tưởng, được thành tựu

Thần Thông như ý đầy hư không

_Chúng sinh ba loại đủ ba tâm

Tịnh tiến, dừng mãnh không thoái chuyển

Liền được tay Như Lai tiếp dẫn

Cung điện bảy báu, ánh sáng lớn

Thân ấy mừng vui, đài Kim Cương

Tùy theo Phật, sau khoảng búng tay

Hành **Đại Thừa** (Mahā-yāna) hiểu **Đệ Nhất Nghĩa** (Paramārtha)

Liền sinh trong ao sen bảy báu

_A Di Đà Phật, Đại Từ Bi

Uy Đức mười lực khó khen nói

Xưng tên một tiếng, khởi một niệm

Đều trừ tám mươi ức kiếp tội

Dùng đó cứu nhỏ không có cùng

Vì thế tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)

_Xưa Thế Tôn ở **Kỳ Xà Quật** (Gṛdhra-kūṭa)

Cùng Đại Chúng nói **Diệu Nhân Duyên**

Lìa ưu não và **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa)
 Siêu thoát tất cả các nẻo khổ
 Nước Tịnh Diệu, tức cõi **Cực Lạc** (Sukhāvatī)
 Tu ba Phước, phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
 Người tác niệm đó trụ bền chuyên
 Nên nói **Vô Lượng Thọ Phật Quán**
 Công Đức như vậy chẳng thể nói
 Điều chẳng thể nói, Diệu Quang Minh
Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng cho
 Chúng sinh **năm Trước** (Pañca-kaṣāya), đều thành Phật
 Chặt đứt tất cả **Tướng** (Saṃjñā) điên đảo
 Giống như đem nước ném trong biển
 Tính ướt, hỗn hợp cùng tương đồng
 Tuy có Thánh Trí, khó phân biệt
 Người người đều là Vô Lượng Thọ
 Cúi đầu chiêm lễ, tức phương Tây

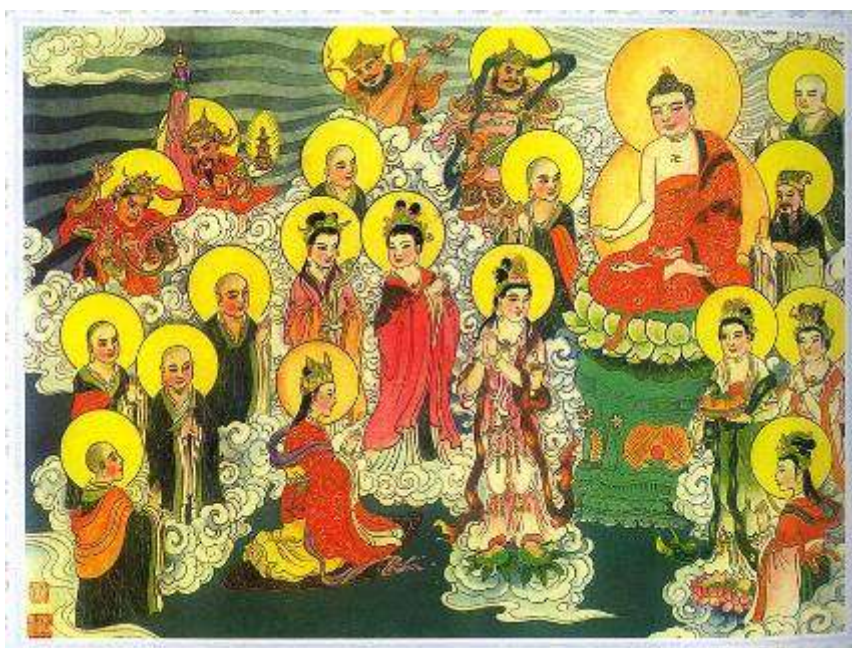
PHẬT NÓI KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT

Hán dịch: Đời Tống_ Tây Vực Tam Tạng CƯƠNG LƯƠNG GIA XÁ (Kālayāśas)

Việt dịch: HUYỀN THANH

Đồ hình minh họa: Không rõ tên người vẽ_ Trích trong bản Hán văn **Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh** của Thiên Đài **Vô Tẫn Pháp Sư**

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự trong núi **Kỳ Xà Quật** (Grdhra-kūṭa) tại thành **Vương Xá** (Rāja-grha) cùng với **chúng Đại Tỳ Kheo** (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) gồm một ngàn hai trăm năm mươi người đến dự. **Bồ Tát** (Bodhisatva) bồm có ba vạn hai ngàn mà **Văn Thủ Sư Lợi Pháp Vương Tử** (Mañjuśrī-dharma-rāja-putra) là bậc **Thượng Thủ** (Paramukha)



Thắng Hội ở Linh Sơn

Bấy giờ đại thành Vương Xá có một Thái Tử tên là **A Xà Thế** (Ajātasatru) thuận theo sự chỉ dạy của bạn ác là **Điêu Đạt** (Đề Bà Đạt Đa: Devadatta) đã bắt giữ vua cha **Tần Bà Sa La** (Bimbisāra) giam ở chỗ kín, để ở bên trong nhà có bảy lớp, cấm các quần thần chẳng được đi đến.



Vua A Xà Thế giam cầm vua cha trong ngục

Vị Đại Phu Nhân của nước, tên là **Vi Đề Hy** (Vaidehī) vì cung kính Đại Vương nên tắm gội sạch sẽ. Dem bột, mặt hòa với bột chín dùng xoa bôi lên thân, chứa đầy nước Bồ Đào trong các chuỗi Anh Lạc dâng lên cho vua.

Khi ấy Đại Vương ăn bột chín uống nước, xin nước xúc miệng. Xúc miệng xong, chấp tay cung kính, hướng về núi Kỳ Xà Quật, từ xa lạy Đức Thế Tôn rồi nói rằng: “**Đại Mục Kiền Liên** (Mahā-Maudgalyāyana) là bạn thân của tôi. Nguyên khởi Từ Bi truyền cho tôi **tám Giới**”

Thời Mục Kiền Liên như con chim ưng bay nhanh đến chỗ của nhà vua, ngày ngày như vậy truyền cho nhà vua tám Giới. Đức Thế Tôn cũng sai Tôn Giả **Phú Lâu Na** (Pūrṇa) vì nhà vua nói Pháp. Thời gian như vậy trải qua 21 ngày, nhà vua ăn bột chín uống nước, được nghe Pháp cho nên nhan sắc vẫn tươi đẹp.



Bà Vi Đề Hy lên đến thăm vua Tần Bà Sa La

Một hôm, A Xà Thế hỏi người giữ cửa: “Vua cha hiện nay vẫn còn sống sao?”

Người giữ cửa bạch rằng: “Tâu Đại Vương! Quốc Đại Phu Nhân xoa bột chín với mật lên thân, chứa đầy nước trong chuỗi Anh Lạc, đem dâng lên cho vua. Sa Môn **Mục Liên** với **Phú Lâu Na** từ hư không bay đến, vì đức vua nói Pháp, nên chẳng thể ngăn cấm được”

Khi A Xà Thế nghe lời đó xong, tức giận mẹ của mình mà nói rằng: “*Mẹ ta là giặc, làm bạn với giặc. Sa Môn là người ác dùng Chú Thuật huyền hoặc khiến cho vị vua ác này, nhiều ngày chẳng chết*”. Liền cầm cây kiếm bén muốn hại mẹ của mình.

Lúc đó có một vị quan tên là **Nguyệt Quang** (Candra-prabha) thông minh nhiều Trí, cùng với **Kỳ Bà** (Jīva) vì nhà vua làm lễ rồi bạch rằng: “Đại Vương! Thần nghe Kinh Luận **Tỳ Đà** (Veda) nói: “*Từ kiếp ban đầu đến nay, có các vua ác vì tham đất nước địa vị nên giết hại cha của mình, số đến một vạn tám ngàn người. Nhưng chưa từng nghe có kẻ Vô Đạo hại mẹ. Nay nhà vua làm việc Sát Nghịch này, gây nơ như nước cho dòng **Sát Lợi** (Kṣatriya). Thần chẳng nỡ nghe **Chiên Đà La** (Caṇḍāla) đó, nên chúng tôi chẳng thích hợp ở lại chốn này*”

Hai vị Đại Thần nói lời này xong, dùng bàn tay đề lên cây kiếm rồi lùi bước đi ra. Thờì A Xà Thế hoảng kinh sợ hãi, bảo Kỳ Bà rằng: “Người chẳng vì Ta sao?”

Kỳ Bà bạch rằng: “Đại vương hãy cẩn thận, đừng nên hại mẹ”

Nhà vua nghe lời này, liền sám hối cầu cứu. Tức liền buông cây kiếm, ngưng lại chẳng hại mẹ rồi sai Nội Quan giam mẹ vào *Thâm Cung* chẳng cho ra ngoài.



Vua A Xà Thế dùng Tâm ác muốn giết mẹ

Khi Vi Đề Hy bị giam cầm ở chốn tối tăm thời lo buồn khôn khổ, từ xa hướng về núi Kỳ Xà Quật, lễ Đức Phật rồi nói lời này: “*Khi trước Đức Như Lai Thế Tôn luôn khiến A Nan đi đến thăm hỏi con. Nay con buồn lo ! Đức Thế Tôn có uy trọng thời không có lý do gì mà chẳng nhìn thấy. Nguyên khiến Tôn Giả **Mục Liên** (Māudgalyāyana), **A Nan** (Ānanda) cùng đến gặp con!*”

Nói lời này xong, buồn khóc tuôn nước mắt như mưa, từ xa hướng về Đức Phật làm lễ. Chưa hết khoảng ngẩng đầu lên, bấy giờ Đức Thế Tôn ở tại núi Kỳ Xà Quật biết Tâm Niệm của Vi Đề Hy, liền sai Đại Mục Kiền Liên cùng với A Nan từ hư không đi đến, Đức Phật từ núi Kỳ Xà Quật ẩn mất rồi hiện ra ở cung vua.

Lúc Vi Đề Hy lễ xong, ngẩng đầu lên thời nhìn thấy Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật với thân màu vàng tía, ngồi trên hoa sen trăm báu, Mục Liên hầu bên trái, A Nan ở bên phải; Thích, Phạm, Hộ Thế, chư Thiên ở ngay trong hư không tuôn khắp mưa hoa Trời, cầm đem cúng dường.

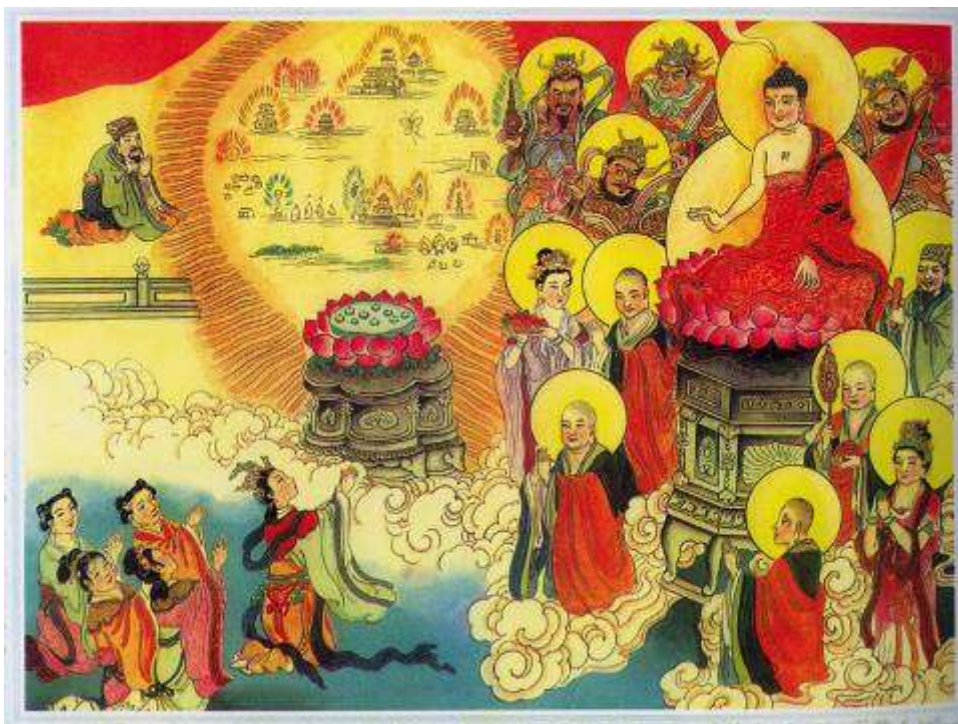
Khi Vi Đề Hy nhìn thấy Đức Phật thời tự bút đứt chuỗi Anh Lạc, gieo thân mình xuống đất, kêu khóc, hướng về Đức Phật bạch rằng: “Thế Tôn ! Đời trước, con có tội gì mà sinh ra đứa con xấu ác đó?!...Đức Thế Tôn lại có nhóm Nhân Duyên nào mà cùng với **Đề Bà Đạt Đa** (Devadatta) làm **Quyên Thuộc** (Parivāra)? Nguyện xin Đức Thế Tôn vì con rộng nói nơi chốn không có lo lắng buồn bức, con sẽ vãng sinh, chẳng bị rơi vào đời trước ác ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jampu-dvīpa). Nơi trước ác này đầy dẫy Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh...phần lớn chẳng gom tụ được **điều lành** (Kusala: Thiện), con nguyện vị lai chẳng thấy người ác. Nay hướng về Đức Thế Tôn, cúi năm vóc sát đất, cầu thương Sám Hối. Nguyện xin Đấng **Phật Nhật** (Buddha-sūrya) dạy bảo con quán nơi có nghiệp thanh tịnh”

Bấy giờ Đức Thế Tôn phóng ánh sáng ở Tam Tinh, ánh sáng ấy màu vàng ròng, chiếu khắp vô lượng Thế Giới ở mười phương rồi quay về trụ ở đỉnh đầu của Đức Phật, hóa làm đài vàng ròng như **núi Tu Di** (Sumeru), các cõi nước trong sạch màu nhiệm của chư Phật ở mười phương đều hiện ở bên trong.

Hoặc có cõi nước do bảy báu hợp thành. Hoặc có cõi nước thuần là hoa sen. Lại có cõi nước như cung Trời **Tự Tại**. Lại có cõi nước như gương Pha Lê, cõi nước ở mười phương đều hiện ở bên trong. Có vô lượng cõi nước của chư Phật thuộc nhóm như vậy hiện hiện trang nghiêm, có thể quán, khiến cho Vi Đề Hy nhìn thấy.

Thời Vi Đề Hy bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Các cõi Phật này tuy lại thanh tịnh đều có ánh sáng. Nay con thích sanh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhā-vatī), chỗ của Đức Phật A Di Đà. Nguyện xin Đức Thế Tôn dạy cho con suy nghĩ, dạy cho con **Chính Thọ** (Samāpatti: *Đẳng Chí*, Chính Định hiện trước mặt)”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền mỉm cười, có ánh sáng năm màu từ miệng đức Phật tuôn ra, mỗi một ánh sáng chiếu soi đỉnh đầu của vua **Tần Bà La Sa** (Bimbisāra). Khi ấy, Đại Vương tuy ở tại chỗ giam cầm tăm tối, nhưng con mắt Tâm không bị ngăn che, nhìn thấy Đức Thế Tôn, liền cúi đầu làm lễ, tự nhiên tăng tiến, thành **A Na Hàm** (Anāgāmin: Bất Lai, Bất Hoàn, bậc Thánh ở quả vị thứ ba trong bốn quả Thanh Văn).



Bà Vi Đề Hy đau buồn thỉnh cầu Phật

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo Vi Đề Hy: “Nay bà biết chăng ! Đức Phật A Di Đà cách đây chẳng xa, bà nên cột niệm, quán sát kỹ lưỡng điều thành **Nghiệp trong sạch** (Viśuddha-karma: Tịnh Nghiệp) của nước ấy. Nay Ta vì bà rộng nói mọi thí dụ, cũng khiến cho tất cả phàm phu ở đời vị lai muốn tu **ngiệp trong sạch** được sinh về cõi nước Cực Lạc ở phương Tây.

Người muốn sinh về nước ấy, nên tu ba **Phước** (Punya)

1_ Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, **Tâm hiền lành** (Từ Tâm: Maitra-citta) chẳng giết chóc, tu mười nghiệp lành.

2_ Thọ trì **Tam Quy** (Tri-sāraṇa-gamana: tức chỉ Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng), đầy đủ mọi **Giới** (Śīla), chẳng phạm uy nghi.

3_ Phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), tin sâu **Nhân Quả** (Hetu-phala), đọc tụng **Đại Thừa** (Mahā-yāna), khuyên người tu hành tăng tiến.

Như ba việc này, gọi là **Nghiệp trong sạch** (Tịnh Nghiệp: Viśuddha-karma)”

Đức Phật bảo Vi Đề Hy: “Nay bà biết chăng ? Ba loại Nghiệp này tức là Nhân chính thuộc nghiệp trong sạch của chư Phật ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại”

Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “Hãy lắng nghe ! Hãy nghe cho kỹ ! Hãy khéo nghĩ nhớ ! Nay Như Lai vì tất cả chúng sinh đời vị lai bị giấc phiền não gây hại mà nói Nghiệp trong sạch.

Lành thay ! Vi Đề Hy thích hỏi việc này !

Này A Nan ! Ông nên trợ trì, rộng vì nhiều Chúng tuyên nói lời của Phật ! Nay Như Lai dạy cho Vi Đề Hy với tất cả chúng sinh đời vị lai quán Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây. Do sức của Phật cho nên sẽ được nhìn thấy cõi nước thanh tịnh ấy, như cái gương sáng tự nhìn thấy khuôn mặt của mình. Nhìn thấy việc rất diệu lạc của cõi nước ấy, Tâm vui vẻ cho nên ứng thời được **Vô Sinh Pháp Nhẫn** (Anutpattika-dharma-kṣānti)”

Đức Phật bảo Vi Đề Hy: “Bà là phàm phu, Tâm tưởng yếu kém, chưa được **Thiên Nhân** (Divya-cakṣu), chẳng thể quán xa. Chư Phật Như Lai có phương tiện khác khiến cho bà được nhìn thấy”

Thời Vi Đề Hy bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Như con ngày nay dùng sức của Phật cho nên được thấy cõi nước kia. Nếu sau khi Đức Phật nhập diệt thì các hàng chúng sinh bị trước ác, **bất thiện** (Akusāla), năm khổ ép bức. Làm sao để thấy Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà ?!...”

Đức Phật bảo Vi Đề Hy: “Bà với chúng sinh cần phải chuyên Tâm, cuộc buộc niệm vào một chỗ, tưởng ở phương Tây.

_ **Tác Tưởng** thế nào? Phàm người tác **tưởng** là: Tất cả chúng sinh tự mình chẳng phải là người mù (sinh manh), có con mắt nhìn, đều thấy mặt trời lặn mất. Nên khởi tưởng niệm, ngồi ngay thẳng, hướng về phương Tây, quán sát kỹ lưỡng mặt trời, khiến cho Tâm trụ bền chắc, chuyên Tưởng chẳng dời đổi, nhìn thấy mặt trời muốn lặn mất, dạng như cái trống treo. Đã nhìn thấy mặt trời xong, nhắm mắt mở mắt đều khiến cho thật rõ ràng. Đây là **Nhật Tưởng** (Quán tưởng mặt trời) gọi là **Sơ Quán** (Quán tưởng đầu tiên)

Tác Quán này thì gọi là **Chính Quán**, nếu Quán khác thì gọi là **Tà Quán**”



Quán mặt trời sắp lặn

Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “Quán đầu tiên thành xong, tiếp theo tác **Thủy Tường** (quán tường nước). Tường nhìn thấy phương Tây, tất cả đều là nước lớn, thấy nước lắng trong, cũng khiến cho thật rõ ràng, không có Ý phân tán. Đã thấy nước xong, nên khởi **băng Tường** (quán tường nước đóng thành băng), thấy băng chiếu rọi trong suốt, liền tác **Lưu Ly Tường** (quán tường băng là Lưu Ly). Tường này thành xong, nhìn thấy đất Lưu Ly trong ngoài chiếu rọi trong suốt, bên dưới có cây phượng vàng Kim Cương bảy báu chống đỡ đất Lưu Ly. Cây phượng ấy có đầy đủ tám phương tám góc cạnh, mỗi một phương diện do trăm báu tạo thành, mỗi một viên ngọc báu có một ngàn ánh sáng, mỗi một ánh sáng có tám vạn bốn ngàn màu sắc. Đất Lưu Ly chiếu rọi như một ức ngàn mặt trời chẳng thể thấy đủ.

Trên đất Lưu Ly dùng đủ loại sợi dây vàng ròng, bảy báu xen kẽ phân chia ranh giới ngang bằng rõ ràng. Trong mỗi một báu có ánh sáng năm trăm màu, ánh sáng ấy như hoa, lại như trăng sao treo ở hư không thành cái Đài ánh sáng với lầu gác do trăm vạn báu hợp thành. Ở hai bên đài đều có trăm ngàn cây phượng hoa, vô lượng nhạc khí dùng để trang nghiêm, tám loại gió trong mát từ ánh sáng tuôn ra tấu nhạc khí này, diễn nói âm: **Khổ** (Duhkha), **Không** (Śūnya:trống rỗng), **Vô Thường** (Anitya), **Vô Ngã** (Anātman).

Đây là **Thủy Tường** gọi là **Quán thứ hai**

Khi **Tường** này thành thời mỗi mỗi quán hết sức khiến cho thật rõ ràng, nhắm mắt mở mắt chẳng để cho tan mất, chỉ trừ lúc ăn, luôn nhớ việc này.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”



Quán nước kết thành băng

Đức Phật bảo Vi Đề Hy: “**Thủy Tướng** thành xong, gọi là thô sơ nhìn thấy đất của cõi nước Cực Lạc. Nếu được **Tam Muội** (Samadhi) này nhìn thấy đất của cõi nước ấy mỗi mỗi thật rõ ràng, chẳng thể nói đủ. Đây là **Địa Tướng** gọi là **Quán thứ ba**

Đức Phật bảo A Nan: “Ông giữ gìn lời của Phật, vì tất cả Đại Chúng trong đời vị lai, muốn thoát khổ thời nói Pháp **quán đất** này. Nếu người **quán đất** sẽ trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử, buông bỏ thân thì đời khác ắt sinh về Tịnh Quốc, Tâm được không nghi ngờ.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.



Quán đất báu Lưu Ly

Đức Phật bảo Vi Đề Hy: “**Địa Tướng** thành xong, tiếp theo quán **cây báu**

Người quán **cây báu**, mỗi mỗi quán. Tướng làm bảy hàng lớp cây, mỗi một cây cao tám ngàn **Do Tuần** (Joyana). Các cây báu ấy có hoa lá bảy báu không có gì chẳng đầy đủ, mỗi một hoa báu làm màu sắc khác lạ, trong màu Lưu Ly tuôn ra ánh sáng màu vàng ròng, trong màu Pha Lê tuôn ra ánh sáng màu hồng, trong màu Mã Não tuôn ra ánh sáng Xa Cừ, trong màu Xa Cừ tuôn ra ánh sáng châu ngọc xanh lục....

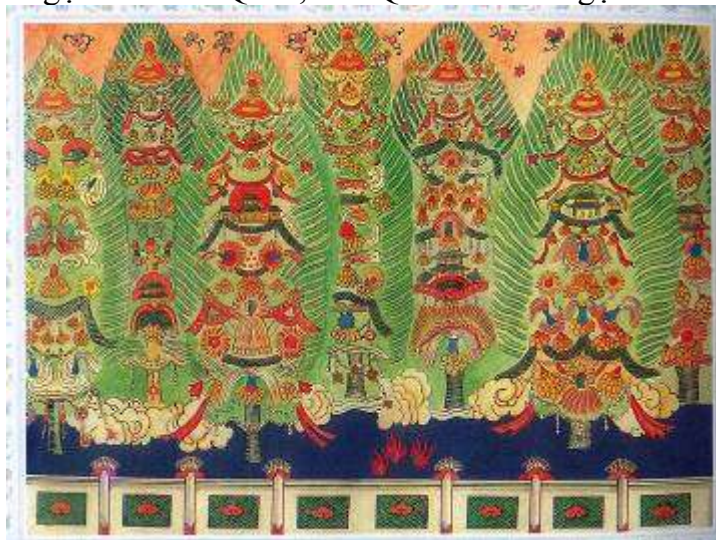
San Hô, Hổ Phách, tất cả mọi báu chiếu rọi nhau tô điểm lưới châu ngọc màu nhiệm dờn che trùm trên cây. Trên mỗi một cây có bảy lớp lưới, khoảng giữa mỗi một cái lưới có năm trăm ức cung điện tỏa mùi thơm như cung của Phạm Vương, chư Thiên Đồng Tử tự tại bên trong, mỗi một Đồng Tử có năm trăm ức báu **Ma Ni** (Mani) **Thích Ca Tỳ Lăng Già** (Sakrābhiṣagā: bảo châu), dùng làm chuỗi Anh Lạc. Ánh sáng của Ma Ni ấy chiếu một trăm **Do Tuần** (Joyana) giống như hòa hợp trăm ức mặt trời mặt trăng, chẳng thể nêu đủ tên gọi, mọi báu xen kẽ bên trong bên trên màu sắc.

Các cây báu này mỗi mỗi bày hàng tương đương nhau, lá lá kế tiếp nhau. Ở trong khoảng giữa mọi lá, sinh ra các hoa màu nhiệm, trên hoa tự nhiên có quả trái bảy báu, mỗi một cây lá ngang rộng đúng bằng hai mươi Do Tuần

Ngàn màu sắc của lá ấy có trăm loại vạch như ngàn chuỗi Anh Lạc, có mọi hơi thơm, làm màu sắc của **vàng Diêm Phù** (Jambūnada-suvārṇa). Như bánh xe lửa xoay chuyển, uyển chuyển khoảng giữa lá sinh ra các quả trái, Như cái bình Đế Thích có ánh sáng lớn, hóa thành vô lượng cái lọng báu, trong lọng báu này, chiếu rọi hiện tất cả việc Phật trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, Nước Phật ở mười phương cũng hiện ở bên trong.

Nhìn thấy cây này xong, cũng nên theo thứ tự mỗi mỗi quán. Quán thấy thân cây, cành, nhánh, hoa, quả đều khiến cho rõ ràng. Đây là **Thụ Tướng** (quán tướng cây) gọi là **Quán thứ tư**.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”



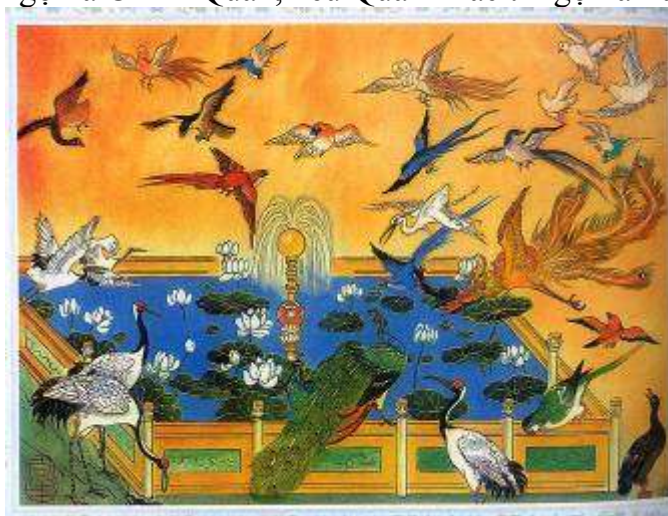
Quán bảy hàng cây báu

— Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “**Thụ Tướng** thành xong, tiếp theo nên **tướng nước**.

Người muốn tướng **nước**. Cõi nước Cực Lạc có tám ao nước, mỗi một ao nước do bảy báu tạo thành, báu ấy mềm mại từ **Như Ý Châu Vương** sinh ra, chia làm bốn mươi nhánh, mỗi một nhánh làm màu sắc của bảy báu, màu vàng chói làm ngòi lạch, bên dưới ngòi lạch đều dùng Kim Cương tạp sắc dùng làm cát ở đáy. Trong mỗi một ao nước có sáu mươi ức hoa sen bảy báu, mỗi một hoa sen tròn trịa đúng bằng mười hai Do Tuần, nước Ma Ni ấy chảy rót tìm phần trên phần dưới của cái cây, phát ra tiếng vi diệu, diễn nói **Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã**, các **Ba La Mật** (Pāramitā), lại có tiếng khen ngợi tướng tốt của chư Phật. Từ **Như Ý Châu Vương** tuôn ra ánh sáng vi diệu màu vàng ròng, ánh sáng ấy hóa làm loài chim màu sắc trăm báu hòa hót êm dịu, thường khen **Niệm Phật** (Buddhānusmṛti), **Niệm Pháp** (Dharmānusmṛti), **Niệm Tăng** (Saṃghānusmṛti).

Đây là **Tướng nước có tám Công Đức**, gọi là **Quán thứ năm**

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”



Quán tướng ao báu chứa nước tám Công Đức

— Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “Trên mỗi một Giới của Cõi nước mọi báu có năm trăm ức cái lầu báu, trong lầu gác ấy có vô lượng chư Thiên tấu kỹ nhạc của cõi Trời, Lại có nhạc khí treo trong hư không như **Bảo Tràng** (Ratna-dhvaja: *Vị Đại*

*Thần ở cung Trời Đâu Suất, có thể tự mình tuôn ra bảy báu rải khắp, mỗi mỗi châu báu lại hóa thành nhạc khí treo trên hư không, không cần đánh tự kêu) của cõi Trời chẳng đánh tự kêu vang. Trong mọi Âm này đều nói **Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tỳ Khru Tăng**.*

Tướng này thành xong, gọi là thô sơ nhìn thấy cây báu, đất báu, ao báu của Thế Giới Cực Lạc. Đây là **Tổng Quán Tướng**, gọi là **Quán thứ sáu**

Nếu người nhìn thấy điều này sẽ trừ được nghiệp ác cực nặng trong vô lượng ức KIếp, sau khi chết ắt sinh về nước ấy.

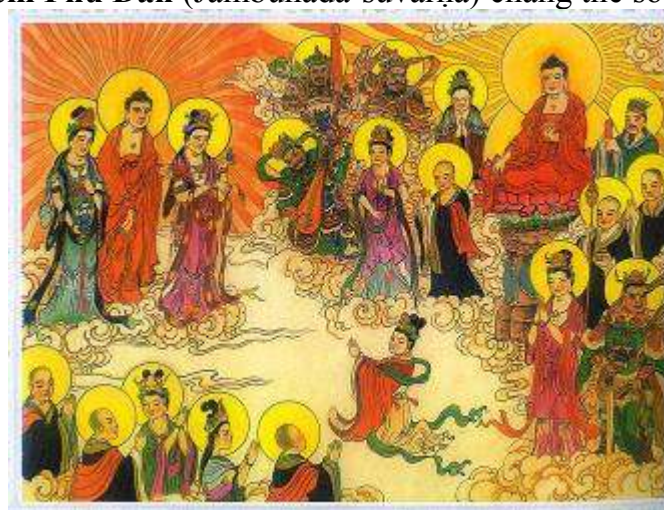
Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.



Quán chung về Y Báu

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “Hãy lắng nghe ! Hãy nghe cho kỹ ! Hãy khéo nghĩ nhớ ! Ta sẽ vì người phân biệt giải nói Pháp **trừ khổ não**. Các người nhớ giữ gìn, rộng vì Đại Chúng phân biệt giải nói”

Nói lời này xong thời Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) đứng trụ trong hư không, hai vị Đại Sĩ **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta) đứng hầu bên trái bên phải, ánh sáng rực rỡ chẳng thể nhìn thấy đủ, trăm ngàn màu sắc của **vàng Diêm Phù Đà** (Jambūnada-suvarṇa) chẳng thể so sánh nổi.



Quán Tam Thánh trụ trên hư không

Khi Vi Đề Hy nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ xong, liền cúi lạy sát bàn chân của Đức Phật, rồi bạch Phật rằng: “Nay con nhân vào sức của Phật, được thấy Đức

Phật Vô Lượng Thọ với hai vị Bồ Tát. Chúng sinh đời vị lai nên làm thế nào để quán Đức Phật Vô Lượng Thọ với hai vị Bồ Tát ?”

Đức Phật bảo Vi Đà Hy: “Người muốn quán Đức Phật ấy, nên khởi tượng niệm, ở trên đất bảy báu, tưởng làm một hoa sen, khiến mỗi một cánh của hoa sen ấy làm màu sắc trăm báu, có tám vạn bốn ngàn mạch giống như một ngàn vạch, mỗi một mạch có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi mỗi thật rõ ràng đều khiến cho nhìn thấy được.

Cánh hoa dù nhỏ cũng ngang rộng hai trăm năm mươi Do Tuần. Hoa sen như vậy có tám vạn bốn ngàn cánh lớn, khoảng giữa mỗi một cánh có trăm ức Ma Ni Châu Vương dùng để chiếu rọi tô điểm, mỗi một Ma Ni Châu phóng ngàn ánh sáng, ánh sáng ấy như cái dù do bảy báu hợp thành che trùm trên đất, báu Ma Ni **Thích La Tỳ Lăng Già** (Sakrābhilagna: bảo châu) dùng làm cái Đài ấy. Đài hoa sen này có tám vạn báu **Kim Cương Chân Thúc Ca** (Vajra-Kimśuka: Đá báu màu đỏ cứng như Kim Cương), báu **Phạm Ma Ni** (Brahma-maṇi), lưới châu ngọc màu nhiệm giao chéo nhau tô điểm.

Ở trên đài ấy, tự nhiên có bốn cây phương báu làm cột, mỗi một cây phương báu như trăm ngàn vạn ức **núi Tu Di** (Sumeru), vòng hoa trên cây phương như cung Trời **Dạ Ma** (Yama). Lại có năm trăm ức viên ngọc báu vi diệu dùng để chiếu rọi tô điểm, mỗi một viên ngọc báu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi một ánh sáng làm tám vạn bốn ngàn màu vàng ròng khác loại, hoặc làm đài Kim Cương, hoặc làm lưới châu báu, hoặc làm mây hoa tạp. Ở mười phương diện, tùy ý biến hiện thi hành việc Phật.

Đây là **Hoa Tòa Tượng** (quán tưởng tòa hoa) gọi là **Quán thứ bảy**”

Đức Phật bảo A Nan: “Như hoa màu nhiệm này vốn là sức nguyện của Tỳ Khưu **Pháp Tạng** (Dharmakāra) tạo thành. Nếu người muốn niệm Đức Phật ấy, trước tiên nên tác tưởng tòa hoa màu nhiệm này. Lúc tác tưởng này thời chẳng được quán tạp nhạp, đều nên mỗi mỗi quán: mỗi một cánh, mỗi một viên ngọc, mỗi một ánh sáng, mỗi một đài, mỗi một cây phương đều khiến cho rõ ràng, như ở trong gương tự nhìn thấy khuôn mặt của mình. Tượng này thành xong sẽ diệt trừ tội trong năm trăm ức kiếp sinh tử, quyết định sinh về Thế Giới Cực Lạc.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.



Quán tưởng tòa báu hoa sen

— Đức Phật bảo A Nan với Vi Đà Hy: “Nhìn thấy việc này xong, tiếp theo nên tưởng Đức Phật. Tại sao thế ? Vì chư Phật Như Lai là **Thân Pháp Giới** (Dharma-dhātu-kāya) vào khắp trong Tâm Tượng của tất cả chúng sinh, thế nên các người khi

Tâm tướng Phật thời Tâm này tức là 32 tướng tốt 80 tùy hình tốt đẹp, **Tâm này làm Phật, Tâm này là Phật**, biến chư Phật Chính Biến Tri từ Tâm Tướng sinh ra, chính vì thế cho nên một lòng cột buộc niệm, quán kỹ lưỡng Đức Phật **Đa Đà A Già Độ A La Ha Tam Miếu Tam Phật Đà** (Tathāgatāya-arhate-samyaksambuddha: Như Lai Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) ấy

Người tưởng Đức Phật ấy, trước tiên nên tưởng hình tượng, nhắm mắt mở mắt nhìn thấy một tượng báu như màu vàng Diêm Phù, ngồi trên hoa kia. Tượng đã ngồi xong thì con mắt Tâm được khai mở mỗi mỗi thật rõ ràng nhìn thấy cõi nước Cực Lạc với bảy báu trang nghiêm, đất báu, ao báu, cây báu xếp thành hàng, chư Thiên, vòng hoa báu dôi che trùm trên cây, mọi lưới võng báu tràn đầy trong hư không. Thấy việc như vậy, khiến cho thật rõ ràng như quán sát trong lòng bàn tay.

Thấy việc này xong, lại nên làm một hoa sen lớn ngay bên trái Đức Phật, như nhóm hoa sen lúc trước không có khác, lại làm một hoa sen lớn ngay bên phải Đức Phật. Tưởng tượng **Quán Thế Âm Bồ Tát** ngồi trên hòa hoa bên trái cũng phóng ánh sáng màu vàng ròng như lúc trước không khác. Tưởng một tượng **Đại Thế Chí Bồ Tát** ngồi ở tòa hoa bên phải.

Lúc Tưởng này thành thời, tượng Phật Bồ Tát đều phóng ánh sáng màu nhiệm, ánh sáng ấy có màu vàng ròng chiếu các cây báu, bên dưới mỗi một cây cũng có ba hoa sen, trên các hoa sen đều có tượng của một Phật hai vị Bồ Tát tràn đầy khắp cõi nước ấy.

Khi Tưởng này thành thời Hành Giả nên nghe thấy nước chảy, ánh sáng với các cây báu, vọt trời, chim nhạn, chim Uyên Ương đều nói Diệu Pháp. Xuất Định, nhập Định thời luôn nghe Diệu Pháp. Hành Giả đã nghe, khi ra khỏi Định thời nhớ giữ chẳng buông bỏ, khiến cùng hợp với **Tu Đa La** (Sutra: Khế Kinh). Nếu chẳng hợp thì gọi là **Vọng Tưởng**, nếu cùng hợp thì gọi là **Thô sơ tưởng thấy Thế Giới Cực Lạc**

Đây là **Tưởng Tượng** (Quán tưởng hình tượng), gọi là **Quán thứ tám**

Người tác Quán này sẽ trừ được tội của vô lượng ức kiếp sinh tử, ở trong thân hiện tại được **Niệm Phật Tam Muội**.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.



Quán tượng Tam Thánh

Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “Tưởng này thành xong, tiếp theo nên quán Thân tướng, ánh sáng của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

A Nan nên biết ! Thân của Đức Phật Vô Lượng Thọ có màu sắc như trăm ngàn vạn ức Dạ Ma Thiên, vàng của Diêm Phù Đề. Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na do

tha hằng hà sa do tuần, **sợi lông trắng** (Ūṇa: Bạch Hào) ở Tam Tinh xoay vòng theo bên phải uyển chuyển như năm ngọn núi Tu Di, mắt Phật trong sạch như nước của bốn biển lớn trắng trong rõ ràng, các lỗ chân lông trên thân diễn ra ánh sáng như núi Tu Di

Đức Phật ấy có hào quang tròn như trăm ức ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, ở trong hào quang tròn có trăm vạn ức na do tha hằng hà sa vị **Hóa Phật** (Nirmāṇa-buddha), mỗi một vị Hóa Phật cũng có Chúng rất nhiều, vô số vị **Hóa Bồ Tát** (Nirmāṇa-bodhisatva) làm **Thị Giả** (Ante-vāsin)

Đức Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn **tướng**, trong mỗi một tướng đều có tám vạn bốn ngàn **tùy hình** tốt đẹp, trong mỗi một tùy hình tốt đẹp lại có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi một ánh sáng chiếu khắp mười phương Thế Giới, nhiếp lấy **chúng sinh niệm Phật** chẳng buông bỏ.

Tướng tốt đẹp của ánh sáng ấy cùng với Hóa Phật chẳng thể nói đủ, chỉ nên nhớ tướng khiến cho Tâm thấy rõ.

Người nhìn thấy việc này, tức nhìn thấy tất cả chư Phật ở mười phương. Đã nhìn thấy chư Phật cho nên gọi là **Niệm Phật Tam Muội**.

Tác Quán này gọi là **quán tất cả thân Phật**, do quán thân Phật cho nên cũng nhìn thấy Tâm của Phật, Tâm của chư Phật là Đại Từ Bi, dùng **Vô Duyên Từ** nhiếp các chúng sinh

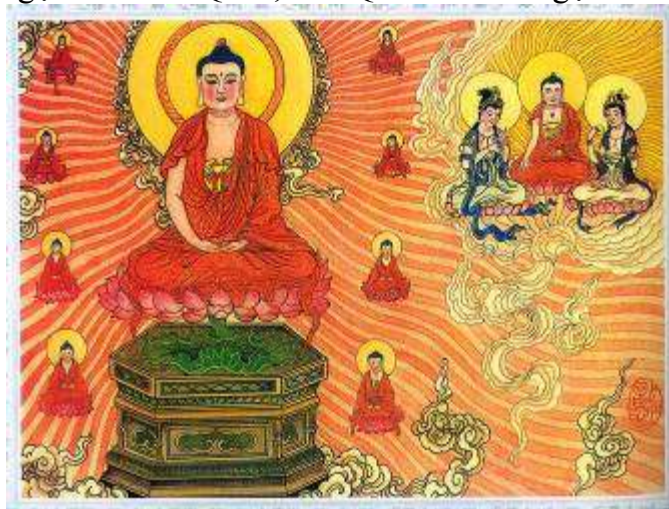
Người tác Quán này, buông bỏ thân thì đời khác được sinh trước mặt chư Phật, được **Vô Sinh Nhẫn**. Chính vì thế cho nên bậc Trí căn phải cột buộc Tâm, quán kỹ lưỡng Đức Phật Vô Lượng Thọ

Người quán Đức Phật Vô Lượng Thọ theo một tướng tốt đẹp nhập vào, chỉ Quán sợi lông trắng ở tam tinh cho thật rõ ràng. Người nhìn thấy tướng sợi lông trắng ở tam tinh thì tự nhiên sẽ thấy tám vạn bốn ngàn tướng tốt đẹp.

Người nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ liền nhìn thấy vô lượng chư Phật ở mười phương, được thấy vô lượng chư Phật cho nên chư Phật hiện trước mặt **Thọ Ký** (Vyākaraṇa)

Đây là **Biến Quán Nhất Thiết Sắc Tướng** (Tướng quán sát khắp tất cả hình thể màu sắc) gọi là **Quán thứ chín**

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.



Quán sắc thân của Đức Phật A Di Đà

Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “Nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ mỗi mỗi thật rõ ràng xong, tiếp theo nên quán **Quán Thế Âm Bồ Tát**

Thân của vị Bồ Tát này dài tám mươi ức na do tha hằng hà sa do tuần. Thân màu vàng tía, đỉnh có **Nhục Kế** (Uṣṇīṣa), cổ có hào quang tròn, mặt đều trăm ngàn do tuần. Trong hào quang tròn ấy có năm trăm vị Hóa Phật như **Thích Ca Mâu Ni**; mỗi một vị

Hóa Phật có năm trăm vị Bồ Tát, vô lượng chư Thiên dùng làm Thị Giả. Trong hào quang của khắp thân đều hiện tất cả sắc tướng của chúng sinh trong năm đường.

Trên đỉnh có **báu Tỳ Lăng Già Ma Ni** (Śakrābhiṣag-maṇi-ratna) màu nhiệm dùng làm mào trời, trong cái mào ấy có một vị Hóa Phật đứng, cao hai mươi lăm do tuần.

Mặt của Quán Thế Âm Bồ Tát có màu sắc như vàng Diêm Phù Đề, tướng của sợi lông ở tam tinh có đủ màu của bảy báu, tuôn ra tám vạn bốn ngàn loại ánh sáng, mỗi một ánh sáng có vô lượng vô số trăm ngàn vị Hóa Phật, mỗi một vị Hóa Phật có vô số vị Hóa Bồ Tát dùng làm Thị Giả, biến hiện tự tại tại trần đầy mười phương Giới.

Cánh tay như màu hoa sen hồng, có tám vạn ức ánh sáng màu nhiệm dùng làm chuỗi Anh Lạc, trong chuỗi Anh Lạc ấy hiện khắp các việc trang nghiêm.

Bàn tay và lòng bàn tay làm màu sắc của năm trăm ức hoa sen tạp. Bàn tay có mười đầu ngón tay, mỗi một đầu ngón tay có tám vạn bốn ngàn vạch giống như **Ấn Văn**, mỗi một vạch có tám vạn bốn ngàn màu sắc, mỗi một màu sắc có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, ánh sáng ấy nhu nhuyến chiếu khắp tất cả. Dùng bàn tay báu này tiếp dẫn chúng sinh.

Khi nhấc chân thời bên dưới bàn chân có tướng **bánh xe ngàn cãm** (Thiên Bửc Luân), tự nhiên hóa thành năm trăm ức Đài ánh sáng. Khi hạ chân thời có hoa Kim Cương Ma Ni rải bày tất cả, không có chỗ nào chẳng tràn đầy.

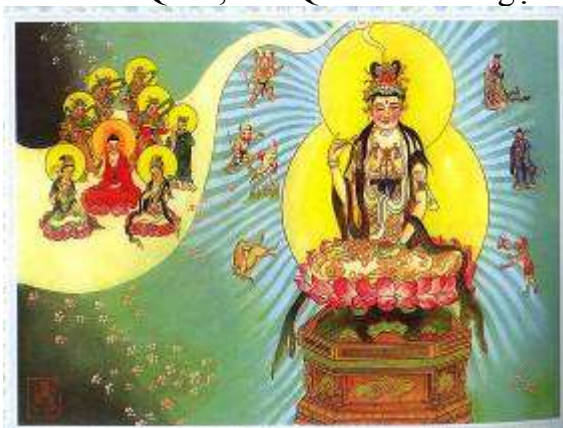
Thân Tướng còn lại có đầy đủ mọi sự tốt đẹp như Đức Phật không có khác, chỉ có **Nhục Kế** (Uṣṇīṣa) với **tướng Vô Kiến Đỉnh** (Uṣṇīṣasiraskatā) trên đỉnh đầu thì chẳng theo kịp Đức Thế Tôn.

Đây gọi là **Quán Thế Âm Bồ Tát chân thật sắc thân Tướng** (Quán tướng sắc thân chân thật của Quán Thế Âm Bồ Tát), gọi là **Quán thứ mười**”

Đức Phật bảo A Nan: “Nếu muốn quán **Quán Thế Âm Bồ Tát** thì nên tác Quán này. Người tác Quán này chẳng gặp các tai họa, trừ trừ nghiệp chướng, trừ tội của vô số kiếp sinh tử. Như vị Bồ Tát này, chỉ nghe tên của Ngài còn được vô lượng Phước, huống chi là quán sát kỹ lưỡng.

Nếu người muốn quán **Quán Thế Âm Bồ Tát**, trước tiên nên quán Nhục Kế trên đỉnh đầu, tiếp theo quán mào trời, mọi tướng còn lại cũng theo thứ tự quán sát, đều khiến cho thật rõ ràng như xem xét trong lòng bàn tay.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.



Quán sắc thân của Quán Thế Âm Bồ Tát

Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “Tiếp theo quán **Đại Thế Chí Bồ Tát**. Lượng thân của vị Bồ Tát này lớn nhỏ cũng như Quán Thế Âm. Hào quang tròn, khuôn mặt đều là hai trăm hai mươi lăm do tuần, chiếu hai trăm năm mươi do tuần, ánh sáng của khắp thân chiếu cõi nước ở mười phương, làm màu vàng tía, chúng sinh có duyên thấy đều được nhìn thấy. Chỉ nhìn thấy ánh sáng thuộc một lỗ chân lông của vị Bồ Tát

này, liền nhìn thấy ánh sáng tịnh diệu của vô lượng chư Phật ở mười phương, thế nên vị Bồ Tát này có hiệu là **Vô Biên Quang** (Ananta-prabhāsa)

Do ánh sáng Trí Tuệ chiếu khắp tất cả khiến lia ba đường, được sức vô thượng, thế nên vị Bồ Tát này có hiệu là **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta)

Mão trời của vị Bồ Tát này có năm trăm hoa sen báu, mỗi một hoa báu có năm trăm cái đài báu, trong mỗi một cái đài thì tướng rộng dài của cõi nước tịnh diệu của chư Phật ở mười phương đều hiện ở bên trong.

Nhục Kế trên đỉnh đầu như hoa **Bát Đầu Ma** (Padma: hoa sen hồng). Ở trên Nhục Kế có một cái bình báu chứa đầy ánh sáng, hiện khắp việc Phật.

Các thân tướng còn lại như Quán Thế Âm không có khác

Khi vị Bồ Tát này bước đi thời mười phương Thế Giới, tất cả chấn động, ngay nơi đất động đều có năm trăm ức hoa báu, mỗi một hoa báu trang nghiêm cao hiển như Thế Giới Cực Lạc

Lúc vị Bồ Tát này ngồi thời cõi nước bảy báu, một thời dao động, từ cõi Phật **Kim Quang** (Suvarṇa-prabha) ở phương bên dưới cho đến cõi Phật **Quang Minh Vương** (Rāśmi-prabha-rāja) ở phương bên trên, ở khoảng giữa có vô lượng trần số **Phân Thân Vô Lượng Thọ Phật**, **Phân Thân Quán Thế Âm**, **Đại Thế Chí** thấy đều vân tập đến cõi nước Cực Lạc tràn đầy chật kín trong hư không, ngồi trên tòa hoa sen, diễn nói Diệu Pháp hóa độ chúng sinh bị khổ

Tác Quán này gọi là Quán thấy Đại Thế Chí Bồ Tát. Đây là **quán tướng Sắc Thân của Đại Thế Chí**

Quán vị Bồ Tát này gọi là **Quán thứ mười một**, trừ được tội của vô số kiếp a tăng kỳ sinh tử. Người tác Quán này chẳng còn ở trong bào thai, thường dạo chơi cõi nước tịnh diệu của chư Phật.

Quán này thành xong, gọi là Quán đầy đủ Quán Thế Âm với Đại Thế Chí.

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.



Quán sắc thân của Đại Thế Chí Bồ Tát

Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “Khi nhìn thấy việc này thời nên khởi tướng, tác Tâm tự thấy mình sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây, ngồi Kiết Già ở trong hoa sen. Tưởng làm hoa sen khép, tưởng làm hoa sen nở.

Khi hoa sen nở thời có ánh sáng năm trăm màu đi đến, tướng chiếu lên thân, tướng con mắt khai mở nhìn thấy Phật Bồ Tát đầy tràn trong hư không. Nước, chim,

cây, rừng cùng với chư Phật đã phát ra âm thanh đều diễn Diệu Pháp, cùng hợp với mười hai Bộ Kinh. Nếu ra khỏi Định thời nhớ giữ chẳng mất.

Nhìn thấy việc này xong, gọi là nhìn thấy Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Đây là **Phổ Quán Tượng** (quán tượng khắp cả), gọi là **Quán thứ mười hai**

Đức Phật Vô Lượng Thọ hóa thân vô số cùng với Quán Thế Âm, Đại Thế Chí thường đi đến chỗ của Hành Nhân này

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.



Quán khắp thấy mình sinh về Thế Giới Cực Lạc

Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “Nếu người muốn chí Tâm sinh về phương Tây, trước nên nên quán ở tượng *một trượng sáu* đứng ngay trên ao nước.

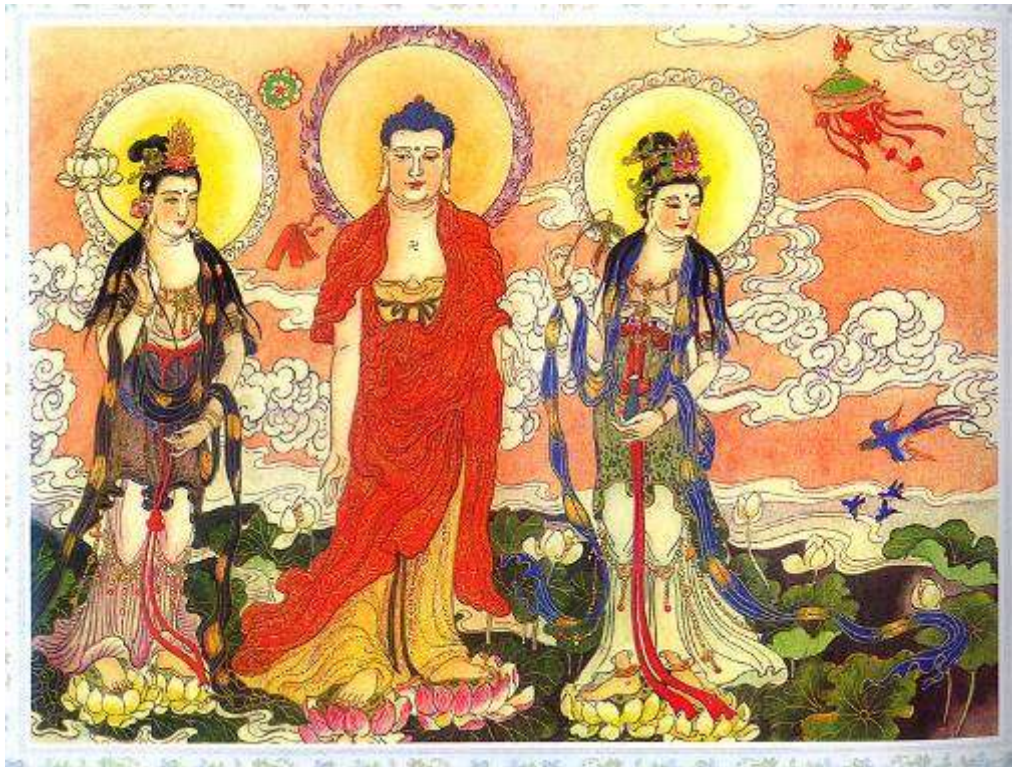
Như trước đã nói Đức Phật Vô Lượng Thọ có thân lượng vô biên, chẳng phải là chỗ của Tâm phạm phu theo kịp, song do sức nguyện đời trước của Đức Như Lai ấy cho nên người có nghĩ tưởng đều được thành tựu. Chỉ tượng tượng Phật còn được vô lượng Phước, hưởng chi là quán đầy đủ thân tướng của Đức Phật.

Đức Phật A Di Đà có Thần Thông Như Ý, biến hiện tự tại ở cõi nước khắp mười phương. Hoặc hiện thân to lớn đầy tràn trong hư không, hoặc hiện thân nhỏ: *một trượng sáu* (228 cm), *tám thước* (8 xích: 24 cm), hình đã hiện đều có màu vàng ròng. Hào quang tròn, Hóa Phật với hoa sen báu như trên đã nói.

Quán Thế Âm Bồ Tát với Đại Thế Chí ở tất cả nơi chốn thì thân đồng nhau. Chúng sinh chỉ quán tượng của cái đầu để biết là Quán Thế Âm, biết là Đại Thế Chí. Hai vị Bồ Tát này trợ giúp Đức Phật A Di Đà hóa độ khắp tất cả.

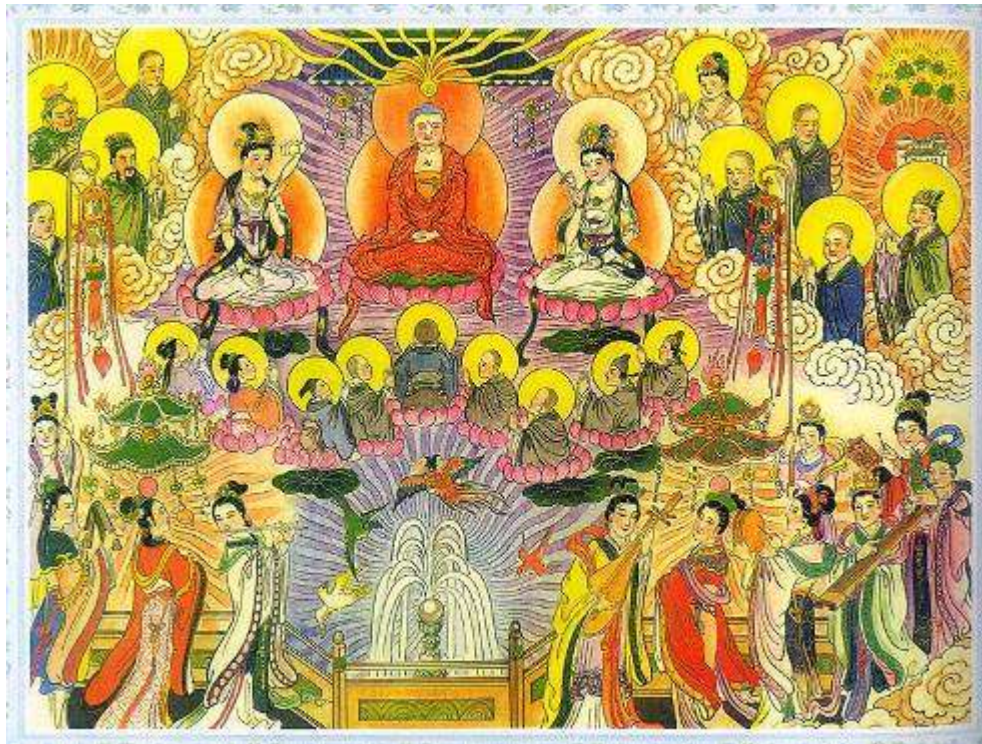
Đây là **Tạp Tượng Quán** (Quán tượng tạp) gọi là **Quán thứ mười ba**

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.



Quán tưởng chung ba vị Thánh

_ Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “Phàm người sinh về phương Tây có chín Phẩm.



Đồ hình chung cho chín Phẩm

Thượng Phẩm Thượng Sinh: Nếu có chúng sinh nguyện sinh về nước ấy, phát ba loại Tâm tức liền vãng sinh. Nhóm nào là ba?

- 1_ Tâm chí thành
- 2_ Tâm sâu xa
- 3_ Tâm hồi phước phát nguyện

Người đủ ba Tâm này ắt sinh về nước ấy

Lại có ba loại chúng sinh sẽ được vãng sinh. Nhóm nào là ba?

1_ Tâm hiền lành, chẳng giết chóc, đủ các Giới Hạnh

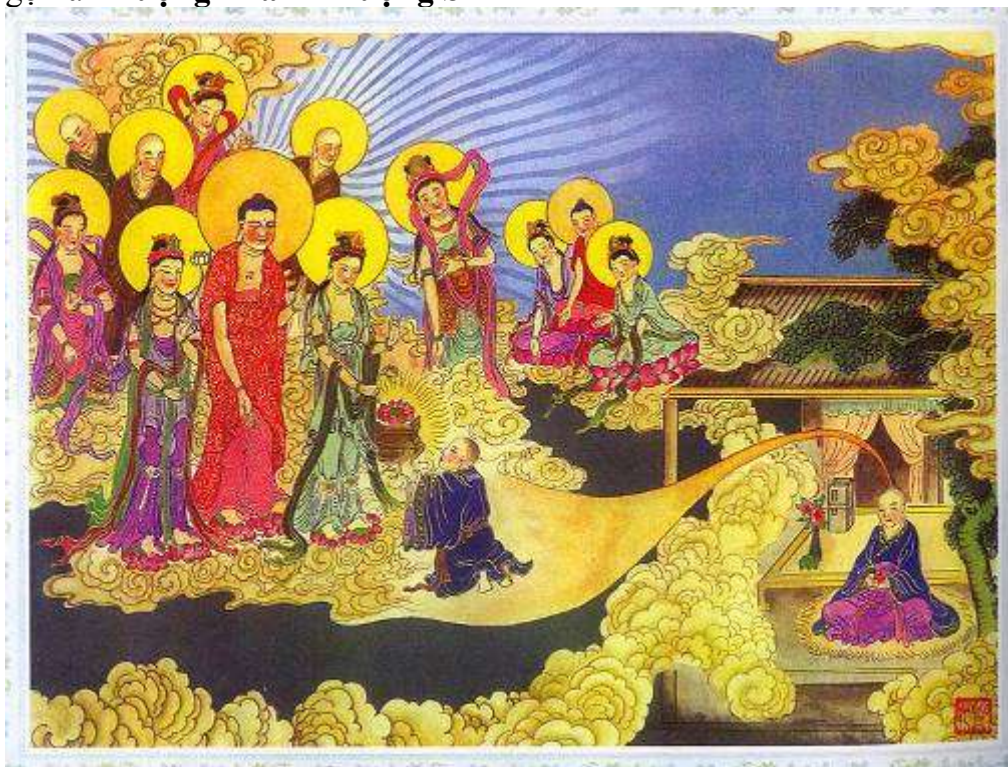
2_ Độc tụng Kinh Điển thuộc nhóm **Đại Thừa Phương Đẳng** (Mahā-yāna-vaipulya)

3_ Tu hành **sáu niệm**, hồi hướng, phát nguyện sinh về nước Phật ấy

Đủ Công Đức này, một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sinh. Khi sinh về nước ấy thời người này tinh tiến dũng mãnh cho nên Đức A Di Đà Như Lai cùng Quán Thế Âm với Đại Thế Chí, vô số vị Hóa Phật, trăm ngàn vị Tỳ Khưu Thanh Văn, Đại Chúng, vô lượng chư Thiên, cung điện bảy báu. Quán Thế Âm Bồ Tát cầm đài Kim Cương cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát đến trước mặt Hành Giả. Đức Phật A Di Đà phóng ánh sáng lớn chiếu lên thân Hành Giả cùng với các vị Bồ Tát trao tay nghênh đón. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng với vô số vị Bồ Tát khen ngợi Hành Giả, khuyến tấn Tâm ấy.

Hành Giả nhìn thấy xong, vui vẻ hơn hởi, tự thấy thân của mình nương theo đài Kim Cương đi theo sau Đức Phật, như khoảng búng ngón tay liền sinh về nước ấy. Sinh ở nước ấy xong, nhìn thấy đầy đủ mọi tướng của sắc thân Phật, nhìn thấy đầy đủ sắc tướng của các vị Bồ Tát. Ánh sáng, rừng báu diễn nói Diệu Pháp, nghe xong liền ngộ **Vô Sinh Pháp Nhẫn**. Trải qua phút chốc tuần tự phụng sự chư Phật, vào khắp phương giới, ở trước mặt chư Phật theo thứ tự Thọ Ký rồi quay trở về nước của mình, được vô lượng trăm ngàn **Đà La Ni Môn**

Đây gọi là **Thượng Phẩm Thượng Sinh**



Quán Thượng Phẩm Thượng Sinh

Thượng Phẩm Trung Sinh: Chẳng cần phải đọc tụng Kinh Điển **Phương Đẳng** (Vaipulya), khéo hiểu nghĩa thú. Đối với **Đệ Nhất Nghĩa** (Paramārtha: Chân Lý cứu cánh), Tâm chẳng sợ hãi, tin sâu Nhân Quả, chẳng chê bai Đại Thừa. Dùng Công Đức này hồi hướng, nguyện cầu sinh về nước Cực lạc.

Người thực hành Hạnh này, khi mạng sắp hết thời Đức Phật A Di Đà cùng Quán Thế Âm với Đại Thế Chí, vô lượng Đại Chúng quyền thuộc vây quanh...cầm đài vàng tía đến trước mặt Hành Giả khen rằng: “*Này **Pháp Tử** (Dharma-putra) ! Người thực hành Đại Thừa, hiểu **Đệ Nhất Nghĩa**, thế nên nay Ta đến nghênh đón người, cùng với ngàn vị Hóa Phật một thời trao tay*”

Hành Giả tự thấy mình ngồi ở đài vàng tía, chấp tay, chéo bàn tay, khen ngợi chư Phật. Như khoảng một niệm, liền sinh ở trong ao bảy báu của nước ấy. Đài vàng tía này như hoa báu lớn trải qua một đêm liền nở, thân Hành Giả làm màu vàng có sắc tía, dưới bàn chân cũng có hoa sen bảy báu, Phật với Bồ Tát đều phóng ánh sáng chiếu thân của Hành Giả, mắt liền mở sáng. Nhân đêm trước tập nghe khắp mọi tiếng, thuận nói **Đệ Nhất Nghĩa Đệ** (Paramārtha-satya) thâm sâu. Liền bước xuống đài vàng, lễ Phật, chấp tay khen ngợi Đức Thế Tôn. Trải qua bảy ngày, ứng thời liền đối với **A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) được chẳng thoái lui. Ứng thời liền hay bay đến mười phương tuôn tự phụng sự chư Phật. Ở chỗ của chư Phật tu các Tam Muội, trải qua một **Tiểu Kiếp** (Antara-kalpa) được **Vô Sinh Pháp Nhẫn** (Anutpattika-dharma-kṣānti) hiện trước mặt Thọ Ký.

Đây gọi là **Thượng Phẩm Trung Sinh**



Quán Thượng Phẩm Trung Sinh

Thượng Phẩm Hạ Sinh: Cũng tin Nhân Quả, chẳng chê bai Đại Thừa, chỉ phát Tâm Vô Thượng Đạo. Dùng Công Đức này hồi hướng, nguyện cầu sinh về nước Cực Lạc

Khi mạng của Hành Giả ấy sắp hết thời Đức Phật A Di Đà với Quán Thế Âm kèm Đại Thế Chí cùng với các Quyền Thuộc cầm hoa sen vàng, hóa làm năm trăm vị Hóa Phật đến nghênh đón người này. Năm trăm vị Hóa Phật một thời trao tay, khen rằng: “*Này **Pháp Tử** ! Nay người trong sạch phát Tâm Vô Thượng Đạo, Ta đến đón người*”

Khi thấy việc này thời liền tự thấy thân của mình ngồi ở hoa sen vàng. Ngồi xong thì hoa khép lại đi theo sau Đức Thế Tôn, liền được vãng sinh trong ao bảy báu, một ngày một đêm, hoa sen liền nở, trong bảy ngày mới được nhìn thấy Đức Phật, tuy thấy

thân của Đức Phật nhưng đối với mọi tướng tốt đẹp thì Tâm chưa thấu tỏ, hai mươi một ngày sau mới mỗi mỗi thấy rõ ràng, nghe mọi âm thanh đều diễn Diệu Pháp, du lịch mười phương cúng dường chư Phật, ở trước mặt chư Phật nghe Pháp thâm sâu, trải qua ba Tiểu Kiếp được **Bách Pháp Minh Môn** (sáng suốt thông đạt trăm loại Pháp Môn), trụ **Hoan Hỷ Địa** (Pramuditā-bhūmi).

Đây gọi là **Thượng Phẩm Hạ Sinh**



Quán Thượng Phẩm Hạ Sinh

Đây gọi là **Thượng Bối Sinh Tướng** (Quán tướng sinh vào nhóm bậc trên), gọi là **Quán thứ mười bốn**

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.

Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “**Trung Phẩm Thượng Sinh**: Nếu có chúng sinh thọ trì năm Giới, thọ trì tám Giới Trai, tu hành các Giới, chẳng tạo năm nghịch, không có mọi lỗi lầm ác. Dùng căn lành này hồi hướng nguyện cầu sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây

Khi Hành Giả sắp chết thời Đức Phật A Di Đà cùng với các vị Tỳ Khưu quyền thuộc vây quanh, phóng ánh sáng màu vàng ròng, đến chỗ của người ấy, diễn nói: **Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã**, khen ngợi xuất gia được lìa mọi khổ.

Hành Giả thấy xong, Tâm rất vui vẻ, tự thấy thân của mình ngồi ở đài hoa sen, quỳ thẳng lưng, chấp tay lễ Đức Phật, chưa đến khoảng ngẩng đầu lên liền được sinh về Thế Giới Cực Lạc, hoa sen sắp nở. Ngay lúc hoa nở thời nghe mọi âm thanh khen ngợi **bốn Đế**, ứng thời liền được **A La Hán Đạo**, **ba Minh**, **sáu Thông**, đủ **tám Giải Thoát**.

Đây gọi là **Trung Phẩm Thượng Sinh**



Quán Trung Phẩm Thượng Sinh

Trung Phẩm Trung Sinh: Nếu có chúng sinh hoặc một ngày một đêm giữ tám **Giới Trai**, hoặc một ngày một đêm giữ **Sa Di Giới**, hoặc một ngày một đêm giữ **Cụ Túc Giới**...uy nghi không thiếu sót. Dùng Công Đức này hồi hướng, nguyện cầu sinh về nước Cực Lạc, **Giới Hương** xông ướp tu hành.

Như Hành Giả này, lúc mạng sắp hết nhìn thấy Đức Phật A Di Đà cùng với các Quyển Thuộc phóng ánh sáng vàng ròng, cầm hoa sen bảy báu đến trước mặt Hành Giả. Hành Giả tự nghe trong hư không có tiếng khen rằng: “*Thiện Nam Tử (Kula-putra) ! Người Thiện như người tùy thuận lời dạy bảo của chư Phật ba đời nên Ta đến nghênh đón người*”

Hành Giả tự thấy mình ngồi trên hoa sen, hoa sen liền khép lại, sinh ngay trong ao báu tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây, trải qua bảy ngày, hoa sen mới nở. Hoa đã nở bày xong thì mở mắt, chấp tay khen ngợi Đức Thế Tôn, nghe Pháp, vui vẻ được **Tu Đà Hoàn** (Srota-āpanna), trải qua nửa Kiếp được thành **A La Hán** (Arhate)

Đây gọi là **Trung Phẩm Trung Sinh**.



Quán Trung Phẩm Trung Sinh

Trung Phẩm Hạ Sinh: Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện hiếu dưỡng cha mẹ, thực hành Nhân Nghĩa của đời. Người này lúc mạng muốn hết thời gặp vị **Thiện Tri Thức** (Kalyāṇamitra) vì họ rộng nói việc vui sướng trong cõi nước của Đức Phật A Di Đà, cũng nói bốn mươi tám Nguyên lớn của Tỳ Khưu **Pháp Tạng**. Nghe việc này xong, bỗng liền dứt mạng, ví như khoảng người tráng sĩ co duỗi cánh tay, liền sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây. Sinh xong, trải qua bảy ngày, gặp Quán Thế Âm với Đại Thế Chí. Nghe Pháp vui vẻ được **Tu Đà Hoàn** (Srota-āpanna) hơn một Tiểu Kiếp thành **A La Hán** (Arhate)

Đây gọi là **Trung Phẩm Hạ Sinh**.



Quán Trung Phẩm Hạ Sinh

Đây gọi là **Trung Bối Sinh Tướng** (Quán tướng sinh vào nhóm bậc giữa), gọi là **Quán thứ mười lăm**

Tác Quán này thì gọi là Chính Quán, nếu Quán khác thì gọi là Tà Quán”.

Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “**Hạ Phẩm Thượng Sinh:** Hoặc có chúng sinh làm mọi nghiệp ác, tuy chẳng chê bai bêu rêu Kinh Điển **Phương Đẳng**

Như người ngu này, phần lớn gây tạo Pháp ác, không có xấu hổ. Lúc mạng muốn hết thời gặp vị Thiện Tri Thức vì họ khen **đầu đề, danh tự** của 12 Bộ Kinh Đại Thừa. Đã nghe tên của các Kinh như vậy cho nên trừ khử nghiệp ác cực nặng trong một ngàn kiếp. Bậc Trí lại dạy chấp tay, chéo bàn tay, xưng “**Nam mô A Di Đà Phật**”. Do xưng tên PHật cho nên trừ được tội của năm mươi ức kiếp sinh tử. Lúc đó Đức Phật ấy liền khiến Hóa Phật, Hóa Quán Thế Âm, Hóa Đại Thế Chí đến trước mặt Hành Giả, khen rằng: “*Lành thay Thiện Nam Tử ! Do ngươi xưng tên Phật cho nên các tội tiêu diệt. Ta đến đón ngươi*”

Nói lời này xong, Hành Giả liền thấy ánh sáng của vị Hóa Phật tràn đầy cái thấy ấy. Nhìn thấy xong, vui vẻ tức liền dứt mạng, nương theo hoa sen báu đi theo sau vị Hóa Phật, sinh trong ao báu. Trải qua bốn mươi chín ngày hoa sen mới nở bày. Ngay lúc hoa nở thời **Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát** với **Đại Thế Chí Bồ Tát** phóng ánh sáng lớn, đứng trước mặt người ấy, vì họ nói 12 Bộ Kinh thâm sâu. Nghe xong, tin hiểu, phát Tâm Vô Thượng Đạo, trải qua mười Tiểu Kiếp, đủ **bách Pháp Minh Môn**, được vào **Sơ Địa** (tức Hoan Hỷ Địa)

Đây gọi là **Hạ Phẩm Thượng Sinh**. Được nghe tên Phật, tên Pháp với tên Tăng. Nghe tên Tam Bảo liền được vãng sinh.



Quán Hạ Phẩm Thượng Sinh

Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “**Hạ Phẩm Trung Sinh**: Hoặc có chúng sinh hủy phạm năm Giới, tám Giới với Cụ Túc Giới.

Như người ngu này, trộm vật dụng của Tăng Kỳ (Sāṃghika: Chúng), ăn cắp vật dụng của Tăng hiện tiền, chẳng trong sạch nói Pháp, không có xấu hổ, dùng các Pháp ác ấy mà tự trang nghiêm. Như tội nhân này do nghiệp ác cho nên đáng bị rơi vào Địa Ngục. Khi mạng muốn dứt thời mọi lửa của Địa Ngục đều đến cùng một lúc, gặp vị Thiện Tri Thức dùng Đại Từ Bi, liền vì họ khen nói Uy Đức mười Lực của Đức Phật A Di Đà, rộng khen Thần Lực ánh sáng của Đức Phật ấy, cũng khen ngợi **Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiền**

Người này nghe xong, trừ được tội của tám mươi ức kiếp sinh tử, lửa mạnh của Địa Ngục hóa làm ngọn gió mát thổi các hoa Trời. Trên hoa đều có Hóa Phật Bồ Tát nghênh đón người này, như khoảng một niệm liền được vãng sinh ở hoa sen trong ao bảy báu, trải qua sáu kiếp hoa sen mới nở bầy. Ngay lúc hoa nở thời Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng **Phạm Âm** (Brahma-ghoṣa) an ủi người ấy, vì họ nói Kinh Điện thâm sâu của Đại Thừa. Nghe Pháp này xong, ứng thời liền phát Tâm Vô Thượng Đạo.

Đây gọi là **Hạ Phẩm Trung Sinh**.



Quán Hạ Phẩm Trung Sinh

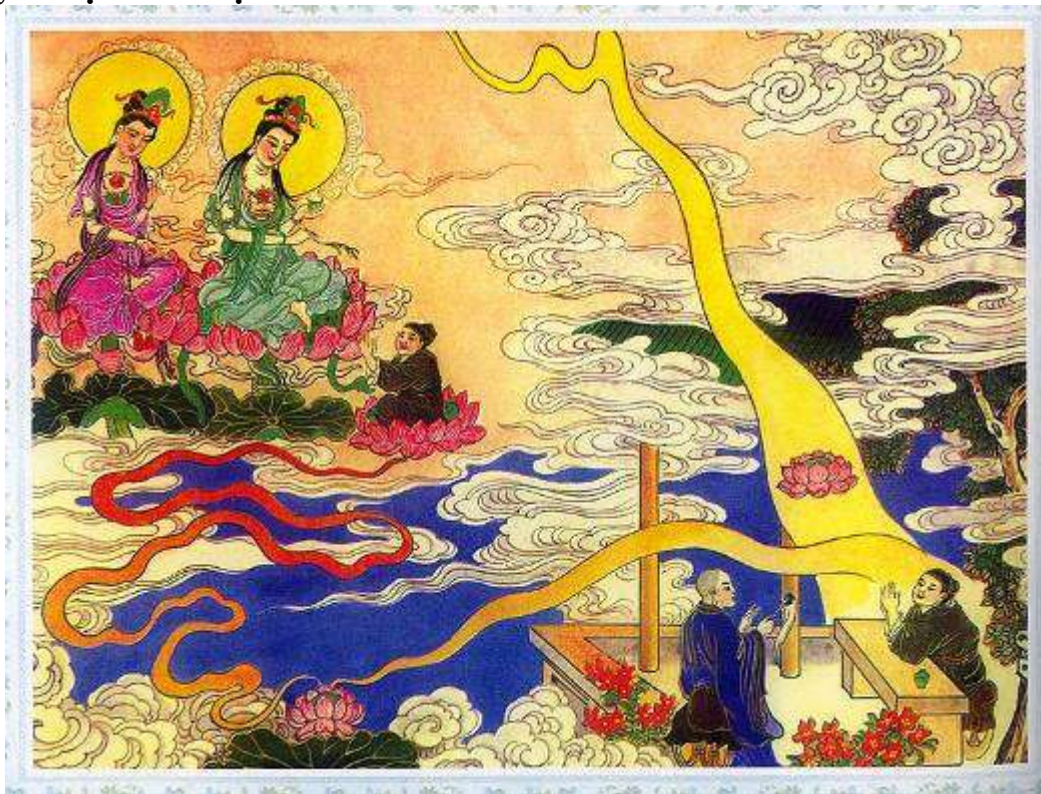
Đức Phật bảo A Nan với Vi Đề Hy: “**Hạ Phẩm Trung Sinh**: Hoặc có chúng sinh tạo làm nghiệp Bất Thiện, năm nghịch, mười ác, đủ các việc chẳng lành

Như người ngu này do nghiệp ác cho nên đáng bị rơi vào đường ác, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng.

Như người ngu này lúc mạng sắp dứt thời gặp vị Thiện Tri Thức dùng mọi thứ an ủi, vì họ nói Diệu Pháp, khiến niệm Phật. Người ấy bị khổ ép bức, chẳng rảnh rỗi niệm Phật. Vị **Thiện Hữu** bảo rằng: “*Nếu ngươi chẳng thể niệm Đức Phật ấy thì nên xưng “**Quy mệnh Vô Lượng Thọ Phật**”, như vậy chí Tâm khiến tiếng chẳng dứt, đầy đủ mười niệm, xưng “**Nam mô A Di Đà Phật**”. Vì xưng tên Phật cho nên ở trong mỗi một niệm, trừ được tội của tám mươi ức kiếp sinh tử*”

Khi mạng dứt thời nhìn thấy hoa sen vàng giống như vành mặt trời trụ trước mặt người ấy, như khoảng một niệm liền được sinh về Thế Giới Cực Lạc, ở trong hoa sen đủ mười hai Đại Kiếp thì hoa sen mới nở. Ngay lúc hoa nở thời Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng âm thanh Đại Bi liền vì người ấy rộng nói Thật Tướng, Pháp trừ diệt tội. Nghe xong vui vẻ, ứng thời liền phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)

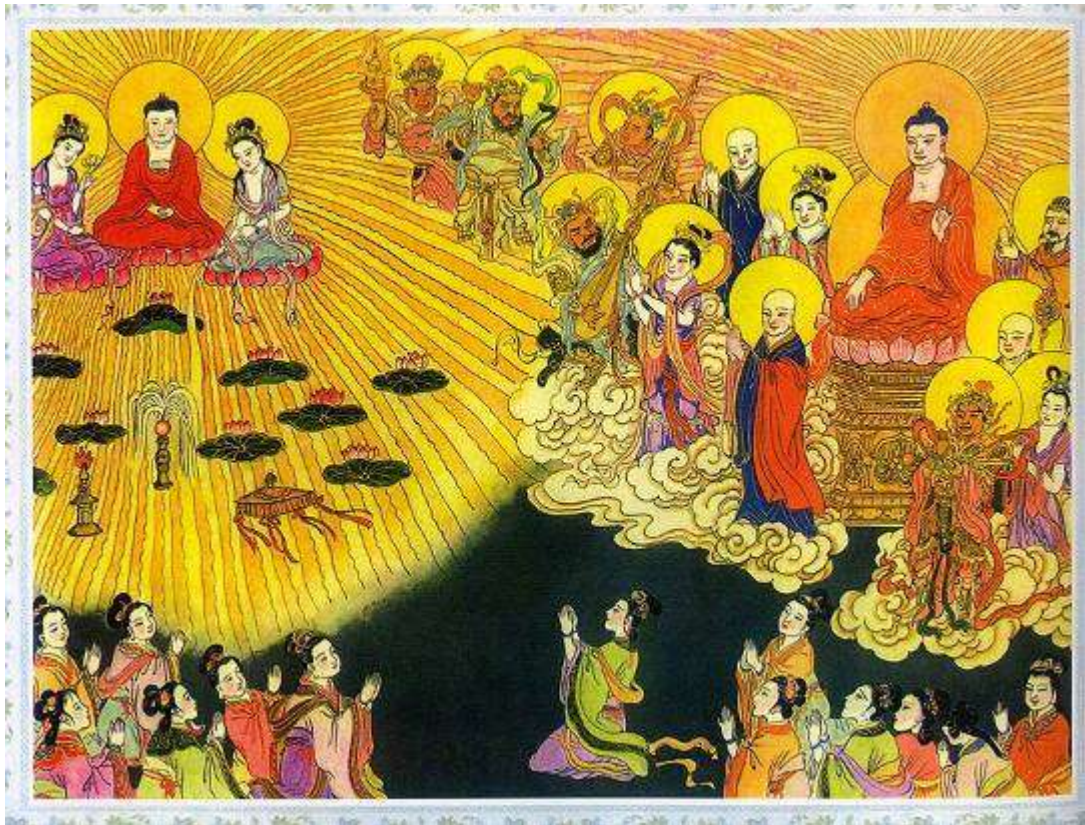
Đây là **Hạ Phẩm Hạ Sinh**



Quán Hạ Phẩm Hạ Sinh

Đây gọi là **Hạ Bối Sinh Tướng** (Quán tướng sinh vào nhóm bậc dưới), gọi là **Quán thứ mười sáu**”

Khi Đức Thế Tôn nói lời này thời Vi Đề Hy cùng với năm trăm **Thị Nữ** nghe điều Đức Phật đã nói, ứng thời liền nhìn thấy tướng dài rộng của Thế Giới Cực Lạc, được nhìn thấy thân Phật với hai vị Bồ Tát, Tâm sinh vui vẻ, khen **chưa từng có**, đột nhiên Đại Ngộ, được **Vô Sinh Nhẫn**.



Bà Vi Đề Hy ngộ Đạo

Năm trăm Thị Nữ phát Tâm A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề (Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác), nguyện sinh về nước ấy. Đức Thế Tôn thọ ký cho đều sẽ được vãng sinh. Sinh về nước ấy xong, đắc được **Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội**. Vô lượng chư Thiên phát Tâm Vô Thượng Đạo.



Năm trăm Thị Nữ phát Tâm Bồ Đề

Bấy giờ A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Nên dùng tên nào gọi Kinh này ? Điều thiết yếu của Pháp này nên thọ trì như thế nào?”

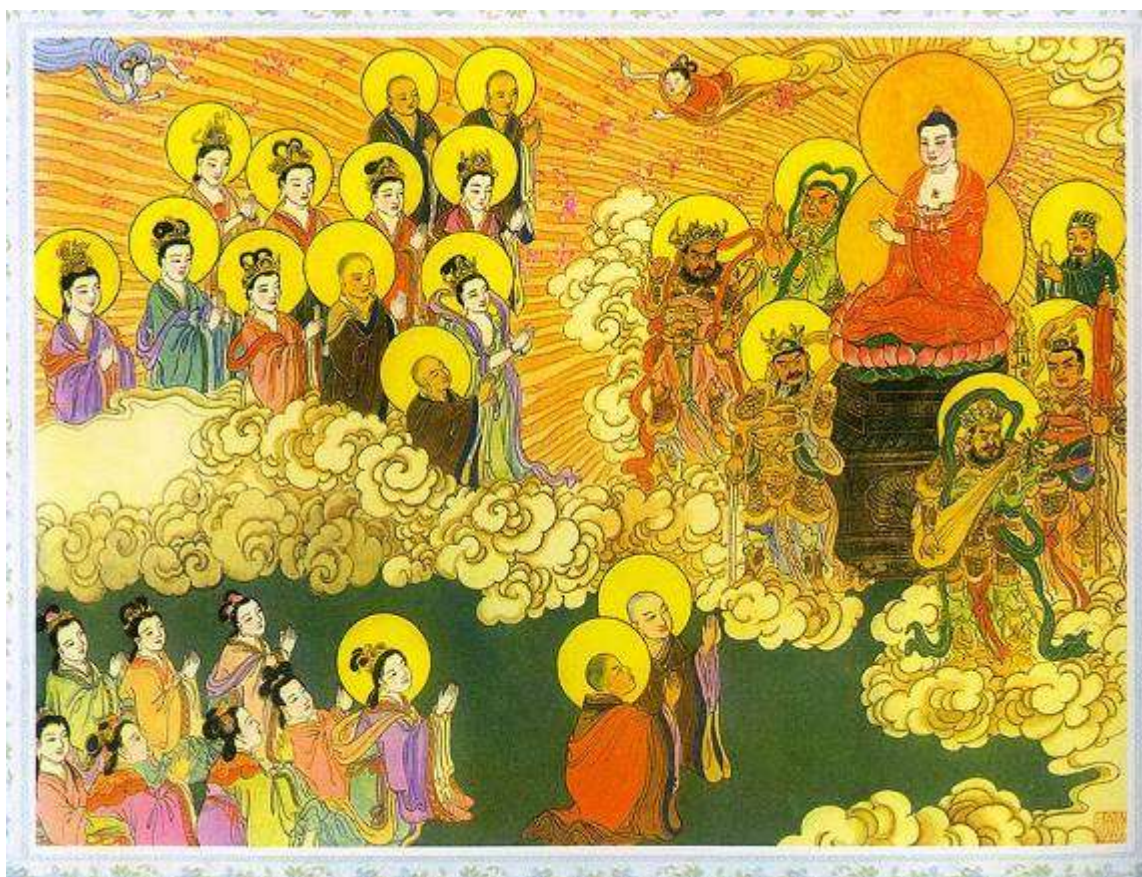
Đức Phật bảo A Nan: “Kinh này tên là **Quán cõi nước Cực Lạc, Vô Lượng Thọ Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát**, cũng có tên là **Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Sinh trước mặt chư Phật**. Các người thọ trì không để cho quên mất. Người hành Tam Muội này thì thân đời này được nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ với hai vị Đại Sĩ.

Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện chỉ nghe tên Phật, tên hai vị Bồ Tát sẽ trừ được tội của vô lượng kiếp sinh tử, hưởng chi là nhớ niệm.

Nếu người niệm Phật thì nên biết người này tức là hoa **Phân Đà Lợi** (Punḍarīka: Hoa sen trắng) trong loài người. Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát là bạn thù thắng của người ấy, sẽ ngồi ở Đạo Trường, sinh trong nhà của chư Phật”

Đức Phật bảo A Nan: “Ông giữ gìn lời này cho tốt. Người giữ gìn lời này tức là giữ gìn tên của Đức Phật Vô Lượng Thọ”

Khi Đức Phật nói Kinh này thời Tôn Giả Mục Liên, Tôn Giả A Nan với nhóm Vi Đề Hy nghe điều Đức Phật đã nói, đều rất vui vẻ.



Cung vua lưu thông Kinh này

Bấy giờ Đức Thế Tôn bước đi trên hư không, quay trở về núi Kỳ Xà Quật.



Đức Phật đi trên hư không quay về núi Kỳ Xà Quật

Khi ấy A Nan rộng vì Đại Chúng nói việc như trên. Vô lượng **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **Thần** (Devatā), **Dạ Xoa** (Yakṣa) nghe điều Đức Phật đã nói đều rất vui vẻ, lễ Phật rồi lui ra.



Tại núi Kỳ Xà Quật lưu thông Kinh này

PHẬT NÓI KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT
Hết

02/12/2011

PHẬT NÓI KINH A DI ĐÀ (Sukhāvatī-vyūhah)

Hán dịch: Đời Diêu Tần_Quy Tư Tam Tạng CƯU MA LA THẬP
(Kumārajīva)

Việt dịch: HUYỀN THANH

Hình ảnh minh họa: **The Amida sutra mandala**

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự trong vườn **Kỳ Thọ Cấp Cô Độc** (Jetavana'nāthapiṇḍadasyārāma) tại nước **Xá-Vệ** (Śrāvastya) cùng với Đại Tỳ Kheo Tăng (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) gồm một ngàn hai trăm năm mươi người đến dự, đều là bậc **Đại A La Hán** (Mahā-śrāvaka:Đại Thanh Văn) mà mọi người đã biết như: Trưởng lão **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), **Ma Ha Mục Kiền Liên** (Mahā-Māudgalyāyana), **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-Kāśyapa), **Ma Ha Ca Chiên Diên** (Mahā-Kātyāyana), **Ma-Ha Câu Hy La** (Mahā-Kauṣṭhila), **Ly Bà Đa** (Revata), **Châu Lợi Bàn Đà Già** (Śuddhipanthaka), **Nan Đà** (Nanda), **A Nan Đà** (Ānanda), **La Hâu La** (Rāhula), **Kiều Phạm Ba Đề** (Gavāṃpati), **Tân Đầu Lô Phả La Đọa** (Bharadvāja), **Ca Lưu Đà Di** (Kālodayi), **Ma Ha Kiếp Tân Na** (Mahā-Kapphina), **Bạc Câu La** (Vakkula), **A Nậu Lâu Đà** (Aniruddha). Các Đại Đề Tử của nhóm như vậy kèm với các Bồ Tát Ma Ha Tát (Mahā-bodhisatva: Đại Bồ Tát), **Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử** (Mañjuśrī-dharma-rāja-putra), Bồ Tát **A Dật Đa** (Ajita:Vô Năng Thắng), Bồ Tát **Càn Đà Ha Đề** (Gandha-hasta:Hương Tượng), Bồ Tát **Thường Tinh Tấn** (Nityodyukta) và các vị Đại Bồ Tát của nhóm như vậy với vô lượng chư Thiên của hàng **Thích Đề Hoàn Nhân** (Śakra), **Đại Chúng** (Mahāsaṃgha) cùng đến dự.



Bấy giờ Đức Phật bảo Trưởng lão Xá Lợi Phất:



"Từ đây về phương Tây, vượt hơn mười vạn ức cõi Phật, có Thế Giới tên là **Cực Lạc** (Sukhavati)



Trong cõi ấy có Đức Phật hiệu là **A Di Đà** (Amitāyur: Vô Lượng Thọ) ngày nay, hiện đang nói Pháp.



Này Xá Lợi Phất ! Vì sao cõi ấy có tên là **Cực Lạc**? Vì chúng sanh trong nước ấy không có mọi nỗi khổ, chỉ nhận các niềm vui, nên gọi là Cực Lạc.

Lại Xá Lợi Phất ! Cõi nước Cực Lạc có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới võng, bảy lớp hàng cây.. đều là bốn báu, vây quanh vòng khắp. Chính vì thế cho nên nước ấy có tên là Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bảy báu, trong ấy tràn đầy nước tám Công Đức, đáy ao thuần dùng cát vàng trải làm mặt đất. Bốn bên có thềm bậc, đường đi đều do vàng (Suvarṇa), bạc (Rūpya), Lưu Ly (Vaidūrya), Pha Lê

(Sphaṭika) hợp thành. Bên trên có lầu gác cũng dùng vàng, bạc, Lưu Ly, Pha Lê, Xa Cừ (Musāra-galva), xích châu (Lohita-mukta), Mã Nỗ (Āsma-garbha) để nghiêm sức.

Hoa sen trong ao, lớn như bánh xe, màu xanh (Nīla-varṇāni) có ánh sáng xanh (Nīlanirbhāsāni), màu vàng (Pīta-varṇāni) có ánh sáng vàng (Pītanirbhāsāni), màu đỏ (loḥita-varṇāni) có ánh sáng đỏ (Lohitanirbhāsāni), màu trắng (Avadāta-varṇāni) có ánh sáng trắng (Avadātanirbhāsāni)... trong sạch thơm tho vi diệu.



Này Xá Lợi Phất ! Cõi nước Cực Lạc thành tựu Công Đức trang nghiêm như vậy.

Lại Xá Lợi Phất ! Cõi nước Phật (Buddha-kṣetra) ấy thường tấu nhạc Trời, đất bằng vàng ròng. Ngày đêm sáu thời, Trời tuôn mưa hoa Mạn Đà La (Mandarava-puṣpa). Chúng sinh trong nước ấy thường vào lúc sáng sớm, đều dùng vật áo đựng đầy mọi hoa thơm, cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác, đến giờ ăn thì quay về nước của mình, ăn cơm xong rồi đi Kinh Hành.



Này Xá Lợi Phát ! Cõi nước Cực Lạc thành tựu Công Đức trang nghiêm như vậy.

Lại nữa, Xá-Lợi-Phát ! Nước ấy thường có mọi loại chim đủ màu sắc xinh đẹp lạ kỳ như chim: Bạch Hạc (Hamsa), Khổng Tước (Mayūra), Anh Vũ (Krauñcā), Xá Lợi (Śāli), Ca Lãng Tàn Già (Kalaviṅka), Cộng Mệnh Điều.... Các loài chim đó, ngày đêm sáu Thời, phát ra âm thanh hòa nhã. Âm thanh ấy diễn xướng Pháp của nhóm như vậy: **năm Căn** (Pañca-indrya), **năm Lực** (Pañca-bala), **bảy Bồ Đề Phần** (Sapta-bodhyaṅga), **tám Thánh Đạo Phần** (Aṣṭāṅgika-marga).... Chúng sinh trong cõi ấy nghe âm thanh đó xong thấy đều niệm Phật (Buddha-manasikāra), niệm Pháp (Dharma-manasikāra), niệm Tăng (Saṃgha-manasikāra)



Xá-Lợi-Phát ! Ông đừng nói rằng: *”Loài chim này thật là nơi sinh của tội báo”*. Tại sao thế ? Vì cõi nước Phật ấy không có ba nẻo ác.

Này Xá-Lợi-Phát ! Cõi nước Phật ấy còn không có tên gọi của ba nẻo ác, huống chi lại có thật. Các loài chim đó đều do Đức Phật A Di Đà muốn khiến cho Pháp Âm được tuyên lưu nên biến hóa tạo ra.

Xá-Lợi-Phát ! Cõi nước Phật ấy, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu với lưới võng báu liền tuôn ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn thứ nhạc cùng tấu chung một lúc. Người nghe âm thanh đó, tự nhiên sinh tâm: niệm Phật (Buddhānusmṛti), niệm Pháp (Dharmānusmṛti), niệm Tăng (saṃghānusmṛti)

Này Xá Lợi Phát ! Cõi nước Cực Lạc thành tựu Công Đức trang nghiêm như vậy.

Xá Lợi Phát ! Ý ông thế nào ? Vì sao Đức Phật ấy có hiệu là **A Di Đà** (Amitābha: Vô Lượng Quang)?

Xá-Lợi-Phất ! Đức Phật ấy tỏa ánh sáng vô lượng, chiếu soi các cõi nước trong mười phương không có chướng ngại. Chính vì thế cho nên có hiệu là **A Di Đà** (Amitābha: Vô Lượng Quang)

[Này Xá Lợi Phất ! Vì sao Đức Phật ấy có tên gọi là **A Di Đà** (Amitāyur: Vô Lượng Thọ)?]

Lại Xá-Lợi-Phất! Thọ Mệnh của Đức Phật với người dân của Ngài kéo dài vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, cho nên có tên là **A Di Đà** (Amitāyur : Vô Lượng Thọ)



Xá Lợi Phất ! Đức Phật A Di Đà thành Phật đến nay đã được mười kiếp

Lại Xá-Lợi-Phất ! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên Đệ Tử **Thanh Văn** (Śrāvaka) đều là A La Hán (Arhate), chẳng phải là chỗ có thể biết được do tính đếm. Các Bồ Tát cũng lại như vậy.

Này Xá Lợi Phất ! Cõi nước Cực Lạc thành tựu Công Đức trang nghiêm như vậy.

Lại Xá-Lợi-Phất ! Chúng sinh trong cõi nước Cực Lạc đều là bậc Bất Thoái Chuyển (Avaivartika). Trong ấy phần lớn là bậc Nhất Sinh Bổ Xứ (ekajāti-pratibaddha), số đó rất nhiều, chẳng phải là chỗ hay biết của sự tính đếm, chỉ có thể dùng số vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp mà nói.

Xá-Lợi-Phất ! Chúng sinh nghe điều đấy, cần phải phát nguyện, nguyện sinh về nước ấy. Tại sao thế ? Vì được cùng với các người **Thượng Thiện** tụ hội tại một chỗ.



Xá-Lợi-Phát! Chẳng thể dùng chút ít Căn lành, Phước Đức, Nhân Duyên mà được sinh về cõi đó.

Xá-Lợi-Phát! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nghe nói về Đức Phật A Di Đà , rồi chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, một lòng chẳng loạn. Lúc người ấy lâm chung thời Đức Phật A Di Đà cùng với các Thánh Chúng hiện ngay trước mặt người đó. Khi người đó chết thời tâm chẳng điên đảo, liền được vãng sinh về cõi nước Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.



Này Xá-Lợi-Phát! Ta thấy lợi ích đó cho nên nói lời này. Nếu có chúng sinh nghe điều đã nói đó, cần phải phát nguyện sinh về cõi nước ấy.

Xá-Lợi-Phát ! Như Ta ngày nay khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật A Di Đà.

Phương Đông (Pūrvasyāṃ-diśi) cũng có Đức Phật **A Súc Bệ** (Akṣobhya), Đức Phật **Tu Di Tướng** (Meru-lakṣaṇa), Đức Phật **Đại Tu Di** (Mahā-merur), Đức Phật **Tu Di Quang** (Meru-prabhāsa), Đức Phật **Diệu Âm** (Mañju-ghoṣa). Hằng hà sa số chư Phật thuộc nhóm như vậy, đều ở nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật rằng: "Chúng sinh các người nên tin Kinh **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** đó".



Này Xá Lợi Phất ! Thế Giới ở phương Nam (Dakṣiṇasyāṃ diśi) có Đức Phật **Nhật Nguyệt Đăng** (Candra-sūrya-pradīpa), Đức Phật **Danh Văn Quang** (Yasah-prabha), Đức Phật **Đại Diệm Kiên** (Mahārciḥ-skandha), Đức Phật **Tu Di Đăng** (Meru-pradīpa), Đức Phật **Vô Lượng Tinh Tiến** (Ananta-vīrya). Hằng hà sa số chư Phật thuộc nhóm như vậy, đều ở nước của mình, hiện ra tướng lưới rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật rằng: "Chúng sinh các người nên tin Kinh **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** đó".



Này Xá Lợi Phất ! Thế Giới ở phương Tây (Paścimāyām diśi) có Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyur), Đức Phật **Vô Lượng Tướng** (Amita-lakṣaṇa), Đức Phật **Vô Lượng Trang** (Amita-dhvaṇa), Đức Phật **Đại Quang** (Mahā-prabha), Đức Phật **Đại Minh** (Mahā-vidya), Đức Phật **Bảo Tướng** (Ratna-lakṣaṇa), Đức Phật **Tịnh Quang** (Śuddha-rasmi-prabha). Hằng hà sa số chư Phật thuộc nhóm như vậy, đều ở nước của mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật rằng: "Chúng sinh các người nên tin Kinh **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** đó".



Này Xá Lợi Phất ! Thế Giới ở phương Bắc (Uttarāyām diśi) có Đức Phật **Diệm Kiên** (Arciḥ-skandha), Đức Phật **Tối Thắng Âm** (Vaiśvānara-nirghoṣa), Đức Phật **Nan Trở** (Duṣpradharsa), Đức Phật **Nhật Sinh** (Āditya-sambhava), Đức Phật **Võng Minh** (Jaleni-prabha). Hằng hà sa số chư Phật thuộc nhóm như vậy, đều ở nước của mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật rằng: "Chúng sinh các người nên tin Kinh **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** đó".



Này Xá Lợi Phất ! Thế Giới ở phương bên dưới (Adhastāyāṃ diśi) có Đức Phật **Sư Tử** (Simha), Đức Phật **Danh Văn** (Yaśa), Đức Phật **Danh Quang** (Yaśaḥ-prabha), Đức Phật **Đạt Ma** (Dharma), Đức Phật **Pháp Tràng** (Dharma-dhvaja), Đức Phật **Trì Pháp** (Dharma-dhara). Hằng hà sa số chư Phật thuộc nhóm như vậy, đều ở nước của mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật rằng: "Chúng sinh các người nên tin Kinh **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** đó".



Này Xá Lợi Phất ! Thế Giới ở phương bên trên (Upariṣṭhāyāṃ diśi) có Đức Phật **Phạm Âm** (Brahma-ghoṣa), Đức Phật **Tú Vương** (Nakṣatra-rāja), Đức Phật **Hương Thượng** (Gandhottama), Đức Phật **Hương Quang** (Gandha-prabhāsa), Đức Phật **Đại Diệm Kiên** (Mahārciḥ-skandha), Đức Phật **Tạp Sắc Bảo Hoa** (Ratna-kusuma-saṃpuṣpita-gātra), Đức Phật **Sa La Thọ Vương** (Sālendra-rāja), Đức Phật **Bảo Hoa** (Ratnopala-śrī), Đức Phật **Kiến Nhất Thiết Nghĩa** (Sarvārtha-darśi), Đức Phật **Như Tu Di Sơn** (Sumeru-kalpa). Hằng hà sa số chư Phật thuộc nhóm như vậy, đều ở nước của mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật rằng: "Chúng sinh các người nên tin Kinh **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** đó".



Này Xá Lợi Phất ! Ý của ông thế nào? Vì sao gọi là Kinh **Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm** (sarva-buddha-parigrahaṃ)?"

Xá Lợi Phất ! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nghe Kinh đó rồi thọ trì thì các kẻ trai lành, người nữ thiện ấy đều được tất cả chư Phật cùng chung hộ niệm, đều được chẳng thoái lui nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề (Anuttarāṃ-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)

Chính vì thế cho nên Xá Lợi Phất ! Các ông đều nên tin nhận lời của Ta với điều mà chư Phật đã nói.

Này Xá Lợi Phất ! Nếu có người đã phát Nguyên, đang phát Nguyên, sẽ phát Nguyên, muốn sinh về nước của Đức Phật A Di Đà thì các nhóm người đó đều được chẳng thoái lui nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Ở cõi nước ấy, hoặc đã sinh, hoặc nay sinh, hoặc sẽ sinh

Chính vì thế cho nên Xá Lợi Phất ! Các kẻ trai lành, người nữ thiện...nếu có niềm tin, cần phải phát nguyện sinh về cõi nước ấy.



Này Xá-Lợi-Phất ! Như Ta ngày nay khen ngợi Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật thì các Đức Phật ấy cũng xưng nói Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Ta, mà nói lời này: "Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuni) hay làm việc hiếm có, rất khó khăn, hay ở cõi nước Sa Bà trong đời ác năm Trược: Kiếp Trược (Kalpa-kaṣāya), Kiến Trược (Dṛṣṭi-kaṣāya), Phiền Nã Trược (Kleśa-kaṣāya), Chúng Sinh Trược (Satva-kaṣāya), Mệnh Trược (āyuskaṣāya)...đặc A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, vì các chúng sinh nói **Pháp** mà tất cả Thế Gian **khó tin** đó".

Xá-Lợi-Phất! Nên biết, Ta ở đời ác năm Trược, hành việc khó này, được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, vì tất cả Thế Gian nói Pháp khó tin này. Đó là việc rất khó! “

Đức Phật nói Kinh này xong thời Xá Lợi Phất với các Tỳ Kheo, tất cả hàng Trời, Người, A-Tu-La trong Thế Gian, nghe điều Đức Phật đã nói, đều vui vẻ tin nhận, làm lễ rồi lui ra.



PHẬT NÓI KINH A DI ĐÀ (Hết)

Đức Phật Vô Lượng Thọ nói Vãng Sinh Tịnh Thổ Chú:

“Nam mô a di đà bà dạ, đá tha già đá dạ, đá địa dạ tha. A di lợi đô bà tỳ, A di lợi đá tất đam bà tỳ, A di lợi đá tỳ ca lan đá, già di nị, già già na, chỉ đà, ca lệ, toa bà ha”

ॐ नमो अमिताभया तथगतया
ॐ तद्यथा अमृतोद्भवो अमृतो सिद्धाम्भवो अमृतो विक्रान्तो
गमिने गगना किरित्ति करे स्वाहा

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta siddhambhava, amṛta vikrānta gamine, gagana kīrtti kare svāhā

Người tụng Chú này thường có Đức Phật A Di Đà trụ trên đỉnh đầu, sau khi mệnh chung, tùy ý vãng sinh

— Bồ Tát Long Thọ nguyện sinh về cõi An Dưỡng, nằm mộng mà cảm được Chú này

Tam Tạng Gia Xá tụng Chú này. Chùa Thiên Bình, Tú Pháp Sư được Tam Tạng truyền miệng bài Chú này. Người ấy nói: “Kinh Bản chẳng đến từ nước ngoài”

Thọ trì Chú Pháp, ngày đêm sáu Thời đều tụng 21 biến. Sáng sớm, ban đêm đều tắm rửa súc miệng, nhai nhấm canh Dương, thắp hương, đốt lửa, ở trước hình tượng, quỳ gối, chấp tay tụng 21 biến. Ngày ngày luôn như vậy liền diệt được bốn tội **nặng**, năm tội **ngịch**, mười tội **ác**. Tội chê bai Phương Đăng... đều được trừ diệt, hiện tại chẳng bị tất cả các Quỷ Thần tà gây nhiễu loạn. Sau khi mệnh chung, tùy ý vãng sinh về nước của Đức Phật A Di Đà, hưởng chi ngày đêm đọc tụng, thọ trì ắt được Công Đức chẳng thể nghĩ bàn.

PHẬT NÓI KINH A DI ĐÀ
QUYỂN THỨ NHẤT (Hết)

14/06/2010



KINH XÙNG TÁN TỊNH ĐỘ PHẬT NHIẾP THỌ

Hán dịch: Đại Đường Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Đồ hình minh họa: Sưu tập từ trang web **buddha-dharma.org** với vài hình ảnh ở nơi khác

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Bạc Già Phạm (Bhagavān) ngự tại **Thất La Phiệt** (Śrāvastya), trụ ở vườn **Cấp Cô Độc** (Anāthapiṇḍadasyārāma) trong rừng **Thệ Đa** (Jetavana) cùng với chúng Đại Bát Sô (Mahā-bhikṣu) gồm một ngàn hai trăm năm mươi người đến dự, tất cả đều là chúng Thanh Văn Tôn Túc, bậc Đại A La Hán mà mọi người đã biết. Các vị ấy tên là: Tôn Giả **Xá Lợi Tử** (Śāriputra), **Ma Ha Mục Kiền Liên** (Mahā-Maudgalyāyana), **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-Kāśyapa), **A Nê Luật Đà** (Aniruddha). Các **Đại Thanh Văn** (Mahā-srāvaka) của nhóm như vậy đều là bậc **Thượng Thủ** (Pramukha)

Lại cùng với vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát đến dự. Tất cả đều trụ địa vị **Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika), có vô lượng **Công Đức** (Guṇa), mọi chỗ trang nghiêm. Tên các vị ấy là: Bồ Tát **Diệu Cát Tường** (Mañjuśrī), Bồ Tát **Vô Năng Thắng** (Ajita), Bồ Tát **Thường Tinh Tiến** (Nityodyukta) Bồ Tát **Bất Hưu Túc** (Gandha-hasta: Hương Tượng). Các Đại Bồ Tát của nhóm như vậy đều là bậc **Thượng Thủ**.

Lại có **Đế Thích** (Śakra), **Đại Phạm Thiên Vương** (Mahā-brahma-deva-rāja), **Kham Nhẫn Giới Chủ** (Sahāmpati), **Hộ Thế Tứ Vương** (Catur-mahā-rājakajikah)...Như vậy là bậc **Thượng Thủ** của trăm ngàn **câu chi** (Koṭi) **na dữu đa** (Nayuta) số các chúng **Thiên Tử** (Devaputra) với vô lượng hàng **Trời** (Deva), **Người** (Manusya), **A Tổ Lạc** (Asura) của Thế Gian khác...vì nghe Pháp cho nên đều đến ngồi trong Hội.



Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Xá Lợi Tử: “Nay ông biết chăng? Ở phương Tây đó, cách Thế Giới này hơn trăm ngàn câu chi na dữu đa côi Phật, có Thế Giới Phật tên là **Cực Lạc** (Sukhāvatī).



Đức Thế Tôn trong cõi ấy tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyur) với **Vô Lượng Quang** (Amitābha) Như Lai (Tathāgata) Ứng (Arhate:Ứng Cúng) Chính Đẳng Giác (Samyaksambuddha), tròn đủ mười Hiệu. Ngày nay, hiện tại vị ấy an ổn trụ trì vì các hữu tình tuyên nói Pháp vi diệu thâm sâu khiến cho được thù thắng, lợi ích, an vui.



Lại Xá Lợi Tử! Nhân nào, duyên nào mà Thế Giới Phậ̣t ậ́y có tên là **Cực Lạc**?
 Nầy Xá Lợi Tử! Do trong cõi ậ́y, các loài hữu tình không có tất cả thân tâm ưu khổ, chỉ có vô lượng thanh tịnh thiện lạc. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong **Cực Lạc Thế Giới Tịnh Phậ̣t ĐỘ**, nơi nơi đều có bảy lớp lan can báu màu nhiệm bày thành hàng, bảy lớp cây **Đa La** (Sāla) báu bày thành hàng với có bảy lớp lưới võng báu màu nhiệm vòng khắp vây quanh; bốn báu trang nghiêm là báu vàng ròng (Suvarṇa), báu bạc (Rūpya), báu Phệ Lưu Ly (Vaidūrya), báu Pha Chi Ca (Sphaṭika) ...trợ nhau xen kẽ nghiêm sức màu nhiệm.

Nầy Xá Lợi Tử ! Trong cõi Phậ̣t ậ́y có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm, Công Đự́c trang nghiêm rất đáng yêu thích thuộc nhóm như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong **Cực Lạc Thế Giới Tịnh Phậ̣t ĐỘ**, nơi nơi đều có ao bảy báu màu nhiệm, trong đó tràn đầy nước tám Công Đự́c. Nhóm nào gọi là **nước tám Công Đự́c** ?

- 1_ Lắng sạch
- 2_ Trong mát
- 3_ Ngon ngọt
- 4_ Mềm nhẹ

- 5_ Thấm nhuận
- 6_ An hòa
- 7_ Lúc uống vào thời trừ vô lượng tai vạ lỗi lầm của nhóm đối khát
- 8_ Uống xong, quyết định hay nuôi lớn các Căn, bốn Đại, tăng ích mọi loại căn lành thù thắng, chúng sinh nhiều Phước thường vui thọ dụng.

Đáy của các ao báu đó rải bày cát vàng, giáp vòng bốn mặt có bốn thêm bậc đường đi, bốn báu trang nghiêm rất đáng yêu thích. Giáp vòng các ao có cây báu màu nhiệm xếp thành hàng tỏa hương thơm phức, bảy báu trang nghiêm rất đáng yêu thích.

Bảy báu là:

- 1_ Vàng (Suvarṇa)
- 2_ Bạc (Rūpya)
- 3_ Phệ Lưu Ly (Vaidūrya)
- 4_ Pha Chi Ca (Sphaṭika: Pha lê)
- 5_ Xích Châu (Lohita-mukta: Ngọc màu đỏ)
- 6_ Báu A Thập Ma Yết Lạp Bà (Aśma-garbha: Mã Nảo)
- 7_ Báu Mưu Sa Lạc Yết Lạp Bà (Musāra-galva: Xà Cừ)

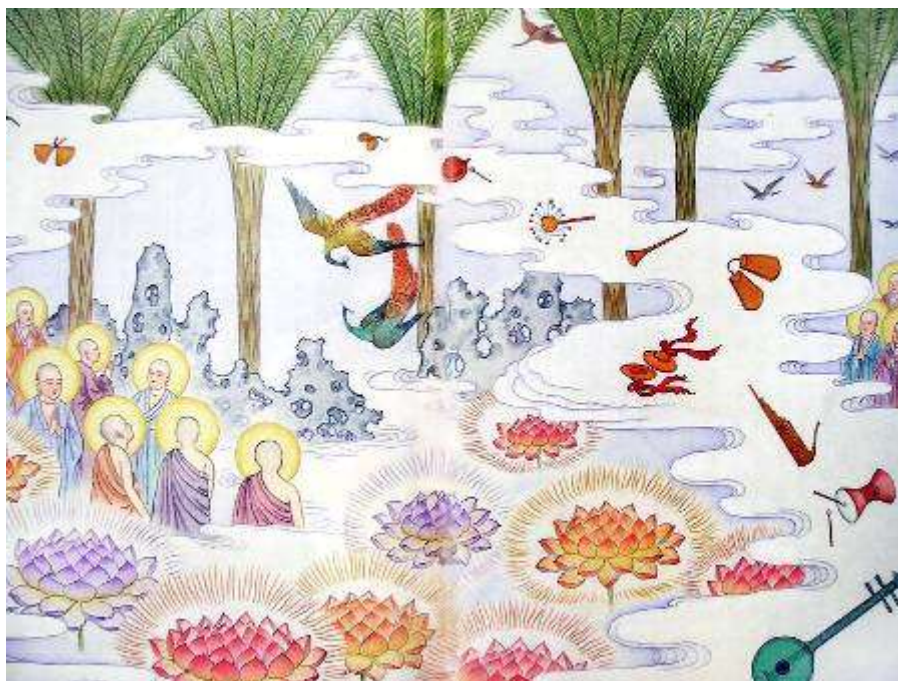
Trong các ao đó thường có mọi loại hoa sen đủ màu, lớn như bánh xe. Hình màu xanh (Nīlāni) hiển màu xanh (Nīla-varṇāni) tỏa ánh sáng màu xanh (Nīla-nirbhāsāni) có ảnh màu xanh (Nīlani-darśanāni). Hình màu vàng (Pītāni) hiển màu vàng (Pīta-varṇāni) tỏa ánh sáng màu vàng (Pīta-nirbhāsāni) có ảnh màu vàng (Pītāni-darśanāni). Hình màu đỏ (Lohitāni) hiển màu đỏ (Lohita-varṇāni) tỏa ánh sáng màu đỏ (Lohita-nirbhāsāni) có ảnh màu đỏ (Lohita-darśanāni). Hình màu trắng (Avadātāni) hiển màu trắng (Avadāta-varṇāni) tỏa ánh sáng màu trắng (Avadāta-nirbhāsāni) có ảnh màu trắng (Avadāta-darśanāni). Bốn hình, bốn hiển, bốn ánh sáng, bốn ảnh

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm thuộc nhóm như vậy, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong Cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, tự nhiên thường có vô lượng vô biên mọi kỹ nhạc màu nhiệm, âm khúc hòa nhã rất đáng yêu thích. Các loài hữu tình nghe âm thanh màu nhiệm này thời các phiền não ác thầy đều tiêu diệt, vô lượng Pháp lành dần dần tăng trưởng, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề.

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích thuộc nhóm như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, vòng khắp đại địa (Mahā-prthivi) đều do vàng ròng hợp thành, tiếp chạm mềm mại, thơm tho tinh khiết, tỏa ánh sáng, vô lượng báu màu nhiệm xen kẽ nhau tô điểm.

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích thuộc nhóm như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, ngày đêm sáu Thời thường tuôn mưa mọi loại hoa Trời thượng diệu, sáng bóng thơm tho tinh khiết, mềm mịn, đủ màu. Tuy khiến cho thân tâm của người nhìn thấy ưa thích nhưng chẳng tham dính, tăng trưởng cô lượng vô số Công Đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn của hữu tình. Loài hữu tình ấy, ngày đêm sáu Thời thường cảm lấy, cúng dường Đức Phật **Vô Lượng Thọ**. Lúc sáng sớm thời cảm hoa Trời này, trong khoảng một bữa ăn, bay đến vô lượng Thế Giới ở phương khác, cúng dường trăm ngàn câu chi chư Phật. Ở các cõi

Phật đều dùng trăm ngàn câu chi cây hoa, cầm rải cúng dường, rồi quay về chỗ của mình, dạo chơi các nơi mà chư Thiên trú ngụ (Devāvihārāya:Thiên trụ đẳng)

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích thuộc nhóm như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, thường có mọi loại chim đủ màu với mọi thứ kỳ diệu đáng yêu là: Nga Nhận (Hamsa), Thu Lộ (Śālī), Hồng Hạc, Khổng Tước (Mayūra), Anh Vũ (Krauñcā), Yết La Tần Ca (Kalaviṅka), Mệnh Mệnh Điều...Loài chim như vậy, ngày đêm sáu Thời, thường cùng nhau tập hội, phát ra âm thanh hòa nhã. Tùy theo âm thanh của loài ấy, tuyên dương Chính Pháp là: vô lượng Diệu Pháp của nhóm Niệm Trụ thâm sâu, Chính Đoạn, Thần Túc, Căn, Lực, Giác, Đạo. Chúng sinh trong cõi ấy, nghe âm thanh đó xong, đều được vô lượng Công Đức của **Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng** xông ướp tu sửa thân ấy.



Này Xá Lợi Tử! Ý của ông thế nào? Loài chim của cõi ấy có phải là chỗ nhiếp của nẻo ác, bàng sinh chăng? Đừng khởi cái nhìn ấy! Tại sao thế? Vì Tịnh Thổ của Đức Phật ấy không có ba nẻo ác, còn chẳng nghe thấy tên gọi của ba nẻo ác, huống chi là có thật nghiệp tội chiêu cảm của bàng sinh! Nên biết loài chim ấy đều là nơi biến hóa tạo làm của Đức Phật Vô Lượng Thọ khiến loài ấy tuyên xưng vô lượng Pháp Âm, giúp cho hữu tình được lợi ích an vui.

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích thuộc nhóm như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, thường có gió màu nhiệm thổi các cây báu với lưới võng báu phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn loại nhạc của cõi Trời cùng tấu một lúc, phát ra tiếng vi diệu rất đáng yêu thích. Như vậy cõi ấy thường có gió màu nhiệm thổi mọi cây báu với lưới võng báu, đánh vào phát ra mọi loại âm thanh vi diệu, nói mọi loại Pháp. Chúng sinh của cõi ấy, nghe tiếng đó xong khởi vô lượng Công Đức của nhóm tác ý, niệm Phật Pháp Tăng

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy có mọi sự nghiêm sức màu nhiệm, Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích thuộc nhóm như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, có vô lượng vô biên việc rất hiếm có, chẳng thể nghĩ bàn thuộc nhóm như vậy. Giả sử trải qua trăm ngàn câu chi na dữu đa kiếp, dùng vô lượng trăm ngàn câu chi na cái lưới, trên mỗi một cái lưới phát ra vô lượng tiếng khen ngợi Công Đức ấy thời cũng chẳng thể hết. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.

Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, Đức Phật có duyên gì mà gọi là **Vô Lượng Thọ** (Amitāyur) ?

Xá Lợi Tử! Do Đức Như Lai ấy với các hữu tình có thọ mệnh vô lượng vô số đại kiếp. Do duyên đó cho nên Đức Như Lai của cõi ấy có tên gọi là Vô Lượng Thọ.

Này Xá Lợi Tử! Đức Phật Vô Lượng Thọ chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttarāṃ-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) đến nay đã trải qua mười đại kiếp.



Xá Lợi Tử! Do duyên nào mà Đức Phật ấy có tên gọi là **Vô Lượng Quang** (Amitābha)?

Này Xá Lợi Tử! Do Đức Như Lai ấy luôn phóng ra vô lượng vô biên ánh sáng màu nhiệm chiếu khắp tất cả cõi Phật ở mười phương, ban làm việc Phật không có chướng ngại. Do duyên đó cho nên Đức Như Lai của cõi ấy có tên gọi là Vô Lượng Quang.

Này Xá Lợi Tử! Cõi Tịnh của Đức Phật ấy thành tựu Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, Đức Phật Vô Lượng Thọ thường có vô lượng Thanh Văn đệ tử, tất cả đều là bậc Đại A La Hán, đầy đủ mọi loại Công Đức vi diệu. Số lượng ấy nhiều vô lượng vô biên chẳng thể xưng đếm.

Này Xá Lợi Tử! Cõi Tịnh của Đức Phật ấy thành tựu Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật thanh tịnh tại Thế Giới Cực Lạc, Đức Phật Vô Lượng Thọ thường có vô lượng Bồ Tát Đệ Tử, tất cả đều là bậc **Nhất Sinh Sở Hê** (ekajāti-pratibaddha), đầy đủ mọi loại Công Đức vi diệu. Số lượng ấy nhiều vô biên chẳng thể xưng đếm. Giả sử trải qua vô số lượng kiếp, khen ngợi Công Đức ấy thời cuối cùng chẳng thể hết được.

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy thành tựu Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Nếu các hữu tình sinh vào cõi ấy, đều chẳng thoái chuyển, ắt chẳng bị rơi lại trong các nẻo hiểm ác, biên địa, hạ tiện, Miệt Lệ Xa... thường dạo chơi các cõi nước thanh tịnh của Phật, Hạnh Nguyên thù thắng, niệm niệm tăng tiến, quyết định sẽ chứng A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề

Này Xá Lợi Tử! Trong cõi Phật ấy thành tựu Công Đức trang nghiêm rất đáng yêu thích như vậy. Thế nên gọi là Thế Giới Cực Lạc.



Lại Xá Lợi Tử! Nếu các hữu tình nghe vô lượng Công Đức, mọi chỗ trang nghiêm trong cõi Phật thanh tịnh của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây ấy, đều nên phát nguyện sinh về cõi Phật ấy. Tại sao thế? Nếu sinh về cõi ấy, được cùng với nhóm Đại Sĩ thuộc vô lượng Công Đức, mọi chỗ trang nghiêm như vậy, đồng tập hội một chỗ, thọ dụng vô lượng Công Đức, mọi chỗ trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh như vậy, thường không thoái chuyển niềm vui của Pháp Đại Thừa, niệm niệm tăng tiến Vô lượng Hạnh Nguyện, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề.

Cho nên này Xá Lợi Tử! Loại hữu tình sinh về cõi Phật ấy thành tựu vô lượng vô biên Công Đức, chẳng phải các loại hữu tình có chút ít căn lành sẽ được vãng sinh về cõi Phật thanh tịnh thuộc Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ



Lại Xá Lợi Tử! Nếu các kẻ trai lành hoặc người nữ thiện có niềm tin trong sạch, được nghe vô lượng vô biên Công Đức, danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ, Công Đức trang nghiêm của Thế Giới Cực Lạc. Nghe xong, suy nghĩ, hoặc một ngày đêm, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy ngày đêm...buộc niệm chẳng loạn thì kẻ trai lành, người nữ thiện đó khi lâm chung thời Đức Phật Vô Lượng Thọ cùng với vô lượng Thanh Văn đệ tử, chúng Bồ Tát của ngài đều vây quanh trước sau, đi đến trụ trước mặt người ấy, Từ Bi gia hộ, khiến tâm chẳng loạn. Người ấy bỏ mạng xong, tùy theo chúng hội của Phật, sinh về cõi Phật thanh tịnh trong Thế Giới Cực Lạc của Đức Vô Lượng Thọ.



Lại Xá Lợi Tử! Ta quán lợi ích. An vui, việc lớn, nhân duyên như vậy nên nói lời thành thật rằng: *“Nếu các kẻ trai lành, người nữ thiện có niềm tin trong sạch, được nghe Công Đức, danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ như vậy, cõi Phật thanh tịnh trong Thế Giới Cực Lạc...tất cả đều nên tin nhận, phát nguyện, như Thuyết tu hành, sinh về cõi Phật ấy”*

Lại Xá Lợi Tử! Như Ta ngày nay xưng dương, khen ngợi vô lượng vô biên Công Đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Như vậy phương Đông (Pūrvasyām-diśi), hiện tại cũng có Đức Như Lai **Bất Động** (Akṣobhya), Đức Như Lai **Sơn Tràng** (Meru-dhvaja), Đức Như Lai **Đại Sơn** (Mahā-merur), Đức Như Lai **Sơn Quang** (Meru-prabhāsa), Đức Như Lai **Diệu Tràng** (Mañju-dhvaja). Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Đông, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng: *“Hữu Tình các nguời đều nên tin nhận Pháp Môn Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ* (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanam sarvabuddhaparigrahaṁ) *nếu vậy”*

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Nam (Dakṣiṇasyām diśi) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Nhật Nguyệt Quang** (Candra-sūrya-pradīpa), Đức Như Lai **Danh Xưng Quang** (Yaśaḥprabha), Đức Như Lai **Đại Quang Uẩn** (Mahārciḥ-skandha), Đức Như Lai **Mê Lô Quang** (Meru-pradīpa), Đức Như Lai **Vô Biên Tinh Tiến** (Ananta-vīrya).

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Nam, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng: *“Hữu Tình các nguời đều nên tin nhận Pháp Môn Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ* (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanam sarvabuddhaparigrahaṁ) *nếu vậy”*

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Tây (Pāścimāyām diśi) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Vô Lượng Thọ** (Amitāyur), Đức Như Lai **Vô Lượng Uẩn** (Amita-skandha), Đức Như Lai **Vô Lượng Quang** (Amitābha), Đức Như Lai **Vô Lượng Tràng** (Amita-dhvaja), Đức Như Lai **Đại Tự Tại** (Mahe'svara), Đức Như Lai **Đại Quang** (Mahāprabha), Đức Như Lai **Quang Diệm** (?Suddharaśmiprabha: Tịnh Quang), Đức

Như Lai **Đại Bảo Tràng** (Mahāratnaketu), Đức Như Lai **Phóng Quang** (?Mahā-vidya: Đại Minh).

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Tây, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưới rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng: “*Hữu Tình các người đều nên tin nhận Pháp Môn Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ* (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanam sarvabuddhaparigrahaṃ) *như vậy*”

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Bắc (Uttarāyān đi) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Vô Lượng Quang Nghiêm Thông Đạt Giác Tuệ** (?Vaiśvānara-nirghoṣa: Tối Thắng Âm), Đức Như Lai **Vô Lượng Thiên Cổ Chấn Đại Diệu Âm** (Duṇḍubhisvara-nirghoṣa), Đức Như Lai **Đại Uẩn** (Mahā-skandha), Đức Như Lai **Quang Vĩng** (Jaleniprabha), Đức Như Lai **Sa La Đế Vương** (Sāendra-rāja).

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Bắc, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưới rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng: “*Hữu Tình các người đều nên tin nhận Pháp Môn Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ* (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanam sarvabuddhaparigrahaṃ) *như vậy*”

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương bên dưới (Adhastāyān đi) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Thị Hiện Nhất Thiết Diệu Pháp Chính Lý Thường Phóng Hỏa Vương Thắng Đức Quang Minh** (?), Đức Như Lai **Sư Tử** (Simha), Đức Như Lai **Danh Xưng** (Yāsa), Đức Như Lai **Dự Quang** (Yasahprabhāsa), Đức Như Lai **Chính Pháp** (Dharma), Đức Như Lai **Diệu Pháp** (Saddharma ? Dharmadhara: Trì Pháp), Đức Như Lai **Pháp Tràng** (Dharma-dhvaja), Đức Như Lai **Công Đức Hữu** (?Guṇa-mitra), Đức Như Lai **Công Đức Hiệu** (?Guṇa-nāma)

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương bên dưới, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưới rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng: “*Hữu Tình các người đều nên tin nhận Pháp Môn Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ* (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanam sarvabuddhaparigrahaṃ) *như vậy*”

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương bên trên (Upariṣṭhāyān đi) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Phạm Âm** (Brahma-ghoṣa), Đức Như Lai **Tú Vương** (Nakṣatra-rāja), Đức Như Lai **Hương Quang** (Gandha-prabhāsa), Đức Như Lai **Như Hồng Liên Hoa Thắng Đức** (?Ratna-kusuma-sampūṣpita-gātra: Tụ Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân), Đức Như Lai **Thị Hiện Nhất Thiết Nghĩa Lợi** (Sarvārtha-darśi).

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương bên trên, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưới rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng: “*Hữu Tình các người đều nên tin nhận Pháp Môn Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ* (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanam sarvabuddhaparigrahaṃ) *như vậy*”

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Đông Nam (Āgneyī) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Tối Thượng Quảng Đại Vân Lô Âm Vương** (?).

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Đông Nam, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng: **“Hữu Tình các người đều nên tin nhận Pháp Môn Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) **nư vậy”**

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Tây Nam (Nairṛtā) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Tối Thượng Nhật Quang Danh Xưng Công Đức (?)**.

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Tây Nam, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng: **“Hữu Tình các người đều nên tin nhận Pháp Môn Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) **nư vậy”**

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Tây Bắc (Vāyavyā) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Vô Lượng Công Đức Hỏa Vương Quang Minh (?)**

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát sông Hằng (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Tây Bắc, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng: **“Hữu Tình các người đều nên tin nhận Pháp Môn Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) **nư vậy”**

Lại Xá Lợi Tử! Như vậy phương Đông Bắc (Aiśānī) hiện tại cũng có Đức Như Lai **Vô Số Bách Thiên Câu Chi Quảng Tuệ (?)**

Chư Phật thuộc nhóm như vậy nhiều như cát **sông Hằng** (Căng Già:Gaṅga) trụ tại Phật Tịnh Thổ của mình ở phương Đông Bắc, mỗi mỗi đều hiện bày tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, giáp vòng vây quanh, nói lời thành thật rằng: **“Hữu Tình các người đều nên tin nhận Pháp Môn Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ** (pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ) **nư vậy”**



Lại Xá Lợi Tử! Do duyên nào mà Kinh này có tên gọi là **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ Pháp Môn ?**

Này Xá Lợi Tử! Do trong Kinh này xưng dương, khen ngợi Công Đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn thuộc Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ với chư Phật Thế Tôn ở mười phương vì muốn phương tiện lợi ích an vui cho các hữu tình, cho nên

đều trụ tại cõi nước của mình, hiện Đại Thần Biến, nói lời thành thật, khuyên các hữu tình tin nhận Pháp này. Chính vì thế cho nên Kinh này có tên là **Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Phật Thổ Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Nhiếp Thọ Pháp Môn** (Pratīyatha yūyamidamacintyagaṇaparikīrtanaṁ sarvabuddhaparigrahaṁ nāma dharmaparyāyam)

Lại Xá Lợi Tử! Nếu kẻ trai lành hoặc người nữ thiện, hoặc đã được nghe, hoặc sẽ được nghe, hoặc nay được nghe. Nghe Kinh đó xong, sinh tin hiểu sâu xa. Sinh tin hiểu xong đều được sự nhiếp thọ của mười cảnh già sa chư Phật Thế Tôn ở mười phương. Người hành như Thuyết, tất cả quyết định được chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tất cả quyết định sinh về cõi Phật thanh tịnh thuộc Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ.



Thế nên, này Xá Lợi Tử! Hữu tình các ông, tất cả đều nên tin nhận, hiểu biết lời nói của Ta với mười phương Phật Thế Tôn, nên siêng năng tinh tiến, như Thuyết tu hành, đừng sinh nghi ngờ lo lắng.



Lại Xá Lợi Tử! Nếu kẻ trai lành hoặc người nữ thiện đối với Công Đức trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh thuộc Thế Giới Cực Lạc của Đức Vô Lượng Thọ. Hoặc đã phát nguyện, hoặc sẽ phát nguyện, hoặc nay phát nguyện đều được sự nhiếp thọ của mười cảnh già sa chư Phật Thế Tôn ở mười phương. Người hành như Thuyết, tất cả

quyết định được chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Tất cả quyết định sinh về cõi Phật thanh tịnh trong Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Thế nên, này Xá Lợi Tử! Nếu các kẻ trai lành, hoặc người nữ thiện có niềm tin trong sạch. Tất cả đều nên đối với cõi Phật thanh tịnh trong Thế Giới Cực Lạc của Đức Vô Lượng Thọ, thâm tâm tin hiểu, phát nguyện vãng sinh, đừng hành phóng dật.



Lại Xá Lợi Tử! Như Ta ngày nay, xưng dương khen ngợi Công Đức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn thuộc Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ thì chư Phật Thế Tôn ở mười phương ấy cũng xưng tán Công Đức vô biên chẳng thể nghĩ bàn của Ta, đều nói lời này: “*Thật hiếm có thay Thích Ca ! Tịch Tĩnh Thích Ca Pháp Vương Như Lai, Ứng, Chính Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn* hay ở thời ác năm Trược (Pañca-kaṣāya), trong Thế Giới **Kham Nhẫn** (Saha-loka-dhātu) đó, ấy là Kiếp Trược (Kalpa-kaṣāya), Chư hữu tình Trược (Satva-kaṣāya), Chư Phiền Não Trược (Kleśa-kaṣāya), Kiền Trược (Dṛṣṭi-kaṣāya), Mệnh Trược (āyus-kaṣāya) ... Ở trong thời đó, chúng đặc A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, vì muốn phương tiện lợi ích an vui cho các hữu tình, cho nên nói Pháp mà Thế Gian rất khó tin.



PHẬT NÓI KINH A DI ĐÀ BÍ MẬT CĂN BẢN THẦN CHÚ

Hán dịch: Triều Tào Ngụy- Tam Tạng BỒ ĐỀ LƯU CHI phụng Chiếu dịch

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Sưu tập Phạm Chú: HUYỀN THANH

Ta nghe như vậy: Một thời Đức Phật ở nước Xá Vệ, rừng cây Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc cùng Chúng Đại Tỳ Kheo một ngàn hai trăm năm mươi người đầy đủ, đều là Bạc Đại A La Hán mà mọi người đều biết như Trưởng Lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Cu Hy La, Ly Đà Bà, Châu Lợi Bàn Đà, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạt Câu La, A Nậu Lô Đà Các Đại Đề Tử như vậy cùng với các Bồ Tát: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát ... Các Đại Bồ Tát như vậy và Thích Đề Hoàn Nhân... vô lượng chư Thiên Đại Chúng đều dự đủ.

Bấy giờ Đức Phật bảo Trưởng Lão Xá Lợi Phất: “Từ đây đến phương Tây, vượt hơn 10 vạn ức cõi Phật có Thế Giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Đức Phật, hiệu là A Di Đà hiện đang nói Pháp

Này Xá Lợi Phất! Vì sao cõi đó có tên gọi là Cực Lạc? Chúng sanh ở cõi nước đó không bị các thứ khổ, chỉ nhận các điều vui nên gọi là Cực Lạc

Lại nữa Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có 7 hàng lan can, 7 hàng lưới, 7 hàng cây bao quanh đều là 4 báu nên cõi ấy có tên là Cực Lạc

Lại nữa Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao 7 báu, nước 8 Công Đức tràn đầy trong ao. Đáy ao dùng toàn cát vàng trải nơi đất. Bốn bên các đường đi đều bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Trên có lầu gác cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà xù, xích châu, mã não để nghiêm sức. Trong ao có hoa sen lớn như bánh xe, màu xanh có ánh sáng xanh, màu vàng có ánh sáng vàng, màu đỏ có ánh sáng đỏ, màu trắng có ánh sáng trắng, tỏa mùi hương thơm tho trong sạch.

Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Cõi Phật ấy thường tấu các nhạc Trời. Đất bằng vàng ròng. Ngày đêm 6 Thời tuôn mưa hoa Mạn Đà La. Chúng Sanh ở cõi nước ấy mỗi sáng sớm thường dùng áo đựng đầy các Diệu Hoa rồi đem cúng dường vạn ức Phật ở các phương, khi đến giờ ăn lại trở về Bốn Quốc ăn cơm rồi đi kinh hành.

Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức như vậy.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Cõi Phật ấy thường có các loài chim đủ màu kỳ diệu như Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng. Các loài chim này, ngày đêm 6 Thời thường phát ra các tiếng êm dịu hay ho. Tiếng ấy nói về: 5 Căn, 5 Lực, 7 Phần Bồ Đề, 8 Phần Thánh Đạo, các Pháp Như Thị. Chúng sanh ở cõi ấy nghe được tiếng này thấy đều Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng.

Này Xá Lợi Phất! Ông không nên cho là các thứ chim này là do tội báo sanh ra. Tại sao thế? Vì cõi nước của Đức Phật ấy không có 3 đường ác. Xá Lợi Phất! Cõi Phật ấy, tên 3 đường ác còn không có huống là có thật. Các loại chim này đều do Đức Phật A Di Đà muốn cho lời Pháp Luân luôn có, cho nên biến hóa ra.

Xá Lợi Phất! Cõi Phật ấy, Gió nhẹ lay động các hàng cây báu và các hàng lưới báu phát ra âm thanh vi diệu cũng như trăm ngàn thứ nhạc cùng lúc nổi lên. Người

nghe âm thanh này, tự nhiên sanh tâm Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng. Xá lợi Phất! Cõi Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ thế nào ? Vì sao Đức Phật ấy có hiệu là A Di Đà? Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy có ánh sáng vô lượng chiếu khắp cõi nước ở 10 phương không có chướng ngại nên có hiệu là A Di Đà.

Xá Lợi Phất! Mạng sống của Đức Phật ấy với nhân dân kéo dài vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp nên có tên là A Di Đà. Xá Lợi Phất! Đức Phật A Di Đà thành Phật đến này là mười kiếp.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên đệ tử Thanh Văn đều là A La Hán, không thể tính đếm mà biết được. Các Chúng Bồ Tát cũng như vậy. Xá Lợi Phất ! Cõi nước của Đức Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Chúng sanh sinh ở cõi Cực Lạc đều là Bạc A Bệ Bạt Trí . Trong đó phần nhiều là bậc Nhất Sanh Bồ Xứ , số đó rất nhiều không thể tính đếm mà biết được, chỉ dùng vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp mà nói. Xá Lợi Phất ! Chúng sanh được nghe rồi, nên phát Tâm nguyện sanh về cõi nước ấy. Vì sao vậy? Vì được cùng các Bậc Thượng Nhân ở chung một chỗ.

Xá Lợi Phất! Không thể dùng một chút ít: căn lành, Phước Đức, Nhân Duyên... mà được sanh về nước ấy.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Đức Phật A Di Đà có Căn Bản Bí Mật Đà La Ni Thần Chú tên là Bát Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Cực Lạc Thần Chú. Liền nói Chú là:

Nam mô a di đa bà dạ, đa tha già đá dạ. Đa địa dạ tha : A di lị đô bà tỳ, a di lị đa tất đam bà tỳ, a di lị đa tỳ ca lan đế , a di lị đá tỳ ca lan đá, già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ, sa bà ha

𑖦𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁

giàu có, được Quả .Miễn trừ các Nghiệp đời trước, các bệnh hoạn, khổ não, bức bách. Hoặc chuyển Đoản Mạng (chết yểu) được sống lâu, Oan Gia đổi tâm sân hận, con cháu xum vầy, thân tâm sung sướng, đầy đủ như ý ... không thể tính kể hết công đức như vậy.

Xá Lợi Phất! Nếu có Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân nghe nói tên Phật A Di Đà mà nắm giữ danh hiệu đó, hoặc 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày, 5 ngày, 6 ngày, 7 ngày một lòng không tán loạn, chuyên trì Danh Hiệu. Do xưng tên nên các tội được tiêu diệt. Đây là người có nhiều Phước Đức nhân duyên căn lành. Người này khi mạng chung thì Phật A Di Đà cùng Thánh Chúng hiện ra trước mặt. Người này khi mạng chung , tâm không điên đảo liền được sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Xá Lợi Phất! Ta thấy việc lợi ích như vậy nên nói lời này. Nếu có chúng sanh nghe nói , nên phát nguyện sanh về nước ấy.

Này Xá Lợi Phất! Nay Ta khen ngợi Đức Phật A Di Đà có Công Đức không thể nghĩ bàn.

Phương Đông cũng có Phật A Súc Bệ, Phật Tu Di Tướng, Phật Đại Tu Di, Phật Tu Di Quang, Phật Diệu Âm. Như vậy hằng hà sa số chư Phật , mỗi vị đều ở cõi nước của mình xuất tướng lưỡi rộng dài che khắp 3000 Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: ***“Chúng sanh các người ! Nên tin như đây, khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn, hết thấy chư Phật đều hộ nơi Kinh này”***

Xá Lợi Phất! Ở Thế Giới phương Nam có Phật Nhật Nguyệt Đăng, Phật Văn Danh Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tu Di Đăng, Phật Vô Lượng Tinh Tấn. Như vậy hằng hà sa số chư Phật , mỗi vị đều ở cõi nước của mình xuất tướng lưỡi rộng dài che khắp 3000 Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: ***“Chúng sanh các người ! Nên tin như đây , khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn, hết thấy chư Phật đều hộ nơi Kinh này”***

Xá Lợi Phất! Ở Thế Giới phương Tây có Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Tướng, Phật Vô Lượng Trang, Phật Đại Quang, Phật Đại Minh, Phật Bảo Tướng, Phật Tịnh Quang. Như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình xuất tướng lưỡi rộng dài che khắp 3000 Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: ***“Chúng sanh các người ! Nên tin như đây, khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn, hết thấy chư Phật đều hộ nơi Kinh này”***

Xá Lợi Phất! Ở Thế Giới Phương Bắc có Phật Diệm Kiên, Phật Tối Thắng Âm, Phật Nan Trử, Phật Nhật Sanh, Phật Vô Lượng Minh. Như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình xuất tướng lưỡi rộng dài che khắp 3000 Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: ***“Chúng sanh các người! Nên tin như đây , khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn, hết thấy chư Phật đều hộ nơi Kinh này”***

Xá Lợi Phất! Ở Thế Giới phương dưới có Phật Sư Tử, Phật Danh Văn, Phật Danh Quang, Phật Đạt Ma, Phật Pháp Trang, Phật Trì Pháp. Như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình xuất tướng lưỡi rộng dài che khắp 3000 Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: ***“Chúng sanh các người ! Nên tin như đây , khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn, hết thấy chư Phật đều hộ nơi Kinh này”***

Xá Lợi Phất! Ở Thế Giới Phương trên có Phật Phạm Âm, Phật Tú Vương, Phật Hương Thượng, Phật Hương Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Táp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân, Phật Ta La Thọ Vương, Phật Bảo Hoa Đức, Phật Kiến Nhất Thiết Nghĩa, Phật Như Tu Di Sơn. Như vậy hằng hà sa số chư Phật, mỗi vị đều ở cõi nước của mình xuất tướng lưỡi rộng dài che khắp 3000 Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: ***“Chúng sanh các người ! Nên tin như đây , khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn, hết thấy chư Phật đều hộ nơi Kinh này”***

Này Xá Lợi Phất! Ý ông như thế nào? Tại sao nói là hết thấy chư Phật đều hộ Kinh ? Xá Lợi Phất ! Nếu có Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân nghe nói tên chư Phật và Kinh thì các Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân đều được hết thấy chư Phật hộ niệm, đều được không thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên Xá Lợi Phất ! Ông nên tin lời Ta nói và chư Phật nói.

Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về cõi nước của Đức Phật A Di Đà thì các người này đều được không thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ở cõi nước ấy, hoặc đã sanh hoặc đang sanh hoặc sẽ sanh cho nên Xá Lợi Phất ! Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân có lòng tin nên phát nguyện sanh về cõi ấy.

Xá Lợi Phất! Như Ta, nay khen ngợi chư Phật có công đức không thể nghĩ bàn thì chư Phật kia cũng khen ngợi Ta có Công Đức không thể nghĩ bàn mà nói lời rằng: ***“Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hay làm các việc rất khó, hay ở trong cõi Ta Bà, đời ác 5 trước là: Kiếp Trước, Kiến Trước, Phiền Não Trước, Chúng Sanh Trước, Mang Trước được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói Pháp mà hết thấy Thế Gian khó tin, thật rất là khó !”***

Đức Phật nói Kinh này xong thì Xá Lợi Phất cùng các Tỳ Kheo, hết thấy Thế Gian: Trời, Người, A Tu La... nghe lời Phật nói, vui vẻ làm theo, tin nhận làm lễ rồi lui ra

Hết

25/10/2010

**BÁT NHẤT THIẾT NGHIỆP CHUÔNG
CĂN BẢN ĐẮC SINH TỊNH ĐỘ THẦN CHÚ**
(Trích ra từ Kinh **Tiểu Vô Lượng Thọ**)

Hán dịch: Lưu Tống_ Thiên Trúc Tam Tạng **CẦU NA BÁT ĐÀ LA** (Guṇa-
bhadrā) phụng chiếu dịch lần nữa
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: **HUYỀN THANH**

“Nam mô a di đa bà (1) dạ đa tha già đá (2) dạ đa địa (3) dạ tha. A di lợi (4)
đô bà tỳ (5) A di lợi đá (6) tất đam bà tỳ (7) A di lợi đá (8) tỳ ca lan đế (9) A di lợi
đá (10) tỳ ca lan đá (11) già di nị (12) già già na (13) chỉ đa, ca lệ (14) toa bà ha (15)”

ॐ नमो अमिताभया तथगतया
तद्यथाः अमृतोद्भवो, अमृता सिद्धाम्भवो, अमृता विक्रान्ते, अमृता
विक्रान्ता गमिने, गगना किरति करे स्वधा

Namo amitābhāya tathāgatāya

**Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta siddhambhave, amṛta vikrānte, amṛta
vikrānta gamine, gagana kirtti kare svāhā**

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện hay tụng Chú này thì Đức Phật A Di Đà
thường trụ trên đỉnh đầu của người ấy, ngày đêm ủng hộ, không để cho Oan Gia được
dịp thuận tiện hãm hại, đời này thường được an ổn, sau khi mệnh chung, tùy ý vãng
sinh

A DI ĐÀ KINH BÁT KHẢ TƯ NGHI THẦN LỰC TRUYỆN
(Phụ bản sao chép của đời Tùy. Chưa biết rõ Tác Giả)

Xưa kia, ở Trường An, **Tăng Duệ** Pháp Sư, **Tuệ Sùng**, **Tăng Hiên**, **Tuệ Thông**.
Gần đây đến đời Hậu Chu, nhóm **Thật** Thiền Sư, **Cảnh** Thiền Sư, Tây Hà **Loan** Pháp
Sư...số nhiều hơn trăm người đều sinh về phương Tây

Tây Hà, nhóm **Xước** Thiền Sư nhân thấy **Loan** Pháp Sư được sinh về Tịnh Thổ
đều noi theo *Hữu Duyên*, chuyên tu nghiệp của Tịnh Thổ. Thầy **Xước** lại soạn **Tây
Phương Ký Nghiệm**, tên gọi là **An Lạc Tập** lưu hành

Lại thời Tấn Triều, **Viễn** Pháp Sư vào Lô Sơn 30 năm chẳng ra ngoài, bèn chỉ thị
cho đồng chí, Bạch Hắc có 123 người lập lời thề mong mỗi ở phương Tây, đục núi
khắc Nguyện. Đến năm **Trần Thiên Gia**, Lô Sơn **Trần** Thiền Sư khi ngồi thời thấy có
hơn trăm người cùng nhau nâng chiếc thuyền hoa bảy báu đi đến phương Tây. **Trần**
Thiền Sư thỏa mãn ước mong liền nâng phụ. Người trên chiếc thuyền ấy báo rằng:
*“Pháp Sư tuy giảng được Kinh **Kiết Bàn**, cũng là duyên to lớn chẳng thể nghĩ bàn.
Nhưng vì Pháp Sư chưa tụng được Kinh **A Di Đà** với Chú cho nên chẳng được đi
cùng”*

Pháp Sư bèn phế bỏ nghiệp giảng dạy, ngày đêm chuyên tụng Kinh A Di Đà với
Chú, tinh đủ hai vạn biến, chưa dứt bốn thất. Ngày trước, ban đêm hướng canh tư, có
vị THẦN NHÂN từ phương Tây phụng tặng một cái Đài bằng bạc trắng đến trong hư
không, sáng hơn mặt trời, bảo rằng: *“Khi Pháp Sư dứt tuổi thọ sẽ ngồi trên cái Đài này
sinh về nước của **A Di Đà**, nên đến báo cho biết là quyết định vãng sinh”*. Khi kết thúc
thời Hắc Bạch đều nghe trong hư không như tấu âm nhạc, kèm nghe mùi thơm lạ lùng,

phông tính cả tháng nghe hơi thơm chẳng dứt. Đêm ấy, tăng chúng của chùa **Phong Đỉnh** đều thấy bên trong một cái hang cốc có lửa của mười cây đuốc lớn như bánh xe.

Tìm tòi, chiêm nghiệm xưa nay, được sinh về Thế Giới **An Lạc** chẳng phải chỉ có một người, phần lớn thấy điềm linh thiêng “**Hóa Phật, Đồ Chúng đến nghinh đón**”, như truyền sáng rộng, chẳng phải sao chép nhiều

Nhân **Trần** Thiên Sư đối với Kinh này có ứng nghiệm cho nên lược thuật một điều này để thức tỉnh người thông tuệ đời sau, trợ thành chí **vãng sinh**

Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Thần Chú được ngài **Cầu Na Bạt Đà La** phụng Chế dịch lần nữa trong năm cuối của Tống Nguyên Gia, hợp tính có 59 chữ, 15 câu

Bồ Tát **Long Thọ** nguyện sinh về cõi **An Dưỡng**, năm mộng mà cảm được Chú này

Tam Tạng **Gia Xá** tụng Chú này. Chùa **Thiên Bình**, Tú Pháp Sư được Tam Tạng truyền miệng bài Chú này. Người ấy nói”Kinh Bản chẳng đến từ nước ngoài”

Nếu muốn thọ trì Chú Pháp. Nhai nhấm canh Dương, Táo Đậu xúc miệng cho thơm. Ở trước tượng Phật, quỳ gối, chấp tay, ngày đêm sáu Thời đều tụng 21 biến, liền diệt được bốn tội **nặng**, năm tội **ngịch**, mười tội **ác**. Tội chê bai Phương Đẳng... đều được trừ diệt, đời hiện tại đều được sự mong cầu, chẳng bị tất cả các Quỷ Thần ác gây nhiễu loạn.

Nếu đủ 20 vạn biến liền cảm được mầm Bồ Đề sinh ra

Nếu đủ 30 vạn biến, liền nhìn thấy Đức Phật A Di Đà

Hết

24/06/2010

ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ NÓI CHỨ

Hán văn: Không rõ người dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

“Na mô bồ đà dạ

Na mô ðà la ma dạ

Na mô tăng già dạ

Na ma a nhĩ đa bà dạ, đả tha già đả dạ, a la ha đê, tam miểu tam bồ đà dạ

Đá diệt tha : « A nhĩ lợi dê, a nhĩ lợi đô bà bê, a nhĩ lợi đá, tam bà bê, a nhĩ lợi đá, tỳ ca lan dê, già nhĩ nễ, già già na, kê lợi để ca lợi, bà la bà ba đá, xoa diệm, ca lợi (tất cả nghiệp ác) toa bà ha »

જામ વૃદ્ધ

ନିମ୍ନ ପଞ୍ଜୀକ

જામ સંપાદ

ॐ नमः शिवाय नमः शिवाय नमः शिवाय

ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ
ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ ਗੁਰਮੁਖਿ

Namo buddhāya

Namo dharmāya

Namo saṃghāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksaṃbuddhāya

**Tadyathā: Amṛte, amṛtodbhave, amṛta saṁbhave, amṛta vikrānte gamine,
gagana kīrtti kare, sarva pāpatā kṣayaṁ kare svāhā**

(Nếu hay như Pháp thọ trì, quyết định được sinh về nước của Đức Phật **Di Đà**)

Hết

17/06/2010

VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI QUÁN HẠNH CÚNG DƯỜNG NGHI QUỸ

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tằng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn **BẤT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Bây giờ **Kim Cang Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva) ở ngay trong Đại Tập Hội của Đức **Phật Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana-buddha), từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con vì chúng sinh có nghiệp ác trong Thế Giới **Tạp Nhiễm** ở thời **Mạt Pháp** sau này, nói **Vô Lượng Thọ Phật Đà La Ni** (Amitāyus-buddha-dhāraṇī), tu **môn ba Mật** (Tri-guhya-mukha), chứng **Niệm Phật Tam Muội** (Buddhānusmṛti-samādhi), được sinh về cõi **Tịnh Độ** (Buddha-kṣetra), vào chính vị của Bồ Tát. Chẳng thể dùng chút Phước, không có **Tuệ Phương Tiện** mà được sinh về cõi ấy. Chính vì thế cho nên y theo Giáo Pháp này, chính niệm tu hành, quyết định sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī), **Thượng Phẩm Thượng Sinh**, đắc được **Sơ Địa** (Eka-bhūmi)

Nếu người Tại Gia, Xuất Gia nguyện sinh về Tịnh Độ, trước tiên nên vào **Mạn Trà La** (Maṇḍala: Đàn Trường), được **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka) xong. Sau đó theo Thầy thọ nhận Nghi Quỹ **Niệm Tụng**.

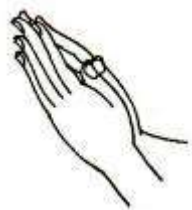
Hoặc chỗ Thắng Địa, hoặc tùy theo chỗ ở, xoa tô lau quét sạch sẽ, dựng lập cái Đàn hình vuông, bên trên treo lọng Trời (Thiên Cái), chung quanh treo phan. Trên Đàn chia bày tám **Mạn Trà La**, dùng **Bạch Đàn Hương** xoa bôi vị trí của bậc Thánh.

Ở mặt Tây của Đàn, an tượng **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus), người Trì Tụng ngồi ở phương Đông, mặt hướng về phương Tây, đối diện với Tượng mà ngồi. Hoặc trải chiếu bằng cỏ tranh, hoặc ngồi ở cái giường nhỏ có chân đỡ thấp.

Mỗi ngày ba thời rải mọi loại hoa, đốt mọi loại hương, đặt hai cái bình **Át Già** (Ārgha). Hoặc dùng chậu chén sành với vật khí bằng vàng, bạc, đồng, đá, sứ, ngói...chưa từng sử dụng, chứa đầy nước thơm để ở trên Đàn. Ở bốn góc Đàn để bốn cái **Hiền Bình** (Pūrṇa-ghata). Tùy theo sức bày biện hương đốt, đèn sáng, hương xoa bôi, thức ăn uống... mỗi mỗi gia trì, ân trọng cúng dường.

Hành Nhân mỗi ngày tắm rửa, mặc quần áo mới sạch, hoặc dùng Chân Ngôn gia trì, dùng để tắm rửa. Liên suy nghĩ, quán sát: *“Tất cả Hữu Tình vốn có Tính thanh tịnh, vì bị các **Khách Trần** (bụi bặm bên ngoài) che lấp, cho nên chẳng hiểu được Chân Lý, mê lầm đánh mất Bồ Đề, chìm đắm trong Sinh Tử, chịu vô lượng Khổ. Chính vì thế cho nên nói **ba Mật Gia Trì** này khiến cho ta người (tự tha) đều được thanh tịnh”*.

— Liên dùng hai tay tác Liên Hoa Hợp Chương, tụng **Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn** ba biến.



Chân Ngôn là:

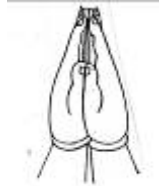
“**Án, sa-phộc bà phộc, thuật đà (1) tát phộc, đạt ma (2) sa-phộc bà phộc, thú độ hàm**”

ॐ सफरुव सुख सफरुव सुख ॐ

*) OM SVABHĀVA ŚUDDHA, SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAM

Do Chân Ngôn này gia trì, cho nên liền thành tắm rửa **Nội Tâm** trong sạch.

Mỗi khi vào Đạo Trường, đối trước Bản Tôn, thân đứng ngay thẳng, chấp Liên Hoa Hợp Chương



Nhắm mắt vận Tâm, tưởng tại Thế Giới Cực Lạc, đối trước mặt Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cùng các Bồ Tát quyền thuộc. Liền đem năm vóc của thân cúi sát đất, tưởng ở trước mặt mỗi một Đức Phật, Bồ Tát...cung kính làm lễ.

Liền tụng **Phổ Lễ Chân Ngôn** là:

“**Án, tát phộc đất tha nghiệt đá (1) bá na, mãn na năng, ca lô nhĩ (2)**”

ॐ सफरुव सुख सफरुव सुख ॐ

*) OM SARVA TATHĀGATA-PĀDA VANDANĀM, KARA-UMI

Liền quỳ gối phải sát đất, chấp tay để ngang trái tim, chân thành tỏ bày **Sám Hối** tất cả **Tội Chương** từ vô thủy đến nay.

Liền **Tùy Hỷ** hết thấy **ngiệp Phước** của chư **Phật** (Buddha), **Bồ Tát** (Bodhisatva), **Thanh Văn** (Śrāvaka), **Duyên Giác** (Pratyeka-buddha), tất cả **Hữu Tình** (Satva).

Lại quán mười phương Thế Giới, hết thấy **Như Lai** (Tathāgata), bậc thành **Đẳng Chánh Giác** đều thỉnh chuyển **bánh xe Pháp** (Dharma-cakra: Pháp Luân)

Hết thấy Như Lai hiện **Niết Bàn** (Nirvāṇa), đều thỉnh trụ lâu dài ở đời, chẳng vào **Bát Niết Bàn** (Pari-nirvāṇa)

Lại **phát Nguyện** rằng: “*Con đã gom chứa vô lượng căn lành (Kusala-mūla) do: Lễ Phật, Sám Hối, Tùy Hỷ, Khuyển Thỉnh....Xin đem nhóm Phước này hồi thí cho tất cả Hữu Tình. Nguyện đều được vãng sinh về Thế Giới Cực Lạc, thấy Phật (Buddha), nghe Pháp (Dharma), mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề (Anuttarā-samyaksambuddhi)*”

Sau đó ngồi Kiết Già hoặc Bán Già, bên phải đè bên trái, dùng hương xoa bôi bàn tay. Trước tiên kết **Phật Bộ Tam Muội Gia Ấn**: hai tay chấp lại, giữa rộng, mở hai ngón trở hơi co lại, đều dựa vào lóng trên của ngón giữa, Lại mở hai ngón cái đều vịn vạch thứ nhất bên dưới hai ngón trở.



Kết Ấn thành xong, tưởng Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) với 32 Tướng, 80 hạt giống, mỗi mỗi rõ ràng.

“**Án, đất tha nga đồ (1) nập-bà phộc gia, sa-phộc hạ**”

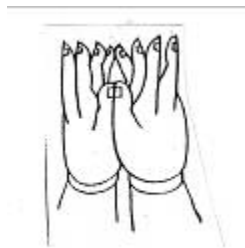
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*) OM TATHĀGATA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tụng ba biến hoặc bảy biến, để Ấn trên đỉnh đầu, rồi bung tán.

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn, cảnh giác tất cả chư Phật của **Phật Bộ** (Buddha-kulāya) đều đến tập hội, gia trì hộ niệm cho người tu Chân Ngôn, mau khiến cho đắc được Thân Nghiệp thanh tịnh, tiêu diệt tội chướng, tăng trưởng Phước Tuệ.

— Tiếp, kết **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Ấn**: hai tay chấp lại, giữa rộng, hai ngón cái hai ngón út đều vịn đầu nhau, hơi co sáu ngón còn lại như hình hoa sen nở bầy, liền thành.



Kết Ấn này xong, tưởng **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva) với tướng tốt trang nghiêm, kèm vô lượng câu chi chúng Thánh của **Liên Hoa Tộc** (Padma-kulāya) vây quanh.

Liên tụng **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn** là:

“**Án, bả na mô (1) nập-bà phộc gia, sa-phộc hạ (2)**”

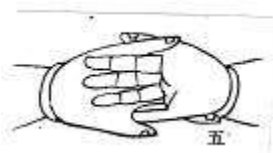
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*) OM PADMA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Tụng ba biến hoặc bảy biến, gia trì để Ấn ở bên phải đỉnh đầu, rồi bung tán.

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn, cảnh giác Quán Tự Tại Bồ Tát với chúng Thánh của Liên Hoa Bộ đều đến gia trì cho Hành Giả mau được Ngũ Nghiệp thanh tịnh, ngôn âm uy nghiêm khiến người ưa thích nghe, được Biện Tài không có ngăn ngại, nói Pháp tự tại.

— Tiếp, kết **Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Ấn**: Hai tay: tay trái úp che, tay phải ngửa lên, khiến cho lưng bàn tay dính nhau, đem ngón cái phải cài chéo với ngón út trái, đem ngón cái trái cài chéo với ngón út phải, sáu ngón ở khoảng giữa, buộc dính cổ tay như chày Tam Cổ, liền thành.



Để Ấn ngang trái tim, tưởng **Kim Cang Tạng Bồ Tát** (Vajra-garbha-bodhisatva) với tướng tốt uy quang, kèm vô lượng quyến thuộc **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra) vây quanh.

Liên tụng **Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn** là:

“**Án, phộc nhật-lô (1) nập-bà phộc gia, sa-phộc hạ (2)**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

*) OM_VAJRA UDBHAVĀYA_SVĀHĀ

Tụng ba biến hoặc bảy biến, gia trì, để Ấn ở bên trái đỉnh đầu, rồi bung tán.

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn, cảnh giác Kim Cang Tạng Bồ Tát kèm chúng Thánh của **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya) đều đến gia trì cho Hành Giả, mau được Ý Nghiệp thanh tịnh, chứng **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), **Tam Muội** (Samādhi) hiện tiền, mau được giải thoát.

_ Tiếp, kết **Bị Giáp Hộ Thân Ấn**: hai ngón út, hai ngón vô danh, bên phải đè bên trái, cài chéo nhau bên trong, dựng thẳng hai ngón giữa cùng trụ đầu nhau, co hai ngón trở như hình móc câu, phụ lưng ngón giữa, không cho dính nhau, kèm dựng hai ngón cái vịn ngón vô danh, liền thành.



Kết Ấn ngang trái tim, tụng Chân Ngôn, ấn năm chỗ trên thân, đều tụng một biến. Trước tiên là vầng trán, tiếp đến vai phải, tiếp đến vai trái, ấn trái tim với cổ họng, đây là năm chỗ. Liền khởi Tâm **Đại Từ Bi** duyên khắp tất cả Hữu Tình, nguyện đều được mặc giáp trụ **Đại Từ Bi** trang nghiêm, mau khiến cho lìa các chương nạn, chứng được thành tựu **Thượng Thượng Thủ Thắng** thuộc **Thế Gian** (Loka) và **Xuất Thế Gian** (Lokottara).

Quán như vậy xong, liền thành mặc áo giáp Kim Cương, tất cả các Ma chẳng dám gây chương nạn.

Hộ Thân Chân Ngôn là:

“**Ấn, phộc nhật-la nghĩ-nễ (1) bát-la niệp bả-đá dã, sa-phộc hạ (2)**”

ॐ वज्राय नमो भूतेश्वर

*) OM_VAJRA-AGNI PRADIPTĀYA_SVĀHĀ

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn, do sức nghĩ thương của **Tâm Từ** (Maitra-citta) cho nên tất cả Thiên Ma với các loài gây chương đều thấy Hành Nhân có uy quang rực rỡ giống như mặt trời, đều khởi Tâm Từ chẳng dám gây chương ngại, cho đến người ác không thể có được dịp thuận tiện gây hại, thân chẳng nhiễm dính nghiệp chương phiền não, cũng giúp đỡ cho nổi khổ trong các nẻo ác ngày sau, mau chứng **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi)

_ Tiếp, kết **Địa Giới Kim Cương Quyết Ấn**: Trước tiên đem ngón phải nhập vào khoảng giữa ngón trở và ngón cái của tay trái. Đem ngón vô danh phải nhập vào khoảng giữa ngón út và ngón vô danh của tay trái, đều lộ đầu ngón ra ngoài. Đem ngón giữa trái quấn nơi lưng ngón giữa phải, nhập vào khoảng giữa ngón trở và ngón giữa của tay phải. Đem ngón vô danh trái quấn nơi lưng ngón vô danh phải, nhập vào khoảng giữa ngón vô danh và ngón út của tay phải. Đem hai ngón út, hai ngón trở cùng trụ đầu nhau. Đem hai ngón cái vịn bên dưới, liền thành.



Kết Ấn này xong, tưởng Ấn như hình cái chày Kim Cương, đem hai ngón cái hướng xuống đất, tiếp chạm, tụng Chân Ngôn một biến, ấn mặt đất một lần, như vậy đến ba lần liền thành Tòa Kim Cương bền chắc.

Hạ Phương Chân Ngôn là:

“**Ấn, chỉ lị chỉ lị (1) phộc nhật-la, phộc nhật-lý (2) bộ la, mãn da mãn dà (3) hồng, phát tra (4)**”

ॐ 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳

*) OM_KILI KILI_VAJRA VAJRI BHŪR_BANDHA BANDHA_HŪM PHAT

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn. Nhờ sức dưới gia trì, cho nên bên dưới đến bờ mé của **Kim Cương Luân** (Vajra-cakra), thành Giới của Kim Cương bất hoại, các Ma có sức mạnh lớn chẳng thể lay động được, dùng chút ít công sức mà được sự thành tựu lớn. Hết thấy vật uế ác ở trong đất, do sức gia trì thấy đều trong sạch. Giới ấy tùy theo Tâm lớn nhỏ liền thành.

— Tiếp, kết **Kim Cương Tường Ấn**: Dựa theo Địa Giới Ấn lúc trước, mở lòng bàn tay, tách thẳng hai ngón cái như hình bức tường, liền thành.



Tưởng từ Ấn luôn ra lửa nóng rực rỡ. Đưa Ấn xoay bên phải, nhiều quanh thân ba vòng, xứng với Địa Giới lúc trước, liền thành *cái thành Kim Cương* bền chắc.

Tường Giới Chân Ngôn là:

“**Ấn, tát ra tát ra, phộc nhật-la (1) bát-la ca ra (2) hồng, phát tra (3)**”

ॐ 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳

*) OM_SARA SARA VAJRA-PRAKARA HŪM PHAT

Do kết Ấn này tụng Chân Ngôn với sức Quán Hạnh cho nên tùy theo Tâm lớn nhỏ, liền thành ranh giới tường vách phương góc toả lửa rực của ánh sáng Kim Cang. Các Ma, người ác, cọp, sói, sư tử với các trùng độc chẳng dám lại gần.

— Tiếp, kết **Đại Hư Không Tạng Bồ Tát Ấn**: Chắp hai tay lại, hai ngón giữa, bên phải đè bên trái, cài chéo nhau bên ngoài buộc dính lưng bàn tay. Hai ngón trỏ đè ép nhau như hình Báu, liền thành.



Tưởng từ Ấn tuôn ra vô lượng các vật dụng cúng dường, quần áo, thức ăn uống, cung điện, lầu gác... như Du Già rộng nói.

Liền tụng **Đại Hư Không Tạng Bồ Tát Chân Ngôn** là:

“**Ấn, nga nga năng, tam bà phộc (1) phộc nhật-la hộc (2)**”

ॐ 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳 𑖀𑖳

*) OM_GAGANA-SAMBHAVA VAJRA HOH

Giả sử người tu hành có sức Quán Niệm yếu, do kết Ấn này với sức gia trì của Chân Ngôn, cho nên các vật cứng đường đều thành chân thật, mỗi mỗi như người hành cúng đường rộng lớn trong Thế Giới Cực Lạc.

_ Tiếp, tướng trong Đàn có chữ **Hột-Lý** (𑖦𑖳𑖫𑖫 HRĪḤ) phóng ánh sáng lớn như màu pha lê hồng, chiếu khắp mười phương Thế Giới, Hữu Tình trong đó gặp được ánh sáng này thì không có ai chẳng đều được tội chướng tiêu diệt.

_ Tiếp, kết **Như Lai Quyền Ấn**: Tay trái nắm bốn ngón lại thành Quyền, dựng đứng ngón cái. Tay phải tác Kim Cang Quyền, nắm móng ngón cái trái, liền thành.



Đem Quyền Ấn này ấn mặt đất, tụng Chân Ngôn gia trì bảy biến, biến Thế Giới này như cõi Cực Lạc.

Như Lai Quyền Chân Ngôn là:

“**Ấn, bộ khiếm (1)**”

𑖦𑖳𑖫𑖫 𑖦𑖳𑖫𑖫

*) OM BHUḤ KHAM

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn gia trì uy lực, cho nên liền biến ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này thành cõi nước Cực Lạc với bảy báu làm đất, nước, chim, cây, rừng... đều nói **Pháp Âm** (Dharma-ghoṣa), vô lượng trang nghiêm như Kinh đã nói.

Liền tụng **Già Tha** (Gāthā: Kệ Tụng) là:

“*Dùng sức Công Đức Ta*

Sức Như Lai gia trì

Cùng với sức Pháp Giới

Nguyện thành cõi An Lạc”

Hành Giả do tập quen với Định này, nên đời này mỗi khi ở trong Định, nhìn thấy Thế Giới Cực Lạc, Đức Vô Lượng Thọ Như Lai ở ngay trong chúng Hội của Đại Bồ Tát, nghe nói vô lượng **Khế Kinh** (Sūtra). Lúc lâm chung thời Tâm chẳng tán loạn, Tam Muội hiện tiền, trong khoảng sát na, nhanh chóng được sinh về cõi ấy, hoa sen hóa sinh, chứng địa vị của Bồ Tát.

_ Tiếp, kết **Bảo Xa Lộ Ấn**: Ngửa hai tay cài chéo nhau, bên phải đè bên trái, hai ngón trỏ cùng dựa bên cạnh nhau, hai ngón cái vịn vạch thứ nhất bên dưới hai ngón trỏ, liền thành.



Tổng Xa Lộ Chân Ngôn là:

“**Ấn, đồ lỗ, đồ lỗ, hồng**”

𑖦𑖳𑖫𑖫 𑖦𑖳𑖫𑖫 𑖦𑖳𑖫𑖫 𑖦𑖳𑖫𑖫

“Àn, a mât-lât đồ nạp-bà phộc, hồng, phát tra, sa-phộc ha”

*) OM AMRTA-UDBHAVA HŪM PHAT SVĀHĀ

– Tiếp, kết **Kim Cương Vồng Ấn**: Dựa theo Địa Giới Ấn lúc trước, đem hai ngón cái vịn vạch thứ nhất bên dưới hai ngón trỏ, liền thành.



Võng Giới Chân Ngôn là:

ॐ विष्णु इत्येकं वक्ष्यं पञ्चालं ॥ ६५ ॥

Do kết Án này với tụng Chân Ngôn, vì sức gia trì cho nên liền ở phương trên có cái lưới bền chắc của Kim Cương che phủ, cho đến các chư Thiên ở cõi **Tha Hóa Tự Tại** chẳng thể trái vượt mà sinh chướng nạn. Thân Tâm của Hành Giả được an vui, dễ được thành tựu Tam Ma Địa.



Hoả Viện Chân Ngôn là:

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमः

*) OM ASAMĀMGNI HŪM PHAT

Át Già Chân Ngôn là:

[illegible]

Do hiến nước thơm **Át Già** cúng dường, khiến cho người tu hành được ba nghiệp thanh tịnh, tẩy trừ tất cả phiền não tội cấu, từ **Thắng Giải Hạnh Địa** đến **Thập Địa** (Daśa-bhūmi) với **Như Lai Địa** (Buddha-bhūmi) sẽ chứng **Địa Ba La Mật** (Bhūmi-pāramitā) như vậy, thời được nước **Pháp Cam Lộ** (Amṛta-dharma) của tất cả Như Lai nhận cho **Quán Đỉnh** (Abhiseka)

Liên Hoa Toà Chân Ngôn là:

ਭੰਗਮਲ ਸ਼ੰਕ

Do kết Liên Hoa Tọa Ấn, tụng Chân Ngôn gia trì. Hành Giả đắc được đầy đủ mười Địa, sẽ được Tọa Kim Cương, ba nghiệp bền chắc giống như Kim Cương.

“**Án, a mô già bố nhạ (1) ma ni, bát nạp-ma, phộc nhật-lệ (2) đát tha nghiệt
đá, vĩ lô chỉ đế (3) tam mãn đa, bát-la tát la, hồng (4)**”

[illegible]

*) OM_ AMOGHA-PŪJA-MANĪ PADMA-VAJRE TATHĀGATA
VILOKITE SĀMANTA PRASĀRA HŪM

228

Tiếp, nên lắng Tâm định Ý, chuyên chú một Duyên, quán Đức Vô Lượng Thọ Như Lai mỗi mỗi rõ ràng như đối trước mắt, đủ các tướng tốt cùng vô lượng quyền thuộc và cõi nước ấy, niệm niệm vui vẻ quyền luyến. Hiện tiền đắc được Tam Muội thành tựu, chân thành một lòng, nguyện sinh về nước ấy, Tâm chẳng theo Duyên khác, niệm niệm tiếp nối nhau. Liên tụng **Vô Lượng Thọ Như Lai Tán Thán** ba lần

- 1_ **Nặng mô nhĩ đá bà dĩa**
- 2_ **Nặng mô nhĩ đá dữu sái**
- 3_ **Nặng mô tiến để-dĩa ngu noa ca la đáp-ma ninh**
- 4_ **Nặng mô nhĩ đá bà dĩa, nhĩ nặng dĩa đế mẫu ninh**
- 5_ **Tổ khư phộc để-dâm, nễ đa phộc nỗ kiếm bà dĩa**
- 6_ **Tổ khư phộc để-dựng, ca nặng ca vĩ tức đất-la, ca nặng nam**
- 7_ **Ma nỗ la hàm, tổ nghiệt đa, tổ đới ra lằng cật-ly đam**
- 8_ **Đá phộc thất-la dạ đáp bát-la thể đa, ngu noa tả địa ma đa**
- 9_ **Bát-la dạ nhĩ đảm, ma hộ ngu noa, la đất-nặng tán tả diễm**

PRAYAMITĀM MAHŪ GUNA RATNA SAMCAYĀM

229

Tâm an vui, vắng lặng, thích ý, ngồi lâu chẳng sinh mệt mỏi, Tâm được thanh tịnh, mau chứng Tam Muội.

— Liên nhập vào **Quán Tự Tại Bồ Tát Tam Ma Địa**. Nhắm mắt lắng Tâm, quán ngay trong thân của mình tròn đầy trắng tinh, giống như mặt trăng trong sạch, ngửa ngay trong trái tim. Ở trên mặt trăng trong sạch tưởng chữ **Nhật-Lý** (𑖦𑖯𑖫𑖜_HRĪḤ) phóng ánh sáng lớn, Chữ ấy biến thành hoa sen tám cánh. Ở trên hoa sen, có Đức Quán Tự Tại Bồ Tát với tướng tốt rõ ràng, tay trái cầm hoa sen, tay phải làm thế mở bóc hoa. Bồ Tát ấy tác suy nghĩ này: “*Trong thân của tất cả Hữu Tình có đầy đủ hoa sen Giác Ngộ này, Pháp Giới trong sạch chẳng nhiễm Phiền Nã*”

Ở trên tám cánh của hoa sen ấy, đều có các Đức Như Lai nhập Định, ngồi Kiết Già, mặt hướng về Quán Tự Tại Bồ Tát, cổ đeo hào quang tròn, thân như màu vàng ròng, ánh sáng rực rỡ.

Liên tưởng hoa sen tám cánh này, duỗi dần dần, lớn dần dần ngang bằng với Hư Không. Liên tác suy nghĩ này: “*Dùng Giác Hoa này chiếu chạm Hải Hội của Như Lai, nguyện thành cúng dường rộng lớn*”.

Nếu Tâm chẳng rời Định này, liền đối với vô biên Hữu Tình khởi thương xót. Dùng Giác Hoa này, mong chiếu chạm đến nơi khổ, phiền não thấy đều giải thoát, ngang đồng với Quán Tự Tại Bồ Tát.

Liên tưởng hoa sen từ từ thu nhỏ ngang bằng thân của mình.

Liên kết **Quán Tự Tại Bồ Tát Ấn** gia trì bốn nơi là: trái tim, vầng trán, cổ họng, đỉnh đầu. Ấn ấy là: đem hai tay cài chéo các ngón bên ngoài, co hai ngón trở cùng trụ nhau như cánh hoa sen, kèm dựng thẳng hai ngón cái, liền thành.



Liên tụng **Quán Tự Tại Bồ Tát Chân Ngôn** là:

“**Án, phộc nhật-la, đạt ma, hột-ly**”

ॐ 𑖦𑖯𑖫𑖜 𑖦𑖯𑖫𑖜 𑖦𑖯𑖫𑖜

*) OM_VAJRA-DHARMA_HRĪḤ

Do kết Ấn này với tụng Chân Ngôn gia trì, cho nên tức thân của mình đồng với Quán Tự Tại Bồ Tát, ngang bằng không có khác.

— Tiếp, kết **Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Ấn**: Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành Quyền, dựng thẳng hai ngón giữa cùng trụ đầu nhau, như hình cánh hoa sen.



Kết thành Ấn xong, tụng Vô Lượng Thọ Như Lai Đà La Ni bảy biến, để Ấn ở trên đỉnh đầu rồi bung tán.

“Nặng mô la đất-nặng đất-la dạ dã (1) Nặng mặc a lý-dã nhĩ đá bà gia (2) đất tha nghiệt đá dạ, la hạ đề, tam miệu tam một đà gia (3) Đất nề-dã tha (4) Án, a mật-lật đế (5) A mật-lật đố nạp-bà phê (6) A mật-lật đa tam bà phê (7) A mật-lật đa nghiệt bệ (8) A mật-lật đa tất đệ (9) A mật-lật đa đế tế (10) A mật-lật đa vĩ cật-lân đế (11) A mật-lật đa vĩ cật-lân đa, nga nhĩ ninh (12) A mật-lật đa, nga nga nặng, cát đề ca lệ (13) A mật-lật đa thú nồ tỳ, sa phộc lệ (14) tát phộc la-tha, sa đà ninh (15) tát phộc yết ma cật-lễ xả, khát-sái dựng, ca lệ, sa-phộc hạ”

Gia trì xong, liền nâng tràng hạt đội trên đỉnh đầu, Tâm phát Nguyện này:
”Nguyện cho tất cả Hữu Tình đã mong cầu **Đại Nguyện thù thắng** thuộc **Thế Gian** và **Xuất Thế Gian**, mau được thành tựu”

_ Liền đem hai tay để ngang trái tim, đều chụm năm ngón tay như hoa sen chưa nở, tay trái cầm tràng hạt, dùng ngón cái ngón vô danh của tay phải dờ hạt châu.



Tụng Đà La Ni một biến, đến chữ **Sa-phộc hạ** (𑖦𑖜𑖩 SVĀHĀ) thì dờ qua một hạt châu. Tiếng niệm tụng chẳng chậm, chẳng gấp, chẳng cao, chẳng thấp, chẳng nên phát ra tiếng, xung hô chữ của Chân Ngôn khiến cho mỗi một chữ phải rõ ràng.

Tâm quán Tam Ma Địa này đã thành Tịnh Độ, với Đức Vô Lượng Thọ Phật đã thỉnh đến lúc trước, với đầy đủ tướng tốt ở ngay trong Đàn.

Quán Hạnh như vậy mỗi mỗi thật rõ ràng, chuyên chú niệm tụng chẳng để gián đoạn, xa lìa tán động.

Một lần ngồi niệm tụng, hoặc một trăm cho đến một ngàn. Nếu chẳng mãn 108 biến tức chẳng đầy đủ biến số của Nguyện.

Do Đức Vô Lượng Thọ Như Lai gia trì cho nên tức Thân Tâm thanh tịnh cho đến mở mắt, nhắm mắt thường nhìn thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, liền ở trong Định nghe nói Pháp màu nhiệm thâm sâu. Đối với mỗi một chữ, mỗi một câu...hiểu được vô lượng **Môn Tam Ma Địa** (Samādhi-mukhe), vô lượng **Môn Đà La Ni** (Dhāraṇī-mukhe), vô lượng **Môn Giải Thoát** (Vimukti-mukhe). Thân này ngang đồng với Quán Tự Tại Bồ Tát, mau hay đến ở nước ấy (nước Cực Lạc)

Niệm tụng số xong, nâng tràng hạt đội trên đỉnh đầu, phát lời Nguyện này:
”Nguyện cho tất cả Hữu Tình được sinh về **Thế Giới Cực Lạc**, thấy Phật nghe Pháp, mau chứng Vô Thượng Bồ Đề”.

_ Tiếp, kết **Định Ấn**



Liền quán **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) sáng tròn trịa trắng tinh giống như mặt trăng đầy. Lại tác suy nghĩ này: “*Thể của Tâm Bồ Đề là tất cả vật, không có: **Uẩn** (Skandha), **Giới** (Dhātu), **Xứ** (Āyatana) với là **Năng Thủ** (Grāhaka), **Sở Thủ** (Grāhya). Do Pháp **Vô Ngã** (Anātman, hay Nir-ātman: không có cái Ta riêng biệt) cho nên một tướng bình đẳng, Tâm vốn chẳng sinh, Tự Tính **trống rỗng** (Śūnya: Không)”.*

Do Tự Tính trống rỗng cho nên liền ở trên vành trăng trong sạch tròn đầy, tướng có **Hột-Lý Tự Môn** (𑖦𑖜: HRĪḤ). Từ chữ tuôn ra vô lượng ánh sáng, ở mỗi một ánh sáng quán thành Thế Giới Cực Lạc, có vô lượng chúng Thánh Chúng vây quang Đức Phật Vô Lượng Thọ (Như **Quán Kinh** đã nói)

Như vậy niệm tụng, tu tập Tam Ma Địa xong. Muốn ra khỏi Đạo Trường, liền kết Bản Tôn Ấn, tụng Căn Bản Đà La Ni bảy biến, đem Ấn để trên đỉnh đầu rồi bung tán.

Liền tụng **Tán Thán Chân Ngôn**

VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI CĂN BẢN ĐÀ LA NI

Phục hồi và chú giải Phạm Chú : HUYỀN THANH

જામ રૂ જ જાદાદ

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

[illegible]

NAMAḤ (Kính lễ) ĀRYA (Thánh) AMITĀBHĀYA (Vô Lượng Quang)
TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng, Sát Tặc, A La Hán)
SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Chính Đẳng Chính Giác)

१५५

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

ॐ

OM (Cảnh giác)

저 필자

AMRTE (Cam lộ)

॥ ५ ॥

AMṚTA (Cam Lộ) UDBHAVE (Hiện lên)

॥ ५ ॥

AMṚTA (Cam Lộ) SAMBHAVE (Phát sinh)

刑馬不代義

AMṚTA (Cam Lộ) GARBHE (Tạng, kho tàng)

刑罰不(レ)施

AMṚTA (Cam Lộ) SIDDHE (Thành tựu)

॥ ५ ॥

AMRTA (Cam Lộ) TEJE (Uy quang, uy đức)

॥ ५ ॥

AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTE (Dũng mãnh)

ਸ੍ਰੀ ਮੁਖਿ ਗੁਰੂ ਗ੍ਰੰਥ ਸਾਹਿਬ

AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTA (Dũng mãnh) GAMINE (Đạt đến được)

五五五五五五五五

AMṚTA (Cam Lộ) GAGANA (Hư Không) KĪRTTI (Tương xứng) KARE (Tác
làm, tạo tác)

ਸ੍ਰੀ ਮੁਖਿ ਸੁਖਿ ਕੀ ਭਾਵੁ

AMṚTA (Cam Lộ) DUNḌUBHI (Cỏ, cái trồng) SVARE (Âm thanh)

ਸਰੋਤ ਸਦਾ

SARVĀRTHA (Tất cả nghĩa lợi) SĀDHANE (Nghỉ thức thành tựu)

ਸ੍ਰੀ ਗੁਰੂ ਗ੍ਰੰਥ ਸਾਹਿਬ ਜੀ

SARVA KARMA (Tất cả nghiệp) KLEŚAA (Phiền não) KṢĀYAM (cùng tận, không còn sót) KARE (Tạo tác)

ସଦ

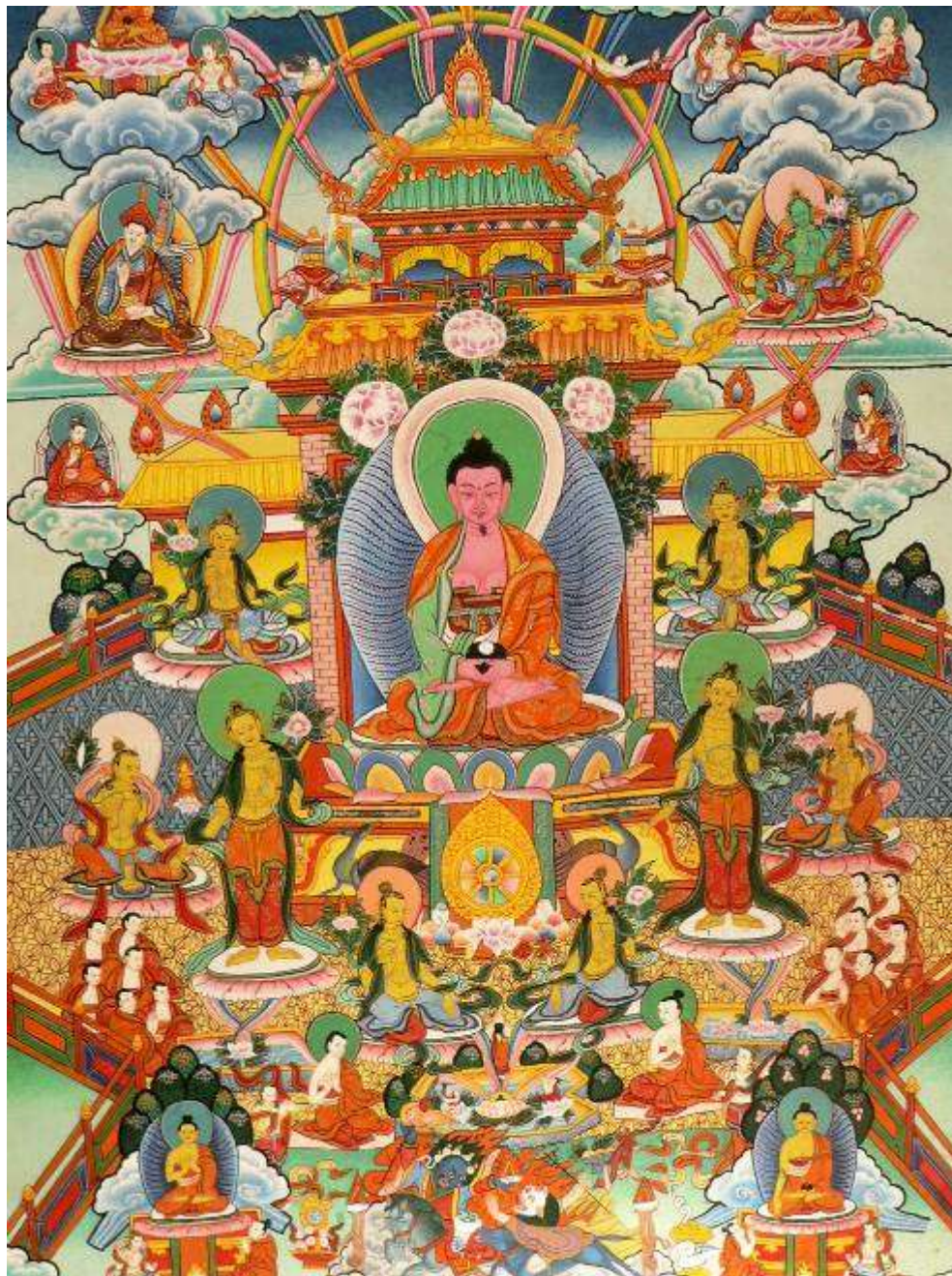
SVĀHĀ (Quyết định thành tựu, tho hương mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn)

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là :

“Quy mệnh Tam Bảo

Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác

Như vậy: Hồi Cam Lộ ! Hiện lên Cam L . Phát Sinh Cam Lộ. Kho Tàng Cam Lộ. Thành tựu Cam Lộ. Cam Lộ Uy Quang.Cam Lộ Dững mãnh, đạt đến Cam Lộ Dững Mãnh. Rải đầy hư không Cam Lộ. Âm thanh của tiếng trống Cam Lộ, thành tựu tất cả nghĩa lợi khiến cho tất cả nghiệp không còn phiền não, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn”



KINH KIM CƯỜNG ĐỈNH
PHÁP TU HÀNH QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí
BẮT KHÔNG phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ An, phục hồi Phan Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Nay Ta y theo **Kinh Kim Cương Đỉnh** (Vajra-śekhara-sūtra) diễn nói Pháp Yếu của **Kim Cương Liên Hoa Đạt Ma** (Vajra-padma-dharma). Trước hết nên vào **Quán Đỉnh Tam Muội Gia Mạn Trà La** (Abhiṣeka-samaya-maṇḍala), phát **Tâm Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi-citta). Buông xả: Thân mệnh, tiền của, tất cả lợi ích. Dừng mãnh tinh tiến, tùy niệm tương ứng Từ, Bi, Hỷ, Xả không có gián đoạn. Người như vậy mới nên tu tập.

Pháp của nhóm Mạn Trà La, vẽ Tượng... rộng như Kinh khác đã nói.

Phạm vào Tịnh Xá, lúc muốn niệm tụng. Trước tiên đề 5 Luân sát đất đỉnh lễ Bản Tôn **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Avalokiteśvara-rāja). Tiếp lễ Bắc Phương **Bát Không Thành Tựu Như Lai** (Amogha-siddhi) cho đến **Vô Động** (Akṣobhya), **Bảo Sinh** (Ratna-sambhava), **Biển Chiếu Như Lai** (Vairocana) thấy đều y theo Pháp chí thành kính lễ. Quỳ 2 gối, chấp tay **Liên Hoa Hợp Chưởng**, sám hối tất cả lỗi lầm của ba nghiệp.



Con từ vô lượng Kiếp

Đắm chìm biển Sinh Tử

Nay dùng Tâm thanh tịnh

Tổ bày xin sám hối

Như chư Phật đã Sám

Nay con cũng như vậy

Nguyên con với Chúng Sinh

Tất cả đều thanh tịnh

Mật Ngôn là: “**Án, cấp-phộc bà phộc, truật đà. Tát phộc đạt ma cấp-phộc bà phộc, truật đô hám**”

ॐ श्रीगुरुभ्यो नमः ॥ श्रीगुरुभ्यो नमः ॥ श्रीगुरुभ्यो नमः ॥

*) OM_ SVABHĀVA ŚUDDHA_ SARVA DHARMA SVABHĀVA
ŚUDDHA-UHAM

Tiếp nên Tùy Hỷ Phước Trí đã gom tập của chư Phật Bồ Tát thời quá khứ, hiện tại, vị lai

Quá khứ ba đời Phât

Bồ Tát và Chúng Sinh

Đã gom chứa căn lành

Chấp tay tùy hỷ hết

Tiếp nên quỳ gối phải sát đất, chắp tay giữa rỗng (hư tâm hợp chưởng), đặt trên đỉnh đầu, tưởng lễ dưới chân của chư Phật và Bồ Tát.



Tụng Mật Ngôn là :

“**Án, bát nạp-ma vĩ đa** (nửa âm)”

ॐ ५३ ५३

*) OM_ PADMA VID

Lễ chư Phật xong. Y theo **Tọa Án**: tùy ý ngồi theo thế Bán Già hoặc Toàn Già, rồi vào Định suy tư, quán Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus) tràn đầy khắp **Pháp Giới** (Dharma-dhātu), tự thân Hành Giả đều ở trong Hội ấy.

Sau đó kết **Bí Mật Tam Muội Gia Án**: Kiên Cố Phộc, đem Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) cùng hợp nhau đứng thẳng. Dùng Án này cảnh giác Thánh Chúng.



Tụng Mật Ngôn là :

“**Án, phộc nhật-la, bát ná-mang, tam muội gia, tát-đát-phạm**”

ॐ ५३ ५३ ५३ ५३

*) OM_ VAJRA-PADMA SAMAYA STVAM

Tiếp nên kết **Nhất Thiết Như Lai Hoan Hỷ Duyệt Ý Tam Muội Gia Án**: Dựa theo Án trước, chỉ đưa Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) vào trong lòng bàn tay.

Mật Ngôn là :

“**Án, tam mang gia , hộc, tô la đa, tát-đát-phạm**”

ॐ ५३ ५३ ५३ ५३

*) OM_ SAMAYA HOH_ SURATA STVAM

Tiếp kết **Khai Tâm Án**: Quán trên 2 vú có chữ **Đát-la** (५_ TRĀ) **Tra** (५_ Ṭ) Dùng Kim Cương Phộc vỗ 3 lần để mở.



Mật Ngôn là :

“**Án, phộc nhật-la, mãn đà, đát-la tra**”

ॐ ५३ ५३ ५३ ५३

*) OM_ VAJRA BANDHA TRĀṬ

_ Tiếp kết **Nhập Trí Tự Ấn**: Ở trước mặt mình quán một hoa sen hồng, trên hoa có chữ SA (𑖰 SA). Dùng Kiên Cổ Phộc, đưa Thiên Trí (2 ngón cái) vào bên trong, Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn nhau. Tưởng nhớ chữ ấy ở trong Nội Tâm.



Tụng Mật Ngôn là :

“**Ấn, phộc nhật-la, phệ xá, ác**”

𑖦 𑖰 𑖩 𑖦 𑖰

*) OM_VAJRA AVISA AH

_ Tiếp kết **Hạp Trí Tự Ấn**: Chẳng thay Ấn trước, Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ ở lưng Thiên Trí (2 ngón cái), tưởng đóng cửa Tâm (Tâm Môn).



Mật Ngôn là :

“**Ấn, phộc nhật-la, mẫu sắt-trí, hàm**”

𑖦 𑖰 𑖩 𑖦 𑖰

*) OM_VAJRA-MUṢṬI HŪM

_ Tiếp kết **Tịch Trừ Kết Giới Ấn**: Giới Phương (2 ngón vô danh), bên phải đè bên trái, cùng giao nhau bên ngoài, Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) cùng đứng thẳng dựa nhau, dùng Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc Giới Phương (2 ngón vô danh) Thiên Trí (2 ngón cái) vịn đầu Đàn Tuệ (2 ngón út).



Mật Ngôn là :

“**Ấn, a mật-lật đồ ná bà phộc, hồng phán tra**”

𑖦 𑖰 𑖩 𑖦 𑖰

*) OM_AMRTA-UDBHAVA HŪM PHAṬ

Đưa Ấn này xoay bên trái 3 vòng để Tịch Trừ mọi điều Bất Thiện, xoay bên phải 3 vòng tùy ý xa gần dùng để Kết Giới.

_ Tiếp kết **Tam Ma Địa Ấn**: Hai Vũ (2 bàn tay) ngửa lên cái chéo nhau. Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng chung lưng hợp cứng. Thiên Trí (2 ngón cái) vịn đầu Tiến Lực (2 ngón trỏ) rồi đặt trên Già (Bán Già, Toàn Già).



Tụng Mật Ngôn là :

“**Án, tam ma địa, bát ná-minh, hiệt-lị**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*) OM_SAMĀDHI PADME HRĪḤ

Hít vào thở ra, mỗi mỗi biết rõ ràng. Quán trong hư không có vô lượng chư Phật cùng một lúc búng tay cảnh giác Hành Giả, rồi bảo rằng:

“**Này người! Thế nào là Thành Vô Thượng Giác?**”

Chẳng biết Pháp Yếu về Tướng Báu của chư Phật. Lúc đó Hành Giả nghe lời cảnh giác xong, bạch Phật rằng:

“**Thế nào gọi là Chân Thật? Nguyện xin Như Lai vì con mà giải nói**”

Bấy giờ chư Phật bảo Hành Giả rằng :

“**Lành thay! Lành thay! Người có thể thoát ra câu hỏi này. Người tướng bên trong Tâm có chứa chữ ÁC (𑖅_ AH) trong suốt ở trái tim**”

Tụng Mật Ngôn là:

“**Án, tức đa bát-la để vị đăng, ca lồ nhĩ**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*) OM_CITTA PRATIVEDHAM KARA-UMI

Nên yên lặng tụng một biến. Liên tưởng là vành trăng như ở trong sương mù. Vì muốn cho vành trăng đó được trong sạch, nên tụng Mật Ngôn là:

“**Án, mao địa tức đa, mẫu đất bả ná , dạ nhĩ**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*) OM_BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

Tụng xong, chân thật quán vành trăng Tâm rất là trong sạch như khoảng trống rộng lớn của Hư Không không có vết ngăn che. Lại ở vành trăng Tâm tưởng có một hoa sen.

Tụng Mật Ngôn là:

“**Án, để sát-tra, phộc nhật-la, bát ná-ma**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*) OM_TIṢṬA VAJRA-PADMA

Tưởng hoa sen đỏ và vành trăng lớn dần dần tràn ngập khắp Pháp Giới, ngang bằng với Hư Không.

Tụng Mật Ngôn là:

“**Án, tát-phả la, phộc nhật-la, bát ná-ma**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*) OM_SPHARA VAJRA-PADMA

Trong hoa sen nở lớn ấy phóng tỏa vô lượng ánh sáng. Tùy theo ánh sáng tuôn ra vô lượng vô biên cõi **Cực Lạc Thế Giới** (Sukhavatī), mỗi một Thế Giới Diệu Bảo Trang Nghiêm đều có Đức Quán Tự Tại Vương Như Lai và Thánh Chúng trước sau vây quanh. Quán như vậy xong, thu liễm hoa sen nhỏ dần.

Tụng Mật Ngôn là:

“**Án, tăng hạ la, bát ná-ma**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*) OM_SAMHARA PADMA

Tất cả Thế Giới, chư Phật Như Lai như vậy tùy theo hoa đều thu nhỏ dần ngang bằng với Bản Thân. Liên biến thân của mình thành thân của **Vô Lượng Thọ Phật**, có màu pha lê hồng , phóng tỏa ánh sáng to lớn. Kết Tam Ma Địa Án, ngồi trên **tòa Kim Cương Liên Hoa** (Vajra-padmāsana)



240

ॐ अहं यः पद्मं कवचं वक्ष्ये रक्षामि हुं ह्रं

*) OM_ ABHAYA-PADMA-KAVACE BANDHA RAKṢA MAM_ HŪM HAM

_ Tiếp Kết **Hoan Hỷ Án**: Liên Hoa Hợp Chương, hơi vỗ 3 tiếng.



Tụng Mật Ngôn là:

“**Án, bát ná-ma, đồ sử-dã, hộ**”

ॐ अहं तुष्ये ह्रं

*) OM_ PADMA TUṢYA HOḤ

_ Lại ở trước mặt quán Thế Giới **An Lạc** (Sukha-vatī) có **Lưu Ly** (Vaidurya) làm đất, biển sữa Công Đức. Ở trong biển ấy quán chữ **Hiệt-Lị** (𑖦𑖯𑖫𑖜_ HRĪḤ) biến thành hoa sen hé nở vì diệu. Liên biến hoa ấy thành Quán Tự Tại Vương Như Lai với sắc tướng trang nghiêm như quán thân lúc trước.

_ Tiếp kết **Liên Hoa Câu Án**: Liên Hoa Hợp Chương, Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc câu.

Tụng Mật Ngôn là:

“**Án, bát ná-mang cú xả , hồng nhạ**”

ॐ अहं ऋकुष्ये ह्रं

*) OM_ PADMA-AMKUṢA HŪM JAḤ

_ Tiếp kết **Liên Hoa Sách Án**: Liên dùng Án lúc trước, Tiến Lực (2 ngón trỏ) như cái vòng (Hoàn).

Tụng Mật Ngôn là:

“**Án, bát ná-ma, mẫu già bá xả, hồng**”

ॐ अहं ऋकुष्ये ह्रं

*) OM_ PADMA-AMOGHA-PĀṢA HŪM

_ Tiếp kết **Liên Hoa Tỏa Án**: Phù Dung Hợp Chương, Tiến (Ngón trỏ phải) Thiền (Ngón cái phải) vịn nhau, Lực (Ngón trỏ trái) Trí (Ngón cái trái) cũng thế, cùng móc nhau thành cái khoá (Tỏa).

Tụng Mật Ngôn là:

“**Án, bát ná-ma, tắc-bố tra, hàm**”

ॐ अहं त्रैलोक्ये ह्रं

*) OM_ PADMA-SPHOṬA HŪM

_ Tiếp kết **Liên Hoa Linh Án**: Dùng Liên Hoa Hợp Chương, co Thiền Trí (2 ngón cái) vào trong, Tiến Lực (2 ngón trỏ) như cái vòng.

Tụng Mật Ngôn là:

ॐ पद्म वसि ः

*) OM PADMA VEŚA AH

– Tiếp kết **Liên Hoa Bộ Bách Tự Minh Mật Ngôn**, dâng vật khí chứa **Át Già** (Ārgha). Dùng Uất Kim, Long Não cùng hòa với nước thơm mà làm cúng dường. Tụng Bách Tự Minh Mật Ngôn là :

“Án, bát ná-ma tát đất-phộc tam ma gia, ma nỗ bá la gia. Bát ná-ma tát đất-phộc , để-vĩ nỗ ba , để sắt-xá, niết-lị trụ mình bá phộc. Tô đồ sái-dụ mình bá phộc. A nỗ la khát-đổ mình bá phộc. Tô báo sử-dụ mình bá phộc. Tát phộc tát địa mị bát-la tả dã. Tát bà yết ma tô giả mình, tức đa , thất-lợi được, cú lô hồng. Ha ha ha ha hô. Bạc già phạm, tát bà đất tha nghiêm đa , bát ná-ma, mang mình muôn già. Bát ná-minh bá phộc. Ma ha tam ma dã, tát đất-phộc, ác“

[illegible]

*) OM_ PADMA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA_ PADMA-SATVA
TVENA UPATIṢṬA DRḌHO ME BHAVA_ SUTOṢYO ME BHAVA_
SUPOṢYO ME BHAVA_ ANURAKTO ME BHAVA_ SARVA SIDDHIṢ ME
PRAYACCHA_ SARVA_ KARMASU CA ME CITTAṢ ŚRĪYAṢ KURU
HŪṢ_ HA HA HA HA HOḢ_ BHAGAVAM, SARVA TATHĀGATA-PADMA,
MĀ ME MUMCA PADMĪ BHAVA MAHĀ-SAMAYA-SATVA ĀḢ

– Tiếp kết **Liên Hoa Nội Cúng Đường Hy Hỷ Ấn**: Phù Dung Hợp Chương, kèm dụng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái).



Tụng Mật Ngôn là:

“Án, bát ná-ma, la tế, hô”

ਤੰਪ ਸ਼੍ਰਾਮ ਕ:

*)OM PADMA-LĀSE HOḤ

(Bản khác ghi là: OM PADMA-LĀSYE HOḤ)

Tiếp kết **Liên Hoa Man Ấn**: Liền dùng Ấn trước, 2 cánh tay cùng duỗi.



Tụng Mật Ngôn là :

“Ăn, bát ná-ma , ma lệ, đất-la tra”

ਭੰ ਪਸ਼ ਸਾਗੁ ਬੰਦ

*) OM PADMA-MĀLE TRAT

_ Tiếp kết **Liên Hoa Ca Ân**: Dùng Phù Dung Hợp Chưởng, co trụ các ngón , từ rón trở lên đến miệng mới bung tán.



Tụng Mật Ngôn là :

“**Ân, bát ná-ma, nghi đế, nghi**”

ॐ पद्मनि णि

*) OM _ PADMA-GĪTE _ GĪH

_ Tiếp kết **Liên Hoa Vũ Ân**: Dùng Phù Dung Hợp Chưởng, chuyển xoay bên trái phải rồi bung tán trên đỉnh đầu.



Tụng Mật Ngôn là:

“**Ân, bát ná-ma nễ-lị đế, khát-lị tra**”

ॐ पद्मनि त्र

*) OM _ PADMA-NṚTYE _ KṚṬ

_ Tiếp kết Liên Hoa Ngoại Tứ Cúng Đường (4 vị cúng đường bên ngoài của Liên Hoa Bộ) **Thiền Hương Ân**: Liên Hoa Hợp Chưởng, hạ xuống bung tán giống như thể đốt hương.



Tụng Mật Ngôn là:

“**Ân, bát ná-ma, độ bế, ác**”

ॐ पद्म दुप णि

*) OM _ PADMA-DHŪPE _ AH

_ Tiếp kết **Liên Hoa Tán Hoa Ân**: Liên Hoa Hợp Chưởng, từ phía trước mặt bung tán lên trên giống như thể bung rải hoa.



Tụng Mật Ngôn là:

“**Ân, bát ná-ma, bồ sát-bế, án**”

ॐ पद्म पुष ॐ

*) OM _ PADMA-PUṢE _ OM

_ Tiếp kết **Liên Hoa Đăng Ấn**: Liên Hoa Hợp Chương, dựng Thiền Trí (2 ngón cái) cùng cách lìa nhau.



Tụng Mật Ngôn là:

“**Án, bát ná-ma, nễ bế, nễ**”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५

*) OM _ PADMA-DĪPE _ DĪH

_ Tiếp kết **Liên Hoa Đồ Hương Ấn**: Mười Độ (10 ngón tay) tác Liên Hoa Hợp Chương, để ngang trái tim phân tán như thể bôi xoa hương.



Tụng Mật Ngôn là:

“**Án, bát ná-ma, nghiêng đề, ngược**”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५

*) OM _ PADMA-GANDHE _ GAH

_ Tiếp kết **Căn Bản Ấn**: Kiên Cố Phộc, để Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) dính nhau như hình cánh sen.



Tụng Mật Ngôn là:

“**Án, lộ kế thập phộc la, la nhạ, hiệt-lị**”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५

*) OM _ LOKEŚVARA RĀJA _ HRĪH

_ Tiếp kết Căn Bản Ấn, tụng Minh 7 biến xong. Sau đó cầm xâu chuỗi bằng hạt sen, tương ứng niệm tụng. Ở trong 4 Thời, tùy sức mà làm. Nếu lúc muốn ngưng thì trùng kết (Kết lần nữa) Căn Bản Ấn, lại tụng 7 biến Căn Bản Đà La Ni.

_ Tiếp kết 8 Cúng Đường Ấn.

_ Sau đó Phát Khiển Bản Tôn. **Phát Khiển Ấn**: Dùng Căn Bản Ấn lúc trước, từ rón đưa đến mặt rồi bung tán.



Chắp tay ở trên đỉnh đầu, tướng Quán Tự Tại Vương Như Lai quay trở về Bản Cung.

Tụng Mật Ngôn là :

“Án, phộc nhật-la, bát ná-ma, mục”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

*) OM _ VAJRA-PADMA _ MUH

Phát Khiển Bản Tôn xong. Tùy ý phát nguyện.

_ Lại dùng Giáp Trụ Ấn Hộ Thân

_ Dùng Mã Đầu Minh Vương Kết Giới Ấn xoay bên phải để giải Giới

_ Tùy ý Kinh Hành. Đến các Tịnh Xứ đọc Kinh Đại Thừa: Đại Bát Nhã Kinh, Hoa Nghiêm Kinh, Niết Bàn Kinh với Lăng Già Kinh...

_ Đi, đứng, ngồi, nằm thường niệm Bản Tôn không để cho gián đoạn.

KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH
PHÁP TU HÀNH QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI
Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 10/02/2012



KINH KIM CƯỜNG ĐỈNH
PHÁP TU HÀNH DU GIÀ QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI

Hán dịch: Đồi Đường, nước Thiên Trúc_ Tam Tạng KIM CƯƠNG TRÍ
Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phan Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Nay Ta y theo **Kinh Kim Cương Đỉnh** (Vajra-śekhara-sūtra) diễn Pháp yếu của **Kim Cương Liên Hoa Đạt Ma** (Vajra-padma-dharma). Trước tiên nên vào nơi **Quán Đỉnh Tam Muội Gia Mạn Trà La** (Abhiṣeka-samaya-maṇḍala), phát **Tâm Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi-citta), buông bỏ thân mệnh tiền của; nhiều ích tất cả, dũng mãnh tinh tiến, tùy niệm tương ứng Từ Bi Hỷ Xả không có gián đoạn. Người như vậy mới nên tu tập

Pháp của nhóm **Mạn Trà La** (Maṇḍala), vẽ Tượng... rộng như chỗ khác đã nói.

Phạm vào Tịnh Xá, lúc muốn thuận niệm thời trước tiên cúi năm Luân sát đất
đỉnh lễ Bản Tôn **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Avalokiteśvara-rāja). Tiếp lễ Bắc
Phương **Bất Không Thành Tự Như Lai** (Amogha-siddhi) cho đến **Vô Động**
(Akṣobhya), **Bảo Sinh** (Ratna-sambhava), **Biển Chiếu Như Lai** (Vairocana) thấy đều
y theo Pháp chí thành kính lễ. Quỳ 2 gối, chấp tay Liên Hoa Hợp Chủng, sám hối
tất cả lỗi lầm của ba nghiệp.



“Con từ vô lượng Kiếp
Đắm chìm biển Sinh Tử
Nay dùng Tâm thanh tịnh
Tỏ bày xin hồi lỗi
Như chư Phật đã Sám
Nay con cũng như vậy
Nguyện con với Chúng Sinh
Tất cả đều thanh tịnh”

Tụng Chân Ngôn này là:

“Àn, tát-phộc bà phộc, truật đà. Tát phộc đật ma tát-phộc bà phộc, truật độ hám”

ॐ श्रीगुरुभ्यो नमः ॥ श्रीगुरुभ्यो नमः ॥ श्रीगुरुभ्यो नमः ॥

*) OM_ SVABHĀVA ŚUDDHA_ SARVA DHARMA SVABHĀVA
ŚUDDHA-UHAM

Tiếp nên Tùy Hỷ Phước Trí đã gom tập của chư Phật Bồ Tát đời quá khứ, hiện tại, vi lai

*“Xưa, nay ba đời Phật
Bồ Tát và Chúng Sinh
Gom chứa các căn lành
Chấp tay tùy hỷ hết”*

ਤੰ ਪਦ ਭਿੰਨ

Lễ chư Phật xong. Y theo Tọa Ấn mà ngồi, vào Định suy tư, quán Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus) tràn đầy khắp **Pháp Giới** (Dharma-dhātu), tự thân Hành Giả đều ở trong Hội ấy. Sau đó kết Bí Mật Tam Muội Gia : đem 6 Độ (6 ngón tay) cùng dính đầu ngón, hơi co Tiến Lược (2 ngón trỏ) đè vạch bên cạnh trên Nhân Nguyệt (2 ngón giữa).



ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

Tiếp kết **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Đà La Ni Ấn**. Liền đem hai Vũ (2 tay) kết Liên Hoa Hợp Chưởng, Thiên Trí (2 ngón cái), Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng dính đầu ngón, đầu ngón của sáu Độ (6 ngón tay còn lại) cùng cách nhau một thôn, đặt ở trên tai phải.



ਭੰ ਪੜ੍ਹ ਕੀਯਾ ਸੁਭ

247



五

ਭੰਗੁਕੰਧੰ ਸੁਭੰ

Tiếp kết **Kim Cương Hộ Thân Đà La Ni** với **Ấn**. Liền đem Giới Phương (2 ngón vô danh), Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên trong, dựng hai độ Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) như cây phượng, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) ở lưng Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) sao cho cách lưng ngón ba phân như hình móc câu, dựng hai độ Thiên Trí (2 ngón cái) ngay trái tim.



ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

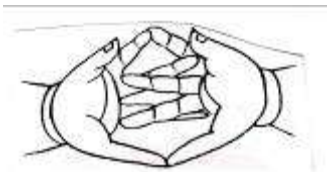
Tiếp kết **Kim Cương Hỏa Diệm Tuệ Đại Giới Đà La Ni** với **Ấn**. Liền đưa Nhẫn Độ (ngón giữa phải) vào bên trong Lực Nguyên Độ (ngón trỏ và ngón giữa trái), Giới Độ (ngón vô danh phải) vào bên trong Tuệ Phương Độ (ngón út và ngón vô danh trái). Dem Nguyên Độ (Ngón giữa trái) từ trên lưng nhập vào bên trong Tiễn Nhẫn Độ (Ngón trỏ và ngón giữa phải), Phương Tiễn (ngón vô danh trái) vào bên trong Đàn Giới Độ (ngón út và ngón vô danh phải), Đàn Tuệ (2 ngón út) Tiễn Lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) đều dính đầu ngón, che úp hướng xuống dưới, Thiên Trí (2 ngón cái) tru mắt đất như thể đóng cây coc.



ॐ किं किं वरु वरु सु वरु वरु ॐ ॐ

248

Kim Cương Hỏa thành Phi Diệm Điện Diên Viện Giới Chân Ngôn Ấn. Dựa theo Địa Ấn trước, mở tung Thiên Trí (2 bàn tay) xoay theo bên phải khắp tám phương.



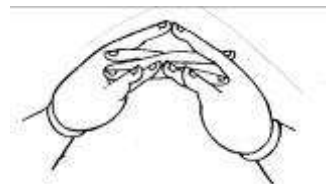
Tụng Chân Ngôn là:

“**Án_ tát la tát la, ma nhật-la, bát-la ca la, hồng, phán tra**”

ॐ तल तल मल नल बल कल हं पं त्र

*)OM _ SARA SARA VAJRA PRAKARA HŪM PHAT

Kim Cương Hỏa Diệm Vông Giới Chân Ngôn Ấn. Cũng dựa theo Địa Ấn trước, mở tung ra dựng thẳng Thiên Trí (2 bàn tay) che trên đỉnh đầu, đưa qua đưa lại ba lần, tưởng cái lưới rực lửa Kim Cương (Kim Cương Hỏa Diệm Vông) lên cao đến Hữu Đỉnh (Sắc Cứu Cánh Thiên).



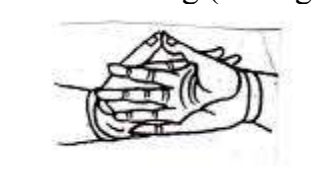
Mật Ngôn là:

“**Án_ Vĩ tát -phổ la nại-lạc khát-sái, phộc nhật-la bán nhạ la, hồng phán tra**”

ॐ वल तल तल नल लल कल सल फल नल बल नल हं पं त्र

*)OM _ VISPHURAD RAKṢA VAJRA-PAMJALA HŪM PHAT

Tiếp kết **Kim Cương Diệm Hỏa Giới Ấn.** Đem Định Tuệ (2 bàn tay) cùng dính cạnh bàn tay, dựng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái) cách nhau ba thốn, xoay chuyển theo bên phải trên đỉnh đầu, tưởng cái lưới bức tường (Tường Vông).



Tụng Mật Ngôn là:

“**Án_ A tam mang nghĩ-nễ, hồng phán tra**”

ॐ तल तल तल मल नल हं पं त्र

*)OM _ ASAMĀMGNI HŪM PHAT

Giới này thành xong, **Ma La** (Māra:loài Ma) trong 6 cõi Dục với tất cả **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) sợ hãi chạy trốn, không có chỗ dung thân

Tiếp kết **Quán Âm Bảo Xa Ấn.** Ngửa hai Vĩ (2 bàn tay) cùng cái chéo nhau chuyển, đem Thiên Trí (2 ngón cái) chiêu vờ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) hướng vào bên trong bật phát ba lần, tụng Chân Ngôn tưởng nhớ Bản Tôn tùy theo Nguyện đi đến.



Nên dùng vào niệm, chẳng dùng Tâm bột nổi huyền hóa trong Tâm kín đáo. Mật Ngôn là:

“Án_ Đổ lỗ, đổ lỗ, hồng”

ॐ त्रु त्रु त्रु त्रु ह्रु

*)OM_ TURU TURU HŪM

Tiếp kết **Bát Đại Liên Hoa Án**. Đem hai vũ (2 bàn tay) cùng cái chéo nhau sao cho đầu ngón của Tiến Lực (2 ngón trỏ) Đan Tuệ (2 ngón út) cùng dính nhau, Thiền (Ngón cái phải) Nguyên (ngón giữa trái) Trí (ngón cái phải) Nhẫn (ngón giữa phải) cùng trụ nhau. Ở khoảng giữa một khuỷu tay của hoa sen trắng tám cánh tưởng đặt ba Mật Ngữ trên cái xe. Chân Ngôn là:

“Án_ Kiếm mang la, sa-phộc ha”

ॐ क्लम ल सफ ह

*)OM_ KAMALA_ SVĀHĀ

Tiếp kết **Du Già Bí Mật Tam Muội Gia Án**. Hai tay buộc các ngón bên chắc (Kiên Cổ Phộc), Đan Tuệ (2 ngón út), Thiền Trí (2 ngón cái) đều cùng hợp dựng dính nhau.



Dùng Án cảnh giác, tụng Mật Ngôn là:

“Án, phộc nhật-la bát na-ma, tam ma gia, tát-đát-phạm”

ॐ वज्रपद्म समाय स्त्वम

*)OM- VAJRA-PADMA SAMAYA STVAM

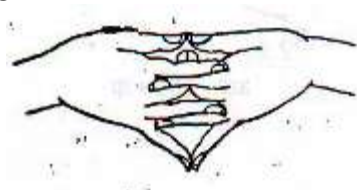
Tiếp kết **Nhất Thiết Như Lai An Lạc Hoan Hỷ Duyệt Ý Tam Muội Gia Án**

Mười Độ (10 ngón tay) buộc bên chắc

Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) giao hợp giữa

Đan Tuệ (2 ngón út) và Thiền Trí (2 ngón cái)

Hợp đầu ngón cùng dựng



Chân Ngôn là:

“Án, tam ma gia, hộ, tô la đá, tát-đát-noan”

ॐ ह्रीं क्लीं नमो भगवते वासुदेवाय

*) OM- SAMAYA HOH SURATA STVAM

Tiếp kết **Khai Tâm Hộ**, nhập vào chữ Kim Cương Trí, quán ở trên hai vú, bên phải có chữ **Đất La** (𑖀- TRĀ), bên trái có chữ **Tra** (𑖄-T) như cánh cửa của cung thất, Kim Cương Phộc thù thắng, ba nghiệp đồng thời phát, chỉ trái tim mở hai chữ.



Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la măn đà, đất-la tra** (nửa âm)”

ॐ वज्रवन्धवा त्रा

*) OM_ VAJRA-BANDHA TRĀṬ

Vô thủy ướp hạt giống
Gom chứa mọi trần lao
Nay dùng **Án Triệu Tội**
Gom lại muốn nghiền nát
Mười Độ (10 ngón tay) buộc bền chắc
Duỗi Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) như kim
Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như câu (móc câu)



Tâm tưởng triệu các tội
Tưởng dạng mọi tội ấy
Hình đen như rễ, tóc
Ngược Án đâm ở tim
Chạm xong tụng Mật Ngôn
Vì ba nghiệp tương ứng
Hay triệu tội đã chứa
Tụng Triệu Tập này xong
Mới làm Pháp nghiền nát (Tội Toái Pháp)
Mật Ngôn là:

“**Án, tát phộc bà phộc, ca lý-sái noa, vĩ du đà na, tam ma gia, phộc nhật-la, hồng, nhạ**”

ॐ ह्रीं क्लीं नमो भगवते वासुदेवाय

*) OM_ SARVA PĀPA AKARṢAṆA VIŚODHANA VAJRA-SAMAYA –
HŪM JAḤ

Triệu vào lòng tay xong
Mới làm Pháp nghiền nát
Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) cùng duỗi thẳng

Tướng làm Chày Kim Cương
Cùng võ như phá núi



Hăm một (21) tùy theo Nghi

ॐ वरुणं विसृज्य सर्वं पथं वरुणं प्रमदय सर्वं पथं गगनः
सर्वं सर्वं सर्वं गगनं वरुणं प्रमदय सर्वं

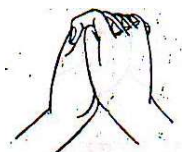
Hơi co tám cánh vân



ਭੰ ਕਮਲ ਸ੍ਵਯੰ

Vô lượng chương cực nặng

Tiếp nên kết **Nhập Ấn**
 Trong chữ Như Lai Trí
 Hai vũ (2 tay) buộc bền chắc
 Thiền Trí (2 ngón giữa) vào ở trong
 Dùng hai Độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Trụ nhau như cái vòng

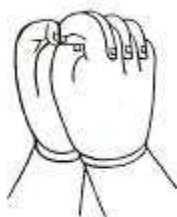


Đã tưởng vào trong tim
Chữ tưởng sáng rực hơn
 Đây tức Thê Pháp Giới
 Hành Giả nên quán đây
 Chẳng lâu ngộ thanh tịnh
Pháp vốn chẳng có sinh
 Các Như Lai ba đời
 Thân khẩu ý Kim Cương
 Điều dùng Diệu Phương tiện (phương tiện màu nhiệm)
 Dùng Môn đóng tâm này (Hạp Tâm Môn)
 Chữ Trí được bền chắc
 Liên co Tiến Lực Độ (2 ngón trở)
 Trụ ở lưng Thiền Trí (2 ngón cái)



Dùng Ấn chạm ngực xong
 Liên tụng Diệu Ngôn này
“Ấn, phộc nhật-la, mẫu sắt tri, noan”
 ॐ ढ ॠ सु ॡ ॢ
 *)OM_ VAJRA-MUṢṬI VAM

Tiếp kết **Nhất Thiết Chư Phật Kim Cương Bể Tâm Môn Ấn**. Tức dùng tám Độ (8 ngón tay) cài chéo nhau bên trong, bắt đầu khởi từ bên phải lại chuyển bên trái, đưa qua lại ba lần chuyển cánh cửa, tương ba Mật Ngữ đóng của Tâm.



Mật Ngôn là:
“Ấn, bát na ma, độ bết, ác”
 ॐ ॡ ॢ ॣ । ॥
 *)OM_ PADMA-DHŪPE _ AH

Tiếp kết **Tịch Trừ Kết Giới Ấn**. Liên dùng hai vũ (2 tay) hợp ngang trái tim, Giới (ngón vô danh) bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau bên ngoài, dựng hai Độ Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) như cây phượng. Tiếp dùng Tiến Lực (2 ngón trỏ) câu móc Giới Phương (2 ngón vô danh), Thiền Trí (2 ngón cái), Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng vịn đầu ngón.

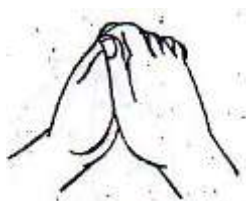


Mật Ngôn là:
“Ấn, a mật-lật đổ nạp-bà phộc, hồng phán tra”
 ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥
 *)OM_ AMṚTA-UDBHAVA HŪM PHAT

Pháp này là Đại Bi Quán Thế Âm hóa làm **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja) gia bị cho Hành Nhân mau thành Phật. Làm Kết Giới này chuyển bên trái ba lần tịch trừ sự chẳng lành, xoay bên phải ba lần tùy ý xa gần thành Kết Giới

Tiếp kết gia trì xong
 Bày chữ tướng chân dung
 Nơi Ấn để Quán Âm (Avalokiteśvara)
 Chữ **Hột Lý** (𑖦𑖯- HRĪḤ) rõ ràng
 Chữ này đều đợi hiện
 Trong sạch trong vành trăng
 Liên toa hào quang trắng
 Quay lại khiến nhỏ dần
 Hai vũ (2 tay) hợp ở tim

Mười Độ (10 ngón tay) chéo bên trong
Rút Thiên (ngón cái phải) dựng thẳng đè



Ấn đỉnh với trên trán
Hai mắt, trước từ phải (bên phải)
Hai bắp tay, tim, rốn
Trong gối (đầu gối) đến trái (bên trái) bụng
Tụng nơi Mật Ngôn là:

“Ấn, a lô lực, sa phộc ha”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

***)OM_ AROLIK SVĀHĀ**

Kết Ấn này dùng bày chữ ở trên thân, tức tự thân giống như Đại Bi Quán Thế Âm
Nhu Lai với 32 tướng 80 loại tùy hình tốt đẹp, màu vàng tía, hào quang thân tròn đầy,
Nhu Lai gia bị

Tác tướng đó xong, dùng Thủ Khế (tay ấn) chạm trên đỉnh đầu bày chữ **Ấn (ॐ_ OM)**, chạm trên trán bày chữ **A (ॐ_A)**, chạm con mắt bày chữ **Lô (ॐ_RO)**, bên phải mỗi mỗi y theo thứ tự cho đến hai bàn chân đều dùng an bày.

Ấn (ॐ_ OM) tướng an trên đầu

Màu trắng như mặt trăng
Phóng vô lượng ánh sáng
Trừ diệt tất cả Chướng
Liên đồng Phật Bồ Tát
Xoa trên đỉnh người đó

Chữ A (ॐ_A) an trên trán

Màu sắc toàn vàng ròng
Soi chiếu các ngu ám
Hay phát Tuệ Minh sâu

Lô (ॐ_RO) an trên hai mắt

Màu lưu ly xanh biếc
Hay hiển các sắc tướng
Dần đủ Trí Như Lai

Lực (ॐ_LIK) tướng an hai vai

Màu sắc như tơ trắng
Do tâm thanh tịnh nên
Mau đạt nẻo Bồ Đề

Sa-phộc (ॐ_SVĀ) an tim, rốn

Dạng ấy làm màu đỏ
Thường hay tướng chữ đó

Mau được chuyển **Pháp Luân** (Dharma-cakra:bánh xe Pháp)

Chữ **Ha** (𑖦-HĀ) hai bàn chân

Màu sắc như trắng đầy

Hành Giả tác tướng đó

Mau được đạt viên tịch

Như vậy tướng nhớ màu chữ gốc (Bản Tự)

Liên thành Môn **Đại Bi Thắng Pháp**

Như tướng chân thật của Bản Tôn

Hay diệt các tội được cát tường

Giống như nhóm Kim Cương bền chắc

Gọi là **Đại Bi Thắng Vương Pháp**

Nếu thường tu hành Pháp như vậy

Nên biết người đó mau Tất Địa (Siddhi:thành tựu)

Tụng ba biến, tịnh Khế xong. Tự tâm tướng trong miệng của **Quán Âm Đại Bi Thiên Nhân** tuôn ra văn tự, lời màu nhiệm của Đại Bi phóng ánh sáng năm màu nhập vào trong miệng của Hành Giả, ngay trong vành trắng ở trái tim an bày xoay theo bên phải. Liên tụng Bản Tôn Chân Ngôn một biến, dùng ngón vô danh của tay phải vịn một hạt châu, vượt qua hạt châu rồi lại bắt đầu, chẳng gấp rút, chẳng chậm chậm, cũng chẳng cao giọng, rõ ràng xưng chữ khiến tự mình nghe. Nơi quán Bản Tôn với bày chữ trên thân, niệm tụng Ký Số. Ở trong một niệm nên cùng một lúc quán thấy, chẳng được thiếu khiến tâm tán loạn. Nếu quán niệm một mỗi thì tùy tâm lực, niệm tụng một trăm, hai trăm, ba trăm cho đến bảy trăm, một ngàn theo hạn số thường định. Nếu có duyên sự cũng phải niệm tụng chẳng được giảm thiểu.

Nếu cầu giải thoát ra khỏi sinh tử thì tác **Tam Muội Du Già Quán Hạnh** không có biến số. Người niệm tướng trái tim của mình như một mặt trăng đầy sầu đầy trong sạch, trong ngoài rõ ràng. Dùng chữ **Án** (𑖠-OM) an trong tâm mặt trăng. Dùng **a** **lỗ lực sa phộc ha** (𑖠𑖳𑖫𑖱𑖨𑖩𑖨𑖩-AROLIK SVĀHĀ) từ phía trước chuyển bên phải theo thứ tự bao vòng khắp Luân Duyên, chân thật quán nghĩa của mỗi một chữ cùng tâm tương ứng chẳng được sai lầm

Chữ **Án** (𑖠-OM) là nghĩa **Lưu Chú**, cũng là nghĩa **chẳng sinh diệt**, ở trong tất cả Pháp là nghĩa **tối thắng**

Chữ **A** (𑖠-A) có nghĩa là **không sinh**, cũng là Trí Tịch Tĩnh trong tất cả Pháp của Như Lai

Chữ **Lỗ** (𑖳-RO) có nghĩa là **tất cả các Pháp không có hành**, cũng có nghĩa là **không khởi trụ**

Chữ **Lực** (𑖫𑖱-LIK) là nghĩa **tất cả Như Lai không có Đẳng Giác**, cũng có nghĩa là **không lấy bỏ** (vô thủ xả)

Chữ **Sa-phộc** (𑖨-SVĀ) là **tất cả Như Lai không có đẳng**, cũng có nghĩa là **không có lời nói**

Chữ (𑖦-HĀ) có nghĩa là **không có nhân**, **vắng lặng** cũng có nghĩa là **không Trụ Niết Bàn**

Như trên đã nói nghĩa của chữ đều là nghĩa **không có chỗ nói văn tự**. Đã biết **không có văn tự** tức quán nghĩa lý thật không có chỗ nói, vòng quanh rồi lại bắt đầu,

Tụng Chân Ngôn này, chân thật quán tâm, khiến cho thật lắng trong thanh tịnh như ở Đại Hư Không mà không có chướng ngại. Tức ở trong tâm tưởng có một hoa sen hay khiến cho vành trắng tim tròn đầy sáng tỏ lợi ích, hiển trụ Bồ Đề bền chắc. Lại trao cho **Tâm Chân Ngôn**

“**Án, để sắt-tra , bạt chiết-la, bát đầu-ma**”

ॐ (ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ)

*)OM_ TIṢṬA VAJRA-PADMA

Tưởng hoa sen ấy cùng vành trắng lớn dần dần dẫn vòng khắp Pháp Giới ngang bằng với hư không, không có ngại. Tức là **Bình Đẳng Chân Như Môn**. Người ở vành trắng sạch, quán Ngũ Trí Kim Cương khiến vòng khắp Pháp Giới chỉ có một Đại Kim Cương, nên biết thân của mình tức là **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu). Mật Ngôn là:

“**Án, tát-phả la, phộc nhật-la, bát ná-ma**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM_ SPHARA VAJRA-PADMA

Tụng Chân Ngôn này, tưởng trong hoa sen tuôn ra vô lượng ánh sáng, vô lượng ánh sáng tuôn ra vô lượng Thế Giới, mỗi một Thế Giới diệu bảo trang nghiêm đều có **Quán Tự Tại Vương Như Lai** cùng các Thánh Chúng trước sau vây quanh dùng chứng Tự Tâm tức được thanh tịnh. Nên biết thân của mình quay lại làm Đức Phật ấy có đầy đủ mọi tướng. Tức ở trong Định lễ khắp chư Phật, nguyện gia trì bền chắc. Liền nói **Kim Cương Tâm Chân Ngôn** là:

“**Án, tăng ha la, bát ná-ma**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM_ SAMHARA PADMA

Tụng Chân Ngôn này, tiếp tục đủ **Tát Bà Nhược Trí** (Sarvajña-jñāna: Nhất Thiết Trí Trí)

Tiếp tác **Gia Trì Bí Án**. Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) sáu Độ (6 ngón từ ngón giữa trở xuống) cùng cài chéo nhau bên ngoài, hai Độ Tiến Lực (2 ngón trở) trụ như sen, kèm dựng Thiên Trí (2 ngón cái) như cây phượng, ấn trái tim, vầng trán, cổ họng và đỉnh đầu.



Mật Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la đạt ma hiệt-lý**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM_ VAJRA-DHARMA _ HRĪḤ

Liền tưởng các Như Lai ở hư không cầm báu Hư Không rưới rót lên đỉnh đầu của ta. Định Tuệ (2 tay) hòa hợp Kim Cương Phộc, Tiến Lực (2 ngón trở), Thiên Trí (2 ngón cái) như hình báu.

ॐ श्रुत्य पश्य कवय वव रू मं हं

Tiếp kết **Như Lai Hoan Hỷ Ấn**. Hai Vũ Định Tuệ (2 bàn tay) hợp ngang trái tim, hai Độ Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng cài chéo nhau bên ngoài, hai Độ Thiên Trí (2 ngón cái) dựng ngang trái tim hơi vỗ ba tiếng khải bạch các Thánh.

ॐ पद्म वृक्ष ऋः

Nên dùng **Thành Sở Tác Trí Tam Ma Địa**. Tưởng ở trước thân của mình , thấy vô lượng biển sữa sinh ra Đại Liên Hoa Vương (Hoa sen vua to lớn) với Kim Cương làm cọng, lớn vòng quanh Pháp Giới, bên trên có lầu gác báu, bên trong có tòa Sư Tử ở trong mặt trăng đầy hiện hoa sen trắng màu nhiệm. Quán trong biển có chữ **Hiệt Lý** (𑖦𑖻𑖳𑖫_ HRIḤ) biến làm hoa sen hé nở, lại biến hoa làm Quán Tự Tại Vương Như Lai với vô số Bồ Tát trước sau vây quanh dùng thành quyền thuộc đều đến dự Hội ấy

ॐ पद्म शंभु नमः ॥

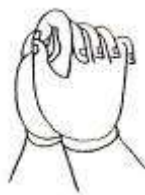
Tiếp kết **Kim Cương Sách Đại Ấn** dẫn vào Tôn Thân ở Trí Thê. Nhấn Nguyên (2 ngón giữa) sáu Độ (6 ngón tay từ ngón giữa trở xuống) cùng cài chéo nhau bên ngoài. Hai Độ Thiên (ngón cái phải) Tiến (ngón trỏ phải) cùng vịn đầu nhau.



ॐ पद्म शिवाय नमः

Liên tưởng Pháp Thân của Bồ Tát đến nhập vào tượng vẽ, tức làm Pháp Thân (Dharma-kāya)

Tiếp kết **Kim Cương Câu Tỏa Ấn** hay khiến cho Bản Tôn trụ bền chắc. Thiền Tiễn (ngón cái và ngón trỏ phải) Lục Trí (ngón trỏ và ngón cái trái) móc kết nhau.



Đây gọi là **Kim Cương Năng Chỉ Ấn**. Mật Ngôn là:

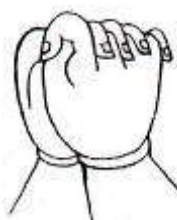
“**Án, bát ná-ma, tắc-phổ tra, hàm**”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५

*)OM_ PADMA-SPHOTA HŪM

Tụng Pháp này xong, Bản Thân của Thánh Giả gia trì chẳng tan.

Tiếp kết **Kim Cương Diệu Khánh Ấn**. Tác Ấn này xong hay khiến cho các Thánh vui vẻ. Co Thiền Trí (2 ngón cái) vào Kim Cương Phộc, co Tiễn Lục (2 ngón trỏ) sao cho đầu ngón trụ nhau như cái vòng.



Đây gọi là **Kim Cương Hỷ Ấn**. Mật Ngôn là:

“**Án, bát ná-ma, phệ xá, ác**”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५

*)OM_ PADMA-VEŚA AH

Do Chân Ngôn với Ấn này, tất cả chư Phật Bồ Tát với Bản Thánh Giả thấy đều vui vẻ

Tiếp kết **Át Già Thủy Chân Ngôn** với Ấn. Đem hai vũ (2 tay) để ngang trái tim, hợp Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) sáu Độ (6 ngón tay từ ngón giữa trở xuống), ngửa duỗi thẳng Tiễn Lục (2 ngón trỏ) rồi co lại vịn móng ngón Thiền Trí (2 ngón cái).



Mật Ngôn:

“**Án, đế lệ lệ, mẫu đà, sa-phộc ha**”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५

*)OM_ TERALE BUDDHA SVĀHĀ

Dùng cúng dường này thì tất cả **Như Lai Kim Cương** (Tathāgata-vajra) đem **Cam Lộ** (Amṛta) rưới rót lên đỉnh đầu của tất cả chúng sinh, diệt trừ vô lượng Nghiệp

Chương. Nhân cúng dường Át Già này cho nên tắm thân không dơ (vô cấu thân) của các Thánh Chúng. Dùng Phước Lợi khó thể lường này sẽ được quán đỉnh **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha-bhūmi)

Tiếp kết **Nhất Thiết Như Lai** Bách Tự Mật Ngôn với Ấn



“**Án, bát ná-ma tát đất-phộc tam ma gia, ma nỗ bá la gia. Bát ná-ma tát đất-phộc, dễ-vĩ nỗ ba , dễ sắt-xá, niết-ly trạc minh bá phộc. Tô đồ sái-dụ minh bà phộc. A nỗ la kết-đổ minh bá phộc. Tô báo sái-dụ minh bá phộc. Tát phộc tát địa minh bát-la dã xa. Tát bà yết ma tô giả minh, chất đa, thất-lợi dục, câu lô hồng. Ha ha ha ha hộ. Bạc già phạm, tát bà đất tha nga đa, bát ná-ma, mãng minh muộn già. Bát ná-mê bà phộc. Ma ha tam ma dã, tát đất-phộc, ác**”

[illegible]

*) OM _ PADMA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA _ PADMA-SATVA
TVENA ŪPATIṢṬA DR̥DHO ME BHAVA _ SUTOṢYO ME BHAVA _
SUPOṢYO ME BHAVA _ ANURAKTO ME BHĀVA _ SARVA SIDDHIṢ ME
PRAYACCHA _ SARVA KARMASU CA ME CITTAṢ ŚRĪYAṢ KURU
HŪṢ _ HA HA HA HA HOḤ _ BHAGAVAṢ, SARVA TATHĀGATA-PADMA,
MĀ ME MUMCA PADMĪ BHAVA MAHĀ-SAMAYA-SATVA ĀH

Do **Ma Ha Diễn Bách Tụ Mật Ngôn** gia trì cho nên giả sử có phạm tội Vô Gian với phỉ báng tất cả Kinh Điển Phương Đẳng của chư Phật thì tội của nhóm như vậy sẽ khiến được tiêu diệt. Dùng Bản Tôn trụ chắc nơi thân của ta nên mau được địa vị **Kim Cương Tát Đồ** (Vajra-satva) với địa vị của Bồ Tát, chư Phật.

Tiếp kết **Kim Cương Hy Hỷ Ân** (Nội Tứ Cúng Dường). Định Tuệ (2 tay) hòa hợp Kim Cương Quyền, hai Độ Thiên Trí (2 ngón cái) dựng ngang trái tim, tất cả Hỷ Hỷ (vui giòn) dân chuyên xoay bay lên trên đỉnh rồi bung tán Thánh Ý của Khế.



Tác cúng dường này thì tất cả Như Lai cung dưỡng Trí Tuệ. Chư Phật dùng Pháp này làm sự dạo chơi, vui giỡn. Mật Ngôn là:

“Án, bát ná-ma, la tế, hô”

ॐ पद्मेश्वर्य नमः

*) OM PADMA-LĀSYE HOH

Tiếp kết **Kim Cương Hoa Man Ấn**. Chưởng sửa Ấn trước, nâng dần phía trước, tưởng dâng vòng hoa báu dùng trang nghiêm cái đầu.



Mật Ngôn là:

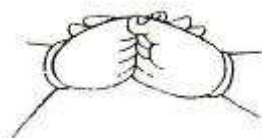
“**Án, bát ná-ma , ma lệ, đát-la tra**”

ॐ पद्म माले त्रय

*)OM _ PADMA-MĀLE TRAT

Do Ấn Chân Ngôn này cúng dường sẽ được quán đỉnh địa vị của Pháp Vương (Dharma-rāja)

Tiếp kết **Kim Cương Ca Vịnh Ấn**. Ấn trước từ lỗ rốn dần đưa lên đến miệng mới bung, diễn âm thanh màu nhiệm giúp vui cho Thánh Hội.



Mật Ngôn là:

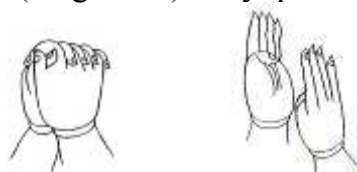
“**Án, bát ná-ma, nghi đế, nghi**”

ॐ पद्म गीते गी

*)OM _ PADMA-GĪTE _ GĪH

Do cúng dường Kim Cương Ca này, chẳng lâu sẽ đủ việc làm của Như Lai

Tiếp kết **Kim Cương Vũ Ấn**. Quán mây Diệu Kỳ cúng dường khắp. Định Tuệ (2 tay) Tiến Lược (2 ngón trỏ) đều xoay múa, hông sườn bên trái, hông sườn bên phải, lại ngang trái tim, mỗi một Tiến Lược (2 ngón trỏ) xoay quán ba lần



Chân Ngôn chẳng dứt, rồi bung tán trên đỉnh đầu.

“**Án, bát ná-ma nễ-lý đế, cật-lý tra**”

ॐ पद्म नृत्त्ये कर्त

*)OM _ PADMA-NR̥TYE _ KRT

Do điệu múa màu nhiệm này sẽ được Thân do ý sinh của Như Lai (Như Lai Ý Sinh Thân)

Tiếp kết **Phản Hương Ngoại Cúng Dường Ấn**. Tác Pháp này xông ướp khắp Phật Hải Hội, hoà hợp Kim Cương, hạ xuống dưới bụng chưởng, tưởng mây hương màu nhiệm vòng quanh Pháp Giới.



ਭੰ ਪਸ਼ ਰੁਪ ਸ਼:

Tiếp kết **Kim Cương Tán Hoa Ấn**. Dùng Pháp này trang nghiêm các Thế Giới. Phộc Ấn bung tán lên trên như hoa, mây hoa thơm phức tràn khắp Pháp Giới.



ॐ पद्म प्रथा ॐ

Tiếp kết **Kim Cương Đăng Minh Ấn**. Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) sáu Độ (6 ngón tay từ ngón giữa trở xuống) cùng cài chéo nhau bên ngoài, co Tiên Lực (2 ngón trỏ) trụ như hình bấu, hai Độ Thiên Trí (2 ngón cái) đều co song song. Ánh sáng của đèn Ma Ni chiếu Pháp Giới.



ਭੰ ਪਸ਼ ਦੀਪ ਸੀ:

Người tác Pháp này dùng đèn Như Lai Trí mà làm cúng dường hay khiến cho Hữu Tình mau thành Trí Tuệ của Như Lai. Dùng cúng dường này được năm loại mất thanh tịnh.

Tiếp kết **Kim Cương Đồ Hương Ấn** dùng để cúng dường các Phật Hội. Bung tán Kim Cương Phộc như xoa bôi hương, mùi thơm (hương khí) lan tỏa vòng quanh mười phương Giới, xông ướp khắp Thánh Chúng với Thanh Văn.



ॐ पद्म गङ्गा नमः

264

Tác sự nhiễm dính của Pháp này, dùng các Như Lai Trí, hương của **Thi La** (Sĩla: Thanh Lương Giới) mà làm cúng dường, hay khiến cho Hữu Tình mau được thanh tịnh. Do Phước này nên đầy đủ năm phần Pháp Thân

Tiếp kết **Căn Bản Ấn**. Tiếp nên chân thật tướng thân của mình đồng với Bản Tôn, quỳ thuộc vây quanh, trụ ở Đại Viên Kính Trí. Tức dùng hai vũ Định Tuệ (2 tay) kết Kim Cương Phộc, hai Độ Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) dựng như cây phượng.



Liên tụng **Quán Âm Căn Bản Minh**, thân ở trong vành trăng đồng với **Tát Đồa** (Satva). Mật Ngôn là:

“**Án, lộ kế thấp phộc la , la nhạ, hột-ly**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*) OM _ LOKEŚVARA-RĀJA _ HRĪḤ

Tiếp nên ca vịnh, mọi thứ tán thán. Nếu khi khen ngợi (tán thán) thời vào lúc sáng sớm, rửa vẩy xoa bôi tay Luân Kết, dùng Diệu Âm thanh nhã mà ca tán. Mỗi ngày bốn thời là: Sáng sớm, giờ Ngọ, hoàng hôn, nửa đêm (Tý, Ngọ, Mão, Dậu) niệm tụng tràng hạt (sổ châu) đều y theo Bản Bộ.

Tiếp hiến nước **Át Già** (Ārgha)



Dùng **Giáng Tam Thế Ấn** xoay theo bên trái giải Giới Ấn



Liên kết **Kim Cương Giải Thoát Ấn** phụng tống các Thánh.



T
iếp kết **Phát Khiển Ấn**. Dùng Căn Bản Ấn từ lỗ rốn đến miệng, xong đem bung tán. Chắp tay ở trên đỉnh đầu, tưởng Quán Tự Tại Vương Như Lai quay về Bản Cung. Tụng Mật Ngôn là:

“Án, bát nhật-la, bát ná-ma, mục”

ॐ འཕྲུལ་པ་མུཿ

*)OM _ VAJRA-PADMA _ MUH

Phát Khiển Bản Tôn xong, tùy ý **phát Nguyện**

Lại dùng **Giáp Án** hộ thân

Dùng **Mã Đầu Minh Vương Giới Án** xoay theo bên trái giải Giới. Tùy ý Kinh Hành, nghiêm trì hương hoa, đọc tụng Đại Thừa, trong bốn uy nghi (đi, đứng, ngồi, nằm) thường niệm Bản Tôn không có gián đoạn

Nếu có chúng sinh tu Giáo này thì trong đời này chứng Hoan Hỷ Địa, trải qua 16 đời thành Đẳng Chính Giác.

KINH KIM CƯỜNG ĐỈNH
PHÁP TU HÀNH DU GIÀ QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI
-Hết-

Hiệu chỉnh xong vào ngày 12/05/2011



KINH CỬU PHẨM VĂNG SINH A DI ĐÀ TAM MA ĐỊA TẬP ĐÀ LA NI

Hán dịch : Chùa Đại Hưng Thiện. Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí **BẤT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Sưu tập Phạn Chú và Việt dịch : HUYỀN THANH

Bấy giờ Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai ngự tại tinh xá Đại Tam Địa Môn cùng với chúng Tỳ Khưu gồm 89000 người đến dự đều là bậc Đại A La Hán có đầy đủ Tuệ Thiện, đã làm xong việc cần làm. Tên các Vị ấy là: Thần Lực Trí Biện Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Thần Thông Tự Tại Bồ Tát, Tĩnh Quang Vô Cấu Đà La Ni Bồ Tát, Đại Lực Phổ Văn (Nghe rộng khắp) Bồ Tát, Đại Trang Nghiêm Lực Bồ Tát, Vô Lượng Quang Bồ Tát, Tuệ Thiện Tuệ Phổ Quang Vương Bồ Tát. Các vị Đại Bồ Tát và chúng Thanh Văn của Đấng như vậy đi đến chỗ Phật ngự, bạch rằng: “Thế Tôn! Cõi **Vô Lượng Thọ** có **Cửu Phẩm Tịnh Thức Tam Ma Địa**. Đây tức là cảnh giới của chư Phật, nơi cư ngụ của Như Lai. Chư Phật ba đời đều y theo đây mà thành Chính Giác, đầy đủ ba Minh, tăng trưởng Phước Tuệ. Cảnh giới của Chín Phẩm ấy là Thượng Phẩm Thượng Sinh **Chân Sắc Địa**, Thượng Phẩm Trung Sinh **Vô Cấu Địa**, Thượng Phẩm Hạ Sinh **Ly Cấu Địa**. Trung Phẩm Thượng Sinh **Thiện Giác Địa**, Trung Phẩm Trung Sinh **Minh Lực Địa**, Trung Phẩm Hạ Sinh **Vô Lưu Địa**. Hạ Phẩm Thượng Sinh **Chân Giác Địa**, Hạ Phẩm Trung Sinh **Hiền Giác Địa**, Hạ Phẩm Hạ Sinh **Lạc** (vui vẻ) **Môn Địa**.

Đây gọi là **Cửu Phẩm Tịnh Thức Chân Như Cảnh**. Nội tọa (chỗ ngồi bên trong) đây có 12 Đại Man Đà La là Chân Tượng (Hình tượng chân thật) của Đại Viên Cảnh Trí. Tên các Chân Tượng ấy là :

- 1) Nhất Thiết Tam Đạt **Vô Lượng Quang Phật**
- 2) Biến Giác Tam Minh **Vô Biên Quang Phật**
- 3) Chí Đạo Tam Minh **Vô Ngại Quang Phật**
- 4) Lục Chân Lý Trí Quang Minh **Vô Đối Quang Phật**
- 5) Sắc Thiện Tam Minh **Diễm Vương Quang Phật**
- 6) Nhất Thiết Tam Minh **Thanh Tịnh Quang Phật**
- 7) Phổ Môn Tam Minh **Hoan Hỷ Quang Phật**
- 8) Nhập Tuệ Tam Minh **Trí Tuệ Quang Phật**
- 9) Quang Sắc Tam Minh **Bất Đoạn Quang Phật**
- 10) Minh Đạt Tam Minh **Nan Tư Quang Phật**
- 11) Ngũ Đức Tam Minh **Vô Xúng Quang Phật**
- 12) Trí Lực Tam Minh **Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật**

Chư Phật Như Lai như vậy là chân sắc cụ túc (đầy đủ sắc tướng chân thật) là nơi y cứ của tướng BI của tất cả Như Lai ba đời.

Nếu có chúng sinh muốn sinh về Tịnh Thổ Cửu Phẩm như vậy thì nên tôn phụng xem xét 12 **Viên Diệu** ấy. Ngày đêm ba thời xưng danh Cửu Phẩm Tịnh Thổ như vậy, tán thán hiệu của 12 vị **Quang Phật** tức vĩnh viễn ra khỏi nhà lửa của Tam Giới, quyết định sinh Chân Như, xa lìa Hữu Lưu, nhập hẳn vào Vô Lưu.

Nếu có người muốn vào cảnh Tam Ma Địa như vậy, được đầy đủ: Phật Tuệ, Tâm Tịch Tĩnh, Thân Thanh Tịnh thì nên quán niệm **Đại Tam Ma Gia Thật Tướng Chân Ngôn**.

Chú là :” **Án, A mật lạt đế tể già lam, hồng**”

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖛𑖫𑖞𑖪𑖨𑖱𑖮

*) OM_ AMṚTA TEJE HARA _HŪM

Này Thiện Nam Tử! **Chân Ngôn Phạn Chú** như vậy là vị trí thuộc **Lý Trí cứu cánh** của tất cả chư Phật Như Lai ba đời ở 10 phương, là căn bản của 12 KHÔNG NGUYÊN .

Nếu đệ tử Ta muốn lợi lạc cho ba cõi, lợi ích cho Trời Người thì nên viết chép Kinh này. Người thọ trì đọc tụng sẽ tăng trưởng Phước Lạc, tăng ích Trí Tuệ Biện Tài, tăng trưởng Thọ Mệnh Sắc Lực, tiêu diệt nghiệp chướng, tiêu diệt vạn bệnh, tăng trưởng BI ÁI, không có gì không đầy đủ Sắc Thiện. Huống chi chí Tâm viết chép, đọc tụng sẽ độ cho ba đời không còn sinh biến trong nhà lửa Tam Giới . Công năng tụng niệm làm cho Hành Giả vắng sinh về Tịch Thổ Cửu Phẩm của Cực Lạc Giới Hội.

Bấy giờ, Đại Chúng nghe được lời Đức Phật dạy đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành

KINH CỬU PHẨM VẮNG SINH A DI ĐÀ

Hết

12/07/1997

*) Ghi Chú: **A Di Đà Phật Cửu Tự Tâm Chú :**

ॐ

OM: Thân, Khẩu, Ý

𑖀𑖩𑖫𑖛

AMṚTA: Cam Lộ bất tử

𑖫𑖞𑖪𑖨

TEJE: Uy Quang

𑖪𑖨𑖱𑖮

HARA: Thâu nhiếp

𑖨𑖱𑖮

HŪM: Ta thành tựu

Toàn câu Chú có thể diễn dịch là :

Thân, Khẩu, Ý hãy thâu nhiếp ánh sáng uy đức của Cam Lộ bất tử mà thành tựu

PHẬT NÓI KINH VÔ LƯỢNG CÔNG ĐỨC ĐÀ LA NI

Hán dịch : Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc
Khanh_ Minh Giáo Đại Sư PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch : HUYỀN THANH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: “Ông hãy lắng nghe! Nay Ta vì ông với chúng sinh đời Mật Pháp diễn nói về **Vô Lượng Công Đức Đà La Ni**. Ông hãy ghi nhớ đừng để quên mất nhằm giúp cho các chúng sinh trong đời Uế Ác sau nầy được đại thiện lợi.

Này A Nan! Nếu có chúng sinh nào được nghe Đà La Ni này, mỗi ngày sáng chiều tụng 21 biến thì bao nhiêu nghiệp ác mà người ấy đã gom chứa trong một ngàn kiếp đều được tiêu diệt, hiện thân (thân trong đời hiện tại) gặt hái được sự an ổn khoái lạc.

Nếu có người chí tâm trì tụng một Lạc Xoa biến thì sau này người đó sẽ được gặp Đức **Từ Thị Bồ Tát** (Maitrī Bodhisatva)

Nếu trì tụng hai Lạc Xoa biến thì sau này sẽ được gặp Đức **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara Bodhisatva)

Nếu trì tụng ba Lạc Xoa biến thì sau này sẽ gặp được Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus Buddha)

Liền nói Đà La Ni là:

“**Năng mô la đất-na đất-la dạ dã. Na mạc a li-dã a di đà bà dã, đất tha nga đa dã, a la-hạt đế, tam miệu cật-tam một đà dã. Đất nĩnh tha: A di đế, a di đồ nạp-bà vị, a di đà tam bà vị, a di đà vĩ cật-lan đế, a di đà vĩ cật-lan đa nga di nễ, nga nga na kế li-để yết li, tát li-phộc cật-lê xá, sái dương yết-li duệ sa-phộc hạ**”

ॐ नमो रत्नट्रयै नमः ॥ नमो अमिताभय तथगतये अरहते
॥ तद्यथाः अमृते अमृता उदभावे अमृता सम्भावे
अमृता विक्रान्ते अमृता विक्रान्ता गमिने गगना किर्त्ति
कारे सारवा क्लेश क्षयाम कारे स्वहं

*) NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: AMṚTE AMṚTA UDBHAVE AMṚTA SAMBHAVE
AMṚTA VIKRĀNTE AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE GAGANA KĪRTTĪ
KARE SARVA KLEŚA KṢAYAM KARE SVĀHĀ

Bấy giờ A Nan được nghe Đức Như Lai nói về **Vô Lượng Công Đức Đà La Ni** này xong liền vui vẻ tin nhận, lễ Phật rồi lui ra.

PHẬT THUYẾT VÔ LƯỢNG CÔNG ĐỨC ĐÀ LA NI

Hết

Ghi chú :

Vô Lượng Công Đức Đà La Ni (Vãng Sinh Chân Ngôn):

ॐ नमो रत्नट्रयै

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy mệnh Tam Bảo

ॐ नमः ॥ नमो अमिताभय तथगतये अरहते

NAMAḤ ĀRYA-AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA: Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng
Chính Đẳng Chính Giác

𑖦𑖩𑖫𑖪

TADYATHĀ: Như vậy, liền nói Chú là

𑖦𑖩𑖫𑖪

AMRTE: Cam Lộ bất tử

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖦𑖩𑖫𑖪

AMRTA-UDHBHAVE: Hiện lên Cam Lộ

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖦𑖩𑖫𑖪

AMRTA SAMBHAVE: Phát sinh Cam Lộ

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖦𑖩𑖫𑖪

AMRTA VIKRĀNTE: Cam Lộ dững mãi

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖦𑖩𑖫𑖪𑖦𑖩𑖫𑖪

AMRTA VIKRĀNTA GAMINE: Đạt đến Cam Lộ dững mãi

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖦𑖩𑖫𑖪𑖦𑖩𑖫𑖪

GAGANA KĪRTTI KARE: Rải đầy khắp hư không

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖦𑖩𑖫𑖪𑖦𑖩𑖫𑖪

SARVA KLEŚA KṢAYAM KARE: Dẹp sạch mọi phiền não vô tận

𑖦𑖩𑖫𑖪

SVĀHĀ: Quyết định thành tựu

11/07/1997

CỤC LẠC NGUYỄN VĂN

Hán Văn: Chùa Phước Cổ ĐẠT LẠT MA MỘC ĐAN ĐẠT NHĨ KIẾT soạn
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Bồ Thí phước đức không tận rất ít có
Mỗi niệm hay khiến xa lìa các thứ nạn
Xem khắp Hữu Tình như là con mồ côi
Trước Đức Thế Tôn Vô Lượng Thọ lễ lạy

Tiếp đến lễ lạy Phật Thích Ca
Xưng tán ngợi khen việc làm tốt
Cầu sanh Cực Lạc Nguyễn Văn này
Do vì Từ Bi nên cố gắng
Thiện ác các thứ Vô Minh che
Trời Người mạng sống không bền chắc
Thương yêu cột trời nẻo Luân Hồi
Ngụp lặn chìm nơi ba biển độc
Bệnh, già các thứ thật ghê thay
Chí quyết thoát ly biển sanh tử
Không tham các Dục phải trầm luân
Không chỗ dựa nương cầu cứu độ
Đem hết lòng thành nguyện hiến dâng
Cứu độ chúng con: Di Đà Phật
Quán Âm, Thế Chí, các Bồ Tát
Cùng với quyền thuộc lại vây quanh
Bởi lũ chúng con nhiều số kiếp
Phát lời Thệ Nguyện chẳng hề quên
Mau chóng như chim đang cánh rộng
Từ Bi thương xót giáng Đạo Tràng.

Phục nguyện: con và tất cả chúng sanh đầy đủ Phước Trí, hai món tư lương. Khi mang chung được gần gũi thấy Phật Di Đà, hai vị Bồ Tát: Quán Âm, Thế Chí cùng các quyền thuộc trước sau vây quanh. Bấy giờ đối với Phật và quyền thuộc sanh lòng tôn kính chí thành không bị khô vì sự chết chóc, không xa lìa Tâm thành kính, cùng thấy được Cảnh Giới nên niệm không gián đoạn. Tám Đại Phật Tử dùng các Thần Biến đi đến chỉ lối đưa đường dẫn về Cực Lạc. Theo đây mà được về cảnh giới Thủ Thắng của Phật, sanh nơi hoa sen báu, phát căn lành Chung Tánh Đại Thừa.

Khi vừa sanh ra, tất cả các Pháp: Tổng Trì, Thiền Định, Vô Duyên Đạo Tâm, Vô Tận Biện Tài, các công đức thù thắng đều có đầy đủ. Nương vào Đạo Sư A Di Đà Phật cùng mười phương chư Phật, Bồ Tát thấy đều hoan hỷ, được thọ các Pháp Đại Thừa, nơi nghĩa các Pháp trong khoảng chốc lát đều được thấu hiểu. Lại nương Thần Biến vô ngại đến khắp các cõi nước của chư Phật, rộng làm các Hạnh Bồ Tát. Nguyện được đầy đủ.

Khi được sanh ra nơi cõi Phật rồi, khởi Tâm đồng mãnh Từ Bi, dùng Thần Biến không ngăn ngại đến các Cõi như uế vì các chúng sanh, theo Nhân Duyên của chúng mà giáo hóa. Nguyện tất cả đều xưng tán và an ở nơi Đạo thanh tịnh của chư Phật, làm

những việc hiểm có mau được đầy đủ, lợi ích vô biên chúng sanh, làm cho tất cả mau được Quả Phật.

Nguyện khi con lâm chung
Di Đà và quyền thuộc
Rõ ràng hiện trước mắt
Khiến cho con tin chắc
Nơi thân Trung Âm được
Các Phật Tử dẫn đường
Sanh về nơi Tịnh Độ
Trở lại cứu Hàm Linh

Cảnh Giới thù thắng trên, nếu chưa được sanh vào. Nguyện xin đời đời kiếp kiếp thường gặp Phật Pháp. Trong các Kinh Điển liễu ngộ: Văn, Tư, Tu. Nguyện được thân thanh tịnh. Được thân này rồi, nơi bảy Đức trang nghiêm, Nguyện không xa lìa, nơi tất cả mọi lúc luôn luôn nhớ niệm đời trước. Nguyện được Túc Mệnh Trí.

Đời đời kiếp kiếp thấy Tam Hữu, Sanh Tâm nhàm lìa. Nơi công đức Giải thoát, khởi Tâm ham vui, ưa nơi Phật Đạo. Nguyện được xuất gia. Khi được xuất gia, nơi các chỗ ác tâm không nhiễm đắm, giữ gìn Giới Cấm đầy đủ, đắc Đại Bồ Đề. Nguyện như Đại Tỳ Kheo của Phật A Súc.

Lại đời đời kiếp kiếp, nơi các Pháp sạch dơ, nghĩa lý đều rõ, mau được Đạo Quả. Nơi văn nghĩa các Pháp giữ gìn không mất các tổng trì. Nguyện đầy đủ cả. Ghi nhớ các Pháp không quên nơi các khổ, các thời. Nguyện được thanh tịnh biện tài vô ngại.

Lại đời đời kiếp kiếp, các môn Định như: Lăng Nghiêm... Nhẫn Nhục, cho đến Ngũ Nhãn, sáu cảnh giới thần thông. Nguyện đều được tất cả.

Lại đời đời kiếp kiếp, tự có sức lực, phân rõ các thứ Thiện Ác. Nguyện được Trí Huệ rộng lớn.

Nơi các Pháp Nhiễm Tịnh, nghĩa lý sâu xa thấy đều hiểu thấu không có lẫn lộn. Nguyện được Lợi Minh Trí Huệ.

Nếu có chỗ chưa rõ, chưa hiểu, sanh Tâm nghi ngờ. Khi vừa khởi Tâm đều bị tiêu diệt không sót. Nguyện Tốc Kiến Trí Huệ được đầy đủ.

Thấy người không đủ sức phân tách Nghĩa Lý Diệu Pháp. Nguyện được Thâm Thâm Trí Huệ.

Nói chung trình bày các tội về Trí Huệ và nghĩa lý Văn Chương khó hiểu thấy đều trình bày mô xẻ rõ ràng, từ phương tiện Chánh Trí tu Hạnh Bồ Tát mau đến bờ kia. Nguyện được như Văn Thủ Bồ Tát.

Như vậy vì lợi ích rộng lớn, nguyện mau được các môn Trí Huệ sâu xa, tùy Duyên gìn giữ, chiết phục các Tà Kiến khiến Kẻ Trí hoan hỷ, nghe Phật nói Pháp, hay rõ ràng giải nói. Nguyện có Trí Huệ Đáo Bỉ Ngạn.

Lại đời đời kiếp kiếp, vì trọng tự lợi đối với các Hạnh to lớn của Bồ Tát sanh lòng thoái chuyển, nguyện đều chặt đứt. Dùng Tâm đồng mãnh làm lợi ích cho kẻ khác đều đến bờ kia, tùy theo phương tiện, nơi Đạo Bồ Đề làm hạnh Bồ Tát đến cuối cùng. Nguyện được như Quán Tự Tại Bồ Tát.

Lại đời đời kiếp kiếp, tu hành lợi mình lợi người, trừ dẹp Tà Ma Ngoại Đạo và tất cả thời, tùy phương tiện sức lực tu hạnh Bồ Tát cho đến rốt ráo. Nguyện được như Bí Mật Chủ Kim Cang Thủ Bồ Tát.

Lại đời đời kiếp kiếp, luôn luôn tinh tấn, làm đủ các Hạnh vi diệu của Bồ Tát mới phát Tâm, không một giây phút ngừng nghỉ. Từ nơi Hạnh Đại Tinh Tấn đó, mau được Bồ Đề. Nguyện được như Vô Đẳng Thích Ca Vương Phật.

Lại đời đời kiếp kiếp, trừ diệt sự gián đoạn trong khi tu tập, thân tâm có bệnh thời niệm danh hiệu của Phật tức hay trừ các sai lầm của Thân Khẩu Ý. Nguyên được như Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.

Lại đời đời kiếp kiếp, nếu muốn sống lâu, xưng danh hiệu Phật tức hay trừ diệt hoạn tử. Nguyên được như Vô Lượng Thọ Như Lai.

Nếu Thọ Chướng (chướng nạn của mạng sống) đến tức thấy Cứu Tế Vô Lượng Thọ dùng 4 nghiệp, tùy nghiệp hiện thân (Noãn, thai, thấp, hóa) điều phục, được thấy thân Ngài. Nguyên thọ chướng thấy đều diệt sạch.

Khi được hiện thân hóa độ tức biết được sống lâu, không còn tạo ác nghiệp. Chỉ thành nường theo Lực này sanh về các cõi. Nguyên không xa lìa Phật Vô Lượng Thọ, gần gũi các Thiện Trí Thức.

Lại nguyện đời đời kiếp kiếp được đầy đủ các công đức căn bản Xuất Thế Gian, đầy đủ căn tánh Đại Thừa. Nguyên Thiện Trí Thức Sư hoan hỷ hộ trì. Khi được hộ trì, ở trước Thiện Trí Thức Sư được sanh lòng tin bền chắc không lui sụt. Nguyên được hoan hỷ.

Lại Thiện Trí Thức Sư dạy bảo, các lời dạy bảo đều nhớ đầy đủ, theo đó tu tập. Nguyên được rót dầu trong chốc lát, Nguyên không bị bạn ác sai khiến.

Lại đời đời kiếp kiếp, tin sâu nhân quả và Tâm xa lìa. Thấy biết rõ ràng Tâm Bồ Đề. Không thù ghét, ganh tỵ. Nguyên thường không gián đoạn.

Dầu sanh nơi nào đều theo Thân Khẩu Ý tu các căn lành, thấy đều vì lợi tha. Nguyên thành Thanh Tịnh Bồ Đề.

Chỉ có Quả Phật là trên hết

Dầu con hiện nay chưa chứng được

Nguyên thân trong sạch để lo tu

Đời đời kiếp kiếp được xuất gia

Biện Tài, Thiền Định, các Thần Thông

Giữ gìn vô biên các công đức

Mau được Trí Huệ lớn vô cùng

Cứu cánh Bồ Đề mau chứng được

Tướng đoan mệnh hiện ra trước mắt

Phật Di Đà theo nghiệp hiện thân

Diệt trừ tất cả nghiệp chết oan

Mau được đủ đầy **Tánh không chết** (Vô Tử Tánh)

Lại nguyện đời đời Vô Lượng Thọ

Gần gũi giữ gìn Đại Thừa Sư

Phật đã nói ra các Ý màu

Siêng năng tu tập không biếng trễ

Xả bỏ chúng sanh vì tự lợi

Phân biệt các Tâm nguyện chẳng sanh

Vì Hạnh lợi tha không nhằm mỗi

Phương Tiện Trí Huệ thấy đều dùng

Nay con trì niệm xưng danh hiệu

Tiêu trừ tội chướng đặc Đạo Quả

Xin nguyện nơi đây thành Tịnh Thổ

Theo Đại Thừa tu các Pháp Môn

Phật Tử cứu thoát đã dẫn đường

Làm Hạnh Bồ Tát vì lợi ích

Tất cả mong cầu đều đầy đủ

Theo ý khởi lên tức được thành

Di Đà, Thích Ca cùng Di Lặc
Văn Thù, Mật Chủ, Quán Thế Âm
Cùng với quyền thuộc của chư Phật
Nguyên này mau chóng được tròn đầy.

CỤC LẠC NGUYỄN VĂN (Hết)

Mùa Hạ năm Bính Tý 1996



Lúc đó lại có 25 câu chi Phật, một lòng khác miệng đồng âm, cũng nói Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này

Lúc đó lại có Hằng hà sa số câu chi Phật, mỗi mỗi Tâm đều không có sai biệt, khác miệng đồng âm, cũng đều nói Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này

Kinh **Đà La Ni** này, nếu lại có người, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy sau này chẳng bị đọa vào Địa Ngục, chẳng bị đọa làm Quỷ đói, chẳng bị đọa làm súc sinh; chẳng bị đọa vào Nghiệp Đạo, Minh Quan ở cõi của Diêm La Vương, vĩnh viễn chẳng ở trong các đường ác này thọ nhận Ac Báo ấy.

Người như vậy do đây viết chép Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, vì sức Công Đức cho nên sau này tất cả nơi chốn sinh ra thì đời đời kiếp kiếp được **Túc Mệnh Trí**

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy liền đồng với sự viết chép tám vạn bốn ngàn Pháp Tạng, Công Đức đạt được không có sai khác.

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy liền đồng với sự tu sửa dựng lập tám vạn bốn ngàn cái Tháp báu, Công Đức đạt được không có sai khác.

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy có Nghiệp Địa Ngục **năm Vô Gián**. Do sức Công Đức này cho nên Nghiệp ấy thấy đều được tiêu trừ.

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy chẳng bị đọa làm **Ma Vương** (Māra-rāja) với quyền thuộc của Ma, chẳng bị đọa trong đường **Được Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa), chẳng bị chết bởi tai vạ bất trắc, vĩnh viễn chẳng thọ nhận các quả báo ác này.

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy lúc lâm chung thời có 99 câu chi Phật hiện ra trước mặt nghênh đón người đó, vĩnh sinh ở trong cõi nước của Đức Phật ấy. Các người đừng sinh nghi hoặc!...

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy, đương lai vĩnh viễn chẳng thọ nhận thân người nữ.

Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, hoặc tự mình viết hoặc dạy người viết. Người như vậy thường được: **Trì Quốc Thiên Vương** (Dhṛta-rāṣṭra) là chủ của hàng **Ngạn Đạt Phộc** (Gandharva) ở phương Đông, **Tăng Trưởng Thiên Vương** (Virūdhaka) là chủ của hàng **Củ Bạ Noa** (Kumbhaṇḍa) ở phương Nam, **Quảng Mục Thiên Vương** (Virūpākṣa) là chủ của hàng **Rồng lớn** (Mahā-nāga) ở phương Tây, **Đa Văn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa) là chủ của hàng **Được Xoa** (Yakṣa) ở phương Bắc... kín đáo ẩn thân đi theo vệ hộ.

Nếu lại có người đối với Kinh này, hay đem chút phần tài bảo ra bố thí thì người này liền đồng với việc đem *vàng, bạc, Lưu Ly, Xa Cừ, Mã Nã, San Hô, Hồ Phách* tràn đầy trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, cầm hết bảy báu như vậy đem bố thí.

Nếu lại có người cúng dường Kinh Điển này, liền đồng với việc cúng dường tất cả Pháp Tạng chân thật.

Nếu lại có người hay cầm bảy báu thượng diệu cúng dường các đấng **Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác** (Tathāgatāya-arhate-samyaksambuddhāya) là **Tỳ Bà Thi**

(Vipaśyin), **Thi Khí** (Śikhi), **Tỳ Xá Phù** (Viśvabhū), **Câu Lưu Tôn** (Krakucchanda), **Yết Nặc Yết Mâu Ni** (Kanakamuṇi), **Ca Thiết Ba** (Kāśyapa), **Thích Ca Mâu Ni** (Śākyamuṇi) thì Phước Đức đạt được chẳng thể đo lường để biết được số lượng ấy

Nếu lại có người cúng dường Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, thì Phước Đức đạt được cũng lại chẳng thể đo lường để biết được số lượng ấy.

Lại như nước tràn đầy trong bốn biển lớn thì chẳng thể biết được số nước được gom chứa trong mỗi một biển ấy. Nếu lại có người viết chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, thì Phước Đức đạt được cũng lại chẳng thể đo lường để biết được số lượng ấy.

Nếu lại có người viết chép Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, thì nơi chốn địa vị tức là thành tựu tháp báu Chân Thân Xá Lợi của chư Phật.

Nếu có chúng sinh, tai nghe Đà La Ni này thời chúng sinh đó vĩnh viễn chẳng thọ nhận thân của chim bay, bốn chân, nhiều chân, loài khác...ngày sau mau được thành tựu **Bất Thoái Chuyển Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề**

Nếu lại có người gom chứa *vàng, bạc, Lưu Ly, Xa Cừ, Mã Não, San Hô, Hồ Phách*...Đem hết bảy báu như vậy cao như **Diệu Cao Sơn Vương** (núi Tu Di) hay buông xả bố thí thì Phước Đức đạt được chẳng thể đo lường để biết được số lượng ấy.

Nếu lại có người vì Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, mà hay bố thí, thì Phước Đức đạt được cũng lại chẳng thể đo lường để biết được số lượng ấy.

Nếu lại có người viết chép Kinh **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni** này, lễ bái cúng dường. Người như vậy tức là lễ bái cúng dường tất cả Như Lai trong cõi nước của chư Phật khắp mười phương, mà không có sai khác.

Bấy giờ Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni nói **Già Tha** (Gāthā: Kệ Tụng) là:

— Tu hành thành tựu sức **Bố Thí** (Dāna)
Do sức **Bố Thí** được thành Phật
Nếu vào trong Tinh Thất **Đại Bi**
Tai tạm nghe Đà La Ni này
Giả sử **Bố Thí** chưa viên mãn
Người này mau chứng **Thiên Nhân Sư** (Śāstā-deva-manuṣyānām: Thầy của hàng Trời Người)

— Tu hành thành tựu sức **Trì Giới** (Śīla)

Do sức **Trì Giới** được thành Phật
Nếu vào trong Tinh Thất **Đại Bi**
Tai tạm nghe Đà La Ni này
Giả sử **Trì Giới** chưa viên mãn
Người này mau chứng **Thiên Nhân Sư** (Śāstā-deva-manuṣyānām)

— Tu hành thành tựu sức **Nhẫn Nhục** (Kṣānti)

Do sức **Nhẫn Nhục** được thành Phật
Nếu vào trong Tinh Thất **Đại Bi**
Tai tạm nghe Đà La Ni này
Giả sử **Nhẫn Nhục** chưa viên mãn
Người này mau chứng **Thiên Nhân Sư** (Śāstā-deva-manuṣyānām)

_ Tu hành thành tựu sức **Tinh Tiến** (Vīrya)
 Do sức Tinh Tiến được thành Phật
 Nếu vào trong Tinh Thất **Đại Bi**
 Tai tạm nghe Đà La Ni này
 Giả sử Tinh Tiến chưa viên mãn
 Người này mau chứng **Thiên Nhân Sư** (Śāstā-deva-manuṣyānām)

— Tu hành thành tựu sức **Thiền Định** (Dhyāna)
 Do sức Thiền Định được thành Phật
 Nếu vào trong Tinh Thất **Đại Bi**
 Tai tạm nghe Đà La Ni này
 Giả sử Thiền Định chưa viên mãn
 Người này mau chứng **Thiên Nhân Sư** (Śāstā-deva-manuṣyānām)

Tu hành thành tựu sức **Trí Tuệ** (Prajñā)
 Do sức Trí Tuệ được thành Phật
 Nếu vào trong Tinh Thất **Đại Bi**
 Tai tạm nghe Đà La Ni này
 Giả sử Trí Tuệ chưa viên mãn
 Người này mau chứng **Thiên Nhân Sư** (Śāstā-deva-manuṣyānām)

Đức Phật nói Kinh này xong thời các Chúng Đại Bất Sô với các Bồ Tát, tất cả hàng **Trời** (Deva), **Người** (Manuṣya), **A Tồ La** (Asura), **Ngạn Thát Phộc** (Gandharva)...nghe điều Đức Phật đã nói, đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA THÁNH VÔ LƯỢNG THỌ VƯƠNG
Hết

Ghi chú:

Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni

নমঃ শিবায় নমঃ শিবায় নমঃ শিবায় নমঃ শিবায় নমঃ শিবায় নমঃ শিবায় নমঃ শিবায়
নমঃ শিবায় নমঃ শিবায় নমঃ শিবায় নমঃ শিবায় নমঃ শিবায় নমঃ শিবায় নমঃ শিবায়

OM NAMO (Quy mệnh kính lễ) BHAGAVATE (Thế Tôn) APARAMITA
AJURJÑĀNA (Vô Lượng Thọ Trí) SUVINE ŚCITA TEJA (Quyết Định Quang
Minh) RĀJĀYA (Vương) TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng)
SAMYAKSAMBUDHĀYA (Chính Đẳng Chính Giác)

१५५

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

ॐ

OM (Ba Thân quy mệnh)

मत् संश्लिष्टं परिशुद्धं दधत्

SARVA SAMSKĀRA (Tất cả hoạt động của Tâm Trí) PARÍSUDDHA (Tối thượng thanh tịnh) DHARMATE (bên trong Pháp Tính)

गगन समङ्ग शृङ्खल विभू

GAGANA (Hư không) SAMUDGATE (Thắng thượng) SVABHĀVA (Tự Tính)
VIŚUDDHE (Thanh tịnh)

મહા જય પાર્શ્વ

MAHĀ-NAYA (Rộng lớn bao la) PARIVĀRE (Thắng Nguyên)

ॐ

SVĀHĀ (Thành tựu Tự Tính an lạc của Đại Niết Bàn)

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là :

“Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn Vô Lượng Thọ Trí Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác.

Như vậy: OM! Tất cả hoạt động Tâm Ý đều là Pháp Tính cực thanh tịnh. Thanh Tịnh như tự tính thắng thượng của Hư Không. Hãy phát khởi Thắng Nguyên rộng lớn để mau chóng đạt được sự thanh tịnh an lạc của Đại Niết Bàn”

27/11/2011



VÔ LƯỢNG THỌ KINH ƯU BÀ ĐỀ XÁ (Upadeśa: Luận nghị)
NGUYỄN SINH KỆ

[**Bà Tầu Bàn Đâu** Bồ Tát (Vasubandhu: Thiên Thân, Thế Thân) tạo làm]

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy (Bắc Ngụy)_ Thiên Trúc Tam Tạng **BỒ ĐỀ LƯU CHI** (Bodhiruci)

Việt dịch: HUYỀN THANH

_ Thế Tôn ! Con một lòng
Quy mệnh tận mười phương
Vô Ngại Quang Như Lai
Nguyễn sinh nước **An Lạc** (Sukhā-vatī)

_ Con y **Tu Đa La** (Sūtra: Khế Kinh)
Tướng Công Đức chân thật
Nói **Nguyễn Kệ Tổng Trì**
Tương ứng lời Phật dạy

_ Quán tướng Thế Giới ấy
Hơn hẳn Đạo **ba cõi** (Tam Giới)
_ Cứu cánh như hư không
Rộng lớn không bờ mé

_ Chính Đạo, Đại Từ Bi
Xuất Thế, sinh căn lành

_ **Tịnh Quang Minh** (hào quang trong sạch) đầy đủ
Như gương, vành Nhật Nguyệt

_ Đủ Tính các châu báu
Đầy đủ Diệu Trang Nghiêm

_ **Vô Cấu Quang** (ánh sáng không dơ bẩn) rực lửa
Trong sáng, chiếu Thế Gian

_ Cỏ Công Đức, Tính báu
Mềm mại xoay trái phải
Người chạm sinh **Thắng Lạc** (niềm vui thù thắng)
Hơn **Ca Chiên Lô Đà** (Kācilindi: tên của Thủy Điều, loài chim ở trong biển, khi tiếp chạm thì sinh niềm vui lớn)

_ Hoa báu, ngàn vạn loại
Phủ khắp ao, sông, suối
Gió nhẹ lay cánh hoa
Ánh sáng chen nhau chuyển

_ Cung điện, các lầu gác
Quán mười phương không ngại
Cây tạp, màu sáng lạ
Lan can báu vây quanh

_ Vô lượng báu quần nhau
Lưới, võng đầy hư không
Mọi loại chuông phát tiếng
Tuyên bày âm Diệu Pháp

_ Mưa hoa, áo trang nghiêm
Vô lượng hương xông khắp

_ Phật Tuệ, mặt trời sáng
Trừ si ám Thế Gian

_ Lời tiếng Phạn sâu xa
Vi diệu vang mười phương

_ Chính Giác A Di Đà
Pháp Vương (Dharma-rāja) khéo trụ trì

_ **Như Lai Tịnh Hoa Chúng** (Chúng Tịnh Hoa của Như Lai)
Hoa Chính Giác hóa sinh

_ Yêu thích vị Phật Pháp
Dùng **Thiền Tam Muội** ăn

_ Thân Tâm lìa phiền não
Vui thích không gián đoạn

_ Giới, căn lành Đại Thừa
Đẳng (Sama: bình đẳng) không **Ky Hiềm Danh** (tên gọi bị trách móc nghi ngờ)
Người nữ với thiếu **Căn**
Mâm **Nhi Thừa** chẳng sinh

_ Chúng sinh: nguyện ưa thích
Tất cả hay đầy đủ
Nên con nguyện vãng sinh
Nước Phật A Di Đà

_ Vô lượng Đại Bảo Vương
Đài hoa sạch vi diệu

_ Tướng sáng đẹp **một tâm** (tám thước)
Sắc tượng vượt quần sinh

_ Tiếng Như Lai vi diệu
Âm Phạn vang mười phương

— Đồng đất, nước, lửa, gió
Hư Không không phân biệt

— Trời, Người, **Chúng bất động** (Acala-saṃgha)
Sinh biến Trí trong sạch

— Như vua núi Tu Di
Thắng diệu không ai hơn

— Trời, Người, **Chúng trượng phu** (Puruṣa-saṃgha)
Cung kính nhiều quanh, ngắm

— Quán sức Bản Nguyên Phật
Hiếu lỗi **Không** (Abhava: Vô) **trống rỗng** (Śūnya: Không)
Hay khiến mau đầy đủ
Biên báu lớn Công Đức

— Nước **An Lạc** trong sạch
Thường chuyển **Vô Cấu Luân**
Hóa Phật Bồ Tát Nhật (mặt trời của Hóa Phật, Bồ Tát)
Như **Tu Di** (Sumeru) trụ trì

— Sáng trang nghiêm không dơ
Một niệm với một thời
Chiếu khắp các Phật Hội
Lợi ích các Quần Sinh

— Mưa Thiên nhạc, hoa, áo
Hương màu nhiệm cúng dường
Khen các Công Đức Phật
Không có Tâm phân biệt.

— Thế Giới nào không có
Báu Công Đức Phật Pháp
Con đều nguyện vãng sinh
Bày Phật Pháp như Phật

— Ta làm **Luận**, nói **Kệ**
Nguyện thấy A Di Đà
Cùng khắp các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc.

Chương Cú của **Vô Lượng Thọ Tu Đà La** (Vô Lượng Thọ Kinh), Ta đã dùng Kệ nói gộp lại xong.

Luận ghi rằng: “**Nguyện Kệ** này minh họa cho nghĩa nào? Là quán Thế Giới **An Lạc** nhìn thấy Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha: Vô Lượng Quang).

Quán như thế nào? Làm sao sinh Tâm tin tưởng ? Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện tu **năm Niệm Môn** thành tựu, rốt ráo được sinh về cõi nước An Lạc, nhìn thấy Đức Phật A Di Đà.

Nhóm nào là năm Niệm Môn? Một là **Lễ Bái Môn**, hai là **Tán Thán Môn**, ba là **Tác Nguyện Môn**, bốn là **Quán Sát Môn**, năm là **Hồi Hướng Môn**.

Thế nào là **Lễ Bái**? Là **Thân Nghiệp** (Kāya-karma) lễ bái Đức **A Di Đà Như Lai Ứng Chính Biến Tri**, là **Ý** (Manas) sinh về cõi nước ấy.

Thế nào là **Tán Thán** ? Là **Khẩu Nghiệp** (Vāk-karma) khen ngợi, xưng tên của Đức Như Lai ấy. Như tướng **Quang Minh Tri** của Đức Như Lai ấy, như nghĩa của tên gọi ấy, muốn như thật tu hành tương ứng.

Thế nào là **Tác Nguyện**? Là Tâm thường tác Nguyện, một lòng chuyên niệm, rốt ráo vĩnh sinh về cõi nước An Lạc, muốn như thật tu hành **Xa Ma Tha** (Śamatha:Thiền Chỉ)

Thế nào là **Quán Sát**? Là Trí Tuệ quán sát, Chính Niệm quán điều ấy, muốn như thật tu hành **Tỳ Bà Xá Na** (Vipaśyanā:Thiền Quán)

Quán Sát ấy có ba loại. Nhóm nào là ba loại?

- 1_ Quán sát Công Đức trang nghiêm trong cõi nước của Đức Phật ấy
- 2_ Quán sát Công Đức trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà
- 3_ Quán sát Công Đức trang nghiêm của các vị Bồ Tát

Thế nào là **Hồi Hướng**? Là chẳng buông bỏ tất cả chúng sinh khổ não, Tâm thường tác nguyện, hồi hướng làm đầu, thành tựu **Tâm Đại Bi** (Mahā-kāruṇa-citta)

Thế nào là **quán sát Công Đức trang nghiêm trong cõi nước của Đức Phật ấy**? Do Công Đức trang nghiêm trong cõi nước của Đức Phật ấy thành tựu sức chẳng thể nghĩ bàn, như Tính báu như ý của **Ma Ni** (Maṇi:ngọc Ma Ni) kia, tương tự Pháp tương xứng

Quán sát Công Đức trang nghiêm trong cõi nước của Đức Phật ấy có mười bảy loại việc nên biết. Thế nào là mười bảy

- 1_ Thành tựu Công Đức của sự thanh tịnh
- 2_ Thành tựu Công Đức của **Lượng**
- 3_ Thành tựu Công Đức của **Tính**
- 4_ Thành tựu Công Đức của **hình tướng**
- 5_ Thành tựu Công Đức của **mọi loại việc**
- 6_ Thành tựu Công Đức của **Diệu Sắc** (hình thể màu sắc màu nhiệm)
- 7_ Thành tựu Công Đức của **sự tiếp chạm**
- 8_ Thành tựu Công Đức của **sự trang nghiêm**
- 9_ Thành tựu Công Đức của **việc tuôn mưa**
- 10_ Thành tựu Công Đức của **ánh sáng**
- 11_ Thành tựu Công Đức của **âm thanh**
- 12_ Thành tựu Công Đức của **người chủ**
- 13_ Thành tựu Công Đức của **quyền thuộc**
- 14_ Thành tựu Công Đức của **sự thọ dụng**
- 15_ Thành tựu Công Đức của **sự không có các nạn**
- 16_ Thành tựu Công Đức của **Đại Nghĩa Môn**
- 17_ Thành tựu Công Đức của **tất cả sự mong cầu**

— Thành tựu Công Đức của **sự thanh tịnh**.

Kệ nói: “Quán tướng Thế Giới ấy
Hơn hẳn Đạo ba cõi”

— Thành tựu Công Đức của **lượng**

Kệ nói: “Cứu cánh như hư không
Rộng lớn không bờ mé”

— Thành tựu Công Đức của **Tính**

Kệ nói: “Chính Đạo, Đại Từ Bi
Xuất Thế, sinh căn lành”

— Thành tựu Công Đức của **hình tướng**

Kệ nói: “Ánh sáng Tịnh đầy đủ
Như gương, vành Nhật Nguyệt”

— Thành tựu Công Đức của **mọi loại việc**

Kệ nói: “Đủ các Tính châu báu
Đầy đủ Diệu trang nghiêm”

— Thành tựu Công Đức của **Diệu Sắc** (hình thể màu sắc màu nhiệm)

Kệ nói: “**Vô Cấu Quang** (ánh sáng không dơ bẩn) rực lửa
Trong sáng, chiếu Thế Gian”

— Thành tựu Công Đức của **sự tiếp chạm**

Kệ nói: “Cỏ Công Đức, Tính báu

Mềm mại xoay trái phải

Người chạm sinh Thắng Lạc (niềm vui thù thắng)

Hơn **Ca Chiên Lô Đà** (Kācilindi: tên của Thủy Điều, loài chim ở trong biển, khi tiếp chạm thì sinh niềm vui lớn)”

— Thành tựu Công Đức của **sự trang nghiêm**, có ba loại nên biết. Nhóm nào là ba ? Một là **nước**, hai là **đất**, ba là **hư không**.

.) **Nước trang nghiêm**

Kệ nói: “ Hoa báu, ngàn vạn loại

Phủ khắp ao, sông, suối

Gió nhẹ lay cánh hoa

Ánh sáng chen nhau chuyển”

.) **Đất trang nghiêm**

Kệ nói: “Cung điện, các lầu gác

Quán mười phương không ngại

Cây tạp, màu sáng lạ

Lan can báu vây quanh”

.) **Hư không trang nghiêm**

Kệ nói: “Vô lượng báu quán nhau

Lưới, võng đầy hư không

Mọi loại chuông phát tiếng

Tuyên bày âm Diệu Pháp”

— Thành tựu Công Đức của **việc tuôn mưa**
Kệ nói: “Mưa hoa, áo trang nghiêm
Vô lượng hương xông khắp”

— Thành tựu Công Đức của **ánh sáng**
Kệ nói: “Phật Tuệ, mặt trời sáng
Trừ si ám Thế Gian”

— Thành tựu Công Đức của **âm thanh màu nhiệm**
Kệ nói: “Lời tiếng Phạm sâu xa
Vi diệu vang mười phương”

— Thành tựu Công Đức của **người chủ**
Kệ nói: “Chính Giác A Di Đà
Pháp Vương (Dharma-rāja) khéo trụ trì”

— Thành tựu Công Đức của **Quyến Thuộc**
Kệ nói: “Nhu Lai Tịnh Hoa Chúng (Chúng Tịnh Hoa của Nhu Lai)
Hoa Chính Giác hóa sinh”

— Thành tựu Công Đức của **sự thọ dụng**
Kệ nói: “Yêu thích vị Phật Pháp
Dùng **Thiền Tam Muội** ăn”

— Thành tựu Công Đức **không có các nạn**
Kệ nói: “Thân Tâm lìa phiền não
Vui thích không gián đoạn”

— Thành tựu Công Đức của **Đại Nghĩa Môn**
Kệ nói: “Giới căn lành Đại Thừa
Đẳng (Sama: bình đẳng), không **Ky Hiềm Danh** (tên gọi bị trách móc nghi ngờ)
Người nữ với thiếu **Căn**
Mâm **Nhị Thừa** chẳng sinh”

Quả báo của Tịnh Thổ lìa hai loại lỗi **quở trách** (ky) **hiềm nghi** (hiềm). Một là **Thể**, hai là **Danh** (tên gọi).

Thể có ba loại: Một là **người thuộc Nhị Thừa**, hai là **người nữ**, ba là **người chẳng đủ các Căn**. Không có ba lỗi này, cho nên gọi là *lìa sự quở trách hiềm nghi của Thể*

Danh cũng có ba loại, chẳng phải chỉ không có ba Thể, cho đến chẳng nghe thấy tên gọi của ba loại: Nhị Thừa, người nữ, các Căn chẳng đủ. Cho nên gọi là *lìa sự quở trách hiềm nghi của Danh*

Đẳng (Sama) là một Tướng bình đẳng

— Thành tựu đầy đủ Công Đức của **tất cả sự mong cầu**
Kệ nói: “Chúng sinh: nguyện ưa thích
Tất cả hay đầy đủ”

Lược nói 17 loại Công Đức trang nghiêm cõi nước của Đức Phật A Di Đà ấy. Hiện bày thành tựu sức Đại Công Đức lợi ích cho thân mình, thành tựu Công Đức lợi ích cho người khác của Đức Như Lai. Cho nên trang nghiêm cõi Phật Vô Lượng Thọ ấy là Cảnh Giới màu nhiệm của **Đệ Nhất Nghĩa Đế** (Paramārtha-satya), gồm 16 câu với một câu theo thứ tự nói, nên biết vậy.

— Làm sao quán **thành tựu Công Đức Trang Nghiêm của Đức Phật**?

Quán **thành tựu Công Đức Trang Nghiêm của Đức Phật** có tám loại nên biết. Nhóm nào là tám loại? Một là **Tòa trang nghiêm**, hai là **Thân trang nghiêm**, ba là **Khẩu trang nghiêm**, bốn là **Tâm trang nghiêm**, năm là **Chúng trang nghiêm**, sáu là **Thượng Thủ trang nghiêm**, bảy là **Chủ trang nghiêm**, tám là **Bất Hư tác trụ trì trang nghiêm**.

.) Thế nào là **Tòa trang nghiêm** ?

Kệ nói: “Vô lượng Đại Bảo Vương

Đài hoa sạch vi diệu”

.) Thế nào là **Thân trang nghiêm** ?

Kệ nói: “Tướng sáng đẹp **một tâm** (tám thước)

Sắc tượng vượt quần sinh”

.) Thế nào là **Khẩu trang nghiêm** ?

Kệ nói: “Tiếng Như Lai vi diệu

Âm Phạm vang mười phương”

.) Thế nào là **Tâm trang nghiêm** ?

Kệ nói: “Đồng đất, nước, lửa, gió

Hư Không không phân biệt”

Do không có phân biệt cho nên không có Tâm phân biệt

.) Thế nào là **Chúng trang nghiêm**?

Kệ nói: “Trời, Người, **Chúng bất động** (Acala-saṃgha)

Sinh biến Trí trong sạch”

.) Thế nào là **Chủ trang nghiêm**?

Kệ nói: “Như vua núi Tu Di

Thắng diệu không ai hơn”

.) Thế nào là **Chủ trang nghiêm**?

Kệ nói: “Trời, Người, **Chúng trượng phu** (Puruṣa-saṃgha)

Cung kính nhiều quanh, ngấm”

— Thế nào là **Bất hư tác trụ trì trang nghiêm**?

Kệ nói: “Quán sức Bản Nguyên Phật

Hiểu lỗi **Không** (Abhava: Vô) **trống rỗng** (Śūnya: Không)

Hay khiến mau đầy đủ

Biên báu lớn Công Đức”

Liên nhìn thấy Bồ Tát chưa chứng Tâm trong sạch của Đức Phật ấy, rất ráo được **Pháp Thân bình đẳng** cùng với Bồ Tát có Tâm trong sạch không có khác, cùng với các Bồ Tát ở **Thượng Địa** rất ráo đồng được **Tịch Diệt bình đẳng**

Lược nói tám câu, hiện bày thứ tự thành tựu Công Đức trang nghiêm lợi mình lợi người của Đức Như Lai, nên biết vậy.

_ Thế nào là quán **thành tựu Công Đức trang nghiêm của Bồ Tát** ?

Quán **thành tựu Công Đức trang nghiêm của Bồ Tát** là quán vị Bồ Tát ấy, có bốn loại **Chính Tu Hành** thành tựu Công Đức. Nhóm nào là bốn ?

1_ Ở một cõi Phật, Thân chẳng dao động mà biến ra mọi loại Ứng Hóa khắp mười phương, như thật tu hành, thường làm việc Phật.

Kệ nói: “_ Nước **An Lạc** trong sạch

Thường chuyển **Vô Cấu Luân**

Hóa Phật Bồ Tát Nhật (mặt trời của Hóa Phật, Bồ Tát)

Như **Tu Di** (Sumeru) trụ trì”

Khai mở đóa hoa động bùn của các chúng sinh

2_ **Ứng Hóa Thân** ấy ở tất cả Thời chẳng trước chẳng sau, một lòng một niệm phóng ánh sáng lớn đều hay đến khắp mười phương Thế Giới, giáo hóa chúng sinh, mọi loại phương tiện tu hành đã làm đều diệt trừ tất cả khổ đau của chúng sinh.

Kệ nói: “Sáng trang nghiêm không dơ

Một niệm với một thời

Chiếu khắp các Phật Hội

Lợi ích các Quân Sinh”

3_ Ở tất cả Thế Giới không có dư sót, chiếu soi Đại Chúng của các Phật Hội không có dư sót, rộng lớn vô lượng cúng dường khen ngợi chư Phật Như Lai.

Kệ nói: “Mưa Thiên nhạc, hoa, áo

Hương màu nhiệm cúng dường

Khen các Công Đức Phật

Không có Tâm phân biệt”

4_ Ở tất cả Thế Giới trong mười phương, nơi không có Tam Bảo, trụ trì trang nghiêm biển lớn Công Đức của báu Phật Pháp Tăng, bày khắp khiến cho hiểu biết, như thật tu hành.

Kệ nói: “Thế Giới nào không có

Báu Công Đức Phật Pháp

Ta đều nguyện vãng sinh

Bày **Phật Pháp** như Phật”

_ Lại nếu nói thành tựu Công Đức trang nghiêm của cõi nước Phật, thành tựu Công Đức trang nghiêm của Phật, thành tựu Công Đức của Bồ Tát. Ba loại thành tựu trang nghiêm **Nguyện Tâm** này, lược nói nhập vào câu của một Pháp, câu của một Pháp là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh là Trí Tuệ chân thật, Pháp Thân Vô Vi.

Sự thanh tịnh này có hai loại, nên biết. Nhóm nào là hai loại ? Một là **Khí Thể Gian Thanh Tịnh**, hai là **Chúng Sinh Thể Gian Thanh Tịnh**.

Khí Thể Gian Thanh Tịnh. Nếu nói 17 loại thành tựu Công Đức trang nghiêm của cõi nước Phật. Đây gọi là **Khí Thể Gian Thanh Tịnh**.

Chúng Sinh Thể Gian Thanh Tịnh. Như nếu nói tám loại thành tựu Công Đức trang nghiêm của Phật, bốn loại thành tựu Công Đức trang nghiêm của Bồ Tát. Đây gọi là **Chúng Sinh Thể Gian Thanh Tịnh**.

Như vậy câu một Pháp nhiếp hai loại Thanh Tịnh, nên biết vậy.

Xa Ma Tha (Thiền Chỉ), **Tỳ Bà Xá Na** (Thiền Quán) của Bồ Tát như vậy, rộng lược tu hành, thành tựu Tâm nhu nhuyễn, như thật biết rộng lược các Pháp, như vậy thành tựu phương tiện hồi hướng khéo léo.

— Thế nào là **phương tiện hồi hướng khéo léo của Bồ Tát** ?

Phương tiện hồi hướng khéo léo của Bồ Tát là nói năm loại tu hành của nhóm lễ bái, đã gom tập căn lành của tất cả Công Đức, chẳng mong cầu sự vui thích trụ trì của thân mình, muốn nhổ bứt nỗi khổ của tất cả chúng sinh, tác Nguyên nhiếp lấy tất cả chúng sinh, cùng nhau đồng sinh về nước Phật An Lạc. Đây gọi là **Thành tựu phương tiện hồi hướng khéo léo của Bồ Tát**.

Bồ Tát như vậy khéo biết **thành tựu hồi hướng**, xa lìa ba loại Pháp trái nghịch với **Bồ Đề Môn**. Nhóm nào là ba loại ?

1_ Y theo **Trí Tuệ Môn** chẳng cầu niềm vui cho mình, xa lìa Tâm tham dính vào thân của mình

2_ Y theo **Từ Bi Môn** nhổ bứt tất cả nỗi khổ của chúng sinh, xa lìa không có an ổn cho Tâm của chúng sinh

3_ Y theo **Phương Tiện Môn** thương xót tất cả Tâm của chúng sinh, xa lìa Tâm cúng dường cung kính thân của mình.

Đây gọi là **ba loại Pháp trái nghịch với Bồ Đề Môn**.

— Bồ Tát xa lìa **ba loại Pháp trái nghịch với Bồ Đề Môn** như vậy, được đầy đủ **ba loại Pháp tùy thuận Bồ Đề Môn**. Nhóm nào là ba loại?

1_ Tâm trong sạch không có nhiễm dính, chẳng mong cầu các sự vui thích cho thân của mình.

2_ Tâm trong sạch an ổn, dùng nhổ bứt tất cả nỗi khổ của chúng sinh

3_ Tâm trong sạch ưa thích, khiến cho tất cả chúng sinh được **Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi), dùng nhiếp lấy chúng sinh về cõi nước ấy.

Đây gọi là **ba loại Pháp tùy thuận Bồ Đề Môn**, nên biết vậy

— Lại nói ba loại Môn: Trí Tuệ, Từ Bi, Phương Tiện nhiếp lấy **Bát Nhã** (Prajñā). Phương Tiện nhiếp lấy của Bát Nhã, nên biết

— Lại nói xa lìa **Ngã** (Cái tôi), Tâm chẳng tham dính vào thân của mình. Xa lìa không có an ổn cho Tâm của chúng sinh. Xa lìa Tâm cúng dường cung kính thân của mình. Ba loại Pháp này xa lìa sự chướng ngại Tâm Bồ Đề, nên biết vậy.

— Lại nói Tâm trong sạch không nhiễm dính, Tâm trong sạch an ổn, Tâm trong sạch ưa thích. Ba loại Tâm này lược vào một chỗ là thành tựu Chân Tâm diệu thắng lạc, nên biết vậy.

Như vậy Tâm Trí Tuệ, Tâm Phương Tiện, Tâm không có chướng ngại, Tâm Thắng Chân của Bồ Tát hay sinh cõi nước Phật thanh tịnh, nên biết vậy.

Đây gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát tùy thuận năm loại Pháp Môn đã làm, tùy Ý thành tựu tự tại. Như hướng đã nói: Thân Nghiệp, Khẩu Nghiệp, Ý Nghiệp, Trí Nghiệp, Phương Tiện Trí Nghiệp là Pháp Môn tùy thuận vậy.

Lại có năm loại Môn dần dần theo thứ tự thành tựu năm loại Công Đức, nên biết. Nhóm nào là năm Môn ? Một là **Cận Môn**, hai là **Đại Hội Chúng Môn**, ba là **Trạch Môn**, bốn là **Ốc Môn**, năm là **Viên Lâm Du Hý Địa Môn**.

Năm loại Môn này thì bốn loại Môn ban đầu thành tựu Công Đức **nhập vào**, môn thứ năm thành tựu Công Đức xuất ra

1_ **Nhập vào Môn thứ nhất**. Do lễ bái Đức Phật A Di Đà để sinh về nước ấy cho nên được sinh vào Thế Giới An Lạc. Đây gọi là **Nhập Độ Nhất Môn**

2_ **Nhập vào Môn thứ hai**. Do khen ngợi Đức Phật A Di Đà, tùy thuận theo nghĩa của tên gọi, xưng tên của Như Lai, y theo ánh sáng của Như Lai, tưởng tu hành cho nên được vào Chúng Số của Đại Hội. Đây gọi là **Nhập Độ Nhị Môn**

3_ **Nhập vào Môn thứ ba**. Do một lòng chuyên niệm, tác Nguyên sinh về cõi ấy, tu **Xa Ma Tha** (Thiền Chỉ) **Tịch Tĩnh Tam Muội Hạnh** cho nên được vào Thế Giới **Liên Hoa Tạng** (Padma-garbha). Đây gọi là **Nhập Độ Tam Môn**

4_ **Nhập vào Môn thứ tư**. Do chuyên niệm, quán sát sự trang nghiêm màu nhiệm ấy, tu **Tỳ Bà Xá Na** (Thiền Quán) cho nên được đến cõi ấy, thọ dụng niềm vui của mọi loại Pháp Vị. Đây gọi là **Nhập Độ Tứ Môn**.

5_ **Xuất ra Môn thứ năm**. Do Đại Từ Bi quán sát tất cả chúng sinh khổ não, cũng ứng hóa thân quay trở lại vào vườn sinh tử, rừng phiền não, Du Hý THần Thông đến đất giáo hóa, dùng sức Bản Nguyên hồi hướng. Đây gọi là **Xuất Độ Ngũ Môn**.

Bồ Tát vào bốn loại Môn thành tựu Hạnh lợi cho mình, nên biết vậy. **Xuất Độ Ngũ Môn** của Bồ Tát là thành tựu Hạnh hồi hướng, lợi ích cho người khác, nên biết vậy.

Bồ Tát như vậy tu năn Môn Hạnh lợi mình lợi người cho nên mau được thành tựu **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)

VÔ LƯỢNG THỌ KINH LUẬN _MỘT QUYỂN (Hết)_

Giới căn lành Đại Thừa. Thiên Đài **Trí Giả** liền nói là chữ **Giới** (界) là sự làm lẫn của chữ **Nam** (男) nên thích hợp sửa làm, nhưng các nhà Sớ Giải đều ghi là chữ **Giới**, cho nên ngày nay còn lưu lại vậy.

16/11/2011

QUÁN NIỆM A DI ĐÀ PHẬT TƯỚNG HẢI TAM MUỘI CÔNG ĐỨC PHÁP MÔN _MỘT QUYỀN_

Hán văn: Tỳ Khưu THIÊN ĐẠO tập hợp ghi chép lại
Việt dịch: HUYỀN THANH

Y theo **Quán Kinh** (Amitāyur-dhyāna-sūtra: Quán Vô Lượng Thọ Kinh) nói rõ Pháp **Quán Phật Tam Muội** (1). Y theo **Bát Chu Kinh** (Pratyutpanna-buddha-sammukhāvasthita-samādhi-sūtra: Bát Chu Tam Muội Kinh) nói rõ Pháp **Niệm Phật Tam Muội** (2). Y theo **Kinh** nói rõ Pháp vào Đạo Trường **Niệm Phật Tam Muội** (3). Y theo **Kinh** nói rõ Pháp **Sám Hối, Phát Nguyện** bên trong Đạo Trường (4)

Y theo **Quán Kinh** nói rõ Pháp **Quán Phật Tam Muội** [Trích trong **Quán Kinh, Quán Phật Tam Muội Hải Kinh** (Buddha-dhyāna-samādhisāgara-sūtra)]

Quán Đức Phật **A Di Đà** (Amita-buddha) với thân màu vàng ròng, hào quang tròn chiếu sáng trong suốt, đoan chính không có điều gì so sánh được. Nhóm **Hành Giả** trong tất cả Thời, nơi chốn (Xứ) ngày đêm thường tác **Tưởng** này. Đi, đứng, ngồi, nằm cũng tác **Tưởng** này. Mỗi mỗi thường **trụ Ý** hướng về phương Tây với chúng Thánh ấy, tướng trang nghiêm của mọi vật báu, như đối trước mắt.

Nên biết, nếu Hành Giả muốn ngồi thì trước tiên nên ngồi Kiết Già, bàn chân trái an trên bắp đùi phải ngang bằng với bên ngoài, bàn chân phải an trên bắp đùi trái ngang bằng với bên ngoài, tay phải an trong lòng bàn tay trái, hai ngón cái cùng hợp mặt ngón.



Tiếp theo thẳng thân ngồi ngay ngắn, ngậm miệng nhắm mắt, (mắt) tựa như mở mà chẳng mở, (miệng) tựa như ngậm mà chẳng ngậm.

Liên dùng con mắt của Tâm, trước tiên **Quán** từ tóc xoắn ốc trên đỉnh đầu của Đức Phật, da đầu màu vàng, tóc màu xanh biếc, một lọn tóc, một xoắn ốc ngay trên đầu. Xương đầu màu tuyết, trong ngoài sáng trong suốt. Não như màu Pha Lê

Tiếp theo tưởng Não có 40 mạch, mỗi một mạch có 40 đường sáng (đạo quang) từ lỗ hồng của chân tóc phát ra ngoài, nhiều quanh tóc, xoắn ốc bảy vòng rồi quay về nhập vào trong lỗ hồng của đầu sợi lông.

Tiếp theo tưởng ánh sáng lúc trước từ lỗ hồng tại chân lông của hai lông mày phát ra hướng về bên ngoài

Tiếp theo tưởng vầng trán có tướng bằng phẳng rộng rãi

Tiếp theo tưởng lông mày có tướng cao dài giống như trăng mới mọc (sơ nguyệt)

Tiếp theo tưởng tướng **Bạch Hào** (Ūṇa: Sợi lông trắng uốn xoay theo bên phải) ở tam tinh. Màu trắng của sợi lông ấy, bên trong thật bên ngoài hư, tuôn ra ánh sáng màu vàng, từ đầu sợi lông tuôn ra, chiếu thẳng đến thân của mình.

Như **Quán Phật Tam Muội Kinh** nói: “Nếu có người, trong một phút chốc, quán tướng Bạch Hào, hoặc nhìn thấy hoặc chẳng nhìn thấy, liền trừ khử tội nặng sinh

tử trong 96 ức na do tha hằng hà sa vi trần số kiếp. Thường tác Tướng này rất hay trừ Chướng diệt Tội, lại được vô lượng Công Đức, chư Phật vui vẻ”

Tiếp theo tướng hai con mắt, dài rộng, đen trắng rõ ràng, ánh sáng chiếu trong suốt

Tiếp theo tướng cái mũi cao thẳng như thoi vàng đúc.

Tiếp theo tướng khuôn mặt đầy đặn đẹp đẽ

Tiếp theo tướng vành tai rũ xuống, dài tai có bảy sợi lông, ánh sáng từ trong sợi lông tuôn ra chiếu khắp thân Phật

Tiếp theo tướng môi có màu đỏ, ánh sáng bóng loáng

Tiếp theo tướng răng có màu trắng, ngang bằng khít kín, trắng như mã não trắng với mặt trắng, bên trong bên ngoài trong suốt

Tiếp theo tướng cái lưỡi mỏng rộng dài mềm mại, dưới gốc lưỡi có hai con đường, nước miếng rót xuống vào đường ống của cổ họng, vào thẳng **Tâm Vương** (chủ thể của trái tim)

Trái tim Phật như hoa sen hồng, mở mà chẳng mở, hợp mà chẳng hợp, có tám vạn bốn ngàn cánh, cánh cánh xếp chồng lên nhau, mỗi một cánh có tám vạn bốn ngàn mạch, mỗi một mạch có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi một ánh sáng làm một trăm hoa sen báu, trên mỗi một hoa có một vị **Bồ Tát Thập Địa**, thân đều màu vàng, tay cầm hương hoa cúng dường **Tâm Vương**, khác miệng cùng lời ca tán **Tâm Vương**

Lúc Hành Giả tác tướng này thời trừ diệt tội chướng, được vô lượng Công Đức, chư Phật Bồ Tát vui vẻ, Thiên Thần, Quỷ Thần vui vẻ.

— Lại rút Tâm hướng lên trên, tiếp theo tướng cổ họng, cái cổ có tướng tròn trịa, hai vai có tướng tròn trịa

Tiếp theo tướng hai cánh tay có tướng tròn trịa

Tiếp theo tướng lòng hai bàn tay bằng phẳng đầy đặn có tướng bánh xe có ngàn cây cầm (Thiên Bức Luân), mười ngón tay nhỏ dài, khoảng giữa các ngón tay có tướng lưới hoa, móng tay có tướng màu đồng đỏ.

— Lại rút Tâm hướng lên trên, tiếp theo tướng trước ngực của Đức Phật có tướng bằng phẳng đầy đặn, chữ của vạn Đức (卐: chữ Vạn) trong sáng.

Tiếp theo tướng cái bụng bằng phẳng chẳng hiện tướng

Tiếp theo tướng cái rốn có tướng tròn sâu, ánh sáng bên trong bên ngoài thường chiếu.

Tiếp theo tướng tướng **Âm Tàng** (chỗ kín) bằng phẳng tròn trịa, giống như mặt trăng đêm 15, cũng như nơi bằng phẳng của lưng bụng không có khác.

Đức Phật nói: “Nếu có người nam, người nữ tham nhiều sắc dục, liền tướng tướng **Âm Tàng** của Như Lai thì Tâm Dục liền dừng, trừ diệt tội chướng, được vô lượng Công Đức, chư Phật vui vẻ, Thiên Thần, Quỷ Thần có Tâm tốt che giúp, sống lâu an vui, vĩnh viễn không có bệnh, đau nhức”

Tiếp theo tướng hai bắp đùi, mỗi mỗi đầu gối có xương tròn đầy

Tiếp theo tướng hai cẳng chân (từ đầu gối đến bàn chân) như bắp tay của **Lộc Vương** (nai chúa)

Tiếp theo tướng hai gót chân như cái vôi của **Tượng Vương** (voi chúa)

Tiếp theo tướng hai mu bàn chân cao như lưng **Quy Vương** (rùa chúa)

Tiếp theo tướng mười ngón chân dài, khoảng giữa các ngón chân có lưới hoa, móng chân có màu đồng đỏ

Tiếp theo tướng Đức Phật với tướng ngòai Kiết Già, bàn chân trái an trên bắp đùi phải ngang bằng với bên ngoài, bàn chân phải an trên bắp đùi trái ngang bằng với bên ngoài.

Tiếp theo tường bên dưới hai bàn chân có tướng bánh xe có ngàn cây cãm (Thiên Bức Luân) đầy đủ vành bánh xe, cây cãm đều có ánh sáng chiếu khắp cõi nước mười phương. Từ đỉnh đầu xuống đến bàn chân, tướng của bánh xe có ngàn cây cãm trở đi, gọi là **Cụ Túc Quán Phật Sắc Thân Trang Nghiêm Công Đức**
Đây gọi là **Thuận Quán**

— Lại tiếp theo tướng Pháp của Toà Hoa

Tiếp theo tướng tướng của đài hoa

Tiếp theo tướng lá hoa, lá lá xếp chồng lên nhau tám vạn bốn ngàn lớp, trên mỗi một lá tướng có trăm ức Bảo Vương trang nghiêm, trong mỗi một báu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, hướng lên trên chiếu soi thân Phật.

Tiếp theo tướng cọng của hoa báu có tám mặt, mỗi một phương, mặt có trăm ngàn mọi báu trang nghiêm, phóng ánh sáng lớn, đều chiếu soi bên trên bên dưới.

Tiếp theo tướng bên dưới cọng nường dựa mặt đất báu, trên đất có mọi báu đều phóng ra tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi một ánh sáng chiếu soi thân Phật với chiếu soi sáu đường ở mười phương, cũng tướng mỗi một ánh sáng chiếu chạm đèn tự thân của Hành Giả

Lúc tác **Tướng** này thời trừ diệt tội chướng, được vô lượng Công Đức, chư Phật Bồ Tát vui vẻ, Thiên Thần, Quỷ Thần cũng vui vẻ, ngày đêm đi theo thân che giúp Hành Giả. Đi, đứng, ngồi, nằm thường được an ổn, sống lâu, giàu có, vui sướng vĩnh viễn không có bệnh đau nhức. Dựa theo lời dạy của Đức Phật (Phật giáo) được thấy việc trong Tịnh Thổ.

Nếu nhìn thấy, chỉ tự mình biết, chẳng được hướng về người khác nói

Nếu người thuận theo **Giáo Môn**, lúc lâm chung thời được **Thượng Phẩm Vãng Sinh** tại cõi nước của Đức Phật A Di Đà. Như vậy **Thượng Hạ** y theo 16 **Biến Quán**, sau đó trụ Tâm hướng về Bạch Hào ở Tam Tinh, dốc sức tu nắm chặt Tâm khiến cho chính đúng, chẳng được tạp loạn. Tức mất Tâm Định thì **Tam Muội** (Samādhi) khó thành. Nên biết đây gọi là Pháp **Quán Phật Tam Muội Quán**. Trong tất cả thời thường hồi hướng sinh về Tịnh Thổ, chỉ y theo 13 Quán của **Quán Kinh** an Tâm, đều được chẳng nghi ngờ.

— Lại bạch với Hành Giả muốn sinh về Tịnh Thổ, chỉ nên Trì Giới, Niệm Phật, tụng Kinh A Di Đà. Một ngày 15 lần thì hai năm được một vạn. Một ngày ba lần thì một năm được một vạn. Một ngày niệm Phật một vạn lần, cũng nên y theo Thời lễ tán việc trang nghiêm của Tịnh Thổ. Rất nên tinh tiến, hoặc được ba vạn, sáu vạn, mười vạn...đều là người **Thượng Phẩm Thượng Sinh**. Công Đức còn lại của mình nên hồi hướng hết về **Vãng Sinh**. Nên biết

Phản trước đã nói rõ Pháp **Quán Phật Tam Muội**.

— Kinh **Bát Chu Tam Muội**, Phẩm **Thỉnh Ván** nói rõ Pháp **bảy ngày bảy đêm vào Đạo Trường Niệm Phật Tam Muội** (Trích trong Kinh **Bát Chu Tam Muội**)

Đức Phật bảo **Bạt Đà Hoà**: “Có Tam Muội gọi là *chư Phật mười phương đều đứng ngay trước mặt*. Hay hành Pháp này thì điều ông đã hỏi đều có thể được vậy”

Bạt Đà Hoà bạch Phật: “Nguyện vì con nói, nhiều chỗ đã vượt qua, an ổn mười phương, vì các chúng sinh hiện tướng Đại Minh”

Đức Phật bảo Bạt Đà Hoà: “Có Tam Muội tên là **Định Ý**. Người học thường nên chọn lấy **tập trì**, chẳng được lại tùy theo Pháp khác. Trong Công Đức là bậc tốt nhất”

Tiếp theo **Hành Phẩm** nói rằng: Đức Phật bảo Bạt Đà Hoà: “Bồ Tát muốn nhanh chóng được Định này thì thường lập **Đại Tín** (niềm tin to lớn), như Pháp mà hành, tức có thể được vậy. Đừng có **Tưởng** nghi ngờ, như lông tóc hứa hẹn. Pháp **Định Ý** này, tên là **Bồ Tát Siêu Chúng Hạnh**

Lập một niệm
Tín Pháp này
Tuỳ chỗ nghe
Nhớ phương ấy
Hợp một niệm
Chặt các **Tưởng**
Lập **Định Tín**
Đừng nghi ngờ
Tinh tiến hành
Đừng lười biếng
Đừng khởi **Tưởng**
Có với **Không**
Đừng nghĩ **tiền**
Đừng nghĩ **lùi**
Đừng nghĩ **trước**
Đừng nghĩ **sau**
Đừng nghĩ **trái** (bên trái)
Đừng nghĩ **phải** (bên phải)
Đừng nghĩ **không**
Đừng nghĩ **có**
Đừng nghĩ **xa**
Đừng nghĩ **gần**
Đừng nghĩ **đau**
Đừng nghĩ **ngứa**
Đừng nghĩ **đói**
Đừng nghĩ **khát**
Đừng nghĩ **lạnh**
Đừng nghĩ **nóng**
Đừng nghĩ **khổ**
Đừng nghĩ **vui** (ưa thích)
Đừng nghĩ **sinh**
Đừng nghĩ **già**
Đừng nghĩ **bệnh**
Đừng nghĩ **chết**
Đừng nghĩ **mệnh**
Đừng nghĩ **thọ** (tuổi thọ)
Đừng nghĩ **nghèo**
Đừng nghĩ **giàu**
Đừng nghĩ **Quý** (cao cả)
Đừng nghĩ **Tiện** (hèn kém)
Đừng nghĩ **Sắc**
Đừng nghĩ **Dục**
Đừng nghĩ **nhỏ**
Đừng nghĩ **lớn**

Đừng nghĩ **dài**
 Đừng nghĩ **ngắn**
 Đừng nghĩ **tốt**
 Đừng nghĩ **xấu**
 Đừng nghĩ **ác**
 Đừng nghĩ **thiện**
 Đừng nghĩ **giận**
 Đừng nghĩ **vui**
 Đừng nghĩ **ngồi**
 Đừng nghĩ **đứng**
 Đừng nghĩ **đi**
 Đừng nghĩ **dừng**
 Đừng nghĩ **Kinh**
 Đừng nghĩ **Pháp**
 Đừng nghĩ **đúng**
 Đừng nghĩ **sai**
 Đừng nghĩ **bỏ**
 Đừng nghĩ **lấy**
 Đừng nghĩ **Tưởng** (nhận biết)
 Đừng nghĩ **Thức** (nhận thức)
 Đừng nghĩ **chặt** (cắt đứt)
 Đừng nghĩ **dính** (vướng mắc)
 Đừng nghĩ **rỗng**
 Đừng nghĩ **thật**
 Đừng nghĩ **nhẹ**
 Đừng nghĩ **nặng**
 Đừng nghĩ **khó**
 Đừng nghĩ **dễ**
 Đừng nghĩ **sâu**
 Đừng nghĩ **cạn**
 Đừng nghĩ **rộng**
 Đừng nghĩ **hẹp**
 Đừng nghĩ **cha**
 Đừng nghĩ **mẹ**
 Đừng nghĩ **vợ**
 Đừng nghĩ **con**
 Đừng nghĩ **thân**
 Đừng nghĩ **sơ**
 Đừng nghĩ **ghét**
 Đừng nghĩ **yêu**
 Đừng nghĩ **được**
 Đừng nghĩ **mất**
 Đừng nghĩ **thành**
 Đừng nghĩ **bại**
 Đừng nghĩ **trong**
 Đừng nghĩ **đục**
 Chặt các **Niệm** (nghĩ nhớ)
 Một **Niệm** ấy

Ý đừng loạn
Thường tỉnh tiền
Đừng tỉnh năm
Đừng mệt ngày
Lập một Niệm
Đừng sao nhãng
Trừ ngủ say
Tỉnh luyện Ý
Ở một mình
Đừng tụ hội
Tránh người ác
Gần bạn lành
Gần **Minh Sư**
Thấy chư Phật
Nắm **Chí** ấy
Thường **mềm yếu**
Quán **bình đẳng**
Nơi tất cả
Tránh **thôn làng**
Xa **thân tộc**
Vứt **Ái Dục**
Trong (bên trong) **thanh tịnh**
Hành **Vô Vi**
Chặt các **Dục**
Buông **Ý loạn**
Tập **Định Hạnh**
Học **Văn Tuệ**
Đều như **Thiền**
Trừ **ba Uế**
Bỏ **sáu Nhập** (Ṣaḍāyatana)
Dứt **Dâm Sắc**
Lìa mọi **Ái**
Đừng tham tiền
Tích trữ nhiều
Ăn, biết đủ
Đừng tham ngon
Mạng chúng sinh
Đừng ham ăn
Y như Pháp
Đừng trang sức
Đừng đùa giỡn
Đừng Kiêu Mạn
Đừng Tự Đại
Đừng Cống Cao
Nếu nói Kinh
Nên như Pháp
Thấu gốc Thân
Giống như Huyền
Đừng nhận **Uẩn** (Skandha)

Đừng **Nhập** (Āyatana:Xứ), **Giới** (Dhātu)

Uẩn như giặc

Bón như rắn

Là Vô Thường

Là hoảng hốt

Chủ Vô Thường

Thấu **vốn không**

Nhân Duyên hội

Nhân Duyên tan

Đều hiểu thấu

Biết **vốn không**

Tăng **Từ Ai** (hiền lành thương xót)

Với tất cả

Cho kẻ nghèo

Giúp chẳng cầu

Đấy là **Định**

Hạnh Bồ Tát

Tuệ chí yếu

Vượt mọi Hạnh

Đức Phật bảo Bạt Đà Hoà: “Trì Hành Pháp này, liền được Tam Muội, chư Phật hiện tại đều đứng ngay trước mặt. Nếu có Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di...như Pháp tu hành, giữ Giới tròn đủ, một mình ở riêng một chỗ, nghĩ Đức Phật A Di Đà ở phương Tây, nay hiện tại ở chốn ấy, tùy theo chỗ đã nghe, nên niệm.

Cách đây mười vạn ức cõi Phật, có cõi nước tên là **Tu Ma Đề** (?Subhavatī: Cực Lạc), một lòng nghĩ nhớ đến, một ngày một đêm hoặc bảy ngày bảy đêm. Qua bảy ngày xong, sau đó nhìn thấy. Ví như điều mà người trong mộng đã nhìn thấy, chẳng biết ngày đêm, cũng chẳng biết bên trong bên ngoài, chẳng do ở ngay trong nơi mờ tối có sự ngăn ngại cho nên chẳng nhìn thấy.

Này Bạt Đà Hoà ! Lúc bốn Chúng thường tác niệm này thời các núi lớn, núi Tu Di trong cảnh giới của chư Phật. Cảnh ấy có chốn U Minh thì thấy đều mở sự ngăn che, không có chỗ nào gây chướng ngại. Bốn Chúng này chẳng dùng Thiên Nhãn vẫn nhìn thấu suốt, chẳng dùng Thiên Nhĩ vẫn nghe thấu suốt, chẳng dùng Thần Túc vẫn đến được cõi Phật ấy; chẳng ở không gian này, cuối cùng vẫn sinh về không gian ấy. Liền ở chỗ ngồi này, nhìn thấy”

Đức Phật nói: “Bốn Chúng ở cõi nước trong không gian này, niệm **A Di Đà Phật**. Vì chuyên niệm cho nên được nhìn thấy, liền hỏi “*Trì Pháp nào, được sinh vào nước này?*”. Đức Phật A Di Đà bảo rằng: “*Người muốn đến sinh, nên niệm tên của Ta, đừng có ngưng nghĩ, liền được đến sinh*”

Đức Phật nói: “Do chuyên niệm cho nên được vãng sinh. Thường nghĩ nhớ đến 32 tướng, 80 hạt giống của thân Phật thì hàng ức ánh sáng chiếu suốt, đoạn chính không có gì sánh bằng, ở ngay trong **Bồ Tát Tăng** (chúng Bồ Tát) nói Pháp. Đừng hoại hình sắc, tại sao thế ? Vì chẳng hoại hình sắc, do nghĩ nhớ đến Sắc Thân của Phật cho nên được Tam Muội này”

Phần bên trên nói rõ Pháp **Niệm Phật Tam Muội**

— Khi muốn vào Đạo Trường **Tam Muội** thời mỗi mỗi y theo phương pháp mà Đức Phật đã dạy bảo. Trước tiên tu sửa Đạo Trường trong Liêu, an trí Tôn Tượng, dùng nước nóng thơm rưới vẩy lau quét. Nếu không có Phật Đường mà có cái phòng trong sạch cũng được. Lau quét rưới vẩy như Pháp, lấy một tượng Phật an trí ở bức

vách phía Tây. Nhóm *Hành Giả* từ ngày mồng một đến ngày mồng tám trong tháng, hoặc từ mồng tám đến ngày 15, hoặc từ ngày 15 đến ngày 23, hoặc từ ngày 23 đến ngày 30. Mỗi tháng riêng có bốn Thời tốt đẹp. Nhóm *Hành Giả* tự mình cân nhắc Nghiệp nặng nhẹ của nhà.

Ở trong Thời này, nhập vào Đạo **Tịnh Hạnh**. Hoặc một ngày cho đến bảy ngày, hết thầy nên mặc áo sạch, giày vớ cũng nên sạch mới. Trong bảy ngày đều nên Trường Trai và chỉ ăn một bữa: bánh mềm, cơm thô...tùy theo thời dùng nước tương, rau...tần tiện dùng rau dưa theo hạn lượng

Ở trong Đạo Trường, ngày đêm cột buộc Tâm liên tục, chuyên Tâm niệm A Di Đà Phật, Tâm cùng với tiếng liên tục, chỉ ngồi hoặc chỉ đứng, trong khoảng bảy ngày chẳng được ngủ mê, cũng chẳng cần y theo Thời lễ Phật tụng Kinh, cũng chẳng cần dùng Tràng Hạt đếm số, chỉ biết chấp tay niệm Phật, niệm niệm tác tướng **nhìn thấy Phật**”

Đức Phật nói: “Tuồng niệm Đức Phật A Di Đà có thân màu vàng ròng, ánh sáng chiếu thông suốt, đoan chính không có gì sánh bằng...ở ngày trước con mắt của Tâm. Lúc chính Niệm Phật thời nếu đứng thì liền đứng niệm một vạn, hai vạn. Nếu ngồi thì liền ngồi niệm một vạn, hai vạn. Ở bên trong Đạo Trường (nhóm *Hành Giả*) chẳng được chụm đầu lại, nói chuyện riêng. Ngày đêm hoặc ba Thời, sáu Thời...biểu bạch với Đức Phật, tất cả Hiền Thánh, Thiên Tào, Địa Phủ, tất cả Nghiệp Đạo...tỏ bày sám hối, một đời trở đi, mọi tội do *ngiệp thân miệng ý* đã gây tạo...việc y theo sự thật mà sám hối, rồi quay lại y theo Pháp **Niệm Phật**. Chẳng được tự ý nói cảnh giới đã nhìn thấy. Điều tốt lành thì tự biết, điều ác thì sám hối. Đối với rượu, thịt, ngũ tân thì phát nguyện “*tay chẳng nắm bắt, miệng chẳng ăn. Nếu trái ngược với lời này, liền nguyện cho thân, miệng đều vương mụn nhọt ác*”

Hoặc nguyện tụng Kinh A Di Đà đủ mười vạn lần, một ngày riêng niệm Phật một vạn biến. Một ngày riêng tụng Kinh 15 lần, hoặc tụng 20 lần, 30 lần...nhiều ít tùy theo sức, thể sinh về Tịnh Thổ, nguyện xin Đức Phật nhiếp thọ.

Lại nhóm *Hành Giả*, nếu bị bệnh hoặc chẳng bị bệnh. Khi mạng sắp dứt thì mỗi mỗi y theo Pháp **Niệm Phật Tam Muội** bên trên, ngay thẳng Thân Tâm, quay mặt hướng về phương Tây, Tâm cũng chuyên chú quán tưởng Đức Phật A Di Đà, Tâm miệng tương ứng, tiếng tiếng chẳng dứt, quyết định tác Vãng Sinh, tường đài hoa, tường chúng Thánh đi đến nghinh tiếp.

Nếu người bệnh nhìn thấy cảnh lúc trước, liền hướng về người thăm bệnh nói. Đã nghe nói xong, liền y theo nói điều mà bản sao chép đã ghi.

Lại nếu người bệnh chẳng thể nói được thì người thăm bệnh đều nên mỗi mỗi lúc, hỏi người bệnh nhìn thấy cảnh giới nào, hoặc nói tướng của tội. Người bên cạnh liền vì người bệnh niệm Phật, trợ đồng sám hối ắt khiến cho tội diệt. Nếu được tội diệt thì đài hoa, chúng Thánh ứng niệm hiện trước mặt. Dựa theo điều mà bản sao chép đã ghi.

Lại nhóm *Hành Giả*, quyền thuộc, sáu thân...nếu đến thăm bệnh thì đừng cho người có ăn thịt, uống rượu, ăn ngũ tân...tham dự. Nếu có ắt chẳng được hướng đến bên cạnh người bệnh, tức mất Chính Niệm, Quỷ Thần giao loạn, người bệnh phát điên cuồng mà chết, sẽ bị rơi vào ba đường ác.

Nhóm người **Nguyện Hạnh** hãy khéo tự mình cẩn thận phụng trì *lời dạy bảo của Đức Phật* (Phật Giáo), đồng làm Nhân Duyên để nhìn thấy Đức Phật.

Phản trước là Pháp dùng để vào Đạo Trường với thăm người bệnh

Y theo Kinh nói rõ nghĩa của năm loại Tăng Thượng Duyên (1 quyển). Y theo **Vô Lượng Thọ Kinh** (1) Y theo **Thập Lục Quán Kinh** (2) Y theo **A Di Đà Kinh** gồm bốn cuộn giấy (3) Y theo **Bát Chu Tam Muội Kinh** (4) Y theo **Thập Vãng Sinh Kinh** (5) Y theo **Tịnh Thổ Tam Muội Kinh** (6) Cần trọng y theo nhóm Kinh **Vãng Sinh** thuộc sáu Bộ do Đức Phật **Thích Ca** dạy bảo, hiển rõ người **Xưng Niệm A Di Đà Phật Nguyên Sinh Tịnh Thổ** thì đời hiện tại liền được sống lâu chuyển tuổi thọ, chẳng gặp chín tai nạn đột ngột, mỗi mỗi đầy đủ như bên dưới, nói trong nghĩa của **5 Duyên**

_ Hỏi rằng: “Đức Phật khuyên tất cả chúng sinh phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), nguyện sinh về cõi nước của Đức Phật A Di Đà ở phương Tây. Lại khuyên làm tượng **A Di Đà**, xưng dương lễ bái, hương hoa cúng dường, ngày đêm quán tưởng chẳng dứt. Lại khuyên chuyên niệm tên của Đức Phật Di Đà một vạn, hai vạn, ba vạn, năm vạn cho đến mười vạn. Hoặc khuyên tụng Kinh A Di Đà ..15, 20, 30, 50 cho đến đủ mười vạn lần... Như vậy đời hiện tại được Công Đức thế nào ? Sau một trăm năm buông xả **báo** (thân nghiệp báo), thời có lợi ích gì ? Có được sinh về Tịnh Thổ chăng ?”

Đáp rằng: “Đời hiện tại với buông xả **Báo** (thân nghiệp báo), quyết định có lợi ích, Công Đức lớn. Dựa y theo lời dạy bảo của Đức Phật, hiển rõ 5 loại Nhân Duyên lợi ích tăng thượng

- 1_ Diệt Tội Tăng Thượng Duyên
- 2_ Hộ Niệm Đắc Trường Mạng Tăng Thượng Duyên
- 3_ Kiến Phật Tăng Thượng Duyên
- 4_ Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên
- 5_ Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên.

_ Nói **Diệt Tội Tăng Thượng Duyên**. Tức như **Quán Kinh**, người **Hạ Phẩm Thượng Sinh**, một đời gây tạo đủ tội nặng của mười điều ác. Người ấy bị bệnh sắp chết thì gặp vị Thiện Tri Thức dạy bảo xưng **Di Đà Phật** một tiếng, liền trừ tội nặng trong 50 ức kiếp sinh tử. Tức là **Diệt Tội Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như người **Hạ Phẩm Trung Sinh**, một đời gây tạo đủ tội trong Phật Pháp, phá Trai, phá Giới, ăn dùng vật của Phật Pháp Tăng, chẳng sinh ăn năn hối hận. Người ấy bị bệnh sắp chết thì Địa Ngục, mọi loại lửa một thời đều đến. Do gặp vị Thiện Tri Thức vì người ấy nói thân tướng, Công Đức, cõi nước trang nghiêm của Đức Phật Di Đà. Người có tội nghe xong, liền trừ tội trong 80 ức kiếp sinh tử, Địa Ngục liền diệt...cũng là **Diệt Tội Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như người **Hạ Phẩm Hạ Sinh**, một đời gây tạo đủ tội cực nặng của năm **Nghịch**, trải qua Địa Ngục chịu khổ không cùng tận. Người có tội bị bệnh sắp chết thì gặp được vị Thiện Tri Thức dạy bảo xưng tên của Đức Phật A Di Đà, mười tiếng. Ở trong mỗi một tiếng, trừ diệt tội nặng trong 80 ức kiếp sinh tử. Đây cũng là **Diệt Tội Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại

Lại nếu có người y theo nhóm **Quán Kinh**... vẽ, làm sự biến thành Tịnh Thổ trang nghiêm, ngày đêm quán tưởng mặt đất báu thì niệm niệm của đời hiện tại, trừ diệt tội trong 80 ức kiếp sinh tử

Lại y theo Kinh, vẽ sự biến thành, quán tưởng cây báu, ao báu, lầu báu...trang nghiêm thì đời hiện tại trừ diệt tội trong vô lượng ức a tăng kỳ kiếp sinh tử.

Lại y theo **Hoa Toà Trang Nghiêm Quán**, ngày đêm quán tưởng thì mỗi một niệm của đời hiện tại trừ diệt tội trong 50 ức kiếp sinh tử.

Lại y theo Kinh, quán tưởng: **Tượng Quán, Chân Thân Quán, Quán Âm Thế Chí Đẳng Quán** thì đời hiện tại, ở trong mỗi một niệm trừ diệt tội trong vô lượng ức kiếp sinh tử.

Như bên trên đã dẫn, đều là **Diệt Tội Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại

Lại nói **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên**. Tức như trong **Đệ Thập Nhị Quán** nói rằng: “Nếu có người trong tất cả Thời Xứ, ngày đêm chí Tâm quán tưởng hai Báo trang nghiêm của Di Đà Tịnh Thổ. Hoặc nhìn thấy hoặc chẳng nhìn thấy thời Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus) hoá làm vô số vị **Hoá Phật** (Nirmāṇa-buddha). **Quán Âm** (Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta) cũng hoá làm vô số **Hoá Thân** (Nirmāṇa-kāya) thường đến chỗ của Hành Nhân này”. Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như văn bên dưới của **Quán Kinh**: “Nếu có người chí Tâm thường niệm A Di Đà Phật với hai vị Bồ Tát thì **Quán Âm, Thế Chí** thường cùng với Hành Nhân làm **Thắng Hữu Tri Thức**, thường đi theo âm thầm giúp đỡ”. Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như **Đệ Cửu Chân Thân Quán** nói rằng: “Đức Phật Di Đà có thân màu vàng ròng, ánh sáng của Hào Tướng (sợi lông màu trắng xoắn vòng theo bên phải ở tam tinh) chiếu khắp chúng sinh ở mười phương, ánh sáng tại lỗ chân lông trên thân cũng chiếu khắp chúng sinh, hào quang tròn trịa cũng chiếu khắp chúng sinh, ánh sáng của tám vạn bốn ngàn tướng tốt... cũng chiếu khắp chúng sinh. Lại như ánh sáng của nhóm thân tướng lúc trước, mỗi một ánh sáng chiếu khắp mười phương Thế Giới. Chỉ có chúng sinh chuyên niệm **A Di Đà Phật** thì ánh sáng trong trái tim của Đức Phật ấy thường chiếu soi thân người này, nhiếp hộ chẳng buông bỏ, chẳng kể đến chiếu nhiếp Hành Giả có *Nghiệp tạp còn dư sót*. Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như **Thập Vãng Sinh Kinh** nói: Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ Bồ Tát cùng với A Nan: “Nếu có người chuyên niệm Tây Phương A Di Đà Phật, nguyện vãng sinh thì từ nay trở đi, Ta thường sai 25 vị Bồ Tát âm thầm hộ giúp Hành Giả, chẳng để cho Quỷ ác, Thần ác gây nhiễu loạn Hành Giả, ngày đêm thường được an ổn”. Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như **Di Đà Kinh** (Amitābha-sūtra) nói: “Nếu có người nam, người nữ, bảy ngày bảy đêm với hết một đời, một lòng chuyên niệm **A Di Đà Phật**, nguyện vãng sinh thì người này thường được hằng hà sa số Phật ở sáu phương cùng đi đến hộ niệm, cho nên gọi là **Hộ Niệm Kinh**”. Ý của **Hộ Niệm Kinh** là chẳng để cho các Quỷ Thần ác được dịp thuận tiện gây hại, cũng không có bệnh đột ngột, chết đột ngột, ách nạn đột ngột, tất cả tai ương tự nhiên tiêu trừ, chỉ trừ kẻ *chẳng chí Tâm*. Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như **Bát Chu Tam Muội Kinh**, trong **Hành Phẩm** nói rằng: “Đức Phật bảo Bát Đà Hoà: Nếu có người bảy ngày bảy đêm, ngay bên trong Đạo Trường, buông bỏ các duyên sự, trừ bỏ việc nằm ngủ, một lòng chuyên nghĩ nhớ thân màu vàng ròng của Đức Phật A Di Đà. Hoặc một ngày, ba ngày, bảy ngày. Hoặc 14 ngày, 30 ngày, 49

ngày. Hoặc đến 100 ngày, hoặc hết một đời... chí Tâm quán Phật với miệng xưng, Tâm niệm thì Đức Phật liền nhiếp thọ. Đã được nhiếp thọ thì quyết định biết tội diệt, được sinh vào Tịnh Thổ”

Đức Phật nói: “Nếu người chuyên hành **Niệm Di Đà Phật Tam Muội** này, thường được tất cả chư Thiên với bốn vị Đại Thiên Vương, tám Bộ Rong Thần thường đi theo, âm thầm hộ giúp, yêu thích gặp nhau, vĩnh viễn không bị các Quỷ Thần Ác, tai chướng, ách nạn...đột ngột gây nhiễu loạn”.

Đầy đủ như trong Phẩm **Hộ Trì** nói. Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại y theo **Quán Đỉnh Kinh** (Mahābhiṣeka-mantra), *quyển thứ ba* nói: “Nếu người thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới thì Đức Phật sắc cho Thiên Đế : “*Ông sai Thiên Thần gồm 61 người, ngày đêm, năm tháng đi theo thủ hộ người thọ Giới, đừng để cho các Quỷ Thần ác đột ngột gây nhiễu hại*”. Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại như **Tịnh Độ Tam Muội Kinh** nói rằng: “Đức Phật bảo **Bình Sa Đại Vương** (Bimbisāra): Nếu có người nam người nữ, mỗi mỗi tháng vào *sáu ngày Trai* (3 ngày 8, 14, 15 của kỳ Bạch Nguyệt và 3 ngày: 23, 29, 30 của kỳ Hắc Nguyệt) với *tám ngày vua* (Bát vương nhật: 8 ngày này là ngày mà Trời, Đất, chư Thần cùng với Âm Dương thay đổi cho nhau (giao thế). Trong 8 ngày này, nếu Trì Trai sẽ tự tăng tuổi thọ, được lợi ích. Tám ngày ấy là: *Lập Xuân, Xuân Phân, Lập Hạ, Hạ Chí, Lập Thu, Thu Phân, Lập Đông, Đông Chí*) hướng đến Thiên Tào, Địa Phủ, tất cả Nghiệp Đạo...miệt mài tự mình vâng nhận trì Trai Giới thì Đức Phật sắc cho Thiên Vương ở sáu cõi Dục đều sai 25 vị Thiện Thần thường đến, đi theo thủ hộ người Trì Giới, cũng chẳng để cho có các Quỷ Thần ác đột ngột đến gây nhiễu hại, cũng không có tai chướng, bệnh, chết đột ngột, thường được an ổn”. Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại bạch với các Hành Giả chỉ muốn đời này, ngày đêm liên tục, chuyên niệm **Di Đà Phật**, chuyên tụng Kinh **Di Đà**, xưng dương tán lễ chúng Thánh trang nghiêm của Tịnh Thổ, nguyện sinh về cõi ấy. Một ngày riêng tụng Kinh 15, 20, 30 biến trở lên. Hoặc tụng 40, 50, 100 biến trở lên.... nguyện đủ 10 vạn biến. Lại xưng dương, lễ tán **Y Báo Chính Báo trang nghiêm** của Di Đà Tịnh Thổ. Lại trừ lúc vào **Tam Muội Đạo Trường**, một ngày riêng niệm **Di Đà Phật** một vạn, liên tục hết một đời, liền được Di Đà hộ niệm, được trừ tội chướng. Lại được Đức Phật cùng với chúng Thánh thường đến hộ niệm. Đã được Hộ Niệm, liền được kéo dài mạng sống, chuyên tuổi thọ, sống lâu an vui.

Mỗi một Nhân Duyên đầy đủ như nhóm **Thí Dụ Kinh, Duy Vô Tam Muội Kinh, Tịnh Độ Tam Muội Kinh...** nói. Đây cũng là **Hộ Niệm Tăng Thượng Duyên** của đời hiện tại.

Lại nói **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**. Tức như **Quán Kinh** nói rằng: “Phu Nhân của vị vua ở nước **Ma Kiệt Đà** (Magadha) tên là **Vi Đề Hy** (Vaidehī), thường ở ngay bên trong Cung, nguyện thường thấy Đức Phật. Từ xa hướng về núi **Kỳ Xà Quật** (Gr̥dhra-kūṭa) buồn khóc kính lễ. Từ xa, Đức Phật đã hay biết, liền ở núi **Kỳ** ẩn mật, hiện ra ngay trong cung vua. Phu nhân ngẩng đầu lên liền nhìn thấy Đức Thế Tôn với thân màu vàng ròng, ngồi trên hoa sen báu. **Mục Liên** (Māudgalyāyana), **A Nan** (Ānanda) đứng hầu hai bên trái phải. **Thích** (‘Sakra), **Phạm** (Brahma) đến trong hư không rải hoa cúng dường. Phu nhân nhìn thấy Đức Phật liền

gieo mình xuống đất, kêu khóc, hướng về Đức Phật cầu xin xót thương, sám hối
“*Nguyện xin Đức Như Lai dạy cho con quán được nơi có Nghiệp thanh tịnh*”

Lại như chứng cứ của Kinh này, không những chỉ có vị Phu Nhân chí tâm nhìn thấy Phật, mà cũng cùng với Phạm Phu đời vị lai khởi lời dạy bảo, chỉ khiến cho kẻ có Tâm Nguyện nhìn thấy, mỗi mỗi y như vị phu nhân chí Tâm nhớ Phật, quyết định nhìn thấy không có nghi ngờ. Đây tức là **ba sức Niệm Nguyện** của Đức Phật A Di Đà gia thêm bên ngoài, cho nên khiến được nhìn thấy Phật.

Nói **ba sức**. Tức như **Bát Chu Tam Muội Kinh** nói rằng: “Một là dùng sức của Đại Thệ Nguyện gia thêm niệm cho nên được nhìn thấy Phật. Hai là dùng sức của Tam Muội Định gia thêm niệm cho nên được nhìn thấy Phật. Ba là dùng sức của Bản Công Đức gia thêm niệm cho nên được nhìn thấy Phật”

Phần bên dưới, trong Duyên nhìn thấy Phật đều đồng với nghĩa này, cho nên gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Hỏi rằng: “Vị phu nhân có Phước Lực mạnh mẽ thù thắng, được Đức Phật gia thêm niệm cho nên nhìn thấy Phật. Chúng sinh thời Mạt Pháp có tội lỗi sâu nặng thì do đâu mà được đồng với thể lệ của phu nhân ? Lại nghĩa này thâm sâu rộng lớn, mỗi mỗi dẫn đủ Kinh của Phật dùng để minh chứng”

Đáp rằng: “Đức Phật là **Tam Đạt Thánh Nhân** (Bậc Thánh đã đạt ba Minh là: Túc Mệnh Minh, Thiên Nhân Minh, Lưu Tận Minh), sáu Thông không có chướng ngại, quán căn cơ để chuẩn bị dạy bảo, chẳng chọn cạn sâu, chỉ khiến cho quy thành thì sợ gì mà chẳng nhìn thấy.

Tức như phần bên dưới của **Quán Kinh** nói rằng: “Đức Phật khen bà **Vi Đề**: “Vui thay! Bà đã hỏi việc này, A Nan thọ trì rộng vì *nhiều Chúng* tuyên nói lời của Phật. Nay Như Lai dạy cho **Vi Đề Hy** với tất cả chúng sinh đời vị lai, nhìn thấy cõi nước ấy như cầm cái gương sáng, tự nhìn thấy khuôn mặt của mình”

Lại dùng chứng cứ của Kinh này cũng là ba Lực của Đức Phật A Di Đà gia thêm bên ngoài, mà được nhìn thấy Phật. Cho nên gọi là **Kiến Phật Tịnh Thổ Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: “Đức Phật bảo **vi Đề**: Bà là phàm phu, tâm tưởng lại kém cõi, chẳng thể nhìn thấy xa. Do đó chư Phật Như Lai có phương tiện khác khiến cho các người nhìn thấy”

Phu nhân bạch Phật rằng: “Nay con nhân vào sức của Đức Phật cho nên nhìn thấy cõi nước ấy. Nếu sau khi Đức Phật diệt độ, các hàng chúng sinh trước ác, chẳng lành bị năm nỗi khổ ép bức thời làm sao được nhìn thấy Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhavatī)?”

Đức Phật liền bảo rằng: “Này **Vi Đề** ! Bà với tất cả chúng sinh chuyên gom niệm, tưởng ở phương Tây, tất cả cây phướng báu bên dưới mặt đất Lưu Ly, mọi cái thất báu bên trên mặt đất, nhóm trang nghiêm bên trong Thất, chuyên tâm chú ý, cũng đồng với điều mà Phu Nhân đã được thấy bên trên”

Tức nói rằng: “Mỗi một Quán cần khiến cho thật thấu tỏ, nhắm mắt mở mắt đều khiến được thấy. Như **Tướng** này thì gọi là **Thô Kiến** (Cái thấy thô sơ). Đây là cái thấy trong Giác Tướng cho nên nói là **Thô Kiến**. Nếu được **Định Tâm Tam Muội** với **Khẩu Xưng Tam Muội** thì con mắt Tâm liền khai mở, nhìn thấy tất cả sự trang nghiêm của Tịnh Thổ. Nói không cùng tận vậy”

Lại dùng chứng cứ của **Kinh** này thì tất cả Phạm Phu chỉ khiến cho dốc hết Tâm, quyết định có nghĩa của sự nhìn thấy. Nên biết, giả sử có điều thấy nghe thì

chẳng nên kinh ngạc. Tại sao thế ? Vì do sức Tam Muội của Đức Phật A Di Đà gia thêm bên ngoài, cho nên được nhìn thấy. Thế nên gọi là **Phật Tịnh Thổ Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, trong **Hoa Toà Quán** nói rằng: Đức Phật bảo A Nan, Vi Đề: “Đức Phật sẽ vì các người nói Pháp **trừ khổ não**, các người nên rộng vì Đại Chúng phân biệt giải nói”

Nói lời đầy xong thời Đức Phật **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus), Quán Âm, Thế Chí ứng theo tiếng, đi đến, hiện đứng trụ trong hư không. Vi Đề nhìn thấy liền lễ. Lễ xong, bạch với Đức Phật Thích Ca rằng: “Nay con nhân vào sức của Đức Phật cho nên được nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ với hai vị Bồ Tát. Nếu sau khi Đức Phật diệt độ, thì các hàng chúng sinh làm sao quán thấy Đức Phật A Di Đà với hai vị Bồ Tát ?”

Đức Phật liền bảo rằng: “Bà với chúng sinh muốn quán Đức Phật ấy thì nên khởi tưởng niệm. Trên đất bảy báu, tác tướng hoa sen. Tướng hoa thành xong, tiếp theo nên tưởng Phật. Khi tưởng Phật thời Tâm đầy liền tưởng tác 32 Tướng từ trên đỉnh đầu xuống bên dưới đến **Già Phu Toạ**, ngoài ra mỗi một Thân Phần cũng đều tưởng. Tuỳ theo Tâm tưởng thời thân Phật liền hiện ra. Đây là ba sức của Di Đà gia thêm bên ngoài, liền được nhìn thấy Phật”. Đây cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: “Tướng Đức Phật ấy, trước tiên nên tưởng hình tượng, nhìn thấy một tượng vàng ròng ngồi trên hoa sen. Đã tưởng thấy xong thì con mắt Tâm liền khai mở, mỗi mỗi rõ ràng với nhìn thấy tất cả sự trang nghiêm của cõi nước ấy. Đây cũng là ba sức của Di Đà gia thêm bên ngoài cho nên được thấy Phật”. Đây cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: “Tiếp theo, tưởng hai vị Bồ Tát với các ánh sáng, mỗi mỗi thấy rõ. Khi nhìn thấy việc này thời Hành Giả liền ở trong Định của **Tam Muội**, sẽ nghe tiếng **thuyết Pháp** của dòng nước chảy, ánh sáng, nhóm trang nghiêm...Ra Định, vào Định, Hành Giả thường nghe Pháp màu nhiệm. Đây cũng là ba sức của Đức Phật Di Đà gia thêm bên ngoài cho nên nhìn thấy Phật”. Đây cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, trong **Chân Thân Quán** nói rằng: Đức Phật bảo A Nan: “Quán Tượng thành xong. Tiếp theo thay đổi, quán Đức Phật Vô Lượng Thọ với thân màu vàng ròng, Hào Tướng ở tam tinh, hào quang tròn, Hoá Phật với ánh sáng của nhóm tướng tốt. Chỉ nên nghĩ tưởng khiến cho con mắt Tâm nhìn thấy. Thấy xong liền nhìn thấy tất cả chư Phật ở mười phương, cho nên gọi là **Niệm Phật Tam Muội**”. Dùng chứng cứ của văn này cũng là ba sức của Đức Phật Di Đà gia thêm bên ngoài cho nên nhìn thấy Phật. Đây cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: Đức Phật nói: “Chính vì thế cho nên bậc Trí một lòng quán sát kỹ lưỡng Đức Phật Vô Lượng Thọ, từ một tướng tốt nhập vào, chỉ quán soi lông trắng xoay vòng theo bên phải (bach hào) ở tam tinh khiến cho thật rõ ràng thì tự nhiên nhìn thấy tám vạn bốn ngàn tướng tốt. Nhìn thấy xong liền thấy tất cả chư Phật ở mười phương, ở trước mặt chư Phật theo thứ tự Thọ Ký”. Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là ba sức của Đức Phật Di Đà gia thêm bên ngoài, nên được khiến cho Phạm Phu chuyên Tâm tưởng, quyết định được nhìn thấy Phật. . Đây cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **Quán Âm Thế Chí Phổ Tập Đăng Quán** với người thuộc chín Phẩm bên dưới, một đời khởi hạnh cho đến bảy ngày, một ngày mười tiếng, hoặc một tiếng... Khi mạng sắp hết thời nguyện nhìn thấy Phật. Nếu đời hiện tại gặp được Thiện Tri Thức mà Hành Nhân tự mình có thể Tâm miệng niệm Đức Phật A Di Đà thì Đức Phật liền cùng với chúng Thánh, đài hoa hiện đến. Hành Nhân nhìn thấy Đức Phật cũng nhìn thấy chúng Thánh, đài hoa...” Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là ba sức của Đức Phật A Di Đà gia thêm bên ngoài cho nên được nhìn thấy Phật. Đây cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: Đức Phật bảo A Nan: “Kinh này có tên gọi là **Quán Cực Lạc Quốc Độ Vô Lượng Thọ Phật Cập Quán Thế Âm Đại Thế Chí Bồ Tát Kinh**. Ông nên thọ trì không để cho quên mất. Người hành Tam Muội này thì thân hiện tại được nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ với hai vị Bồ Tát”. Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là ba sức của Đức Phật Di Đà gia thêm bên ngoài, dẫn đến sự niệm của Phạm Phu, nương vào ba sức Tâm của chính mình cho nên được nhìn thấy Phật. **Tâm chí thành, Tâm tin tưởng, Tâm nguyện** làm Nhân bên trong, lại nhờ sức ba loại Nguyện của Di Đà dùng làm Duyên bên ngoài. Nhân Duyên bên ngoài bên trong hoà hợp cho nên được nhìn thấy Phật. Đây cũng gọi là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **Bát Chu Tam Muội Kinh** ghi rằng: Đức Phật bảo Bát Đà Hoà Bồ Tát: “Có Tam Muội tên là **Thập Phương Chư Phật Tất Tại Tiền Lập** (Chư Phật ở mười phương đều đứng ngay trước mặt). Nếu muốn mau chóng được Tam Muội đầy, thường nên gìn giữ tập trì chẳng được có nghi ngờ, tưởng như lông tóc. Nếu Tỳ Khru, Tỳ Khru Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di muốn hành học Tam Muội đầy thì bảy ngày bảy đêm, trừ bỏ ngũ mê, buông các loạn tưởng, một mình ở một chỗ, nghĩ nhớ Đức Phật A Di Đà ở phương Tây với Tâm màu vàng ròng, 32 tướng toả ánh sáng chiếu thông suốt, đoan chính không có gì so sánh được. Một lòng quán tưởng, Tâm niệm miệng xưng, niệm niệm chẳng dứt.

Đức Phật nói: “Sau bảy ngày sẽ nhìn thấy. Ví như có người ban đêm quán sát Tinh Tú, một ngôi sao tức là một Đức Phật. Nếu có bốn Chúng tác Quán đầy, nhìn thấy tất cả ngôi sao, liền nhìn thấy tất cả Phật”. Lại dùng chứng cứ của Kinh này cũng là ba sức của Đức Phật Di Đà gia thêm bên ngoài cho nên nhìn thấy Phật.

Nói **Tam Muội** (Samādhi) tức là Hành Nhân niệm Phật, Tâm miệng xưng niệm không có tưởng tạp nhập, niệm niệm trụ Tâm, tiếng tiếng liên lục thì con mắt Tâm liền khai mở, được nhìn thấy Đức Phật ấy hiện ra rõ ràng, tức gọi là **Định**, cũng gọi là **Tam Muội**. Đúng lúc nhìn thấy Phật cũng nhìn thấy chúng Thánh với mọi sự trang nghiêm, cho nên gọi là **Kiến Phật Tịnh Thổ Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **Nguyệt Đăng Tam Muội Kinh** (Samādhi-rāja) ghi rằng: “Niệm tướng tốt với Đức Hạnh của Đức Phật, hay khiến cho các Căn chẳng loạn động, Tâm không có mê hoặc cùng hợp với Pháp, được nghe, được Tri như biển lớn. Bậc Trí trụ ở Tam Muội đầy, nhiếp niệm hành, ở chỗ Kinh Hành hay nhìn thấy ngàn ức chư Như Lai, cũng gặp vô lượng hằng sa Phật”. Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là **Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **Văn Thù Bát Nhã Kinh** ghi rằng: Văn Thù bạch Phật rằng: “Vì sao gọi là **Nhất Hạnh Tam Muội** ?”

Đức Phật nói: “Nếu người nam, người nữ ở tại chỗ **Không Nhân** (Aranya: Trường Sở tu hành của hàng Tỳ Khưu, cách làng ấp từ 300 đến 600 bộ), buông các Ý loạn, tùy theo phương sở của Phật, ngay thẳng thân, hướng chính đứng, chẳng lấy tướng mạo, chuyên xưng tên gọi của Đức Phật, niệm không có ngưng nghỉ. Tức ở trong niệm hay nhìn thấy chư Phật ba đời quá khứ hiện tại vị lai”.

Lại dùng chứng cứ của Kinh này, tức là chư Phật **Đồng Thể Đại Bi Niệm Lực** gia bị khiến cho nhìn thấy. Đây cũng là **Phàm Phu Kiến Phật Tam Muội Tăng Thượng Duyên**.

Lại nói **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**. Tức như Kinh **Vô Lượng Thọ** (Amitāyuh-sūtra), trong 48 Nguyên nói: Đức Phật nói: “Nếu Ta thành Phật, chúng sinh ở mười phương nguyện sinh vào nước của Ta, xưng tên gọi của Ta cho đến mười tiếng, nung vào sức Nguyên của Ta. Nếu chẳng được vãng sinh thì Ta chẳng nhận lấy Chính Giác”.

Đây tức là **Nguyện Vãng Sinh**. Hành Nhân lúc mạng sắp hết thời sức Nguyên nhiếp lấy, cho được vãng sinh, cho nên gọi là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại **quyển Thượng** của Kinh này ghi rằng: “Nếu có chúng sinh được sinh về cõi nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây, đều nung theo Nghiệp Lực thuộc Đại Nguyên của Đức Phật Di Đà, làm **Tăng Thượng Duyên**”. Tức là chúng có vậy, cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại **quyển Hạ** của Kinh này ghi rằng: Đức Phật nói :”Tất cả chúng sinh có căn tính chẳng đồng, có Thượng Trung Hạ. Tùy theo căn tính ấy, Đức Phật đều khuyên chuyên niệm tên của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Lúc người ấy sắp hết mạng thời Đức Phật cùng với chúng Thánh tự đến nghênh tiếp, cuối cùng được vãng sinh”. Đây cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **Quán Kinh**, *Quán thứ mười một* với **chín Phẩm** bên dưới đều là Đức Phật tự nói **tu Định tán Nhị**. Hành Nhân lúc hết mạng thời mỗi mỗi dứt tận là Đức Thế Tôn Di Đà tự cùng với chúng Thánh, đài hoa...trao vào bàn tay, nghênh tiếp vãng sinh. Đây cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như trong **Di Đà Kinh** gồm 4 cuộn giấy, nói: Đức Phật nói: “Nếu có người nam, người nữ hoặc một ngày, bảy ngày một lòng chuyên niệm tên của Đức Phật Di Đà thì lúc người ấy sắp chết thời Đức Phật A Di Đà cùng với chúng Thánh tự đến nghênh tiếp, liền được sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây”. Đức Phật Thích Ca nói: “Ta thấy lợi đây cho nên nói lời này”. Tức là chúng có vậy. Đây cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như trong **48 Nguyên** nói rằng: “Giả sử Ta được thành Phật. Chúng sinh ở mười phương phát Tâm Bồ Đề, tu các Công Đức, chí Tâm phát Nguyên muốn sinh về nước của Ta. Khi sắp chết thời Ta chẳng cùng với Đại Chúng hiện ra trước mặt người ấy thì Ta chẳng nhận lấy Chính Giác”. Đây cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Nguyện** rằng: “Giả sử Ta được thành Phật. Chúng sinh ở mười phương nghe danh hiệu của Ta, luôn nhớ đến nước của Ta, chí Tâm hồi hướng,

nguyện sinh về nước của Ta mà quả chẳng thành thì Ta chẳng nhận lấy Chính Giác”. Đây cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Nguyên** rằng: “Giả sử Ta được thành Phật. Thế Giới ở mười phương có người nữ nghe danh tự của Ta, vui vẻ, tin ủng, ưa thích, phát Tâm Bồ Đề, chán ghét thân nữ mà sau khi chết lại mang thân nữ nữa thì Ta chẳng nhận lấy Chính Giác”.

Nghĩa là: Do sức Bản Nguyên của Di Đà cho nên người nữ xưng danh hiệu của Phật, ngay lúc hết mạng, liền chuyển thân nữ được thành người nam, Di Đà cầm tay, Bồ Tát diu thân, ngồi trên hoa báu, tùy theo Phật mà vãng sinh, vào Đại Hội của Phật, chứng ngộ **Vô Sinh** (Anutpāda). Lại tất cả người nữ, nếu chẳng nhân vào sức Nguyên của tên gọi **Di Đà** thì ngàn kiếp, vạn kiếp, hằng hà sa đẳng kiếp, cuối cùng chẳng thể chuyển được thân nữ. Nên biết như thế.

Ngày nay, hoặc có **Đạo, Tục** nói rằng: “Người nữ chẳng được sinh về Tịnh Thổ”. Đây là thuyết hư vọng, chẳng thể tin vậy.

Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là **Nhiếp Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại nói **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Hỏi rằng: “Nay đã nói 48 Nguyên của Di Đà nhiếp tất cả chúng sinh được sinh về Tịnh Thổ. Nhưng chưa biết chúng sinh của nhóm nào được sinh ? Lại là **Nhân** (hetu) nào bảo chứng để được sinh ?”

Đáp rằng: “Tức như **Quán Kinh** nói rằng: Đức Phật bảo Vi Đề: “Nay bà biết chăng ! Đức Phật A Di Đà cách chôn này chẳng xa, bà nên gom niệm quán sát kỹ lưỡng nước ấy sẽ thành **Tịnh Nghiệp**, cũng khiến cho tất cả phàm phu đời vị lai được sinh về cõi nước Cực Lạc ở phương Tây”

Nay dùng chứng cứ của Kinh này, chỉ là sau khi Đức Phật diệt độ, phàm phu nương vào sức Nguyên của Đức Phật, quyết định được vãng sinh. Tức là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại hỏi rằng: “Đức **Thích Ca** (Śākya-muṇi) thuyết giáo, bày cho chúng sinh tỏ ngộ. Vì sao một loại gieo trồng **Phật Pháp** (Buddha-dharma) lại có người tin, người chẳng tin cùng nhau giễu cợt, hủy báng ? Có nguyên nhân gì chăng ?”

Đáp rằng: “Căn Tính của Phàm Phu có hai loại. Một là người có Tính thiện, hai là người có Tính ác.

Người có Tính thiện:

- 1_ Người thiện, nghe xong liền buông bỏ điều ác (ác), làm điều lành (thiện)
- 2_ Người thiện, buông bỏ điều Tà bậy (tà), làm điều chân chính (chính)
- 3_ Người thiện, buông bỏ điều hư giả (hư), làm điều thật thà (thật)
- 4_ Người thiện, buông bỏ điều sai (phi), làm điều đúng (thị)
- 5_ Người thiện, buông bỏ điều dối trá (ngụy), làm điều chân thật (chân)

Năm loại người này, nếu hay quy Phật liền hay lợi mình lợi người. Tại nhà hành Hiếu Thảo, bên ngoài cũng lợi cho người khác. Ngay điều mong ước, làm nơi tín nhiệm. Tại **Triều Đình** gọi là **Quân Tử**, phụng sự vua hay tận lòng trung. Cho nên gọi là **Tự Tính Thiện Nhân**.

Nói người có Tính ác:

- 1_ Người ác, liền chê bai điều chân thật (chân), làm điều dối trá xấu xa (ngụy ác)
- 2_ Người ác, chê bai điều chân chính (chính), làm điều xấu xa (ác)

3_ Người ác, chê bai điều đúng (thị), làm điều sai (phi)

4_ Người ác, chê bai điều thật thà (thật), làm điều hư giả xấu xa (hư ác)

5_ Người ác, chê bai điều lành (thiện), làm điều ác (ác)

Lại năm loại người này, nếu muốn nguyện quy Phật thì chẳng thể lợi mình, cũng chẳng lợi cho người khác. Lại ngay tại nhà thì **Bất Hiếu**. Tại điều mong ước, không có sự tín nhiệm. Tại Triều Đình gọi là **Tiểu Nhi**, phụng sự vua thường ôm giữ điều nịnh hót (siểm nịnh), nói điều **bất trung**. Lại nhóm người này đối với người Hiền Đức khác, trên thân của người thiện chỉ hay làm cho đổ nát, biến điều đúng thành điều sai, chỉ nhìn thấy điều xấu xa của kẻ khác... Cho nên gọi là **Tự Tính Ác Nhân**.

Lại bên trên, cho đến chư Phật Hiền Thánh, Người, Trời, tất cả người lương thiện trong sáu đường thì nhóm người ác này luôn quở trách sỉ nhục. Các bậc có Trí nên biết vậy. Nay mỗi mỗi dẫn đầy đủ Đạo Lý hiển nhiên của hai loại người có Tính thiện, Tính ác

Đã trả lời câu hỏi bên trên xong

— Lại bên dưới, **Kinh** nói rằng: Đức Phật bảo Vi Đề: “Bà với chúng sinh chuyên Tâm gom niệm vào một chỗ, tướng ở phương Tây, cây phướng vàng bên dưới mặt đất, mọi báu trang nghiêm trên mặt đất”. Bên dưới đến 13 Quán trở đi, trả lời chung cho hai việc thưa thỉnh của bà Vi Đề, dùng để minh chứng, muốn khiến cho phàm phu thiện ác hồi Tâm khởi Hạnh, cuối cùng được vãng sinh. Đây cũng là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: “Cõi nước mọi báu có 50 ức lâu gác báu. Trong lâu gác ấy có vô lượng người Trời tấu kỹ nhạc của cõi Trời. Trong mọi âm thanh này đều nói **niệm Phật Pháp Tăng**. Tướng này thành xong, khi mạng sắp hết thời quyết định sinh về nước ấy”. Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như bên dưới, **Kinh** nói rằng: Đức Phật bảo A Nan (Ānanda): “Nhu bông hoa màu nhiệm (diệu hoa) này vốn là sức nguyện của Tỳ Khưu **Pháp Tạng** (Dharmākara) tạo thành. Nếu người muốn niệm Đức Phật ấy, trước tiên nên tác tướng **tòa hoa** này, mỗi mỗi quán sát đều khiến cho rõ ràng. Tướng này thành xong, ắt quyết định sẽ sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī)”. Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **Vô Lượng Thọ Kinh** nói rằng: Đức Phật bảo A Nan: “Nếu có chúng sinh sinh về nước ấy, thấy đều trụ ở nhóm Chính Định, mười phương chư Phật đều cùng nhau khen ngợi Đức Phật ấy. Nếu có chúng sinh nghe danh hiệu của Đức Phật ấy mà Tâm tin tưởng, vui vẻ cho đến một niệm nguyện sinh về nước ấy, liền được vãng sinh, trụ **Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika)”. Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **chín Phẩm** của **Quán Kinh** nói rằng: “Trong mỗi một Phẩm đã báo cho chúng sinh đều là: *Hoặc Đức Phật trụ ở đời, hoặc sau khi Đức Phật diệt độ. Phàm phu năm trước gặp bậc Thiện Tri Thức khuyên khiến sinh niềm tin, trì Giới, niệm Phật, tụng Kinh, lễ tán, quyết định vãng sinh. Do sức Nguyện của Phật, cuối cùng được vãng sinh*”. Đây cũng là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại như **Di Đà Kinh** nói rằng: “Sáu phương đều có hằng hà sa đảnh chư Phật, đều đuổi cái lưới che trùm khắp ba ngàn Thế Giới, nói lời thành thật :”*Hoặc Đức Phật trụ ở đời, hoặc sau khi Đức Phật diệt độ. Tất cả phàm phu gây tạo tội chỉ hồi Tâm niệm A Di Đà Phật, nguyện sinh về Tịnh Thổ. Bên trên hết một trăm năm, bên dưới đến 7 ngày, một ngày niệm 10 tiếng, ba tiếng, một tiếng... khi mạng sắp hết thời Đức Phật cùng với chúng Thánh tự đi đến nghênh tiếp, liền được vãng sinh*”

Như bên trên, chư Phật ở sáu phương đuổi cái lưới, quyết định vì phàm phu làm chúng là *tội diệt được sinh*. Nếu chẳng y theo điều này được sinh thì chư Phật ở sáu phương một khi đuổi cái lưới ra thì cuối cùng chẳng thể quay lại nhập vào cái miệng được, tự nhiên bị hoại nát. Đây cũng là **Chứng Sinh Tăng Thượng Duyên**.

Lại kính bạch với tất cả người vãng sinh. Nếu nghe lời này, liền nên buồn than, rơi lệ. Nhiều kiếp, nhiều đời tan thân, nát xương báo đáp Ân của Phật. Về sau noi theo, xứng với Bản Tâm, khởi dũng cảm, lại càng có Tâm kiêng sợ điều nhỏ nhiệm.

Lại bạch với các Hành Nhân. Tất cả phàm phu có tội ác còn được diệt tội, chứng nhiếp, được sinh. Huống chi là Thánh Nhân, nguyện sinh mà chẳng được đi ư.

Phân bên trên, trả lời chung cho việc hỏi lúc trước “*Nhiếp chúng sinh của nhóm nào được sinh về Tịnh Thổ*”.

Xong nghĩa của năm loại **Tăng Thượng Duyên**

Hỏi rằng: “Đức Thích Ca hiện ra, vì hóa độ phàm phu năm trước, liền dùng Từ Bi mở bày (**khai thị**) quả báo của người có mười ác phải chịu khổ trong ba đường (địa ngục, quỷ đói, súc sinh). Lại dùng **Trí Tuệ bình đẳng** tỏ ngộ, nhập vào (**Ngộ Nhập**) Người, Trời quay về sinh vào nước của Đức Phật Di Đà. Văn nghĩa của các Kinh **Đốn Giáo** rõ ràng như thế. Nay còn có người không chịu nhìn lại, ghen ghét chẳng tin, cùng nhau chế diễu. Chẳng biết người này, lúc còn sống với sau khi chết bị tội báo gì ? Dấn đầy đủ Kinh Phật cùng với điều ấy để minh chứng, khiến cho cái hối, tin tưởng Đại Thừa, quay lại sinh về Tịnh Thổ. Tức làm lợi ích vậy”

Đáp rằng: “Y theo Kinh của Phật trả lời. Lại người ác này như bên trên, trong phần **năm Tánh ác** đã nói xong. Nay dẫn thẳng Kinh Phật dùng để minh chứng.

Tức như **Thập Vãng Sinh Kinh** nói rằng: Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ Bồ Tát: “Nay ông vì hóa độ tất cả chúng sinh, cần phải thọ trì Kinh này”

Đức Phật lại bảo Sơn Hải Tuệ: “Kinh này có tên là **Quán A Di Đà Phật Sắc Thân Chính Niệm Giải Thoát Tam Muội Kinh**, cũng có tên là **Độ Chư Hữu Lưu Sinh Tử Bát Nạn Hữu Duyên Chúng Sinh Kinh**...Như vậy mà thọ trì. Chúng sinh chưa có **Niệm Phật Tam Muội Duyên** thì Kinh này hay cho tạo mở **Môn Đại Tam Muội** (Mahā-samādhi-mukha). Kinh này hay cho chúng sinh đóng bít cửa Địa Ngục. Kinh này hay cho chúng sinh trừ khử người gây hại, Quỷ ác...diệt hết bốn hướng thấy đều an ổn”

Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ: “Như Ta đã nói nghĩa ấy như vậy”

Sơn Hải Tuệ Bồ Tát bạch Phật rằng: “Chúng sinh đời vị lai, phần lớn có sự phi báng. Người như vậy thời sau này như thế nào?”

Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ Bồ Tát: “Sau này, ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jambudvīpa) hoặc có Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, hoặc nam hoặc nữ thấy có người đọc tụng Kinh này...hoặc đem Tâm giận dữ, ôm ấp phi báng. Do duyên chê bai Chính Pháp cho nên người này trong đời hiện tại bị các bệnh ác nặng nề, thân căn chẳng đủ. Hoặc bị bệnh điếc, bệnh mù, bệnh mất bộ sinh dục, Quỷ, My, Tà, gió mạnh bạo, lạnh, nóng, bệnh trĩ, bệnh toàn thân sưng phù, mất Tâm....Các bệnh ác nặng nề của nhóm như vậy, đời đời ở tại thân, chịu khổ đau như vậy, ngồi nằm chẳng yên, đi tiểu đi cầu cũng chẳng thông,

cầu sống chẳng được, cầu chết chẳng xong. Do phi báng Kinh này cho nên chịu khổ như vậy.

Hoặc lúc chết bị đọa vào Địa Ngục, ở trong tám vạn kiếp nhận chịu đại khổ não, trăm ngàn vạn đời chưa từng nghe tên gọi của nước với thức ăn. Do chê Kinh này cho nên chịu tội như vậy.

Hoặc khi được thoát ra, sinh trong cõi người, làm trâu, ngựa, heo, dê... bị người giết hại, chịu đại khổ não.

Vì chê bai Kinh này, cho nên lúc sau được thân người, thường sinh vào nhà hèn kém, trăm ngàn vạn đời chẳng được tự tại, trăm ngàn vạn đời chẳng nhìn thấy danh tự của Tam Bảo. Vì chê bai Kinh này cho nên chịu khổ như vậy. Chính vì thế cho nên trong đám người không có Trí thì đừng nói **Chính Quán Chính Niệm** của Kinh này. Người như vậy chẳng tin Kinh này sẽ bị đọa vào Địa Ngục. Kẽ kia, người này kính trọng sẽ được Chính Giải Thoát, sinh về nước của Đức Phật A Di Đà”.

Lại lại dùng chứng cứ của Kinh này, cho nên biết **kẻ hủy kính** thời Đức Phật ghi nhận sự **Tổn Ích** chẳng hư dối. Nên biết đã trả lời đủ câu hỏi lúc trước xong.

Lại hỏi: “Nếu sau khi Đức Phật diệt độ, tất cả phàm phu thiện ác, phát Tâm Bồ Đề, nguyện sinh về nước của Đức Phật A Di Đà, ngày đêm gom Tâm, át một đời này, xưng quán lễ tán, hương hoa cúng dường Đức Phật A Di Đà với Quán Âm, chúng Thánh, Tịnh Thổ trang nghiêm, niệm niệm quán tưởng, Tam Muội... hoặc được thành, hoặc chưa được thành thời đời hiện tại được Công Đức gì ? Dẫn đầy đủ Kinh Phật dùng để minh chứng, muốn khiến cho Hành Nhân tu học vui vẻ, yêu thích, tin nhận, phụng hành”

Đáp rằng: “Thật thích thay ! Đã hỏi nghĩa này. Tức là đóng bít hẳn **Nhân Hạnh** của sáu đường sinh tử, vĩnh viễn mở Yếu Môn của **Thường Lạc Tịnh Thổ**, chẳng phải trực tiếp với A Di Đà xưng Nguyện, cũng là chư Phật khắp đều đồng đón mừng. Nay y theo Kinh, trả lời đầy đủ.

Tức như **Bát Chu Tam Muội Kinh** nói: Đức Phật bảo Bát Đà Hòa Bồ Tát: “Ở trong **Niệm Phật Tam Muội** này, có bốn việc cúng dường *thức ăn uống, quần áo, vật dụng nằm nghỉ, thuốc thang* trợ giúp cho người ấy vui vẻ. Chư Phật quá khứ trì giữ **Niệm Phật Tam Muội** này, bốn việc trợ giúp cho vui vẻ, đều được thành Phật. Mười phương chư Phật hiện tại cũng trì giữ **Niệm Phật Tam Muội** này, bốn việc trợ giúp cho vui vẻ, đều được làm Phật.

Đức Phật bảo Bát Đà Hòa: “**Niệm A Di Đà Phật Tam Muội** này, bốn việc trợ giúp cho vui vẻ. Ta ở trong Tam Muội này, nói chút ít thí dụ so sánh với Công Đức của **Niệm Phật**. Ví như người sống đến trăm tuổi, cũng **sinh** tức hay đi dần đến **cái già**, vượt qua gió bệnh tật... có người nào có thể tính đếm được Lý của lối đi ấy chẳng?”

Bát Đà Hòa bạch rằng: “Không ai có thể tính đếm được”

Đức Phật nói: “Cho nên Ta nói ông với các hàng Bồ Tát. Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện chọn lấy châu báu chứa đầy bên trong chỗ hành của người đầy đem dùng bố thí thì Công Đức có được chẳng như có người nghe Niệm A Di Đà Phật Tam Muội này với bốn việc cúng dường trợ giúp cho vui vẻ. Công Đức ấy vượt hơn kẻ bố thí ngàn vạn ức lần, cũng chẳng thể so sánh được.

Đức Phật nói: “Cách nay rất lâu xa chẳng thể tính đếm A Tăng Kỳ Kiếp, có Đức Phật hiệu là **Tur Ha Đề**, cõi nước tên là **Bát Đà Hòa**. Có vị Chuyển Luân Vương tên là **Tur Linh** đi đến nơi Đức Phật ngự. Đức Phật biết ý của nhà vua, liền vì nhà vua nói **Niệm Phật Tam Muội** này với bốn việc cúng dường trợ giúp cho vui vẻ. Nhà vua nghe xong rất vui vẻ, liền đem mọi loại châu báu rải bên trên Đức Phật.

Nhà vua tự Nguyên rằng: “*Trì giữ Công Đức này khiến cho Người, Trời ở mười phương đều được an ổn*”

Đức Phật nói: “Sau khi vị vua ấy chết thì quay trở lại tự sinh vào nhà ấy làm vị Thái Tử tên là **Phạm Ma Đạt**. Thời có vị Tỳ Khuru tên là **Trần Bảo** thường vì bốn Bộ Đệ Tử nói **Niệm Phật Tam Muội** này. Khi nhà vua nghe được bốn việc trợ giúp cho vui vẻ, liền đem vật báu rải bên trên vị Tỳ Khuru, lại đem quần áo cúng dường. Nhà vua cùng với người Trời ở chỗ của vị Tỳ Khuru xin xuất gia, cầu học **Niệm Phật Tam Muội** này, trải qua tám ngàn năm, ngày đêm không có lười biếng, chỉ được một lần nghe **Niệm Phật Tam Muội** này, liền nhập vào Trí cao minh. Về sau liền nhìn thấy sáu vạn tám ngàn chư Phật, ở mỗi một chỗ của Phật đều nghe **Niệm Phật Tam Muội** này, được thành Phật Quả”.

Đức Phật nói: “Nếu có người ở cách xa trăm dặm, ngàn dặm, bốn ngàn dặm muốn nghe **Niệm Phật Tam Muội** này ắt đi đến cầu xin, hưởng chi là người gần gũi mà chẳng chịu cầu học”

Lại bạch với các người vãng sinh. Phần bên trên đã dẫn lời dạy bảo của Đức Phật dùng để minh chứng, mỗi mỗi đầy đủ như trong **Tứ Sự Cúng Dường Phẩm** nói.

— Hỏi rằng: “Dựa y theo lời dạy bảo của Đức Phật, siêng năng khổ hạnh, ngày đêm sáu Thời lễ niệm, hành Đạo, quán tưởng, chuyển tụng, Trai Giới, một lòng chán ghét sinh tử, sợ khổ trong ba đường... ắt hết một đời thê sinh vào Tịnh Thổ, cõi nước của Đức Phật Di Đà. Lại sợ tai họa dư thừa, làm sao trừ diệt được?!... Dẫn đầy đủ Kinh Phật mà bày cho phương pháp ấy”

Đáp rằng: “Y theo Kinh Phật trả lời. Tức như **Quán Phật Tam Muội Hải Kinh** nói: Đức Phật vì vua cha với Đại Chúng nói: “Quá khứ có Đức Phật tên là **Không Vương** (Śūnya-rāja). Khi **Tượng Pháp** (Saddharma-pratirūpaka) trụ ở đời thời có bốn vị Tỳ Khuru phá Giới phạm tội nặng. Thời Đức Phật **Không Vương** ban đêm ở trong hư không phát ra tiếng nói, bảo bốn vị Tỳ Khuru rằng: “*Tội các ngươi đã phạm, gọi là **chẳng thể cứu**. Muốn diệt tội thì có thể vào trong Tháp của Ta, quán hình tượng của Ta, chỉ Tâm sám hối thì có thể diệt được tội này*”

Thời bốn vị Tỳ Khuru đều buông bỏ vạn sự, một lòng tuân phụng lời dạy bảo, vào cái Tháp, ở trước tượng Phật, tự đánh mình sám hối, như ngọn núi lớn sạt lở, uyển chuyển ở mặt đất, kêu khóc hướng về Đức Phật, ngày đêm nối tiếp nhau, đến khi chết làm hạn kỳ. Buông bỏ mạng xong, sau đó được sinh về nước của Đức Phật Không Vương”.

Nay dùng chứng cứ của Kinh này, nhóm Hành Giả khi muốn sám hối, cũng y theo **Giáo Pháp Môn** này.

— Đức Phật nói: “Nếu sau khi Ta diệt độ, các Đệ Tử của Phật buông lìa các điều ác, ưa thích chút ít **Pháp của lời nói** (ngữ pháp) này, ngày đêm sáu Thời, hay ở một Thời chia làm chút ít Thời. Trong phần chút ít, ở trong chốc lát, niệm **Bạch Hào** (Uṇṇa: Sợi lông trắng xoay vòng theo bên phải ở Tam Tinh) của Đức Phật. Nếu chẳng nhìn thấy thì người của nhóm như vậy trừ khử được tội trong 69 ức na do tha hằng hà sa vi trần Kiếp sinh tử.

Nếu lại có người nghe **Bạch Hào** này mà Tâm chẳng nghi sợ, vui vẻ tin nhận thời người này cũng trừ được tội trong 80 ức Kiếp sinh tử.

Nếu các Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni. Hoặc người nam người nữ... phạm tội của nhóm **bốn căn bản, mười ác... năm tội nghịch** với chê bai Đại Thừa. Các người như vậy nếu hay sám hối, ngày đêm sáu Thời, thân tâm chẳng ngưng nghỉ, cúi năm vóc sát

đất như ngọn núi lớn sạt lở, kêu khóc rơi lệ, chấp tay hướng về Đức Phật, niệm ánh sáng từ tướng Bạch Hào ở tam tinh của Đức Phật, một ngày đến bảy ngày thời bốn loại tội lúc trước có thể được nhẹ nhàng nhỏ nhiệm.

Người quán **Bạch Hào** mà mờ tối chẳng nhìn thấy thời nên vào trong cái Tháp, quán Bạch Hào ở tam tinh, một ngày đến ba ngày, chấp tay khóc lóc. Lại tạm nghe cũng trừ được tội trong ba Kiếp.

Đức Phật bảo vua cha với răn dạy A Nan: “Nay Ta vì ông ắt hiện ánh sáng của thân tướng. Nếu có kẻ chẳng có Tâm lành, hoặc hủy hoại Cấm Giới của Phật...nhìn thấy Phật đều chẳng giống nhau”

Thời năm trăm vị Thích Tử nhìn thấy sắc thân của Đức Phật giống như người có màu xám tro. Một ngàn vị Tỳ Khuru nhìn thấy Đức Phật giống như đất màu đỏ. 16 vị Cư Sĩ, 24 người nữ nhìn thấy Đức Phật thuần màu đen. Các vị Tỳ Khuru Ni nhìn thấy Đức Phật như màu bạc trắng.

Thời các bốn Chúng bạch Phật: “*Nay con chẳng nhìn thấy hình sắc màu nhiệm của Đức Phật*” rồi tự bứt tóc trên đầu, cúi thân sát đất, kêu khóc tuôn lệ, tự đánh đập uyển chuyển.

Đức Phật nói: “Này Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai hiện ra, chính vì trừ diệt tội lỗi của các người. Nay người có thể xưng bầy Đức Phật quá khứ, vì Phật làm lễ, nói tội Tà Kiến trong đời trước của người. Người nên hướng về chúng Đại Đức Tăng, tỏ bày hối lỗi, tùy thuận theo lời của Đức Phật, ở trong Pháp Chúng của Phật, cúi năm vóc sát đất như ngọn núi lớn sạt lở, nhìn thấy sắc thân của Đức Phật, Tâm rất vui vẻ”

Đức Phật bảo các Tỳ Khuru: “Các người trong vô lượng kiếp của đời trước: Tà Kiến, nghi ngờ Thầy không có Giới hư giả nhận lấy của Tín Thí. Do nhân duyên này cho nên bị rơi vào nẻo Quỷ đói, Địa Ngục chịu đau khổ suốt tám vạn năm. Nay tuy được ra khỏi, ở vô lượng đời chẳng nhìn thấy chư Phật, chỉ nghe tên của Phật. Nay nhìn thấy thân Phật như màu đất đỏ, dài đứng năm thước. (xích: thước Tàu)”

Đức Phật nói lời ấy xong thì một ngàn vị Tỳ Khuru hướng về Đức Phật sám hối, cúi năm vóc sát đất như ngọn núi lớn sạt lở, buồn khóc rơi lệ. Giống như gió thổi mây nặng bay tứ tán, hiển phát khuôn mặt vàng ròng. Đã nhìn thấy Đức Phật xong, Tỳ Khuru vui vẻ phát Tâm Bồ Đề.

Đức Phật bảo với vua cha: “Một ngàn vị Tỳ Khuru này, ân cần cầu Pháp, Tâm không có lười nghỉ. Đức Phật ban cho Thọ Ký, đồng tên hiệu là **Nam Mô Quang Chiếu Như Lai**”

Pháp Sám Hối lúc trước được trích ra từ quyển 02, 03 của **Quán Phật Tam Muội Hải Kinh**. Phẩm **Mật Hạnh** quyển 12, 10 của **Phật Thuyết Quán Phật Tam Muội Hải Kinh**.

Đức Phật bảo A Nan: “Chúng sinh đời vị lai, có người được **Niệm Phật Tam Muội** này, người quán các tướng tốt của Phật, người được **Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội**...nên dạy bảo người này, giữ kín thân miệng ý, đừng khởi Tà Mệnh, đừng sinh công cáo. Nếu khởi Pháp Tà Mệnh với Cống Cao, nên biết người này là **Tăng Thượng Mạn**, phát diệt Phật Pháp, phần lớn khiến cho chúng sinh khởi Tâm chẳng lành, loạn hòa hợp tăng, hiền điều kỳ dị mê hoặc Chúng, là bạn của Ác Ma. Nhười ác như vậy, tuy lại niệm Phật nhưng bị mất vị Cam Lộ. Nơi người này sinh ra, do cống cao cho nên thân luôn nhỏ thấp, sinh vào nhà hèn kém, nghèo túng suy bại, dùng vô lượng nghiệp ác để nghiêm sức. Như mọi loại Chúng này, nhiều việc ác...nên tự phòng hộ, vĩnh viễn khiến cho chẳng sinh. Nếu khởi nghiệp Tà Mệnh đầy thì nghiệp Tà Mệnh này giống như con voi điên phá hoại ao hoa sen. Nghiệp Tà Mệnh này cũng lại như vậy, làm bại hoại căn lành”.

Đức Phật bảo A Nan: “Nếu có người niệm Phật, nên tự phòng hộ, đừng khiến phóng dật. Người **Niệm Phật Tam Muội** nếu chẳng phòng hộ **cống cao, Tà Mệnh** thì gió ác thổi lửa kiêu mạn thiêu đốt diệt hết Pháp lành. **Pháp lành** (Thiện Pháp: Kusala-dharma) là tất cả vô lượng Thiền Định, các Pháp niệm Phật...từ Tâm tướng sinh. Đây gọi là **Công Đức Tạng**”

Đức Phật bảo A Nan : “Kinh này có tên là **Hệ Tướng Bất Động** (*cột buộc Tướng chẳng cho lay động*), như vậy thọ trì. Cũng có tên là **Quán Phật Bạch Hào Tướng** (*quán tướng Bạch Hào của Đức Phật*), như vậy thọ trì. Cũng có tên là **Nghịch Thuận Quán Như Lai Thân Phần** (*Quán thuận, quán nghịch thân phần của Như Lai*). Cũng có tên là **Nhất Nhất Mao Khổng Phân Biệt Như Lai Thân Phần** (*Mỗi một lỗ chân lông phân biệt thân phần của Như Lai*). Cũng có tên là **Quán Tam Thập Nhị Tướng Bất Thập Tùy Hình Hảo Chư Trí Tuệ Quang Minh** (*Quán các ánh sáng Trí Tuệ của 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình của Đức Phật*). Cũng có tên là **Quán Phật Tam Muội Hải** (*Quán biển Tam Muội của Phật*). Cũng có tên là **Niệm Phật Tam Muội Môn** (*Môn niệm Phật Tam Muội*). Cũng có tên là **Chư Phật Diệu Hoa Trang Nghiêm Sắc Thân Kinh** (Kinh Sắc Thân được trang nghiêm bằng hoa màu nhiệm của chư Phật). Ông nên ưa thích thọ trì, cẩn thận đừng để cho quên mất”

Lại như **Phẩm Tế Long** của **Đại Tập Kinh** nói: “Thời **Sa Già La Long Vương** (Sāgara-nāga-rāja) thỉnh Đức Phật vào cung, bày cúng dường. Đức Phật nhận lời thỉnh của vua Rồng. Khi Đức Phật cùng với chúng Thánh ăn xong thời Đại Long Vương lại thỉnh cầu nói Pháp.

Thời vị Thái Tử của vua Rồng tên là **Hoa Diện** tự đứng dậy trước mặt Đức Phật dùng bốn chi bố thí, phát tiếng buồn bã sám hối: “*Quá khứ đã gây nên nghiệp tội gì mà phải nhận thân Rồng này ?!...*”

Lại dùng chứng cứ của Kinh này, cũng là phương pháp **Sám Hối Chí Thành**. Nên biết bên trong tất cả Kinh đều có văn này nên chẳng thể ghi chép rộng rãi. Nay lược sao chép ba bộ Kinh đem bày với người Hậu Học trừ kẻ chẳng chí Tâm. Tác Giả đều biết Đức Phật chẳng có lời nói hư giả.

Lại như **Mộc Hoạn Kinh** nói: Thời có Nan Đà Quốc Vương tên là **Ba Lưu Ly** sai vị Sứ Giả đi đến nơi Đức Phật ngự, đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật, rồi bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Nước của con là một nước nhỏ ở biên thùy, nhiều năm bị giặc cướp năm loại lúa đậu nên giá cả cao vọt lên, bệnh dịch lưu hành, người dân khốn khổ. Con luôn chẳng được nằm yên. Pháp Tạng của Đức Như Lai, phần lớn rất sâu rộng, con bận lo lắng công việc nên chẳng tu hành được. Nguyên xin Đức Thế Tôn đặc biệt rủ lòng Từ Mẫn, ban cho con Pháp thiết yếu, khiến cho con ngày đêm dễ tu hành, trong đời vị lai lìa hẳn mọi nỗi khổ”

Đức Phật bảo vị Sứ Giả rằng: “Hãy nói với Đại Vương của Khanh. Nếu muốn diệt **Phiền Não Chướng** (Kleśāvaraṇa), **Báo Chướng** (Vipākāvaraṇa) thì nên xỏ xâu 108 hạt **Mộc Hoạn** (Aṣṭa) xong, thường tự mang theo. Hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm luôn luôn nên chí Tâm, không có chia tán Ý, miệng xưng tên của **Phật Đà** (Buddha: Phật), **Đạt Ma** (Dharma: Pháp), **Tăng Già** (Saṃgha: Tăng) thì lần qua một hạt Mộc Hoạn. Như vậy hoặc 10, 20... hoặc 100, hoặc 1000 rồi đến trăm ngàn vạn. Nếu hay đủ 20 vạn biến, Thân Tâm chẳng loạn, không có các điều quanh co lừa dối thì khi buông xả mạng sẽ được sinh lên cõi Trời **Diêm Ma** (Yama) thứ ba, tự nhiên có quần áo, thức ăn thường thọ nhận an vui, được đoạn trừ 108 Kết Nghiệp, quay lưng với dòng sinh tử, hướng đến **Đạo Niết Bàn** (Nirvāṇa-mārga), được quả Vô Thượng.

Vị Sứ Giả quay trở về tâu trình lên nhà vua. Vị vua rất vui vẻ, cúi đầu mặt lễ Đức Phật, từ xa bạch rằng: “*Thế Tôn ! Đỉnh Thọ Tôn Giáo, con sẽ phụng hành*”. Liền ban sắc lệnh cho người dân mua bán hạt Mộc Hoạn dùng làm ngàn vật dụng, sáu Thân quốc thích đều cho một vật dụng. Nhà vua thường tụng niệm, tuy gần gũi với quân lữ cũng chẳng bỏ phé. Lại tác niệm này: “*Đức Thế Tôn Đại Từ ứng khắp tất cả. Nếu con khéo được điều này, được miễn khỏi biển khổ luân chuyển lâu dài. Xin Đức Như Lai hiện ra, vì con nói Pháp*”

Nhà vua dùng Nguyên vui ép Tâm, nhịn ăn ba ngày thời Đức Phật liền hiện thân cùng với chúng Thánh đi đến, vào bên trong cung, vì nhà vua nói Pháp”.

Lại dùng chứng cứ này, trực tiếp bày cho nhà vua **sự chân thật của Tâm**, niệm niệm trừ Chướng, Phật biết diệt tội, ứng niệm mà hiện. Nên biết như vậy.

QUÁN NIỆM A DI ĐÀ PHẬT TƯỞNG HẢI TAM MUỘI
CÔNG ĐỨC PHÁP MÔN
MỘT QUYỀN (Hết)

12/09/2011



BÀI KỆ CA NGÔI ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Hán văn: **Đàm Loan** Pháp Sư sáng tác

Việt dịch: HUYỀNTHANH

Nam mô A Di Đà Phật (Giải thích tên là **Vô Lượng Thọ** bên cạnh Kinh phụng tán, cũng nói là **an dưỡng**)

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**

Phương Tây hiện tại cách cõi này

Mười vạn ức cõi **An Lạc Độ**

Phật Thế Tôn hiệu **A Di Đà** (Amita)

Con nguyện vãng sinh, quy mệnh lễ

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc** (Sukhavatì)

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**

Thành Phật đã trải qua mười Kiếp

Thọ mệnh chính yếu không có lượng

Hào quang **Pháp Thân** tràn **Pháp Giới**

Chiếu đời tối tăm, nên đỉnh lễ

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**

Ánh sáng Trí Tuệ chẳng thể lường

Nên Phật có hiệu **Vô Lượng Quang** (Amitābha)

Biết lường các tướng được ánh sáng

Thế nên cúi lạy **Chân Thật Minh** (Đức Hiệu của Phật)

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**

Hào quang **Giải Thoát** không hạn đủ

Nên Phật có hiệu **Vô Biên Quang** (Amita-prabhāsa)

Người chạm ánh sáng, lìa **Có** (hữu) **Không** (Vô)

Thế nên cúi lạy **Bình Đẳng Giác** (Đức Hiệu của Phật)

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**

Mây sáng (quang vân) không ngại như hư không

Nên Phật có hiệu **Vô Ngại Quang** (Apratihata-raśmirāga-prabha)

Tất cả có ngại (hữu ngại) được sáng bóng

Thế nên đỉnh lễ **Nan Tư Nghị** (Đức Hiệu của Phật)

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ánh sáng trong sạch không có đối
Nên Phật có hiệu **Vô Đối Quang** (Asamāpta-prabha)
Gặp ánh sáng này, trừ Nghiệp buộc
Thề nên cúi lạy **Tất Cánh Y** (Đức Hiệu của Phật)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Phật Quang chiếu sáng đứng bậc nhất
Nên Phật có hiệu **Quang Diễm Vương** (Prabhā-śkotsrṣṭa-prabha)
Ba đường đen tối, được mờ sáng
Thề nên đỉnh lễ **Đại Ứng Cúng** (Đức Hiệu của Phật)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Hào quang **Đạo** sáng, màu siêu tuyệt
Nên Phật có hiệu **Thanh Tịnh Quang** (Śuddha-prabha)
Được ánh sáng chiếu, trừ tội cấu
Đều được giải thoát, nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Từ Quang xa phủ, ban an lạc
Nên Phật có hiệu **Hoan Hỷ Quang** (Pramuditā-prabha)
Nơi ánh sáng đến được Pháp vui
Cúi đầu đỉnh lễ **Đại An Ủy** (Đức Hiệu của Phật)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Phật Quang hay phá ám Vô Minh
Nên Phật có hiệu **Trí Tuệ Quang** (Prajña-prabha)
Tất cả chư Phật, chúng ba Thừa
Đều cùng khen ngợi, nên cúi lạy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ánh sáng chiếu khắp tất cả thời
Nên Phật có hiệu **Bất Đoạn Quang** (Nibandhanīya-prabha)
Hiệu sức ánh sáng, Tâm chẳng dứt
Đều được vãng sinh, nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ánh sáng, trừ Phật, không thể lường
Nên Phật có hiệu **Nan Tư Quang**
Chư Phật mười phương khen Vãng Sinh
Xưng Công Đức ấy, nên cúi lạy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Thần Quang lia tướng, chẳng thể gọi
Nên Phật có hiệu **Vô Xưng Quang**
Nhân **Quang** (ánh sáng) thành **Phật Quang** sáng chói
Chư Phật đã khen, nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Quang Minh chiếu sáng hơn nhật (mặt trời) nguyệt (mặt trăng)
Nên Phật có hiệu **Siêu Nhật Nguyệt Quang**
Phật **Thích Ca** khen, còn chẳng hết
Cho nên cúi lạy **Vô Đẳng Đẳng** (Đức Hiệu của Phật)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Thương sót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Quán Thế Âm**
Bồ Tát (Avalokiteśvara)
Nguyện cùng các chúng sinh.
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Đại Thế Chí Bồ**
Tát (Mahā-sthāma-prāpta)
Nguyện cùng các chúng sinh.
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **chư Bồ Tát**
Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Nguyện cùng các chúng sinh.
Sinh về nước **An Lạc**

_ Khắp vì Thầy, Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới... đoạn trừ ba chương, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**

A Di Đà Phật Sơ Hội Chúng

Thanh Văn, Bồ Tát... số vô lượng

Thần Thông xảo diệu, chẳng thể tính

Thế nên cúi lại Hội rộng lớn (quảng đại hội)

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**

An Lạc: vô lượng **Ma Ha Tát**

Đều là **Nhất Sinh Bồ Phật Xứ**

Trừ Bản Nguyên ấy, thề rộng lớn

Muốn độ thoát khắp các chúng sinh

Nhóm Công Đức của rừng báu này

Một lòng chấp tay, cúi đầu lễ

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**

An Lạc: vô lượng **Ma Ha Tát**

Các Thanh Văn của nước **An Lạc**

Hào quang một tâm như **Lưu Tinh**

Hào quang Bồ Tát bốn ngàn dặm

Như Trăng mùa Thu, ánh vành tía

Tập **Phật Pháp Tạng** vì chúng sinh

Nên con đỉnh lễ **Đại Tâm Hải**

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**

An Lạc: vô lượng **Ma Ha Tát**

Lại **Quán Thế Âm, Đại Thế Chí**

Ở trong chúng Thánh, đứng bậc nhất

Từ Quang chiếu sáng cõi **Đại Thiên**

Hầu hai bên Phật, hiển Thần Nghi

Độ kẻ có duyên chẳng tạm dừng

Như **Đại Hải Triều** (thủy triều của biển lớn) chẳng mất thời

Đại Bi, Đại Thế Chí như vậy

Một lòng cúi đầu mặt làm lễ

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**

Chúng sinh sinh về nước **An Lạc**

Thầy đều có đủ bẩy hai (32) Tướng

Trí Tuệ đầy đủ, vào Pháp sâu

Thông đạt **Đạo Yếu** chẳng thể tính
Tuỳ căn nhanh chậm (lợi độn) thành tựu **Nhẫn**
Hai **Nhẫn** cho đến chẳng thể tính
Túc Mệnh, năm Thông thường tự tại
Đến Phật chẳng vướng nẻo tạp ác
Trừ sinh phương khác, đời năm Trước
Thị hiện đồng như **Đại Mẫu Ni** (Đức Phật Thích Ca)
Sinh nước **An Lạc** thành lợi lớn
Thế nên chí tâm cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
An Lạc: Bồ Tát nương **Phật Thân** (Thân Lực của Phật)
Khoảng một bữa ăn đến mười phương
Số Thế Giới Phật chẳng thể đếm
Cung kính cúng dường các Như Lai
Hoa, hương, Kỳ Nhạc theo niệm hiện
Lọng báu, phướng, phan tùy ý tuôn
Trần Kỳ tuyệt thể không tên gọi
Rải hoa cúng dường báu thù di
Hoá thành lọng hoa, sáng chói soi
Hơi thơm xông ướp tràn vòng khắp
Lọng hoa, vật nhỏ...bốn trăm dặm
Cho đến che khắp một cõi Phật
Tuỳ trước sau, thứ tự hoá đi
Các Bồ Tát ấy đều vui thích
Ở trong hư không tấu nhạc Trời
Nhã Tán, Đức Tụng, khen **Phật Tuệ**
Nghe nhận Kinh Pháp, cúng dường xong
Chưa hết bữa ăn, bay trở lại
Thân Lực tự tại chẳng thể lường
Nên con đỉnh lễ **Vô Thượng Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Các Bồ Tát nước Phật **An Lạc**
Có thể tuyên nói tùy Trí Tuệ
Thân mình, vạn vật quên **Ngã Sở** (cái của Ta)
Sạch như hoa sen chẳng dính bụi
Đi, đến, tiến, dừng như bơi thuyền
Lợi an làm việc, buông ưa ghét
Đầy vậy, giống **rỗng** (Sūnya: Không), chặt **hai Tướng**
Thấp đuốc Trí Tuệ chiếu đêm dài
Ba Minh, sáu Thông đều đã đủ
Vạn Hạnh Bồ Tát thông tim mắt
Công Đức như vậy nhiều vô biên
Thế nên chí tâm cúi đầu lễ

Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
An Lạc: chúng Thanh Văn, Bồ Tát
Người, Trời: Trí Tuệ đều thông suốt
Thân tướng trang nghiêm không khác nhau
Chỉ thuận phương khác, nên bày tên
Dung nhan đoan chính không thể sánh
Hình vóc tinh vi khác Người, Trời
Thân của Hư Vô, **Thể Vô Cực**
Thế nên đỉnh lễ **Bình Đẳng Lực**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ỗ nguyện được sinh nước **An Lạc**
Thầy đều trụ ở nhóm **Chính Định**
Nước ấy **không** (không có) Tà Định, Bất Định
Chư Phật đều khen, nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Nghe được Phật Hiệu **A Di Đà**
Tâm tin, vui vẻ thích chỗ nghe
Cho đến một niệm chuyên chí tâm
Hồi hướng nguyện sinh, đều được đến
Chỉ trừ **năm Nghịch**, chê Chính Pháp
Nên con đỉnh lễ, nguyện vãng sinh
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
An Lạc: nhóm Bồ Tát, Thanh Văn
Ở Thế Giới này, không phương kia
Thích Ca Vô Ngại Đại Biện Tài
Sắp xếp, giả mượn bày chút phần
Đem người bần tiện so vua chúa
Vua chúa lại so **Kim Luân Vương**
Như vậy chuyển rộng đến sáu Trời
Thứ tự tướng hình như khởi đầu
Dùng sắc tượng Trời ví cõi ấy (cõi **An Lạc**)
Gấp ngàn vạn ức chẳng sánh bằng
Đều là Nguyện Lực **Pháp Tạng** (Dharma-kara) làm
Cúi đầu đỉnh lễ **Đại Tâm Lực**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Trời, Người, tất cả có chỗ tu
Thấy đều xưng muốn, nên nghĩ đến
Một báu, hai báu, vô lượng báu
Tuỳ Tâm hoá làm vật thọ dụng
Nhà cửa, ăn uống đều như thế
Nên con cúi lạy **Vô Xưng Phật**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Các kẻ vãng sinh đều đầy đủ
Sắc thân trong sạch không thể sánh
Thần Thông, Công Đức với cung điện
Trang phục trang nghiêm như sáu Trời
Ứng Khí (vật đựng thức ăn), bát báu tự nhiên đến
Món ăn trăm vị thoát chốc đầy
Thấy sắc, ngửi hương, Ý muốn ăn
Đột nhiên no đủ được vui thích
Ấy là trong sạch, không chỗ dính
Việc xong, hoá đi... Cần, hiện lại
Bình yên khoái lạc, đến **Nê Hoàn** (Nirvāṇa: Niết Bàn)
Thế nên chí tâm cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Mười phương cõi Phật: chúng Bồ Tát
Với các Tỳ Khưu sinh **An Lạc**
Vô lượng vô số chẳng thể tính
Đã sinh, đang sinh, với sẽ sinh
Đều từng cúng dường vô lượng Phật
Nhiếp lấy trăm ngàn Pháp bèn chắc
Đại Sĩ như vậy đều vãng sinh
Thế nên đỉnh lễ **A Di Đà**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Nếu nghe Đức Hiệu **A Di Đà**
Vui vẻ khen kính, tâm quy y
Đuối đến một niệm, được lợi lớn
Tức làm đầy đủ báu Công Đức
Giả sử lừa đầy cõi Đại Thiên
Cũng nên qua thẳng, nghe tên Phật
Nghe **A Di Đà** chẳng thoái lui
Thế nên chí tâm cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Thần Lực vô cực **A Di Đà**
Mười phương vô lượng Phật đã khen
Phương Đông: hằng sa các nước Phật
Bồ Tát vô số đều đến gần
Cũng lại cúng dường nước **An Lạc**
Bồ Tát, Thanh Văn, các Đại Chúng
Nghe nhận Kinh Pháp, tuyên Đạo hoá
Chín phương còn lại cũng như vậy
Thích Ca Như Lai nói **Kệ Tụng**
Vô lượng Công Đức nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Vô lượng chúng Bồ Tát đi đến
Gieo trồng gốc Đức, đến kính cúng
Hoặc tấu âm nhạc, ca... khen Phật
Hoặc tụng **Phật Tuệ** chiếu Thế Gian
Hoặc dùng áo, hoa Trời cúng dường
Hoặc nhìn **Tịnh Thổ**, hưng khởi Nguyên
Chúng Thánh như vậy đều hiện tiền
Nương tám **Phạm Thanh** (Tiếng Phạn) trao **Phật Ký**
Tất cả Bồ Tát Tăng...nguyện hành
Nên con đỉnh lễ **Bà Già Bà** (Bhagavam: Thế Tôn)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Khi Thánh Chủ Thế Tôn nói Pháp
Đại Chúng vân tập nhà bảy báu
Lúc đó bốn mặt khởi gió mát
Kích động cây báu tuôn **Diệu Hưởng** (âm thanh vang dội màu nhiệm)
Tiếng hoà vận cản ngăn **đàn sáo** (Mịch trúc)
Hơn **đá vàng** (Kim thạch: âm điệu của loại âm nhạc) không thể sánh so
Hoa Trời rơi rít theo gió thơm
Tự nhiên cúng dường thường chẳng dứt
Chư Thiên lại cầm hoa hương Trời
Trăm ngàn Kỹ Nhạc đem đến cúng
Công Đức như vậy, nhóm Tam Bảo
Nên con vân tượng lễ **Giảng Đường**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Diệu Thổ rộng lớn vượt hạn số
Bầu **báu tự nhiên** đã hợp thành
Sức **Bản Nguyện Phật** trang nghiêm khởi
Cúi lạy **Thanh Tịnh Đại Nhiếp Thọ**

Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Thế Giới sáng chói, thật siêu tuyệt
Vui thích bình yên, không bốn Thời
Viên mãn sức lợi mình lợi người
Quy mệnh phương tiện khéo trang nghiêm
Đất báu lặng yên, thật bằng phẳng
Không có núi, sông, gò, hang...ngăn
Như Thần Lực Phật, nên liền thấy
Cúi lạy **Bất Khả Tư Nghị Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Cây **Đạo** (Đạo thụ) cao bốn trăm vạn dặm
Chu vi rộng năm mươi Do Tuần
Cành lá bày hai mươi vạn dặm
Mọi **báu tự nhiên** đã hợp thành
Báu Nguyệt Quang Ma Ni Hải Luân
Vua của mọi báu dùng trang nghiêm
Giáp vòng xen rũ Anh Lạc báu
Trăm ngàn vạn loại màu khác lạ
Quang Diệm (Lửa của ánh sáng) sáng hơn ngàn mặt trời
Lưới báu vô cực che bên trên
Tất cả trang nghiêm tùy ứng hiện
Cúi đầu đỉnh lễ **Đạo Trường Thụ** (Cây Đạo Trường)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Gió nhẹ thổi cây, tuôn Pháp Âm
Lan khắp mười phương các cõi Phật
Nghe Âm này được **Pháp Nhẫn** sâu
Đến thành Phật Đạo chẳng gặp khổ
Thần Lực rộng lớn chẳng thể lường
Cúi đầu đỉnh lễ **Đạo Trường Thụ** (Cây Đạo Trường)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Mùi thơm (Hương), *hình sắc* (sắc), *tiếng* (thanh) của cây
Tiếp chạm (xúc), *ném* (vị) với *Pháp* (Pháp) của cây
Sáu Tình gặp gỡ, được **Pháp Nhẫn**
Nên con đỉnh lễ **Đạo Trường Thụ** (Cây Đạo Trường)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Nương cây Đạo Trường đối **sáu Căn**
Cho đến thành **Phật Căn** trong suốt
Âm hưởng nhu thuận **Vô Sinh Nhẫn**
Tuỳ sức *cạn, sáu* đều được chứng
Uy Đức cây này do đâu đến?
Đều là năm loại **Lực** Như Lai
Thần Lực, Bản Nguyện với đầy đủ
Biết rõ Nguyện cứu cánh bền chắc
Phương tiện Từ Bi chẳng thể xưng
Quy mệnh cúi lạy **Chân Vô Lượng**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Từ vua chúa đời đến sáu Trời
Âm nhạc chuyển nhiệm màu tám lớp
Chuyển rộng hơn trước gấp vạn ức
Cây báu: âm, đẹp tốt gấp bội
Lại có Diệu Kỳ Nhạc tự nhiên
Tiếng **Pháp Âm** hoà vui Tâm Thần
Ai Uyển (buồn thương uyển chuyển), Nhã Lượng (chính trực thành tín) vượt
mười phương
Nên con cúi lạy **Thanh Tịnh Nhạc**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Rừng cây bảy báu vòng Thế Giới
Sáng chói phát ánh tương rực rỡ
Hoa, quả, cảnh, lá trợ nhau làm
Cúi lạy **Bản Nguyện Công Đức Tự**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Gió mát mọi lúc thổi cây báu
Phát năm âm thanh **Cung, Thương** hoà
Nhã Khúc vi diệu tự nhiên thành
Nên con đỉnh lễ **Thanh Tịnh Luân**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Đất ấy rộng lớn không bờ mé
Mọi lưới vòng báu che bên trên
Dây vàng, châu ngọc, báu kỳ lạ
Báu chẳng có tên, làm trang sức
Giáp vòng bốn mặt treo chuông báu

Gió điều hoà thổi, tuôn Diệu Pháp
Hương Đức hoà nhã thường lưu bày
Người nghe, trần lao tập chẳng khởi
Gió này chạm thân được khoái lạc
Như Tỳ Khuru được **Diệt Tận Định**
Gió thổi, rải hoa đầy cõi Phật
Tuỳ màu, thứ tự chẳng tạp loạn
Chất hoa nhu nhuyễn rất thơm tho
Chân đạp lên, ngập sâu bốn ngón
Tuỳ lúc nhấc chân, lại như cũ
Dùng xong, đất mở, lấp không sót
Tuỳ thời tiết, sáu lần hoa rộ
Báo (quả báo) chẳng thể bàn, nên đỉnh lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Mọi hoa sen báu đầy Thế Giới
Một hoa có trăm ngàn ức cánh
Màu ánh sáng hoa nhiều vô lượng
Đỏ, tía, hồng, lục xen năm màu
Đẹp xinh, sáng rực rỡ, *Nhật Quang* (ánh sáng của mặt trời)
Thế nên một lòng cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ánh sáng phát ra trong mỗi hoa
Có ba mươi sáu trăm ngàn ức
Trong mỗi ánh sáng có thân Phật
Nhiều ít như ánh sáng đã phát
Thân Phật, tướng tốt như núi vàng
Mỗi mỗi phóng trăm ngàn ánh sáng
Khắp vì mười phương nói Diệu Pháp
Đều an chúng sinh nơi Phật Đạo
Thần Lực như vậy nhiều vô biên
Nên con quy mệnh **A Di Đà**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Lầu gác, điện, đường *phi công tạo* (chẳng phải mắt công làm ra)
Bảy báu tốt đẹp hoá tạo thành
Màn che xen ngọc **Minh Nguyệt Châu**
Đều có ao tắm, hình tượng xứng
Trong ao đầy *nước tám Công Đức*
Màu, vị thơm trong như **Cam Lồ** (Amṛta)
Ao bằng vàng chói, cát bạc trắng
Cát ao bảy báu trợ như đây

Cây thơm rữ bày trên bờ ao
Chiên Đàn thơm phức thường lưu hương
Hoa Trời tươi đẹp tô điểm rọi
Trên nước sáng rực như mây lành
Vô Lậu y quả, khó nghĩ bàn
Thế nên cúi lạy **Công Đức Tạng**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Bồ Tát, Thanh Văn vào ao báu
Tuỳ ý cạn sâu như mong muốn
Nếu cần rưới thân, tự nhiên rót
Nếu muốn chuyển lại, nước lui về
Điều hoà lạnh nóng luôn tương xứng
Thần mở, Thê vui, rửa Tâm dơ
Trong sáng, lặng trong như không hình
Thấu suốt cát bụi như chẳng sâu
Yên tĩnh hồi chuyển cùng rưới rót
Tốt đẹp vui vẻ hoà **Nhân Thân** (Thần khí của con người)
Vô lượng sóng nhẹ tuôn **Diệu Hưởng** (Tiếng vang màu nhiệm)
Tuỳ theo chỗ ứng, nghe Pháp Ngữ
Hoặc nghe Diệu Chương của Tam Bảo
Hoặc nghe **vắng lặng** (Śānti), **Không** (Śūnya: trống rỗng), **Vô Ngã** (Anātman)
Hoặc nghe vô lượng **Ba La Mật** (Pāramitā)
Lực (Bala), **Bất Cộng Pháp** (āveṇika-buddha-dharma), các **Thông Tuệ** (Thần Thông và Trí Tuệ)
Hoặc nghe **Vô Tác** (Akarmaka, hoặc Akṛtrima), **Vô Sinh Nhẫn** (Anutpattika-kṣānti)
Cho đến **Cam Lộ Quán Đỉnh Pháp** (Amṛtābhiṣeka-dharma)
Tuỳ *Căn, Tính, Dục* đều vui vẻ
Thuận tướng Tam Bảo, nghĩa chân thật
Lối Bồ Tát, Thanh Văn đã đi
Ở đây, tất cả đều nghe đủ
Bít hẳn tên nạn khổ **ba đường** (Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh)
Chỉ có âm khoái lạc tự nhiên
Thế nên, nước ấy hiệu **An Lạc**
Cúi đầu đỉnh lễ **Vô Cực Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Bản Sư **Long Thọ Ma Ha Tát**
Sinh hình tượng sửa sang suy bại
Đóng kín cửa Tà mở lối Chính
Là tất cả mắt **Diêm Phù Đề**
Lại nương Tôn gặp **Hoan Hỷ Địa** (pramuditā-bhūmi)
Quy **A Di Đà** sinh **An Lạc**
Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Ví như Rồng động, mây liền theo
Diêm Phù Đề phóng trăm cỏ mở
Nam mô **Từ Bi Long Thọ Tôn**
Chí tâm quy mệnh, cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Con từ Vô Thủy theo ba cõi
Bị vòng hư vọng cuốn chuyển hồi
Một niệm, một thời đã tạo Nghiệp
Đại Địa cột chân, vướng ba đường
Nguyện xin **Từ Quang** hộ niệm con
Khiến con chẳng mất **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Con khen âm Công Đức Phật Tuệ
Nguyện nghe các **Hữu Duyên** mười phương
Muốn được sinh về cõi **An Lạc**
Khắp đều như ý không chướng ngại
Hết thấy Công Đức, dù lớn nhỏ
Hồi thí tất cả cùng vãng sinh
Nam Mô **Bất Khả Tư Nghị Quang**
Một lòng quy mệnh, cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Mười phương, ba đời **Vô Lượng Tuệ**
Đồng nương **một Như** hiệu **Chính Giác**
Hai Trí viên mãn Đạo bình đẳng
Nhiếp hoá tùy duyên nên khác nhau
Con quy Tịnh Thổ **A Di Đà**
Tức là quy mệnh các nước Phật
Con dùng một Tâm khen một Phật
Nguyện khắp mười phương, người không ngại
Như vậy vô lượng Phật mười phương
Thấy đều chí tâm cúi đầu lễ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ **Tây Phương A Di Đà Phật**
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Quán Thế Âm Bồ Tát**
Nguyện cùng các chúng sinh.
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Đại Thế Chí Bồ Tát**
Nguyện cùng các chúng sinh.
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **chư Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng**
Nguyện cùng các chúng sinh.
Sinh về nước **An Lạc**

_ Khấp vì Thầy, Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới...đoạn trừ ba chương, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

BÀI KỆ CA NGỌI ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ
Hết

Tán gồm 195, **Lễ** gồm 51 bài

24/07/2011

VĂNG SINH LỄ TÁN KỆ _MỘT QUYỀN_

Hán văn: Tỳ Khưu THIỆN ĐẠO tập hợp ghi chép lại
Việt dịch: HUYỀN THANH

Khuyên tất cả chúng sinh nguyện sinh về nước của Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây.

Bài Kệ lễ tán trong sáu thời, kính y theo **Kinh Đại Nhật** (Mahā-vairocana-sūtra) với **Văng Sinh Lễ Tán** do ngài **Long Thọ** (Nāgārjuna), ngài **Thiên Thân** (Vasubandhu) và nhóm **Sa Môn** (Śramaṇa) ở chốn này (Trung Hoa) đã tạo ra, gom tập tại một chỗ, chia làm sáu Thời, chỉ muốn nối tiếp nhau cột buộc Tâm, trợ cho thành lợi ích sinh về Tịnh Thổ, cũng nguyện sớm tỏ ngộ điều chưa được nghe, thấm đượm lâu dài cho đời sau dùng tai để nghe điều ấy thế nào.

1_ Kính y theo **Kinh Đại Nhật**, **12 tên ánh sáng** được Đức **Thích Ca** (Śākya-muni) với chư Phật ở mười phương khen ngợi...Khuyên xưng lễ niệm, quyết định sinh về nước ấy. Lễ 19 bái ngay lúc mặt trời lặn

2_ Kính y theo **Kinh Đại Nhật**, gom chọn Văn thiết yếu dùng làm bài Kệ lễ tán. Lễ 24 bái ngay lúc đầu đêm

3_ Kính y theo bài Kệ **Nguyện Văng Sinh Lễ Tán** của **Long Thọ Bồ Tát**. Lễ 16 bái ngay lúc nửa đêm.

4_ Kính y theo bài Kệ **Nguyện Văng Sinh Lễ Tán** của **Thiên Thân Bồ Tát**. Lễ 20 bái ngay lúc sau đêm.

5_ Kính y theo bài Kệ **Nguyện Văng Sinh Lễ Tán** của **Ngạn Tông Pháp Sư**. Lễ 21 bái ngay lúc sáng sớm

6_ Bài Kệ **Nguyện Văng Sinh Lễ Tán** của Sa Môn **Thiện Đạo**. Kính y theo **16 Quán** làm, lễ 20 bái ngay giờ Ngọ

_ Hỏi rằng: “Nay muốn khuyên người văng sinh. Chưa biết nếu chưa an Tâm, khởi Hạnh làm Nghiệp, quyết định được sinh về cõi nước ấy vậy ?”

Đáp rằng: “Người chắc chắn muốn sinh về cõi nước ấy, như **Quán Kinh** nói *có đủ ba Tâm ắt được văng sinh*. Nhóm nào là ba ?

1_ **Tâm chí thành**, ấy là **Thân Nghiệp** lễ bái Đức Phật ấy, **Khẩu Nghiệp** tán tán xưng dương Đức Phật ấy, **Ý Nghiệp** chuyên niệm quán sát Đức Phật ấy. Phàm khởi ba Nghiệp, đều nên tu chân thật, cho nên gọi là Tâm chí thành.

2_ **Tâm thâm sâu** (thâm tâm) tức là Tâm tin chân thật, tin biết thân của mình là phàm phu có đầy đủ phiền não, căn lành mỏng thiếu. Nay tin biết **Bản Hoằng Thệ Nguyện** của Đức A Di Đà với xưng danh hiệu, bên dưới đến mười tiếng, một tiếng...quyết định được vãng sinh cho đến một niệm không có Tâm nghi ngờ. Cho nên gọi là Tâm thâm sâu

3_ **Tâm hồi hướng phát nguyện**. Tất cả căn lành đã làm, thấy đều hồi hướng, nguyện vãng sinh, cho nên gọi là Tâm hồi hướng phát nguyện.

Có đủ ba Tâm này ắt được vãng sinh. Nếu thiếu một Tâm tức chẳng được sinh, như **Quán Kinh** nói đủ, nên biết như vậy.

Lại như **Thiên Thân Tịnh Thổ Luận** nói rằng: “Nếu người có nguyện sinh về nước ấy. Khuyên tu năm Niệm Môn, nếu đủ năm Môn thì quyết định được vãng sinh. Nhóm nào là năm ?

1_ **Thân Nghiệp Lễ Bái Môn**. Ấy là một lòng chuyên chí cung kính chấp tay, đem hương hoa cúng dường, lễ bái Đức Phật A Di Đà. Lễ tức chuyên lễ Đức Phật ấy, hết mạng làm hạn kỳ, chẳng lẫn lộn với Lễ khác, cho nên gọi là **Lễ Bái Môn**.

2_ **Khẩu Nghiệp Tán Thán Môn**. Ấy là chuyên ý tán thán ánh sáng thân tướng của Đức Phật ấy, ánh sáng thân tướng của tất cả chúng Thánh với ánh sáng trang nghiêm của tất cả báu, cho nên gọi là **Tán Thán Môn**.

3_ **Ý Nghiệp Quán Sát Môn**. Ấy là chuyên Ý, niệm quán Đức Phật ấy với ánh sáng thân tướng của tất cả chúng Thánh, nhóm trang nghiêm của cõi nước...như **Quán Kinh** nói, chỉ trừ lúc ngủ, luôn nhớ, luôn niệm, luôn tưởng, luôn quán nhóm việc này, cho nên gọi là **Quán Sát Môn**.

4_ **Tác Nguyện Môn**. Ấy là chuyên Tâm, hoặc ngày hoặc đêm, tất cả thời xứ...ba Nghiệp, bốn uy nghi, Công Đức đã làm chẳng kể là chẳng đầu, khoảng giữa, chẳng sau đều nên trong Tâm chân thật, phát Nguyện nguyện sinh về nước ấy, cho nên gọi là **Tác Nguyện Môn**.

5_ **Hồi Hướng Môn**. Ấy là chuyên Tâm, hoặc căn lành mà mình tự làm với căn lành mà mỗi một nhóm Thánh Phạm thuộc tất cả **ba Thừa, năm đường** đã làm...sâu xa sinh tùy vui. Như việc tùy vui mà chư Phật Bồ Tát đã làm, Ta cũng tùy vui như vậy. Đem căn lành **tùy vui** này với căn lành đã làm thấy đều cùng với chúng sinh cùng chung hồi hướng về nước ấy, cho nên gọi là **Hồi Hướng Môn**.

Lại đến nước ấy xong, được sáu Thần Thông thì quay trở lại, đi vào sinh tử, giáo hóa chúng sinh, thấu suốt bờ mé sau cùng, Tâm không có chán ghét cho đến khi thành Phật, cũng gọi là **Hồi Hướng Môn**.

Năm Môn này đã đủ, quyết định được vãng sinh. Mỗi một Môn cùng hợp với **ba Tâm** bên trên, tùy theo khởi Nghiệp hành, chẳng kể nhiều ít đều gọi là **Nghiệp Chân Thật** vậy. Nên biết như thế.

— Lại khuyên hành **bốn Pháp tu**, dùng thúc dục Hạnh của ba Tâm, năm Niệm...mau được vãng sinh. Nhóm nào là bốn ?

1_ **Cung Kính Tu**. Ấy là cung kính lễ bái Đức Phật ấy với tất cả hàng chúng Thánh ấy, cho nên gọi là Cung Kính Tu. Hết mạng làm hạn kỳ, thề chẳng dừng giữa chừng, tức là **Trường Thời Tu** (Trải qua ba đại a tăng kỳ kiếp mà tu hành chẳng mệt mỏi)

2_ **Vô Dư Tu**. Ấy là chuyên xưng tên của Đức Phật ấy, chuyên niệm chuyên tưởng chuyên khen ngợi Đức Phật ấy với tất cả hàng chúng Thánh, chẳng lẫn lộn với Nghiệp khác, cho nên gọi là Vô Dư Tu. Hết mạng làm hạn kỳ, thề chẳng dừng giữa chừng, tức là **Trường Thời Tu**.

3_ **Vô Gian Tu**. Ấy là liên tục cung kính lễ bái, xưng tên khen ngợi, nghĩ nhớ, quán sát, hồi hướng, phát nguyện, Tâm Tâm nối tiếp nhau chẳng để cho Nghiệp khác xen vào giữa, cho nên gọi là Vô Gian Tu.

Lại chẳng để cho Tham, giận, phiền não xen vào giữa, tùy Phạm tùy Sám chẳng khiến cho ngăn cách Niệm, ngăn cách Thời, ngăn cách Ngày...Thường khiến cho thanh tịnh, cũng gọi là Vô Gian Tu. Hết mạng làm hạn kỳ, thề chẳng dừng giữa chừng.

(Bản này thiếu cách tu thứ tư, nên người dịch phụ thêm:

4_ **Tôn Trọng Tu**. Lại nói là *Cung Kính Tu, Ân Trọng Tu, Kính Xử Tu*. Ấy là *cung kính chỗ đã học, không có chỗ yêu tiếc, cũng chẳng kiêu mạn*)

Lại Bồ Tát đã miễn được sinh tử, đem Pháp lành đã làm, trở lại cầu Phật Quả, tức là lợi cho chính mình. Giáo hóa chúng sinh tận bờ mé vị lai, tức là lợi cho người khác. Nhưng ngày nay, chúng sinh đều bị phiền não cột buộc chưa miễn được nổi khổ sinh tử trong đường ác, nên tùy theo Duyên khởi Hạnh, tất cả toàn bộ căn lành mau chóng hồi hướng, nguyện sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Đến nước ấy xong, liền không có chỗ sợ hãi nữa.

Như bốn cách Tu bên trên, tự nhiên nhậm vận, lợi mình lợi người, ắt không có gì chẳng đầy đủ. Nên biết như thế.

Lại như **Văn Thù Bát Nhã** nói rõ **Nhất Hạnh Tam Muội**, chỉ khuyên một mình ở chỗ **Không Nhân** (Aranya), buông bỏ các Ý loạn, cột Tâm vào một Đức Phật, chẳng quán tướng mạo, chuyên xưng tên gọi (danh tự). Liền ở trong niệm được nhìn thấy Đức Phật A Di Đà với tất cả Phật.

Hỏi rằng: “Vì sao chẳng tác Quán mà trực tiếp khuyên chuyên xưng tên gọi ? Điều ấy có Ý gì ?”

Đáp rằng: “Do chúng sinh có Chướng nặng nề, Cảnh nhỏ nhiệm, Tâm thô sơ, Thức tốc lên, Thần bay cao nên Quán khó thành tựu vậy. Đây dùng sự thương xót của Đại Thánh, trực tiếp khuyên chuyên xưng tên gọi, chính là do xưng tên dễ cho nên nói tiếp nhau liền sinh”.

Hỏi rằng: “Đã khiến chuyên xưng một Đức Phật. Vì sao Cảnh hiện ra lại nhiều? Điều này há chẳng phải là Tà Chính qua lại với nhau, *một nhiều lần lộn hiện ra* sao ?”

Đáp rằng: “Phật Phật chứng ngang bằng nhau, hình không có sai khác. Giả sử *niệm một mà thấy nhiều* thời trái ngược với Đại Đạo Lý nào vậy ?!...

Lại như **Quán Kinh** nói rằng: “Đức Phật khuyên ngồi quán sát, lễ niệm...đều nên hướng mặt về phương Tây là tối thắng. Như cái cây, trước khi nghiêng ngã ắt tùy theo chỗ uốn cong. Cho nên, nếu như có việc trở ngại chẳng kịp hướng về phương Tây, chỉ tác Tượng hướng về phương Tây cũng được”.

Hỏi rằng: “Tất cả chư Phật đồng chứng **ba Thân** (Trayaḥ kāyāḥ), viên tròn quả **Bi Trí** cũng ứng với *không có hai*. Tùy theo phương lễ niệm, Khóa Xưng một Đức Phật cũng ứng với *được sinh*. Vì sao lại nghiêng về sự khen ngợi phương Tây, khuyên chuyên lễ niệm...Có nghĩa gì vậy ?”

Đáp rằng: “Chỗ chư Phật đã *chứng bình đẳng* là một. Nếu dùng Nguyên Hạnh đến thâm nhận, chẳng phải là không có Nhân Duyên. Song, Đức Di Đà Thế Tôn vốn phát Thệ Nguyên sâu nặng, dùng *danh hiệu ánh sáng* nhiếp hóa mười phương, chỉ khiến cho *Tâm tin tưởng cầu niệm*, bên trên hết một đời, bên dưới đến mười tiếng một tiếng...dùng sức Nguyên của Phật dễ được vãng sinh. Chính vì thế cho nên Đức Thích Ca đã cùng với chư Phật khuyên hướng về phương Tây là **Biệt Di** (điều khác biệt) vậy, cũng chẳng phải là xưng niệm Phật khác, chẳng có thể trừ chướng diệt tội vậy. Nên biết như thế.

Nếu hay như bên trên niệm niệm nối tiếp nhau, trọn đời làm kỳ hạn, thì mười người tức mười người được sinh, một trăm người tức một trăm người được sinh. Tại sao thế ? Vì không có Duyên tạp bên ngoài, được Chính Niệm cho nên cùng với Bản Nguyên của Đức Phật được tương ứng, chẳng trái ngược với Giáo, tùy thuận theo lời dạy của Đức Phật.

Nếu muốn buông bỏ, chuyên tu nghiệp tạp, ắt một trăm thời hy vọng được một, hai; một ngàn thời hy vọng được ba, năm. Tại sao thế? Vì do tu duyên tạp, loạn động mất Chính Niệm cho nên cùng với Bản Nguyên của Đức Phật chẳng tương ứng, cùng

trái ngược với tướng của Giáo, chẳng thuận theo lời dạy của Đức Phật, cột buộc niệm chẳng nối tiếp nhau, nhớ tưởng gián đoạn, hồi nguyện chẳng ân trọng chân thật, tham, sân, các Kiến, phiền não đi đến gây gián đoạn, không có Tâm xấu hổ sám hối.

Sám Hối có ba Phẩm: một là thiết yếu, hai là lược, ba là rộng...như bên dưới nói đủ, tùy theo ý dùng đều được.

Lại chẳng liên tục nghĩ nhớ báo đáp Ân của đức Phật ấy, cho nên Tâm sinh khinh mạn, tuy làm Nghiệp Hạnh nhưng thường cùng với Danh Lợi tương ứng, Nhân Ngã (Ta, Người) tự che lấp, chẳng gần gũi cùng đi chung với bậc Thiện Tri Thức cho nên rơi vào Duyên tạp thiện cận, tự gây chướng ngại cho mình lại gây chướng ngại cho người nơi Chính Hạnh vắng sinh. Tại sao thế ? Vì **Chuyên, Tạp** có sai khác, chỉ khiến cho người chuyên ý làm thời mười người liền được cả mười, còn kẻ tu tạp chẳng chí Tâm thời trong ngàn người không có được một người

Hai Hạnh này được mất như lúc trước đã biện luận. Ngưỡng nguyện tất cả người vắng sinh hãy khéo tự mình lo liệu.

Người đã có thể đem thân này, nguyện sinh về nước ấy thời đi, đứng, ngồi, nằm đều nên gắng Tâm chế phục bản thân, ngày đêm đừng bỏ phế, trọn đời làm kỳ hạn. Ngay trên một đời tựa như ít khổ, niệm lúc trước, niệm sau khi chết liền sinh về nước ấy, thường thọ nhận niềm vui của Pháp Vô Vi không có thời hạn, cho đến khi thành Phật, chẳng sợ sinh tử. Há chẳng phải thích thú ư ?! Nên biết vậy

I_Thứ nhất: Kính y theo **Kinh Đại Nhật**. Đức Phật **Thích Ca** (Śākya-muṇi) khuyên lễ tán **12 tên ánh sáng** của Đức Phật A Di Đà, cầu nguyện vắng sinh. Lễ 19 bài ngay lúc mặt trời lặn. Chọn lấy Sám Hối **Trung, Hạ** cũng được

Nam mô tất cả **ba báu** (tam Bảo) của hàng Thích Ca Mâu Ni Phật

Nay con cúi đầu lễ, hồi nguyện sinh về nước Vô Lượng Thọ.

*(Điều này là: Một Đức Phật hiện là Thầy của nhóm Đạo, Tục ngày nay. Nói **ba báu** tức là ruộng Phước vô lượng. Nếu hay lễ một bài tức là nghĩ nhớ báo đáp ân của Thầy. Đã thành Hạnh của mình thì đem một Hạnh này hồi nguyện vắng sinh)*

_ Nam mô tất cả **ba báu** trong cõi nước nhiều như bụi nhỏ tận hư không khắp Pháp Giới thuộc ba đời ở mười phương

Nay con cúi đầu lễ, hồi nguyện sinh về nước Vô Lượng Thọ.

(Như thế mười phương hư không không có biên giới, ba báu không có cùng tận. Nếu lễ một bài tức là ruộng Phước vô lượng, Công Đức vô cùng. Hay chỉ Tâm lễ một bài, mỗi một Đức Phật bên trên, mỗi một Pháp bên trên, mỗi một Bồ Tát Thánh Tăng bên trên, mỗi một Xá Lợi bên trên, đều được nghiệp thân miệng ý giải thoát phần căn lành, đưa lợi ích đến cho Hành Giả để thành nghiệp của mình. Đem một Hạnh này hồi nguyện vắng sinh)

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **A Di Đà Phật**

Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh

Con đỉnh lễ sinh về nước ấy

(Hỏi rằng: “Vì sao hiệu là A Di Đà ?

Đáp rằng: “Kinh Di Đà với Quán Kinh ghi rằng: “Đức Phật ấy có ánh sáng vô lượng, chiếu soi cõi nước ở mười phương không có chỗ chướng ngại. Chỉ quán niệm Phật, Chúng Sinh nhiếp lấy chẳng buông bỏ cho nên gọi là **A Di Đà** (Amitābha: Vô Lượng Quang).

Thọ Mệnh của Đức Phật ấy với người dân nhiều vô lượng a tăng kỳ kiếp, cho nên gọi là **A Di Đà** (Amitāyus: Vô Lượng Thọ).

Lại Đức Phật Thích Ca với mười phương Phật khen ngợi ánh sáng của Đức **Di Đà** có 12 loại tên gọi, khuyên khắp chúng sinh xưng tên lễ bái liên tục chẳng gián đoạn, đời này được vô lượng Công Đức, sau khi chết quyết định được vãng sinh.

Như Kinh **Vô Lượng Thọ** nói rằng: “Nếu có chúng sinh gặp ánh sáng này thì **Tam Cầu** (Tham, Sân, Si) được tiêu diệt, Thân Ý mềm mại, vui vẻ hơn hờ, Tâm lành sinh an ổn. Nếu tại nơi khốn khổ trong ba đường (Địa Ngục, Quỷ đói, súc sinh) nhìn thấy ánh sáng này thì không có bị khổ não nữa, sau khi chết đều được giải thoát. Ánh sáng của Đức Phật Vô Lượng Thọ hiển hách chiếu sáng mười phương. Cõi nước của chư Phật không có nơi nào chẳng nghe thấy. Chẳng phải nay chỉ có Ta khen ngợi ánh sáng ấy mà tất cả chư Phật, Thanh Văn, Duyên Giác, các Chúng Bồ Tát đều cùng khen ngợi.

Cũng lại như vậy, nếu có chúng sinh nghe thấy Công Đức uy thần của ánh sáng ấy, ngày đêm xưng nói, chỉ Tâm chẳng gián đoạn thì tùy theo ước nguyện được sinh về nước ấy, thường được các chúng Bồ Tát, Thanh Văn cùng nhau khen ngợi, xưng Công Đức của người ấy.

Đức Phật nói: “Ta nói Uy Thần ánh sáng của Đức Phật Vô Lượng Thọ, cao lớn vĩ đại thù diệu suốt ngày đêm thì một kiếp vẫn chẳng thể nói hết”

Thưa các Hành Giả ! Nên biết Ánh sáng thân tướng của Đức Phật Di Đà thời Đức Thích Ca Như Lai nói suốt một kiếp vẫn chẳng thể hết.

Như **Quán Kinh** nói: “Mỗi một ánh sáng chiếu khắp mười phương Thế Giới, niệm Phật Chúng Sinh nhiếp lấy chẳng buông bỏ”

Nay không chỉ **Quán Kinh** có Tạng Thượng Duyên chẳng thể nghĩ bàn như điều này mà còn nhiếp thọ Hành Giả. Vì sao chẳng liên tục xưng quán, lễ niệm, nguyện vãng sinh ?! Nên biết vậy).

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Vô Lượng Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đảnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Vô Biên Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đảnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Vô Ngại Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đảnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Vô Đối Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đảnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Diễm Vương Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đảnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Thanh Tịnh Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đảnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Hoan Hỷ Quang Phật**

Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đĩnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Trí Tuệ Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đĩnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Bất Đoạn Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đĩnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Nan Tư Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đĩnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Vô Xứng Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đĩnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đĩnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **A Di Đà Phật**
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đĩnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Quán Thế Âm Bồ Tát**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đĩnh lễ sinh về nước ấy

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Đại Thế Chí Bồ Tát**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đĩnh lễ sinh về nước ấy

(Hai vị Bồ Tát này, khi tất cả chúng sinh sắp chết thời cùng nhau cầm đài hoa trao cho Hành Giả. Đức Phật A Di Đà phóng ánh sáng lớn chiếu soi thân của Hành Giả, lại cùng với vô số vị Hóa Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Đại Chúng... một thời trao vào bàn tay, như khoảng búng ngón tay liền được vãng sinh. Vì báo ân cho nên chỉ Tâm lễ một bái)

_ Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **Chư Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng**
Nguyện cùng chúng sinh đều quy mệnh
Con đĩnh lễ sinh về nước ấy

(Các vị Bồ Tát của nhóm này cũng tùy theo Đức Phật đi đến nghênh tiếp Hành Giả. Vì báo Ân cho nên chí Tâm lễ một bái)

_ Khắp vì Sư Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới, đoạn trừ ba chương, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

Chí Tâm sám hối

“Nam mô sám hối mười phương Phật

Nguyện diệt tất cả các gốc tội

Nay đem điều lành tu xa gần

Luôn nguyện tất cả lúc lâm chung

Thắng Duyên, Thắng Cảnh hiện trước mắt

Nguyện thấy Di Đà Đại Bi Chủ

Quán Âm, Thế Chí, mười phương Tôn

Ngưỡng nguyện Thần Quang trao vào tay

Nương Bửu Nguyện Phật, sinh nước ấy”

Sám hối, hồi hướng xong, chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật

_ Tiếp theo tác Phạn Âm, xong. Nói Kệ **Phát Nguyện**

“Các Công Đức **lễ sám**

Nguyện ngay lúc lâm chung

Thấy Phật **Vô Lượng Thọ**

Thân Công Đức vô biên

Con với người tin khác

Đã thấy Phật ấy xong

Nguyện được mắt lìa dơ

Sinh về nước An Lạc

Thành **Vô Thượng Bồ Đề**”

Lễ Sám xong, tất cả cung kính

_ Quy Phật được Bồ Đề

Thường chẳng lùi Tâm Đạo

Nguyện cùng các chúng sinh

Hồi nguyện sinh về nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ

_ Quy Pháp, **Tát Bà Nhã** (Sarva-jñā: Nhất Thiết Trí)

Được Môn **Đại Tổng Trì**

Nguyện cùng các chúng sinh

Hồi nguyện sinh về nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ

_ Quy **Tăng** ngưng tranh luận

Đồng vào biển hòa hợp

Nguyện cùng các chúng sinh

Hồi nguyện sinh về nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ

_ Nguyện các chúng sinh

Ba nghiệp trong sạch

Phụng trì Phật Giáo

Hòa Nam (Vandana: Kính lễ) tất cả Hiền Thánh

Nguyện cùng các chúng sinh

Hồi nguyện sinh về nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ

_ Các **nhóm Chúng** nghe nói bài Kệ **vô Thường** vào lúc mặt trời lặn

“Nhân Gian vội vã lo mọi việc

Chẳng biết năm, mạng, ngày, đêm qua
Như đèn trong gió, khó hẹn kỳ
Sáu nẻo mệnh mang không định hướng
Chưa được giải thoát, lia biển khổ
Làm sao an nhiên chẳng sợ hãi
Đều nghe khỏe mạnh khi có sức
Thúc giục, gắng sức cầu **thường trụ**”

Nói **Kệ** này xong, liền ngay ở tâm miệng phát Nguyện:

“Nguyện cho Đệ Tử chúng con khi lâm chung thời Tâm chẳng điên đảo, Tâm chẳng thác loạn, Tâm chẳng mất niệm, Thân Tâm không có các khổ đau, Thân Tâm khoái lạc như vào Thiên Định, chúng Thánh hiện trước mặt, Nương theo Bản Nguyện của Đức Phật, **Thượng Phẩm** sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Đến nước ấy xong, được sáu Thần Thông, vào mười phương Giới, cứu nhiếp chúng sinh bị khổ. Hư không Pháp Giới hết, con nguyện cũng như vậy”

Phát nguyện xong, chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật.

__ Bài Kệ lúc đầu đêm là:

“Phiền não sâu không đáy
Biên sinh tử vô biên
Thuyền cứu khổ chưa dừng
Làm sao ưa ngủ mê
Dững mãi, siêng tinh tiến
Nhiếp Tâm thường tại **Thiền**”

__ Bài Kệ lúc nửa đêm là:

“Các người đừng ôm thân chết nằm
Mọi thứ chẳng sạch, mượn gọi **người**
Như bị bệnh nặng, tên (mũi tên) găm Thê
Mọi đau khổ đến, ngủ sao yên ?!...”

__ Bài Kệ lúc sau đêm là:

“Thời gian luôn lưu chuyển
Chột đèn đầu canh năm
Vô Thường niệm niệm đến
Luôn ở cùng **Tử Vương** (Mṛta-rāja: Thân chết)
Khuyên các người hành Đạo
Siêng tu đến **Vô Dư** (Vô Dư Niết Bàn)”

__ Bài Kệ lúc sáng sớm là:

“Muôn cầu vui **Tịch Diệt**
Nên học Pháp Sa Môn
Áo, ăn đồ thân mạng
Tinh, thô tùy **Chúng** được”
Các nhóm Chúng, ngày nay, lúc sáng sớm đều tụng sáu Niệm.

__ Bài Kệ lúc giữa trưa là:

“Người đời chẳng tinh tiến
Ví như cây không rễ
Hái hoa để trong ngày
Tươi được bao nhiêu thời

Mạng người cũng như vậy
Vô Thường, khoảng phút chốc
Khuyên các chúng Hành Đạo
Siêng tu đến **Chí Chân**”

II Thứ hai: Sa Môn **Thiện Đạo** kính y theo **Kinh Đại Nhật**, gom chọn Văn thiết yếu dùng làm bài Kệ lễ tán. Lễ 24 bài ngay lúc đầu đêm. Sám Hối đồng với lúc trước lúc sau

Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Biển Trí Nguyên **Di Đà**
Sâu rộng không bờ đáy
Nghe tên muốn vãng sinh
Thấy đều đến nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Ở trong Thế Giới này
Sáu mươi **Hữu**, bảy ức
Các Bồ Tát **Bất Thoái**
Đều sinh về nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Các Bồ Tát **Hạnh nhỏ**
Với người tu chút Phước
Số ấy chẳng thể đếm
Đều sinh về nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Trong cõi Phật mười phương
Chúng Bồ Tát, Tỳ Khưu
Hết kiếp chẳng thể đếm
Đều sinh về nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Tất cả các Bồ Tát
Đêm đêm hương hoa Trời
Hương báu, áo vô giá
Cúng dường Phật Di Đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Đều cùng tấu nhạc Trời
Xướng phát âm hòa nhã
Ca ngợi **Tối Thắng Tôn**
Cúng dường Phật Di Đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Tuệ Nhật (mặt trời Trí Tuệ) chiếu Thế Gian
Tiêu trừ mây sinh tử
Cung kính nhiều ba vòng
Cúi lạy **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Thấy cõi nghiêm tịnh ấy
Vi diệu khó nghĩ bàn
Nhân phát Tâm vô thượng
Nguyện nước con cũng thế
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Đúng lúc **Vô Lượng Tôn**
Chuyển khuôn mặt vui cười
Miệng tuôn muôn ánh sáng
Chiếu khắp nước mười phương
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Lui ánh sáng quanh thân
Ba vòng theo đỉnh vào
Tất cả chúng Trời, Người
Hớn hờ đều vui vẻ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Tiếng Phạn như sấm động
Tám âm xướng **Diệu Hưởng** (âm vang màu nhiệm)
Chính Sĩ (Bồ Tát) mười phương đến
Con đều biết nguyện ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**

Đến nước nghiêm tịnh ấy
Liên mau được Thần Thông
Đều ở **Vô Lượng Tôn**
Thọ Ký thành **Đẳng Giác**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Phụng sự ức Như Lai
Bay, hóa khắp các cõi
Cung kính vui vẻ đi
Quay về nước **An Dưỡng** (Cõi Cực Lạc)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Nếu người không gốc lành
Chẳng được nghe tên Phật
Kiêu Mạn, xấu, lười biếng
Khó thể tin Pháp này
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Đời trước thấy chư Phật
Liên hay tin việc này
Khiêm kính, nghe, phụng hành
Hớn hờ, rất vui vẻ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Có kẻ đã được nghe
Danh hiệu Phật Di Đà
Vui vẻ đến một niệm
Được sinh về nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Nếu lửa trần Đại Thiên
Vượt thẳng, nghe tên Phật
Nghe tên, vui vẻ khen
Được sinh về nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Vạn năm, Tam Bảo diệt

Kinh này trụ trăm năm
Bấy giờ nghe một niệm
Được sinh về nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Phật ra đời, khó gặp
Khó người có **Tín Tuệ**
Gặp nghe Pháp hiếm có
Đây rất ư là khó
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Tự tin, dạy người tin
Trong nạn chuyển đổi nạn
Đại Bi truyền, hóa khắp
Chân thành báo ân Phật
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Quán Thế Âm
Bồ Tát
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Thế Chí Bồ
Tát
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Chư Bồ Tát
Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

— Khắp vì Sư Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới, đoạn
trừ ba chương, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

III_ Thứ ba: Kính y theo bài Kệ **Nguyện Vãng Sinh Lễ Tán** của **Long Thọ Bồ Tát**. Lễ 16 bài ngay lúc nửa đêm (*Sám hối đồng với lúc trước lúc sau*)

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**

Cúi lạy nơi Trời, Người cung kính

A Di Đà Tiên Lương Túc Tôn

Tại nước **An Lạc** vi diệu ấy

Vô lượng chúng Phật Tử vây quanh

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**

Thân vàng, trong sạch, như Sơn Vương

Hạnh **Xa Ma Tha** (Thiền Chỉ) như voi bước

Hai mắt trong trẻo như sen xanh

Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**

Mặt hiền tròn trong như trăng đầy

Uy quang giống như ngàn Nhật Nguyệt

Tiếng như trống Trời, **Câu Xí La**

Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**

Trụ trong mào của **Quán Âm** đội

Mọi loại tướng tốt, báu trang nghiêm

Giáng phục Ngoại Đạo, Ma, Kiêu Mạn

Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**

Khôn sánh, không dơ, rộng trong sạch

Mọi Đức trong sáng như hư không

Nơi làm lợi ích được tự tại

Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**

Chúng Bồ Tát vang danh mười phương

Vô lượng các Ma thường khen ngợi

Vì các chúng sinh, trụ Nguyện Lực

Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**

Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Ao đáy vàng chen báu, sinh hoa
Căn lành đã thành Đài Tòa đẹp
Ngồi ở trên ấy như Sơn Vương
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Các **Phật Tử** (Buddha-putra) từ mười phương đến
Hiện hiện Thần Thông đến **An Lạc**
Chiêm ngưỡng **Tôn Nhan**, thường cung kính
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Chư **Hữu** vô thường với Vô Ngã
Như trắng trong nước, điện, bóng, sương
Vi Chúng nói Pháp không **tên gọi** (danh tự)
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Nước **Tôn Phật** ấy không tên ác
Không có người nữ với đường ác
Mọi người chí Tâm kính Tôn ấy
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Vô lượng Cảnh phương tiện của Tôn
Không có các nẻo, Tri Thức ác
Vãng sinh chẳng lui, đến Bồ Đề
Nên con đỉnh lễ **Di Đà Tôn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Ta nói Công Đức của Tôn ấy
Mọi **Thiện** vô biên như nước biển
Căn lành trong sạch đã đạt được
Hồi thí chúng sinh, sinh nước ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương **A Di Đà Phật**
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Quán Thế Âm
Bồ Tát
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Thế Chí Bồ
Tát
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Chư Bồ Tát
Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Khắp vì Sư Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới, đoạn
trừ ba chương, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối
Chí Tâm sám hối.

“Con từ vô thủy mang Thân đến
Luôn dùng **mười ác** với chúng sinh
Bất hiếu cha mẹ, chê Tam Bảo
Tạo làm nghiệp **năm nghịch**, chẳng lành
Do nhân duyên của mọi tội này
Vọng tưởng, điên đảo sinh ràng buộc
Nên chịu vô lượng khổ sinh tử
Đỉnh lễ, sám hối, nguyện diệt trừ”
Sám hối xong. Chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật

Chí Tâm khuyến thỉnh
“Chư Phật Đại Từ Vô Thượng Tôn
Luôn dùng **Không Tuệ** (‘Sūnya-mati) chiếu ba cõi
Chúng sinh mù tối chẳng hiểu biết
Đắm chìm trong biển khổ sinh tử
Vì cứu quần sinh, lia các khổ
Khuyến thỉnh thường trụ, chuyển **Pháp Luân** (Dharma-cakra: bánh xe Pháp)”
Khuyến thỉnh xong. Chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật

Chí Tâm tùy hỷ.
Trải muôn kiếp đến, ôm ganh ghét
Ngã Mạn, phóng dật do **Si** (moha) sinh

Luôn dùng lửa hại, độc giận dữ
Thieu đốt Trí Tuệ, căn Từ Thiện
Ngày nay suy tư mới tỉnh ngộ
Phát Tâm đại tinh tiến, tùy vui”
Tùy hỷ xong. Chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật

Chí Tâm hồi hướng.
“Trôi nổi trong sinh tử
Si, ái vào ngục thai
Sinh xong, về già chết
Chìm đắm trong biển khổ
Nay con tu Phước này
Hồi (hồi hướng), sinh cõi An Lạc”
Hồi hướng xong. Chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật

Chí Tâm phát nguyện
“Nguyện buông hình Thai Tạng
Sinh về nước An Lạc
Mau thất Phật Di Đà
Thân Công Đức vô biên
Phụng kính các Như Lai
Hiền Thánh cũng như thế
Được sáu sức Thần Thông
Hư Không Pháp Giới hết
Nguyện của con cũng thế”
Phát Nguyện xong. Chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật (*Còn lại đều đồng với Pháp bên trên*)

IV Thứ tư: Kính y theo bài Kệ **Nguyện Vãng Sinh lễ tán** của Bồ Tát **Thiên Thân**. Lễ 20 bái ngay lúc sau đêm (*Sám hối đồng với lúc trước lúc sau*)

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thế Tôn ! Con một lòng
Quy mệnh tận mười phương
Vô Ngại Quang Như Lai
Sinh về nước **An Lạc**

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Quán tướng Thế Giới ấy
Hơn hẳn Đạo **ba cõi** (Tam Giới)
Cứu cánh như hư không
Rộng lớn không bờ mé
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Chính Đạo, Đại Từ Bi
Xuất Thế, sinh căn lành
Tịnh Quang Minh (hào quang trong sạch) đầy đủ

Như gương, vành Nhật Nguyệt
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Đủ Tính các châu báu
Đầy đủ Diệu Trang Nghiêm
Vô Cấu Quang (ánh sáng không dơ bẩn) rực lửa
Trong sáng, chiếu Thế Gian
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Hoa báu, ngàn vạn loại
Phủ khắp ao, sông, suối
Gió nhẹ lay cánh hoa
Ánh sáng chen nhau chuyển
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Cung điện, các lầu gác
Quán mười phương không ngại
Cây tạp, màu sắc lạ
Lan can báu vây quanh
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Vô lượng báu quán nhau
Lưới, võng đầy hư không
Mọi loại chuông phát tiếng
Tuyên bày âm Diệu Pháp
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Phạn Âm (Buddha-ghoṣa) hiểu sâu xa
Vi diệu vang mười phương
Chính Giác A Di Đà
Pháp Vương (Dharma-rāja) khéo trụ trì
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Như Lai Tịnh Hoa Chúng (Chúng Tịnh Hoa của Như Lai)
Hoa Chính Giác hóa sinh
Yêu thích vị Phật Pháp
Dùng **Thiền Tam Muội** ăn

Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thân Tâm lìa phiền não
Vui thích không gián đoạn
Giới căn lành Đại Thừa
Đẳng (Sama: bình đẳng) không **Ky Hiềm Danh** (tên gọi bị trách móc nghi ngờ)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Người nữ với thiếu **Căn**
Mâm **Nhị Thừa** chẳng sinh
Chúng sinh: nguyện ưa thích
Tất cả hay đầy đủ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Vô lượng Đại Bảo Vương
Đài hoa sạch vi diệu
Tướng sáng đẹp **một tâm** (tám thước)
Sắc tượng vượt quần sinh
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Trời, Người, **Chúng bất động** (Acala-saṃgha)
Sinh biến Trí trong sạch
Như vua núi Tu Di
Thắng diệu không ai hơn
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Trời, Người, **Chúng trượng phu** (Puruṣa-saṃgha)
Cung kính nhiều quanh, ngắm
Mưa Thiên nhạc, hoa, áo
Hương màu nhiệm cúng dường
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nước **An Lạc** trong sạch
Thường chuyển **Vô Cấu Luân**
Một niệm với một thời
Lợi ích các Quân Sinh
Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Khen các Công Đức Phật
Không có Tâm phân biệt
Hay khiến mau đầy đủ
Biển báu lớn Công Đức
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Quán Thế Âm
Bồ Tát
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Thế Chí Bồ
Tát
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Chư Bồ Tát
Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Khắp vì Sư Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới, đoạn
trừ ba chương, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

V_Thứ năm: Kính y theo bài Kệ **Nguyện Vãng Sinh lễ tán** của Pháp Sư **Ngạn
Tông**. Lễ 21 bái ngay lúc sáng sớm (*Sám hối đồng với lúc trước lúc sau*)

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nhân (Hetu) **Pháp Tạng** (Dharmākara) dòi xa
Quả Cực Lạc (Sukhā-vatī-phala) càng sâu
Ngọc lạ kỳ làm đất
Mọi báu chen làm rừng
Hoa nở màu hiếm có
Sóng gợn âm Thật Tướng
Lúc nào được trao tay ?!...
Thỏa thích Tâm vãng sinh
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Đời Trước khó quay vào
Cõi Tịnh nguyện dạo sâu
Dây vàng giảng **Giới Đạo**
Rừng rữ vòng lưới ngọc
Thấy **Sắc** (Rūpa: hình thể màu sắc) đều **Chân Sắc** (Satya-rūpa: hình thể màu sắc chân thật)
Nghe **âm** (Ghoṣa) đều **Pháp Âm** (Dharma-ghoṣa)
Đừng nói phương Tây xa
Chỉ tu Tâm mười niệm
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Đã thành **Cùng Lý Thánh** (Bậc Thánh đạt được Lý rốt ráo của sự vật)
Chân Hữu biến **Không Uy** đáng vẻ tôn nghiêm của hư không)
Tại **Tây** thời hiện nhỏ
Chỉ tạm vì tùy **cơ**
Lá, ngọc cùng rọi sáng
Cát, nước thật lắng trong
Muốn được **quả Vô Sinh** (Anutpattika-phala)
Đều nên dựa cõi ấy
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Ngũ Sơn Hào (sợi lông trắng xoay vòng ở tam tinh lớn như năm ngọn núi) **độc**
lãng (một mình sáng tỏ)
Đất, nước đều làm gương (cái gương)
Hương, hoa đồng làm mây
Nghiệp (Karma) sâu, thành dễ đi
Nhân (Hetu) nông, thật khó nghe
Ước mong trừ nghi hoặc
Siêu Nhiên (cao tuyệt xuất chúng) **độc bất quần** (Riêng một mình chẳng hợp đàn)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Tâm đeo đầy **Chân Từ**
Sáng chứa tròn Pháp Giới
Vô Duyên hay nhiếp vật
Định **Hữu Tướng** chẳng khó
Hoa tùy Bản Tâm biến
Cung (Pura: cung điện) đời Thân tự yên
Hiếm nghe **cảnh Xuất Thế** (Lokottara-visaya)
Nên cùng vào **Thiền Khán**
Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật

Hồi Hương dần làm công
Đường phương Tây hơi thông
Cây báu nung Đại Địa
Hương Trời vào gió xa
Hoa nở bày đầy nước
Lưới che chia hư không
Nguyện sinh, Ý nào cần ?...
Chính là vui không tận
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật

Muốn kén chọn nơi sinh
Phương Tây, rất cần về
Cây chen bày lầu gác
Áo mới bày đầy đường
Hương, cơm tùy Tâm đến
Điện báu bay theo thân
Có Duyên đều được vào
Người tự đến, thật hiếm
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật

Mười Kiếp, Đạo thành trước
Nghiêm Giới dẫn đám mù
Cát vàng, nước trong, chiếu
Lá ngọc sáng đầy cành
Chim vốn trong ngọc ra
Người chỉ sinh trên hoa
Cảm thỉnh Thánh phương Tây
Sớm muộn cùng nghinh đón
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật

Các nước Phật mười phương
Đều là nhà Pháp Vương
Nghiêng cầu đất có duyên
Mong được sớm, không lệch
Nước **tám Công** (8 Công Đức) như ý
Hoa bảy báu tự nhiên
Nơi Tâm ấy, hay cột
Thấy đều đến chẳng xa
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Tịnh Quốc (nước thanh tịnh) không suy biến
Xưa nay dựng lập thế
Đài sáng, ngàn báu hợp
Âm nhạc, tám gió tuyên
Ao nhiều chim nói Pháp
Hư không đầy hoa Trời
Được sinh, chẳng sợ lùi
Tùy ý được sen nở
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Ngôi hoa, chẳng một Tượng
Chúng Thánh cũng khó lường
Hoa nở, người riêng ở
Sóng sinh Pháp tự dương
Không tai vạ do tịnh
Bất Thoái làm bạn hiền
Hỏi bậc sinh trước ấy
Đến đây bao kiếp rồi ?
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Chiếu sáng, cứu **Tỳ Xá** (Vaiśya)
Trên không, dẫn **Vi Đề** (Vaidehī)
Trời đến, nâng lọng hương
Người đi, đưa áo báu
Sáu thời, nghe chim hợp
Dắm hoa, ngập bốn thôn
Cùng nhìn, luôn chính đúng
Há lại dấy mê lầm !?...
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Khuyên khắp, hồng ba Phước
Đều khiến diệt **Ngũ Thiêu** (5 việc ác là: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống
rượu)
Phát Tâm, công xong, đến
Cột niệm, liền tiêu tội
Chim, hoa, ngọc sáng chuyển
Gió đưa tiếng ưa thích
Chỉ vui hành Đạo dễ
Há buồn **Thánh Quả** xa ! ?...
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Màu ngọc vẫn làm nước
Ánh sáng vàng là Đài
Đến thời hoa tự tan
Tùy nguyện, hoa lại nở
Ngắm ao, hiện rồi mất
Bay trên không đi đến
Tâm ngay thẳng hướng đến
Nên hồi hướng mọi Thiện
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nước Cam Lộ rửa Tâm
Lượng tuổi thọ khó phân
Vui nhiều, không bỏ Đạo
Tiếng vang chẳng ngại nghe
Vì sao tham **năm Trước** ?
An nhiên, lửa tự thiêu
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Đài bọc Trời Người hiện
Thị Giả (người hầu cận) trong ánh sáng
Bốn góc báu trên không
Bảy lớp lan can dựa
Nghĩ nhiều, **Biên Địa** lâu
Đức mỏng, còn sinh nạn
Thà đừng luận **Nguyện** khác
Phương Tây đã an Tâm
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Sáu Căn thường hợp Đạo
Ba đường, hết nghe tên
Khoảng niệm, đạo khắp phương
Quay về, được thành **Nhẫn** (Kṣānti)
Đất bằng rộng vô cực
Gió thường làm trong mát
Gửi nói nhóm có Tâm
Cùng ra khỏi **thành khổ** (cái thành đau khổ)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng

Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Quán Thế Âm Bồ Tát

Thiên Luân (bánh xe ngàn cãm) sáng dưới chân
Năm đường hiện trong **Quang** (ánh sáng)
Bi (Kāraṇa) dẫn luôn không dứt
Người về cũng chưa hết
Miệng tuyên do tại **Định**
Tâm tịnh, liền **Phi Thông** (bay thông suốt)
Nghe tên đều nguyện đến
Ngày phát mây bụi hoa ?
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Thế Chí Bồ Tát

Sức Tuệ nêu vô thượng
Thân Quang (ánh sáng của thân) sẵn có duyên
Dao động các nước báu
Cầm Tòa, một sen vàng
Chim chẳng phải chim thật
Trời há là *Trời thật* (Chân Thiên)
Nên biết cầu Diệu Lạc
Hội là toàn **hương Giới**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An Lạc

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Chư Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

— Khấp vì Sư Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới, đoạn trừ ba chương, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

VI Thứ sáu: Bài Kệ **Nguyện Vãng Sinh lễ tán** của Sa Môn **Thiện Đạo** kính y theo **16 Quán** sáng tác. Lễ 20 bái ngay lúc giữa trưa (*Sám hối đồng với lúc trước lúc sau*)

— Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Quán cõi **Di Đà Cực Lạc** ấy
Rộng lớn bằng phẳng, báu tạo thành
Bốn mươi tám Nguyện khởi trng nghiêm
Vượt các cõi Phật, rất tinh tế
Chúng **Đại Hải** nước này, phương khác
Hết kiếp, tính đếm chẳng biết tên

Khuyên khắp về Tây, đồng Hội ấy
Hằng sa **Tam Muội** tự nhiên thành
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Dưới đất trang nghiêm Phướng bảy báu
Vô lượng vô biên vô số ức
Tám phương tám mặt, trăm báu thành
Thấy **Vô Sinh** ấy, tự nhiên ngộ
Nước báu Vô Sinh, mãi thường hằng
Mỗi một báu tuôn muôn ánh sáng
Hành Giả dốc Tâm, thường đối mặt
Thần nhảy vọt lên, vào phương Tây
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Trên đất trang nghiêm, chuyển vô cực
Dây vàng, Giới Đạo... *phi công tượng* (chẳng phải là kỹ nghệ do thợ làm)
Đất báu, sắc báu, ánh sáng báu
Mỗi ánh sáng thành vô số Đài
Trong Đài, ngàn vạn ức lầu gác
Cạnh Đài, trăm ức phướng báu vây
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Trên mỗi một Đài, trong hư không
Nhạc báu trang nghiêm cũng không cùng
Tám gió mát trong tìm ánh sáng
Tùy thời tấu nhạc, *âm ứng cơ*
Âm ấy, chính thọ hơi khó khăn
Đi, đứng, ngồi, nằm nhiếp Tâm quán
Trừ lúc ngủ thời, thường nhớ nghĩ
Tam Muội **Vô Vi** tức **Niết Bàn**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nước báu, rừng báu, các cây báu
Hoa báu, lá báu, gốc rễ báu
Hoặc dùng ngàn báu chia rừng khác
Hoặc có trăm báu xếp thành hàng
Mỗi hàng tương đương với tướng lá
Màu khác nhau, ánh sáng cũng thế
Lượng bằng nhau, cao ba mươi vạn
Cành nhánh chạm nhau nói **Vô Sinh**
Nguyện cùng các chúng sinh

Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Cõi nước báu, rừng báu, cây báu
Hoa báu, lá báu, gốc rễ báu
Hoặc dùng ngàn báu chia rừng khác
Hoặc có trăm báu xếp thành hàng
Mỗi hàng tương đương với tướng lá
Màu sắc, ánh sáng chẳng giống nhau
Lượng ngang bằng, cao ba mươi vạn
Cành nhánh chạm nhau nói **Vô Sinh**
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Ao báu, bờ báu, cát vàng báu
Mương báu, lá báu, hoa sen báu
Hai mươi Do Tuần đều ngay thẳng
Lưới báu, lan can báu vòng khắp
Nước **Công Đức** chảy tìm cây báu
Nghe sóng thấy vui, chứng **Điêm Phạ** (nỗi sợ hãi được lặng yên)
Đã nói người đồng hành có Duyên
Gắng sức vượt Mê, về **nhà mình** (bản gia)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Trên mỗi một dây vàng, Giới Đạo
Nhạc báu, lầu báu ngàn vạn ức
Chư Thiên Đồng Tử rải hương hoa
Bồ Tát phương khác như mây đến
Vô lượng vô biên chẳng thể tính
Cúi lại Di Đà, cung kính đứng
Âm vang *chuông gió* (phong linh) cây tràn khắp
Khen nói **ba Tôn** không cùng tận
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Tòa **Di Đà Bản Nguyệt Hoa Vương**
Tất cả mọi báu đã tạo thành
Trên Đài bốn phương, trưởng, *bảo man* (vòng hoa báu)
Di Đà ngồi riêng, hiện *Chân Hình*
Ánh sáng Chân Hình tràn Pháp Giới
Người chạm ánh sáng, Tâm chẳng lui
Ngày đêm sáu Thời, chuyên tưởng niệm
Thời cuối, khoái lạc như Tam Muội
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thân Tâm **Di Đà** tràn Pháp Giới
Y Tâm, tướng *chân dung* biểu thị
Trượng báu chân dung đến tòa hoa
Tâm mở thấy nước ấy trang nghiêm
Cây báu, hoa **ba Tôn** tràn khắp
Cùng nghe âm vang chuông gió, nhạc
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thân Sắc **Di Đà** như núi vàng
Tướng tốt, ánh sáng chiếu mười phương
Chỉ **niệm Phật** mong hào quang nhiếp
Sẽ như Bản Nguyên, rất mạnh mẽ
Như Lai sáu phương, le lưỡi chứng
Chuyên xưng Danh Hiệu, đến phương Tây
Đến nơi, hoa nở, nghe Diệu Pháp
Hạnh Nguyên **mười Địa** tự nhiên rõ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Bồ Tát **Quán Âm**, Đại Từ Bi
Đã được **Thiện Đế**, buông chẳng chứng
Tất cả **năm Đường** (Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh, A Tu La, nhân gian) trong Nội
Thân
Sáu Thời quán sát, ứng **ba Luân** (cảnh đã biết, Trí hay biết, người hay biết)
Ứng hiện thân, ánh sáng vàng tía
Tướng tốt uy nghi, chuyển không cùng
Luôn đuổi trăm ức tay **Quang Vương**
Nhiếp kẻ **có Duyên** về *nước mình* (bản quốc)
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Bồ Tát **Thế Chí** khó nghĩ bàn
Uy Quang chiếu khắp, không bờ mé
Chúng sinh **có duyên** chạm ánh sáng
Tăng trưởng Trí Tuệ, vượt ba cõi
Pháp Giới lay nghiêng như cỏ Bồng
Hóa Phật vân tập đầy hư không
Khuyên kẻ có duyên, thường nghĩ nhớ
Dứt hẳn bào thai, chứng sáu Thông
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Ngồi thẳng, Kiết Già vào Tam Muội

Tướng Tâm nương **niệm** đến phương Tây
Thấy cõi Cực Lạc của Di Đà
Trên đất, hư không, báu trang nghiêm
Thân lượng Di Đà thật vô biên
Lại khuyên chúng sinh quán thân nhỏ
Trượng sáu tám thước tùy **Cơ** hiện
Viên quang (hào quang tròn trịa), **Hóa Phật** ngay trước mặt
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nhóm trên, Hạnh trên, người Thượng Căn
Cầu sinh Tịnh Thổ, chặt Tham Sân
Hành thành, sai biệt chia **ba Phẩm**
Năm Môn nối tiếp trợ ba **Nhân** (Hetu)
Một ngày, bảy ngày chuyên tinh tiến
Hết mạng nương Đài, thoát **sáu Trần**
Mừng thay ! Khó gặp nay được gặp
Chứng đạt Vô Vi, Thân Pháp Tính
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nhóm giữa, Hạnh giữa, người Trung Căn
Một ngày Trai Giới, ở sen vàng
Hiếu dưỡng cha mẹ, dạy hồi hướng
Nói nhân khoái lạc ở bốn phương
Phật cùng chúng Thanh Văn đến nhận
Đến thẳng bên tòa hoa Di Đà
Hoa trăm báu che, trải bảy ngày
Sen ba Phẩm nở, chứng thân nhỏ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nhóm dưới, Hạnh dưới, người Hạ Căn
Mười ác, năm nghịch với Tham Sân
Bốn nặng (4 tội nặng) trộm Tạng (trộm tài vật của chư Tăng) chê Chính Pháp
Chưa từng xấu hổ, hối tội xưa
Chợt gặp Thiện Tri Thức vãng sinh
Khuyên gấp chuyên xưng tên Phật ấy
Hóa Phật, Bồ Tát tìm tiếng đến
Một niệm dốc Tâm vào sen báu
Ba **hoa** nhiều kiếp chồng lấp, nở
Lúc đó mới phát nhân Bồ Đề
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Nước Phật Di Đà, hay cảm ứng
Cực Lạc phương Tây khó nghĩ bàn
Nghe **Bát Nhã** không còn thấy khát
Nghĩ ăn **Vô Sinh**, liền hết đói
Tất cả trang nghiêm đều nói Pháp
Vô Tâm lãnh nạp, tự nhiên biết
Ao hoa bảy Giác, tùy ý vào
Tám nhóm ngưng Thần, hội một cảnh
Vô lượng Bồ Tát cùng học chung
Tận *biển Tịnh*, *Như Lai* là Thầy
Nước Tâm **Di Đà** gọi thân, đỉnh
Quán Tâm, Thế Chí cho áo mặc
Bay lên hư không, đạo Pháp Giới
Phúc chốc Thọ Ký, hiệu **Vô Vi**
Như đây, tiêu dao chốn vô cực
Nay Ta chẳng đi, đợi lúc nào ?!...
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc.

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A Di Đà Phật
Thương xót che giúp con
Khiến mầm Pháp tăng trưởng
Đời này với đời sau
Nguyện Phật thường nhiếp thọ
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Nam mô chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Quán Âm, Thế
Chí, Chư Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng
Nguyện cùng các chúng sinh
Sinh về nước An lạc

_ Khắp vì Sư Tăng, cha mẹ với Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới, đoạn
trừ ba chương, đồng được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Quy mệnh sám hối

Nhóm **Sám Hối**, **Phát Nguyện** của hai Phẩm trên đồng với lúc trước. Tu điều
thiết yếu trong thiết yếu, lấy làm chặng đầu. Tu phần lược trong lược, lấy làm chặng
giữa. Tu điều rộng trong rộng, lấy làm chặng dưới. **Điều rộng** ấy thuận theo người có
Tâm Nguyện sinh mà khuyên. Hoặc đối trước bốn Chúng, hoặc đối trước mười phương
Phật; hoặc đối trước Xá Lợi, Tôn Tượng, Đại Chúng; hoặc đối trước một người....Nếu
riêng nhóm của mình, lại hướng đến Tam Bảo tận hư không trong mười phương với
tận Chúng Sinh Giới...hướng đầy đủ tỏ bày Sám Hối.

Sám Hối có ba Phẩm: Thượng, Trung, Hạ.

Thượng Phẩm Sám Hối: Máu tuôn chảy trong lòng thân, máu trong mắt tuôn ra.,
gọi là Thượng Phẩm Sám Hối.

Trung Phẩm Sám Hối: Mồ hôi nóng trong khắp thân từ lỗ chân lông tuôn ra,
máu trong mắt tuôn chảy, gọi là Trung Phẩm Sám Hối.

Hạ Phẩm Sám Hối: Sức nóng thông suốt khắp thân, trong mắt tuôn chảy giòng
lệ, gọi là Hạ Phẩm Sám Hối.

Ba Phẩm của nhóm này tuy có sai biệt, tức là **chín loại giải thoát** chia cho người có căn lành, dẫn đến khiến cho ngày nay sinh kính Pháp, trọng người, chẳng tiếc thân mệnh cho đến chút ít tội...nếu **Sám** tức hay thấy suốt Pháp, thấu suốt Tùy. Người có thể như **Sám** này, chẳng luận lâu xa, gần sát...hết thấy tội nặng mau chóng đều diệt hết. Nếu chẳng như điều này, giả sử ngày đêm 12 Thời hấp tấp sai lệch thì phần đông là vô ích. Nếu người chẳng làm, nên biết tuy chẳng thể tuân lệ, tuân máu...chỉ thuận theo Chân Tâm thấu đến liền đồng với bên trên

Kính bạch mười phương chư Phật, mười hai Bộ Kinh, các Đại Bồ Tát, tất cả Hiền Thánh với tất cả tám Bộ Trời Rồng, chúng sinh trong Pháp Giới, Đại Chúng hiện tiền....chúng biết cho con tỏ bày sám hối.

“Từ vô thủy trở đi, cho đến thân ngày nay, giết hại tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyền Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới...chẳng thể biết số lượng

Trộm cắp vật dụng của tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyền Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới...chẳng thể biết số lượng

Đối với tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyền Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới...còn khởi Tâm Tà, chẳng thể biết số lượng

Nói dối lừa gạt tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyền Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới...chẳng thể biết số lượng

Nói lời thù dật, nịnh hót tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyền Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới...chẳng thể biết số lượng

Nói lời xấu ác, nhục mạ, chê bai, hủy hoại tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyền Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới...chẳng thể biết số lượng

Nói hai lưỡi đâm thọt, đầu loạn, phá hoại tất cả Tam Bảo, Thầy, Tăng, cha mẹ, sáu Thân, Quyền Thuộc, Thiện Tri Thức, chúng sinh trong Pháp Giới...chẳng thể biết số lượng

Hoặc phá năm Giới, tám Giới, mười Giới, Giới **Thập Thiện**, 250 Giới, 500 Giới, Bồ Tát Tam Tụ Giới, mười Vô Tận Giới cho đến tất cả Giới với tất cả Uy Nghi Giới...tự mình làm, dạy bảo người khác, thấy làm tùy vui....chẳng thể biết số lượng

Mọi tội của nhóm như vậy cũng như vô số hạt bụi nhỏ trong Đại Địa vô biên ở mười phương. Chúng con gây tội cũng lại vô số

Hư không vô biên, chúng con gây tội cũng lại vô biên

Phương tiện vô biên, chúng con gây tội cũng lại vô biên

Pháp Tính vô biên, chúng con gây tội cũng lại vô biên

Pháp Giới vô biên, chúng con gây tội cũng lại vô biên

Chúng sinh vô biên. Chúng con cướp đoạt, giết hại cũng lại vô biên

Tam Bảo vô biên. Chúng con xâm phạm gây hư tổn, cướp đoạt, giết hại cũng lại vô biên

Giới Phẩm vô biên. Chúng con hủy phạm cũng lại vô biên

Tội của nhóm như vậy, bên trên đến các Bồ Tát, bên dưới đến nơi mà Thanh Văn Duyên Giác chẳng thể biết, chỉ có Phật với Phật mới biết tội của con nhiều ít.

Nay ở trước Tam Bảo, trước chúng sinh trong Pháp Giới tỏ bày sám hối, chẳng dám che giấu. Nguyên xin mười phương Tam Bảo, chúng sinh trong Pháp Giới nhận sự sám hối của con, nghĩ đến sự thanh tịnh của con.

Bắt đầu từ ngày hôm nay, nguyện cùng với chúng sinh trong Pháp Giới, **bỏ Tà quy Chính**, phát Tâm Bồ Đề, Tâm Từ cùng hướng, mắt Phật cùng nhìn quyền thuộc Bồ Đề làm **Chân Thiện Tri Thức**, đồng sinh về nước của Đức Phật A Di Đà, cho đến khi thành Phật. Tội của nhóm như vậy, chặt đứt hết sự nối tiếp, rồi chẳng dám làm nữa.

Sám hối xong. Chí Tâm quy mệnh A Di Đà Phật (**Quảng Sám xong**)

— Nếu lúc vào **Quán** với lúc ngủ say, nên phát Nguyên này. Hoặc ngồi hoặc đứng, một lòng chấp tay, mặt hướng về phương chính Tây, mười tiếng xưng A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, các Bồ Tát Thanh Tịnh Đại Hải Chúng xong.

*“Đệ Tử (họ tên là...) hiện là kẻ Phàm Phu sinh tử, tội chương sâu nặng, luân chuyển trong sáu đường, đau khổ chẳng thể nói đủ. Ngày nay gặp Thiện Tri Thức, được nghe Bản Nguyên, Danh Hiệu của Đức Di Đà, một lòng xưng niệm, cầu nguyện vãng sinh. Nguyên xin Phật Từ Bi chẳng buông bỏ **Bản Hoằng Thệ Nguyên**, nhiếp thọ.*

Đệ Tử chẳng biết ánh sáng, thân tướng của Đức Phật Di Đà. Nguyên xin Phật Từ Bi hiện bày cho Đệ Tử nhìn thấy thân tướng với tướng của Quán Âm, Thế Chí, các vị Bồ Tát...tướng ánh sáng trang nghiêm thanh tịnh của Thế Giới ấy”

Nói rõ lời này xong, một lòng chính niệm, tức tùy theo ý vào **Quán** với **ngủ**. Hoặc có lúc **Chính Phát Nguyên** liền được nhìn thấy. Hoặc có lúc ngủ say thời được nhìn thấy, trừ chẳng chí Tâm. Nguyên điều kia đến rất có hiện nghiệm

— Hỏi rằng: “Xưng niệm, lễ, quán Đức Phật A Di Đà thì đời này có Công Đức lợi ích nào?”

Đáp rằng: “Nếu xưng **A Di Đà Phật** một tiếng, tức hay trừ diệt tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Lễ niệm xong, bên dưới cũng như vậy.

Kinh **Thập Vãng Sinh** ghi rằng: “Nếu có chúng sinh niệm **A Di Đà Phật**, nguyện vãng sinh thì Đức Phật ấy liền khiến 25 vị Bồ Tát ủng hộ Hành Giả. Hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngày, hoặc đêm, tất cả thời, tất cả nơi chốn chẳng để cho Quỷ ác, Thần ác được dịp thuận tiện gây hại vậy”

Lại như **Quán Kinh** nói: “Nếu người xưng lễ niệm **A Di Đà Phật**, nguyện sinh về nước ấy thì Đức Phật kia liền khiến vô số vị Hóa Phật, vô số Hóa Quán Âm, Thế Chí, Bồ Tát hộ niệm Hành Giả. Lại cùng với 25 vị Bồ Tát lúc trước vây quanh Hành Giả trăm lớp ngàn lớp...chẳng luận đi, đứngm ngồi, nằm, tất cả thời, tất cả nơi chốn, hoặc ngày, hoặc đêm...thường chẳng lìa Hành Giả”

Nay đã có lợi ích thù thắng này có thể làm bằng cứ. Nguyên các Hành Giả đều nên chí Tâm cầu vãng sinh.

— Lại như Kinh **Vô Lượng Thọ** nói: “Nếu Ta thành Phật, chúng sinh ở mười phương xưng danh hiệu của Ta, bên dưới đến mười tiếng, nếu chẳng được vãng sinh thì Ta chẳng nhận lấy Chính Giác”

Nay Đức Phật ấy đã thành Phật trong đời hiện tại. Nên biết **Bản Thệ Trọng Nguyên** chẳng hư dối, chúng sinh xưng niệm đều được vãng sinh

— Lại như Kinh **A Di Đà** nói: “Nếu có chúng sinh nghe nói về Đức Phật A Di Đà, liền nên chấp trì Danh Hiệu, hoặc một ngày hoặc hai ngày cho đến bảy ngày, một lòng xưng Phật chẳng loạn. Khi mạng sắp hết thời Đức Phật A Di Đà cùng với chúng Thánh hiện ngay trước mặt kẻ ấy. Người này lúc chết thời Tâm chẳng điên đảo, liền được sinh về nước ấy.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: “Ta thấy lợi này, cho nên nói lời đó. Nếu có chúng sinh nghe được Thuyết này, cần phải phát nguyện, nguyện sinh về nước ấy”

— Tiếp theo, bên dưới nói rằng: “Phương Đông có chư Phật nhiều như số cát của sông Hằng. Phương Nam, Tây, Bắc với phương trên, phương dưới...mỗi một phương có chư Phật nhiều như số cát của sông Hằng đều ở cõi nước của mình, hiện ra tướng lưỡi ấy che trùm khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, nói lời thành thật: “**Chúng sinh các người đều nên tin Kinh được tất cả chư Phật hộ niệm này**”

Thế nào gọi là **Hộ Niệm**? Nếu có chúng sinh xưng niệm **A Di Đà Phật**, hoặc bảy ngày với một ngày, bên dưới đến mười tiếng cho đến một tiếng, một niệm...đều được vãng sinh. Chứng thành việc này cho nên gọi là **Hộ Niệm Kinh**

_ Tiếp theo Văn bên dưới ghi rằng: “Nếu người xưng Phật, vãng sinh thường được sự hộ niệm của chư Phật nhiều như số cát sông Hằng ở sáu phương, cho nên gọi là **Hộ Niệm Kinh**.”

Nay đã có Thệ Nguyện tạng thượng này, có thể làm bằng cứ. Các hàng Phật Tử vì sao chẳng khuyến khích Ý đi vậy?...

Vãng Sinh Lễ Tán Kệ

Hết

26/11/2011



PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN VIỆC LỚN LỢI ÍCH CỦA DANH HIỆU VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT

Hán dịch: Đồi Tào Ngụy_ Thiên Trúc Tam Tạng **Khang Tăng Khải**
(Saṃghavarman)

Việt dịch: HUYỀN THANH

Tôi nghe như vậy. Một thời Đức Phật ngự trong núi **Kỳ Xà Quật** (Gr̥dhra-kuṭa) tại thành **Vương Xá** (Rāja-gr̥ha) cùng với **chúng Đại Tỳ Kheo** (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) gồm một ngàn hai trăm năm mươi người đến dự. Các chúng Thánh đã dứt hết các **Lậu** (āsrava), đạt Thần Thông Minh, tên các vị ấy là: Tôn Giả **A Nan** (Ānanda), Tôn Giả **Mục Kiền Liên** (Maudgalyāyana), Tôn Giả **Xá Lợi Phất** (Śāriputra), Tôn Giả **Đại Ngưu Vương** (Mahā-Vṛṣbha-rāja), Tôn Giả **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa), Tôn Giả **Ma Ha Già Gia Ca Diếp** (Mahā-Gayā-kāśyapa), Tôn Giả **Đại Châu Na** (Mahā-cunda), Tôn Giả **Danh Văn Ca Diếp** (Urubilvā-kāśyapa), Tôn Giả **Đại Tịnh Tâm Chí** đều như nhóm này, đã là bậc **Thượng Thủ** (Paramukha)

Lại có các vị Đại Chính Sĩ thuộc nhóm **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra), **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Mañjuśrī), **Tín Tịnh Tuệ Bồ Tát**, **Thiện Giải Thoát Bồ Tát** (Sumukti)... đầy đủ vô lượng Nguyên Hạnh, an trụ Pháp của Công Đức chẳng thể nghĩ bàn, Trí Tuệ Thánh Minh. Các chúng Bồ Tát của nhóm như vậy chẳng thể xưng tính, tức thời đến dự hội.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: “Vào thời quá khứ lâu xa, cách nay vô lượng vô ương số kiếp, có một vị Đại Tỳ Khuru tên là **Pháp Tạng** (Dharmākara) gặp trực tiếp vô số trăm ngàn Đức Phật, tròn đủ vô lượng Đại Nguyên vượt quá Pháp mà chư Phật đã hành. Vị Tỳ Khuru **Pháp Tạng** ấy, nay đã thành **Chính Giác**, hiện ngự tại cõi **Thanh Tịnh An Lạc** (Śuddha-sukhāvatī) ở phương Tây, hiệu là **Bất Khả Tư Nghị Quang Vô Lượng Thọ Như Lai**. Do sức Bản Nguyên của Đức Phật ấy, cho nên dùng sức Uy Thần chẳng thể nghĩ bàn, tràn khắp mười phương Thế Giới, dùng âm thanh lớn tuyên bố Công Đức của Danh Hiệu. Thế nên tất cả Hữu Tình trong mười phương Thế Giới, nghe tin Công Đức của Danh Hiệu ấy thời nhập vào địa vị **Chính Định**, sinh về nước của Đức Phật **Thanh Tịnh An Lạc**

Chính vì thế cho nên, loài Hữu Tình, giả sử khiến ở ngay trong cõi Người, vì nghiệp báo đời trước (tức báo): hoặc bị điếc, mù, câm, ngọng, ngu si, cuồng ác...Do nhân duyên **Danh Hiệu ánh sáng** của Đức Phật ấy đều được giải thoát. Hoặc ngay trong sự cần khổ của ba đường (Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh) chịu khổ không có gián đoạn.Do nhân duyên Danh Hiệu ánh sáng của Đức Phật ấy đều được giải thoát. Nghe Danh Hiệu ánh sáng ấy, nếu tin nhận, nếu xưng tên thì tức thời trừ bỏ tội của sinh tử trong vô lượng vô số kiếp

Thế nên A Nan ! Xưng Hiệu của Đức Phật ấy, hoặc một tiếng, hoặc mười tiếng cho đến trăm ngàn tiếng. Ở ngay trong mỗi mỗi Niệm có vô số vị **Hoá Vô Lượng Thọ Phật** thường hộ giúp người ấy. Lại có hai vị Bồ Tát, một vị tên là **Quán Thế Âm** (Avalokiteśvara), một vị tên là **Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta), hai vị Bồ Tát đầy tự làm bậc Thượng Thủ cùng với các chúng Đại Bồ Tát thường đi đến hộ giúp cho người ấy. Sau khi hết tuổi thọ thì sinh về nước **Thanh Tịnh An Lạc** (Śuddha-sukhāvatī) của Đức **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus).

Chính vì thế cho nên A Nan ! Giả sử có lửa mạnh tràn đầy ba ngàn Đại Thiên Thế Giới, ắt sẽ vượt qua, đến nghe tin Danh Hiệu của Đức Phật ấy thì người này có hiệu là **Hoả Trung Sinh Bạch Liên Hoa** (Hoa sen trắng sinh ra trong lửa). Đây gọi là lợi ích của Danh Hiệu chẳng thể nghĩ bàn, một nhân duyên của việc lớn

Do sức Bản Nguyên của Đức Phật ấy, cho nên chư Phật mười phương đều cùng nhau khen ngợi Công Đức Danh Hiệu của Đức Phật ấy. Lại xưng tán loài Hữu Tình niệm Phật. Thế nên các ông đều nên tin nhận Danh Hiệu của Đức Phật ấy”

Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: “Bởi thế, Đức Như Lai hiện ra ở đời, nói Nhân Duyên việc lớn lợi ích Danh Hiệu ánh sáng, Công Đức chân thật chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật ấy. Chính vì thế cho nên Ta nói *khó gặp, khó thấy, khó được, khó nghe*. Nếu có chúng sinh có nghe Pháp này, đều nên tin thuận, như Pháp tu hành”

Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: “Vị Tỳ Khru **Pháp Tạng** ấy vì cứu độ tất cả Hữu Tình trong mười phương Thế Giới, tuy khởi Nguyên **Siêu Thế**, tu vô lượng **Đại Hạnh**...là cái gốc lâu xa thật thành **Pháp Thân Thường Trụ Vô Lượng Thọ Phật** vốn có. Do sức Uy Thần chẳng thể nghĩ bàn, cho nên tràn khắp mười phương Thế Giới để giáo hoá, an lập vô số Hữu Tình trụ ở Đạo chân thật vô thượng. Hoặc làm Sát Lợi Quốc Vương, Chuyển Luân Vương. Hoặc làm Trưởng Giả ở nhà Tôn Tỉn hào quý. Hoặc làm Phạm Thiên Vương của sáu cõi Dục. Hoặc làm thân Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh, Tu La...dùng bốn uy nghi, hoá làm tất cả.

Này A Nan ! Bậc lâu xa thật thành **Pháp Thân Thường Trụ Vô Lượng Thọ Phật** ấy, há có thể là người khác sao ? Đây là thân Ta, Đức Thế Tôn của ngày hôm nay vậy. Vì thương nhớ các ông, tất cả Hữu Tình trong bóng tối của đêm dài Vô Minh, cho nên từ cõi **An Dưỡng Vô Vi** ấy, thị hiện trong thời ác, Thế Giới ác này...tích tập (ca gia: Kāya) nhóm **Vương Xá** (Rāja-grha)...nói Nhân Duyên Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật ấy. Đây là điều khó gặp, khó thấy, khó được, khó nghe. Chính vì thế cho nên, nếu có Hữu Tình nghe Kinh này, đều nên tin nhận, như Pháp tu hành”

Đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: “Giả sử khiến cho tất cả Hữu Tình bị phiền não, nghiệp ác, chướng sâu, báo nặng... thì Thần Lực **Danh Hiệu ánh sáng** của Đức Phật ấy không có chỗ nào ngăn che được. Thế nên Đức Phật ấy có hiệu là **Vô Đắc, Vô Đối, Thanh Tịnh Trí Tuệ, Hoan Hỷ** Do Trí Tuệ không có đắc cho nên sức Uy Thần cũng không có đắc. Do Thần Lực không có đắc cho nên Đại Từ Bi cũng không có đắc. Chính vì thế cho nên tất cả Hữu Tình trong đời trước ác, nếu dùng *có đắc*, Trí nhỏ... có nghi ngờ nơi Trí *không có đắc*, Trí *chẳng thể nghĩ bàn*, Trí *chẳng thể đo lường*, Trí *Thù Thắng của Đại Thừa*, Trí *Tối Thượng của Vô Đẳng Luân* của Đức Phật ấy... mà nghi ngờ, chẳng tin. Do nghi ngờ cho nên trong vô số nhiều kiếp bị đoạ vào **Tầng Bà La Ngục**, hoặc vào **Tầng Đà La Ngục** chịu khổ vô cùng, không có hạn kỳ ra khỏi.

Chính vì thế cho nên, nếu có Hữu Tình chân chính tin tưởng **Phật Trí** (Buddha-jñāna), tức thời nhập vào địa vị **Chính Định**, chẳng thoái chuyển **A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác). Đây gọi là Nhân Duyên việc lớn lợi ích của Danh Hiệu thuộc Công Đức chẳng thể nghĩ bàn”

Lúc Đức Phật nói Kinh này thời khắp Đại Địa chấn động theo sáu cách, trời tuôn mưa hoa màu nhiệm, tự nhiên trong hư không có âm thanh lớn vì diệu khen ngợi Đức Phật **Bất Khả Tư Nghị Quang Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh** ấy với Đức Thế Tôn ở ngày nay, nói Nhân Duyên lợi ích của việc lớn.

Khi Đức Thế Tôn nói Kinh này thời vô lượng Hữu Tình phát **Vô Thượng Chính Chân Đạo Ý**. Chư Thiên, người dân được quả **A Na Hàm** (Anāgāmin: *Bất Hoàn, Bất Lai, Bất Lai Tướng là Bạc Thánh thuộc quả vị thứ ba trong bốn quả vị của Thanh Văn*). Các Đại Bồ Tát dùng **bốn Hoảng Thệ** (4 loại Nguyện rộng lớn), trang nghiêm Công Đức, ở đời tương lai, ứng thành **Chính Giác**.

Đức Phật nói Kinh xong thời các chúng Đại Bồ Tát, các chúng Đại Thanh Văn Đề Tử thuộc nhóm A Nan...nghe điều Đức Phật đã nói, đều vui vẻ lễ Phật rồi lui ra.

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN VIỆC LỚN
LỢI ÍCH CỦA DANH HIỆU VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT
Hết

09/08/2011



PHẬT NÓI KINH THẬP VẮNG SINH A DI ĐÀ PHẬT QUỐC

Hán dịch: Mất tên người dịch. Nay trích bản ghi chép thuộc đời Chu
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật trụ trong núi **Kỳ Xà Quật** (Gṛdhra-kūṭa) tại thành **Vương Xá** (Rāja-grha) cùng với **chúng Đại Tỳ Khru** (Mahatā-bhikṣu-saṃgha) gồm một vạn hai ngàn người đến dự, đều là bậc **Đại A La Hán** (Mahā-srāvaka: Đại Thanh Văn) mà mọi người đã biết. Tên các vị ấy là **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa), **Ma Ha A Na Luật Đà** (Mahā-Aniruddha) đều là bậc Thượng Thủ (Paramukha) của nhóm như vậy.

Lại cùng với vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát đến dự, tất cả đều trụ tại địa vị **Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika), vô lượng Công Đức, mọi chỗ trang nghiêm. Tên các vị ấy là **Diệu Cát Tường Bồ Tát** (Mañjuśrī), **Vô Năng Thắng Bồ Tát** (Ajita), **Thường Tinh Tiến Bồ Tát** (Nityodyukta), **Bất Hưu Tức Bồ Tát** (Gandha-hasta: Hương Tượng)... Các vị Đại Bồ Tát của nhóm như vậy đều là bậc Thượng Thủ

Lại có **Thích Đề Hoàn Nhân** (Śakra), **Kham Nhẫn Giới Chủ** (Sahāmpati), **Đại Phạm Thiên Vương** (Mahā-brahma-deva-rāja), bốn vị **Đại Thiên Vương** (Catur-mahā-rājakajikah). Như vậy là bậc Thượng Thủ của trăm ngàn **câu đê** (Koṭi) **na dữu đa** (Nayuta) số các chúng **Thiên Tử** (Devaputra) với hàng **A Tổ Lạc** (Asura)... vì nghe Pháp cho nên thấy đều đến tập hội, đều lễ bàn chân của Đức Phật rồi lui ra ngồi một bên.

Bấy giờ **A Nan** (Ānanda) bạch Phật rằng: “Đức Thế Tôn từ khi thành Đạo đến nay, ở trong Pháp **giải Thoát** của tất cả chúng sinh, rộng diễn bày Kinh Điển **Đại Thừa** (Mahā-yāna), tuyên nói sự vi diệu tối thắng thanh tịnh trang nghiêm của Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhāvatī) ở phương Tây. Bản Thệ, Nguyên năng, Công Đức chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha). Pháp của tất cả chúng sinh vắng sinh về Thế Giới Cực Lạc... Chúng con đã nghe kỹ, tin nhận, tu hành. Nhưng chưa được nghe Pháp **Quán Thân**, việc ấy như thế nào ? Nguyên xin diễn nói”

Đức Phật bảo A Nan: “Phàm Pháp **Quán Thân**. Chẳng quán Đông Tây. Chẳng quán Nam Bắc. Chẳng quán bốn phương bằng, phương trên, phương dưới. Chẳng quán Duyên bên ngoài. Chẳng quán Duyên bên trong. Chẳng quán hình sắc của Thân. Chẳng quán màu sắc, âm thanh. Chẳng quán hình sắc, hình tượng. Chỉ quán **Vô Duyên** (không có Duyên). Đây là Pháp **Chính Chân Quán Thân**. Trừ **Quán Thân** đó ra, mười phương xét kỹ, cầu nơi nơi chốn chốn đều không có Pháp khác mà được giải thoát”

Đức Phật lại bảo A Nan: “Chỉ tự **Quán Thân** thì Thiện Lực tự nhiên, Chính Niệm tự nhiên, Giải Thoát tự nhiên. Tại sao thế ? Ví như có người tinh tiến, Tâm ngay thẳng được Chính Giải Thoát. Người như vậy chẳng cầu giải thoát mà giải thoát tự đến”

A Nan lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Chúng sinh trong Thế Gian, nếu có Chính Niệm Giải Thoát như vậy thời lẽ ra không có tất cả Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh... ba đường ác ?!...”

Đức Phật bảo A Nan: “Chúng sinh trong Thế Gian chẳng được giải thoát. Tại sao thế ? Vì tất cả chúng sinh đều do có nhiều điều hư hão, ít điều thật, không có một Chính Niệm. Do Nhân Duyên đó mà Địa Ngục thì nhiều, giải thoát thì ít. Ví như có

người đối với cha mẹ của mình cùng với Thầy, Tăng... bên ngoài hiền điều Hiếu Thuận nhưng bên trong ôm giữ sự Bất Hiếu, bên ngoài thì tinh tiến nhưng bên trong ôm giữ sự chẳng thật. Người ác như vậy, tuy nghiệp báo chưa đến nhưng chẳng lâu sẽ rơi vào ba đường (Địa Ngục, Quỷ đói, Súc Sinh), không có Chính Niệm, chẳng được giải thoát”

A Nan lại bạch Phật rằng: “Nếu người như vậy thì nên tu **căn lành** (Kusala-mūla) nào để được Chính Giải Thoát ?”

Đức Phật bảo A Nan: “Nay ông hãy khéo lắng nghe ! Nay Ta vì ông nói có mười Pháp **Văn Sinh** thuộc Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây, có thể được giải thoát. Thế nào là mười ?

1_ **Quán Thân Chính Niệm**, thường ôm lòng vui vẻ, đem thức ăn uống, quần áo dâng thí Phật với Tăng, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

2_ **Chính Niệm**, dùng thuốc tốt ngon ngọt dâng thí cho một vị Tăng bị bệnh với tất cả, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

3_ **Chính Niệm**, chẳng hại một sinh mạng, Từ Bi với tất cả, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

4_ **Chính Niệm**, theo Thầy, đã thọ nhận Giới, Tịnh, Tuệ thường tu **Phạm Hạnh** (Brahma-caryā), thường ôm lòng vui vẻ, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

5_ **Chính Niệm**, hiếu thuận với cha mẹ, kính phụng Sư Trưởng, chẳng khởi Tâm kiêu mạn, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

6_ **Chính Niệm**, đi đến chỗ Tăng Phường (phòng xá mà Tăng Ni cư ngụ), cung kính chùa tháp, nghe Pháp hiểu một nghĩa, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

7_ **Chính Niệm**, trong một ngày một đêm thọ trì tám **Trai Giới** chẳng phá một Giới, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

8_ **Chính Niệm**, nếu hay ở trong ngày **Trai** của tháng mà xa lìa phòng xá, thường đến chỗ của Thầy tốt (thiện sư), sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

9_ **Chính Niệm**, thường hay giữ gìn **Tịnh Giới**, siêng tu **Thiền Định**, hộ Pháp, chẳng nói lời ác. Nếu hay hành như vậy, sẽ sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

10_ **Chính Niệm**, nếu đối với Đạo vô thượng chẳng khởi Tâm phi báng, tinh tiến giữ gìn **Tịnh Giới**, lại dạy bảo người không có Trí, lưu bố Kinh Pháp này giáo hoá vô lượng chúng sinh. Các hạng người như vậy đều được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

Bấy giờ, Thế Giới ở mười phương chấn động theo sáu cách, tuôn mưa châu báu, toả mùi thơm. Tất cả các Bồ Tát trong nước Phật ở phương khác đi đến tụ tập tại Hội này, một lòng nghe Pháp.

Trong Đại Hội có một vị Bồ Tát tên là **Son Hải Tuệ** bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Nước của Đức Phật A Di Đà ấy có việc thù thắng diệu lạc nào mà tất cả chúng sinh đều nguyện sinh về nước ấy ?”

Đức Phật bảo Son Hải Tuệ Bồ Tát: “Nay ông cần phải đứng dậy, chấp tay, ngay thẳng thân, hướng về phương Tây, chính niệm, quán nước của Đức Phật A Di Đà, nguyện nhìn thấy Đức Phật A Di Đà”

Khi ấy, tất cả Đại Chúng cũng đều đứng dậy, chấp tay, cùng nhau quán Đức Phật A Di Đà.

Lúc đó, Đức Phật A Di Đà hiện Đại Thân Thông, phóng ánh sáng lớn chiếu thân của Son Hải Tuệ Bồ Tát.

Bấy giờ nhóm của Bồ Tát Son Hải Tuệ liền nhìn thấy cõi nước của Đức Phật A Di Đà với hết thảy việc trang nghiêm, tốt đẹp, màu nhiệm...đều là bảy báu, núi bảy báu,

tháp bảy báu, phùng bảy báu, lầu gác bảy báu...Nước, chim, cây, rừng thường tuôn ra **Pháp Âm** (Dharma-ghoṣa). Cây Đạo Trường của nước ấy cao 40 vạn Do Tuần, dưới gốc cây có **toà Sư Tử** (Simhāsana) cao 500 Do Tuần, ngày ngày Đức Phật A Di Đà thường chuyển **bánh xe Pháp** (Dharma-cakra). Người dân của nước ấy chẳng tu tập việc bên ngoài, chính tu tập việc bên trong, miệng nói lời của **Phương Đăng** (Vaipulya), tai nghe tiếng của Phương Đăng, Tâm hiểu nghĩa của Phương Đăng.

Khi ấy Sơn Hải Tuệ Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Nay chúng con nhìn thấy sự Thắng Diệu lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của nước ấy. Nay con nguyện cho tất cả chúng sinh thấy đều vãng sinh, sau đó chúng con cũng nguyện sinh về nước ấy, như Đức Phật đã ghi nhận là: *“Chính Quán, Chính Niệm được Chính Giải Thoát thấy đều sinh về nước ấy”*

Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ Bồ Tát: “Nay ông muốn độ tất cả chúng sinh thời cần phải thọ trì Kinh đó”

Đức Phật bảo Đại Chúng: “Sau khi Ta diệt độ, hãy thọ trì Kinh này, trong tám vạn kiếp, rộng tuyên lưu bố cho đến một ngàn Đức Phật đời **Hiền Kiếp** (Bhadra-kalpa), khiến khắp các chúng sinh được nghe biết, tin tưởng, ưa thích tu hành. Người nói, người nghe đều được sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Nếu có người thuộc nhóm như vậy thời Ta từ ngày hôm nay thường sai khiến 25 vị Bồ Tát hộ trì người đó, thường khiến cho người đó không có bệnh, không có bức bối. Hoặc **Người** (Manuṣya), hoặc **Phi Nhân** (Amanuṣya) chẳng được dịp thuận tiện gây hại. Đi, đứng, ngồi, nằm không có kể ngày hay đêm thường được an ổn.

Nếu có chúng sinh tin sâu Kinh đó, niệm **A Di Đà Phật**, nguyện được vãng sinh thời Đức Phật A Di Đà của Thế Giới Cực Lạc ấy sai khiến **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta), **Dược Vương Bồ Tát** (Bhaiṣajya-rāja), **Dược Thượng Bồ Tát** (Bhaiṣajya-samudgata), **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra), **Pháp Tạng Bồ Tát** (Dharmesvara), **Sư Tử Hống Bồ Tát** (Simha-nāda), **Đà La Ni Bồ Tát** (Dhāraṇī), **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha), **Đức Tạng Bồ Tát** (Guṇa-garbha), **Bảo Tạng Bồ Tát** (Ratna-garbha), **Kim Tạng Bồ Tát** (Suvarṇa-garbha), **Kim Cương Bồ Tát** (Vajra), **Sơn Hải Tuệ Bồ Tát** (Giri-sāgarāmatī), **Quang Minh Vương Bồ Tát** (Rāśmi-prabha-rāja), **Hoa Nghiêm Vương Bồ Tát** (Avatamsaka-rāja), **Chúng Bảo Vương Bồ Tát** (Guṇa-ratna-rāja), **Nguyệt Quang Vương Bồ Tát** (Candra-prabha-rāja), **Nhật Chiếu Vương Bồ Tát** (Divā-kara-rāja), **Tam Muội Vương Bồ Tát** (Samādhi-rāja), **Tự Tại Vương Bồ Tát** (Īśvara-rāja), **Đại Tự Tại Vương Bồ Tát** (Maheśvara-rāja), **Bạch Tạng Vương Bồ Tát** (Śukla-hastā-rāja), **Đại Uy Đức Vương Bồ Tát** (Mahā-teja-rāja), **Vô Biên Thân Bồ Tát** (Ananta-kāya). Hai mươi lăm vị Bồ Tát như vậy ủng hộ Hành Giả, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc ban ngày, hoặc ban đêm, tất cả Thời, tất cả nơi chốn...chẳng để cho Quỷ ác, Thần ác được dịp thuận tiện gây hại”.

Đức Phật lại bảo Sơn Hải Tuệ: “Kinh này có tên là **Đổ A Di Đà Phật Sắc Thân Chính Niệm Giải Thoát Tam Muội Kinh**, cũng có tên là **Độ Chư Hữu Lưu Sinh Tử Bát Nạn Hữu Duyên Chúng Sinh Kinh**...Như vậy mà thọ trì.

Chúng sinh chưa có **Niệm Phật Tam Muội Duyên** thì Kinh này hay cho tạo mở **Môn Đại Tam Muội** (Mahā-samādhi-mukha). Kinh này hay cho chúng sinh đóng bít cửa Địa Ngục. Kinh này hay cho chúng sinh trừ khử người gây hại, Quỷ ác...diệt hết bốn hướng thấy đều an ổn”

Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ: “Như Ta đã nói nghĩa ấy như vậy”

Sơn Hải Tuệ Bồ Tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Nay con đỉnh thọ **Tôn Kinh** chẳng dám có sự nghi ngờ. Có điều ở đời này với đời vị lai, chúng sinh trong **các Hữu**

(các cõi) phần lớn sinh phi báng, chẳng tin Kinh này. Người như vậy thời sau này như thế nào?”

Đức Phật bảo Sơn Hải Tuệ Bồ Tát: “Sau này, ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa) hoặc có Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, hoặc nam hoặc nữ thấy có người đọc tụng Kinh này...hoặc đem Tâm giận dữ, ôm ấp phi báng. Do chê bai Chính Pháp đó cho nên người này trong đời hiện tại bị các bệnh ác nặng nề, thân căn chẳng đủ. Hoặc bị bệnh điếc, bệnh mù, bệnh câm, bệnh ngọng, bệnh bộ sinh dục thất thường, Quỷ, My, Tà, gió mạnh bạo, lạnh, nóng, bệnh trĩ, bệnh toàn thân sưng phù, mất Tâm....Các bệnh ác nặng nề của nhóm như vậy, đời đời ở tại thân, chịu khổ đau như vậy, ngồi nằm chẳng yên, đi tiểu đi cầu cũng chẳng thông, cầu sống chẳng được, cầu chết chẳng xong. Hoặc cho đến lúc chết bị đọa vào Địa Ngục trong tám vạn kiếp nhận chịu đại khổ não, trăm ngàn vạn đời chưa từng nghe tên gọi của nước với thức ăn. Lâu sau được sinh ra trong cõi người, làm: trâu, ngựa, heo, dê...bị người giết hại, chịu đại khổ não. Sau này được thân người, thường sinh vào nhà hèn kém trăm ngàn vạn kiếp chẳng được tự tại, vĩnh viễn chẳng nghe danh tự của Tam Bảo. Vì chê bai Kinh này cho nên chịu khổ như vậy. Chính vì thế cho nên trong đám người không có Trí thì đừng nói **Chính Quán Chính Niệm** của Kinh này. Người như vậy, sau này cùng với họ, nói sự chẳng kính Kinh này sẽ bị đọa vào Địa Ngục, kẻ kia kính trọng sẽ được Chính Giải Thoát, sinh về nước của Đức Phật A Di Đà.

Nếu có **Tỳ Khuru** (Bhikṣu), **Tỳ Khuru Ni** (Bhikṣuṇi), **Ưu Bà Tắc** (Upāsaka), **Ưu Bà Di** (Upāsikā), **kẻ trai lành** (Kula-putra), người nữ thiện...chân chính tin tưởng Kinh này, yêu thích Kinh này, khuyến Đạo chúng sinh thì người nói, người nghe thấy đều sinh về nước của Đức Phật A Di Đà. Chính vì thế cho nên người có niềm tin, sau khi Ta diệt độ mà thọ trì Kinh Pháp này; trong thời **Chính Pháp** (Sad-dharma), **Tượng Pháp** (Saddharma-pratirūpaka), **Mạt Pháp** (Saddharma-vipralopa), **đời ác trước** (Duṣṭa-kaṣāya)...rộng tuyên lưu bố thí người đó tức là Đệ Tử chân chính của Ta, hiện thân, liền được **A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)”.

Đức Phật nói Kinh xong, thời Tôn Giả A Nan, các Đại Thanh Văn với các Tỳ Khuru, Bồ Tát Ma Ha Tát, tất cả Thế Gian, Trời, Người, A Tu La...nghe điều Đức Phật đã nói, đều rất vui vẻ, tin nhận, phụng hành.

PHẬT NÓI KINH THẬP VÃNG SINH A DI ĐÀ PHẬT QUỐC

Hết

07/08/2011

MƯỜI HAI LỄ

Hán dịch : THIÊN NA QUẬT ĐA Tam Tạng dịch riêng văn **Lễ Phật A Di Đà**
của LONG THỌ BỒ TÁT
Việt dịch : HUYỀN THANH

Chí Tâm quy mệnh lễ Tây Phương A DI ĐÀ Phật

1_ Cúi lạy nơi Người Trời cung kính
A Di Đà Tiên Lững Túc Tôn
Ngự tại cõi An Lạc vi diệu
Vô lượng chúng Phật Tử vây quanh
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
2_ Màu vành thanh tịnh như Sơn Vương
Hạnh **Xa Ma Tha** như voi bước
Hai mắt trong sạch như sen xanh
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
3_ Mặt hiền tròn sạch như trăng đầy
Uy quang giống như ngàn Nhật Nguyệt
Tiếng như trống Trời **Câu Xí La**
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
4_ Trụ trong mào đội của Quán Âm
Mọi tướng màu nhiệm , báu trang nghiêm
Giáng phục Ngoại Đạo, Ma, Kiêu Mạn
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
5_ Khôn sánh , không dơ, rộng thanh tịnh
Mọi Đức tinh sạch như hư không
Lợi ích đã làm được tự tại
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
6_ Mười phương chúng Bồ Tát nghe tên
Vô lượng chư Ma thường khen ngợi
Vì các chúng sinh, trụ Nguyện Lực
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
7_ Ao báu đầy vàng sinh ra hoa
Căn lành tạo thành tòa Diệu Cao
Ngự trên tòa ấy như Sơn Vương
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
8_ Mười phương Phật Tử đã mong cầu
Hiện hiện thần thông đến An Lạc
Chiêm ngưỡng Tôn nhan thường cung kính
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật

Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
9_ Chư Hữu đều vô thường, vô ngã
Cũng như trăng nước, ánh điện, sương
Vì chúng nói Pháp không văn tự
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
10_ Tôn ấy: Vô lượng cảnh phương tiện
Không có các nẻo (6 nẻo luân hồi), tri thức ác
Vãng sinh chẳng thoái, đến Bồ Đề
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
11_ Tôn ấy: Cõi Phật không tên ác
Cũng không người nữ, sợ nẻo ác
Mọi người chí tâm kính Tôn ấy
Nên con đỉnh lễ Di Đà Phật
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc
12_ Con nói Công Đức của Tôn ấy
Mọi khổ vô biên như nước biển
Căn lành thanh tịnh thâu gom được
Hồi hướng chúng sinh về cõi ấy
Nguyện cùng các chúng sinh sinh về cõi An Lạc

_ Hết _

20/04/2006



NIỆM PHẬT TAM MUỘI (Trích trong **Đàn Kỳ Tùng Thư**, tập 2, quyển 23)

Hán văn: Cô Tô_ Người nước Kim (Kim Nhân)_ THUY THÁNH THÁN biên soạn

Việt dịch: HUYỀN THANH

Đức **Thích Tôn** (Thích Ca Mâu Ni) trụ trì ở Thế Giới **Sa Bà** (Sahā-lokadhātu). Đức Thế Tôn **Lô Xá Na** (Locana) trụ trì ở Thế Giới **Hoa Tạng** (Kusuma-garbha).

Đức Thích Tôn mới thành Phật, Đức Lô Xá Na vốn đã thành Phật, Thế Giới ở phương khác có Đức Phật **A Di Đà** (Amita) trụ ở cõi nước **Cực Lạc** (Sukhāvatī). Một **hoa** là một Đức Thế Tôn, chẳng phải là chỗ mà sự tính toán có thể theo kịp. Bởi thế Kinh **A Di Đà** là Kinh *không có người hỏi mà tự nói* (Vô vấn tự thuyết kinh), đầu đề ghi là **Phật nói A Di Đà**, bên dưới ghi thêm chẳng được một chữ **Phật**

Đức Phật **Nhiên Đăng** (Dīpaṃkara) là một vị trần Phật. Đức Phật **Thích Ca** (Śākya-muṇi) là vô lượng vị trần Phật. Đức Phật Thích Ca gọi là *dứt khỏi bệnh tật*, Đức **A Di Đà** (Amita) gọi là *vốn không có bệnh*

Đức Phật nói Kinh **A Di Đà**. Riêng một việc thực hành cùng với các Kinh chẳng giống nhau, lại là vì tất cả chúng sinh, rốt ráo chẳng hay phá **cái Tôi** (ngã).

Đất riêng biệt (đặc địa) là đề cử toàn **Pháp Giới** (Dharma-dhātu)

Nói “*người vốn trụ ngay trong cõi nước Cực Lạc, mỗi mỗi đều là hoa sen hoá sinh*” lại rất chẳng tốt. Ví như người phụ nữ xấu xí, thông thường bị dấu trong phòng sâu tối, hay cung cấm...thì cũng tự hiểu phong tục vậy.

Bốn chữ *vui, giận, thương, thích* (hỷ, nộ, ái, lạc) thì dùng **Lạc** (sự ưa thích) làm cùng cực. Bởi thế biết rằng Học Giả ưa thích Thánh Nhân. Sự ưa thích (Lạc) tức là Trời, Đất vậy

Hoa Sen. Lấy nghĩa của *trợ nhau liên tiếp* gọi là **Sen** (Ba đời liên tiếp, Hoa có gương sen, gương sen có cộng sen dưới mặt đất) Nhân chẳng phải là **Thật Tướng** cho nên nói là **Hoa**. Mỗi một chúng sinh đều ngồi trên một hoa, hoa nở thấy Phật, tức nhìn thấy Đức Phật Thích Ca vậy

Chín Phẩm Hoá Sinh của cõi nước Cực Lạc

Thượng Phẩm Thượng Sinh lại là **Di Lạc Nhất Sinh Bồ Xứ** ở đây thành Phật

Hạ Phẩm Hạ Sinh lại là tội nhân trong Đại Địa Ngục A Tỳ ở đây thành Phật Do Người này phạm vào tội lớn cực ác, nên rơi xuống ngục A Tỳ. Có bát Thiện Tri Thức dùng mọi loại Nhân Duyên, xướng **A Di Đà Phật** (Amita-buddha). Như cái nhà ám tối ngàn năm được một ngọn đèn chiếu soi, nên tội nhân đấy nghe Danh Tự này thì Địa Ngục liền ở ngay trong hoa sen, mà Hoa Sen này tức ở ngay trong cõi nước Cực Lạc, còn cõi nước Cực Lạc là ở trong Thế Giới của Đức Phật A Di Đà. Thế Giới của Đức Phật A Di Đà này lại liền ở ngay trong ruộng **Tám Thức** của một tội nhân bên trong vô lượng Địa Ngục lớn. Tổng tội lớn cực ác mà người đấy đã phạm chẳng chống cự nổi Danh Tự **A Di Đà**. Bởi thế Địa Ngục tùy theo Thời bị nghiền nát thành bụi phấn. Đây là **Hạ Phẩm Hạ Sinh** vậy

Bồ Tát chẳng nguyện trụ ở Thế Giới ác trược, tức *chẳng được, chẳng cầu sinh về Cực Lạc nhưng mà được sinh về Cực Lạc* lại là việc của **Quả**. Người muốn được **Quả**, trước tiên tu tạo **Nhân**. Thế nào là **Tạo Nhân** ? Là **Niệm Phật Tam Muội** vậy

Pháp **Niệm Phật** chẳng thể dùng **Vọng Tâm** niệm đến Phật từ xa, cũng chẳng thể dùng Vọng Tâm niệm nơi Vọng Tâm. Tại sao thế ? Vì **Vọng Tâm** là Nhân sinh tử, chẳng thể cảm thông đến **Bản Tế** (Bờ mé của cứu cánh căn bản) cho nên dùng Nhân sinh tử chẳng thể cảm thông. Vì thế Phật vốn chẳng xa mà thành xa xôi vậy

Lại nữa, **Vọng Tâm niệm nơi Vọng Tâm**. Kẻ phàm phu chính là Vọng Tâm liên tục trợ giúp nhau, đến rơi vào Địa Ngục. Nay lại dạy dùng như vậy **niệm Phật** thì việc ấy tức dùng Vọng Tâm lúc trước làm **Niệm**, Vọng Tâm lúc sau làm **Phật**. Hoặc dùng Vọng Tâm lúc trước làm **Phật**, Vọng Tâm lúc sau làm **Niệm**. Như vậy tức cùng với Thế Gian luân hồi có khác gì đâu !...Thế nên chỗ của Pháp này, chẳng nên dùng

Phàm Pháp **Niệm Phật**, chẳng nên trước tiên nhìn thấy Phật, tiếp theo **tác Niệm**. Phải nên trước tiên **Niệm Thành**, tiếp theo nhìn thấy Phật. Tại sao thế ? Nếu trước tiên nhìn thấy Phật thì Phật là việc gì ?!... Như vậy gọi là người Đại Vọng Ngũ.

Lại tức khiến cho **Cảm Ứng, Đạo Giao**. Phật hoặc thị hiện, rồi Phật đến tìm thời **Niệm Phật** chạy vậy rất lâu vậy

Lại hướng chỉ là **Năng Niệm** chính là Vọng Tâm thì Vọng Tâm làm sao có thể mạo phạm với Phật. Ấy là *trước tiên niệm thành, tiếp theo nhìn thấy Phật*. **Niệm** là **Thật**, **Phật** là **giả**. Bồ Tát dùng **Bản Tế** (Bờ mé của cứu cánh căn bản) làm **Niệm**, mà dùng Vọng Tâm làm **Phật**.

Hỏi: “Vì sao chẳng dùng Vọng Tâm làm Niệm, Bản Tế làm Phật ?”

Đáp: “Bản Tế chẳng thể nhìn thấy. Chẳng thể nhìn thấy tức chẳng hay khiến cho Hành Nhân phát Tâm vui vẻ.

Lại **Bản Tế** chẳng tồn tại một hạt bụi nhỏ. Nếu Hành Nhân đối với **Niệm Xứ**, dùng sức tức rất chẳng nên.

Lại dùng cái chén Pha Lê chứa đựng sữa Sư Tử thì vật khí khác chẳng nhận được. Nếu Hành Nhân muốn dùng Vọng Tâm niệm Bản Tế thì ví như vật khí độc chứa đựng sữa Sư Tử, cuối cùng chẳng nhận được.

Lại **Niệm Phật Tam Muội** đối trị sinh tử. Nếu dùng Vọng Tâm đuổi theo thì cuối cùng vào biển sinh tử, không có nghỉ ngơi vậy.

Hết

10/08/2011

A DI ĐÀ PHẬT CHÂN NGÔN

Biên soạn: HUYỀN THANH

1_ A Di Đà Phật Nhất Tự Tâm Chú (1):

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ Amidhva hrīḥ

_ A Di Đà Phật Nhất Tự Tâm Chú (2):

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ Amita-Deva hrīḥ

_ A Di Đà Phật Nhất Tự Tâm Chú (3):

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ Amitābha hrīḥ

_ A Di Đà Phật Nhất Tự Tâm Chú (4):

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ Amitāyur- saṃ

2_ A Di Đà Phật Tâm Chú (1):

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ āḥ hrīḥ hūṃ

3_ A Di Đà Phật Tâm Chú (2):

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ āḥ arolik a hūṃ

4_ A Di Đà Phật Vãng Sinh Tâm Chú:

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ Padma-dhāri hūṃ

5_ A Di Đà Phật Đại Tam Ma Gia Thật Tướng Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ Amṛta teje hara hūṃ

6_ Vô Lượng Thọ Như Lai Tâm Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ Lokeśvara-rāja hrīḥ

7_ A Di Đà Phật Đại Tâm Ấn Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ Tathāgatāya hūṃ

8_ A Di Đà Phật Tọa Thiền Ấn Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ Amṛte hrīḥ

9_ A Di Đà Phật Diệt Tội Ấn Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं ऋ ह्रीं ह्रीं ॐ

Oṃ hrīḥ a aṃ hrīḥ hrīḥ hūṃ

10_ A Di Đà Phật Tâm Ấn Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं ॐ

Oṃ hrīḥ hūṃ hrīḥ hūṃ

11_ A Di Đà Phật Đỉnh Ấn Chân Ngôn:

ॐ सं ह्रीं सं ह्रीं

Oṃ saṃbhava saṃbhava

12_ A Di Đà Phật Luân Ấn Chân Ngôn:

ॐ धर्म ह्रीं

Oṃ dharma hrīḥ

13_ A Di Đà Phật Liệu Bệnh Pháp Ấn Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ duḥḍubhi-svara

14_ A Di Đà Phật Thuyết Pháp Ấn Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं धर्म ह्रीं धर्म

Oṃ hrīḥ dharma hrīḥ dharma

15_ A Di Đà Phật Diệu Quán Sát Trí Ấn Chân Ngôn:

ॐ सम्यक् सम्यक्

Oṃ samaya padme hrīḥ

16_ A Di Đà Phật Tứ Thập Bát Nguyên Ấn Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं ॐ ह्रीं

Oṃ a hūṃ kham

17_ A Di Đà Phật Cửu Phẩm Vãng Sinh Ấn Chân Ngôn:

_ Chân Ngôn chung là:

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं

Oṃ_ amṛta svāhā

_ Thượng Phẩm Thượng Sinh Ấn Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं धर्म ह्रीं ह्रीं

Oṃ _ amṛtodbhave dharma hrīḥ svāhā

_ Thượng Phẩm Trung Sinh Ấn Chân Ngôn:

ॐ ह्रीं ह्रीं ह्रीं ह्रीं धर्म ह्रीं ह्रीं

Oṃ_ amṛta-saṃbhava dharma hrīḥ svāhā

_ Thượng Phẩm Hạ Sinh Ấn Chân Ngôn:

ॐ ऋमृगर्भे धर्म ह्रीं स्वाहा

Oṃ _ amṛta-garbhe dharma hrīḥ svāhā

_ Trung Phẩm Thượng Sinh Ấn Chân Ngôn:

ॐ ऋमृसिद्धे धर्म ह्रीं स्वाहा

Oṃ _ amṛta-siddhe dharma hrīḥ svāhā

_ Trung Phẩm Trung Sinh Ấn Chân Ngôn:

ॐ ऋमृतेजे धर्म ह्रीं स्वाहा

Oṃ _ amṛta-teje dharma hrīḥ svāhā

_ Trung Phẩm Hạ Sinh Ấn Chân Ngôn:

ॐ ऋमृविक्रान्ते धर्म ह्रीं स्वाहा

Oṃ _ amṛta-vikrānte dharma hrīḥ svāhā

_ Hạ Phẩm Thượng Sinh Ấn Chân Ngôn:

ॐ ऋमृविक्रान्तगमिने धर्म ह्रीं स्वाहा

Oṃ _ amṛta-vikrānta gamine dharma hrīḥ Svāhā

_ Hạ Phẩm Trung Sinh Ấn Chân Ngôn:

ॐ ऋमृगगाने कीर्तयेत धर्म ह्रीं स्वाहा

Oṃ _ amṛta gagana kīrtti kare dharma hrīḥ svāhā

_ Hạ Phẩm Hạ Sinh Ấn Chân Ngôn:

ॐ ऋमृदुन्दुबुधिसवरे धर्म ह्रीं स्वाहा

Oṃ _ amṛta-duṇḍubhisvare dharma hrīḥ svāhā

18_ A Di Đà Phật Lâm Chung Ấn Chân Ngôn:

ॐ अमिताकारा महामुने ह्रीं स्वाहा

Oṃ amita-karāya mahā-hūṃ hrīḥ svāhā

19_ A Di Đà Phật Tứ Phương Tịch Độ Vãng Sinh Ấn Chân Ngôn:

ॐ मने वक्षसरे हूँ म म म म म

Oṃ mane vakṣa-kṣara hūṃ a ā aṃ aḥ svāhā

20_ Đại Nhật Di Đà Bất Nhị Bí Ấn Chân Ngôn:

नमो अमिताभ उ म म म

Namo amitabuddha_ Oṃ aṃ a svāhā

21_ A Di Đà Pháp Thân Ấn Chân Ngôn:

ॐ म विरेके ह्रीं स्वाहा

Oṃ a vira hūṃ khaṃ hrīḥ svāhā

22_ A Di Đà Phật Thập Cam Lộ Đà La Ni:

नमो नमो नमो

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय
 नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय
 नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय
 नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय

Namo ratnatrayāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksambuddhāya

Tadyathā: amṛte, amṛtodbhave, amṛta sambhave, amṛtagarbhe, amṛta
 siddhe, amṛta teje, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, amṛta gagana
 kīrtti kare, amṛta duṇḍubhisvare, sarvārtha sādhanē, sarva karma kleśa
 kṣayaṃ kare svāhā

23_ Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Đà La Ni:

_ Lược bản của Thực Xoa Nan Đà (Cam Lộ Đà La Ni):

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय
 नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय
 नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय
 नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय

Namo amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksambuddhāya

Tadyathā: Oṃ amṛte, amṛtodbhave, amṛta sambhave, amṛta garbhe,
 amṛta siddhe, amṛta teje, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, amṛta
 gagana kīrtti kare, amṛta duṇḍubhisvare, sarvārtha sādhanē, sarva kleśa
 kṣayaṃ kare, svāhā

_ Lược bản của Pháp Hiền:

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय
 ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय
 ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय
 ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय

Namo ratnatrayāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksambuddhāya

Tadyathā: amṛte, amṛta bhavē, amṛtodbhave, amṛta sambhave, amṛta
 vikrānta gamine, gagana kīrtti kare, sarva karma kleśayaṃ kare svāhā

_ Lược bản của Cư Ma La Thập:

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta siddhambhavē, amṛta vikrānte, amṛta
 vikrānta gamine, gagana kīrtti kare svāhā

_ Lược bản của Cầu Na Bạt Đà La:

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय
 ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय
 ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय
 ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय नमो भगवते वासुदेवाय

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta siddhambhavē, amṛta vikrānte, amṛta
 vikrānta gamine, gagana kīrtti kare svāhā

_ Lược bản của Bồ Đề Lưu Chi:

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta sambhave, amṛta vikrānte svāhā

_ Lược bản của A Địa Cù Đa:

Namo ratna-trayāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksambuddhāya

Tadyathā: amṛte, amṛta bhave, amṛtodbhave, amṛta vikrānta gamine, gagana kīrtti kare, amṛta duṇḍubhisvare, sarva karma kleśa kariye svāhā

_ Lược bản của Tây Tạng:

Namo ratnatrayāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksambuddhāya

Tadyathā: Om amṛte, amṛtodbhave, amṛta sambhave, amṛta vikrānte, amṛta gāmini, gagana kīrtti kare, sarva kleśa kṣayaṃ kare svāhā

_ Lược bản của Đại Tạng Kinh 12, No.369 :

Namo buddhāya

Namo dharmāya

Namo saṃghāya

Namaḥ ārya amitābhāya tathāgatāya arhate samyaksambuddhāya

Tadyathā: amṛte, amṛtodbhave, amṛta sambhave, amṛta vikrānte gamine, gagana kīrtti kare, sarva pāpatā kṣayaṃ kare svāhā

Tại Việt Nam thường dùng lược bản của Cầu Na Bạt Đà La (Guṇa-bhadra).
Nhưng thời gian gần đây thì dùng Lược Bản là:

नमो अमिताभया तथगतया
तद्यथा अमृते अमृता भवे अमृतोदभवे अमृता विक्रान्ता गमिने
गगना कीर्त्ति करे अमृता दुण्डुबधिसवरे सर्वा कर्मा क्लेशा करीये स्वाहा

Namo amitābhāya tathāgatāya

Tadyathā: amṛtodbhave, amṛta sambhave, amṛta vikrānte, amṛta vikrānta gamine, gagana kīrtti kare svāhā

24_ A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni:

नमो अमिताभया तथगतया तद्यथा अमृते अमृता भवे अमृतोदभवे अमृता विक्रान्ता गमिने
गगना कीर्त्ति करे अमृता दुण्डुबधिसवरे सर्वा कर्मा क्लेशा करीये स्वाहा

अमिताभया तथगतया तद्यथा अमृते अमृता भवे अमृतोदभवे अमृता विक्रान्ता गमिने
गगना कीर्त्ति करे अमृता दुण्डुबधिसवरे सर्वा कर्मा क्लेशा करीये स्वाहा

अमिताभया तथगतया तद्यथा अमृते अमृता भवे अमृतोदभवे अमृता विक्रान्ता गमिने
गगना कीर्त्ति करे अमृता दुण्डुबधिसवरे सर्वा कर्मा क्लेशा करीये स्वाहा

अमिताभया तथगतया तद्यथा अमृते अमृता भवे अमृतोदभवे अमृता विक्रान्ता गमिने
गगना कीर्त्ति करे अमृता दुण्डुबधिसवरे सर्वा कर्मा क्लेशा करीये स्वाहा

अमिताभया तथगतया तद्यथा अमृते अमृता भवे अमृतोदभवे अमृता विक्रान्ता गमिने
गगना कीर्त्ति करे अमृता दुण्डुबधिसवरे सर्वा कर्मा क्लेशा करीये स्वाहा

કુમિલ્લે દ્વિતકુમિલ્લે ત્રિતકુમિલ્લે દન્ન સ્વદન્ન ભન્ન સ્વપ્રતિન્ન ભન્ન
સ્વપ્રતિષ્ઠન્ન

ઉત્તર સ્વસ્થા વદન્તિ મદન્તિ રૂપ જ્ઞાત સ્વપ્રતિદ્ય વદન્તિ સ્વદન્તિ ભિન્ન
સ્વદન્તિ ભિન્ન સ્વદન્

Tadyathā: bale abale sama bale nirdeśa niyātane nirmukte nimukhe
jvala prasādhane sukhavati nirdeśa

Amitāyurbale amitāyut garbha nirhare amitāyur prasādhane nirbuddhe
Ākāśa nirbuddhe ākāśa nirdeśa ākāśa nirjāte ākāśa kuśale ākāśa
darśane ākāśa tiṣṭhane

Rūpa nirdeśa rūpa śānite catvāri dharma prasādhane catvāri ārya-
satya prasādhane catvāri-māra-bhāna prasādhane

Bala vīrya prasādhane dharma śāntāne kuśale kuśala nirdeśa kuśala
pratiṣṭhane buddha kuśale vibuddha prabhasa

Dharma karane nirjāte nirbuddhe vimale virāje rāja rāse rasāgre
rasāgra bale rasāgra adhiṣṭhane

Kuśale pratikuśale vikuśale dānte sudānta citte supraśānta citte
supratiṣṭhite

Śure sumukhe dharme saddharme reva jvale anuśaya bale buddhākāśa
nirguṇe, buddhākāśarguṇe svāhā

25_ Thánh Vô Lượng Thọ Trí Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni:

નમઃ શ્રીભગવાતે અપરિમિતે અયુરજ્ઞાને સુવિને શ્વિતે જગત્સુ રસદ્યે નિર્જાયે
નિર્મુક્તે સમુદ્યુક્તે

નમઃ ઉં પુણ્ય પુણ્ય મહાપુણ્યે અપરિમિતે પુણ્યજ્ઞે નિર્મલપરિણે
ઉં મર્ત્યં મર્ત્યુર્ પરીત્યજ્યે વદન્તે ગગને સમક્ષે સ્વસ્થે ભિન્ને મર્ત્ય
નિર્મલપરિણે

Namo Bhagavate Aparimita-ayurjñāna-suvine-ścita-teja-rājāya
tathāgatāya arhate samyak sambuddhāya

Tadyathā: Oṃ puṇye puṇye mahā-puṇye aparamita-puṇya-jñāna-
sambhāra-upacite

Oṃ_ Sarva saṃskāra pariśuddha dharmate, gagana samudgate svabhāva
viśuddhe, mahā-naya parivāre _ svāhā

Lược Bản là:

નમઃ શ્રીભગવાતે અપરિમિતે અયુરજ્ઞાને સુવિને શ્વિતે જગત્સુ રસદ્યે નિર્જાયે
નિર્મુક્તે સમુદ્યુક્તે

નમઃ ઉં મર્ત્યં મર્ત્યુર્ પરીત્યજ્યે વદન્તે ગગને સમક્ષે સ્વસ્થે
ભિન્ને મર્ત્ય નિર્મલપરિણે

Namo Bhagavate Aparimita-ayurjñāna-suvine-ścita-teja-rājāya
tathāgatāya arhate samyak sambuddhāya

Tadyathā: Oṃ_ Sarva saṃskāra pariśuddha dharmate, gagana samudgate
svabhāva viśuddhe, mahā-naya parivāre _ svāhā

03/12/2008

TÂY PHƯƠNG PHÁT NGUYỆN VĂN

Hán văn: LIÊN TRÌ Đại Sư
Viết dịch: HUYỀN THANH

_ Cúi lạy **Tây Phương An Lạc Quốc Tiếp Dẫn Chúng Sinh Đại Đạo Sư**

Nay con phát nguyện, nguyện vãng sinh

Nguyện xin Từ Bi thương nhiếp thọ

_ Đệ Tử (họ tên là...) khắp vì bốn ân, ba cõi, chúng sinh trong Pháp Giới.

Vì cầu nơi **Đạo Vô Thượng Bồ Đề, Nhất Thừa** của chư Phật, cho nên chuyên Tâm trì niệm Hồng Danh vạn Đức của Đức Phật **A Di Đà**, cầu sinh về Tịnh Thổ.

Lại do Nghiệp nặng, Phước mỏng, Chướng sâu, Huệ kém, Tâm nhiễm dính dễ bùng cháy, Đức trong sạch khó thành.

Nay ở trước mặt Phật, năm vóc ân cần, dốc hết sức một lòng cúi đầu chân thành Sám Hối.

_ Con với chúng sinh từ Kiếp lâu xa đến nay, mê mờ Bản Tâm trong sạch, buông thả Tham Sân Si, nhiễm dính ba nghiệp ô uế, vô lượng vô biên tội dơ bản đã làm, vô lượng vô biên Oán Nghiệp đã kết tạo... Nguyện đều tiêu diệt.

Từ ngày hôm nay, lập Thệ Nguyện sâu:

Xa lìa Pháp ác, thề chẳng dám làm nữa.

*Siêng tu **Thánh Đạo**, thề chẳng lùi rút.*

Thề thành Chính Giác, thề độ chúng sinh

Xin Đức Phật A Di Đà dùng sức nguyện Từ Bi, chứng biết cho con, thương xót cho con, gia bị cho con

_ Nguyện con trong Thiên Quán, bờ mé của mộng my... được nhìn thấy Đức Phật A Di Đà, thân màu vàng ròng, được đi qua cõi báu trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà, được nương nhờ Cam Lộ Quán Đỉnh của Đức Phật A Di Đà, ánh sáng chiếu thân, đưa bàn tay xoa đầu của con, dùng áo che trùm thân con, khiến cho con tự trừ được Chướng của đời trước, tăng trưởng căn lành, phiền não đều trống rỗng, phá ngay Vô Minh, đột nhiên khai ngộ **Viên Giác Diệu Tâm**, cảnh **Tịch Quang** chân thật thường được hiện ra trước mặt, đến khi mạng sắp hết, đoán biết được Thời đến. Thân không có tất cả bệnh khổ, ách nạn. Tâm không có tất cả tham luyến, mê hoặc. Các căn vui thích, Chính Niệm rõ ràng, an lành buông bỏ Nghiệp Báo như nhập vào Thiên Định.

Đức Phật A Di Đà cùng với Quán Âm, Thế Chí, các Chúng Hiền Thánh phóng ánh sáng tiếp dẫn, đưa tay nâng đỡ.

Lầu gác, phượng, phan, hương lạ, nhạc Trời, Thánh Cảnh ở phương Tây...hiển bày trước mắt, khiến cho các chúng sinh nhìn thấy, nghe thấy đều vui vẻ cảm thán, phát Tâm Bồ Đề.

Vào lúc đó con nương theo đài Kim Cương đi theo sau Đức Phật, như khoảng búng ngón tay, sinh về nước Cực Lạc, bên trong ao bảy báu, trong hoa sen thù thắng. Hoa nở thấy Phật, thấy các Bồ Tát, nghe Pháp Âm màu nhiệm, được **Vô Sinh Nhẫn**. Ở khoảng phút chốc, phụng sự chư Phật, gần gũi được Phật **Thọ Ký**.

Được **Thọ Ký** xong, thấy đều thành tựu: ba Thân, bốn Trí, năm loại mắt, sáu Thông, vô lượng trăm ngàn Đà La Ni Môn, tất cả Công Đức.

Sau đó chẳng vì cõi **An Dưỡng** (cõi Cực Lạc), vào chốn **Sa Bà** (Thế Giới Ta Bà), chia thân vô số khắp các nước ở mười phương. Dùng Thần Lực tự tại chẳng thể nghĩ

bàn, mọi loại phương tiện, độ thoát chúng sinh đều khiến lìa nhiễm dính, trở lại được Tâm trong sạch, đồng sinh về phương Tây, vào **Địa Bất Thoái**

— Nguyên lớn như vậy:
“*Thế Giới không cùng tận
Chúng sinh không cùng tận
Nghiệp chướng với phiền não
Tất cả không cùng tận
Nguyên của con cũng không cùng tận*”

Nguyên nay: lễ Phật, phát Nguyên, Công Đức tu trì... hồi thí cho hữu tình, báo đáp chung cho bốn Ân, cùng giúp cho ba cõi, chúng sinh trong Pháp Giới, đồng viên thành **Chủng Trí**

—Hết—

04/12/2011



TRUYỆN ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

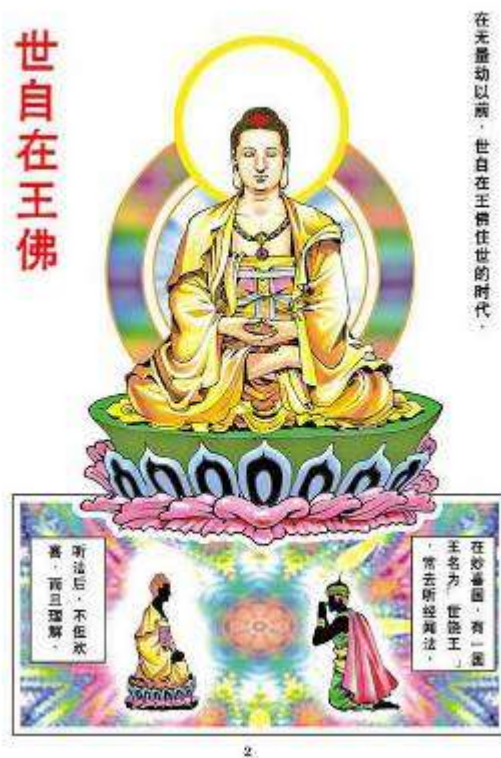
(Bản vẽ tản mạn)

Hán văn: Không rõ tên người soạn

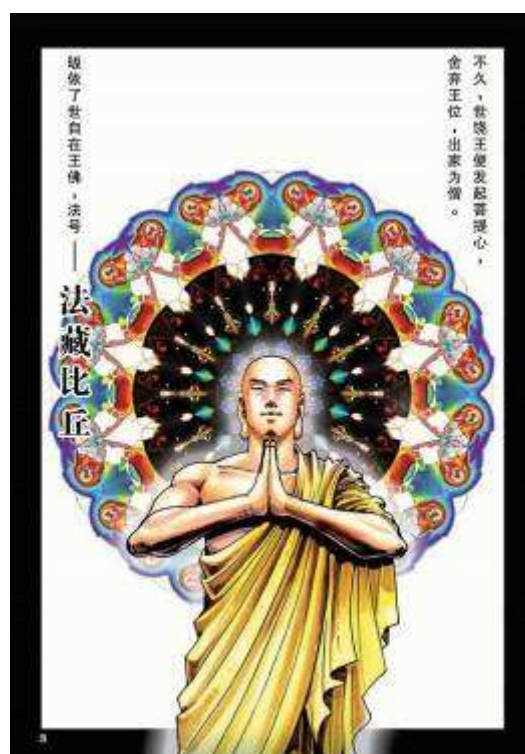
Việt dịch: HUYỀN THANH



1_ Hơn hai ngàn năm trước, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Śākya-muṇi) hướng đến chúng Đại Đệ Tử giảng thuật xong **Kinh Vô Lượng Thọ** (Aparimitāyur-sūtra). Đức Phật Đà (Buddha) tuyên xưng: *Ngay khi kỳ Mạt Pháp đến, tất cả Kinh Điển bị đoạn diệt, sau đó Kinh này còn trụ ở đời một trăm năm để hóa độ chúng sinh có duyên.* Tại Kinh **vô Lượng Thọ** ghi nhận rất rõ sự tích vĩ đại của Đức Phật A Di Đà (Amitāyus: Vô Lượng Thọ) như: vì sao tu thành Phật, sáng tạo Thế Giới **Cực Lạc** (Sukhā-vatī) như thế nào.



2_ Ở vô lượng kiếp trước, vào thời đại Đức Phật **Thế Tự Tại Vương** (Lokesvara-rāja) trụ ở đời, tại nước **Diệu Hỷ** (Abhirati) có một vị quốc vương tên là **Thế Nhiều Vương** (?Lokesvara-rāja) thường đến lắng nghe Kinh, nghe Pháp. Sau khi nghe Pháp, chẳng những vui vẻ mà còn Lý Giải được.



3_ Chẳng bao lâu, **Thế Nhiều Vương** liền phát khởi **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta), xuất gia làm Tăng, quy y với Đức Phật Thế Tự Tại Vương, Pháp Hiệu là **Pháp Tạng Tỷ Khưu** (Dharmakāra-bhikṣu)



4_ Tỳ Khưu **Pháp Tạng** ôm ấp chí lớn, mắt nhìn thấy chúng sinh có nghiệp chướng sâu nặng, Phước Tuệ mỏng kém, còn thêm sinh mệnh ngắn ngủi, chẳng chịu nói **Thành Phật**, hợp nhau thoát là Luân Hồi chẳng phải là việc dễ dàng.....

“Ta phải có tài năng như thế nào để trợ giúp cho chúng sinh thoát là được biển khổ? Tài năng dường nào mới có thể khiến cho Đại Chúng sớm ngày được thành Phật đây?”

Tỳ Khưu Pháp Tạng nghĩ tìm mỗi một vấn đề tốt đẹp lâu dài.

“Có một cõi Trời nào, khi chết nhờ vào tướng mà đến được chăng? Liệu có Pháp giải quyết chăng?!...”



5_ Tự bản thân Ta, ắt nên trước tiên phải thành một Tôn là vị Phật được mười phương khen ngợi, hấp dẫn con mắt của chúng sinh kèm theo dựng lập một Thế Giới trang nghiêm xinh đẹp màu nhiệm, giúp cho chúng sinh đều khởi Ý ưa thích sinh về.

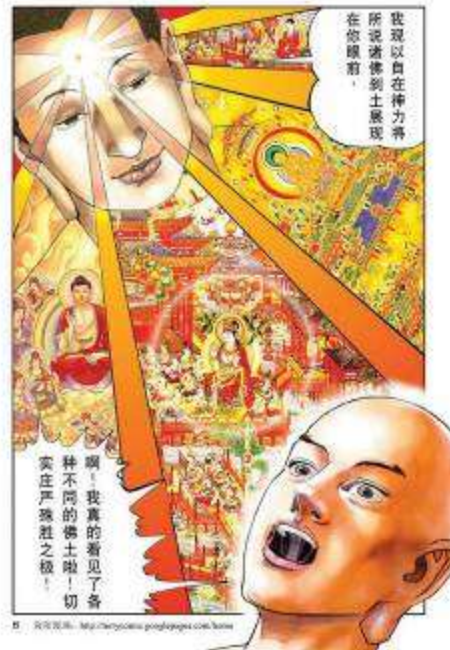
Lại gia thêm một Pháp Môn tu hành tuyệt diệu, thuận tiện cho chúng sinh khắp mười phương, vạn người tu vạn người được đến.



6_ “Phải cần tài năng như thế nào để thành một Tôn là vị Phật được mười phương khen ngợi đây? Đây là một loại **Phật Thổ** thật trang nghiêm? Đây là một loại Pháp Môn thật vi diệu nhỉ? Chẳng phải đi đến thỉnh giáo Đức Phật Thế Tự Tại Vương a....
“Này Pháp Tạng! Tâm Nguyên của ông rất vĩ đại! Chỉ yêu cầu Ý Chí kiên định, chí Tâm cầu Đạo, thành Phật đều chẳng khó”



7_ “Tâm Nguyên của ông cũng có thể như Nguyên”
“Thỉnh Phật Từ Bi rủ thương chỉ bày cõi nước tốt đẹp của chư Phật ở mười phương, cùng với Pháp trang nghiêm Tịnh Thổ. Con đều như Pháp tu hành”
Khi ấy Đức Phật **Thế Tự Tại Vương** liền tuyên nói rõ cảnh giới thuộc cõi nước của hai trăm mười ức chư Phật cùng với Pháp Môn tu hành chẳng giống nhau



8_ “Ta sẽ dùng Thần Lực đem cõi nước của chư Phật đã nói, triển hiện ngay trước tai mắt của ông”
 “A ! Con có thể nường tựa để nhìn thấy rõ các loại Phật Thổ chẳng đồng à ! Thật rất trang nghiêm thù thắng !



9_ “Ta chỉ cần đem cõi Phật đã thấy qua rồi vận dụng lấy bỏ, nhận lấy chỗ thù thắng đặc sắc trong cõi nước của chư Phật
 Dem phương pháp tu hành đã được nghe đến, bỏ điều khó khăn rồi tuyển chọn điều dễ dàng !
 Gom tập các Đại Uy trong Thế Giới của chư Phật, dựng lập Tịnh Thổ ở phương Tây !



10_ Trong nhiều Pháp Môn, dùng Pháp Môn **Niệm Phật** là phương tiện tích cực nhất. Ta đem điều này làm Pháp **phổ độ chúng sinh** !

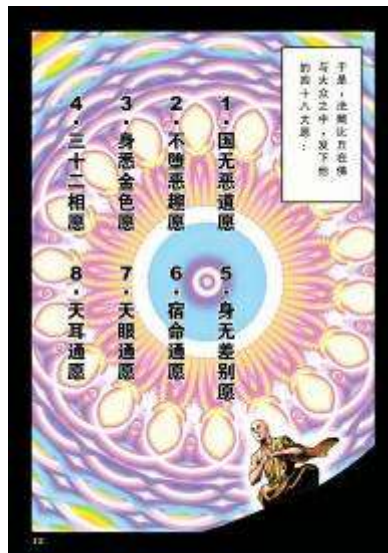
Tỳ Khuru Pháp Tạng trải qua đủ năm Kiếp, tu hành lâu dài, đến chốn hoang vắng cây cỏ rậm rạp, cuối cùng hoàn thành điều suy nghĩ. Trong con mắt Tâm gom tập điều tốt đẹp của cõi Phật khắp mười phương vào Tịnh Thổ tuyệt diệu của một thân



11_ Lúc đó Tỳ Khuru Pháp Tạng lại đi trở về gặp Đức Phật....

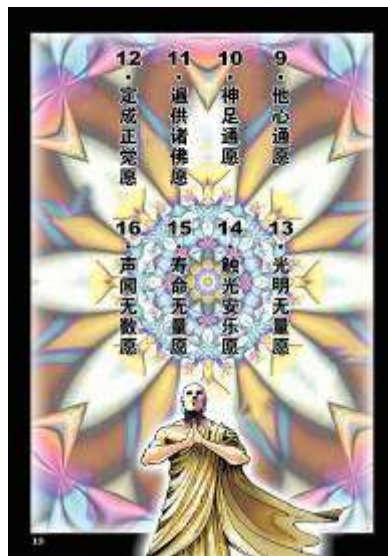
“Bạch Đức Phật Đà ! Con đã thành công, hoàn thành Tịnh Thổ trang nghiêm đã suy nghĩ, cũng thành tựu xong Hạnh thanh tịnh”

“Tốt lắm ! Này Pháp Tạng ! Ông đã tu đến Tâm chẳng khởi phân biệt, đã chứng xong Cảnh Giới không có chỗ chấp. Ông dùng Tâm trong sạch làm Nhân, tương lai cõi Phật đã chứng được cũng rất thanh tịnh trang nghiêm. Hiện tại ông có thể tuyên bố Nguyên lớn của ông”



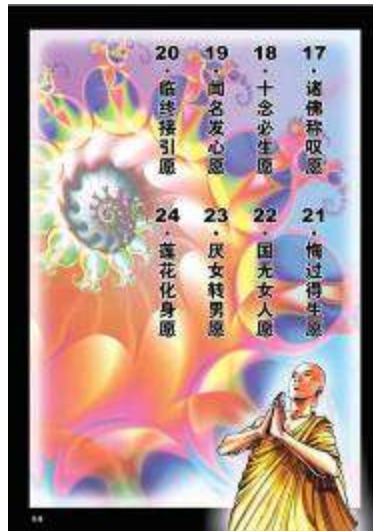
12_

- 1_ Nguyên cõi nước không có đường ác
- 2_ Nguyên chẳng bị rơi vào nẻo ác
- 3_ Nguyên thân đều có màu vàng ròng
- 4_ Nguyên có 32 Tướng
- 5_ Nguyên Thân không có sự sai biệt
- 6_ Nguyên có Túc Mệnh Thông
- 7_ Nguyên có Thiên Nhân Thông
- 8_ Nguyên có Thiên Nhĩ Thông



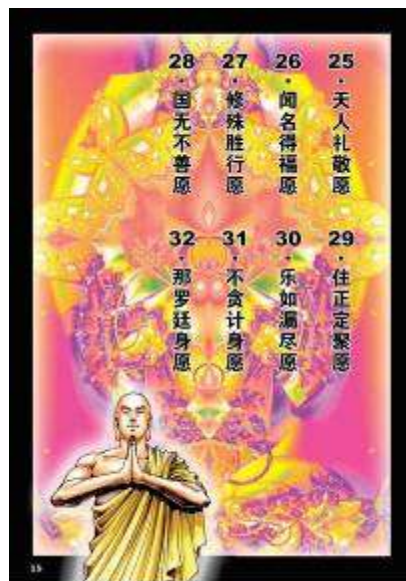
13_

- 9_ Nguyên có Tha Tâm Thông
- 10_ Nguyên có Thần Túc Thông
- 11_ Nguyên cúng khắp chư Phật
- 12_ Nguyên quyết định thành Chính Giác
- 13_ Nguyên ánh sáng vô lượng
- 14_ Nguyên tiếp chạm ánh sáng đều được an vui
- 15_ Nguyên Thọ Mệnh vô lượng
- 16_ Nguyên hàng Thanh Văn nhiều vô số



14_

- 17_ Nguyện chư Phật xưng tán
- 18_ Nguyện mười niệm ắt được vãng sinh
- 19_ Nguyện nghe tên phát Tâm
- 20_ Nguyện khi chết được tiếp dẫn
- 21_ Nguyện hồi lỗi được sinh
- 22_ Nguyện cõi nước không có người nữ
- 23_ Nguyện chán thân nữ được chuyển thành thân nam
- 24_ Nguyện hoa sen hóa thân

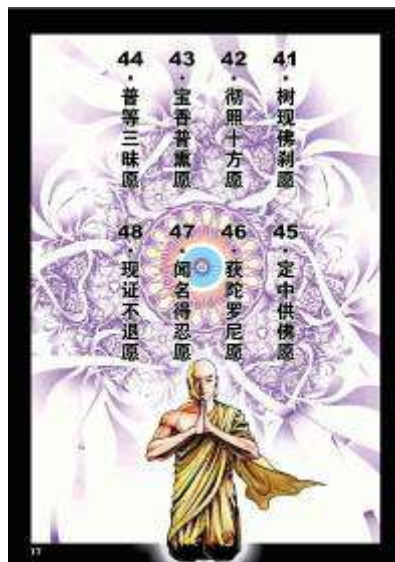


15_

- 25_ Nguyện Trời Người lễ kính
- 26_ Nguyện nghe tên được Phước
- 27_ Nguyện tu hành thù thắng
- 28_ Nguyện cõi nước không có điều chẳng lành
- 29_ Nguyện trụ nhóm Chính Định
- 30_ Nguyện vui như **Lậu Tận**
- 31_ Nguyện chẳng tham tiếc thân
- 32_ Nguyện như thân Na La Diên



- 16_
- 33_ Nguyên ánh sáng, Huệ biện
- 34_ Nguyên khéo đàm luận Pháp Yếu
- 35_ Nguyên **Nhất Sinh Bồ Xứ**
- 36_ Nguyên giáo hóa tùy theo Nguyên
- 37_ Nguyên quần áo, thức ăn tự đến
- 38_ Nguyên Ứng với niệm nhận vật cúng
- 39_ Nguyên trang nghiêm vô tận
- 40_ Nguyên cây có vô lượng màu sắc



- 17_
- 41_ Nguyên cây hiện cõi Phật
- 42_ Nguyên chiếu thấu suốt mười phương
- 43_ Nguyên hương báu xông ướp khắp
- 44_ Nguyên **Phổ Đẳng Tam Muội**
- 45_ Nguyên trong Định cúng Phật
- 46_ Nguyên được Đà La Ni
- 47_ Nguyên nghe tên được **Nhẫn**
- 48_ Nguyên **Hiện Chứng** chẳng lùi



18. Nguyên mà Tỳ Khưu Pháp Tạng đã phát ra, mỗi mỗi Nguyên trang nghiêm Tịnh Thổ, mỗi mỗi Nguyên tế độ chúng sinh. Ngay phía sau một Nguyên phát ra đều nói:
“Nếu chẳng như thế, thế chẳng thành Phật”
 Sau này đời đời kiếp kiếp Tỳ Khưu Pháp Tạng thực hiện Nguyên ấy, thường dùng bốn việc cúng dường tất cả chư Phật cùng chúng sinh, kèm rộng tu sáu Độ, lợi mình lợi người, Phước Tuệ tăng song song.



19. Ở trong vô lượng kiếp tích lũy vô lượng vô biên Công Đức chẳng thể nghĩ bàn, cuối cùng viên mãn thành Phật
 Phật Hiệu là **A Di Đà**



20_ Cõi Phật trang nghiêm xinh đẹp màu nhiệm ấy, tên là Thế Giới **Cực Lạc** có vị trí ở phương Tây cách Thế Giới **Sa Bà** hơn mười vạn ức cõi Phật



21_ Bên trong Thế Giới Cực Lạc không có ba đường ác, người người nghĩ đến áo thì được áo, nghĩ đến ăn thì được ăn, tất cả tự nhiên đầy đủ
Cũng không có phụ nữ, người người sáu Căn trong sạch bình đẳng mà lại rộng lớn vô biên, khí hậu ôn hòa trong mát dễ chịu
Địa phương không có đồi lõm cao thấp, hết thảy cung điện đều do bảy báu tạo thành, đều hợp phóng ánh sáng



22_ Trên đất, hư không xếp bày đúng một hàng. Hàng do bảy báu đều hợp thành cây báu, trên cây liền tập hợp xong, giống trăm ngàn báu kỳ lạ đã kết thành lưới võng
 Gió nhẹ thổi đến, như trăm ngàn loại nhạc khí đồng thời diễn tấu, tráng lệ phi phàm
 Lại có vô số ao hoa sen to lớn như biển, đều dùng cát vàng trải bày trên đất, do bảy báu tạo thành. Nước ao đều do nước tám Công Đức đều hợp thành
 Hoa sen to lớn không thể so sánh, đều hợp phóng ánh sáng, tinh khiết thơm tho vi diệu



23_ Một vài hoa sen ấy chính là thai hoa vãng sinh của chúng ta trong tương lai. Ai ở đời này niệm Phật, học Phật thì trong ao bảy báu liền mọc ra một đóa hoa sen. Tương lai, khi vãng sinh thời hóa sinh tại đây.
 Như người tinh tiến niệm Phật thì hoa sen liền hợp lớn được trang nghiêm. Ánh sáng to lớn đã phóng ra càng mạnh
 Như đời lại, tin tưởng sự dạy bảo khác, hoặc đình chỉ chẳng niệm thì hoa sen liền âm đạm, không có ánh sáng, dần dần khô héo



24_ Trong hư không có vô số loài chim màu sắc diệu tạp, thời khắc tuyên dương Phật Pháp. Loài chim này toàn là Đức Phật A Di Đà vì khiến cho Pháp Âm chẳng dứt đoạn mà biến hóa ra.

Trong hư không thường tấu nhạc Trời, thời khắc thổi rơi vô số hoa cõi Trời, rực rỡ không thể so sánh.

Vạn vật đều hợp phóng ánh sáng, không cần mặt trời mặt trăng, tự nhiên sáng tỏ
Không chỉ hương khí lan tỏa tràn đầy mà còn thơm phức không thể so sánh



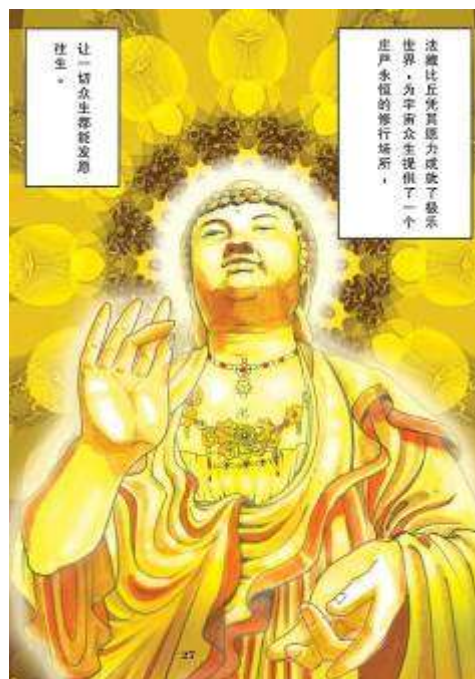
25_ Đức Phật A Di Đà phóng ánh sáng vô lượng chiếu khắp mười phương, cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát vì chúng sinh tuyên nói Diệu Pháp.

Chúng sinh ở cõi Cực Lạc có thọ mệnh giống như Đức Phật, vô biên vô tận, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển trở lại ba cõi sáu đường. Bởi thế đều có thể ngay trong đời này tu thành Phật Quả



26

26_ Đức Phật A Di Đà thành Phật đã được mười kiếp, trên cõi Phật đã có vô số Đệ Tử thuộc hàng Bồ Tát, La Hán... vì chúng sinh nói Pháp. Thế Giới Cực Lạc tuy xa, chỉ yêu cầu đời này niệm Phật chẳng đoạn, tin nguyện vãng sinh, khi lâm chung thời Tâm chẳng tham luyến, Ý chẳng điên đảo, cùng với Tâm Phật tương ứng. Đức Phật A Di Đà cùng với các Thánh Chúng tự hợp ở trước mặt, đi đến tiếp dẫn, khoảng một cái chớp mắt sinh về Tây Phương Tịnh Thổ.



27_ Tỳ Khưu Pháp Tạng nương vào sức Nguyên ủy thành tựu xong Thế Giới Cực Lạc, vì chúng sinh trong vũ trụ, cung cấp xong một cái trường sở tu hành vĩnh hằng trang nghiêm, nhằm giúp cho tất cả chúng sinh đều thuận theo phát nguyện vãng sinh



28_ Nguyên tất cả chúng sinh đều thuận theo thời khắc, niệm Phật, nhớ Phật, sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây, thành tựu sinh mệnh vĩnh hằng, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển.
A Di Đà Phật !

Hết

04/12/2011

NGHI VÃNG SINH A DI ĐÀ

(Đường về cõi Cực Lạc)

Dalai Lama thứ 5 (1617-1682)

Việt dịch: Tống Phước Khải

NAMO GURU MAÑJUŚRĪYE

Tôi sẽ trình bày nghi thức tiếp dẫn

Đến Tịnh Thổ Cực Lạc -

Một truyền thống sử dụng giấc ngủ khéo léo khi thiền định -

Được mô tả trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên,

Được trích ra từ phần cơ bản của đại phẩm

Trong lần Chuyển Pháp Luân Cuối Cùng¹.

Liên quan đến điều này, trong Phổ Hiền Hạnh Nguyên cũng có nói: "Khi ta sắp mạng chung..."

Sau đây là phần giải thích ý nghĩa của những dòng chữ trên, được truyền trao bởi Văn Thù Sư Lợi vĩ đại cho Đức Acharya Jitari. Đó là một giáo pháp sâu sắc, một cầm nang từ đại sơn của những dòng truyền thừa, truyền xuống theo dòng truyền chân thật và bất hoại.

Có 4 phần:

(1) Chuẩn bị

(2) Thực hành

(3) Kết thúc

(4) Lợi ích

1. Chuẩn bị:

Như đại dịch giả Śākya là Jamyang Gyaltsan có nói:

Thực hiện việc quy y Tam Bảo

Và thiền định trên Bồ Đề Tâm

Thiền quán Amitābha trước mặt ta

Và dâng lên sự đánh lễ Ngài.

Điều này có nghĩa là:

Đề tịnh hóa lỗi lầm thông qua Đức Phật Amitābha (Vô Lượng Quang). Hành giả muốn sinh vào tịnh thổ Cực Lạc phải lau dọn sạch sẽ thiền phòng của mình và trang trí một bức hình thể giới Cực Lạc làm hậu cảnh. Hoặc nếu không có thì bố trí một bức hình hoặc tôn tượng Đức Amitābha quay mặt về hướng Đông.

Bày trí tất cả những món đã chuẩn bị sẵn để cúng dường. Sau đó nằm nghiêng đặt phía phải thân người lên một chiếc giường thoải mái, đối mặt với những thứ đã bày trí. Khi chuẩn bị đi vào giấc ngủ, nằm nghiêng bên phải, xoay đầu về hướng Tây.

Quán tưởng Tam Bảo chuyển hóa thành Đức Amitābha là hình tượng chính, cùng với đồ chúng của Ngài. Tất cả chư vị an tọa và tràn ngập khắp hư không. Kế đó, trì tụng tứ cú quy y ba lần, bảy lần, hoặc càng nhiều tùy ý:

¹ Lần chuyển pháp luân thứ ba, Đức Phật Thích Ca thuyết giảng tại Vesālī

Con xin quy y Đạo Sư
Con xin quy y Phật
Con xin quy y Pháp
Con xin quy y Tăng

Phát Tâm Bồ Đề, quán tưởng rằng: "Ta sẽ thiên định pháp Amitābha để thành tựu Phật quả nhằm mang lại lợi lạc cho tất cả chúng sinh." Quán tưởng rằng ngôi nhà của mình và những vật xung quanh chính là Tịnh Thổ Cực Lạc. Quán tưởng chính mình là Bản Tôn của nghi thiên.

Trong tòa ngồi quý báu trước mặt hành giả, một hoa sen với những tọa cụ là vành mặt trăng, mặt trời, Đức Amitābha ngồi đó. Ngài mang sắc thân đỏ, một mặt và hai tay ở tư thế thiên định, giữ một chiếc bình bát chứa đầy nước cam lộ. Chân của Ngài ở tư thế kim cương tọa. Y phục của Ngài bằng lụa và Ngài được nghiêm sức bằng nhiều món của Bảo Thân.



Ngài mang 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Trong hình dáng của một hóa thân, thoát tục, được biểu tượng bằng cầu vòng ở bầu trời ở phía trên. Và Ngài hài lòng về bạn.

Quán tưởng những Đạo Sư gốc và Đạo Sư truyền thừa, những thánh sư của Pháp này, vây xung quanh Ngài. Phía sau là những Chư Phật, Chư Bồ Tát đang ngồi như những lớp mây.

Trong khi quán tưởng như vậy, cúng dường bằng tâm ý *nghi cầu nguyện thất chi* 3 lần. Hoặc *Mười Pháp Thực hành Sơ cấp*, được soạn bởi Sākya Pandit. Hoặc chỉ đơn thuần đánh lễ bằng lời thông qua việc trì tụng những dòng dưới đây, được soạn bởi Pagpa Rinpoche:

NAMO BHAGAVATE AMITEBHIAH

(Quán tưởng rằng bạn đang cúng dường hoa trong khi trì tụng 3 lần:)

Con xin quy y Đức Phật Amitābha, Ngài là bậc đồng hành hoàn hảo, Thế Tôn hoàn toàn thanh tịnh, bậc Như Lai và Ứng Cúng. Con xin sám hối mọi lỗi lầm và hoan hỉ với tất cả những phước báu. Con cầu xin tất cả Chư Phật xoay chuyển bánh xe Pháp và cầu mong các Ngài dừng bao giờ đi đến Niết Bàn. Với căn bản đức hạnh này, nguyện xin cho con đắc pháp của Đức Amitābha.

2. Thực hành:

Phát khởi tự tin rằng lỗi lầm của mình đã được tịnh hóa.

Loại bỏ tất cả sự ham muốn.

Và thành tựu nhất tâm quán tưởng Đức Amitabha.

Với tâm ý không sợ hãi cái chết.

Ở đây muốn nói rằng, phát sinh suy nghĩ rằng chắc chắn rằng mặc dù lỗi lầm của bạn chất cao như núi Tu Di, nó được tiêu trừ bởi bốn năng lực:

1) Năng lực dựa vào những bậc Đạo Sư, Chư Phật, Chư Bồ Tát vây quanh Đức Phật Amitābha.

2) Năng lực của sự biến chuyển dưới hình thức thành tâm sám hối về những lỗi lầm đã tạo từ trước tới nay được trừ sạch.

3) Năng lực của sự quyết định không tái phạm lỗi lầm trong tương lai cho dù đánh đổi cả mạng sống.

4) Năng lực của sự áp dụng mọi biện pháp hóa giải để thu nhận công đức cần thiết bằng cách cúng dường lời khẩn nguyện 7 chi v.v.

Gột bỏ mọi sự ham muốn và chấp mắc, bởi vì khi cái chết đến thì bạn sẽ xa lìa thân xác này, xa lìa của cải, quyến thuộc, bạn bè, người phục vụ v.v. Suy nghĩ chắc chắn rằng, khi chết bạn sẽ được về thế giới Cực Lạc mà không có sự sợ hãi đối với vòng luân hồi và những cảnh giới thấp. Thành tâm khẩn nguyện 3 lần:

Nhờ vào Đức Phật Amitābha, Bậc Thành Tựu hoàn hảo, Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, con xin tịnh hóa mọi lỗi lầm và chướng ngại. Nguyện xin Ngài thọ ký cho con được giác ngộ đầy đủ khi con sinh vào Tịnh Thổ Cực Lạc.

Khi xuất ra, thần thức của bạn sẽ có dạng ánh sáng trắng đi ra từ lỗ mũi phía bên trái. Nó đi vào lỗ mũi phía bên phải của Đức Amitābha, di chuyển theo những kinh mạch trong thân Ngài và tan biến vào chữ HRĪḤ tại tim của Ngài.

Quán tưởng rằng tâm của những Đức Chiến Thắng và tâm của bạn trở thành một thể.

Khi đã chuyển tâm của bạn vào bên trong chủng tử, từ tim của Đức Thế Tôn ánh sáng màu trắng tự nhiên của tâm ý của Ngài, xuất phát từ chủng tử HRĪḤ tại tim của Ngài. Nó được tách rời ra như ngọn lửa được lấy khỏi ngọn đèn bơ. Ánh sáng đi ra từ lỗ mũi trái của Ngài và đi vào lỗ mũi phải của bạn, mang lại cho bạn sự hạnh phúc.

Khi nó hòa nhập trong tim của bạn. Quán tưởng rằng tâm của bạn và tâm của Đức Chiến Thắng trở thành một thể.

Tiếp tục việc quán tưởng này càng lâu càng tốt, không có yêu cầu nhất định về số lượng, không được làm sai lệch chỉ dẫn trên và không được dừng lại, như một ngọn lửa bó đuốc đang cháy.

3) Kết thúc:

Phước điển dần dần hòa tan vào trung tâm và thân thể của bạn.

Quán tưởng bạn là Đức Amitābha, hiện thân của trí tuệ.

Hồi hướng đức hạnh của bạn đến tất cả chúng sinh.

Và thực hiện nghi thiên của Ngài lần nữa.

Như vậy, vào lúc kết thúc phiên thiền, các Chư Phật, Chư Bồ Tát hòa nhập vào các Đạo Sư gốc và dòng truyền của các Ngài. Các Đạo Sư hòa nhập vào Đức Phật Amitābha. Đức Amitābha hòa nhập vào ánh sáng, nhập theo hơi thở và như vậy hòa nhập vào chính bạn.

Trong khi đó bạn cũng hòa nhập vào ánh sáng, tâm của bạn cũng hòa nhập với Chư Phật và chư vị trong thiên cảnh, quán tưởng sự xuất hiện Đức Amitābha như trong phiên thiền trước.

Trì tụng thần chú, càng nhiều càng tốt:

OM AMITĀBHA HRĪḤ SVĀHĀ

Nếu bạn có thời gian thì tụng Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nếu không thì trì bài tụng sau:

Nguyện cho con sinh vào Tịnh Thổ Cực Lạc,

Mạn Đà La cao quý của Đức Chiến Thắng,

Từ trong hoa sen đẹp đẽ, thánh khiết,

Và nguyện cho con được thọ ký từ chính Pháp Vương Amitābha.

Phản kết, ấn chứng việc này bằng cách hồi hướng phước đức với lời nguyện sau:

Con xin hồi hướng phước đức

Để cho con và tất cả chúng sinh,

Vãng sinh về thế giới Cực Lạc

Và được chở che hoàn toàn bởi Đức Bảo Hộ Amitābha.

OM VAJRA MUḤ

Phước điển hòa nhập vào trong bạn và bạn quán tưởng rằng Đức Amitābha đã đi đến cõi Cực Lạc.

Đầu, cổ và tim của bạn được bảo vệ bằng ánh sáng của các chữ chủng tử OM ĀḤ HŪṢ. Đi vào giấc ngủ với cảm tưởng đang được sinh vào thế giới Cực Lạc với niềm tin mãnh liệt vào điều này. Không cho tâm trí xao lãng vào việc khác.

Trong sinh hoạt hàng ngày, tưởng tượng rằng nơi cư ngụ của bạn là Tịnh Thổ Cực Lạc và luôn quán tưởng rằng mình và Đức Amitābha là một. Khi bạn đi ra ngoài, tưởng tượng bạn đi về phía Đức Amitābha đang ngồi trước mặt bạn.

4. Lợi ích:

Sự lợi ích đó là bạn không bị làm hại bởi các thế lực ma quỷ,

Bạn sẽ không chịu khổ khi lâm chung,

Ở trong Bardo bạn sẽ được bảo vệ bởi Đức Munis

Và trong tương lai bạn sẽ đạt được sự giải thoát.

Điều này có nghĩa rằng ngay trong đời sống này, bởi do hành trì pháp yoga này, bạn sẽ không bị đau bệnh, ma chướng hoặc trở ngại, tuổi thọ của bạn sẽ kéo

dài, và bằng lòng từ bi của Đức Amitābha, bạn sẽ tha thứ nỗi khổ bởi cái chết đau đớn.

Bởi vì bạn sẽ được thoát khỏi sợ hãi trong Bardo, trạng thái lìa bỏ thân xác này giống như con rắn bỏ lớp da. Khi bạn tái sinh từ hoa sen trong thế giới Cực Lạc, ở phương Tây, bạn sẽ được nghe giáo pháp của Đức Amitābha. Do vậy, điều này được nói trong kinh Ratnakūṭa. Và do việc thực hành chỉ dẫn này chắc chắn bạn sẽ thành tựu sự giải thoát.

Chỉ dẫn này của những hiền giả Ấn Độ và những dịch giả Tây Tạng không có sai sót.

Được truyền xuống bởi Đức Bảo hộ Śākya Pandit Jamyang,

Do bởi Pháp này thực hành dễ dàng,

Nguyện công đức của pháp này sẽ dẫn dắt tất cả chúng sinh về Tịnh Thổ Cực Lạc.

Ghi chú:

Nghi thức "Đường về cõi Cực Lạc, phương pháp thực hành Thiền Ngủ từ 'Phổ Hiền Hạnh Nguyện'" được thỉnh cầu bởi Lozang Paljor tại Lhasa. Nhằm lợi lạc cho những người mới tu tập nhiệt thành, nó được truyền trao cho từng người bởi Đức Nhất Thiết Phổ tại Zhalu, đại học giả Rinchen Sonam, và đại học giả viện trưởng Lochog Dorje. Thông qua từ tâm của các vị, dựa trên thơ gốc của Đức Śākya Pandit, tôi đã tóm lược ý nghĩa của chú giải của ngài Śākya Pandit, cũng như những phần trì tụng của Đức Pháp Vương.

Vị Sư của Zahor, Jamyang Gaway Shen-nyen (Đức Dalai Lama thứ 5) soạn ra nghi này vào ngày thứ 6, tháng thứ 5, năm Thiết Điều (1981, lịch Tây Tạng). Được đọc cho một vị trưởng diễn tấu vũ điệu nghi lễ, Tỳ Kheo Ngawang Gonchog.

NGHI TRƯỜNG THỌ A DI ĐÀ

(Kim Cương Truyền Thừa bất hoại)

Dalai Lama thứ 7 (1708-1757)

Việt dịch: Tống Phước Khải



OM SVĀSTI

Đức Amitāyus (Vô Lượng Thọ), kho báu trí tuệ bất diệt,

Thân mạn đà la của Ngài lấp lánh những ánh sáng.

Như tòa núi hồng ngọc phản chiếu trăm ngàn mặt trời,

Sẽ ban cho con mỗi một sự thành tựu vào lúc này.

Cầu xin lòng từ bi kỳ diệu của Ngài

Con sẽ thực hiện nghi thức Kim Cương Truyền Thừa Bất Hoại này.

Để khi nghe đến danh hiệu của Ngài

Chiến tuyến của Tử Thần sẽ bị đẩy lùi.

(Để hoàn thành nghi thức cầu bất tử theo pháp Amitāyus này, cần đặt một hình tượng Đức Amitāyus trên bàn thờ, và sắp xếp các vật phẩm cúng dường đến bản tôn một cách trang nghiêm.)

Con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng Bảo cho đến khi con đạt được sự giác ngộ.

Bằng những công hạnh của những thiện pháp đã làm

Nguyện cho con thành tựu Phật quả để cứu giúp tất cả chúng sinh.

Con nguyện xa lìa sự thờ ơ, sự chấp mắc và sự thù địch đối với tất cả chúng sinh.

Nguyện cho chúng sinh được niềm phúc lạc cao quý.

Con sẽ giải phóng chúng sinh ra khỏi bể khổ,
Nguyện cho họ không bao giờ xa rời niềm an lạc của giải thoát.

(Sau khi thực hiện bước khởi sự gồm quy y, phát bồ đề tâm và tứ vô lượng, trì tụng thần chú sau:)

OM SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA DHARMA SVABHĀVA
ŚUDDHOHAM . Tất cả biến thành trống rỗng.

Trong trạng thái trống rỗng, trước mặt hành giả, từ chữ PAM xuất hiện một hoa sen và từ chữ ĀH là một mạn đà la mặt trăng. Chữ HRĪH màu đỏ xuất hiện ở trên. Những tia sáng phát ra từ chữ này mang lại lợi lạc cho chúng sinh. Sau đó chữ này lại biến mất và biến thành Đức Bảo Hộ Thế Tôn Āyurjñāna, có màu đỏ, một mặt và hai tay biểu tượng thiền định, trên là bình chứa đầy nước cam lồ. Chân của ngài ở tư thế kim cương tọa. Ngài được nghiêm sức từ những chủ thể cho đến tiểu tiết. Ngài mang những trang sức quý và khoác y phục bằng lụa. Tỏa ánh sáng trong suốt và thanh tịnh.

Chữ OM trên đỉnh vương miện, chữ ĀH ở cổ họng và chữ HŪM ở tim.

Ánh sáng phát ra, mời gọi Đức Bảo Hộ Āyurjñāna, vây quanh bởi tất cả chư Phật và chư Bồ Tát, từ những trú xứ của các vị.

JAḤ HŪM VAM HOḤ.

Các chư vị trở nên không tách rời. Ánh sáng một lần nữa phát ra từ chữ chủng tử tại tim, thỉnh mời các Tôn quán đánh. Hành giả cầu xin "Xin ban quán đánh cho con." Các chư vị ban quán đánh từ những bình chứa đầy nước. Nước còn sót lại trên đỉnh vương miện của hành giả biến thành ứng hóa thân của Đức Amitāyus.

(Việc cúng dường được tịnh hóa trở thành trống rỗng:)

OM SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA DHARMA SVABHĀVA
ŚUDDHOHAM

(Cầu chúc cho các Ngài, như trong tantra tối thượng yoga:)

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA ARGHAM
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA PĀDYAM
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA PUṢPE
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA DHŪPE
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA ĀLOKA
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA GANDHE
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA NAIVIDYE
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA ŚABDA
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

(Tán dương:)

Đức Amitāyus,

Đấng Bảo Hộ, Thế Tôn

Ngài xua tan những vết dơ lỗi lầm,

Con xin đánh lễ thân Nhất Thiết Trí

Thân nhận biết tất cả và tràn đầy không gian.

(Thỉnh cầu Ngài nhiệt thành trong khi cầu nguyện) :

Tỏa ra các thân nhiều như những vì trần,

Con xin đánh lễ Đức Amitāyus, Đấng Bảo Hộ, cùng với những Đức Phật và con của các Ngài,

Con xin cúng dường bằng quán tưởng và bằng hiện vật,

Tràn đầy khắp không gian.

Con xin sám hối mọi lỗi lầm và thoái thất

Đã tích lũy từ vô thủy.

Và con cần khấn tất cả những Đấng Chiến Thắng, xin đừng nhập vào Niết Bàn. Hãy ở lại vận chuyển bánh xe Pháp.

Con xin dâng công đức vô song này cho sự giác ngộ tối thượng.

Hỡi Đấng Tôn Quý, Đức Bảo Hộ Amitāyus,

Danh hiệu của Ngài thôi, có thể đoạn diệt cái chết phi thời,

Với sự cứu độ không mệt mỏi của Ngài

Lắng nghe tất cả những chúng sinh và đặc biệt là đối với con

(hành giả)

Kẻ còn lầm lẫn và không nhận thức được Pháp Giới vĩ đại

Một trạng thái không đến cũng không đi

Bởi tính bản nhiên của tất cả pháp ban đầu đều không có hình tướng

Tâm của con chứa những bất thiện pháp và hư hoại,

Điều đó dẫn đến những sự khổ đau triền miên.

Gia hộ cho con bằng cách bình định những thứ

Dẫn tới cái chết phi thời

Đối với người và phi nhân,

và do sự thoái hóa của tuổi thọ và đức hạnh bởi nghiệp lực của lỗi lầm trong quá khứ.

Xin hãy ban cho con thành tựu (siddhi) bất tử

Khi con đã hội tụ tất cả sự tốt đẹp trong vòng luân hồi

Và khi dòng tâm thức cùng sinh lực khô cạn đang bắt đầu trở hoa với đức hạnh và cuộc sống.

(Để tăng trưởng mạng sống, quán như sau) :

Bên trong tịnh bình trên tay của bản tôn ở trước mặt hành giả một vành trăng, ở trên vành trăng là chữ $HRĪḤ$ ॐ, chữ này được bao quanh bởi vòng tâm chú. Ánh sáng phát ra từ các chữ chủng tử, kéo lại tuổi thọ của hành giả đã bị đánh cắp bởi Thần Chết Diêm Ma (Yama), và bởi những thế lực khác, và giữ lại những gì bị cướp đi từ hành giả. Năng lượng sống này hòa vào vòng thân chú. Ánh sáng lần nữa phát ra mười phương.

Ánh sáng giữ lại những năng lực duy trì sự sống từ thành phần của môi trường như không khí, gió, lửa, nước, đất v.v. ; từ Phạm Thiên, Đế Thích và Tứ Thiên Vương; và từ học thuật, từ những đạo sư đáng quý và tôn kính, từ những bậc thầy tinh thần v.v. Tóm lại, tinh phẩm của thọ mạng, công đức, năng lượng

và nhận thức của tất cả hữu tình được lấy lại dưới dạng ánh sáng nhiều màu sắc và những dấu hiệu cát tường. Tất cả những phẩm chất của thân, khẩu và ý của các Đấng Chiến Thắng và Con của các vị ấy cũng được kết hợp thành tôn tượng, chữ chủng tử và những biểu tượng được mang trên mỗi tôn. Tất cả những thứ này hòa tan vào vòng thần chú.

Một dòng nước cam lồ chảy xuống từ đây, tràn bình và tưới lên những chỗ trống trên vương miện hành giả, rồi tràn khắp thân thể. Hành giả nhận được những tất địa phổ biến và cao nhất và đặc biệt là sự quang vinh của trường sinh bất tử và công đức.



(Nếu thực hiện nghi này cho một người khác thì quán tưởng ánh sáng phát ra từ vòng thần chú trong bình như đã mô tả bên trên, kéo lại sinh lực đã bị đánh cắp bởi Thần Chết, cũng như lấy lại các thành phần của môi trường, các phẩm chất của vòng luân hồi và niết bàn. Những thứ này hội tụ vào vòng thần chú. Một dòng nước cam lồ chảy trù vòng thần chú này trên vành trăng, từ trong bình; nước cam lồ tràn từ bình. Chiếc bình được đặt trên trên vương miện của người đó và tưới tràn đầy thân thể người này).

(Để tăng tuổi thọ và công đức, trì tụng thần chú:)

OM AMARAṆI JĪVANTAYE SVĀHĀ

ॐ अमरानि जीवन्तये स्वाहा

(Sau đó trì tụng thần chú trăm âm:)

OM PADMASATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA, PADMASATVA
TVENA UPATIṢṬA, DRDHO ME BHAVA, SUTOṢYO ME BHAVA,
SUPOṢYO ME BHAVA, ANURAKTO ME BHAVA, SARVA SIDDHIM
ME PRAYACCHA SARVA KARMASU, CA ME CITTAṀ ŚRĪYAM
KURU, HŪM HA HA HA HOḤ, BHAGAVAM SARVA
TATHĀGATA PADMA, MA ME MUṀCA, PADMĪ BHAVA, MAHĀ
SAMAYA SATVA, ĀḤ HŪM PHAT

(Cúng dường và tán dương như trước đó:)

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA ARGHAM
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA PĀDYAM
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA PUṢPE
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA DHŪPE
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA ĀLOKA
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA GANDHE
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA NAIVIDYE
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

OM PĀRIMITĀ ĀYURJÑĀNA SAPARIVĀRA ŚABDA
PRATĪCCHAYE HŪM SVĀHĀ

Đức Amitāyus, Đức Bảo Hộ, Đức Thế Tôn

Ngài năng trừ vết nhơ lỗi lầm

Con xin đánh lễ thân Nhất Thiết Trí của Ngài

Thân nhận biết tất cả và đầy lấp không gian.

(Cầu xin sự nhẫn nại của Ngài:)

Những điều mà con đã làm sai trái

Là do không tìm được phương tiện phù hợp, sự hiểu biết thích hợp, hoặc do thiếu khả năng

Cầu xin Ngài nhẫn nại với những gì con đã làm.

(Nếu có một bức ảnh cho các tuệ giả nhập vào, an lập các chư vị vào trong bức hình này. Nếu không có, thì các vị sẽ đi khỏi khi hành giả đọc:)

OM VAJRA MUḤ

(Quán tưởng:)

Các chư vị kết giao tan vào trong ánh sáng và hòa vào trong hành giả.

(Bổ sung phần kết nghi bằng sự cầu nguyện cát tường:)

Với công đức này, khi con thành tựu Pháp Amitāyus.

Con sẽ mau chóng dẫn dắt từng chúng sinh đạt được kết quả như vậy.

Ghi chú:

Nghi trường thọ dựa trên pháp Amitāyus này được thỉnh cầu bởi Ngài Ho Shokang Ze Chen Wang (Trung Quốc). Đồng ý với lời thỉnh cầu này, Ngài Tỳ Kheo Lozang Kalzang Gyatso soạn ra nghi tóm lược này tại tự viện JipaTong, Gartaryong. Nghi này được đọc cho người viết tài ba là Tsangkye Lodang.

Được dịch sang tiếng Anh bởi Michael Richards, cùng với Yeshe Lodro Rinpoche.

sukhāvatīvyūhaḥ |
(saṃkṣiptamāṭṛkā |)
Sự nghiêm túc của thế giới cực lạc
(Bản ngắn)

|| namaḥ sarvajñāya ||
Kính lễ Bậc Nhất Thiết Trí

evam mayā śrutam | ekasmin samaye bhagavān śrāvastyām viharati sma
jetavane'nāthapiṇḍadasyārāme mahatā bhikṣusaṃghena
sārdhamardhatrayodaśabhirbhikṣuśatairabhiññātābhiññātaiḥ
sthavirairmahāśrāvakaiḥ sarvairarhadbhiḥ | tadyathā-sthavireṇa ca śāriputreṇa,
mahāmaudgalyāyanaena ca mahākāśyapena ca mahākapphiṇena ca
mahākātyāyanaena ca mahākauṣṭhileṇa ca revatena ca śuddhipanthakena ca
nandena ca ānandena ca rāhulena ca gavāṃpatinā ca bharadvājaṇa ca kālodayinā
ca vakkulena ca aniruddhena ca | etaiścānyaiśca sambahulairmahāśrāvakaiḥ |
sambahulaiśca bodhisattvairmahāsattvaiḥ | tadyathā mañjuśrīyā ca
kumārabhūtena, ajitena ca bodhisattvena, gandhahastinā ca bodhisattvena,
nityodyuktena ca bodhisattvena, anikṣiptadhureṇa ca bodhisattvena |
etaiścānyaiśca sambahulairbodhisattvairmahāsattvaiḥ | śakreṇa ca
devānāmindreṇa, brahmaṇā ca sahāṃpatinā | etaiśvānyaiśca
sambahulairdevaputranayutaśatasahasraiḥ || 1 ||

1. Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ Đức Thế Tôn (Bhagavat: tức Đức Phật) ngự tại Śrāvastī, trong vườn cây Jeta, khu đất của ông Anāthapiṇḍaka, cùng với đại chúng Tỳ Kheo (khất sĩ), gồm 1.250 vị, tất cả họ đều đạt được ngũ thông, trưởng lão, đại đệ tử, và A La Hán. Như trưởng lão Śāriputra, Mahāmaudgalyāyana, Mahākāśyapa, Mahākapphiṇa, Mahākātyāyana, Mahākauṣṭhila, Revata, Śuddhipanthaka, Nanda, Ānanda, Rāhula, Gavāṃpati, Bharadvāja, Kālodayin, Vakkula và Aniruddha. Ngài ngự tại đây cùng với những vị này và nhiều đại đệ tử khác, cùng với nhiều hàng thánh trí Bồ Tát như hoàng tử Mañjuśrī, Bồ Tát Ajita, Bồ Tát Gandhahastin, Bồ Tát Nityodyukta, Bồ Tát Anikṣiptadhura. Ngài ngự cùng với họ và nhiều hàng thánh trí Bồ Tát khác, cùng với Śakra, tức là Indra hay Vua của Chư Thiên, cùng với Phạm Thiên Sahāṃpati. Đức Thế Tôn ngự tại Śrāvastī cùng với những vị này và với hàng trăm ngàn nayuta thiên tử khác.

tatra khalu bhagavānāyusmantam śāriputramāmantrayati sma-asti śāriputra
paścime digbhāge ito buddhakṣetram koṭiśatasahasraṃ
buddhakṣetrāṇāmatikramya sukhāvatī nāma lokadhātuḥ | tatra amitāyurnāma
tathāgato'rhan samyak sambuddha etarhi tiṣṭhati dhriyate yāpayati, dharmaṃ ca
deśayati tatkiṃ manyase śāriputra kena kāraṇena sā lokadhātuḥ sukhāvatītyucy-
ate ? tatra khalu punaḥ śāriputra sukhāvatyām lokadhātuḥ nāsti sattvānām
kāyaduḥkhaṃ na cittaduḥkhaṃ | apramāṇānyeva sukhakāraṇāni | tena kāraṇena
sā lokadhātuḥ sukhāvatītyucy-ate || 2 ||

2. Rồi Đức Thế Tôn quay sang bảo ngài Śāriputra, “Này Śāriputra, từ nơi đây sau khi ông đi qua một trăm ngàn koṭi Phật quốc, ở phương tây có một cõi Phật tên gọi là Sukhāvatī (An Lạc). Và có một Đức Như Lai tên gọi là Amitāyus, một A La Hán, giác ngộ hoàn toàn, đang ngự, tồn tại, duy trì và thuyết giảng giáo pháp. Ông nghĩ sao, Śāriputra, tại sao thế giới này được gọi là Sukhāvatī? Này Śāriputra, chúng sinh trong thế giới đó không có các loại bệnh về thân thể cũng như tinh thần. Ở đó nguồn phúc lạc là vô tận. Bởi vì vậy thế giới này có tên là Sukhāvatī.

punaraparam śāriputra sukhāvatī lokadhātuḥ saptabhirvedikābhiḥ
saptabhistālapanītibhiḥ kiṅkiṇījalaiśca samalamkṛtā samantato'nupatikṣiptā citrā
darśanīyā caturṇām ratnānām | tad-yathā suvarṇasya rūpyasya vaidūryasya
sphatikasya | evaṃrūpaiḥ śāriputra buddhakṣetraguṇavyūhaiḥ samalamkṛtaṃ
tadbuddhakṣetram || 3 ||

3. “Lại nữa này Śāriputra, thế giới Sukhāvatī đó được trang hoàng với bảy tầng ban công, bảy hàng cây cọ, và có treo những dây chuông. Mọi phía đều có bờ rào, đẹp đẽ và long lẫy với tứ bảo như vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Những món vi diệu dành cho một Phật quốc như vậy được trang hoàng cho cõi Phật nơi đây.

punaraparam śāriputra sukhāvatyām lokadhātuḥ saptaratnamayyāḥ
puṣkariṇyāḥ-tadyathā suvarṇasya rūpyasya vaidūryasya sphatikasya
lohitamuktasya āsmagarbhasya musāragal-vasya saptamasya ratnasya |
aṣṭāṅgopetavāriparipūrṇāḥ samatīrthakāḥ kākaṭṭhā suvarṇavālukāsamstrīḥ |
tāsu ca puṣkariṇīṣu samantāccaturdiśaṃ catvāri sopānāni citrāṇi darśanīyāni
caturṇām ratnānām-tadyathā suvarṇasya rūpyasya vaidūryasya sphatikasya |
tāsāṃ ca puṣkariṇīnām samantādratnavṛkṣā jātāścitrā darśanīyāḥ saptānām
ratnānām-tadyathā suvarṇasya rūpyasya vaidūryasya sphatikasya
lohitamuktasyāsmagarbhasya musāragalvasya saptamasya ratnasya | tāsu ca
puṣkariṇīṣu santi padmāni jātāni nīlāni nīlavarnāni nīlanirbhāsāni nīlanidarśanāni
| pītāni pītavarṇāni pītanirbhāsāni pītanidarśanāni | lohitaṇi lohitavarṇāni
lohitanirbhāsāni lohitanidarśanāni | avadātāni avadātavarṇāni avadātanirbhāsāni
avadātanidarśanāni | citrāṇi citravarṇāni citranirbhāsāni citranidarśanāni
śakaṭacakrapramāṇapariṇāhāni | evaṃrūpaiḥ śāriputra buddhakṣetraguṇavyūhaiḥ
samalamkṛtaṃ tadbuddhakṣetram || 4 ||

4. Lại nữa này Śāriputra, trong thế giới Cực Lạc đó có những hồ sen được trang hoàng bởi bảy báu, đó là vàng, bạc, lục trụ thạch, pha lê, ngọc trai đỏ, kim cương, và san hô là món thứ bảy. Các hồ chứa đầy nước của tám công đức, nước ở đây dâng lên đến chỗ rửa chân và tắm gội, cho nên ngay cả những con quạ cũng có thể uống nước nơi đây; Các hồ được rắc trải bởi những loại cát bằng vàng. Và bốn mặt bên trong hồ sen là bốn bậc thềm được làm bằng tứ báu vàng, bạc, lục trụ thạch, pha lê đẹp đẽ và rực rỡ. Và các phía trên bờ hồ là những hàng cây báu, đẹp đẽ và rực rỡ với bảy báu gồm vàng, bạc, lục trụ thạch, pha lê, ngọc trai đỏ, kim cương và san hô. Bên trong hồ những hoa sen đang trổ: Xanh, có sắc xanh, xanh rực rỡ, xanh để chiêm ngưỡng; Vàng, có sắc vàng, vàng rực

rõ, vàng để chiêm ngưỡng; Đỏ, có sắc đỏ, đỏ rực rỡ, đỏ để chiêm ngưỡng; trắng, có sắc trắng, trắng rực rỡ, trắng để chiêm ngưỡng; đẹp, có sắc đẹp, đẹp rực rỡ, đẹp để chiêm ngưỡng. Chu vi của mỗi hoa sen lớn bằng chiếc bánh xe của cỗ xe ngựa.

punaraparam śāriputra tatra buddhakṣetre nityapravāditāni divyāni tūryāni |
suvarṇavarṇā ca mahāpṛthivī ramaṇīyā | tatra ca buddhakṣetre triṣṭvō rātrau
triṣṭvō divasasya puṣpavarṣam pravarṣati divyānām mādāravapuṣpānām |
tatra ye sattvā upapannāste ekena purobhaktena koṭīśatasahasraṁ buddhānām
vandanti anyāmllokadhātūn gatvā | ekaikaṁ ca tathāgatam koṭīśatasahasrābhiḥ
puṣpavṛṣṭibhirabhyavakīrya punarapi tāmeva lokadhātumāgacchanti di-
vāvihārāya | evaṁrūpaiḥ śāriputra buddhakṣetraguṇavyūhaiḥ samalamkṛtaṁ
tadbuddhakṣetram || 5 ||

5. “Lại nữa, này Śāriputra, trong cõi Phật đó lúc nào cũng trời nhạc trời, mặt đất thì khả ái với màu vàng kim. Và trong cõi Phật đó, có mưa hoa trời Mādārava rắc xuống ba thời vào mỗi ngày và ba thời vào mỗi đêm. Chúng sinh được sinh ra nơi đây, trước mỗi buổi ăn sáng cúng dường 100.000 koṭī Đức Phật bằng cách đi sang thế giới khác và rắc 100.000 koṭī bông hoa lên trên mỗi Như Lai. Họ trở về thế giới của mình kịp giờ nghỉ trưa. Những món vi diệu dành cho một Phật quốc như vậy được trang hoàng cho cõi Phật nơi đây.

punaraparam śāriputra tatra buddhakṣetre santi haṁsāḥ krauñcā mayūrāśca
| te triṣṭvō rātro triṣṭvō divasasya saṁnipatyā saṁgītīm kurvanti sma,
svakasvakāni ca rutāni pravyāharanti | teṣāṁ
pravyāharatāmindriyabalabodhyaṅgaśabdo niṣcarati | tatra teṣāṁ manuṣyāṇām
taṁ śabdaṁ śrutvā buddhamanasikāra utpadyate, dharmamānasikāra utpadyate,
saṁghamānasikāra utpadyate | tatkiṁ manyase śāriputra tiryagyonigatāste
sattvāḥ ? na punarevaṁ draṣṭavyam | tatkasmāddhetoḥ ? nāmāpi śāriputra tatra
buddhakṣetre nirayāṇām nāsti, tiryagyonīnām yamalokasya nāsti | te punaḥ
pakṣisaṁghāstenāmitāyuṣā tathāgatena nirmitaḥ dharmaśabdaṁ niścārayanti |
evaṁrūpaiḥ śāriputra buddhakṣetraguṇavyūhaiḥ samalamkṛtaṁ
tadbuddhakṣetram || 6 ||

6. Lại nữa, này Śāriputra, trong cõi Phật đó có chim thiên nga, tiêu duật và không tước. Mỗi ngày và mỗi đêm ba thời, chúng hội tụ và trình diễn hòa nhạc, mỗi loài phát thanh điệu riêng của mình. Chúng phát ra âm thanh về năm đức hạnh [5 căn], năm sức mạnh [5 lực] và bảy bước dẫn đến tối thượng trí [7 bồ đề phần]. Chúng sinh ở đó nghe âm thanh này, đều khởi tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

“Bây giờ, này Śāriputra, ông nghĩ sao, phải chăng đã có chúng sinh bị dọa vào mạng thân của loài vật (chim v.v.)? Đừng có suy nghĩ như vậy. Hết thấy tên của các địa ngục không tồn tại trong cõi Phật này, cũng không có (dọa vào) thân súc sinh và cảnh giới của Yama (bốn đường ác). Những loài chim này được sinh ra là do ý muốn của Đức Như Lai Amitāyus và chúng hát âm thanh của Pháp. Những món vi diệu dành cho một Phật quốc như vậy được trang hoàng cho cõi Phật nơi đây.

punaraparam śāriputra tatra buddhakṣetre tāsām ca tālapaṅktīnām teṣām ca kiṅkiṇījālānām vāteritānām valgurmanojñaḥ śabdo niścarati-tadyathāpi nāma śāriputra koṭīśatasahasrāṅgikasya divyasya tūryasya cāryaiḥ sampravāditasya valgurmanojñaḥ śabdo niścarati, evameva śāriputra tāsām ca tālapaṅktīnām teṣām ca kiṅkiṇījālānām vāteritānām valgurmanojñaḥ śabdo niścarati | tatra teṣām manuṣyānām tam śabdaṁ śrutvā buddhānusmṛtiḥ kāye saṁtiṣṭhati, dharmānusmṛtiḥ kāye saṁtiṣṭhati, saṁghānusmṛtiḥ kāye saṁtiṣṭhati | evarūpaiḥ śāriputra buddhakṣetraguṇavyūhaiḥ samalamkṛtaṁ tadbuddhakṣetram || 7 ||

7. “Lại nữa, này Śāriputra, khi những hàng cây cọ và các dãy chuông trong cõi Phật đó được gió thổi lay động, âm thanh du dương và vi diệu phát ra từ đó. Này, Śāriputra, như nhạc cụ của cõi trời chứa đựng hàng ngàn koṭī các âm thanh, khi được thổi lên bởi các Arya, một âm thanh du dương và vi diệu phát ra, một âm thanh du dương và vi diệu phát ra từ những hàng cây cọ và những dãy chuông khi có gió lay động. Khi chúng sinh nghe được âm thanh đó, phát tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Những món vi diệu dành cho một Phật quốc như vậy được trang hoàng cho cõi Phật nơi đây.

tatkiṁ manyase śāriputra kena kāraṇena sa tathāgato'mitāyurnāmocyate ?
tasya khalu punaḥ śāriputra tathāgatasya teṣām ca
manuṣyāṇāmaparimitamāyuhpramāṇam | tena kāraṇena sa
tathāgato'mitāyurnāmocyate | tasya ca śāriputra tathāgatasya daśa kalpā
anuttarām samyaksambodhimabhisambuddhasya || 8 ||

8. “Bây giờ ông nghĩ sao, này Śāriputra, tại sao Đức Như Lai đó được gọi là Amitāyus? Này Śāriputra, thọ mạng (āyus) của Đức Như Lai và chúng sinh nơi đây là vô lượng (amita). Cho nên Đức Như Lai đó được gọi là Amitāyus. Này Śāriputra, từ lúc Đức Như Lai đó thành Chánh Giác đến nay đã trải qua mười kiếp.

tatkiṁ manyase śāriputra kena kāraṇena sa tathāgato'mitābho nāmocyate ?
tasya khalu punaḥ śāriputra tathāgatasyābhā apratihātā sarvabuddhakṣetreṣu |
tena kāraṇena sa tathāgato'mitābho nāmocyate | tasya ca śāriputra
tathāgatasyāprameyaḥ śrāvakaśaṁgho yeṣām na sukaram pramāṇamākhyātum
śuddhānāmarhatām | evaṁrūpaiḥ śāriputra buddhakṣetraguṇavyūhaiḥ
samalamkṛtaṁ tadbuddhakṣetram || 9 ||

9. “Ông nghĩ sao, này Śāriputra, tại sao Đức Như Lai đó được gọi là Amitābha? Này Śāriputra, sự chói sáng (ābhā) của Đức Như Lai đó chiếu suốt khắp tất cả các Phật quốc. Bởi vì vậy Đức Như Lai này có tên gọi là Amitābha.

punaraparam śāriputra ye amitāyusastathāgatasya buddhakṣetre sattvā
upapannāḥ śuddhā bo-dhisattvā avinivartanīyā ekajātipratibaddhāsteṣām
śāriputra bodhisattvānām na sukaram
pramāṇamākhyātumanyatrāprameyāsaṁkhyeyā iti gacchanti | tatra khalu punaḥ
śāriputra buddhakṣetre sattvaiḥ praṇidhānam kartavyam | tatkasmāddhetoḥ ?

yatra hi nāma tathārūpaiḥ satpuruṣaiḥ saha samavadhānam bhavati |
nāvaramātrakeṇa śāriputra kuśalamūlena amitāyusastathāgatasya buddhakṣetre
sattvā upapadyante | yaḥ kaścicchāriputra kulaputro vā kuladuhitā vā tasya
bhagavato'mitāyusastathāgatasya nāmadheyam śroṣyati, śrutvā ca
manasikariṣyati, ekarātram vā dvirātram vā trirātram vā catūrātram vā
pañcarātram vā ṣaḍrātram vā saptarātram vāvikṣiptacitto manasikariṣyati, yadā
sa kulaputro vā kuladuhitā vā kālam kariṣyati, tasya kālam kurvataḥ
so'mitāyustathāgataḥ śrāvakaśaṅghaparivṛto bodhisattvagūṇapuraskṛtaḥ purataḥ
sthāsyati | so'viparyastacittaḥ kālam kariṣyati ca | sa kālam kṛtvā
tasyaivāmitāyusastathāgatasya buddhakṣetre sukhāvatyām lokadhātāvupapat-
syate | tasmāttarhi śāriputra idamarthavaśam saṁpaśyamāna eva vadāmi-satkṛtya
kulaputreṇa vā kuladuhitrā vā tatra buddhakṣetre cittapraṇidhānam kartavyam ||
10 ||

10. Và này Śāriputra, vô lượng vô số chúng đệ tử của Đức Như Lai đó, gồm những hàng thanh tịnh và đáng kính, số lượng khó có thể đếm được. Những món vi diệu dành cho một Phật quốc như vậy được trang hoàng cho cõi Phật nơi đây.

Lại nữa, này Śāriputra, đối với những chúng sinh được sinh ra trong cõi Phật của Đức Như Lai Amitāyus là những Bồ Tát thanh tịnh, sinh chỉ lần duy nhất và không còn thối chuyển. Śāriputra, số lượng những Bồ Tát như vậy khó có thể tính đếm được, chỉ trừ khi dùng đến con số vô lượng .

Lại nữa, này Śāriputra, tất cả chúng sinh phải nhiệt thành phát nguyện về cõi Phật đó. Tại sao vậy? Bởi vì họ đến nơi đó cùng với những hàng thiện hảo. Chúng sinh được sinh ra ở cõi Phật của Đức Như Lai Amitāyus không phải do nhân quả và phước báo của thiện hạnh làm được trong kiếp hiện tại .

Bất kỳ nam tử nữ nhân nào nghe danh hiệu của Đức Như Lai Amitāyus, sau khi nghe rồi, ghi nhớ, với tâm bất loạn giữ niệm đó cho đến một, hai, ba, bốn, năm, sáu hoặc bảy đêm, cho đến khi nam tử nữ nhân đó mạng chung, lúc đó Đức Như Lai Amitāyus, cùng với chúng đệ tử và rất đông Bồ Tát vây quanh, sẽ hiện ra trước người ấy trong giờ phút lâm chung, và người ấy sẽ lìa bỏ mạng sống với tâm an lành. Sau khi chết, người ấy sẽ sinh vào thế giới Sukhāvatī trong cõi Phật của cùng Đức Như Lai Amitāyus. Cho nên, này Śāriputra, ta với một lòng tôn kính nói ra điều này, hiểu biết được nguyên nhân và sự lợi ích này, những nam tử nữ nhân cần phải toàn tâm ý hết lòng nguyện cầu vào cõi Phật ấy.

tadyathāpi nāma śāriputra ahametarhi tām parikīrtayāmi, evameva śāriputra
pūrvasyām diśi akṣobhyo nāma tathāgato merudhvajo nāma tathāgato
mahāmerurnāma tathāgato meruprab-hāso nāma tathāgato mañjudhvajo nāma
tathāgataḥ | evaṁpramukhāḥ śāriputra pūrvasyām diśi gaṅgānadīvālukupamā
buddhā bhagavantaḥ svakasvakāni buddhakṣetrāṇi jihvendriyeṇa saṁchādayitvā
nirveṭhanam kurvanti | pratīyatha yūyamidamacintyagūṇaparikīrtanam
sarvabuddhaparigrahaṁ nāma dharmaparyāyam || 11 ||

11. “Và này Śāriputra, ta hiện ở nơi đây ca ngợi thế giới đó. Cũng vậy, này Śāriputra, ở phương đông có những Đức Phật khác, do Như Lai Akṣobhya làm làm chủ, Như Lai Merudhvaja, Như Lai Mahāmeru, Như Lai Meruprabhāsa và

Như Lai Mañjudhvaja, với số lượng bằng số cát sông Hằng, hàm chứa các cội Phật của mình trong lời thuyết giảng và hiển bày chúng [câu này Max Muller tỏ ra nghi vấn về tướng lười của Phật trong nguyên bản, cho nên dịch thoát nghĩa]. Chấp nhận Kinh Pháp này, gọi là “Sự hộ niệm của tất cả Chư Phật,” trong đó tán dương công đức bất khả tư nghĩ của các Ngài.

evam dakṣiṇasyām diśi candrasūryapradīpo nāma tathāgato yaśaḥprabho
nāma tathāgato mahārciḥskandho nāma tathāgato merupradīpo nāma
tathāgato'nantavīryo nāma tathāgataḥ | evaṃpramukhāḥ śāriputra dakṣiṇasyām
diśi gaṅgānadīvālukupamā buddhā bhagavantaḥ svakasvakāni buddhakṣetrāṇi
jihvendriyeṇa saṃchādayitvā nirveṭhanaṃ kurvanti | pratīyatha
yūyamidamacintyaḡaṇaparikīrtanaṃ sarvabuddhaparigrahaṃ nāma
dharmaparyāyam || 12 ||

12. Cũng vậy, ở phương Nam có những những Đức Phật khác, do Như Lai Can-drasūryapradīpa làm chủ, Như Lai Yaśaḥprabha, Như Lai Mahārciskandha, Như Lai Merupradīpa, Như Lai Anantavīrya, số lượng bằng số cát sông Hằng, hàm chứa các cội Phật của mình trong lời thuyết giảng và hiển bày chúng. Chấp nhận Kinh Pháp này, gọi là “Sự hộ niệm của tất cả Chư Phật,” trong đó tán dương công đức bất khả tư nghĩ của các Ngài.

evam paścimāyām diśi amitāyurnāma tathāgato'mitaskandho nāma
tathāgato'mitadhvajo nāma tathāgato mahāprabho nāma tathāgato
mahāratnaketurṇāma tathāgataḥ śuddharaś-miprabho nāma tathāgataḥ |
evaṃpramukhāḥ śāriputra paścimāyām diśi gaṅgānadīvālukupamā buddhā
bhagavantaḥ svakasvakāni buddhakṣetrāṇi jihvendriyeṇa saṃchādayitvā
nirveṭhanaṃ kurvanti | pratīyatha yūyamidamacintyaḡaṇaparikīrtanaṃ
sarvabuddhaparigrahaṃ nāma dharmaparyāyam || 13 ||

13. Cũng vậy, ở phương Tây có những những Đức Phật khác, do Như Lai Ami-tāyus làm chủ, Như Lai Amitaskandha, Như Lai Amitadhvaja, Như Lai Ma-hāprabha, Như Lai Mahācāratnaketu, Như Lai Śuddharaśmiprabha, số lượng bằng số cát sông Hằng, hàm chứa các cội Phật của mình trong lời thuyết giảng và hiển bày chúng. Chấp nhận Kinh Pháp này, gọi là “Sự hộ niệm của tất cả Chư Phật,” trong đó tán dương công đức bất khả tư nghĩ của các Ngài.

evamuttarāyām diśi mahārciḥskandho nāma tathāgato vaiśvānaranirghoṣo
nāma tathāgato dundubhisvaranirghoṣo nāma tathāgato duṣpradharṣo nāma
tathāgataḥ ādityasaṃbhavo nāma tathāgato jaleniprabho nāma tathāgataḥ
prabhākaro nāma tathāgataḥ | evaṃpramukhāḥ śāripu-tra uttarāyām diśi
gaṅgānadīvālukupamā buddhā bhagavantaḥ svakasvakāni buddhakṣetrāṇi
jihvendriyeṇa saṃchādayitvā nirveṭhanaṃ kurvanti | pratīyatha
yūyamidamacintyaḡaṇaparikīrtanaṃ sarvabuddhaparigrahaṃ nāma
dharmaparyāyam || 14 ||

14. Cũng vậy, ở phương Bắc có những những Đức Phật khác, do Như Lai Ma-hārciskandha làm chủ, Như Lai Vaiśvanaranirghoṣa, Như Lai

Dundubhisvaranirghoṣa, Như Lai Duṣṣradharṣa, Như Lai Ādityasambhava, Như Lai Jaleniprabha (Jvalanaprabha?), số lượng bằng số cát sông Hằng, hàm chứa các cõi Phật của mình trong lời thuyết giảng và hiển bày chúng. Chấp nhận Kinh Pháp này, gọi là “Sự hộ niệm của tất cả Chư Phật,” trong đó tán dương công đức bất khả tư nghì của các Ngài.

evamadhastāyām diśi simho nāma tathāgato yaśo nāma tathāgato yaśaḥprabhāso nāma tathā-gato dharmo nāma tathāgato dharmadharo nāma tathāgato dharmadhvaḥ nāma tathāgataḥ | evaṃpramukhāḥ śāriputra adhastāyām diśi gaṅgānadīvalukopamā buddhā bhagavantaḥ svakasvakāni buddhakṣetrāṇi jihvendriyeṇa saṃchādayitvā nirveṭhanam kurvanti | pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanam sarvabuddhaparigraham nāma dharmaparyāyam || 15 ||

15. Cũng vậy, ở phương dưới, có những những Đức Phật khác, do Như Lai Simha làm chủ, Như Lai Yaśas, Như Lai Yaśaḥprabhava, Như Lai Dharma, Như Lai Dharmadhara, Như Lai Dharmadhvaḥ, số lượng bằng số cát sông Hằng, hàm chứa các cõi Phật của mình trong lời thuyết giảng và hiển bày chúng. Chấp nhận Kinh Pháp này, gọi là “Sự hộ niệm của tất cả Chư Phật,” trong đó tán dương công đức bất khả tư nghì của các Ngài.

evamupariṣṭhāyām diśi brahmaghoṣo nāma tathāgato nakṣatrarājo nāma tathāgata in-draketudhvajarājo nāma tathāgato gandhottamo nāma tathāgato gandhaprabhāso nāma tathā-gato mahārciskandho nāma tathāgato ratnakusumasampūṣṭitagātro nāma tathāgataḥ sālendrarājo nāma tathāgato ratnotpalaśrīr nāma tathāgataḥ sarvārthadarśī nāma tathāgataḥ sumeru-kalpo nāma tathāgataḥ | evaṃpramukhāḥ śāriputra upariṣṭhāyām diśi gaṅgānadīvalukopamā buddhā bhagavantaḥ svakasvakāni buddhakṣetrāṇi jihvendriyeṇa saṃchādayitvā nirveṭhanam kurvanti | pratīyatha yūyamidamacintyaguṇaparikīrtanam sarvabuddhaparigraham nāma dharmaparyāyam || 16 ||

16. Cũng vậy, ở phương trên, có những những Đức Phật khác, do Như Lai Brahmaghoṣa làm chủ, Như Lai Nakṣatrarāja, Như Lai In-draketudhvajarāja, Như Lai Gandhottama, Như Lai Gandhaprabhāsa, Như Lai Mahārciskandha, Như Lai Ratnakusumasampūṣṭita-gātra, Như Lai Sālendrarāja, Như Lai Ratnotpalaśrī, Như Lai Sarvārthadarśa, Như Lai Sumerukalpa, số lượng bằng số cát sông Hằng, hàm chứa các cõi Phật của mình trong lời thuyết giảng và hiển bày chúng. Chấp nhận Kinh Pháp này, gọi là “Sự hộ niệm của tất cả Chư Phật,” trong đó tán dương công đức bất khả tư nghì của các Ngài.

tatkiṃ manyase śāriputra kena kāraṇenāyam dharmaparyāyaḥ sarvabuddhaparigraho nāmo-cyate ? ye kecicchāriputra kulaputra vā kuladuhitaro vā asya dharmaparyāyasya nāmadheyaṃ śroṣyanti, teṣāṃ va buddhānāṃ bhagavatāṃ nāmadheyaṃ dhārayiṣyanti, sarve te buddhaparigṛhītā bhaviṣyanti, avinivartanīyāśca bhaviṣyanti anuttarāyām samyaksambodhau | tasmāttarhi śāriputra śraddadhādhvam pratīyatha mā kāṅkṣayatha mama ca

teṣāṃ ca buddhānāṃ bhagavatām | ye kecicchāriputra kulaputrā vā kuladuhitaro vā tasya bhagavato'mitāyusaṣastathāgatasya buddhakṣetre cittapraṇidhānaṃ kariṣyanti, kṛtaṃ vā kur-vanti vā, sarve te'vinivartanīyā bhaviṣyantyannuttarāyāṃ samyaksaṃbodhau | tatra ca buddhakṣetra upapatsyanti, upapannā vā upapadyanti vā | tasmāttarhi śāriputra śrāddhaiḥ kulaputraiḥ kuladuhitṛbhiḥca tatra buddhakṣetre cittapraṇidhirutpādayitavyaḥ || 17 ||

17. Śāriputra, ông nghĩ sao? Lý do tại sao Kinh Pháp này được gọi là Chư Phật Hộ Niệm? Hễ nam tử nữ nhân nào nghe được tên của kinh này và ghi nhớ tên của các Chư Phật, sẽ được sự hộ niệm của các Chư Phật và sẽ không bao giờ thoái chuyển ở nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Cho nên, này Śāriputra, hãy tin, thọ nhận và chớ nghi ngờ nơi ta và các Đức Phật.

Bất kỳ nam tử nữ nhân nào, sẽ phát nguyện nơi cõi Phật của Đức Như Lai Ami-tāyus, hoặc bây giờ đang phát nguyện hoặc trước đây đã phát nguyện, tất cả họ sẽ không bao giờ thoái chuyển ở nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Họ sẽ được sinh vào cõi Phật đó, hoặc đã được sinh hoặc đang được sinh. Cho nên, này Śāriputra, những nam tử và nữ nhân có tín tâm cần phải phát nguyện về nơi cõi Phật đó.

tadyathāpi nāma śāriputra ahametarhi teṣāṃ buddhānāṃ bhagavatāmevamacintyaguṇān parikīrtayāmi, evameva śāriputra mamāpi te buddhā bhagavanta evamacintyaguṇān parikīrta-yanti | suduṣkaraṃ bhagavatām śākyamuninā śākyādhirājena kṛtaṃ | sahāyāṃ lokadhātāvanuttarāṃ samyaksaṃbodhimabhisambudhya sarvalokavipratyayanīyo dharmo deśitaḥ kalpakaṣāye sattvakaṣāye drṣṭikaṣāya āyuskaṣāye kleśakaṣāye || 18 ||

18. “Và khi ta hiện ở đây tán dương công đức không thể nghĩ bàn của các Chư Phật, này Śāriputra, những Chư Phật cũng tán dương công đức đứng không thể nghĩ bàn của ta. “Śākyamuni, người đứng đầu của dòng tộc Śākya, đã làm một việc rất khó khăn. Ngài đã đạt được ngôi Vô Thượng Chánh Đẳng Giác trong thế giới Sahā này. Ngài dạy những giáo pháp mà toàn thế giới khó tin nhận, đương khi sự suy đồi của kiếp hiện tại, sự suy đồi của nhân phẩm, suy đồi của niềm tin, sự suy đồi của cuộc sống, sự suy đồi của tình cảm.”

tanmamāpi śāriputra paramaduṣkaraṃ yanmayā sahāyāṃ lokadhātāvanuttarāṃ samyaksaṃbodhimabhisambudhya sarvalokavipratyayanīyo dharmo deśitaḥ sattvakaṣāye drṣṭikaṣāye kleśakaṣāya āyuskaṣāye kalpakaṣāye || 19 ||

19. Này Śāriputra, ngay cả đối với ta, đạt được ngôi Vô Thượng Chánh Đẳng Giác là một việc cực kỳ khó. Ta dạy giáo pháp mà toàn thế giới khó có thể chấp nhận, đương khi sự suy đồi của nhân phẩm, của niềm tin, của tình cảm, của cuộc sống và của kiếp hiện tại này.”

idamavocadbhagavānāttamanāḥ | āyuṣmān śāriputraste ca bhikṣavaste ca bodhisattvāḥ sadevamānuṣāsuraṅgandharvaśca loka bhagavato bhāṣitamabhyānandan || 20 ||

20. Đức Thế Tôn nói kinh này xong với sự hoan hỷ. Tôn giả Śāriputra, các Tỳ Kheo, Bồ Tát, và toàn thể thế giới Trời, Người, A Tu La và Chư Thần thọ nhận lời dạy của Đức Thế Tôn.

sukhāvatīvyūha nāma mahāyānasūtram ||
(saṃkṣiptamātrkā |)

Đây là kinh Đại thừa có tên là Sukhāvatī-vyūha.
(bản ngắn)

(Tống Phước Khải Dịch từ bản dịch tiếng Anh “The Smaller Sukhavativyuha” của F. Max Muller)



sukhāvatīvyūhaḥ (vistaramātrkā)

sukhāvatīvyūhaḥ |
[vistaramātrkā]

om namo ratnatrayāya | om namaḥ śrīsarvabuddhabodhisattvebhyaḥ | namo
daśadiganantāparyantalokadhātupratiṣṭhitebhyaḥ
sarvabuddhabodhisattvāryaśrāvakaḥpratyekabuddhebhyo'tītānāgatapratyutpannebhyaḥ |
namo'mitābhāya | namo'cintyaguṇāntarātmāne ||

evaṁ mayā śrutam | ekasmin samaye bhagavān rājagṛhe viharati sma
gr̥dhrakūṭaparvate mahatā bhikṣusaṁghena sārddhaṁ dvātrimśatā bhikṣusahasraiḥ,
sarvairarhadbhiḥ kṣīṇāsravairniḥkleśairuṣitavadbhiḥ samyagājñāsuḥvimuktacittaiḥ
parīkṣacittaiḥ
parīkṣīṇabhavasāmyojanairanuprāptasvakārthairvijitavadbhiruttamadamathaprapṭaiḥ
suḥvimuktacittaiḥ
suḥvimuktaprajñairmahānāgaiḥ
ṣaḍabhiññairvaśībhūtairasṭavimokṣadhyāyibhirbalaprapṭairabhiññātābhijñaiḥ
sthavirairmahāśrāvakaiḥ | tadyathā-ājñātaḥkaundinyena ca, aśvajitā ca, bāṣpeṇa ca,
mahānāmnā ca, bhadrajitā ca, yaśodevena ca, vimalena ca, subāhunā ca,
pūrṇamaitrāyaṇīputreṇa ca, urubilvākāśyapena ca, nadīkāśyapena ca, gayākāśyapena
ca, kumārakāśyapena ca, mahākāśyapena ca, śāriputreṇa ca, mahāmaudgalyāyanena ca,
mahākauṣṭhilyena ca, mahākaphilena ca, mahācundena ca, aniruddhena ca, nandikena
ca, kampilena ca, subhūtinā ca, revatena ca, khadiravanikena ca, vakulena ca,
svāgatena ca, amogharājena ca, pārāyaṇikena ca, patkena ca, cullapatkena ca, nandena
ca, rāhulena ca, āyusmatānandena ca, etaiścānyaiśca abhiññātābhijñaiḥ
sthavirairmahāśrāvakairekaṁ pudgalaṁ sthāpayitvā śaikṣapratidyuttarikaraṇīyaṁ
yadidamāyusmantamānandam | maitreyapūrvamgamaiśca
sambahulairbodhisattvairmahāsattvaiḥ || 1 ||

atha khalvāyusmānānda utthāyāsamādekāmsamuttarāsaṅgaṁ kṛtvā dakṣiṇaṁ
jānumaṇḍalaṁ pṛthivyāṁ pratiṣṭhāpya yena bhagavānstenāñjaliṁ praṇamya
bhagavantametadavocat-viprasannāni tava bhagavata indriyāṇi,
parīśuddhaśchavivarṇaḥ, paryavadāto mukhavarṇaḥ pītanirbhāsaḥ | tadyathāpi nāma
śāradaṁ vanadaṁ pāṇḍuparīśuddhaṁ paryavadātaṁ pītanirbhāsam, evameva
bhagavato viprasannānīndriyāṇi, parīśuddho mukhavarṇaḥ, paryavadātaśchavivarṇaḥ
pītanirbhāsaḥ | tadyathāpi nāma bhagavan jāmbūnadasuvarṇaṇiṣko dakṣeṇa karmāreṇa
karmārāntevāsinā vā ulkā mukhena saṁpraveśya supariniṣṭhitaḥ pāṇḍukambala
uparinikṣipto'tīva parīśuddho bhavati paryavadātaḥ pītanirbhāsaḥ, evameva bhagavato
ciprasannānīndriyāṇi, parīśuddho mukhavarṇaḥ, paryavadātaśchavivarṇaḥ
pītanirbhāsaḥ | na khalu punaraham bhagavan abhijānāmi itaḥ pūrvataramevaṁ
viprasannāni tathāgatasyendriyāṇi evaṁ poarīśuddhaṁ mukhavarṇaṁ paryavadātaṁ
chavivarṇaṁ pītanirbhāsam | tasya me bhagavan evaṁ bhavati-buddhavihāreṇa
batādya tathāgato viharati, jinavihāreṇa sarvajñatāvihāreṇa | mahānāgavihāreṇa batādya
tathāgato viharati | atītānāgatapratyutpannān vā tathāgatānarhataḥ samyaksambuddhān
samanusmaratīti | evamukte bhagavānāyusmantamānandametadavocat-sādhu
sādhvānanda | kim punaste devatā etamarthamārocayanti, utāho buddhā bhagavantaḥ ?
atha tena pratyutpannamīmāṁsājñānenaivaṁ prajānāsīti ? evamukte āyusmānānando
bhagavantametadavocat-na me bhagavan devatā etamarthamārocayanti, nāpi buddhā

bhagavantah | atha tarhi me bhagavamstenaiva pratyātmanīmāmsājñānenaiva
bhavati-buddhavihāreṇādyā tathāgato viharati | jinavihāreṇa sarvajñatāvihāreṇa
batādyā tathāgato viharati | atītānāgatapratyutpannān vā buddhān bhagavataḥ
samanusmaratīti | evamukte bhagavānyuṣmantamānandametadavocat-sādhu
sādhvānanda | udāraḥ khalu te unmiñjaḥ, bhadrīkā mīmāṃsā, kalyāṇam pratibhānam |
bahujanahitāya tvamānanda pratipanno bahunasukhāya lokānukampāyai mahato
janakāyayārthāya hitāya sukhāya devānām ca manuṣyāṇām ca, yastvaṁ
tathāgatamarthaṁ paripraṣṭavyaṁ manyase | evameva bhagavatsu
ānandastathāgateṣvarhatsu samyaksambuddheṣu aprameyeṣu saṁkhyeyeṣu
jñānadarśanamupasaṁharet, na tathāgatasya jñānamupahanyeta | tatasya hetoḥ ?
apratihatahetujñānadarśano hyānanda tathāgataḥ | jñānamākāṅkṣannānanda tathāgataḥ
ekapiṇḍapātena kalpaṁ vā tiṣṭhet kalpaśataṁ vā kalpaśatasahasraṁ vā
yāvatkalpakoṭīniyutaśatasahasraṁ vā, tato vottari tiṣṭhet, na ca
tathāgatasyendriyānyupanaśyeyuḥ, na mukhavarṇasyānyathātvaṁ bhavet, nāpi
cchavivarṇa upahanyeta | tatasya hetoḥ ? tathā hi ānanda tathāgataḥ
samādhimukhapāramitāprāptaḥ | samyaksambuddhānāmānanda loka sudurlabhaḥ
prādurbhāvaḥ | tadyathā audumbarapuṣpāṇām loka prādurbhāvaḥ sudurlabho bhavati,
evameva ānanda tathāgatānāmāthakāmānām hitaiṣiñāmanukampakānām
mahākaruṇāpratipannānām sudurlabhaḥ prādurbhāvaḥ | api tu khalvānanda
tathāgatasyaiva so'nubhāvo yastvaṁ sarvalokācāryāṇām sattvānām loka prādurbhāvāya
bodhisattvānām mahāsattvānāmāthāya tathāgatametamarthaṁ paripraṣṭavyaṁ
manyase | tena hyānanda śṛṇu, sādhu ca suṣṭhu ca manasikuru | bhāṣiṣye'haṁ te | evaṁ
bhagavan ityāyuṣmānānando bhagavataḥ pratyāśrauṣīt || 2 ||

bhagavānānandametadavocat-bhūtapūrvamānanda atīte'dhvani ito'saṁkhyeye
kalpe'saṁkhyeyatare vipule'prameye'cintye yadāśīt | tena kālena tena samayena
dīpaṁkaro nāma tathāgato'rhan samyaksambuddho loka udapādi | dīpaṁkarasyānanda
pareṇa parataraṁ pratāpavānnāma tathāgato'bhūt | tasya pareṇa parataraṁ prabhākaro
nāma tathāgato'bhūt | tasya pareṇa parataraṁ candanagandho nāma tathāgato'bhūt |
tasya pareṇa parataraṁ sumerukalpo nāma tathāgato'bhūt | evaṁ candano nāma,
vimalānāno nāma, anupalīpto nāma, vimalaprabho nāma, nāgābhibhūrnāma, sūryodano
nāma, girirājaghoṣo nāma, merukūṭo nāma, suvarṇaprabho nāma, jyotiṣprabho nāma,
vaiḍūryanirbhāso nāma, brahmaghoṣo nāma, candrābhibhūrnāma, tūryaghoṣo nāma,
muktakusumapratimaṇḍitaprabho nāma, śrīkūṭo nāma,
sāgaravarabuddhivikrīḍitābhijño nāma, varaprabho nāma, mahāgandharājanirbhāso
nāma, vyapagatakhilamalapatighoṣo nāma, śūrakūṭo nāma, raṇamjaho nāma,
mahāguṇadharabuddhiprāptābhijño nāma, candrasūryajihmīkaraṇo nāma,
uttaptavaiḍūryanirbhāso nāma, cittadhārābuddhisamkusumitābhyudgato nāma,
puṣpavātīvanarājasamkusumitābhijño nāma, puṣpākaro nāma, udakacandro nāma,
avidyāndhakāraavidhvaṁśanakaro nāma, lokendro nāma, muktacchtrapravātasadr̥ṣo
nāma, tiṣyo nāma, dharmamativinanditarājo nāma, śiṁhasāgarajūṭavinanditarājo
nāma, sāgaramerucandro nāma, brahmasvaranādābhinandito nāma, kusumasambhavo
nāma prāptaseno nāma, candrabhānurnāma, candraprabho nāma, vimalanetro nāma,
girirājaghoṣośvaro nāma, kusumaprabho nāma, kusumavṛṣṭyabhiprakīrṇo nāma,
ratnacandro nāma, padmabimbyupaśobhito nāma, candanagandho nāma, ratnābhibhāso
nāma nimirnāma, mahāvyūho nāma, vyapagatakhiladoṣo nāma, brahmaghoṣo nāma,
saptaratnābhivṛṣṭo nāma, mahāguṇadharo nāma, mahātamālapatracandanakardamo
nāma, kusukābhijño nāma, ajñānavidhvaṁśano nāma, kesarī nāma, muktacchatro
nāma, suvarṇagarbho nāma, vaiḍūryagarbho nāma, mahāketurnāma, dharmaketurnāma,

ratnaketurnāma, ratnaśrīrnāma, kolendro nāma, narendro nāma, kāruṇiko nāma, lokasundaro nāma, bramhaketurnāma, dharmaketurnāma, siṃho nāmasiṃhamatirñāma | siṃhamaterānanda pareṇa parataram lokeśvararājo nāma tathāgato'rhan samyaksaṃbuddho loka udapādi vidyācaraṇasaṃpannaḥ sugato lokavidanuttaraḥ puruṣadamyasārathiḥ śāstā devānāṃ ca manuṣyāṇāṃ ca buddho bhagavān | tasya khalu punarānanda lokeśvararājasya tathāgata, syārhataḥ samyaksaṃbuddhasya pravacane dharmākaro nāma bhikṣubhūdadhimātram smṛtimān matimān gatimān prajñāvan, adhimātram vīryavān udārādhimuktikaḥ || 3 ||

atha khalvānanda sa dharmākaro bhikṣuruttahāyāsanādekāṃsamuttarāsaṅgaṃ kṛtvā dakṣiṇajānumaṇḍalaṃ pṛthivyāṃ pratiṣṭhāpya yenāsau bhagavān llokeśvararājastathāgatastenāñjalim praṇamya bhagavantam namaskṛtya tasminneva samaye saṃmukhamābhīrghāthābhīrabhyaṣṭāvīt -

amitaprabha anantatulyabuddhe
na ca iha anya prabhā vibhāti kācit |
sūryamaṇigirīśacandraābhā
na tapita bhosiṣu ebhi sarvaloke || 1 ||
rūpamapi anantu attvasāre
tatha api buddhasvaro anantaghoṣaḥ |
śīlamapi samādhīprajñavīryaiḥ
sadṛśu na te'stiha loka kaścidanyaḥ || 2 ||
gabhiru vipulu sūkṣmaprāptu dharmo-
'cintitu buddhavarō yathā samudraḥ |
tenonnamanā na cāsti śāstuh
khiladoṣān jahyā ato'dhikālam || 3 ||
atha buddhabalā anantatejā
pratapati sarvadiśā narendrarājā |
tatha ahu buddha bhavi dharmasvāmī
jaramaraṇātprajām pramocayeyam || 4 ||
dānaśamathāśīlakṣāntivīrya
dhyānaśamādhitaścaiva agraśreṣṭhām |
ebhi ahu vratām samādadāmi
buddha bhaviṣyami sarvasattvatrātā || 5 ||
buddhaśatasahasra koṭyanekā
yathariva vālika gaṅgayā anantā |
sarvata ahu pūjayiṣya nāthām
śivavarabodhigaveṣako atulyām || 6 ||
gaṅgārajasamānalokadhātūṃ
tatra bhūyo'ntari ye anantakṣetrāḥ |
sarvatra prabha muñcayiṣya tatrā
iti etādrśa vīryamārabhidhya || 7 ||
kṣetra mama udāru agra śreṣṭho
varamiha malī(?) saṃskṛte'smiṃ |
asadṛśa nirvāṇadhātusaukhyam
taśca(cca ?) asattvatayā viśodhayiṣye || 8 ||
daśadiśata samāgatāni sattvāḥ
tatra gatā sukha me diśanti kṣipram |
buddha mama pramāṇu atra śikṣī

avitathavīryabalaṃ janemi chandam || 9 ||
daśaśālokavidasaṅgajñānī
sada mama citta prajānayanti te'pi |
avicigatu ahaṃ sadā vaseyaṃ
praṇidhibalaṃ na punarvivartayiṣye || 10 ||

atha khalvānanda sa dharmākaro bhikṣustaṃ bhagavantaṃ lokeśvararājaṃ
tathāgataṃ saṃmukhamābhīrgāthābhirabhiṣṭutya etadavocat-ahamasmi bhagavan
uttarāṃ samyaksaṃboddhimabhisamboddhukāmaḥ | punaḥ punaranuttarāyāṃ
samyaksaṃboddhau cittamutpādayāmi pariṇāmayāmi | tasya me bhagavān śāstā tathā
dharmaṃ deśayatu, yathāhaṃ kṣipramanuttarāṃ
samyaksaṃboddhimabhisambudhyeyam | asamasamastathāgato loke bhaveyam | tāṃśca
bhagavānākārān parikīrtayatu yairahaṃ buddhakṣetrasya guṇavyūhasaṃpadaṃ
parigrhṇīyāṃ | evamukte ānanda bhagavān llokeśvararājastathāgatastaṃ
bhikṣumetadavocat-tena hi tvaṃ bhikṣo svayameva
buddhakṣetraguṇālaṃkāravvyūhasaṃpadaṃ parigrhṇīṣva | so'vocat-nāhaṃ
bhagavaṃstatsaheyam, api tu bhagavāneva | bhāṣasva anyeṣāṃ tathāgatānāṃ
buddhakṣetraguṇavyūhālaṃkārasaṃpadaṃ, yāṃ śrutvā vayaṃ sarvākāraṃ
paripūrayiṣyāma iti | athānanda sa lokeśvararājastathāgato'rhan
samyaksaṃbuddhastasya bhikṣurāśayaṃ jñātvā paripūrṇāṃ
varṣakoṭimekāśītibuddhakoṭīniyutaśatasahasrāṇāṃ
buddhakṣetraguṇālaṃkāravvyūhasaṃpadaṃ sākārāṃ soddeśāṃ sanirdeśāṃ
saṃprakāśitavānarthakāmo hitaiṣī anukampako'nukampāṃmupādāya
buddhakṣetrānupacchedāya sattveṣu mahākaruṇāṃ saṃjanayitvā |
paripūrṇāścātvarīmśatkalpāstasya bhagavatastathāgatasyāyuhpramāṇam || 5 ||

atha khalvānanda sa dharmākaro
bhikṣuryāsteṣāmekāśītibuddhakoṭīniyutaśatasahasrāṇāṃ
buddhakṣetraguṇālaṃkāravvyūhasaṃpadaḥ, tāḥ sarvā eke buddhakṣetre parigrhya
bhagavato lokeśvararājasya tathāgatasya pādaḥ śīrasā vanditvā pradakṣiṇīkrtya tasya
bhagavato'ntikātpṛākṛmat | uttari ca pañca kalpān
buddhakṣetraguṇālaṃkāravvyūhasaṃpadamudāratarāṃ praṇītatarāṃ ca sarvaloke
daśasu dikṣu apracaritapūrvāṃ parigrhītavān, udāratarāṃ ca praṇidhānamakārṣīt || 6 ||

iti hyānanda yā tena bhagavatā lokeśvararājena tathāgatena
teṣāmekāśītibuddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrāṇāṃ saṃpattiḥ kathitā, tato
bhikṣurekāśītyudārapraṇītāprameyatarāṃ buddhakṣetrasaṃpattiṃ parigrhya yena sa
tathāgatastenopasaṃkramya bhagavataḥ pādaḥ śīrasā vanditvā etadavocat-parigrhītā
me bhagavan buddhakṣetraguṇālaṃkāravvyūhasaṃpaditi | evamukte ānanda sa
lokeśvararājastathāgatastaṃ bhikṣumetadavocat-tena hi bhikṣo bhāṣasva, anumodate
tathāgataḥ | ayaṃ kālo bhikṣo, pramodaya paśadam, harṣaṃ janaya, śīrhanādaṃ
nada, yaṃ śrutvā bodhisattvā mahāsattvā etarhyānāgate'dhvani evaṃrūpāṇi
buddhakṣetraguṇasaṃpattipraṇidhisthānāni parigrahīṣyanti | athānanda sa dharmākaro
bhikṣustasyāṃ velāyāṃ bhagavantametadavocat-tena hi śṛṇotu me bhagavān ye mama
praṇidhānaviśeṣāḥ, yathā me'nuttarāṃ samyaksaṃboddhimabhisambuddhasya
acintyaguṇālaṃkāravvyūhasamanvāgataṃ tad buddhakṣetraṃ bhaviṣyati || 7 ||

1. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre nirayo vā tiryagyonirvā pretaviṣayo vā āsuro vā kāyo bhavet, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

2. sacenme bhagavaṁstasya tatra buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātā bhaveyuh, te punastataścyutvā nirayaṁ vā tiryagyonim vā pretaviṣayaṁ vā āsuraṁ vā kāyaṁ prapateyuh, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

3. sacenme bhagavaṁstatra buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātāste ca sarve naikavarṇāḥ syuryadidaṁ suvarṇavarṇāḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

4. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre devānāṁ ca manuṣyāṇāṁ ca nānātvaṁ prajñāyeta anyatra nāma saṁvṛtivyavahāramātrā devamanuṣyā iti saṁkhyāgaṇanātaḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

5. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātāḥ, te ca sarve na ṛddhivaśitāparamapāramitāprāptā bhaveyuh, antaśa ekacittakṣaṇalavena buddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrātikramaṇatayāpi, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

6. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātā bhaveyuh, te ca sarve jātismarā na syuh, antaśaḥ kalpakakoṭīniyutaśatasahasrānusmaraṇatayāpi, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

7. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājāyeran, te sarve na divyasya cakṣuṣo lābhino bhaveyuh, antaśo lokadhātukoṭīniyutaśatasahasradarśanatayāpi, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

8. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājāyeran, te sarve na divyasya śrotrasya lābhino bhaveyuh, antaśo buddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrādapi yugapatsaddharmaśravaṇatayā, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

9. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājāyeran, te sarve na paracittajñānakovidā bhaveyuh, antaśo buddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasraparyāpannānāmapi sattvānāṁ cittacaritaparijñānatayā, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

10. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājāyeran, teṣāṁ kācitparigrahasaṁjñotpadyeta, antaśaḥ svaśarīre'pi, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

11. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājāyeran, te sarve na niyatāḥ syuryadidaṁ samyaktve yāvanmahāparinirvāṇe, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

12. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre anuttarāṁ samyaksambodhimabhisambuddhasya kaścitsattvaḥ śrāvakāṇāṁ gaṇanāmadhigacchet, antaśastrisāhasramahāsāhasraparyāpannā api sarvasattvāḥ pratyekabuddhabhūtāḥ kalpakoṭīniyutaśatasahasramabhigaṇayantaḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

13. sacenme bhagavaṁstasmin buddhakṣetre anuttarāṁ samyaksambodhimabhisambuddhasya pramāṇikī me prabhā bhavet, antaśo buddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrapramāṇenāpi, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

14. sacenme bhagavannanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambuddhasya tasmin buddhakṣetre sattvānāṁ pramāṇīkṛtamāyuspramāṇaṁ bhavet, anyatra praṇidhānavaśena, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

15. sacenme bhagavan bodhiprāptasyāyuspramāṇaṁ paryantīkṛtaṁ bhavet, antaśaḥ kalpakoṭīniyutaśatasahasragāṇayāpi, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

16. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tasmin buddhakṣetre sattvānāmakuśalasya nāmadheyamapi bhavet, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

17. sacenme bhagavan bodhiprāptasya nāpramayeṣu buddhakṣetreṣu aprameyāsaṁkhyeyā buddhā bhagavanto nāmadheyaṁ parikīrtayeyuḥ, na varṇaṁ bhāṣeran, na praśaṁsāmaḥyudīrayeran, na samudīrayeyuḥ, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

18. sacenme bhagavan bodhiprāptasya ye sattvā anyeṣu lokadhātuṣvanuttarāyāṁ samyaksambodhau cittamutpādyā mama nāmadheyaṁ śrutvā prasannacittā māmanusmareyuḥ, teṣāṁ cedahaṁ maraṇakālasamaye pratyupasthite bhikṣusaṁghaparivṛtaḥ puraskṛto na puratastiṣṭheyaṁ yadidaṁ cittāvikṣepatāyai, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

19. sacenme bhagavan bodhiprāptasya aprameyāsaṁkhyeyeṣu buddhakṣetreṣu ye sattvā mama nāmadheyaṁ śrutvā tatra buddhakṣetre cittaṁ prerayeyuḥ, upapattaye kuśalamūlāni ca pariṇāmayeyuḥ, te tatra buddhakṣetre nopapadyeran, antaśo daśabhiścittotpādaparivartaiḥ sthāpayitvā ānantaryakāriṇaḥ saddharmapratikṣepāvaraṇakṛtāṁśca sattvān, mā tāvadahamanuttarāṁ samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

20. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātā bhavēyuḥ, te sarve naikajātīpratibaddhāḥ syuranuttarāyāṁ samyaksambodhau sthāpayitvā praṇidhānaviśeṣān, teṣāmeva bodhisattvānāṁ mahāsattvānāṁ mahāsaṁnāhasaṁnaddhānāṁ sarvalokārthasambuddhānāṁ sarvalokābhīyuktānāṁ sarvalokaparīnirvāṇābhīyuktānāṁ sarvalokadhātuṣu bodhisattvacaryāṁ caritukāmānāṁ sarvabuddhānāṁ saṁvartukāmānāṁ gaṅgānadīvālukāsamān sattvān anuttarāyāṁ samyaksambodhau pratiṣṭhāpakānāṁ bhūyaśca uttaracaryābhimukhānāṁ

samantabhadracaryāniryātānām,
samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

mā

tāvadahamanuttarām

21. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye bodhisattvāḥ
pratyājātā bhaveyuh, te sarve ekapurobhaktena anyāni buddhakṣetrāṇi gatvā bahūni
buddhaśatāni bahūni buddhasahasrāṇi bahūni buddhaśatasahasrāṇi
bahvīrbuddhakoṭīryāvadbahūni buddhakoṭīniyutaśatasahasrāṇi nopatiṣṭheran
sarvasukhopadhānaiḥ tadidaṁ buddhānubhāvena, mā tāvadahamanuttarām
samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

22. sacenme bhagavan bodhiprāptasta tatra buddhakṣetre bodhisattvā
yathārūpairākārairākāṅkṣeyuh kuśalamūlānyavaropayitum yadidaṁ suvarṇena vā
rajatena vā
maṇimuktāvaiḍūryaśaṅkhaśilāpravālasphaṭikamusāragalvalohitamuktāśmagarbhādibhir
vā anyatamānyatamaiḥ sarvai ratnairvā
sarvagandhapuṣpamālyavilepanadhūpacūrṇacīvaracchatradhvajapatākāpradīpairvā
sarvaṇṛtyagītavādhairvā, teṣāṁ ca tathārūpā āhārāḥ sahacittotpādānna prādurbhaveyuh,
mā tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

23. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātā
bhaveyuh, te sarva na sarvajñatāsahagatāṁ dharmakathāṁ kathayeyuh, mā
tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

24. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye bodhisattvā evaṁ
cittamutpādayeyuh-yadihaiva vayaṁ lokadhātau sthitvā aprameyāsaṁkhyeyeṣu
buddhakṣetreṣu buddhān bhagavataḥ satkuryām gurukuryām mānayema pūjayema
yadidaṁ cīvarapiṇḍapātraśayanāsanaglānapratyayabhaiṣajyapariṣkāraiḥ
puṣpadhūpadīpagandhamālyavilepanacūrṇacīvaracchatradhvajapatākābhīrṇānāvidhanṛt
yagītavādyai ratnavarṣairiti, teṣāṁ ca buddhā bhagavantaḥ sahacittotpādānna
pratigrhṇīyuryadidamanukampāmupādāya, mā tāvadahamanuttarām
samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

25. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye bodhisattvāḥ
pratyājātā bhaveyuh, te sarve na nārāyaṇavajrasaṁhatātmabhāvasthāmapratilabdḥā
bhaveyuh, mā tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

26. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre yaḥ
kaścitsattvo'laṁkāryasya varṇaparyantamudgrhṇīyāt-antaśo divyenāpi cakṣuṣā
evaṁvarṇamevaṁvibhūti idaṁ buddhakṣetramiti nānāvarṇatāṁ jānīyāt, mā
tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

27. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre yaḥ
sarvaparīttakuśalamūlo bodhisattvaḥ so'ntaśo yojanaśatottthitamudāravarṇaṁ
bodhivṛkṣaṁ na saṁjānīyāt, mā tāvadahamanuttarām
samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

28. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre kasyacitsattvasyoddeśo
vā svādhyāyo vā kartavyaḥ syāt, na te sarve pratisaṁvitprāptā bhaveyuh, mā
tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

29. sacenme bhagavan bodhiprāptasya naivam prabhāsvaram tadbuddhakṣetram bhavedyatra samantādaprameyāsamkhyeyācintyātulyāparimāṇāni buddhakṣetrāṇi samdrśyeraṇ tadyathāpi nāma parimṛṣṭe ādarśamaṇḍale mukhamaṇḍalam, mā tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

30. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre dharaṇītalāmupādāya yāvadantarīkṣāddevamanuṣyaviṣayātikrāntasyābhijātasya dhūpasya tathāgatabodhisattvapūjāpratyaṛhasya sarvaratnamayāni nānāsurabhigandhaghaṭikāśatasahasrāṇi sadā nidhūpitānyava na syuḥ, mā tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

31. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre na sadābhipravṛṣṭānyeva sugandhinānāratnapuṣpavarṣāṇi sadā pravāditāśca manojñasvarā vādyameghā na syuḥ, mā tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

32. sacenme bhagavan bodhiprāptasya ye sattvā aprameyāsamkhyeyācintyātulyeṣu lokadhātuṣvābhayā sphuṭā bhaveyuh, te sarve na devamanuṣyasamatikrāntena sukhena samanvāgatā bhaveyuh, mā tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

33. sacenme bhagavan bodhiprāptasya samantādaprameyācintyātulyāparimāṇeṣu buddhakṣetreṣu bodhisattvā mahāsattvā mama nāmadheyam śrutvā tacchravaṇasahagatena kuśalena jātivyativṛttāḥ santo na dhāraṇīpratilabdā bhaveyuryāvadbodhimaṇḍaparyantamiti, mā tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

34. sacenme bhagavan bodhiprāptasya samantādaprameyāsamkhyeyācintyātulyāparimāṇeṣu buddhakṣetreṣu yāḥ striyo mama nāmadheyam śrutvā pramādaṁ samjanayeyuh, bodhicittaṁ notpādayeyuh, strībhāvaṁ ca na vijugupseraṇ, jātivyativṛttāḥ samānāḥ saceddvitīyaṁ strībhāvaṁ pratilabheraṇ, mā tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

35. sacenme bhagavan bodhiprāptasya samantāddaśasu dikṣu aprameyāsamkhyeyācintyātulyāparimāṇeṣu buddhakṣetreṣu ye bodhisattvā mama nāmadheyam śrutvā praṇipatya pañcamaṇḍalanamaskāreṇa vandiṣyante te bodhisattvacaryāṁ caranto na sadevakena lokena satkriyeraṇ, mā tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

36. sacenme bhagavan bodhiprāptasya kasyacidbodhisattvasya cīvaradhāvanaśoṣaṇasīvanaraṇjanakarma kartavyaṁ bhavet, na tveva navābhijātacīvararatnaiḥ prāvṛtamevātmānaṁ samjānīyuh sahacittotpādātathāgatānujñātaiḥ, mā tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

37. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre sahotpannāḥ sattvā naivamvidham sukham pratilabheramstadyathāpi nāma niṣparidāhasyārhatō

bhikṣoṣṭṛtīyadhyānasamāpannasya,
samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

mā

tāvadahamanuttarām

38. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye bodhisattvāḥ
pratyājātāḥ, te yathārūpāṃ buddhakṣetre guṇālamkāravvyūhamākāṅkṣeyuḥ, tathārūpāṃ
nānāratnavṛkṣebhyo na saṃjanayeyuḥ, mā tāvadahamanuttarām
samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

39. sacenme bhagavan bodhiprāptasya mama nāmadheyam śrutvā
anyabuddhakṣetropapannā bodhisattvā indriyabalavaikalyam gaccheyuḥ, mā
tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

40. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tadanyabuddhakṣetrasthāne bodhisattvā
mama nāmadheyasahaśravaṇāṇa suvibhaktavatīm nāma samādhim pratilabheran,
yatra samādhau sthitvā bodhisattvā ekakṣaṇavyatihāreṇa
aprameyāsamkhyeyācintyātulyāparimāṇān buddhān bhagavataḥ paśyanti, sa caiṣām
samādhirantarā vipraṇāśyet, mā tāvadahamanuttarām
samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

41. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tadanyeṣu buddhakṣetreṣu mama
nāmadheyam śrutvā tacchravaṇasahagatena kuśalamūlena sattvā nābhijātakulopapattim
pratilabheran yāvadbodhiparyantam, mā tāvadahamanuttarām
samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

42. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tadanyeṣu buddhakṣetreṣu ye bodhisattvā
mama nāmadheyam śrutvā tacchravaṇakuśalamūlena yāvadbodhiparyantam te sarve
bodhisattvacaryāprītiprāmodyakuśalamūlasamavadhānagatā na bhaveyuḥ, mā
tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

43. sacenme bhagavan bodhiprāptasya sahanāmadheyaśravaṇāttadanyeṣu
lokadhātuṣu bodhisattvā na samantānugatam nāma samādhim pratilabheran, yatra
sthitvā bodhisattvā ekakṣaṇavyatihāreṇa aprameyāsamkhyeyācintyātulyāparimāṇān
buddhān bhagavataḥ satkurvanti, sa caiṣām samādhirantarā
vipraṇāśyedyāvadbodhimaṇḍaparyantam, mā tāvadahamanuttarām
samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

44. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātā
bhaveyuḥ te yathārūpāṃ dharmadeśanāmākāṅkṣeyuḥ śrotum, tathārūpāṃ
sahacittotpādāṇa śṛṇuyuḥ, mā tāvadahamanuttarām
samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

45. sacenme bhagavan bodhiprāptasya tatra buddhakṣetre tadanyeṣu
buddhakṣetreṣu ye ca bodhisattvā mama nāmadheyam śṛṇuyuḥ, te
sahanāmadheyaśravaṇānnāvaivartikā bhaveyuranuttarāyāḥ samyaksambodheḥ, mā
tāvadahamanuttarām samyaksambodhimabhisambudhyeyam ||

46. sacenme bhagavan bodhiprāptasya buddhaśāsturbuddhakṣetreṣu te
bodhisattvā mama nāmadheyam śṛṇuyuḥ, te
sahanāmadheyaśravaṇātpathamadvitīyatṛtīyāḥ kṣāntīḥ pratilabheran nāvaivartikā

bhaveyurbuddhadharmasaṃghebhyaḥ,
samyaksambodhimabhibudhyeyam ||8||

mā

tāvadahamanuttarāṃ

atha khalvānanda sa dharmākaro bhikṣurimānevanrūpān
praṇidhānaviśeṣānnirdiśya tasyāṃ velāyāṃ buddhānubhāven imā gāthā abhāṣata—

saci mi [siya] viśiṣṭa naivarūpā
varapraṇidhāna siyā khu bodhiprāpto |
māha siya gavendrasattvasāro
daśabaladhāri atulyadakṣiṇīyaḥ ||11||

saci mi siya na kṣetra evarūpaṃ
bahu adha nānaprabhūta divyavittam |
sukhita naraka yeya duḥkhaprāpto
māha siyā ratanāna [loka]rājā ||12||

saci mi upagatasya bodhimaṇḍam
daśadiśi pravraji nāmadheyu kṣipram |
pṛthu bahava ananta buddhakṣetrā
māha siyā balaprāptu lokanāthaḥ ||13||

saci khu ahu rameya kāmabhogāṃ
smṛtimatiyā gatiyā vihīnu santaḥ |
atula śiva sameyamāna bodhim
māha siyā balaprāptu śāstra loke ||14||

vipulaprabha atulyananta nātha
diśi vidiśi sphuri sarvabuddhakṣetrā |
rāga praśami sarvadoṣamohāṃ
narakagatismi praśami dhūmaketum ||15||

janiya suruciram viśālanetram
vidhuniya sarvanarāṇa andhakāram |
apaniya su na akṣaṇānaśeṣāṃ
upanayi svargagatānanantatejām ||16||

na tapati nabha candrasūryaābhā
maṇigaṇa agniprabhā na devatānām |
abhibhavati narendra ābha sarvām
purimacarim pariśuddha ācaritvā ||17||

puruṣavaru nidhāna duḥkhitānām
diśi vidiśāsu na asti evarūpaḥ |
kuśalaśatasahasrasarvapūrṇa
parṣagaro nadi buddhasimhanādam ||18||
purimajina svayambhu satkaritvā
vratatapakoṭi caritva aprameyām |
pravaravarasame'smi jñānaskandha
praṇidhibalapatipūrṇa sattvasāro ||19||

yatha bhagava asaṅgajñānadarśī
trividha prajānati saṁskṛte narendrah|
ahamapi siya tulyadakṣiṇīyo
vidupravaro naranāyako narāṇam||20||

saci mi ayu narendra evarūpā
praṇidhi samṛdhyati bodhi prāpuṇitvā|
calatu aya sahasralokadhātu
kusumapravarṣaṇa bhātu devasaṁghām||21||

pracalita vasudhā pravarṣi puṣpāḥ
tūryaśatā gagane'tha saṁpraṇeduh|
divyaruciracandanasya cūrṇā
avakiri caiva bhaviṣya loki buddhaḥ || 22|| iti|| 9||

evaṁrūpayā ānanda praṇidhānasampadā sa dharmākaro bhikṣurbodhisattvo
mahāsattvaḥ samanvāgato'bhūt| evaṁrūpayā cānanda praṇidhānasampadā alpakā
bodhisattvaḥ samanvāgatāḥ | alpakānām caivaṁrūpāṇām praṇidhīnām loke
prādurbhāvo bhavati parīttānām| na punaḥ sarvaśo nāsti| sa khalu punarānanda
dharmākaro bhikṣustasya bhagavato lokaśvararājasya tathāgatasya purataḥ
sadevakasya lokasya samārakasya sabrahmakasya saśramaṇabrāhmaṇikāyāḥ prajāyāḥ
sadevaṁānuṣāsūrāyāḥ purata imānevaṁrūpān praṇidhānaviśeṣānnirdiśya
yathābhūtapratijñāpratipattipratīṣṭhito'bhūt| sa imānevaṁrūpān
buddhakṣetrapariśuddhim buddhakṣetramāhātmyam buddhakṣetrodāratām
samudānayan bodhisattvacaryām caran
aprameyāsaṁkhyeyācintyātulyāmāpyāparimāṇānabhilāpyāni
varṣakoṭīniyutaśatasahasrāṇi na jātu kāmavyāpādavihiṁsāvitarkān vitarkitavān, na jātu
kāmavyāpādavihiṁsāsaṁjñāmutpāditavān, na jātu
rūpaśabdagandharasaspraṣṭavyasaṁjñāmutpāditavān | sa daharamanohara eva
surato'bhūtsukhasaṁvāso'dhivāsanajātīyaḥ subhagaḥ supoṣo'lpecchaḥ saṁtuṣṭaḥ
pravivikto'duṣṭo'mūḍho'saṅko'jihmo'saṭho'māyāvī sukhilomaḥ priyālāpo
nityābhiyuktaḥ śukladharmaparyeṣṭau sunikṣiptadhuraḥ sarvasattvānāmarthāya
mahāpraṇidhānam samudānitavān
buddhadharmasaṁghācāryopādhyāyakalyāṇamitrasagauravo nityasaṁnaddho
bodhisattvacaryāyāmārjavo mārdao'kuhako'nilapako guṇavān pūrvamaṅgaḥ
sarvakuśaladharmasaṁādāpanatāyai
śūnyatānimittāpraṇihitānabhisamskārānutpādavihārairnirmānaḥ
svārakṣitavākyāścābhūt| bodhisattvacaryām caran sa
yadvākkarmotsṛṣṭamātmaparobhayavyāpādāya saṁvartate, tathāvidham tyaktvā
yadvākkarma svaparobhayahitasukhasaṁvartakam tadevābhiprayuktavān| evaṁ ca
samprajāno'bhūt yadgrāmanagananigamajanapadarāṣṭrarājadhānīṣvavataranna jātu
rūpaśabdagandharasaspraṣṭavyadharṁeṣvanunīto'bhūdapratihataḥ | sa
bodhisattvacaryāyām caran svayam ca dānapāramitāyāmacarat parāmśca tatraiva
samādāpitavān, svayam ca śīlakṣāntivīryadhyānaprajñāpāramitāsvacarat, parāmśca
tatraiva samādāpitavān | tathārūpāṇi ca kuśalamūlāni samudānitavān, yaiḥ
samanvāgato yatrayatropapadyate, tatra tatra asyānekāni
nidhānakoṭīniyutaśatasahasrāṇi dharāṇyāḥ prādurbhavanti| tena bodhisattvacaryām
caratā tāvadaprameyāsaṁkhyeyāni sattvakoṭīniyutaśatasahasrāṇyanuttarāyām
samyaksambodhau pratiṣṭhāpitāni, yeṣāṁ na sukaram vākkarmaṇā

paryantamadhigantum| tāvadaprameyāsamkhyeyā buddhā bhagavantaḥ satkṛtā gurukṛtā mānitāḥ
pūjitāścīvarapiṇḍapātraśayanāsanaglānapratyayabhaiṣajyapariṣkāraiḥ
sarvasukhopadhānasparśavihāraiḥ pratipāditāḥ | yāvantaḥ sattvāḥ
śreṣṭhigrhapatyamātyakṣatriyabrāhmaṇamahāśālakuleṣu pratiṣṭhāpitāḥ, teṣāṃ na
sukaro vākkarmanirdeśena paryanto'dhigantum | evaṃ jāmbūdvīpeśvarāśca
pratiṣṭhāpitāścakravartitve lokapālatve śakratve suyāmatve sutuṣitatve sunirmitatve
suvaśavartitve devarājatve mahābrahmatve ca pratiṣṭhāpitāḥ |
tāvadaprameyāsamkhyeyā buddhā bhagavantaḥ satkṛtā gurukṛtā mānitāḥ
pūjitāścīvarapiṇḍapātraśayanāsanaglānapratyayabhaiṣajyapariṣkāraiḥ
sarvasukhopadhānasparśavihāraiḥ pratipāditāḥ| yāvantaḥ sattvāḥ
śreṣṭhigrhapatyamātyakṣatriyabrāhmaṇamahāśālakuleṣu pratiṣṭhāpitāḥ, teṣāṃ na
sukaro vākkarmanirdeśena paryanto'dhigantum | evaṃ jāmbūdvīpeśvarāśca
pratiṣṭhāpitāścakravartitve lokapālatve śakratve suyāmatve sutuṣitatve sunirmitatve
vaśavartitve devarājatve mahābrahmatve ca pratiṣṭhāpitāḥ| tāvadaprameyāsamkhyeyā
buddhā bhagavantaḥ satkṛtā gurukṛtā mānitāḥ pūjitā dharmacakrapravartanārthaṃ
cādhīṣṭāḥ, yeṣāṃ na sukaro vākkarmanirdeśena paryanto'dhigantum | sa evaṃrūpaṃ
kuśalaṃ samudānayat, yadasya bodhisattvacaryāṃ
carato'prameyāsamkhyeyācintyātulyāmāpyāparimāṇānabhilāpyāni
kalpakotīniyutaśatasahasrāṇi surabhirdivyātikrāntacandanagandho mukhātpravāti sma|
sarvaromakūpebhya utpalagandho vāti sma| sarvalokābhirūpaścābhūtprāsādikā
darśanīyaḥ paramaśubhavarūpaṣkalatayā samanvāgataḥ
lakṣaṇavyaṅjanasamalamkṛtenātmabhāvena| tasya sarvaratnālakārāḥ
sarvavastracīvarābhinirhārāḥ
sarvapuṣpadhūpagandhamālyavilepanacchatradhvajapatākābhinirhārāḥ
sarvavādyasaṃgītyābhinirhārāśca sarvaromakūpebhyaḥ pāṇitalābhyāṃ ca niścaranti
sma| sarvānnapānakhādyabhojyalehyarasābhinirhārāḥ
sarvopabhogaparibhogābhinirhārāśca pāṇitalābhyāṃ prasyandantaḥ prādurbhavanti
sma| iti hi sarvaparīṣkāraśitāprāptaḥ sa ānanda dharmākaro bhikṣurabhūt pūrvam
bodhisattvacaryāṃ caran ||10||

evamukte āyusmānānando bhagavantametadavocat-kim punarbhagavan sa
dharmākaro bhikṣurbodhisattvo mahāsattvo'nuttarāṃ
samyaksambodhimabhisambudhyātītaḥ parinirvṛtaḥ, utāho'nabhisambuddhaḥ atha
pratyutpanno'bhisambuddha etarhi tiṣṭhati dhriyate yāpayati dharmam ca deśayati?
bhagavānāha-na, khalu punarānanda sa tathāgato'tīto na anāgataḥ | api tveva sa
tathāgato'rhan samyaksambodhimabhisambuddha etarhiṃ tiṣṭhati dhriyate yāpayati
dharmam ca deśayati paścimāyām diśi ito koṭīniyutaśatasahasratame ca buddhakṣetre
sukhāvatyām lokadhātāvamitābho nāma tathāgato'rhan
samyaksambuddho'parimāṇairbodhisattvaiḥ parivṛtaḥ puraskṛto'nantaiḥ
śrāvakairanantayā buddhakṣetrasaṃpadā samanvāgataḥ ||11||

amitā cāśya prabhā yasya na sukaram pramāṇaparyantamadhigantum-iyanti
buddhakṣetraśatāni, iyanti buddhakṣetrasahasrāṇi, iyanti buddhakṣetraśatasahasrāṇi,
iyanti buddhakṣetrakoṭīni, iyanti buddhakṣetrakoṭīśatāni, iyanti
buddhakṣetrakoṭīśahasrāṇi, iyanti buddhakṣetrakoṭīśatasahasrāṇi, iyanti
buddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrāṇi spharitvā tiṣṭhatīti| api tu khalu punarānanda
saṃkṣiptena pūrvasyām diśi gaṅgānadīvālukopamāni
buddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrāṇi tayā tasya bhagavato'mitābhāsyā prabhayā sadā
sphuṭāni| evaṃ dakṣiṇapaścimottarāśvadha ūrdhvaṃ digvidikṣu ca ekaikasyām diśi

samantādgaṅgānadīvālukupamāni yāvadbuddhakṣetrakoṭīniyutaśatasahasrāṇi tasya
bhagavato'mitābhasya prabhayā sadā parisphuṭāni sthāpayitvā buddhān bhagavataḥ
pūrvapraṇidhānādhiṣṭhānena ye vyāmaprabhayā
ekadvitricatuhpañcadaśavimśatitrimśaccatvārimśatpañcāśadyojanaprabhayā
yojanaśataprabhayā yojanasahasraprabhayā yojanaśatasahasraprabhayā
yāvadanekayojanakotīniyutaśatasahasraprabhayā vā lokam spharitvā tiṣṭhanti|
nāstyānanda upamopanyāso yena śakyam tasyāmitābhasya tathāgatasya prabhāyāḥ
pramāṇamudgrahītum| tadanenānanda paryāyeṇa sa tathāgato'mitābha ityucyate,
amitaprabho'mitaprabhāso'samāptaprabho'saṅgataprabhaḥ prabhāśikhotsrṣṭaprabhaḥ
sadvīyamaṇiprabho'pratihataraśmirāgaprabho rājanīyaprabhaḥ premanīyaprabhaḥ
pramodanīyaprabhaḥ saṅgamanīyaprabha upoṣaṇīyaprabho
nibandhanīyaprabho'tivīryaprabho'tulyaprabho'bhibhūyanarendrāmūnnayendraprabhaḥ
(?) śrāntasaṁcayendusūryajihmīkaraṇaprabho'bhibhūya
lokapālaśakrabrahmaśuddhāvāsamaheśvarasarvadevajihmīkaraṇaprabha ityucyate| sā
ca āryaprabhā vimalā vipulā kāyasukhasaṁjānāni cittaadvīyakaraṇī
devāsuraṇāgayakṣagandharvagaruḍamahoragakinnaramanuṣyāmanuṣyāṇām
prītiprāmodyasukhakarāṇi kuśalāśayānām sattvānām
kalyakuśalamimiṇevadviprāmodyakarāṇi(?) ye'nyeṣvapyanantāparyanteṣu
buddhakṣetreṣu | anena cānanda paryāyeṇa tathāgataḥ paripūrṇam kalpam bhāṣyet
tasyāmitābhasya tathāgatasya nāma karmopādāya prabhāmārabhya, na ca śaknoti
guṇaparyantamadhigantum tasyāḥ prabhāyāḥ, tathāgatasya vaiśāradīyopacchedo bhavet|
tatkasya hetoḥ? ubhayamapyetadānanda aprameyamasaṁkhyeyamacintyāparyantaṁ
yadidaṁ tasya bhagavato'mitābhasya tathāgatasya prabhāguṇavibhūtiḥ, tathāgatasya
cānuttaraṁ prajñāpratibhānam ||12||

tasya khalu punarānanda amitābhasya tathāgatasyāprameyaḥ śrāvakaśaṁgho
yasya na sukaram pramāṇamudgrahītum-iyatyāḥ śrāvakakoṭyāḥ, iyanti
śrāvakakoṭīśātāni, iyanti śrāvakakoṭīśahasrāṇi, iyanti śrāvakakoṭīśatasahasrāṇi, iyanti
kaṁkarāṇi, iyanti bimbarāṇi, iyanti nayutāni, iyantyayutāni, iyantyakṣobhyāṇi, iyanto
vivāhāḥ, iyanti srotāṁsi, iyanti ojaṁsi, iyantyaprameyāṇi, iyantyaśaṁkhyeyāṇi,
iyantyaḡaṇyāṇi, iyantyātulyāṇi, iyantyacintyānīti| tadyathā ānanda
bhikṣurmadgalyāyana ṛddhivaśītāprāptaḥ | sa ākāṅkṣan
trisāhasramahāsāhasralokadhātau yāvanti tārārūpāṇi tāni sarvāṇyekarātridine nagareṇa
gaṇayet, evamrūpāṇām ca ṛddhimatām koṭīniyutaśatasahasraṁ bhavet, te ca
varṣakoṭīniyutaśatasahasramananyakarmaṇā amitābhasya tathāgatasya
prathamaśrāvakaśaṁnipātāṁ gaṇayeyuḥ | ebhiraṇayadbhiḥ śatatamo'pi bhāgo na
gaṇito bhavet, sahasratamo'pi śatasahasratamo'pi, yāvatkālāmapi upamāmapi
upanisāmapi na gaṇito bhavet| tadyathā ānanda
mahāsamudrāccaturaśītiyojanasahasrāṇyāvedhena tiryagaprameyāt kaścideva puruṣaḥ
śatadhā bhinnayā bālāgrakoṭyā ekamudakabindumabhyutkṣipet, tatkiṁ manyase
ānanda katamo'tra bahutaraḥ- yo vā śatadhā bhinnayā bālāgrakoṭyābhyutkṣipta eka
udakabinduḥ, yo vā mahāsamudre'psakandho'vaśiṣṭa iti? ānanda āha-
yojanasahasramapi tāvadbhagavan mahāsamudrasya parīttam bhavet kimaṅga punaḥ
śatadhā bhinnayā bālāgrakoṭyā utkṣipta eka udakabinduḥ | bhagavānāha-tadyathā sa
ekabinduḥ, iyattamaḥ sa prathamasaṁnipāto'bhūt|
tairmadgalyāyanasadrśairbhikṣubhiraṇayadbhistena varṣakoṭīniyutaśatasahasreṇa
gaṇitaṁ bhavet, yathā mahāsamudre'psakandho'vaśiṣṭaḥ | evamagaṇitaṁ draṣṭavyam |
kaḥ punarvādo dvitīyatṛtīyādīnām śrāvakaśaṁnipātānām| evamanantāparyantastasya
bhagavataḥ śrāvakaśaṁgho yo'prameyāśaṁkhyeya ityeva śaṁkhyāṁ gacchati||13||

aparimitam ca ānanda tasya bhagavato'mitābhasya tathāgatasyāyuhpramāṇam
yasya na sukaram pramāṇamadhigantum, iyanti vā kalpaśatāni, iyanti vā
kalpasahasrāṇi, iyanti vā kalpaśatasahasrāṇi, iyatyō vā kalpakotyaḥ, iyanti vā
kalpakotīśatāni, iyanti vā kalpakotīśahasrāṇi, iyanti vā kalpakotīśatasahasrāṇi, iyanti vā
kalpakotīniyutaśatasahasrāṇi| atha tarhi ānanda aparimitameva tasya bhagavat
āyuhpramāṇamaparyantam| tena sa tathāgato'mitāyurityucyate| yathā cānanda iha
lokadhātau kalpagaṇanāprajñaptisaṃketāḥ, tathā sāmpratam daśa kalpāstasya
bhagavato'mitāyusastathāgatasyotpannasya anuttarām
samyaksambodhimabhisambuddhasya ||14||

tasya khalu punarānanda bhagavato'mitābhasya sukhāvatī nāma lokadhāturddhā
ca sphītā ca kṣemā ca subhikṣā ca ramaṇīyā ca bahudevamanuṣyākīrṇā ca| tatra
khalvānanda lokadhātau na nirayāḥ santi na tiryagyonirna pretaviṣayo nāsurāḥ kāyā
nākṣaṇopapattayaḥ | na ca tāni ratnāni loke pracaranti yāni sukhāvatyām lokadhātau
vidyante||15||

sā khalvānanda sukhāvatī lokadhātuḥ surabhinānāgandhasamīritā
nānāpuṣpaphalasaṃrddhā ratnavṛkṣasamalamīkṛtā
tathāgatābhinirmitamanojñasvaranānādvijasaṃghaniṣevitā| te cānanda ratnavṛkṣā
nānāvarṇā anekavarṇā anekāśatasahasravarṇāḥ| santi tatra ratnavṛkṣāḥ suvarṇavarṇāḥ
suvarṇamayāḥ| santi rūpyavarṇā rūpyamayāḥ| santi vaidūryavarṇā vaidūryamayāḥ|
santi sphaṭikavarṇāḥ sphaṭikamayāḥ| santi musāragalvavarṇā musāragalvamayāḥ| santi
lohitamuktāvarṇā lohitamuktāmayāḥ| santyaśmagarbhavevarṇā aśmagarbhamayāḥ| santi
kecid dvayo ratnayorḥ suvarṇasya rūpyasya ca| santi trayāṇām ratnānām suvarṇasya
rūpyasya vaidūryasya ca| santi caturṇām ratnānām suvarṇasya rūpyasya vaidūryasya
sphaṭikasya ca| santi pañcānām ratnānām suvarṇasya rūpyasya vaidūryasya sphaṭikasya
musāragalvasya ca| santi ṣaṇṇām ratnānām suvarṇasya rūpyasya vaidūryasya
sphaṭikasya musāragalvasya lohitamuktāyāśca| santi saptānām ratnānām suvarṇasya
rūpyasya vaidūryasya sphaṭikasya musāragalvasya lohitamuktāyā aśmagarbhasya ca
saptamasya| tatrānanda suvarṇamayānām vṛkṣāṇām suvarṇamayāni
mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāni, phalāni rūpyamayāni| rūpyamayāṇām vṛkṣāṇām
rūpyamayānyeva mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāni, phalāni vaidūryamayāni|
vaidūryamayāṇām vṛkṣāṇām vaidūryamayāni mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāni,
phalāni sphaṭikamayāni| sphaṭikamayānām vṛkṣāṇām sphaṭikamayānyeva
mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāni, phalāni ca musāragalvamayāni|
musāragalvamayānām vṛkṣāṇām musāragalvamayānyeva
mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāni, phalāni ca lohitamuktāmayāni|
lohitamuktāmayānām vṛkṣāṇām lohitamuktāmayānyeva
mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāni, phalāni cāśmagarbhamayāni|
aśmagarbhamayānām vṛkṣāṇāmaśmagarbhamayānyeva
mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpāni, phalāni ca suvarṇamayāni| keśāmcidānanda
vṛkṣāṇām suvarṇamayāni mūlāni, rūpyamayāḥ skandhāḥ, vaidūryamayā viṭapāḥ,
sphaṭikamayāḥ śākhāḥ, musāragalvamayāni patrāni, lohitamuktāmayāni puṣpāni,
aśmagarbhamayāni phalāni| keśāmcidānanda vṛkṣāṇām rūpyamayāni mūlāni,
vaidūryamayāḥ skandhāḥ, sphaṭikamayā viṭapāḥ, musāragalvamayāḥ śākhāḥ,
lohitamuktāmayāni patrāni, aśmagarbhamayāni puṣpāni, suvarṇamayāni phalāni|
keśāmcidānanda vṛkṣāṇām vaidūryamayāni mūlāni, sphaṭikamayāḥ skandhāḥ,
musāragalvamayā viṭapāḥ, lohitamuktāmayāḥ śākhāḥ, aśmagarbhamayāni patrāni,

suvarṇamayāṇi puṣpāṇi, rūpyamayāṇi phalāṇi| keṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāṁ
sphaṭikamayāṇi mūlāṇi, musāragalvamayāḥ skandhāḥ, lohitaṁuktāmayā viṭapāḥ,
aśmagarbhamayāḥ śākhāḥ, suvarṇamayāṇi patrāṇi, rūpyamayāṇi puṣpāṇi,
vaidūryamayāṇi phalāṇi| keṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāṁ musāragalvamayāṇi mūlāṇi,
lohitaṁuktāmayāḥ skandhāḥ, aśmagarbhamayā viṭapāḥ, suvarṇamayāḥ śākhāḥ,
rūpyamayāṇi patrāṇi, vaidūryamayāṇi puṣpāṇi, sphaṭikamayāṇi phalāṇi|
keṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāṁ lohitaṁuktāmayāṇi mūlāṇi, aśmagarbhamayāḥ skandhāḥ,
suvarṇamayā viṭapāḥ, rūpyamayāḥ śākhāḥ, vaidūryamayāṇi patrāṇi, sphaṭikamayāṇi
puṣpāṇi, musāragalvamayāṇi phalāṇi| keṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāṁ aśmagarbhamayāṇi
mūlāṇi, suvarṇamayāḥ skandhāḥ, rūpyamayā viṭapāḥ, vaidūryamayāḥ śākhāḥ,
sphaṭikamayāṇi patrāṇi, musāragalvamayāṇi puṣpāṇi, lohitaṁuktāmayāṇi phalāṇi|
keṣāṁcidānanda vṛkṣāṇāṁ saptaratnamayāṇi mūlāṇi, saptaratnamayāḥ skandhāḥ,
saptaratnamayā viṭapāḥ, saptaratnamayāḥ śākhāḥ, saptaratnamayāṇi patrāṇi,
saptaratnamayāṇi puṣpāṇi, saptaratnamayāṇi phalāṇi| sarveṣāṁ cānanda teṣāṁ
vṛkṣāṇāṁ mūlaskandhaviṭapaśākhāpatrapuṣpaphalāṇi sukhasaṁsparśāṇi sugandhīṇi|
vātena preritena ca teṣāṁ valgumanojñaghoṣo niścaratyasecanako'pratikūlaḥ
śravaṇāya| evaṁrūpairānanda saptaratnamayairvṛkṣaiḥ saṁtataṁ tadbuddhakṣetraṁ
samantācca kadalīskandhaiḥ saptaratnamayai ratnatālapaṅktiḥcānuparikṣiptaṁ
sarvataśca hemajālapratichannaṁ samantaśca sarvaratnamayaiḥ padmaiḥ
saṁchannaṁ| santi tatra padmānyardhayojanapramāṇāṇi, santi yojanapramāṇāṇi, santi
dvitricatuhpañcayojanapramāṇāṇi, santi yāvaddaśayojanapramāṇāṇi| sarvataśca
ratnapadmātṣaṭtrimśadrasmikoṭīśatasahasrāṇi niścaranti| sarvataśca
rasmimukhātṣaṭtrimśadbuddhakoṭīśatasahasrāṇi niścaranti suvarṇamayavarṇaiḥ
kāyairdvātrimśanmahāpuruṣalakṣaṇadharaiḥ, yāni pūrvasyāṁ
diśyaprameyāsaṁkhyeyāsu lokadhātuṣu gatvā sattvebhyo dharmāṁ deśayanti| evaṁ
dakṣiṇapaścimottarāsu dikṣu adha ūrdhvamanuvidikṣu gatāvarāṇe
loke'prameyāsaṁkhyeyā□llokadhātūn gatiṁ gattvā sattvebhyo dharmāṁ deśayanti||16||

tasmin khalu punarānanda buddhakṣetre sarvaśaḥ kālāparvatā na santi sarvato
ratnaparvatāḥ sarvaśaḥ sumeravaḥ parvatarājāḥ sarvaśaścakravālā mahācakravālāḥ
parvatarājāḥ| samantācca tadbuddhakṣetraṁ samaṁ ramaṇīyaṁ pāṇitalajātaṁ
nānāvidharatnamaṇicitabhūmibhāgam| evamukte āyusmānānando
bhagavantametadavocāt-ye ca punaste bhagavaṁścāturmahārājakāyikā devāḥ
sumerupārśvanivāsiṇastrāyastrimśā vā sumerumūrdhni nivāsiṇaḥ, te kutra pratiṣṭhitāḥ?
bhagavānāha-tatkiṁ manyase ānanda ye te iha sumeroḥ parvatarājasyopari yāmā
devāstuṣitā vā nirmāṇaratayo vā paranirmitavaśavartino vā brahmakāyikā vā
brahmapurohitā vā mahābrahmāṇo va yāvadakaniṣṭhā vā, kutra te pratiṣṭhitā iti| ānanda
āha-acintyo bhagavan karmaṇāṁ vipākaḥ karmābhisaṁskāraḥ| bhagavānāha-
labdhastvayānanda ihācintyaḥ karmaṇāṁ vipākaḥ karmābhisaṁskāro na buddhānāṁ
bhagavatāmacintyaṁ buddhādhiṣṭhānaṁ kṛtapuṇyānāṁ ca
sattvānāmavaropitakuśalamūlānāṁ| tavācintyā puṇyā vibhūtiḥ| ānanda āha-na me'tra
bhagavan kācitkāṅkṣā vā vimatirvā vicikitsā vā| api tu khalvahanāgatānāṁ
sattvānāṁ kāṅkṣāvimativicikitsānirghātāya tathāgatametadārthaṁ paripṛcchāmi|
bhagavānāha-sādhu sādhvānanda, evaṁ te karaṇīyaṁ||17||

tasyāṁ khalvānanda sukhāvatyāṁ lokadhātau nānāprakārā nadyaḥ pracaranti|
santi tatra mahānadyo yojanavistārāḥ| santi
yāvadvimśatitrimśaccatvāmrīśatpañcāśadyojanavistārā yāvaddvādaśayojanāvedhāḥ|
sarvāśca tā nadyaḥ sukhavāhinyo nānāsurabhiḥgandhavārivāhinyo

nānāratnalulitapuṣpasamghātavāhinyo nānāmadhurasvaranirghoṣāḥ| tāsām cānanda koṭīśatasahasrāṅgasamprayuktasya divyasamgītisamūrccitasya tūryasya kuśalaiḥ sampravāditasya tāvanmanojñaghoṣo niścarati yathārūpastāsām mahānadīnām nirghoṣo niścarati gambhīro'jñeyo'vijñeyo'nelaḥ karnasukho hrdayaṅgamaḥ premanīyo valgurmanojño'secanako'pratikūlaḥ śravaṇāya, anityam śāntamanātmeti sukhaśravanīyo yasteṣām sattvānām śrotrendriyābhāsamāgacchati| tāsām khalu punarānanda mahānadīnāmubhayatastīrāṇi nānāgandharatnavṛkṣaiḥ samtatāni, yebhyo nānāśākhāpatrapuṣpamañjaryo'valambante| tatra ye sattvāsteṣu nadītīreṣvākāṅkṣanti divyābhirāmaramaṇīyām ratikrīḍām cānubhavitum, teṣām tatra nadīṣvavatīrṇānāmākāṅkṣatām gulphamātram vāri samtiṣṭhate| ākāṅkṣatām jānumātram kaṭimātram kakṣamātram, ākāṅkṣatām karnamātram vāri samtiṣṭhate, divyāśca ratayaḥ prādurbhavanti| tatra ye sattvā ākāṅkṣanti śītam vāri bhavatviti, teṣām śītam vāri bhavati| ya ākāṅkṣanyuṣṇam bhavatviti, teṣāmuṣṇam bhavati| ya ākāṅkṣanti śītoṣṇam bhavatviti, teṣām śītoṣṇameva tadvāri bhavatyānusukham| tāśca mahānadyo divyatamālapatrāgarukālānusārītāgaroragasāracandanavaragandhavāsītavāriparipūrṇāḥ pravahanti divyotpalapadmakumudapuṇḍarīkasaugandhikādipuṣpasamchannā haṁsasārasakrauñcacakravākakāraṇḍavaśukaśārikakokilakuṇḍalakalaviṅkamayūrādima nojña-svarāstathāgatābhinirmitapakṣisamghanīṣevitapulīnā dhārtarāṣṭropaśobhitāḥ sūpatīrthā vikardamāḥ suvarṇavālukāsamkirṇāḥ| tatra yadā te sattvā ākāṅkṣanti kīdrśā asmākamabhiprāyāḥ paripūryantāmiti, tadā teṣām tādrśā evābhiprāyā paripūryante| yaścāsāvānanda tasya vāriṇo nirghoṣāḥ sa manojño niścarati, yena sarvāvattadbuddhakṣetramabhijñāpyate| ye ca sattvā nadītīreṣu sthitā ākāṅkṣanti mā asmākamayam śabdaḥ śrotrendriyāvabhāsamāgacchatviti, teṣām na divyasyāpi śrotrendriyasyāvabhāsamāgacchati| yaśca yathārūpaṁ śabdāmākāṅkṣati śrotum, sa tathārūpameva manojñam śabdām śṛṇoti| tadyathā-buddhaśabdām dharmāśabdām saṁghaśabdām pāramitāśabdām bhūmiśabdām balaśabdām vaiśaradyaśabdāmāveṇikabuddhadharmaśabdām pratisamvicchabdām śūnyatānimittāpraṇihitānabhisamskārājātānutpādābhāvanīrodhaśabdām śāntaprasāntopaśāntam mahāmaitrīmahākārūṇāmahāmuditāmahopekṣāśabdamanutpattikadharmakṣāntyabhiṣe kabhūmipratilambhaśabdām| śrutvā udāraprītiprāmodyam pratilabhate vivekasahagatām virāgasahagatām śāntasahagatām nirodhasahagatām dharmaśahagatām bodhipariniṣpattikuśalamūlasahagatām ca| sarvaśāścānanda sukhāvatyām lokadhātāvakuśalaśabdo nāsti, sarvaśo nīvaraṇaśabdo nāsti, sarvaśo'pāyadurgativinipātaśabdo nāsti, sarvaśo duḥkhaśabdo nāsti| aduḥkhāsukhavedanāśabdo'pi tāvadānanda tatra nāsti, kutaḥ punarduḥkhaśabdo bhaviṣyati? tadanena ānanda paryāyeṇa sā lokadhātuḥ sukhāvatītyucyate saṁkṣiptena, na punarvistareṇa kalpo'pyānanda parikṣayam gacchetsukhāvatyā lokadhātuḥ sukhakāraṇeṣu parikīrtyamāneṣu, na tveva śakyam teṣām sukhakāraṇānām paryantamadhigantum||18||

tasyām khalu punarānanda sukhāvatyām lokadhātu ye sattvāḥ pratyājātāḥ pratyājaniṣyante, sarve te evamrūpeṇa varṇena balena sthāmnā ārohaparīṇāhena ādhipatyena puṇyasamcayena atiṣṇabhirvastrābharaṇodyānavimānakūṭāgāraparibhogairevamrūpaśabdagandharasaspa rāparibhogaiḥ evamrūpaiśca sarvairapi bhogaparibhogaiḥ samanvāgatāḥ, tadyathāpi nāma devāḥ paranirmitavaśavartināḥ| na khalu punarānanda sukhāvatyām lokadhātu sattvā audārikayūṣaphāṇitākārāhāramāharanti| api tu khalu punaryathārūpamevāharamākāṅkṣanti, tathārūpamāhṛtameva samjānanti,

prīṇitakāyāśca bhavanti prīṇitamānāḥ| na teṣāṃ bhūyaḥ kāye prakṣepaḥ karaṇīyaḥ | te
prīṇitakāyāstathārūpāṇi gandhajātānyākāṅkṣanti-īddaśaireva
gandhajātairdivyaistadbuddhakṣetram sarvameva nirdhūpitaṃ bhavati| tatra yastaṃ
gandhamāghrātukāmo bhavati, tasya sarvaśo gandharvarājño vāsanā na samudācarati|
evam ye yathārūpāṇi
gandhamālyavilepanacūrṇacīvaracchatradhvajapatākātūryāṇyākāṅkṣanti, teṣāṃ
tathārūpaiśca taiḥ sarvaṃ tadbuddhakṣetram parisphuṭaṃ bhavati| cīvarāṇyākāṅkṣanti
nānāvarṇānyanekaśatasahasravarṇāni, teṣāṃ tādrśaireva cīvararatnaiḥ sarvaṃ
tadbuddhakṣetram parisphuṭaṃ bhavati, prāvṛtameva cātmānaṃ saṃjānanti| te
yathārūpāṇyābharaṇānyākāṅkṣanti, tadyathā-śīrṣābharaṇāni vā karṇābharaṇāni vā
grīvābharaṇāni vā hastapādābharaṇāni vā yadidaṃ mukuṭāni kuṇḍalāni kaṭakakeyūrāṇi
vatsahārā rūcakahārā karṇikā mudrikāḥ svarṇasūtrāṇi mekhalāḥ svarṇasūtāṇi jālāni
muktājālāni sarvaratnajālāni svarṇaratnakīṇījālāni,
tathārūpairābharaṇairanekaratnaśatasahasrapratyupṭaiḥ sphuṭaṃ tadbuddhakṣetram
paśyanti yadidamābharaṇavṛkṣāvasaktaiḥ| taiścābharaṇairalaṃkṛtamātmānaṃ
saṃjānanti| te yādṛśaṃ vimānamākāṅkṣanti yadvarṇalingasaṃsthānaṃ
yāvadārohapariṇāhaṃ nānāratnamayaniryūhaśatasahasrasamalaṃkṛtaṃ
nānādivyapuṣpasamstūrṇaṃ citropadhānavinyastaparyāṅkaṃ, tādrśameva vimānaṃ
teṣāṃ purataḥ prādurbhavati| teṣu manonirvṛtteṣu vimāneṣu
saptasaptāsparasahasraparivṛtāḥ puraskṛtā viharanti krīḍanti ramante paricārayanti||19||

na ca tatra lokadhātau devānāṃ vā manuṣyāṇāṃ vā nānātvamasti anyatra
saṃvṛtivyavahāreṇa devamanuṣyāvīti saṃkhyāṃ gacchanti| tadyathā ānanda
rājñāścakravartināḥ purato manuṣyahīno manuṣyapretako na bhāṣate na tapate na
virocate, na ca bhavati viśārado na prabhāśvaraḥ, evameva devānāṃ
paranirmitavaśavartināṃ purataḥ śakro devānāmindro na bhāṣate na tapate na virocate
yadidamudyānavimānavastrābharaṇairādhipatyena ṛddhyā vā prātihāryeṇa vā
aiśvaryeṇa vā ānanda, sa khalu dharmābhisamayena dharmaparibhogeṇa vā| tatra
ānanda yathā devāḥ parinirmitavaśavartināḥ, evaṃ sukhāvatyāṃ lokadhātau manuṣyā
draṣṭavyāḥ ||20||

tasyāṃ khalu punarānanda sukhāvatyāṃ lokadhātau pūrvāḥṇakālasamaye
pratyupasthite samantāccaturdiśamākulāḥ samākulā vāyavo vānti| teṣāṃ ratnavṛkṣāṇāṃ
citrāṇ darśanīyāṇ nānāvarṇānanekavṛntāṇ nānāsurabhidivyagandhaparivāsītāṇ
kṣobhayanti saṃkṣobhayanti īrayanti saṃīrayanti yato bahūni puṣpaśatāni tasyāṃ
ratnamayyāṃ mahāpṛthivyāṃ prapatanti manojñagandhāni darśanīyāni| taiśca
puṣpaistadbuddhakṣetram samantātsaptapauruṣaṃ saṃskṛtarūpaṃ bhavati| tadyathāpi
nāma puruṣaḥ kuśalaḥ pṛthivyāṃ puṣpasamstaraṃ saṃstṛṇuyāt, ubhābhyāṃ
pāṇibhyāṃ samaṃ racayetsucitraṃ darśanīyam, evameva tadbuddhakṣetram taiḥ
puṣpairnānāgandhavarṇaiḥ samantātsaptapauruṣaṃ sphuṭaṃ bhavati| tāni ca
puṣpajātāni mṛdūni kācilindikasukhasaṃsparśāni aupamyamātreṇa, yāni nikṣipte pāde
caturaṅgulamavanamanti, utkṣipte pāde caturaṅgulamevonnamanti| nirgate punaḥ
pūrvāḥṇakālasamaye tāni puṣpāni niravaśeṣasamantardhīyante| athe tadbuddhakṣetram
viviktaṃ ramyaṃ śubhaṃ bhavatyaparikliṣṭaiḥ pūrvapuṣpaiḥ| tataḥ punarapi
samantāccaturdiśaṃ vāyavo vānti, ye pūrvavadabhinavāni puṣpāṇyabhiprakiranti|
yathā pūrvāḥṇe, evaṃ madhyāḥṇakālasamaye saṃdhyāyāṃ rātryāḥ prathame yāme
madhyame yāme paścime yāme| taiśca vātairvāyadbhīrṇānāgandhaparivāsitaiste
sattvāḥ sprṣṭāḥ santaḥ evaṃ sukhasarpitā bhavanti tadyathāpi nāma
nirodhasamāpanno bhikṣuḥ ||21||

tasmiścānanda buddhakṣetre sarvaśo'gnisūryacandragrahanakṣatratārārūpāṇām
tamondhakārasya nāmadheyaprajñāpraptirapi nāsti| sarvaśo rātrimdivaṁ prajñāptirapi
nāsti anyatra tathāgatavyavahārāt, sarvaśaścārāmapariagrahasamjñā nāsti||22||

tasyām khalu punarānanda sukhāvatyām lokadhātau kāle divyagandhodakameghā
abhipravarṣayanti divyāni sarvavarṇikāni kusumāni, divyāni saptaratnāni, divyaṁ
candanacūrṇam, divyāśchatradhvajapatākā abhipravarṣayanti| divyāni sarvavarṇikāni
kusumāni, divyāni vitānāni dhriyante, divyāni cchatraratnāni sarvābharaṇānyākāśe
dhriyante, divyāni vādyāni pravādyante, divyāścāpsarasas nṛtyanti ||23||

tasmin khalu punarānanda buddhakṣetre ye sattvā upapannā utpadyante
utpasyante, sarve te niyatāḥ samyaktve yāvannirvāṇam| tatkasya hetoḥ? nāsti tatra
dvayo rāśyorvyavasthānam prajñāptirvā yadidamaniyatasya vā mithyātvaniyatasya vā|
tadanenāpyānanda paryāyeṇa sā lokadhātuḥ sukhāvatītyucyate saṁkṣiptena, na
punarvistareṇa | kalpo'pyānanda parikṣīyeta sukhāvatyām lokadhātau sukhakāraṇeṣu
parikīrtyamāneṣu, na ca teṣām sukhakāraṇānām śakyam paryantamadhigantum ||24||

atha khalu bhagavāṁstasyām velāyāmimā gāthā abhāṣata-
sarve'pi sattvāḥ sukhitā bhaveyu-
rviśuddhajñānāḥ paramārthakovidāḥ|
te kalpakoṭīmatha vāpi cottariṁ
sukhāvatīvarṇa prakāśayeyuḥ||23||

kṣaye kalpakoṭī vajre surāśca
sukhāvatīye na ca varṇasāruḥ |
kṣyam na gacchetpratibhā ca teṣām
prakāśayantāna tu varṇa nānām ||24||

ye lokadhātū paramāṇusādrśām-
śchidyeya bhidyeya rajaśca kuryāt|
ato bahū uttari lokadhātu
pūreta dānam ratanāhi dadyāt||25||

naitā kalāpi upamāpi tasya
puṇyasya bhontī pṛthulokadhātavaḥ|
ye lokadhātūya sukhāvatīye
śrutvaiva nāmaṁ bhavatīha puṇyam||26||

tato bahū puṇya bhaveta teṣām
ye śraddhate jīnavacanāṁ saprajñāḥ|
śraddhā hi mūlaṁ jagatasya prāptaye
tasmāddhi śrutvā vicitiṁ vinodayet||27||iti||

evamaprameyaguṇavarṇā ānanda sukhāvatī lokadhātuḥ||25||

tasya khalu punarānanda bhagavato'mitābhasya tathāgatasya daśasu dikṣu
ekaikasyām diśi gaṅgānadīvālukāsamesu buddhakṣetreṣu gaṅgānadīvālukāsamā
buddhā bhagavanto nāmadheyam parikīrtayante, varṇam bhāṣante, yaśaḥ prakāśayanti,

guṇamudīrayanti| tatkasya hetoḥ? ye kecitsattvāstasya bhagavato'mitābhasya nāmadheyam śṛṇvanti, śrutvā cāntaśa ekacittotpādamapyadhyāśayena prasādasahagatena cittamutpādayanti, te sarve'vaivartikatāyām santyanuttarāyāḥ samyaksambodheḥ||26||

ye cānanda kecitsattvāstam tathāgataṁ punaḥ satkāramanasikariṣyanti, bahvaparimitaṁ kuśalamūlamavaropayiṣyanti bodhaye cittam pariṇāmya, tatra ca lokadhātāvupapattaye praṇidhāsyanti, teṣāṁ so'mitābhastathāgato'rhan samyaksambuddho maraṇakālasamaye pratyupasthite'nekabhikṣugaṇaparivṛtaḥ puraskṛtaḥ sthāsyati| tataste taṁ bhagavantaṁ dṛṣṭvā prasannacittāścyutāḥ santastatraiva sukhāvatyāṁ lokadhātāvupapatsyante| yaśca ānanda ākāṅkṣeta kulaputro vā kuladuhitā vā kimityaham dṛṣṭa eva dharme tamamitābham tathāgataṁ paśyeyamiti, tenānuttarāyām samyaksambodhau cittamutpādyā adhyāśayātīśayatayā saṁtatyā tasmin buddhakṣetre cittam saṁpreṣya upapattaye kuśalamūlāni ca pariṇāmayitavyāni||27||

ye punastaṁ tathāgataṁ na bhūyo manasikariṣyanti, na ca bahvaparimitaṁ kuśalamūlamabhikṣṇamavaropayiṣyanti, teṣāṁ tādṛśenaiva so'mitābhastathāgato'rhan samyaksambuddho varṇasaṁsthānārohapariṇāhena bhikṣusaṁghaparivāreṇa ca tādṛśa eva buddhinirmīto maraṇakālasamaye purataḥ sthāsyati| te tenaiva tathāgatadarśanaprasādāmbanena samādhinā apramuṣitayā smṛtyā cyutāstatraiva buddhakṣetre pratyājaniṣyanti||28||

ye punarānanda sattvāstam tathāgataṁ daśacittotpādātsamanusmariṣyanti, spṛhām ca tasmin buddhakṣetra utpādayiṣyanti, gambhīreṣu ca dharmeṣu bhāṣyamāṇeṣu tuṣṭim pratilapsyante, na vipatsyante, na viśādamāpatsyante, na saṁsadanamāpatsyante, antaśa ekacittotpādenāpi taṁ tathāgataṁ manasikariṣyanti, spṛhām cotpādayiṣyanti tasmin buddhakṣetre, te'pi svapnāntaragatā amitābham tathāgataṁ drakṣyanti, sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante, avavartikāśca bhaviṣyantyanuttarāyāḥ samyaksambodheḥ||29||

imaṁ khalvānanda arthavaśaṁ saṁpāśya tathāgatā daśasu dikṣu aprameyāsaṁkhyeyāsu lokadhātuṣu tasyāmitābhasya tathāgatasya nāmagheyam parikīrtayanto varṇaṁ ghoṣayantaḥ saṁpraśaṁsābhyudīrayanti| tasmin khalu punarānanda buddhakṣetre daśabhyo digbhya ekaikasyām diśi gaṅgānadīvālukāsamā bodhisattvāstamamitābham tathāgatamupasaṁkramanti darśanāya vandanāya paryupāsānāya paripraśnīkaraṇāya, taṁ ca bodhisattvagaṇaṁ tāṁśca buddhakṣetraguṇālamkāravayūhasaṁpadviśeṣān draṣṭum||30||

atha khalu bhagavāṁstasyām velāyānimamevārthaṁ bhūyasyā mātrayā paridīpayannimā gāthā abhāṣata-
yathaiva gaṅgānadīvālukāsamā
buddhāna kṣetrā amitāyunāyakam||28||

bahupuṣpapūṭī gṛhītva te
nānāvarṇaṁ surabhī manoramām|
okiranti naranāyakottamaṁ
amitāyuraṁ naradevapūjitaṁ||29||

tatha dakṣiṇapaścimottarāsu
buddhāna kṣetrā daśatāsu yāttakāḥ|
yato yato āgami buddha vanditum
sabodhisattvā amitāyunāyakam||30||

bahugandhāpūṭī gr̥hitvā
nānāvarṇa surabhī manoramām |
okiranti naranāyakottamām
amitāyum naradevapūjita||31||

pūjita vā te bahubodhisattvā
vanditva pādāmitaprabhasya|
pradakṣiṇīkr̥tya vadanti caivam
aho'dbhutaṁ śobhati buddhakṣetram||32||

te puṣpapūṭhi punokiranti
udagracittā atulāya prītiye|
kāmaṁ prabhāṣanti purasta nāyake
asmāpi kṣetraṁ siya evarūpam||33||

ye puṣpapūṭā iti kṣipta tatra
chatramtayā saṁsthihi yojanāśatam|
svalam̐kṛtaṁ śobhati citraravato
chādante buddhasya samanta kāyam||34||

te bodhisattvā tathā satkaritvā
kathaṁ karontī iti tuṣṭa tatra|
sulabdha lābhāḥ khalu tehi sattvaiḥ
yehī śrutaṁ nāma narottamasya||35||

asmehi pī lābha sulabdhapūrvā
yadā gatāsyā ima buddhakṣetram|
paśyātha svapnopama maitra kīdṛśam
yatkalpitaṁ kalpasahasra śāstuḥ||36||

paśyātha buddhā vara puṇyarāśiḥ
parivṛto śobhati bodhisattvaiḥ|
amitābhasya ābhā amitā ca tejā
amitaṁ ca āyūramitaśca saṁghaḥ||37||

smitaṁ karotī amitāyunāthaṁ
ṣaṭtrimśakoṭīnayutāna arcīṣām|
ye niścāritvā mukhamaṇḍalātaḥ
sphūranti kṣetrāṇi sahasrakoṭīḥ||38||

tāḥ sarvasūrīḥ punaretya tatra
mūrdhe ca astaṁ gami nāyakasya|
devā manuṣyā janayanti prītim
arcistadā asyamidāṁ viditvā||39||

uttiṣṭhate buddhasuto mahāyaśā
nātha so hi avalokiteśvaraḥ|
ko heturatra bhagavaṁ kaḥ pratyayo
yena smitaṁ kurvasi lokanātha||40||

taṁ vyākaroḥi yatra so'rthakovido
hitānukampī bahusattvamocakaḥ|
śrutveti vācaṁ paramāṁ manoramāṁ
udagracittā bhaviṣyanti sattvāḥ||41||

ye bodhisattvā bahulokadhātutaḥ
sukhāvatīm prasthita buddha paśyatām|
te śrutvā prītim vipulāṁ janetvā
kṣipramimaṁ kṣetra vilokayeyuḥ||42||

āgatya ca kṣetramidaṁ udāraṁ
ṛddhībalaṁ prāpuṇi kṣiprameva|
divyaṁ ca cakṣustatha śrotra divyaṁ
jātismarāḥ pāramikovidāśca||43||

amitāyu buddhastada vyākaroṭi
mama hyayaṁ praṇidhi babhūva pūrvam|
kathaṁ pi sattvā śruṇiyāni nāma
vrajeyu kṣetraṁ mama nityameva||44||

sa me ayaṁ praṇidhi prapūrṇa śobhanā
sattvāśca ebhi bahulokadhātutaḥ|
āgatya kṣipraṁ mama antikasmim
avaivartikā bhontiha ekajātiyā||45||

tasmādyā icchatihā bodhisattvaḥ
mamāpi kṣetraṁ siya evarūpam|
ahaṁ pi sattvān bahu mocayeyāṁ
nāmena ghoṣeṇa tha darśanena||46||

sa śīghraśīghraṁ tvaramāṇarūpaḥ
sukhāvatīm gacchatu lokadhātum|
gattvā ca pūrvamamitaprabhasya
pūjetu buddhāna sahasrakoṭīḥ||47||

buddhāna koṭī bahu pūjayitvā
ṛddhībalena bahu kṣetra gattvā|
kṛtvāna pūjāṁ sugatāna santike
bhaktyā gamiṣyanti sukhāvatītaḥ|| 48|| iti|| 31||

tasya khalu punarānanda amitāyuṣastathāgatasyārhatāḥ samyaksambuddhasya
bodhivṛkṣaḥ| sa daśa yojanaśatānyuccaistvena, aṣṭau
yojanaśatānyabhipralambitaśākhāpatrapalāśaḥ pañcayojanaśatamūlārohapariṇāhaḥ

sadāpatraḥ sadāpuṣpaḥ sadāphalo nānāvarṇo'nekaśatasahasravarṇo nānāpatro
nānāpuṣpo nānāphalo
nānāvicitrabhūṣaṇasamalaṃkṛtaścandrabhāsamāṇiratnapariṣphuṭaḥ
śakrābhilāgnamāṇiratnavicitritaścintāmāṇiratnākīrṇaḥ sāgaravaramāṇiratnasuvicitrito
divyasamatikrāntaḥ svarṇasūtrābhipralambito
rucakahāraratnahāravatsahāraḥkaṭakahāralohitamuktāhāranīlamuktāhārasimḥalatāmekha
lākalāparatnasūtrasarva-ratnavastuśatābhivicitritaḥ
svarṇajālamuktājālasarvaratnajālakiṇiṇījālatato
makarasvastikanandyāvartacandrasamalaṃkṛtaḥ
kiṇiṇīmaṇijālasauvarṇasarvaratnālaṃkāravibhūṣito
yathāśayasattvavijñaptisamalaṃkṛtaśca| tasya khalu punarānanda bodhivṛkṣasya
vātasamīritasya yaḥ śabdo ghoṣo niścarati so'parimāṇāmllokadhātūn vijñāpayati|
tatrānanda yeṣāṃ sattvānāṃ sa bodhivṛkṣaḥ śrotrāvabhāsamāgacchati, teṣāṃ
śrotrarogo na pratikāṅkṣitavyo yāvadbodhiparyantam|
yeṣāmaprameyāsaṃkhyeyācintyātulyāmāpyāparimāṇānabhilāpyānāṃ sattvānāṃ sa
bodhivṛkṣaścakṣuṣa ābhāsamāgacchati, teṣāṃ cakṣūrogo na pratikāṅkṣitavyo
yāvadbodhiparyantam| ye khalu punarānanda sattvāstato bodhivṛkṣādgandhaṃ
jighranti, teṣāṃ yāvadbodhiparyantam na jātu ghrāṇaroagaḥ pratikāṅkṣitavyaḥ| ye
sattvāstato bodhivṛkṣatphalānyāsvādayanti, teṣāṃ yāvadbodhiparyantam na jātu
jihvārogaḥ pratikāṅkṣitavyaḥ| ye sattvāstasya bodhivṛkṣasyābhayā sphuṭā bhavanti,
teṣāṃ yāvadbodhiparyantam na jātu kāyarogaḥ pratikāṅkṣitavyaḥ| ye ca khalu
punarānanda sattvāstam bodhivṛkṣam dharmato nidhyāyanti, teṣāṃ tata upādāya
yāvadbodhiparyantam na jātu cittavikṣepaḥ pratikāṅkṣitavyaḥ| sarve ca te sattvāḥ
sahadarśanāttasya bodhivṛkṣasyāvaivartikāḥ samtiṣṭhante yadutānuttarāyāḥ
samyaksambodheḥ| tisraśca kṣāntīḥ pratilabhante yadidaṃ
ghoṣānugāmanulomikīmanutpattikadharmakṣāntiṃ ca tasyaivāmitāyusastathāgatasya
pūrvapraṇidhānādhiṣṭhānena pūrvajinakṛtādhikāratayā pūrvapraṇidhānaparicaryayā ca
susamāpyayā subhāvitayānūnāvikalatayā||32||

tatraiva khalu punarānanda ye bodhisattvāḥ pratyājātāḥ pratyājāyante
pratyājaniṣyante vā, sarve te ekajātipratibaddhāstata evānuttarāṃ
samyaksambodhimabhisambhotsyante sthāpayitvā praṇidhānavaśaṃ ye te bodhisattvā
mahāsimhanādanādina udārasaṃnāhasaṃnaddhāḥ
sarvasattvaparinirvāṇābhiyuktāśca||33||

tasmina khalu punarānanda buddhakṣetre ye śrāvakānte vyāmaprabhāḥ, te
bodhisattvāste yojanakoṭīśatasahasraprabhāḥ, sthāpayitvā dvau bodhisattvau yayoh
prabhayā sā lokadhātuḥ satatasamitaṃ nityāvabhāsasphuṭaḥ| atha khalvāyusmānānando
bhagavantametadavocat-kirṇāmadheyau bhagavaṃstau bodhisattvau mahāsattvau?
bhagavānāha-ekastayorānanda avalokiteśvaro bodhisattvo mahāsattvaḥ dvitīyo
mahāsthāmaprāpto nāma| ita eva cānanda buddhakṣetrāccyutā tau tatropapannau||34||

tatra cānanda buddhakṣetre ye bodhisattvāḥ pratyājātāḥ, sarve te
dvātrimśanmahāpuruṣalakṣaṇasamanvāgatāḥ paripūrṇagātrā dhyānābhijñākovidāḥ
prajñāprabhedakuśalāstikṣṇendriyāḥ susaṃvṛtendriyā ājñātāvīndriyā adīnābalendriyāḥ
pratilambhakṣāntikā anantāparyantaḥ||35||

tasmin khalu punarānanda buddhakṣetre ye bodhisattvā pratyājātāḥ, sarve
te'virahitā buddhadarśanenāvinipātadharmāṇo yāvadbodhiparyantam| sarve te tata

upādāya na jātu jātismarā bhaviṣyanti sthāpayitvā tathārūpeṣu kalpasamkṣobheṣu ye pūrvasthānapraṇihitāḥ pañcasu kaṣāyeṣu vartamāneṣu yadā buddhānāṃ bhagavatāṃ loke prādurbhāvo bhavati tadyathāpi nāma mamaitarhi||36||

tasmin khalu punarānanda buddhakṣetre ye bodhisattvāḥ pratyājātāḥ, sarve te ekapurobhaktenānyāmllokadhātūn gatvā anekāni buddhakoṭīniyutaśatasahasrānyupatiṣṭhanti yāvadākāṅkṣanti buddhānubhāvena| te yathā yathā cittamutpādayanti evamevaṃrūpaiḥ puṣpadhūpadīpagandhamālyavilepanacūrṇacīvaracchatradhvajapatākāvaijayantītūryasaṃgītivādyaiḥ pūjāṃ kuryāma iti, teṣāṃ saḥacittotpādātathārūpāṇi ca sarvapūjāvīdhānāni pāṇau prādurbhavanti| te taiḥ puṣpairyāvadvāyaisteṣu buddheṣu bhagavatsu pūjāṃ kurvanto bahvapariṃśāsaṃkhyeyāṃ kuśalamupacinvanti| sacetpunarākāṅkṣanti evaṃrūpāḥ puṣpapuṭāḥ pāṇau prādurbhavantviti, teṣāṃ saḥacittotpādānnānāvarṇā anekavarṇā nānāgandhā divyāḥ puṣpapuṭāḥ pāṇau prādurbhavanti| te taistathārūpaiḥ puṣpapuṭaistān buddhān bhagavato'vakiranti abhyavakiranti abhiprakiranti| teṣāṃ ca yaḥ sarvaparītāḥ puṣpapuṭa utsrṣṭaḥ sa daśayojanavistaram puṣpacchatraṃ prādurbhavati uparyantarīkṣe| dvitīye cānutsrṣṭe na prathamo dharāṇyāṃ prapatati| santi tatra puṣpapuṭa ya utsrṣṭaḥ santo viṃśatiyojanavistārāṇi puṣpacchatrānyuparyantarīkṣe prādurbhavanti| santi trimśaccatvāriṃśatpañcāśadyojanavistārāṇi, santi yāvadyojanaśatasahasravistārāṇi puṣpacchatrānyuparyantarīkṣe prādurbhavanti|

tatra ye udāraṃ prītiprāmodyaṃ saṃjanayanti, udāraṃ ca cittaudvilyaṃ pratilabhante, te bahvapariṃśāsaṃkhyeyāṃ kuśalamūlamavaropya bahūni ca buddhakoṭīniyutaśatasahasrānyupasthāya ekapūrvāhṇena punarapi sukhāvatyāṃ lokadhātau pratiṣṭhante tasyaivāmitāyusastathāgatasya pūrvapraṇidhānādhiṣṭhānaparigraheṇa pūrvadattadharmaśravaṇena pūrvajināvaropitakuśalamūlatayā pūrvapraṇidhānasamṛddhiparipūryātmabhūtayā suvibhaktabhāvitayā||37||

tasmin khalu punarānanda buddhakṣetre ye sattvāḥ pratyājātāḥ, sarve te sarvajñatāsaḥagatāmeva dharmakathāṃ kathayanti| na ca tatra buddhakṣetre sattvānāṃ kācīparigrahasaṃjñāsti| te sarve ca tadbuddhakṣetramanucaṃkramamāṇā anuvicaranto na ratiṃ nāratimutpādayanti| prakrāmantaścānapekṣāḥ, na ca prakrāmanti sāpekṣāḥ| sarvasattveṣāmeva cittaṃ nāsti | tatra khalu punarānanda sukhāvatyāṃ lokadhātau ye sattvāḥ pratyājātāḥ, nāsti teṣāmanyatamakasaṃjñā, nāsti svakaṣaṃjñā, nāstyaśamaṣaṃjñā, nāsti vighrahaḥ, nāsti vivādaḥ, nāsti virodhaḥ| samacittā maitracittā mṛducittāḥ snigdhaḥcittāḥ karmanyacittāḥ prasannacittāḥ sthiracittā vinīvaraṇacittā akṣubhitacittā alulitacittāḥ prajñāpāramitācaryācāraṇacittāścittādhārābuddhipraviṣṭāḥ| sāgarasaṃjñā prajñayā, merusaṃjñā buddhyā, anekaguṇasaṃjñāyāḥ, bodhyaṅgasamgītyā vikrīḍitāḥ, buddhasaṃgītyabhiyuktā māṃsacakṣuḥ pravacinanti, divyaṃ cakṣurabhinirharanti, prajñācakṣurgatimṃgatā dharmacakṣuḥpāragatā buddhacakṣuṇiṣpādayanto darśayanto dyotayanto vistareṇa prakāśayanto'saṅgajñānamabhinirharanti| traidhātukasamatāyāmabhiyuktā dāntacittāḥ śāntacittāḥ sarvadharmadhātūpalabdhisamanvāgatāḥ samudayaniruktikuśalā dharmaniruktisamanvāgatā hārāhārakuśalā nayānayaḥkuśalā sthānakuśalā laukikīṣu kathāsvanapekṣā viharanti| lokottarābhiḥ kathābhiḥ sārāṃ pratyayanti| sarvadharmaparyeṣṭikuśalāḥ sarvadharmaprakṛtivyupāśamaṃjñānavihāriṇo'nupalambhagocarā niṣkiṃcanā nirupādānā niścintā nirupadhayo'nupādāya suvimuktā anaṅgaṇā aparyasthāyino'bhiḥjñāsu

amūlasthāyino'saṅgācārikā anavalīnā gambhīreṣu dharmeṣvabhiyuktā na saṁsīdanti
dūranubodhabuddhajñānapraveśodgatā ekāyanamārgānuprāptā
nirvicikitsāstīrṇakathamkathā aparapratyayajñānā anadhimāninaḥ| sumerusamā
jñānābhyudgatā| sāgarasamā buddhyakṣobhyāḥ| candrasūryaprabhātikrāntāḥ
prajñābhayā pāṇḍarasuśuklaśuddhaśubhacittatayā ca| uttaptahemavarṇasadrśā
avabhāsanirbhāsatayā ca| vasmūdhārāsadrśāḥ sarvasattvaśubhāśubhākṣamanatayā|
apsadrśāḥ sarvakleśamūlanirdhāvanapravāhaṇatayā ca| agnirājasadrśāḥ
sarvadharmamānyanākleśanirdahanatayā| vāyusadrśāḥ sarvalokāsañjanatayā|
ākāśasadrśāḥ sarvadharmānairvedhikatayā sarvaśo niṣkimcanatayā ca| padmasadrśāḥ
sarvalokānupalīptatayā| kālānusārimahāmeghasadrśā dharmābhigarjanatayā|
mahāvṛṣṭisadrśā dharmasalilābhīpravarṣaṇatayā| ṛṣabhasadrśā
mahāgaṇābhībhavanatayā| mahānāgasadrśāḥ paramasudāntacittatayā|
bhadrāśvājāneyasadrśāḥ suvinītayā| śīmhamṛgarājasadrśā
vikramavaiśāradyāsamtrastatayā| nyagrodhadrumarājasadrśāḥ sarvasattvapariṭṛāṇatayā|
parvatarājasadrśāḥ sarvaparapravādyakampanatayā| gaganasadrśā
aparimāṇamaitrīprabhāvanatayā| mahābrahmasamāḥ
sarvakuśalamūladharmādhipatyapūrvamgamatayā| pakṣisadrśā asaṁnicayasthānatayā|
garuḍadvijarājasadrśāḥ sarvaparapravādividhvamśanātayā| udumbarapūṣpasadrśā
durlabhāpratyarthitayā| nāgavatsusamāhitā avikṣiptājihmendriyatayā| viniścayakuśalāḥ
kṣāntisaurabhyabahulāḥ| anīṛṣukāḥ parasamṛtyaprarthanatayā| viśārādā dharmakathā
svatṛptā dharmaparyeṣṭayā| vaiḍūryasadrśāḥ śīlena| ratnākarāḥ śruteṇa| mañjusvarā
mahādharmadundubhinirghoṣeṇa| mahādharmabherīm parāghnanto
mahādharmasāṅkhamāpūrayanto mahādharmadhvajamucchrāpayanto dharmolkām
prajvālayantaḥ prajñāvilokino'saṁmūdhā nirdoṣāḥ śāntakhilāḥ śuddhā nirāmagandhā
alubdhāḥ saṁvibhāgaratā muktatyāgāḥ prasṛtapāṇayo dānasamvibhāgaratā
dharmāmiśābhyām dāne'matsariṇo'saṁsṛṣṭā urtrastamānasā viraktā dhīrā dhaureyā
dhṛtimanto hrīmantaḥ suvyūḍhasattvā nirgāḍhāḥ prāptābhijñāḥ suratāḥ sukhasamvāsā
arthakarā lokapadyotā nāpadāgantum dhīrā rāgaṁ tamaḥ pranekasvaṣṭhaḥ(?)
śokāpagatā nirmalā nimeṣaprahīṇā vikṛīḍitābhijñā hetubalikāḥ praṇidhānabalikā ajihmā
akuṭilā ete lakṣakoṭīniyutaśatasahasrāvaropitakuśalamūlā utpāṭitamānaśalyā
apagatarāgadveśamohāḥ śuddhāḥ śuddhādhimuktā jinabalaprasastā lokapaṇḍitā
uttaptajñānasamudāgatā jinasutāścittaudbilyasamanvāgatāḥ sūrā dṛḍhā amamā akhilā
atulā arajaskāḥ sahitā udārā ṛṣabhā hrīmanto dhṛtimantaḥ smṛtimanto matimanto
gatimantaḥ prajñāśastrapraharaṇā puṇyavanto dyutimanto vyapagatakhilā
malaprahīṇāḥ smṛtiyuktāḥ śāntajñānāmbhāḥ| īdrśā ānanda tasmin buddhakṣetre
sattvāḥ saṁkṣipteṇa ca| vistareṇa punaḥ
sacetkalpakoṭīniyutaśatasahasrasthitikenāpyāyuspramāṇeṇa tathāgatā nirdiśyeran,
naiva śakyam teṣāṁ satpuruṣāṇāṁ guṇaparyantamadhigantum, na ca tathāgatasya
vaiśāradyopacchedo bhavet| tatkaśya hetoḥ? ubhayamapyeva ānanda acintyamatulyam
yadidaṁ teṣāṁ bodhisattvānāṁ guṇastathāgatasya cānuttaraprajñāpratibhānam||38||

api cānanda uttiṣṭha, paścānmukhībhūtvā puṣpāvakīrṇāñjalīm pragrhya praṇipata|
eṣā sā dig yatra sa bhagavānamitābhastathāgato'rhan samyaksambuddhastiṣṭhati
dhriyate yāpayati, dharmam ca deśayati virajo viśuddham yasya
tannāmadheyamanāvarāṇe daśadiśi loke vighuṣṭam ekaikasyām diśi
gaṅgānadīvālukāsamā buddhā bhagavanto varṇayanti stuvanti
praśaṁsantyasakṛdasakṛdasāṅgavācāpratīvākyāḥ| evamukte āyusmānānando
bhagavantametadavocat-icchāmyahaṁ
bhagavamstamamitābhamamitaprabhamamitāyusam tathāgatamarhantaṁ

samyaksambuddham draṣṭum, tāmśca bodhisattvān mahāsattvān
bahubuddhakoṭīniyutaśatasahasrāvaropitakuśalamūlān| samanantarabhāṣitā
āyusmatānandeneyam vāk, atha tāvadeva so'mitābhastathāgato'rhan
samyaksambuddhaḥ svapāṇitalāttathārūpaṁ rāśmiṁ prāmuñcadyadidaṁ
koṭīniyutaśatasahasratamaṁ buddhakṣetraṁ mahatāvabhāsenā sphuṭamabhūtaṁ tena
khalu punaḥ samayena sarvatra koṭīśatasahasrabuddhakṣetrāṇāṁ ye kecitkālāparvatā
vā ratnaparvatā vā merumahāmerumucilindamahāmucilindacakravālamahācakravālā
vā citayo vā stambhā vā vṛkṣagahanodyānavimānāni divyamanuṣyakāṇi, tāni sarvāṇi
tasya tathāgatasya tayā prabhayābhiniṛbhinnānyabhūvan samabhibhūtāni| tadyathāpi
nāma puruṣo vyāmaṁtrake'nvito dvitīyaṁ puruṣaṁ pratyavekṣedāditye'bhyudgate,
evamevāsmiṁ buddhakṣetre
bhikṣubhikṣuṇyupāsakopāsikādevanāgayakṣārākṣasagandharvāsuraḥ garuḍakinnaramaho
ragamanuṣyāmanuṣyāśca tasyāṁ velāyāmadrākṣustamamitābhaṁ tathāgatamarhantaṁ
samyaksambuddham sumerumiva parvatarājaṁ sarvakṣetrābhyudgataṁ sarvā
diśo'bhibhūya bhāsamānaṁ tapantaṁ virocamaṇaṁ vibhṛājamānaṁ, taṁ ca mahāntaṁ
bodhisattvagaṇaṁ taṁ ca bhikṣusaṁghaṁ yadidaṁ buddhānubhāvena tasyāḥ
prabhāyāḥ parīśuddhatvāt| tadyatheyaṁ mahāpṛthivī ekodakajātā bhavet, tatra na vṛkṣā
na parvatā na dvīpā na tṛṇagulmauśadhivanaspatayo na nadiśvabhraprapātāḥ
prajāṇāpayaṇa, anyatraikāṇavibhūtā mahāpṛthivyekā syāt, evameva tasmiṁ
buddhakṣetre nāstyanyatkiṁcillīṅgaṁ vā nimittaṁ vā anyatraiva vyāmaprabhāḥ
śrāvakāste ca yojanakoṭīśatasahasraprabhā bodhisattvāḥ| sa ca
bhagavānamitābhastathāgato'rhan samyaksambuddhastāṁ ca śrāvakagaṇaṁ taṁ ca
bodhisattvagaṇamabhibhūya sarvā diśaḥ prabhāsayan saṁdrīṣyate| tena khalvapi
samayena tasyāṁ sukhāvatyaṁ lokadhātau bodhisattvāḥ śrāvakadevamanuṣyāśca sarve
te imāḥ sahālokadhātuṁ śākyamuṇiṁ ca tathāgatamarhantaṁ
samyaksambuddhamarhataḥ bhikṣusaṁghena parivṛtaṁ paśyanti sma dharmaṁ
deśayantaṁ||39||

tatra khalu bhagavānajitaṁ bodhisattvaṁ mahāsattvamāmantrayate sma-paśyasi
tvamajita amuṣmina buddhakṣetre guṇālaṁkāravayūhasaṁpadam? upariṣṭāccāntarīkṣe
ārāmaṇaṁ yānyudyānaraṁaṇīyāni nadīpuṣkariṇīraṁaṇīyāni
nānāratnapadmopalakumudapuṇḍarīkākirṇāni? adhistācca dharaṇītalāmupādāya
yāvadakaṇiṣṭhabhavanādgaganatalaṁ puṣpābhikīrṇaṁ puṣpāvalisamupaśobhitaṁ
nānāratnastambapaṅktiparisphuṭaṁ tathāgatābhinirmītanānādvijasaṁghaṇiṣevitam?
ajita bodhisattva āha-paśyāmi bhagavan| bhagavānāha- paśyasi punastvamajita
etānamarāṇ dvijasaṁghān sarvabuddhakṣetraṁ buddhasvareṇābhivijñāpayantaṁ
yenaite bodhisattvā nityamavirahitā buddhānusmṛtyā? ajita āha- paśyāmi bhagavan|
bhagavānāha- paśyasi punastvamajita atra buddhakṣetre'mūn sattvān
yojanaśatasahasrikeṣu vimāneṣvabhirūḍhānantarīkṣe sasatkārān krāmantaḥ? ajita āha-
paśyāmi bhagavan| bhagavānāha- tatkiṁ manyase ajita asti kiṁcinnānātvaṁ devānāṁ
paranirmītavaśavartināṁ sukhāvatyaṁ lokadhātau manuṣyāṇāṁ vā? ajita āha-
ekamapyahaṁ bhagavan nānātvaṁ na samanupaśyāmi yāvanmaharddhikā atra
sukhāvatyaṁ lokadhātau manuṣyāḥ| bhagavānāha-paśyasi punastvamajita tatra
sukhāvatyaṁ lokadhātāvetēṣāṁ manuṣyāṇāmuḍāreṣu padmeṣu garbhāvāsam? āha-
tadyathāpi nāma devāstrāyastriṁśā devā yāmā vā pañcāśadyojanikeṣu vā
yojanaśatikeṣu vā pañcayojanaśatikeṣu vā vimāneṣu praviṣṭāḥ krīḍanti ramanti
paricārayanti, evamevāhaṁ bhagavan atra sukhāvatyaṁ lokadhātāvetēṣāṁ
manuṣyāṇāmuḍāreṣu padmeṣu garbhāvāsaṁ paśyāmi||40||

santi khalu punaratra bhagavan sattvā ya aupapādukāḥ padmeṣu paryāṅkaiḥ
prādurbhavanti| tatko'tra bhagavan hetuḥ kaḥ pratyayo yadanye garbhāvāsāṃ
prativasanti, anye punaraupapādukāḥ padmeṣu paryāṅkaiḥ prādurbhavanti?
bhagavānāha-ye te ajita bodhisattvā anyeṣu buddhakṣetreṣu sthitāḥ sukhāvatyāṃ
lokadhātāvupapattaye vicikitsāmutpādayanti, tena cittaena kuśalamūlānyavaropayanti,
teṣāmatra garbhāvāso bhavati| ye punarnirvicikitsāmutpādyā cchinna-kāṅkṣāḥ
sukhāvatyāṃ lokadhātāvupapattaye kuśalamūlānyavaropayanti, buddhānāṃ
bhagavatāmasaṅgajñānamevākālpayanti abhiśraddadhati adhimucyante, te
aupapādukāḥ padmeṣu paryāṅkaiḥ prādurbhavanti| ye te ajita bodhisattvā mahāsattvā
anyatra buddhakṣetreṣu sthitāścittamutpādayanti amitābhasya tathāgatasyārhatāḥ
samyaksāmbuddhasya darśanāya, na vicikitsāmutpādayanti, na kāṅkṣanti asaṅgāṃ
buddhajñānam, svakuśalamūlāṃ cābhiśraddadhati, teṣāmaupapādukānāṃ paryāṅkaiḥ
prādurbhūtānāṃ muhūrtamātreṇa evaṃrūpaḥ kāyo bhavati tadyathānyeṣāṃ
ciropapannānāṃ sattvānāṃ| paśya ajita prajñāviśeṣāṃ prajñāvaimātryāṃ
prajñāparihāṇīm prajñāparīttatām-yattu hitāya pañcavarṣaśatāni parihīṇā bhavanti
buddhadarśanādbodhisattvadarśanāddharmaśravaṇāddharmasāṃkathanāt|
kuśalamūlacaryāyāḥ parihīṇā bhavanti sarvakuśalamūlasāṃpattibhiḥ yadidaṃ
vicikitsāpatitaiḥ saṃjñāmanasikāraiḥ| tadyathāpi nāma ajita rājñāḥ kṣatriyasya
mūrdhābhiṣiktasya bandhanāgāraṃ
bhavetsarvasauvarṇavaiḍūryapratyupatamavasaktapaṭṭamālyadāmakaḥ
nānāraṅgavibhavavitānaṃ dūṣyapaṭṭasāṃchannaṃ
nānāpuṣpakusumābhikīrṇamudārādhūpanirdhūpitaṃ
prāsādaharmyaniryūhagavākṣavedikātorāṇavicitraṃ saptaratnaṃ
kiṅkiṇījālasāṃchannaṃ caturasraṃ catuḥsthūṇaṃ caturdvāraṃ catuḥsopānaṃ| tatra
tasya sa rājñāḥ putraḥ kenacideva kṛtyena prakṣipyā
jāmbūnadasuvarṇamayairnigaḍairbaddho bhavati| tasya ca tatra paryāṅkaḥ prajñaptaḥ
syādanekagoṇikāstīrṇastūlikāparṇakāstīrṇaḥ
kāliṅgaprāvaraṇapratyāstarāṇasottarapadacchada ubhayāntalohitopadhānaścitra
darśanīyaḥ| sa tatra tadābhiṣaṇṇo vā abhisāṃpanno vā bhavet| bahu cāsyānekavidhaṃ
śuci vinītaṃ pānabhojanaṃ tatropanāmyeta| tatkiṃ manyase ajita udārastasya
rājaputrasya sa paribhogo bhavet? ajita āha-udāro bhagavan| bhagavānāha- tatkiṃ
manyase ajita api tvāsvādayettatra niśāmayecca, tena vā tuṣṭiṃ vidyāt? āha-no hīdaṃ
bhagavan| api tu khalu punaryadyapanītya rājñā tatra bandhanāgāre prakṣipto bhavet,
sa tato mokṣamevākāṅkṣet| abhijātān kumārānamātyān stryāgārān śreṣṭhino gr̥hapatīn
koṭṭarājāmśca paryeṣayet, ya enaṃ tato bandhanāgārātparimocayeyuḥ| kiṃcāpi
bhagavaṃstasya rājakumārasya tatra bandhanāgāre nābhiratiḥ, nātra parimucyate,
yāvanna rājā prasādamupadarśayati| bhagavānāha-evameva ajita ye te bodhisattvā
vicikitsāpatitāḥ kuśalamūlānyavaropayanti, kāṅkṣati buddhajñānam, kiṃcāpi tena
buddhānāmaśravaṇena tena ca cittaprasādamātreṇa atra sukhāvatyāṃ
lokadhātāvupapadyante, na tu khalvaupapādukāḥ padmeṣu paryāṅkaiḥ prādurbhavanti,
api tu padmeṣu garbhāvāsāṃ prativasanti| kiṃcāpi teṣāṃ tatrodyaṇavimānasaṃjñāḥ
saṃtiṣṭhante, nāstyuccāraprasrāvam, nāsti khetasimhāṇakam, na pratikūlaṃ manasaḥ
pravartate, api tu khalu punaḥ pañca varṣaśatāni virahitā bhavanti buddhadarśanena
dharmaśravaṇena bodhisattvadarśanena dharmasāṃkathyaviniścayena
sarvakuśalamūlena dharmacaryābhiṣca| kiṃcāpi te tatra nābhiraṃtante na tuṣṭiṃ
vijānanti, api tu khalu punaḥ pūrvāparān kṣapayitsate bhūyastataḥ paścānniskrāṃanti|
na caiśāṃ tato niṣkrāmatāṃ niṣkramaḥ prajñāyate ūrdhvamadhastiryagvā| paśya ajita
etarhi nāma pañcabhirvarṣaśatairbahūni buddhakoṭīṇiyutaśatasahasropasthānāni
syurbahvaparimāṇāsāṃkhyeyāprameyāṇi ca kuśalamūlānyavaropayitavyāni| tatsarvaṃ

vicikitsādoṣeṇa vināśayanti| paśya ajita kiyanmahate'narthāya bodhisattvānām vicikitsā samvartata iti| tasmāttarhi ajita bodhisattvairnvicikitsairbodhaye cittamutpādyā kṣipram sarvasattvahitasukhādhānāya sāmartyapratilambhārtham sukhāvatyām lokadhātāvupapattaye kuśalamūlāni pariṇāmayitavyāni, yatra bhagavānamitābhastathāgato'rhan samyaksambuddhaḥ||41||

evamukte ajito bodhisattvo bhagavantametadavocat-kiṃ punarbhagavan bodhisattvā ito buddhakṣetrātpariniṣpannā anyeṣāṃ vā buddhānām bhagavatāmantikātsukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante? bhagavānāha-ito hyajita buddhakṣetrād dvāsapṭatikōṭīniyutāni bodhisattvānām pariniṣpannāni yāni sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante pariniṣpannānāmavaivartikānām bahubuddhakoṭīniyutaśatasahasrānyavaropitaiḥ kuśalamūlaiḥ, kaḥ punarvādastataḥ parīttataraiḥ kuśalamūlaiḥ duṣprasahasya tathāgatasyāntikādaṣṭādaśakoṭīniyutaśatāni bodhisattvānām sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| pūrvāntare digbhāge ratnākaro nāma tathāgato viharati| tasyāntikānnavatibodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| jyotiṣprabhasya tathāgatasyāntikāddvāvimśatibodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| amitaprabhasya tathāgatasyāntikātpaṇcaviṃśatibodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| lokapradīpasya tathāgatasyāntikātsaṣṭibodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| nāgābhibhuvastathāgatasyāntikāccatuḥṣaṣṭirbodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| virajahprabhasya tathāgatasyāntikātpaṇcaviṃśatibodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| simhasya tathāgatasyāntikātsodaśābodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| simhasya tathāgatasyāntikādaṣṭādaśābodhisattvasahasrāni sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| śrīkūṭasya tathāgatasyāntikādekāśītibodhisattvakoṭīniyutāni sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| narendrarājasya tathāgatasyāntikāddaśābodhisattvakoṭīniyutāni sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| balābhijñasya tathāgatasyāntikāddvādaśābodhisattvasahasrāni sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| puṣpadhvajasya tathāgatasyāntikātpaṇcaviṃśatirvīryaprapṭā bodhisattvakoṭya ekaprasthānaprasthitā ekenāṣṭāhena navatikalpakoṭīniyutaśatasahasrāni paścānmukhīkṛtya sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| jvalanādhipateṣṭathāgatasyāntikāddvādaśābodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| vaiśāradyaprapṭasya tathāgatasyāntikādekonasaptatibodhisattvakoṭyaḥ sukhāvatyām lokadhātāvupapatsyante| amitābhasya tathāgatasya darśanāya vandanāya paryupāsānāya pariprechanāya paripraśnīkaraṇāya| etena ajita paryāyeṇa paripūrṇakalpakoṭīniyutam nāmadheyāni parikīrtayeyam teṣāṃ tathāgatānām yebhyaste bodhisattvā upasamkrāṃanti sukhāvatyām lokadhātāu tamamitābham tathāgataṃ draṣṭum vanditu paryupāsītum, na śakyaśca paryanto'dhigantum||42||

paśya ajita kiyatsulabdhālābhāste sattvā ye'mitābhasya tathāgatasyārhatāḥ samyaksambuddhasya nāmadheyam śroṣyanti| nāpi te sattvā hīnādhimuktikā bhaviṣyanti ye'ntaśaekacittaprasādamapi tasmīnstathāgate'bhilapyante, asmīnśca dharmaparyāye| tasmāttarhi ajita ārocayāmi vaḥ, prativedayāmi sadevakasya lokasya purato'sya dharmaparyāyasya śrāvaṇāya| trisāhasramahāsāhasramapi lokadhātumagnipūrṇamavagāhya atikramaikacittotpādamapi pratisāro na kartavyaḥ| tatasya hetoḥ? bodhisattvakoṭyo hyajita āsravaṇādeśāmevaṃrūpāṇām

dharmaparyāyāñām vivartante'nuttarāyāḥ samyaksambodheḥ| tasmādasya
dharmaparyāyasyādhyāśayena śravaṇodgrahaṇadhāraṇārthaṁ paryāvāptaye vistareṇa
saṁprakāśāya bhāvanārthaṁ ca sumahadvīryamārabdhavyam| antaśa
ekarātrīṁdinamapi, ekagodoḥamātramapi, antaśaḥ pustakāvaropitaṁ kṛtvā sulikhito
dhārayitavyaḥ| śāstrisaṁjñā ca tatropādhyāye kartavyā ya icchatī kṣipramaparimitān
sattvānavaivartikatve'nuttarāyāḥ samyaksambodheḥ pratiṣṭhāpayitum, tacca tasya
bhagavato'mitābhasya tathāgatasya buddhakṣetraṁ draṣṭum, ātmanaśca viśiṣṭān
buddhakṣetraguṇālaṁkāravayūhasaṁpadaṁ parigrahītumiti| api tu khalu ajīta atyārthaṁ
sulabdhālābhāste sattvā avaropitakuśalamūlāḥ pūrvajinakṛtādhikārā buddhādhiṣṭhitāśca
bhaviṣyanti, yeśāmanāgate'dhvani yāvatsaddharmavipralope vartamāne ime evaṁrūpā
udārā dharmaparyāyāḥ sarvabuddhasaṁvarṇitāḥ sarvabuddhaprasastāḥ
sarvabuddhānujñātā mahataḥ sarvajñajñānasya kṣipramāhārakāḥ
śrotrāvabhāsamāgamiṣyanti| ye śrutvā codāprītiprāmodyaṁ pratilapsyanta
udgrahīṣyanti dhārayiṣyanti vācayiṣyanti paryavāpsyanti parebhyo vistareṇa
saṁprakāśayiṣyanti, bhāvanābhīratāśca bhaviṣyanti, antaśo likhitvā pūjayiṣyanti, bahu
ca te puṇyaṁ prasaviṣyanti, yasya na sukarā saṁkhyā kartum| iti hi ajīta yattathāgatena
kartavyam, kṛtaṁ mayā| yuṣmābhiridānīm nirvicikitsāyogaḥ karaṇīyaḥ| mā saṁśayata
asaṅgamanāvaraṇaṁ buddhajñānam| mā bhūtsarvākārāvaropitaratnamaye
bandhanāgāre praveśaḥ| durlabho hi ajīta buddhotpādaḥ| durlabhā dharmadeśanā|
durlabhā kṣaṇasaṁpat| ākhyātā ca ajīta mayā sarvakuśalamūlapāramitāprāptiḥ|
yūyamidānīmabhiyuṣyanta pratipadyadhvam| asya khalu punarajīta dharmaparyāyasya
mahatīm parīndanām karomi| aviprañāśāya buddhadharmāṇāmanantardhānāya
parākramiṣyatha | mā tathāgatājñānāḥ kṣobhayiṣyatha ||43||

atha khalu punarbhagavāṁstasyām velāyāmimā gāthā abhāṣata-
na me akṛtapuṇyānām śravā bheṣyanti īdṛśāḥ|
ye tu te sūra siddhārthāḥ śroṣyanti ca imāṁ giram||49||

dr̥ṣṭo yaiśca hi sambuddho lokanāthaḥ prabhaṁkaraḥ||
sagauravaiḥ śruto dharmāḥ prītiṁ prāpsyanti te parām||50||

na śakta hīnehi kusīdadṛṣṭibhiḥ
buddhāna dharmeṣu prasāda vinditum|
ye buddhakṣetreṣu akārṣi pūjām
trailokanāthāna caryāsu śikṣiṣu||51||

yathāndhakāre puruṣo hyacakṣuḥ
mārgaṁ na jāne kutu saṁprakāśayet|
sarvaṁ tathā śrāvaka buddhajñāne
ajānakāḥ kiṁ punaradya sattvāḥ||52||

buddho hi buddhasya guṇāṁ prajānate
na devanāgāsuraśrāvakāḥ|
anekabuddhāna pi no gatī yatho
buddhasya jñāne hi prakāśyamāne ||53||

yadi sarvasattvāḥ samatā bhavedyuh
viśuddhajñāne paramārthakovidāḥ|
te kalpakotīratha vāpi uttare

naikasya buddhasya guṇān katheyuh||54||

atrāntare nirvṛta te bhaveyuh
prakāśamānā bahukalpakoṭīh|
na ca buddhajñānasya pramāṇu labhyate
tathā hi jñānāścaryam jinānam||55||

tasmānnarah paṇḍita vijñajātiyah
yo mahya vākyamabhiśraddadheya|
kṛtsnām sa sākṣājñajñānamārgān
buddhaḥ prajānam ti girāmudīrayet||56||

kadāci labhyati manuṣyalābhaḥ
kadāci buddhāna pi prādurbhāvaḥ|
śraddhārthaprajñā sucireṇa labhyate
tasyārthapṛāptyai janayet vīryam||57||

ya īdrśām dharma śruṇitva śreṣṭhām
labhyanti prītim sugataṁ smarantaḥ |
te mitramasmākamātītamadhvani
ye cāpi bodhāya jananti chandam|| 58|| iti|| 44||

asmin khalu punardharmaparyāye bhāṣyamāṇe dvādaśānām sattvanīyutakoṭīnām
virajo vigatamalaṁ dharmeṣu dharmacakṣurviśuddham| caturvimśatyā
koṭīniyutaśataphalaṁ prāptam| aṣṭānām bhikṣuśatānāmanupādāyāsravebhyaścittāni
vimuktāni| pañcavimśatyā bodhisattvakoṭībhiranutpattikadharmakṣāntiḥ pratilabdha|
devamānuṣikāyāśca
prajāyāścatvārimśatkoṭīniyutaśatasahasrāṇāmanutpannapūrvāṇyanuttarāyām
samyaksambodhau cittānyutpannāni| sukhāvatyaṁ lokadhātāvupapattaye ca
kuśalamūlānyavaropitāni bhagavato'mitābhasya tathāgatasya darśanakāmatayā| sarve
ca te tatropapadya anupūrveṇa mañjusvarā nāma tathāgatā anyeṣu
lokadhātuṣūpapatsyante| aśītiśca niyutakoṭyo dīpaṁkare tathāgate labdhakṣāntikā
avaivartikā anuttarāyāḥ samyaksambodheramitāyuṣaiva tathāgatena paripācitāḥ
pūrvabodhisattvacaryām carantastāśca sukhāvatyaṁ lokadhātāvupapadya
pūrvaprañidhānacaryāḥ paripūrayiṣyanti||45||

tasyām velāyāmayaṁ trisāhasramahāsāhasralokadhātuḥ śadvikāraṁ prākampat|
vividhāni ca prātihāryāni samdrśyante sma| pṛthivyām saṁskṛtamabhūt|
divyamānuṣyakāni ca tūryāni saṁpravāditānyabhūvan| anumodanāśabdena ca
yāvadakaniṣṭhabhuvanaṁ vijñaptamabhūt||46||

idamavocadbhagavānāttamanāḥ| ajito bodhisattvo mahāsattva āyuṣmāṁścānandaḥ
sā ca sarvāvatī parṣat sadevamānuṣāsuragaruḍagandharvasya loko bhagavato
bhāṣitamabhyānandanniti||47||

bhagavato'mitābhasya tathāgatasya sukhāvatīguṇavarṇanaparikīrtanaṁ
bodhisattvānāmavaivartyabhūmipraveśaḥ amitābhasya parivartaḥ sukhāvatīvyūho
mahāyānasūtraṁ samāptam||

ye dharmā hetuprabhavā hetum teṣāṃ tathāgato hyavadat|
teṣāṃ ca yo nirodha evaṃ vādī mahāśramaṇaḥ||



NGHI THỨC TỤNG NIỆM PHÁP A DI ĐÀ

❖ NAMO NAMAḤ TATTVE BHAGAVATE TATHĀGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

**[NA MÔ NA MẮC TẮT TỜ-VÊ PHA GA VA TÊ TA THA GA TA GIA,
A RỜ-HA TÊ, XAM GIẮC SAM BÚT ĐA GIA]** (3 lần)

(Quy mệnh kính lễ Đức Thế Tôn của bản tính chân thật. Ngài là Đáng đến và đi như vậy; dứt trừ hết thấy tham sân si phiền não, xứng đáng nhận sự cúng dường của hàng Trời Người; hiểu thấu tất cả mọi việc một cách chính đúng không có sai lầm) (3 lần)

❖ Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn:

OM RAM

[OM RAM] (3 Lần)

❖ Chú đốt hương :

Khói Hương Tạo Hình Thể

Thấu Suốt Cả Ba Cõi

Năm Uẩn Điều Thanh Tịnh

Ba Độc Tự Lặng Yên

OM DHARMA-DHĀTU ANUGATA SVĀHĀ

[OM – ĐA RỜ-MA ĐA TU, A NU GĀ TA, XỜ-VA HA] (3 Lần)

(Cắm Hương Lên Bàn Thờ Rồi Nguyện Hương)

Nguyện đem lòng Thành Kính

Gửi theo đám mây Hương

Lan tỏa khắp mười phương

Cúng Dường ngôi Tam Bảo

Thề trọn đời giữ Đạo

Theo Tự Tính làm lành

Cùng Pháp Giới Chúng Sinh

Cầu Phật Từ gia hộ

Tâm Bồ Đề kiên cố

Chí tu học vững bền

Xa biển Khổ nguồn Mê

Chóng quay về bờ Giác

NAM MÔ HƯƠNG CÚNG DƯỜNG BỒ TÁT MA HA TÁT (3 Lần)

❖ Quy Y Phật:

Kính lạy Đức Phật Đà

Đấng vẹn toàn Phước Trí

Như Mặt Trời chiếu sáng

Phá tắt tối ngu mê

Ngài là Bạc Y Vương

Chữa lành muôn bệnh khổ

Dìu dắt mọi chúng sinh

Đưa đến bờ An Lạc

Nay con xin thành kính

Nương theo dấu vết Ngài
Nguyện xa lìa lầm lỗi
Viên mãn mọi Phước Trí
Mau thành Lương Túc Tôn
BUDDHAM ŚARANAM GACCHAMI

[BÚT ĐẰM, SÁ RA NĂM, GÁCH CHA MI] (3 Lần)

Sau khi quy y Phật Bảo rồi. Nguyện cho con mau chóng đạt đến sự sáng suốt hoàn toàn, thông hiểu như thật Lý Sự của vạn vật để rốt ráo xa lìa phiền não khổ đau, chấm dứt sinh tử luân hồi (1 Lạy)

❖ Quy Y Pháp:

Kính lạy Pháp Giải Thoát
Con đường của Thánh Nhân
Tịnh hóa Tham, Sân, Si
Chuyển thành Giới, Định, Tuệ
Dứt trừ Phiền Não Khổ
Vượt thoát biển Luân Hồi
Nay con xin thành kính
Tuân theo Giáo Pháp này
Nguyện mau lìa sinh tử
Chứng Niết Bàn thanh tịnh
DHARMAM ŚARANAM GACCHAMI

[ĐA RÒ-MÃM, SÁ RA NĂM, GÁCH CHA MI] (3 Lần)

Sau khi quy y Pháp Bảo rồi. Nguyện cho con thường gặp Chính Pháp giải thoát, luôn tu tập được Chính Pháp giải thoát và chứng đạt được Chính pháp giải thoát. Đồng thời nguyện cho con mau chóng đạt được sự định tĩnh, tự tri, tự giác, tự chủ, điều dụng, vị tha ngay trong đời hiện tại này (1 Lạy)

❖ Quy Y Tăng:

Kính lạy Chúng Tăng Già
Đấng Đạo Sư chân chính
Bậc điều phục Thân Tâm
Vượt Tham Dục Phiền Não
Chặt gốc rễ ngu mê
Giương cao cờ Giải Thoát
Nay con xin thành kính
Nương theo gương sáng này
Nguyện mau lìa Ngã Chấp
Đạt thanh tịnh vô ưu

SAMGHAM ŚARANAM GACCHAMI

[XÃNG GẪM, SÁ RA NĂM, GÁCH CHA MI] (3 Lần)

Sau khi quy y Tăng Bảo rồi. Nguyện cho con thường gặp các Bậc Đạo Sư chân chính, các vị đã điều phục thân tâm vượt thoát tham dục phiền não và giúp cho con mau chóng vượt thoát các tâm ý: Áo tưởng kiêu mạn, ganh tị tranh đấu, hoài nghi tự kiêu, tri độn mù quáng, tham dục thèm khát, giận dữ oán hận để Tịnh Hoá được các KHỔ, CHUỐNG, HOẶC trong sáu nẻo. Đồng thời nguyện con luôn luôn đạt được cuộc sống: Hiền thiện, ngay thẳng, mực thước, chân chính, vị tha ngay trong đời hiện tại này (1 Lạy)

❖ Thọ Trì Ngũ Giới:

1. Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự sát sinh.

Nguyện cho con và tất cả chúng sinh được trường thọ

2. Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự trộm cắp .

Nguyện cho con và tất cả chúng sinh đạt được những sự mong cầu.

3. Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự tà dâm.

Nguyện cho con và tất cả chúng sinh dứt trừ được sự tham muốn thấp hèn.

4. Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự nói dối.

Nguyện cho con và tất cả chúng sinh đạt được sự an tịnh của một tâm hồn chân thật.

5. Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự uống rượu và các chất say.

Nguyện cho con và tất cả chúng sinh dứt trừ được sự điên đảo ngu dốt.

❖ Sám Hối:

Kể từ đời Vô Thủy

Do Ngã Chấp Vô Minh

Con luôn bị đắm chìm

Luân hồi trong sáu Nẻo

Hoặc làm Trời làm Người

Hoặc Thần Thánh, Súc Sinh

Quỷ đói hay Địa Ngục

Thay đổi muôn hình hài

Nhận tính nết khác nhau

Chịu đắng cay, ngọt bùi

Vinh quang hay tủi nhục

Sang cả hoặc nghèo hèn

Uy Quyền cùng Nô Lệ

An vui và khổ cực

Hết thấy điều như thế

Vì ngu muội ngăn che

Khiến con không nhớ rõ

Nay có chút duyên lành

Gặp được nền Chính Pháp

Của Đấng Lương Túc Tôn

Thích Ca Mâu Ni Phật

Dạy phải dẹp Ngã Chấp

Trừ bỏ Tham, Sân, Si

Tu tập Giới, Định, Tuệ

Luôn làm lành lánh dữ

Tự tịnh Tâm Ý mình

Vượt luân hồi sinh tử

Đạt thanh tịnh vô ưu

Mọi Pháp lành như thế

Cần phải thực hành ngay

Không toan tính chần chừ
Vì kiếp đời ngắn ngủi
Hơn nữa Thân khó giữ
Bởi bệnh tật, già nua
Thêm cái chết bất ngờ
Cắt đứt dòng Sinh Mệnh

Nay con xin tuân phục
Hành theo Chính Pháp này
Trước tiên xin Sám Hối
Mọi tội lỗi xưa kia
Từ Ý sinh, Miệng nói
Thân làm, dạy người làm
Tạo Nhân gây Nghiệp ác
Hết thấy Nghiệp Tội ấy
Cao dày nhiều vô lượng
Khó đo lường tính đếm
May nhờ ân Tam Bảo
Lực Bi Mẫn rộng sâu
Giúp cho con trừ tội
Kéo con xa nẻo Ác
Thọ sinh hình vóc Người
Gặp gỡ được Chính Pháp
Vượt thoát biển Tử Sinh

Nam mô TỶ BÀ THI Phật (1 Lạy)
Nam mô THI KHÍ Phật (1 lạy)
Nam mô TỶ XÁ PHỦ Phật (1 lạy)
Nam mô CÂU LƯU TÔN Phật (1 Lạy)
Nam mô CÂU NA HÀM MÂU NI Phật (1 Lạy)
Nam mô CA DIỆP Phật (1 Lạy)
Nam mô THÍCH CA MÂU NI Phật (1 Lạy)

❖ Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn:

REPA REPATE _ KUHA KUHATE _ TRANITE _ NIGALA RITE _ VIMA
RITE _ MAHĀ-GATE _ ŚĀNTIM KRTE _ SVĀHĀ
[RÊ PA , RÊ PA TÊ , KU HA , KU HA TÊ , TỜ-RA NI TÊ , NI GA LA
RI TÊ , VI MA RI TÊ , MA HA GA TÊ , SĂNG TIM KỜ-RẬT TÊ , XỜ-VA
HA] (3 lần)

Tiếp, con xin phát nguyện
Từ bỏ các Pháp Ác
Tu tập mọi Pháp Lành
Rèn Tâm Ý trong sạch
Tự cứu mình cứu người
Cầu xin Ân Tam Bảo
Luôn gia hộ cho con
Mau vượt thoát tử sinh
Sớm thành Ngôi Vô Thượng
Chuyên Pháp Luân Giáo Hóa
Độ muôn loài chúng sinh

- _ Nam Mô VÔ LƯỢNG QUANG PHẬT (1 lạy)
- _ Nam Mô VÔ BIÊN QUANG PHẬT (1 lạy)
- _ Nam Mô VÔ NGẠI QUANG PHẬT (1 lạy)
- _ Nam Mô VÔ ĐỐI QUANG PHẬT (1 lạy)
- _ Nam Mô DIỄM VƯƠNG QUANG PHẬT (1 lạy)
- _ Nam Mô THANH TĨNH QUANG PHẬT (1 lạy)
- _ Nam Mô HOAN HỖ QUANG PHẬT (1 lạy)
- _ Nam Mô TRÍ TUỆ QUANG PHẬT (1 lạy)
- _ Nam Mô BẤT ĐOẠN QUANG PHẬT (1 lạy)
- _ Nam Mô NAN TỰ QUANG PHẬT (1 lạy)
- _ Nam Mô VÔ XUNG QUANG PHẬT (1 lạy)
- _ Nam Mô SIÊU NHẬT NGUYỆT QUANG PHẬT (1 lạy)
- _ Nam Mô QUÁN THỂ ÂM Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô ĐẠI THỂ CHÍ Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô DƯỢC VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô DƯỢC THƯỢNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô PHỔ HIỀN Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô PHÁP TỰ TẠI Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô SỰ TỬ HỒNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô ĐÀ LA NI Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô HƯ KHÔNG TẠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô ĐỨC TẠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô BẢO TẠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô KIM TẠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô KIM CƯƠNG TẠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô QUANG MINH VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô SƠN HẢI TUỆ Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô HOA NGHIÊM VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô CHÚNG BẢO VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô NGUYỆT QUANG VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô NHẬT CHIẾU VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô TAM MUỘI VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô ĐỊNH TỰ TẠI VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô ĐẠI TỰ TẠI Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô BẠCH TƯỢNG VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô ĐẠI UY ĐỨC VƯƠNG Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô VÔ BIÊN THÂN Bồ tát (1 lạy)
- _ Nam Mô Đông phương ĐẾ THÍCH THIÊN (1 lạy)
- _ Nam Mô Đông Nam Phương HỎA THIÊN (1 lạy)
- _ Nam Mô Nam phương DIỄM MA THIÊN (1 lạy)
- _ Nam Mô Tây nam phương LA SÁT THIÊN (1 lạy)
- _ Nam Mô Tây phương THỦY THIÊN (1 lạy)
- _ Nam Mô Tây Bắc phương PHONG THIÊN (1 lạy)
- _ Nam Mô Bắc phương TỶ SA MÔN THIÊN (1 lạy)
- _ Nam Mô Đông Bắc phương TỰ TẠI THIÊN (1 lạy)
- _ Nam Mô Thượng phương PHẠM THIÊN (1 lạy)
- _ Nam Mô Hạ phương ĐỊA THIÊN (1 lạy)
- _ Nam Mô NHẬT THIÊN (1 lạy)

_ Nam Mô NGUYỆT THIÊN (1 lạy)
_ Nam Mô thập phương thường trụ chư vị hộ pháp (1 lạy)

❖ Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn:

Tự Tịch của con vốn thanh tịnh

Như Tự Tịch thanh tịnh của các Pháp

OM_ SVABHĀVA ŚUDDHA _ SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA
UHAM

[OM_ XỜ-VA PHA VA, XÚT ĐA _ XA RỜ-VA ĐA RỜ-MA, XỜ-VA
PHA VA, SÚT ĐA_ UHAM] (3 Lần)

❖ Diệt Nghiệp Chướng Chân Ngôn:

OM_ AROLIK_ SVĀHĀ

[OM, A RÔ LỊCH, XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn:

OM_ PRAMAṆI-PATI_ SVĀHĀ

[OM, PỜ-RA MA NI, PA TI, XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ Bạch Tán Cái Kiên Giáp Hộ Thân Chân Ngôn:

HŪM MAMA HŪM NI_ SVĀHĀ

[HŪM, MA MA, HŪM, NI , XỜ VA HA] (3 lần)

❖ An Thổ Địa Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM_ DHURU DHURU _ DEVI _
SVĀHĀ

[NA MẮC XA MẮN TA BÚT ĐA NĂM_ OM_ ĐU RU ĐU RU, ĐÊ
VI, XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ Phổ Cúng Đường Chân Ngôn:

OM_ GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOḤ

[OM_ GA GA NA, XĂM PHA VA, VA DI-RA, HÓC] (3 lần)

❖ Cầu Nguyện :

Nay đệ tử (Họ tên ... Pháp Danh ...) tri tụng Thần Chú, xưng tán Hồng Danh.
Nguyện xin mười phương Thường Trụ TAM BẢO, Tây Phương Cực Lạc Giáo Chủ A
DI ĐÀ PHẬT cùng với chư Hiền Thánh Chúng ở cõi CỰC LẠC hãy rủ lòng từ bi gia
hộ độ trì cho con mau chóng đoạn diệt phiền não, tiêu trừ nghiệp chướng, xa lìa ách
nạn khổ đau, thường được tốt lành. Nguyện cho con, sau khi bỏ thân này được sinh về
THẾ GIỚI CỰC LẠC

___ Nam mô A DI ĐÀ PHẬT (1 Lạy)

___ Nam mô HƯ KHÔNG TẠNG Bồ tát (1 Lạy)

___ Nam mô PHỔ HIỀN Bồ tát (1 Lạy)

___ Nam mô KIM CƯƠNG THỦ Bồ tát (1 Lạy)

___ Nam mô VĂN THÙ SƯ LỢI Bồ tát (1 Lạy)

___ Nam mô TRỪ CÁI CHƯỚNG Bồ tát (1 Lạy)

___ Nam mô ĐỊA TẠNG VƯƠNG Bồ tát (1 Lạy)

___ Nam mô QUÁN THẾ ÂM Bồ tát (1 Lạy)

___ Nam mô DI LẠC Bồ tát (1 Lạy)

❖ A Di Đà Phật Cứu Tự Tâm Chú :

OM _ AMṚTA TEJE HARA HŪM

[OM _ A MỜ-RẬT TA _ TÊ GIÊ _ HA RA – HŪM] (9 lần)

❖ A Di Đà Phật Diệt Tội Chú:

OM HRĪḤ A AM HRĪḤ HRĪḤ HŪM

[OM - HỜ-RÍCH - A - AM - HỜ-RÍCH - HỜ-RÍCH - HŪM] (9 lần)

❖ Thập Cam Lộ Đà La Ni;

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OM _ AMṚTE, AMṚTODBHAVE, AMṚTA SAMBHAVE,
AMṚTA-GARBHE, AMṚTA SIDDHE, AMṚTA TEJE, AMṚTA VIKRĀNTE,
AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE, AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE, AMṚTA
DUNḌUBHISVARE, SARVA ARTHA SĀDHANE, SARVA KARMA KLEŚA
KṢAYAM KARE SVĀHĀ

[NA MÔ RA TỜ-NA TỜ-RA GIA GIA

NA MÔ A RI-GIA A MI TA PHA GIA _ TA THA GA TA GIA, A RỜ-
HA TÊ, SAM GIÁC SẴM BÚT ĐA GIA

TA ĐI-ĐA THA : OM _ A MỜ-RẬT TÊ, A MỜ-RẬT TÔ ĐỜ-PHA VÊ
A MỜ-RẬT TA, XẴM PHA VÊ _ A MỜ-RẬT TA, GA RỜ-PHÊ _ A MỜ-
RẬT TA, XÍT ĐÊ _ A MỜ-RẬT TA TÊ ĐÊ _ A MỜ-RẬT TA, VI KỜ-RẢN TÊ
_ A MỜ-RẬT TA, VI KỜ-RẢN TA, GA MI NÊ _ A MỜ-RẬT TA, GA GA
NA, KI RỜ-TI KA RÊ _ A MỜ-RẬT TA, ĐUNG ĐU PHI XỜ-VA RÊ XA
RỜ-VA, A RỜ-THA, XA ĐA NÊ XA RỜ-VA, KA RỜ-MA, KỜ-LÊ SA, KỖ-SA
GIẢM, KA RÊ, XỜ-VA HA] (9, 18, 36, 72, 108 lần)

❖ Tán Phật Kệ:

A Di Đà Phật, thân vàng sáng

Tướng tốt, hào quang chẳng gì hơn

Lông trắng uốn xoay, trùm năm núi

Bốn biển lặng trong thua mắt xanh

Vô số **Hóa Phật** trong ánh sáng

Chúng **Hóa Bồ Tát** cũng như thế

Bốn mươi tám Nguyên, độ chúng sinh

Chín Phẩm đều khiến lên bờ giải thoát.

_ Nam mô A DI ĐÀ PHẬT (108 lần)

_ Nam mô ĐẠI BI QUÁN THẾ ÂM Bồ Tát (3 lần)

_ Nam mô ĐẠI LỰC ĐẠI THỂ CHÍ Bồ Tát (3 lần)

_ Nam mô ĐẠI NGUYỆN ĐỊA TẠNG VƯƠNG Bồ Tát (3 lần)

_ Nam mô THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

❖ Phát Nguyên:

Một lòng quy mệnh

Thế Giới **Cực Lạc**

A Di Đà Phật

Nguyên dùng **Tịnh Quang** chiếu con

Từ Thệ nhiếp con

Nay con Chính Niệm
 Xưng tên Như Lai
 Làm **Bồ Tát Đạo**
 Cầu sinh Tịnh Thổ
 Phật xưa đã thề
“Nếu có chúng sinh
Muốn về nước Ta
Chỉ tâm tin thích
Cho đến mười niệm
Nếu chẳng sinh về
Chẳng nhận Chính Giác”
 Dùng nhân duyên **Niệm Phật** này
 Được vào Như Lai
 Trong biển Đại Thệ
 Nương **Từ Lực** Phật
 Mọi tội tiêu diệt
 Căn lành tăng trưởng
 Nếu lúc lâm chung
 Tự biết Thời đến
 Thân không bệnh khổ
 Tâm chẳng tham luyến
 Ý chẳng điên đảo
 Như vào Thiên Định
 Phật với chúng Thánh
 Tay cầm đai vàng
 Đến nghinh tiếp con
 Ở khoảng một niệm
 Về nước Cực Lạc
 Hoa nở thấy Phật
 Liên nghe Phật Thừa
 Mở ngay Phật Tuệ
 Rộng độ chúng sinh
 Mãn **Bồ Đề Nguyên**
 Mười phương tất cả Phật ba đời
 Tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát
Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa

_ Nguyên sinh trong Tây Phương Tịnh Thổ
 Hoa sen chín Phẩm làm cha mẹ
 Sen nở thấy Phật, ngộ **Vô Sinh**
Bát Thoái Bồ Tát làm bạn hữu

❖ **Hồi Hương Hộ Pháp:**

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dạ Xoa
 Đến nghe Phật Pháp, nên chí tâm
 Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
 Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy
 Bao nhiêu Hữu tình đến chốn này
 Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không

Thường đôi người đời khởi Tâm Từ
Ngày đêm tự mình nương Pháp ở

_ Nguyên các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí lợi quần sinh
Bao nhiêu tội nghiệp thấy tiêu trừ
Xa lìa các khổ, về Viên Tịch
Hằng dùng Hương Giới xoa vóc sáng
Thường khoác áo Định để an thân
Hoa Diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở thường an lạc
{Phổ Thế Minh Phi Chân Ngôn :}

OM_ LOKA ALOKA KARĀYA_ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA
GANDHARVA ASURA GARUḌA KIMNARA MAHORAGA HRDAYA
ANYA AKARṢĀYA VICITRA GATI_ SVĀHĀ

[OM_ LÔ CA, A LÔ CA, KA RA GIA_ XA RỜ-VA : ĐÊ VA, NA GA, GIÁC
KỜ-SA, GÃN ĐA RỜ-VA, A SU RA, GA RƯ ĐA, KIM NA RA, MA HÔ RA GA,
HỜ-RẬT ĐA GIA, A-NI GIA, A CA RỜ-SÁ GIA, VI CHI TỜ-RA, GA TI_ XỜ-
VA HA] (3 lần)

❖ Giải oan kết:

Giải kết, giải kết, giải oan kết
Nghiệp chướng bao đời đều giải hết
Rửa sạch lòng Trần, phát Tâm thành kính
Nay trước Phật Đài cầu giải kết

OM_ DAHA DAHA_ SARVA DUṢṢA PRADUSTA_ TĀRĀNĀM _
SVĀHĀ

[OM_ ĐA HA, ĐA HA, XA RỜ-VA ĐU-SỜ-TA, PỜ-RA ĐU-SỜ-TA, TA
RA NĂM, XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ Phục Nguyên:

Nguyên ngày an lành, đêm an lành
Đêm ngày sáu thời thường an lành
Trong hết thấy thời thường an lành
Nguyên chư Thượng Sư thương nhiếp thọ
Nguyên xin TAM BẢO thương nhiếp thọ
Nguyên xin Hộ Pháp thường ủng hộ

OM_ AMITĀBHA_ HRĪḤ

[OM_ A MI TA PHA - HỜ-RÍCH] (3 lần)

❖ Hồi Hương:

_ Nguyên đem Công Đức này, hồi hướng cho tất cả. Cầu cho Cửu Huyền Thất Tổ,
cha mẹ muôn đời, hương linh đã khuất đều được nương nhờ theo PHẬT LỰC tiếp dẫn
về cõi TỊNH ĐỘ

_ Nguyên cho toàn thể gia quyến: già, trẻ, lớn, nhỏ trong đời hiện tại đều được
tăng phước thọ, xa lìa mọi bệnh tật tai ương dứt trừ mọi duyên ác, mau chóng đạt chính
kiến .

_ Nguyên cho tất cả chúng sinh thường được an vui
Nguyên cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não

Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi từ bi
Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng thành PHẬT ĐẠO

❖ Tăng Đức Hạnh Chân Ngôn:

OM_ SAMBHARA SAMBHARA VIMANA-AKṢARA MAHĀ-VAJRA
HŪM

OM_ SMARA SMARA VIMANA-AKṢARA MAHĀ-VAJRA HŪM
[OM, XĂM PHA RA, XĂM PHA RA, VI MA NA, A KỖ-SA RA, MA HA
VA DI-RA HŪM

OM - XỜ-MA RA, XỜ-MA RA, VI MA NA, A KỖ-SA RA, MA HA
VA DI-RA _ HŪM] (3 lần)

❖ Bồ khuyết Chân Ngôn:

OM_ DHURU DHURU_ JAYE MUKHE_ SVĀHĀ
[OM_ ĐU RU ĐU RŪ, GIA ĐÊ MU KHÊ, XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ Lễ văn:

Công Đức **Tri Tạng**, hạnh thù thắng
Vô biên Thắng Phước đều hồi hướng
Nguyện khắp chúng sinh đang chìm đắm
Mau đến cõi Phật **Vô Lượng Quang**

Mười phương tất cả Phật ba đời
Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Tự Tại
Chư Tôn, Bồ Tát Ma Ha Tát

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa

NAM MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO (3 lần)

15/11/2012

MỤC LỤC

1_	Tín ngưỡng A Di Đà	Tr.01
2_	Hồng danh A Di Đà	Tr.08
3_	Bản sinh của Đức Phật A Di Đà	Tr.12
4_	Hình tượng của Đức Phật A Di Đà	Tr.13
5_	Thập Cam Lộ Đà La Ni	Tr.43
6_	Cửu Phẩm Vãng Sinh a Di Đà Tôn	Tr.51
7_	A Di Đà Mạn Trà La	Tr.58
8_	A Di Đà 12 Quang Phật Man Đa La	Tr.70
9_	A Di Đà Man Đa La	Tr.73
10_	A Di Đà Ngũ Phật Man Đa La	Tr.75
11_	A Di Đà Ngũ Trí Man Đa La	Tr.77
12_	A Di Đà 35 Phật Man Đa La	Tr.80
13_	Vô Lượng Thọ Phật Cửu Tôn Man Đa La	Tr.83
14_	Vô Lượng Thọ Như Lai Cúng Đường Mạn Trà La	Tr.85
15_	A Di Đà Đại Chú Chú Luân	Tr.87
16_	A Di Đà Phật Pháp Đàn	Tr.89
17_	Kinh A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni (No.370)	Tr.92
18_	Phật nói Kinh Vô Lượng Thọ (No.360)	
_	Quyển Thượng	Tr.98
_	Quyển Hạ	Tr.116
19_	Phật nói Kinh Đại Thừa Vô Lượng Trang Nghiêm (No.363)	
_	Quyển Thượng	Tr.134
_	Quyển Trung	Tr.141
_	Quyển Hạ	Tr.149
20_	Phật nói Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật (No.365)	Tr.157
21_	Phật nói Kinh A Di Đà (No.366).....	Tr.184
22_	Kinh xưng tán Tịnh Độ Phật niếp thọ (No.367).....	Tr.197
23_	Phật nói Kinh A Di Đà Bí Mật Căn Bản Thần Chú (TTK_No.203) ..	Tr.213
24_	Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Thần Chú (No.368).....	Tr.217
25_	Đức Phật A Di Đà nói Chú (No.369)	Tr.219
26_	Vô Lượng Thọ Như Lai Quán Hạnh Cúng Đường Nghi Quỹ (No.930)Tr.	220
27_	Kinh Kim Cương Đỉnh_ Pháp tu hành Quán Tự Tại Vương Như Lai (No.931)	
.....		Tr.236
28_	Kinh Kim Cương Đỉnh_ Pháp tu hành Du Già Quán Tự Tại Vương Như Lai (No.932)	Tr.246
29_	Kinh Cửu Phẩm Vãng Sinh A Di Đà Tam Ma Địa Tập Đà La Ni (No.933)	
.....		Tr.267
30_	Phật nói Kinh Vô Lượng Công Đức Đà La Ni (No.934)	Tr.269
31_	Cực Lạc Nguyên Văn (No.935).....	Tr.271
32_	Phật nói Kinh Đại Thừa Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni (No.937)	Tr.275
33_	Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sinh Kệ (No.1542)	Tr.281
34_	Quán Niệm A Di Đà Phật Tướng Hải Tam Muội Công Đức Pháp Môn (No.1959).....	Tr.291
35_	Bài Kệ ca ngợi Đức Phật A Di Đà (No.1978)	Tr.314

36_ Vãng Sinh Lễ Tán Kệ (No.1980)	Tr.328
37_ Phật nói nhân duyên việc lớn lợi ích của danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật (TTK_No.11)	Tr. 360
38_ Phật nói Kinh thập vãng sinh A Di Đà Phật quốc (TTK_No.14)	Tr.363
39_ Mười hai Lễ (TTK_No.57)	Tr.367
40_ Niệm Phật Tam Muội (TTK_No.1190)	Tr.369
41_ A Di Đà Phật Chân Ngôn	Tr.371
42_ Tây Phương phát nguyện văn	Tr.377
43_ Truyện Đức Phật A Di Đà	Tr.379
44_ Nghi Vãng Sinh A Di Đà	Tr.394
45_ Nghi Trường Thọ A Di Đà	Tr.399
46_ Cực Lạc Giới Trang Nghiêm (Bản Kinh Phạn ngắn)	Tr.404
47_ Cực Lạc Giới Trang Nghiêm (Bản Kinh Phạn dài)	Tr.413
48_ Nghi Thức Tụng Niệm Pháp A Di Đà	Tr.443
49_ Mục lục	Tr.453

